GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả: HT. THÍCH TRÍ TỊNH

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

TẬP 1

(TRỌN BỘ 2 TẬP)



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Kinh

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : HT. THÍCH TRÍ TỊNH

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

TẬP 1

(TRỌN BỘ 2 TẬP)

TÁI BẢN LẦN THỨ HAI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2549 - DL. 2005

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH
thực hiện
Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa – P8 – Q3 – TP.HCM
ĐT: 8 469721



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

NGHI THỨC SÁM HỐI

TRƯỚC KHI TỤNG KINH

(Dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh mà tụng kinh, thời phước đức vô lượng, nên trước khi tụng kinh cần phải sám hối, sám hối tức là làm cho ba nghiệp thanh tịnh).

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Chư Phật. *(1 lạy)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Tôn Pháp. *(1 lạy)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Hiền Thánh Tăng. *(1 lạy)*

(Quỳ tay cầm hương cúng dường phát nguyện) :

Nguyện mây hương mầu này,
Khắp cùng mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật,
Tôn Pháp, các Bồ Tát,
Vô biên chúng Thanh Văn,
Và cả thảy Thánh Hiền,
Duyên khởi đài sáng chói,

Trùm đến vô biên cõi,
Khắp xông các chúng sanh,
Đều phát lòng Bồ đề,
Xa lìa những nghiệp vọng,
Trọn nên đạo Vô thượng.

(Cắm hương lạy 1 lạy)

(Đứng chấp tay xướng) :

Sắc thân Như Lai đẹp,
Trong đời không ai bằng,
Không sánh, chẳng nghĩ bàn,
Nên nay con đảnh lễ.
Sắc thân Phật vô tận,
Trí tuệ Phật cũng thế,
Tất cả pháp thường trú,
Cho nên con về nương.
Sức trí lớn nguyện lớn,
Khắp độ chúng quần sanh,
Khiến bỏ thân nóng khổ,
Sanh kia nước mát vui.
Con nay sạch ba nghiệp,
Quy y và lễ tán,
Nguyện cùng các chúng sanh,
Đồng sanh nước An Lạc.
- ÁN PHẠ NHỰT RA VẬT *(7 lần)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Thường tịch quang Tịnh độ,
A Di Đà Như Lai,
Pháp thân mầu thanh tịnh,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Thật báo trang nghiêm độ,
A Di Đà Như Lai,
Thân tướng hải vi trần,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Phương tiện thánh cư độ,
A Di Đà Như Lai,
Thân trang nghiêm giải thoát,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
A Di Đà Như Lai,
Thân căn giới Đại Thừa,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
A Di Đà Như Lai,
Thân hóa đến mười phương,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Giáo hạnh lý ba kinh,
Tột nói bày y chánh,
Khắp pháp giới Tôn Pháp. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Quan Thế Âm Bồ Tát,
Thân tử kim muôn ức,
Khắp pháp giới Bồ Tát. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Đại Thế Chí Bồ Tát,
Thân trí sáng vô biên,
Khắp pháp giới Bồ Tát. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Thanh tịnh đại hải chúng,
Thân hai nghiêm : Phước, Trí,
Khắp pháp giới Thánh chúng. *(1 lạy)*

(Đứng chấp tay nguyện) :

Con nay khắp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng(1) "nên qui mạng(2) sám hối(3).

(1 lạy quỳ chấp tay sám hối) :

Chí tâm sám hối :

Đệ tử... và chúng sanh trong pháp giới từ đời vô thỉ nhẫn đến ngày nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp(4) quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián(5) và tất cả các tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các đức Phật thường ở trong đời, tiếng pháp không dứt, hương mầu đầy lấp, pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong chiếu soi tất cả. Lý mầu thường trụ đầy dẫy hư không.

Con từ vô thỉ đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe chẳng hay chẳng biết, vì nhơn duyên đó trôi mãi trong vòng sanh tử, trải qua các đường dữ(6), trăm nghìn muôn

kiếp trọn không lúc nào ra khỏi. - Kinh rằng : Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường Tịch Quang cho nên phải biết cả thảy các pháp đều là Phật pháp, mà con không rõ lại theo dòng vô minh vì thế trong trí Bồ Đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới chừa bỏ ăn năn, phụng đối trước các đức Phật và A Di Đà Thế Tôn mà phát lồ [7] sám hối, làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sanh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn, gây tạo từ vô thỉ, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc biểu người, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc chẳng che giấu, thảy đều được rốt ráo thanh tịnh.

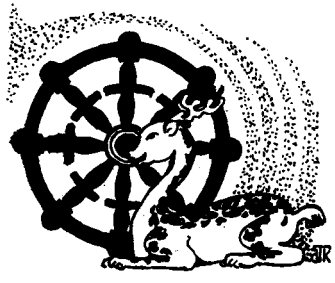
Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch, không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thảy đều hồi hướng dùng trang nghiêm Tịnh độ, khắp với chúng sanh, đồng sanh về nước An Dưỡng.

Nguyện đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng tấn, chẳng mất nhơn duyên Tịnh độ, đến giờ lâm chung, thân an lành niệm chánh vững vàng, xem nghe đều rõ ràng, tận mặt thấy đức A Di Đà cùng các Thánh chúng, tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử, trong khoảng sát na

sanh ra trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ Tát, rộng độ khắp chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đảnh lễ : Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi, A Di Đà Như Lai, biến pháp giới Tam Bảo.*(1 lạy)*

(Lạy xong tiếp Nghi thức tụng kinh...)



THÍCH NGHĨA SÁM PHÁP

(1) Phiền não, nghiệp nhơn, quả báo, ba món đều hay làm chướng ngại đường giải thoát nên gọi : "Ba món chướng".

(2) Đem thân mạng về nương, giao phó cho Phật, Pháp, Tăng, chính là nghĩa của hai chữ "Nam mô".

(3) Nói đủ là Sám ma hối quá. "Sắm ma" là tiếng Phạn nghĩa là "hối quá" tức là ăn năn tội trước, ngừa giữ lỗi sau.

(4) Nhãn, tỹ, nhĩ, thiệt, thân, ý sáu căn và ba nghiệp : thân khẩu ý.

(5) Giết cha, giết mẹ, giết Thánh nhơn, ác tâm làm thân Phật ra máu, phá hòa hiệp Tăng, gọi là năm tội nghịch, nếu phạm sẽ bị đọa ngục Vô gián nên gọi là tội Vô gián - Ngục Vô gián là chỗ thọ khổ không có lúc nào ngừng ngớt.

(6) A tu la, Súc sanh, Ngạ quỉ, Địa ngục, các đường đó vui ít khổ nhiều, do nghiệp dữ cảm ra.

(7) Bầy lộ tội lỗi ra trước chúng nhơn không chút giấu che thời gọi là phát lồ, trái với phú tàng (che giấu). Có phát lồ thời tội mới tiêu, như bịnh cảm mà đặng phát hạn (ra mồ hôi).



NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯ HƯƠNG :

Lư hương vừa ngún chiên đàn,
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa,
Lòng con kính ngưỡng thiết tha,
Ngữa mong chư Phật thương mà chứng minh.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI :

Án lam. *(7 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP :

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị ta bà ha. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP :

Án ta phạ, bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ bà phạ thuật độ hám. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG :

Án nga nga nẵng tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng.
(3 lần)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN :

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo. *(3 lần)*

Lạy đấng Tam Giới Tôn,
Quy mạng mười phương Phật,
Nay con phát nguyện lớn,
Trì tụng Kinh Niết Bàn,
Trên đền bốn ơn nặng,
Dưới cứu khổ tam đồ,
Nếu có ai thấy nghe,
Đều phát Bồ Đề tâm,
Khi mãn báo thân này,
Sanh qua cõi Cực Lạc.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. *(3 lần)*

BÀI KỆ KHAI KINH :

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

Nam Mô Đại Bát Niết Bàn Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát. *(3 lần)*

❋

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

I

PHẨM TỰ

Thứ nhứt

(*) Như vậy, tôi nghe : Một lúc nọ, đức Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, (1) cùng với tám mươi ức trăm ngàn vị đại Tỳ Kheo.

Bấy giờ nhằm ngày rằm tháng hai vào lúc sáng sớm sắp nhập Niết Bàn, đức Phật dùng thần lực vang ra tiếng lớn thấu khắp các nơi, suốt đến trời Hữu Đảnh(2) theo từng ngôn ngữ của mỗi loài mà bảo rằng : "Đức Như Lai Vô Thượng Đẳng, Chánh Giác thương mến che chở chúng sanh, là ngôi nhà to rộng cho chúng sanh về nương, xem chúng sanh đồng như La Hầu La.

Đấng Đại Giác Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh nếu có chỗ nghi nay đều nên bạch hỏi, cũng là lần hỏi cuối cùng !".

(*) Hán bộ quyển thứ 1

Từ mắt, mũi, miệng, đức Thế Tôn phóng ra các thứ ánh sáng. Những ánh sáng ấy có nhiều màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, màu pha lê, màu mã não, chiếu khắp cõi đại thiên [3], cũng lại chiếu suốt cả mười phương. Lục đạo chúng sanh [4], ai gặp được ánh sáng này chiếu đến mình thời tất cả tội cấu phiền não đều tiêu trừ. Những chúng sanh này thấy ánh sáng cùng nghe lời tuyên bố trên đây, tất cả đều rầu lo, buồn khóc nức nở : "Than ôi ! Còn gì đấng Từ Phụ ! Thương thay, khổ thay !".

Lúc đó khắp đại địa, núi non biển cả thảy đều chấn động.

Các chúng sanh bảo nhau rằng : "Chúng ta gắng dằn lòng chớ quá buồn khổ. Phải kíp đến thành Câu Thi Na, nơi rừng Ta La, đảnh lễ Phật, cầu thỉnh đức Như Lai trụ thế thêm một thời gian".

Mọi người lại nắm tay nhau mà nói rằng : "Chúng sanh hết phước, thế gian trống rỗng, những ác nghiệp thêm nhiều.

Đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn. Các Ngài mau đến hầu Phật".

Rồi lại cùng than rằng : "Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Chúng ta từ nay không chỗ phụng thờ, không ai cứu hộ, côi cút nghèo cùng. Một mai xa lìa đấng Vô Thượng Giác, nếu có chỗ nghi lầm, chúng ta sẽ bạch hỏi với ai ?".

Bấy giờ các vị đại Tỳ Kheo [5] : Tôn giả Ma Ha Ca Chiên Diên, Tôn giả Bạc Câu La, Tôn giả Ưu Ba Nan Đà v.v..., chạm phải ánh sáng của Phật, thân của các Ngài liền run giật, tâm tưởng mê loạn, hốt hoảng kêu la.

Lại có tám trăm vạn vị Tỳ Kheo đều là bực vô lậu A La Hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiền não, điều phục các căn, có oai đức lớn, thành tựu không huệ, đã khỏi sanh tử, tất cả đều là chơn Phật tử. Sáng hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, các Ngài đang nhăn nhành dương, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, các Ngài hối nhau súc miệng, rửa tay. Toàn thân của các Ngài đều rởn ốc, máu nổi đỏ như bông ba la xa, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhứt không của Đại thừa, cùng muốn hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, để các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, và cũng vì muốn làm nhơn duyên điều phục chúng sanh, nên các Ngài vội đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Lại có sáu mươi ức vị Tỳ Kheo Ni như Thiện Hiền Tỳ Kheo Ni, Ưu Ba Nan Đà Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni v.v..., đều là bực đại A La Hán, đã sạch phiền não, tâm được tụ tại, chỗ làm đã xong, các căn điều phục có oai đức lớn, thành tựu không huệ.

Các Tỳ Kheo Ni ấy cũng vào buổi sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, toàn thân rớn ốc, máu nổi đỏ như bông ba la xa, đôi mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ, cũng vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, và làm nhơn duyên điều phục, nên các Tỳ Kheo Ni ấy vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên. Trong chúng Tỳ Kheo Ni này, có những vị Bồ Tát đến bực Thập địa an trụ bất động. Vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân phụ nữ, nhưng thường tu tập, bốn tâm vô lượng (6), đặng sức tự tại có thể biến hóa làm Phật.

Bấy giờ lại có một hằng hà sa đại Bồ Tát(7), chứng bực Thập địa an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Danh hiệu của các vị Thượng thủ là : Hải Đức Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát v.v.... Các Ngài thảy đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, ưa thích Đại thừa, gìn giữ Đại thừa. Các Ngài khéo tùy thuận được tất cả thế gian mà lập thệ rằng : "Những ai chưa giải thoát, sẽ làm cho được giải thoát". Các Ngài từ vô lượng kiếp về quá khứ tu trì giới pháp thanh tịnh, khéo đem chỗ đã làm dạy lại cho người chưa hiểu, nối thạnh ngôi Tam Bảo (8) làm cho chẳng đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như thế, xem chúng sanh đồng như con một. Các vị đại Bồ Tát này cũng vào

lúc sáng sớm gặp ánh sáng của Phật chiếu đến, cả mình rởn ốc, máu đỏ nổi lên như bông Ba La Xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất đau xót, vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhứt không của Đại thừa, hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, cho các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, cùng làm nhơn duyên điều phục cho chúng sanh, nên các Ngài vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu Phật trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có hai hằng hà sa vị Ưu Bà Tắc [9] thọ trì ngũ giới [10] đầy đủ oai nghi, các ông Oai Đức Ưu Bà Tắc, Thiện Đức Ưu Bà Tắc. v.v... làm thượng thủ trong số ấy. Tất cả đều thích quan sát sâu kỹ các môn đối trị như các môn khổ vui, thường vô thường, tịnh bất tịnh, ngã vô ngã, thiệt bất thiệt, quy y phi quy y, chúng sanh phi chúng sanh, hằng phi hằng, an phi an, vi vô vi, đoạn bất đoạn, Niết Bàn phi Niết Bàn, tăng thượng phi tăng thượng, v.v... Cũng thích muốn nghe vô thượng Đại thừa, nghe rồi có thể giảng lại cho người khác, khéo giữ gìn giới luật thanh tịnh, khát ngưỡng Đại Thừa, đã tự đầy đủ lại có thể làm đầy đủ kẻ khác, khéo nhiếp thủ trí huệ vô thượng, ưa thích và gìn giữ Đại thừa. Khéo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, nối giống Tam Bảo cho khỏi đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân,

dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, tâm các vị ấy luôn say sưa nơi giới hạnh thanh tịnh, thành tựu những công đức như thế, đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình đẳng xem như con một.

Sáng sớm hôm ấy, vì muốn làm lễ trà tỳ[11] thân của Như Lai, nên mỗi người đem vạn bó gỗ thơm : gỗ chiên đàn trầm thủy, gỗ ngưu đầu chiên đàn, gỗ thiên mộc hương v.v... Do thần lực của Phật nên các bó gỗ thơm ấy chiếu ra nhiều màu xanh vàng đỏ trắng rất sáng đẹp. Gỗ thơm ấy đều ướp bằng các thứ dầu thơm. Các thứ hoa sen đơm trên những bó gỗ, cùng treo những lá phan năm màu mịn đẹp. Chở gỗ là các thứ xe bằng loại thất bảo[12] thắng bốn ngựa hùng tráng. Trên xe tàn lọng che giăng, rũ những tràng hoa sen đẹp đủ màu, làm bằng vàng ròng và kim cương, các loại ong đen vui vẻ bu họp trong hoa vang ra tiếng diễn nói những pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và thuật đạo hạnh của Bồ Tát tu tập ngày trước. Lại có các thứ âm nhạc hòa tấu thành tiếng buồn than : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng !". Trước mỗi xe có Ưu Bà Tắc bưng hương án bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trên án xông các thứ hương thơm thượng hảo, cùng chưng các thứ hoa sen đẹp đủ màu. Các vị Ưu Bà Tắc này muốn cúng dường Phật cùng chư Tăng, nên đã dự sắm các thứ thực phẩm nấu bằng củi chiên đàn trầm thủy. Những thực phẩm ấy thơm ngon đủ sáu vị : mặn,

ngọt, chua, cay, đắng, lạt, cùng đủ ba đức : mềm dẻo, sạch sẽ, đúng pháp. Khi đến rừng Ta La, họ lấy mạt vàng ròng rải khắp các nơi, rồi trải gấm lụa lên trên rộng đến mười hai do tuần. Họ thiết tòa sư tử cao lớn bằng bảy báu để thỉnh Phật và chư Tăng ngồi. Họ đem dầu thơm quý thoa vào thân cây trong rừng rồi treo các lá phan, các tàn lọng xinh đẹp, họ rải những thứ hoa đẹp thơm vào các khoảng giữa cây cách nhau. Các Ưu Bà Tắc này đều suy nghĩ rằng : "Tất cả chúng sanh nếu ai có chỗ thiếu hụt : cần thức ăn, tôi sẽ cho ăn; cần uống cho uống; cần dầu cho dầu; cần mắt cho mắt; bất luận là cần dùng thứ gì, tôi sẽ cho thứ ấy. Lúc bố thí như thế, tôi sẽ không có lòng tham sân ác độc nhơ nhớp. Tôi không hề móng niệm cầu phước lộc thế gian mà chỉ nhứt tâm cầu quả Vô Thượng Bồ Đề".

Các vị Ưu Bà Tắc này đều đã an trụ nơi đạo Bồ Đề. Các ông nghĩ thầm : "Hôm nay đức Như Lai thọ thực của chúng tôi xong sẽ nhập Niết bàn". Vừa nghĩ đến đây, cả mình các ông đều rởn ốc, máu đỏ nổi lên như bông Ba La Xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất buồn khổ. Các ông lật đật đem những đồ cúng dường dâng lên đức Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng, khóc lóc nức nở, tiếng động trời đất, nước mắt như mưa. Các ông than với nhau rằng : "Thế gian sẽ trống rỗng, thế gian sẽ trống rỗng". Rồi các ông lại nhào lăn trước

Phật, vừa khóc vừa bạch Phật : "Cúi xin đức Như Lai xót thương chúng con mà nhận lễ cúng dường cuối cùng này".

Đức Thế Tôn biết giờ nên yên lặng không nhận. Các ông yêu cầu ba phen mà Phật vẫn không hứa nhận. Không được đức Phật nhận, các ông rất đau khổ như người có con một phải bệnh chết vừa mới chôn xong. Các ông đem những đồ cúng an trí một nơi rồi cùng nhau ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có ba hằng hà sa Ưu Bà Di thọ trì ngũ giới đầy đủ oai nghi, trong số đó có tám vạn bốn ngàn vị thượng thủ, như các bà Thọ Đức Ưu Bà Di, Đức Man Ưu Bà Di, Tỳ Xá Khư Ưu Bà Di v.v... Chư Ưu Bà Di này đều kham hộ trì chánh pháp, vì độ chúng sanh mà hiện thân phụ nữ. Thường chê trách gia pháp. Tự xem thân mình như bốn rắn độc : Thân này thường là món ăn của vô số vi trùng; thân này hôi thúi bị ràng trong ngục tham dục; thân này đáng ghét dường như thân chó chết; thân này nhơ nhớp, chín lỗ chảy luôn. Thân này như thành trì : da mỏng bọc trên máu thịt gân xương, tay chân là gậy gộc ngăn địch, đôi mắt là lỗ hở, đầu là cung điện chỗ của tâm vương ngự. Những ác quỷ gian tham, dâm dục, sân hận, thù ghét, si mê, tà kiến cư ngụ trong thành này. Đây là chỗ vất bỏ của chư Phật Thế Tôn, mà phàm phu ngu si lại mê say. Thân này là vật không bền chắc khác nào bọt nước, cây chuối,

cọng lau. Thân này vô thường niệm niệm không dừng như làn chớp, nước dốc, như ảo thuật, ngọn lửa, lằn vẽ trên nước. Thân này dễ hư rã như cây bên bờ sông lở. Thân này không mấy chốc sẽ là thức ăn của sói, chồn, quạ, kên, chó đói. Có ai là người trí mà lại ưa thích thân này. Đem hết nước biển đựng trong dấu chân trâu còn không khó bằng kể cho đủ những sự vô thường, nhơ nhớp hôi thúi của thân này. Vò quả địa cầu làm cho nhỏ lại bằng trái táo, bằng hạt đình lịch, bằng hạt bụi, là việc dễ hơn kể hết những tội lỗi tai hại của thân này. Thế nên phải nhàm bỏ thân này như nhàm bỏ đàm mũi. Vì những nhơn duyên ấy, các Ưu Bà Di đây thường tu pháp không, vô tướng, vô nguyện. Các bà rất thích học hỏi kinh điển Đại thừa, thủ hộ Đại thừa và cũng có thể giảng dạy lại người khác. Dầu là hiện thân nữ mà các bà đều là Bồ Tát, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu. Các bà nối giống Tam Bảo khiến chẳng đoạn tuyệt, sẽ chuyển pháp luân nơi đời vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình đẳng, xem như con một. Sáng sớm hôm ấy, các bà bảo nhau đến rừng Ta La. Các bà đem rất nhiều đồ cúng dường cùng đến trước Phật, cúi đầu lễ chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm sửa đồ cúng dường kính dưng lên đức Thế Tôn và

chư Tăng. Ngữa mong Đức Như Lai thương xót nhận cho". Các bà ba phen khẩn cầu mà đức Phật yên lặng không nhận. Các bà than thở ngồi qua một bên.

Bấy giờ nơi thành Tỳ Gia Ly, các quyến thuộc trai gái già trẻ của dòng Ly Xa và những quyến thuộc của vua chúa ở các nước, vì cầu chánh pháp nên khéo tu giới hạnh, đầy đủ oai nghi, trừ dẹp các môn dị học làm tổn hại chánh pháp. Họ thường bảo nhau rằng : "Chúng ta phải dùng vàng bạc kho đụn làm cho tạng chánh pháp thâm áo còn mãi nơi đời. Nguyện cho chúng ta thường được tu học. Nếu có ai khinh chê chánh pháp của Phật thời phải cắt lưỡi người đó". Họ lại nguyện rằng : "Người xuất gia nếu phá hư giới cấm, chúng ta phải bắt thôi tu, hườn tục, để làm tôi mọi. Còn bực hộ trì chánh pháp giới đức tinh nghiêm, chúng ta phải kính trọng phụng thờ như cha mẹ. Nếu chư Tăng có thể tu theo chánh pháp, chúng ta phải tùy hỷ tán trợ cho những vị ấy được thế lực". Những hoàng tộc này rất thích nghe kinh điển Đại thừa, và cũng có thể giảng giải lại cho người khác những pháp Đại thừa mà họ đã được nghe. Tất cả đều thành tựu những công đức như vậy. Danh hiệu của họ là : Tịnh Vô Cấu Tạng Ly Xa Tử, Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử, Vô Cấu Tịnh Đức Ly Xa Tử, v.v... Họ bảo nhau kíp đến chỗ Phật cùng đem vô số đồ cúng dường với vô số châu minh nguyệt, gỗ trầm, chiên đàn, chở bằng những thớt

tượng lớn và những cỗ xe báu tứ mã. Trên xe trang hoàng vô số phan lọng. Lúc đến trước Phật, họ cúi đầy lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng, rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường đức Phật và chư Tăng. Ngữa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Các hoàng tộc chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng mà trụ giữa hư không.

Bấy giờ lại có vô số Đại Thần Trưởng Giả kính trọng Đại thừa, ủng hộ Đại thừa, dẹp trừ các phái dị học, như mưa đá tuôn nát cỏ cây. Các ông Nhựt Quang Trưởng Giả, Hộ Thế Trưởng Giả, Hộ Pháp Trưởng Giả, v.v... là bực thượng thủ trong hàng người ấy. Họ sắm vô số đồ cúng dường cùng đem nhau đến trước Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật dưng cúng đức Phật và chư Tăng. Ngữa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật yên lặng chẳng hứa nhận. Các vị Trưởng Giả không được toại nguyện lòng rất buồn khổ. Do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng trụ giữa hư không.

Bấy giờ Vua thành Tỳ Xá Ly và Vua các nước, trừ vua A Xà Thế và phu nhơn, mỗi vua cùng với

các bà phu nhơn và thần dân đem theo vô số cúng phẩm đến rừng Ta La. Các vua và phu nhơn đây đều đã an trụ nơi chánh pháp, kính trọng và rất mến Đại thừa, thương chúng sanh đồng như con một. Lúc đến trước Phật, các vua và phu nhơn bạch rằng : "Bạch đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm phẩm vật dưng cúng đức Phật và chư Tăng. Ngữa mong đức Như Lai thương xót nhận cho".

Đức Phật tự biết chưa phải lúc, nên cũng chẳng hứa nhận. Các vua và phu nhơn không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số Thiên Nữ. Thượng thủ Quảng Mục Thiên Nữ bảo rằng : "Chị em xem kia ! Đại chúng sắm phẩm vật muốn cúng dường Phật và chư Tăng. Chúng ta cũng nên đem phẩm vật dưng lên đức Phật, đức Phật thọ xong sẽ nhập Niết bàn. Chị em nên biết, Phật xuất thế rất khó, được cúng dường Phật lần cuối cùng càng khó hơn. Nếu Phật nhập Niết Bàn thời thế gian sẽ trống rỗng".

Hàng Thiên Nữ này đều giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, rất thích tu học và hộ trì Đại thừa, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, sẽ chuyển pháp luân ở vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm bình đẳng thương chúng sanh đồng như con một. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhứt nghĩa không của Đại thừa, hiển phát

giáo pháp phương tiện bí mật của Như Lai, mà cũng muốn các sự thuyết pháp không đoạn tuyệt, nên các Thiên Nữ sắm vô số đồ cúng dường ở cõi trời và vô số thứ hương trời, chở trên những xe báu trần thiết vô số lọng báu, phan báu, bửu châu, kỹ nhạc, rải vô số hoa trời, cùng nhau đến trước Phật, khóc lóc lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Ngữa mong đức Như Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con".

Đức Phật yên lặng chẳng nhận. Các Thiên Nữ chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ có vô số chư Thiên Tử, Thiên Vương, Tứ Thiên Vương, vô số Thiên Thần, Tỳ Sa Môn Thiên Vương làm thượng thủ; vô số Long Vương, Hòa Tu Kiết Long Vương, Nan Đà Long Vương, Bạt Nan Đà Long Vương làm thượng thủ; vô số Kim Sí Điểu Vương, Hàng Oán Điểu Vương làm thượng thủ; vô số Càn Thát Bà Vương, Na La Đạt Vương làm thượng thủ; vô số Khẩn Na La Vương, Thiện Kiến Vương làm thượng thủ; vô số Ma Hầu La Già Vương, Đại Thiên Kiến Vương làm thượng thủ; vô số A Tu La Vương, Viêm Bà Lợi Vương làm thượng thủ; vô số Đà Na Bà Vương, Vô Cấu Hà Thủy Vương, Bạt Đề Đạt Đa Vương làm thượng thủ; vô số La Sát Vương, Khả Úy Vương làm thượng thủ;

vô số Thọ Lâm Thần Vương, Lạc Hương Vương làm thượng thủ; vô số Hải Thần, Hà Thần, vô số Trì Chú Vương, Đại Huyễn Vương làm thượng thủ; vô số Quỷ My, Thiện Kiến Vương làm thượng thủ; vô số Quỷ Vương, Bạch Thấp Vương làm thượng thủ; vô số Tượng Vương; vô số Sư Tử Vương; vô số Điểu Vương; vô số Ngưu Vương; vô số Phong Vương; vô số Vân Vũ Vương; vô số Thần Tiên v.v... Đại chúng trên đây đều đem vô số phẩm vật, vô số hương hoa, vô số nhũ mật hảo hạng đến lễ Phật cúng dường.

Đức Như Lai đều chẳng hứa nhận. Họ rất buồn khổ ngồi qua một bên.

Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thảy đều họp đủ, chỉ thiếu mặt hai chúng Ma Ha Ca Diếp và A Nan Đà.

Hôm ấy toàn rừng Ta La bỗng đổi màu trắng như lông bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có tòa nhà thất bửu, dưới tòa nhà có ao suối mọc đầy hoa sen xinh đẹp, như vườn hoan hỉ ở Thiên cung Đao Lợi. Cả rừng Ta La cũng biến thành trang nghiêm xinh đẹp khác thường.

Trời Đế Thích, cũng như Tứ Thiên Vương, và Chư Thiên trung Dục giới đều đem phẩm vật thượng hảo dưng lên đức Phật, mong Phật nhận phần cúng dường cuối cùng của mình hầu được sớm thành tựu pháp Bố thí Ba la mật, nhưng đức Phật vẫn

không hứa nhận. Chư Thiên Dục giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Phạm Thiên Vương cùng Chư Thiên Sắc giới đến lễ Phật, tha thiết dưng phẩm vật cõi sắc.. Phật không hứa nhận. Đại Phạm Thiên và Chư Thiên Sắc giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ Ma Vương Ba Tuần cùng quyến thuộc vô lượng đại chúng mở cửa địa ngục ban nước thanh tịnh, nhơn đó bảo đại chúng rằng : Nay đây các ngươi không làm gì được, chỉ nên chuyên niệm Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, trần thiết lễ tùy hỉ cúng dường cuối cùng, các ngươi sẽ được an vui mãi mãi". Liền đó, Ma Ba Tuần dẹp bỏ dao gươm v.v..., những độc cụ trong địa ngục, cùng làm mưa to dập tắt ngọn lửa đang cháy hừng. Do thần lực của Phật, Ma Vương lại phát tâm lành truyền lệnh cho toàn thể quyến thuộc ma đều bỏ hết binh khí, rồi mang vô số cúng phẩm cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật mà bạch rằng : "Chúng con từ nay ưa thích và gìn giữ Đại thừa. Bạch Thế Tôn ! Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn, vì cúng dường, vì sợ hãi, vì phỉnh người, vì tiền của, vì tùy theo người v.v... mà thọ lấy pháp Đại thừa này, hoặc chơn hoặc ngụy, chúng con nói chú này để trừ diệt sợ hãi của người đó : "Sá chỉ, trá trá la sá chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la, giá la, đa la, tóa ha".

Bài chú này có thể làm cho người điên cuồng, người kinh sợ, người thuyết pháp, người chẳng dứt chánh pháp đều được an ổn. Vì hàng phục ngoại đạo, vì gìn giữ thân mình, vì hộ trì chánh pháp, vì hộ trì Đại thừa, mà chúng con nói bài chú này. Nếu người nào thọ trì chú này thời không còn sợ voi dữ làm hại; hoặc đi đến rừng hoang, đầm trống, những nơi nguy hiểm chẳng sanh sự kinh sợ; cũng không có những tai nạn nước, lửa, sư tử, cọp, sói, trộm, cướp, vua, quan. Bạch đức Thế Tôn ! Nay đây, chúng con không vì dua nịnh mà nói những việc này. Ai thọ trì bài chú này thời con sẽ chí thành ủng hộ làm cho thêm thế lực. Ngữa mong đức Như Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con".

Đức Phật bảo Ma Vương Ba Tuần rằng : "Như Lai không nhận thực phẩm của nhà ngươi dưng, mà chỉ nhận lấy thần chú của ngươi nói, vì Như Lai muốn cho chúng sanh và bốn bộ chúng được an vui".

Ma Vương cầu thỉnh ba lần, mà đức Phật vẫn không hứa nhận. Ma Ba Tuần không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Tự Tại Thiên Vương cùng vô lượng chư Thiên sắm những cúng phẩm trội hơn tất cả thứ phẩm vật của các đại chúng trời người đã thuật ở trước, cho đến phẩm vật của Phạm Thiên Đế Thích sánh với những cúng phẩm này thời như khối mực đen sánh với đống châu ngọc, một cây lọng báu

nhỏ nhứt giương ra có thể che trùm cả cõi đại thiên. Đại Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên đem những cúng phẩm ấy đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chơn Phật, đi nhiễu trăm ngàn vòng rồi bạch rằng : "Thế Tôn ! Cúng phẩm của chúng con dưng lên đây rất hèn mọn, khác nào con muỗi dưng cho chư Thiên. Lại cũng như đem một bụm nước đổ vào biển lớn, thắp một cây đèn nhỏ giúp sáng cho trăm ngàn mặt trời, cầm một cái bông thêm vào vườn bông giữa mùa xuân muôn hoa đua nở, đặt một hột đình lịch thêm lớn cho núi Tu Di. Nào có ích gì cho biển rộng, mặt trời, vườn hoa, núi lớn. Cúng phẩm của chúng con đối với đức Phật cũng như thế.

Dầu mang cả hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng đầy khắp cõi đại thiên đến cúng dường Như Lai còn không đáng kể. Vì sao vậy ? Vì đức Như Lai thường ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong các ác thú thọ nhiều sự khổ để cứu vớt mọi loài. Xin đức Thế Tôn thương xót nhận phần cúng dường của chúng con".

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Đại Tự Tại Thiên Vương cùng chư Thiên không được toại nguyện lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bấy giờ phương Đông cách đây vô lượng vô số a tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới, nơi cõi Ý Lạc Mỹ Âm, có Phật hiệu Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng

Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, bảo vị đệ tử lớn nhứt là Vô Biên Thân Bồ Tát rằng : "Thiện nam tử nên qua Tây phương Ta Bà thế giới. Cõi ấy có Phật Thích Ca Mâu Ni đủ mười đức hiệu sắp nhập Niết Bàn. Ông đem cơm thơm ăn vào an ổn nơi cõi này qua dưng lên Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật thọ rồi sẽ nhập Niết Bàn. Nhơn đó ông có thể lễ kính Phật cầu giải quyết những điều nghi".

Vô Biên Thân Bồ Tát tuân lời Phật dạy, liền cùng vô lượng chúng Bồ Tát đồng đến cõi Ta Bà. Lúc ấy toàn cõi Ta Bà chấn động sáu cách. Đại chúng nơi rừng Ta La : Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ Thiên Vương, Ma Vương Ba Tuần, Đại Tự Tại Thiên v.v... thấy đất rúng động, cả mình rợn ốc, cổ lưỡi khô khan, tự thấy thân mình không còn ánh sáng, mất cả oai đức, kinh hãi run rẩy đều muốn giải tán.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát liền đứng dậy bảo đại chúng rằng : "Mọi người chớ sợ ! Cách đây về phương Đông vô lượng vô số a tăng kỳ hằng hà sa vi trần thế giới[13] có cõi Ý Lạc Mỹ Âm, Phật Hư Không Đẳng đủ cả mười đức hiệu. Nơi cõi đó có đại Bồ Tát tên Vô Biên Thân cùng vô lượng Bồ Tát sắp đến đây. Bởi oai đức của đại Bồ Tát ấy làm oai quang của mọi người phải ẩn đi. Mọi người nên vui mừng đừng kinh sợ".

Liền đó mọi người đều thấy rõ chúng đại Bồ Tát nơi cõi Mỹ Âm, như nhìn trong gương tự thấy thân mình.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại bảo đại chúng : "Nay đây, mọi người thấy chúng đại Bồ Tát đó như thấy đức Phật Thích Ca. Do thần lực của Phật sẽ được thấy vô lượng chư Phật ở chín phương".

Bấy giờ đại chúng đều thấy Vô Biên Thân Bồ Tát cùng quyến thuộc của Ngài. Nơi mỗi lỗ chơn lông của Vô Biên Thân Bồ Tát đều xuất sanh một hoa sen lớn, mỗi hoa sen đều có bảy muôn tám ngàn thành ấp rộng như thành Tỳ Gia Ly. Vách thành hào thành toàn bằng thất bảo, cây báu hàng liệt bông trái sum sê. Gió nhẹ thổi động vang ra tiếng hòa nhã nhu tiếng nhạc trời. Nhơn dân trong những thành ấy nghe tiếng gió reo liền đặng hưởng thọ nhiều sự vui vẻ. Nước trong hào thành trong sạch thơm tho như chơn lưu ly, trên mặt nước có thuyền thất bảo, chúng nhơn ngồi thuyền dạo chơi tắm gội rất mực vui sướng. Trong hào lại có vô lượng hoa sen đủ màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe. Trên bờ hào lại có vườn rừng, trong mỗi vườn có năm ao suối đầy hoa sen bốn màu, hương thơm ngào ngạt. Nước ao sạch trong có các loài chim bơi lội. Trong vườn lại có nhiều lâu đài, mỗi tòa lâu đài rộng bốn do tuần, vách cột mặt đất toàn bằng các chất báu : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trong ấy có nhiều ao suối thất bảo, bực thang bằng vàng ròng, vàng Diêm Phù Đàn làm cây, không khác vườn Hoan Hỉ ở cung trời Đao Lợi. Nơi mỗi thành ấp ấy có vô số dân chúng luôn luôn

vui sướng. Dân chúng này chỉ nghe tiếng pháp vô thượng Đại thừa, không nghe danh từ gì khác. Có vị quốc vương ngự trên tòa sư tử [14] dùng pháp Đại thừa giáo hóa nhơn dân. Và nhơn dân biên chép đọc tụng, tu hành theo kinh điển Đại thừa. Nhờ thần lực của Bồ Tát mà đại chúng được thấy các sự biến hóa ấy. Thân của Bồ Tát này cao lớn vô lượng vô biên đồng hư không, trừ Phật, không ai có thể thấy ngằn mé thân của Ngài. Vô Biên Thân Bồ Tát cùng vô lượng Bồ Tát thị hiện thần thông như thế rồi đem vô lượng cúng phẩm và thức ăn thơm ngon đến chỗ Phật, ai ngửi đến mùi thơm của thức ăn này thời phiền não đều tiêu diệt, đảnh lễ chơn Phật mà bạch rằng : "Ngữa mong đức Thế Tôn thương xót nhận đồ cúng dường của chúng con". Các Bồ Tát ba phen dưng bạch, đức Phật biết chưa phải lúc nên không hứa nhận. Vô Biên Thân Bồ Tát cùng chúng Bồ Tát ngồi qua một bên.

Các cõi Phật ở Nam phương, Tây phương, Bắc phương, cũng có vô lượng Vô Biên Thân Bồ Tát và vô lượng đại Bồ Tát ở mười phương đều đến rừng Ta La. Bốn hộ chúng ở Diêm Phù Đề [15] hội về đông đủ, trừ Ma Ha Ca Diếp, A Nan Đà, vua A Xà Thế và quyến thuộc của vua này. Thần Đà Na Bà, A Tu La nhẫn đến mười sáu loài ác độc, rắn, rít, bò cạp, bọ hung v.v... đều bỏ ác niệm mà sanh lòng nhân từ xem nhau như cha mẹ, chị em. Tất cả chúng sanh

trong cõi Đại Thiên sanh lòng nhân từ đối với nhau cũng như thế, trừ hạng nhứt xiển đề.

Hôm ấy, cả Đại Thiên thế giới, do thần lực của Phật, biến thành trang nghiêm đẹp sáng như cõi Cực Lạc của Đức Vô Lượng Thọ Phật ở phương Tây (16). Đại chúng trong pháp hội Ta La đều thấy rõ các thế giới của chư Phật ở mười phương, như thấy hình mình trong gương sáng.

Lúc ấy ánh sáng năm màu từ mặt Phật phóng ra bao trùm đại hội rồi thâu vào miệng Phật. Cả chúng hội trời, A tu la v.v... thấy ánh sáng thâu vào miệng Phật, thời cả kinh mà nói rằng : "Đức Phật phóng ánh sáng rồi thâu vào nơi miệng, chắc có duyên cớ. Hay chính là tướng sắp nhập Niết Bàn. Khổ thay ! Khổ thay ! Sao đức Thế Tôn lại rời bỏ bốn tâm vô lượng, chẳng nhận sự cúng dường của Trời, của người. Mặt trời Thánh huệ từ nay sắp tắt hẳn, thuyền pháp vô thượng từ nay sắp chìm mất. Thế gian rất khổ. Than ôi ! Đau lòng lắm thay !". Than xong đại chúng nhào lăn kêu khóc, nước mắt hòa máu rơi đầy nơi đất.

THÍCH NGHĨA

(1) Rừng cây Ta La, cũng đọc là Sa La, vì chỗ Phật ngự, bốn phía có tám cây Ta La chia làm bốn cặp nên gọi là Ta La Song thọ.

(2) HỮU ĐẢNH gọi đủ là "Tam Hữu chi đảnh" - Cõi trời cao nhất trong tam giới, tức là Sắc Cứu Cánh Thiên.

(3) CÕI ĐẠI THIÊN, nói đủ là Tam Thiên Đại Thiên Thế giới : Một thái dương hệ gọi là một tiểu thế giới, gồm một từng trời Sơ thiền và một cõi Dục.

Một ngàn tiểu thế giới hiệp lại cùng một từng trời Nhị Thiền, gọi là một Tiểu Thiên Thế giới (1 T.TH.G. x 10000 = 1 Tiểu Thiên).

Một ngàn Tiểu Thiên hiệp lại cùng một từng trời Tam Thiền gọi là một Trung Thiên Thế giới (1 T.TH.G x 1000 = 1 Trung Thiên).

Một ngàn Trung Thiên hiệp lại gồm một từng trời Tứ Thiền, gọi là một Đại Thiên Thế giới (1T.TH.G. x 10000 = 1T.TH x 100 = 1 TR.TH x 1000 = 1 Đại Thiên).

Từ một Thái Dương Hệ hay một Tiểu Thế giới phải ba lần nhơn ngàn chồng lên mới thành một Đại Thiên Thế giới, tức là 1.000.000.000 Tiểu thế giới cùng 1.000.000 trời Nhị Thiền, 1.000 trời Tam Thiền và một từng trời Tứ Thiền, nên cũng có chỗ gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế giới.

(4) Trong toàn cõi ĐẠI THIÊN có vô số loài hữu tình chúng sanh, đại khái chia làm 6 : Trời, Người, A Tu La, Quỷ, Súc sanh,

và Địa ngục. Có chỗ thêm Tiên thành bảy loài. Có chỗ lược A Tu La thành năm loài gọi là "Ngũ Thú".

(5) TỲ KHEO có ba nghĩa : Khất sĩ, Phá ác, và Bố ma, có ba trường hợp thành Tỳ kheo :

I- Người chứng Thánh quả vô lậu gọi là Pháp tánh Tỳ Kheo.

II- Được Phật hiện diện gọi Thiện Lai Tỳ Kheo, thời thành Tỳ Kheo, gọi là Thiện Lai Tỳ kheo.

III- Chư Tăng hòa hợp đúng pháp, bạch tứ yết ma trao giới Tỳ Kheo, đây gọi là Tác pháp Tỳ Kheo.

(6) TỨ VÔ LƯỢNG TÂM : Từ, Bi, Hỉ, Xả. Vận dụng bốn tâm trên đây bủa khắp vô lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới, nên gọi là bốn tâm vô lượng.

(7) Nói đủ là BỒ ĐỀ TÁT ĐỎA có nghĩa là Hữu tình đã giác ngộ và giác ngộ các hữu tình khác. Bắt đầu từ khi mới phát tâm Bồ Đề Vô thượng : "Nguyện thành Phật độ muôn loài", tu lục độ vạn hạnh, phá hai chướng, chứng pháp thân, tất cả có 57 bực Bồ Tát : những bực Thập Địa đã chứng Pháp thân gọi là Đại Bồ Tát (Bồ Tát Ma Ha Tát).

(8) TAM BẢO : Ba ngôi báu quý nhứt ở thế gian : Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

(9) ƯU BÀ TẮC : Cận sự nam. ƯU BÀ DI : Cận sự nữ. Hai phái tại gia thường gần gũi hộ trì Tam Bảo. Bắt đầu quy y Tam Bảo thời được danh hiệu này.

(10) NGŨ GIỚI : năm điều giới cấm hàng tại gia : không được sát sanh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được vọng ngữ, không được uống rượu say.

(11) TRÀ TỲ : Lễ thiêu thi hài lấy tro để thờ.

(12) THẤT BẢO : vàng, bạc, lưu ly, ngọc xà cừ, ngọc mã não, ngọc san hô, ngọc hổ phách, trân châu.

(13) A TĂNG KỲ : vô số.

HẰNG HÀ SA : Sông Hằng (Gange) là con sông to, nguồn từ Hy Mã Lạp Sơn (Himalaya) chảy qua trung châu Ấn Độ đổ ra Ấn Độ Dương. Bờ sông và đáy sông này có nhiều cát mịn. Khi thuyết pháp, Phật thường dùng số hột cát của sông Hằng để thay một số lớn.

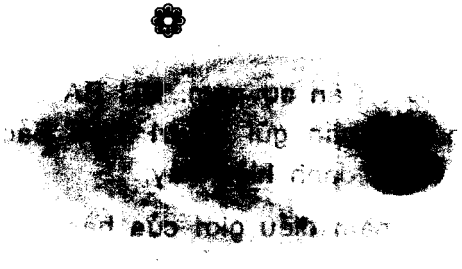
VI TRẦN : Bụi nhỏ. Số nhiều như bụi nhỏ, không thể tính đếm được.

THẾ GIỚI : Mỗi thế giới là cả một Đại thiên, phạm vi giáo hóa của một Đức Phật.

(14) TÒA SƯ TỬ : Chỗ ngồi chạm hình sư tử, tiêu biểu oai đức tự tại đối với đại chúng, như sư tử oai khiếp quần thú.

(15) DIÊM PHÙ ĐỀ cũng gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là quả địa cầu này.

(16) A Di Đà Phật, Phạm âm, Tàu dịch là Vô Lượng Thọ Phật, hoặc Vô Lượng Quang Phật, giáo chủ cõi Cực Lạc, cũng gọi cõi An Lạc, cõi An Dưỡng. Cõi này cách cõi Ta Bà đây mười muôn ức cõi về phương Tây.



II

PHẨM THUẦN ĐÀ

Thứ hai

(*) Bấy giờ trong đại hội có vị Ưu Bà Tắc, con nhà thợ thuyền trong thành Câu Thi Na, tên là Thuần Đà cùng với mười lăm bạn đồng nghiệp, vì muốn đem quả lành đến cho người đời nên đến trước Phật, quỳ gối chấp tay cúi lạy chơn Phật, buồn khóc rơi lệ, bạch rằng : "Ngữa mong đức Thế Tôn và Tỳ Kheo Tăng thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con, cho vô lượng chúng sanh được độ.

Bạch Thế Tôn ! Chúng con từ nay nghèo cùng đói khổ không ai cứu giúp, không nơi nương nhờ, muốn xin phước lộc tương lai ở đức Thế Tôn (17). Cúi xin xót thương nhận chút lễ mọn rồi sẽ nhập Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Ví như có người nghèo cùng đến xứ xa lạ ra sức làm ruộng, đặng trâu cày giỏi, ruộng đất tốt màu, bằng phẳng sạch cỏ, chỉ còn chờ trời mưa. Trâu giỏi dụ cho bảy nghiệp của thân

---

(*) Hán bộ quyển thứ 2

và miệng, ruộng tốt bằng phẳng dụ cho trí huệ, sạch cỏ dụ cho trừ sạch phiền não. Bạch Thế Tôn ! Nay đây con đã có trâu giỏi ruộng tốt sạch cỏ, chỉ còn trông chờ trận mưa pháp cam lồ của Như Lai. Người nghèo kia chính là con đây, nghèo nơi của báu pháp bảo vô thượng. Ngữa mong xót thương dứt trừ sự nghèo cùng khốn khổ của chúng con và cả vô lượng chúng sanh. Cúng phẩm của con dầu kém mọn, cũng mong đức Như Lai và chư Tăng dùng được đủ. Ngày nay con không nơi nương nhờ, không ai nâng đỡ, xin đức Thế Tôn rủ lòng thương xót coi con như La Hầu La" (18).

Đức Thế Tôn, bực Nhứt thiết Chủng trí Vô thượng Điều ngự, bảo Thuần Đà rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Hôm nay Như Lai trừ sự nghèo cùng ông, mưa pháp vô thượng xuống cho ruộng thân tâm ông mọc mầm pháp. Ông muốn cầu thọ mạng, sắc, lực, an lạc, vô ngại, biện tài nơi Như Lai. Như Lai sẽ ban cho ông các thứ ấy.

"Thuần Đà ! Thí thực có hai, đồng một quả báo; một là thọ xong liền chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hai là thọ xong liền nhập Niết Bàn. Hôm nay Như Lai nhận phần cúng dường cuối cùng của ông, cho ông đầy đủ bố thí Ba la mật" (19).

Thuần Đà liền bạch Phật rằng : "Như đức Thế Tôn vừa dạy rằng hai lúc cúng thí quả báo đồng nhau, theo ý con nghĩ, e rằng không đúng nghĩa. Vì vị thọ thí

trước là bực chưa sạch phiền não, chưa chứng Nhứt thiết chủng trí [20] cũng chưa có thể làm cho chúng sanh đầy đủ Bố thí Ba la mật. Còn vị thọ thí sau là bực Nhứt thiết chủng trí, đã sạch phiền não, có thể làm cho khắp chúng sanh đầy đủ Bố thí Ba la mật.

Vị thọ thí trước còn là chúng sanh, vị thọ thí sau là bực trời trong các trời. Vị thọ thí trước là thân tạp thực, thân phiền não, thân vô thường cuối cùng; vị thọ thí sau là thân kim cang không phiền não, là Pháp thân chơn thường vô cùng. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí quả báo đồng như nhau ?

Vị thọ thí trước chưa được đầy đủ Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát nhã Ba la mật, chỉ có nhục nhãn chưa có huệ nhãn nhẫn đến Phật nhãn [21]. Vị thọ thí sau đã được đầy đủ cả sáu Ba la mật nhẫn đến Phật nhãn. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?.

Bạch đức Thế Tôn ! Vị thọ thí trước, thọ xong ăn nuốt vào bụng tiêu hóa đặng sống còn, đặng sức khỏe, xinh đẹp, an vui, vô ngại biện. Vị thọ thí sau chẳng ăn chẳng tiêu, không năm sự quả. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?".

Đức Phật phán : "Thuần Đà ! Như Lai đã từ vô lượng vô biên vô số kiếp [22] không có những thân ăn uống, thân phiền não, thân sau cùng, mà là thân chân thường, thân kim cang, là Pháp thân.

Thuần Đà ! Người chưa thấy Phật tánh gọi là thân tạp thực, phiền não, cuối cùng. Lúc đó Bồ Tát thọ đồ ăn uống rồi nhập kim cang tam muội, đồ ăn tiêu hóa xong liền thấy Phật tánh, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì lẽ ấy nên Như Lai nói hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau.

Lúc thành đạo, Bồ Tát phá hoại bốn ma[23], nay nhập Niết Bàn cũng phá hoại bốn ma, nên Như Lai nói hai quả báo không sai khác.

Lúc trước dầu Bồ Tát chẳng rộng giảng diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt rồi, nay nhập Niết Bàn rộng vì chúng sanh phân biệt giảng dạy. Vì thế nên Như Lai nói hai quả báo đồng nhau.

Thuần Đà ! Thân của Như Lai đã từ vô lượng vô số kiếp chẳng thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh Văn mà nói rằng trước thọ cháo sữa của hai nàng chăn bò là Nan Đà và Nan Đà Ba La, rồi sau mới chứng quả Vô thượng Chánh giác, nhưng chính thiệt Như Lai không ăn. Hôm nay vì đại chúng trong hội này, mà Như Lai nhận sự cúng dường cuối cùng của ông dâng. Thiệt ra Như Lai không ăn".

Đại chúng nghe đức Thế Tôn khắp vì đại hội mà nhận sự cúng dường cuối cùng của Thuần Đà, đều vui mừng hớn hở. Đồng rập tiếng khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Hi hữu thay cho Thuần Đà ! Thiệt ông không uổng tên là Thuần Đà. Vì hai chữ Thuần

Đà là "hiểu diệu nghĩa". Ông nay kiến lập diệu nghĩa như thế, cứ nghĩa đặt tên gọi là Thuần Đà. Hiện đời đây ông được đầy đủ cả danh tiếng, tài lợi, đức hạnh, chí nguyện. Rất lạ cho ông Thuần Đà ! Sanh trong loài người lại được quả lành vô thượng rất khó được. Lành thay cho Thuần Đà ! Trong đời khó có người thứ hai. Khác nào hoa Ưu Đàm. Đức Phật ra đời là rất khó. Gặp Phật sanh lòng tin, được nghe chánh pháp, lại là rất khó. Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, thỉnh được đức Phật nhận phần cúng dường cuối cùng lại càng khó hơn.

Nam mô Thuần Đà ! Nam mô Thuần Đà ! Nay ông đã đầy đủ Bố thí Ba la mật. Đại chúng liền nói kệ rằng :

Ông dầu sanh nhơn đạo
Đã siêu trời thứ sáu
Tôi cùng tất cả chúng
Nay xin yêu cầu ông :
Đấng tối thắng trong người
Nay sẽ nhập Niết Bàn,
Ông nên thương chúng tôi
Xin kíp thỉnh đức Phật
Ở lâu lại thế gian
Diễn thuyết pháp vô thượng
Mà bực trí tán thán

Hầu lợi ích chúng sanh.
Nếu ông không thỉnh Phật
Mạng tôi ắt khó toàn
Ông nên vì chúng tôi
Đảnh lễ đức Điều Ngự.

Thuần Đà vui mừng hớn hở như người có cha mẹ vừa chết bỗng sống lại. Ông đảnh lễ Phật mà nói kệ rằng :

Vui thay được lợi mình !
Khéo thọ nơi thân người
Dẹp trừ tham sân si
Thoát hẳn ba ác đạo. (24)
Thích thay được lợi mình !
Được gặp kho vàng báu
Gặp gỡ đức Điều Ngự
Chẳng sợ đọa súc sanh.
Phật như hoa Ưu Đàm (25)
Khó gặp gỡ tín kính
Gặp rồi trồng căn lành
Dứt hẳn khổ ngạ quỷ,
Lại cũng hay tổn giảm
Chủng loại A tu la.
Hột cải ghim đầu kim (26)
Phật ra đời khó hơn,

Tôi đã đủ đàn độ [27]
Độ thiên nhơn sanh tử.
Phật chẳng nhiễm việc đời
Như hoa sen ở nước
Khéo dứt giống tam giới [28]
Thoát hẳn dòng sanh tử.
Sanh làm người là khó
Gặp đời Phật cũng khó
Dường như trong biển lớn
Rùa mù gặp bọng cây.
Nay tôi dâng thực phẩm
Nguyện đặng báo vô thượng
Xô phá phiền não kiết
Tất cả không bền chắc.
Nay tôi ở nơi đây
Chẳng cầu thân nhơn thiên
Dầu có được thân ấy
Cũng không lòng ham thích.
Được Phật nhận cúng phẩm
Con vui sướng không lường
Khác nào bông Y lan [29]
Ngát mùi hương chiên đàn.
Thân tôi như Y lan
Thế Tôn nhận cúng phẩm

Như ngát hương chiên đàn
Vì thế tôi vui mừng.
Tôi nay được hiện báo
Chỗ tôi thắng thượng diệu
Đế Thích cùng Phạm Thiên [30]
Đều đến cúng dường tôi,
Tất cả các thế gian
Đều sanh lòng buồn khổ
Vì biết Phật Thế Tôn
Muốn nhập Đại Niết Bàn,

Đồng cất tiếng xướng to :

Đời sẽ không Điều Ngự
Chẳng nên bỏ chúng sanh
Phải xem như con một.
Phật ở giữa chư Tăng
Diễn thuyết pháp vô thượng
Như núi báu Tu Di
Cao vọi giữa biển cả.
Trí Phật hay khéo dứt
Tối vô minh của tôi
Dường như giữa hư không
Mây nổi đặng mát mẻ.
Như Lai khéo dứt trừ
Tất cả các phiền não [31]

Như mặt trời mọc lên
Tan mây sáng khắp soi.
Các loài chúng sanh đây
Khóc than sưng cả mắt
Đều bị dòng sanh tử
Đẩy trôi rất khốn khổ.
Đức Thế Tôn cần phải
Thêm căn lành chúng sanh
Vì dứt khổ sanh tử
Ở nán lại thế gian.

Phật bảo Thuần Đà : "Đúng như lời ngươi nói. Phật ra đời là khó như hoa Ưu đàm. Gặp Phật sanh lòng tin lại khó hơn. Phật sắp nhập Niết Bàn, được cúng dường lần cuối cùng đầy đủ Bố thí Ba la mật, lại là việc rất khó gấp bội.

Nay ông chớ buồn khổ, nên phải vui mừng vì đã được dịp cúng dường Như Lai lần cuối cùng, do đây thành tựu Bố thí Ba la mật. Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lại nơi đời, mà phải quan sát cảnh giới của chư Phật thảy đều vô thường, tánh và tướng của các hành pháp cũng như vậy".

Đức Phật liền vì Thuần Đà mà nói kệ rằng :

Tất cả các thế gian
Có sanh đều có tử,
Dầu thọ mạng vô lượng

Tất có kỳ phải hết.
Có thạnh tất có suy,
Sum hiệp có biệt ly,
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Khỏe mạnh bị bịnh xâm,
Sự chết nuốt mạng người
Không có gì thường còn.
Bực vua chúa tự tại
Thế lực không ai bằng
Tất cả đều dời đổi
Mạng sống cũng như vậy.
Sự khổ xoay không ngằn
Lưu chuyển không thôi dừng
Ba cõi đều vô thường
Mọi loài không có vui.
Tánh tướng của pháp có
Tất cả đều trống không,
Pháp sanh diệt lưu chuyển
Luôn có những lo khổ,
Sợ sệt, các lỗi ác,
Già, bịnh, chết, buồn rầu.
Những khổ ấy không ngằn
Hư rã nhiều tai hại,
Phiền não bao gói kín

Khác nào tằm ở kén,
Là người có trí huệ
Đâu nên thích chốn này.
Các khổ nhóm nơi thân
Tất cả đều nhơ nhớp,
Tai nạn, ghẻ nhọt thảy
Cội gốc của khổ đau,
Dầu là thân chư Thiên
Đều cũng giống như vậy.
Dục ái đều vô thường
Nên Phật chẳng tham ưa,
Ly dục khéo tư duy
Đặng chứng quả chơn thiệt
Rốt ráo dứt sanh tử
Nay sẽ vào Niết Bàn.
Phật đã vượt bờ kia
Đã thoát hẳn các khổ
Vì thế nên hiện nay
Thuần hưởng những diệu lạc,
Do các nhơn duyên ấy
Chứng quả vị chơn thiệt
Dứt hẳn những triền phược
Hôm nay vào Niết Bàn.
Phật không già, bịnh, chết,

Thọ mạng vô cùng tận,
Phật nay vào Niết Bàn
Như ngọn lửa lớn tắt.
Thuần Đà ! Ông chẳng nên
Suy lường nghĩa Như Lai,
Nên xét tánh Như Lai
Dường như núi Tu Di.
Phật nay vào Niết Bàn
Thọ trì đệ nhứt lạc,
Pháp chư Phật như vậy
Các ông chớ nên khóc.

Thuần Đà bạch Phật rằng : "Bạch đức Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Trí huệ của con kém nhỏ như muỗi mòng, đâu có thể nghĩ bàn được nghĩa Niết Bàn sâu kính của Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Ví như người tuổi thơ ấu mới xuất gia, dầu chưa thọ giới cụ túc, mà đã được dự vào số chúng Tăng. Con nay cũng vậy, nhờ thần lực của Phật và Bồ Tát, mà con được dự vào số đại Bồ Tát, đã được cùng hàng với các bực Đại Long Tượng[32] dứt phiền não, như ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử v.v...

Thế nên hôm nay con muốn đức Như Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết Bàn".

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử [33] bảo Thuần Đà rằng : "Ông chẳng nên nói rằng muốn đức Như Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết Bàn. Ông phải quan sát tánh tướng của hành pháp, quan sát như thế đặng "không" tam muội. Muốn cầu chánh pháp nên học pháp quan sát như vậy.

Thuần Đà nói : "Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai là bực cao cả nhứt trong người trên trời. Đức Như Lai như thế há lại là hành pháp sao ? [34] Nếu là hành pháp thời là pháp sanh diệt. Ví như bóng nước chóng nổi chóng tan, qua lại xoay vần như bánh xe lăn, các hành pháp cũng thế. Tôi nghe chư Thiên sống rất lâu, tại sao đức Thế Tôn là bực trời trong các trời mà lại sống chẳng đầy trăm tuổi.

Các hành pháp là pháp sanh tử, nếu đức Như Lai nhập diệt thời đồng với hành pháp, đâu được gọi là bực trời trong các trời, là Pháp Vương tự tại. Vì thế chẳng nên xem đức Như Lai đồng với hành pháp.

Đức Như Lai hàng phục phiền não ma, ngũ ấm ma, thiên ma, tử ma, do nhơn duyên ấy mà thành tựu đầy đủ vô lượng công đức chơn thiệt, nên hiệu là Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, hiệu là Tam Giới Tôn.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Chẳng nên ức tưởng phân biệt mà đem pháp Như Lai cho đồng

với các hành pháp. Ví như phú ông sanh con trai, nhà tướng số xem trẻ ấy có tướng đoản mạng. Phú ông biết rằng trẻ ấy không thể nối lấy gia nghiệp, nên chẳng ái trọng. Vả kẻ đoản thọ thời chẳng được mọi người kính trọng. Nếu đức Như Lai đồng với các hành pháp, ắt chẳng được Sa Môn, Bà La Môn tất cả trời người kính thờ, mà pháp chơn thiệt bất biến bất dị của Như Lai dạy ra cũng không ai tín thọ. Vì lẽ ấy, Ngài chẳng nên nói rằng Như Lai đồng với các hành pháp.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như bần nữ đang có mang mà lại đói khát không nhà cửa, đẻ nhờ dưới mái nhà kia, chủ nhà xua đuổi, bần nữ bồng con muốn đến xứ khác để mưu sinh. Dọc đường phải lội qua con sông, ra giữa dòng bị nước chảy, xoáy mạnh, không nỡ buông con nên mẹ con đồng bị chết đuối. Vì tấm lòng từ ái ấy, bần nữ được sanh lên cõi Phạm Thiên.

Nếu có Thiện nam tử muốn hộ trì chánh pháp, chớ nói Như Lai đồng với các hành pháp hay chẳng đồng với các hành pháp. Chỉ nên tự trách mình ngu si không có huệ nhãn, chánh pháp của Như Lai không thể nghĩ bàn, không nên tuyên nói Như Lai quyết định là hữu vi, hay vô vi. Nếu là người chánh kiến nên nói Như Lai quyết định là vô vi. Vì sao thế ? Vì nói Như Lai là vô vi thời có thể sanh pháp lành cho chúng sanh.

Thiện nam tử ! Hộ trì chánh pháp thà chết chớ chẳng nói Như Lai đồng với pháp hữu vi, mà chỉ nên nói Như Lai đồng với pháp vô vi. Nhơn vì hộ trì chánh pháp nói Như Lai đồng với pháp vô vi mà đặng quả Vô thượng Chánh giác. Như bần nữ thà chết đuổi giữa dòng chớ không chịu buông con, nhơn đó mà được sanh lên cõi Phạm Thiên. Thiện nam tử này chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến. Khác nào bần nữ kia chẳng cầu sanh Phạm Thiên mà quả Phạm Thiên tự đến.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như người đi xa giữa đường mỏi mệt, nghỉ nhờ nhà người. Giữa lúc ngủ, nhà ấy bỗng bốc lửa to. Người ấy choàng dậy biết chắc phải chết, lòng hổ thẹn sợ thân thể lõa lồ bèn lấy y áo vấn thân mà chết, liền được sanh lên cõi trời Đao Lợi. Sau đó tám mươi đời làm Đại Phạm Vương, trăm ngàn đời làm Chuyển Luân Vương, người ấy mãi hưởng phước lành như vậy, hẳn không bị đọa vào ác đạo. Vì duyên cớ ấy, nếu là người có tâm tàm quý chẳng nên xem Như Lai đồng với các hành pháp.

Bọn ngoại đạo tà kiến mới được nói Như Lai đồng với pháp hữu vi.

Là Tỳ Kheo trì giới đâu nên có quan niệm rằng Như Lai là pháp hữu vi.

Nếu nói Như Lai là pháp hữu vi, đó chính là vọng ngữ. Phải biết người này sẽ đọa địa ngục.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Như Lai chơn thiệt, chính là pháp vô vi, chẳng nên lại nói là hữu vi. Từ nay ở trong đường sanh tử, Ngài nên bỏ vô trí mà cầu nơi chánh trí. Phải biết Như Lai chính là vô vi. Được chánh quán như thế, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, chóng thành tựu quả Vô Thượng Bồ đề".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát khen Thuần Đà rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông đã tạo nhơn duyên trường thọ, ông biết được Như Lai là pháp thường trụ, là pháp chẳng biến dị, là pháp vô vi. Nay ông khéo che đậy tướng hữu vi của Như Lai, sau này ông sẽ đặng đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình, mười tám pháp bất cộng, thọ mạng vô lượng, luôn được an vui, không còn sanh tử, sẽ thành bực Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Như người lữ khách bị lửa thiêu mà có lòng hổ thẹn lấy y áo vấn thân, nhờ tâm lành ấy nên được sanh lên cõi Đao Lợi, lại nhiều đời làm Phạm Vương, Chuyển Luân Vương luôn được an vui chẳng sa ác đạo.

Tôi cùng ông đều nên che đậy tướng hữu vi của Như Lai. Lát nữa đức Thế Tôn sẽ giảng rộng về ý nghĩa ấy.

Nên để hữu vi vô vi lại đó. Ông nên kíp lo cúng dường cơm nước cho kịp giờ, và cũng nên sắm sửa đồ cần thiết cho hàng tứ chúng từ xa hội về đang mỏi mệt. Cúng dường như thế chính là đầy đủ chủng tử căn bổn của Đàn Ba la mật.

Thuần Đà ! Nếu cúng dường đức Phật và chư Tăng lần cuối cùng, hoặc nhiều hay ít, đủ hay thiếu, đều phải sớm lo cho kịp giờ. Đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

Thuần Đà nói : "Thưa ngài Văn Thù Sư Lợi ! Sao Ngài lại tham chút uống ăn mà nói hoặc ít hoặc nhiều, đủ hay chẳng đủ, rồi bảo tôi lo cho kịp giờ ? Xưa kia đức Như Lai khổ hạnh trọn sáu năm còn chịu nổi, huống là giây lát hôm nay. Ngài thiệt cho rằng đức Như Lai chánh giác thọ đồ uống ăn này ư ? Tôi thời biết quyết định thân Như Lai chính là Pháp thân, không phải thực thân".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Thật đúng như lời của Thuần Đà. Lành thay Thuần Đà ! Ông đã thành tựu đại trí huệ, khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa".

Văn Thù Sư Lợi nói với Thuần Đà : "Ông cho rằng Như Lai là vô vi, thân Như Lai là trường thọ, hiểu biết như vậy đức Phật rất hài lòng".

Thuần Đà nói : "Đức Như Lai chẳng riêng gì hài lòng nơi tôi, mà cũng hài lòng với tất cả chúng sanh".

Văn Thù Sư Lợi nói : "Đức Như Lai đối với ông, với tôi, với tất cả chúng sanh, đều hài lòng".

Thuần Đà nói : "Ngài chẳng nên nói đức Như Lai hài lòng. Luận về hài lòng, chính là đảo tưởng. Phàm có đảo tưởng thời là sanh tử, có sanh tử thời

là pháp hữu vi. Vì lẽ ấy Ngài chẳng nên cho Như Lai là hữu vi. Nếu nói Như Lai là hữu vi thời Ngài cùng tôi đều điên đảo cả.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Đức Như Lai không có ái niệm. Luận về ái niệm, như trâu mẹ kia ái niệm con của nó, dầu là đói khát đi tìm cỏ nước, hoặc no hay chưa no, bỗng nhiên nhớ con liền trở về. Chư Phật Thế Tôn không có ái niệm như vậy, bình đẳng xem tất cả chúng sanh như La Hầu La. Từ niệm bình đẳng như vậy chính là cảnh giới trí huệ của chư Phật.

Thưa Ngài Văn Thù Sư Lợi ! Ví như quốc vương ngự trên xe tứ mã, có người muốn cho xe bò theo kịp xe vua, tất không thể được. Ngài cùng tôi muốn cùng tận chỗ vi mật thâm áo của Như Lai cũng không thể được.

Ví như Kim sí điểu [35] bay vọt trên cao vô lượng do tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài thủy tộc cùng loài rồng và bóng của nó. Kẻ phàm tục trí kém, không thể suy lường chỗ thấy của Kim sí điểu được. Cũng thế, Ngài cùng tôi không thể suy lường được trí huệ của Như Lai".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo Thuần Đà rằng : "Đúng như lời ông vừa nói. Đối với những việc ấy không phải là tôi không hiểu. Chẳng qua vì muốn đem việc của Bồ Tát thử ông đó thôi".

Bấy giờ đức Thế Tôn từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng chiếu thân ngài Văn Thù. Ngài Văn Thù liền bảo Thuần Đà rằng : "Nay đây đức Như Lai hiện thoại tướng từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng như thế chẳng phải là không duyên cớ, đó là điềm đức Phật sắp nhập Niết Bàn. Ông phải sớm lo dâng lễ cúng dường lên đức Phật và chư Tăng cho kịp giờ".

Đức Phật bảo Thuần Đà : "Đã phải giờ cho ông dâng thực phẩm cúng dường Phật và đại chúng. Như Lai sẽ nhập Niết Bàn".

Đức Phật bảo luôn ba lần như vậy.

Thuần Đà nghe đức Phật dạy như vậy, bất giác nghẹn ngào khóc than nức nở : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng". Rồi ông lại thưa cùng đại hội : "Hôm nay chúng ta phải đồng tha thiết đảnh lễ cầu đức Phật đừng nhập Niết Bàn".

Đức Thế Tôn lại bảo Thuần Đà : "Ông chớ nên khóc than tiều tụy như vậy. Ông phải quan sát thân này như cây chuối, như ánh nắng, như bọt nước, như huyễn hóa, như thành càn thát bà, như đồ gốm chưa hầm, như làn chớp, như hình vẽ trên nước, như tù sắp hành hình, như trái mùi, như cục thịt, như bức dệt đã hết khổ, như chày giã lên xuống. Phải quan sát các hành pháp như món ăn lẫn chất độc, pháp hữu vi nhiều tai hại".

Thuần Đà bạch Phật : "Đức Thế Tôn chẳng muốn ở lại đời, làm sao con chẳng buồn khóc cho được. Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng. Ngữa mong đức Thế Tôn thương xót chúng con và chúng sanh mà ở luôn nơi đời, chẳng nhập Niết Bàn".

Phật bảo Thuần Đà : "Ông chẳng nên nói rằng thương xót các ông mà ở luôn nơi đời. Chính vì thương xót ông và các chúng sanh mà hôm nay Phật mới muốn nhập Niết Bàn. Vì sao thế ? Chư Phật pháp nhĩ như vậy. Pháp hữu vi cũng thế. Nên chư Phật nói kệ rằng :

Các pháp hữu vi
Tánh nó vô thường
Sanh rồi chẳng trụ
Tịch diệt là vui.

Thuần Đà ! Ông nên quan sát các hành pháp là tạp độc, các pháp hữu vi là vô ngã vô thường chẳng trụ. Tấm thân này có rất nhiều tai hại như bóng nước. Vì lẽ ấy, ông chớ nên khóc lóc".

Thuần Đà bạch Phật : "Thật đúng như lời Thế Tôn dạy. Mặc dầu con vốn biết đức Như Lai phương tiện thị hiện nhập Niết Bàn, nhưng con không làm sao ngăn được sự buồn thảm được. Giờ đây tự suy xét, con lại sanh lòng vui mừng".

Phật khen Thuần Đà : "Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể rõ biết Như Lai thị hiện đồng với chúng sanh mà phương tiện nhập Niết Bàn.

Thuần Đà ! Ông nên nghe đây : Như mùa xuân, chim Ta La Tà đều nhóm nơi ao A Nậu Đạt. Chư Phật cũng thế đều đến chỗ ấy. Ông chẳng nên suy nghĩ chư Phật là trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều như tướng huyễn thuật. Như Lai ở trong ấy do sức phương tiện không có nhiễm trước. Vì sao thế ? Vì chư Phật pháp nhĩ như vậy.

Thuần Đà ! Nay Như Lai nhận phần cúng dường của ông, là vì muốn cho ông thoát khỏi các dòng sanh tử trong ba cõi. Hàng Nhơn Thiên ở nơi sự cúng dường cuối cùng đối với Như Lai đây, đều sẽ được quả báo bất động, luôn được an vui. Vì sao thế ? Vì Như Lai là phước điền tốt của chúng sanh. Nếu ông muốn vì chúng sanh mà làm phước điền, thời phải kíp sắm sửa cúng phẩm, chẳng nên để trễ".

Bấy giờ Thuần Đà vì các chúng sanh được độ thoát nên cúi đầu lau lệ mà bạch Phật : "Lành thay đức Thế Tôn ! Nếu lúc con kham có thể làm phước điền, thời có thể biết rõ Như Lai là nhập Niết Bàn hay chẳng phải nhập Niết Bàn. Nay trí huệ của chúng con cùng Thanh Văn, Duyên Giác nhỏ kém như kiến muỗi, thiệt không thể suy lường Như Lai nhập Niết Bàn hay chẳng phải nhập Niết Bàn".

Bạch xong, Thuần Đà cùng quyến thuộc buồn rầu khóc lóc, thiêu hương rải hoa, hết lòng cung kính, rồi liền cùng Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đi lo sắm sửa thực phẩm.

THÍCH NGHĨA

(17) THẾ TÔN : Đấng tôn quý nhứt trong tất cả thế gian và xuất thế gian. Từ ngữ này gồm đủ mười điều vô thượng : 1- Như Lai. 2- Ứng Cúng. 3- Chánh Biến Tri. 4- Minh Hạnh Túc. 5- Thiện Thệ. 6- Thế Gian Giải. 7- Vô Thượng Sĩ. 8- Điều Ngự Trượng Phu. 9- Thiên Nhơn Sư. 10- Phật.

(18) LA HẦU LA : Con trai của Thái Tử Sĩ Đạt Ta và Da Du Đà La.

(19) BỐ THÍ BA LA MẬT : Công hạnh bố thí đã đến từng ngã và pháp đều không, đã rốt ráo viên mãn. Biệt Giáo bực sơ địa, viên giáo bực sơ trụ mới thành tựu hạnh này.

(20) TRÍ HUỆ CHỨNG NGÃ KHÔNG gọi là "Nhứt thiết trí". Hàng Nhị thừa có trí này. Trí huệ chứng ngã không và phần chứng pháp không gọi là "Đạo chủng trí". Pháp thân Bồ Tát có trí này. Trí hủệ chứng ngã không và toàn chứng pháp không gọi là "Nhứt thiết chủng trí". Chỉ bực Phật mới có trí này. Trí huệ này gồm có bốn trí : 1- Thành sở tác trí, 2- Diệu quán sát trí, 3- Bình đẳng tánh trí, 4- Đại viên cảnh trí.

(21) NGŨ NHÃN : 1- Nhục nhãn, 2- Thiên nhãn, 3- Huệ nhãn, 4- Pháp nhãn, 5- Phật nhãn. Phàm phu chỉ có nhục nhãn, riêng chư Thiên và chư ngũ thông tiên nhơn gồm có thiên nhãn. A La Hán và Bích Chi Phật có nhục nhãn, thiên nhãn, và huệ nhãn. Pháp thân Bồ Tát có ba nhãn trên và pháp nhãn. Đức Phật có đủ năm nhãn.

(22) KIẾP BA : là thời gian dài. Có tiểu, trung và đại ba kiếp. Một tiểu kiếp có 16.798.000 năm (theo năm của nhơn loại địa cầu). Một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Và một đại kiếp có 4 trung kiếp hay 80 tiểu kiếp, tức là : (16.798.000 năm x 80 = 1.343.840.000 năm (một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn chục ngàn năm). Phàm trong kinh chỉ nói bao nhiêu kiếp, mà không nói trung hay tiểu, thời thường là nói đại kiếp.

(23) BỐN MA : Ma phiền não, Ma ngũ ấm, Ma chết, và Thiên ma. Nói đủ là Ma La có nghĩa là hay phá hoại thiện căn của chúng sanh, của người tu hành.

(24) BA ÁC ĐẠO : Súc sanh, ngạ quỷ, và địa ngục. Ba loài này vì phạm tội thập ác nhẹ, vừa và nặng mà phải thọ lấy quả khổ ấy, nên gọi là ác đạo, đây là cứ nơi nghiệp nhơn ác mà đặt tên. Nếu theo quả khổ thời gọi là tam đổ : 1- Huyết đổ, loài súc sanh thường ăn nuốt máu thịt lẫn nhau; 2- Đao đổ, loài ngạ quỷ thường dùng dao gậy đánh đập nhau; 3- Hỏa đổ, loài địa ngục thường bị lửa thui đốt, nấu rang.

(25) ƯU ĐÀM BÁT LA HOA : Dịch là Linh Thoại Hoa. Tục truyền ba ngàn năm mới xuất hiện một lần, là điềm Thánh Vương, hay Thánh Nhơn xuất thế.

(26) Ném hột cải trúng dính vào đầu nhọn cây kim.

(27) "ĐÀN" là bố thí. "Độ" là ba la mật. "Đàn Độ" là Bố thí Ba la mật.

(28) TAM GIỚI : Ba cõi : Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc.

(29) BÔNG Y LAN : Là một thứ hoa có mùi rất hôi thúi.

(30) ĐẾ THÍCH : Nói đủ là Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn, vua cõi trời Đao Lợi.

PHẠM THIÊN : Thiên Vương cõi Sắc.

(31) PHIỀN NÃO : Phiền nhiễu, não loạn, tức là những tâm niệm xấu, cùng ý tưởng ác như : tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... nó làm nhiễu loạn thân tâm người, đồng thời hay phá hoại thiện căn của người, nên cũng gọi là phiền não ma.

(32) ĐẠI LONG TƯỢNG : Rồng lớn và Voi lớn là loài to mạnh trong các muông thú. Dùng danh từ này là dụ cho các bậc siêu nhơn đại Bồ Tát.

(33) Phật là Pháp Vương, đại Bồ Tát sẽ thành Phật, là con của đấng Pháp Vương, nên gọi là Pháp Vương Tử.

(34) HÀNH PHÁP : Pháp di động chuyển biến.

(35) KIM SÍ ĐIỂU : Chim cánh vàng, một loài chim to nhứt hay dùng rồng làm món ăn.

III

PHẨM AI THÁN

Thứ ba

Ông Thuần Đà ra đi không bao lâu, khắp cả đại địa nhẫn đến trời Phạm Thiên bỗng chấn động sáu cách [36]. Phàm địa động có hai : đại động và tiểu động. Có tiếng nhỏ, chỉ riêng nơi mặt đất chấn động, chỉ động một chiều, đây là tiểu địa động. Có tiếng lớn, cả đất liền cùng núi biển, sông, rạch, cây cối đều động, động xoay nhiều chiều, lúc động có thể làm động cả tâm của chúng sanh, đây là đại địa động. Đức Phật ra đời có những lần đại địa động : Từ cung trời Đâu Suất giáng thần xuống nhơn gian, sơ sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết Bàn. Giờ đây Như Lai sắp nhập Niết Bàn nên có điềm đại địa động như vậy.

Thiên Long bát bộ [37] cả mình rởn ốc, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ rằng :

Cúi đầu lạy Thế Tôn
Chúng con đồng khuyến thỉnh,

Chúng con mà xa Phật
Thời không ai cứu hộ.
Đức Phật nhập Niết Bàn
Chúng con chìm biển khổ
Khác nào nghé mất mẹ
Sầu lo rất buồn khổ.
Nghèo cùng không ai giúp
Cũng như người bịnh ngặt
Không lương y săn sóc
Tự ý ăn uống lầm,
Chúng sanh bịnh phiền não
Thường bị kiến chấp hại
Xa lìa đấng y vương [38]
Uống ăn thuốc tà độc.
Ngữa mong Phật Thế Tôn
Chớ bỏ rơi chúng con.
Ví như mặt trời mọc
Quang minh rất sáng chói
Đã có thể tự soi
Cũng từ tất cả tối,
Phật phóng thần thông quang
Trừ khổ não chúng sanh
Ở giữa các chúng hội
Ví như núi Tu Di [39].

Bạch Thế Tôn ! Ví như quốc vương sanh các vương tử diện mạo xinh đẹp, vua rất yêu mến dạy cho rành nghề văn nghiệp võ rồi sai người đem giết.

Ngày nay chúng con là con của Phật, nhờ Phật dạy dỗ có đủ chánh kiến, xin chớ bỏ con. Nếu bỏ chúng con thời chúng con khác nào các vương tử kia. Ngữa mong đức Phật ở luôn nơi đời, chớ nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người học giỏi nơi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ đối với các bộ luận ấy, cũng thế, đức Như Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu được đức Như Lai ở luôn nơi đời giảng pháp cam lồ cho chúng sanh được thấm nhuần đầy đủ, thời các chúng sanh đây chẳng còn lại sợ phải bị sa vào địa ngục.

Bạch Thế Tôn ! Ví như có người mới vừa học làm nghề, kế bị quan bắt giam vào ngục, có hỏi thăm hiện tại thế nào ? Người ấy tất đáp : Nay tôi rất buồn khổ. Nếu người ấy được thả, thời được an vui. Cũng thế, đức Thế Tôn vì chúng con mà tu các khổ hạnh, hiện nay chúng con chưa được thoát khỏi sanh tử, thế sao đức Như Lai đặng thọ hưởng an vui.

Bạch Thế Tôn ! Ví như y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng cho con mình, mà không dạy cho các trò khác. Cũng thế,

đức Như Lai đem tạng pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn Thù Sư Lợi, mà chẳng thương chẳng dạy cho chúng con. Như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư thân sơ, nên sự dạy không bình đẳng rộng rãi, chỉ dạy riêng cho con mình môn bí phương, mà không truyền cho các trò khác. Đức Như Lai trọn không có lòng thân sơ tư vị, tại sao chẳng dạy dỗ chúng con. Ngữa mong đức Phật ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết Bàn.

Bạch đức Thế Tôn ! Ví như những người già trẻ bịnh khổ đi nơi đường hiểm rất khốn khó gian lao, có bực dị nhơn thấy vậy xót thương bèn chỉ cho con đường tốt bằng thẳng. Chúng con cũng như vậy. Người trẻ dụ cho những kẻ chưa tăng trưởng pháp thân, người già dụ cho những kẻ nặng phiền não, bịnh khổ dụ cho sanh tử, đường hiểm nạn dụ cho tam giới. Cúi xin đức Như Lai chỉ dẫn con đường chơn chánh giải thoát cho chúng con, ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết Bàn".

Đức Thế Tôn bảo các Tỳ Kheo : "Các thầy đừng ưu sầu khóc kể như hàng trời người phàm phu kia. Các thầy phải siêng năng tinh tấn giữ vững chánh niệm".

Nghe đức Phật phán như vậy, hàng trời người bát bộ liền nín khóc.

Đức Thế Tôn vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Đại chúng phải sáng suốt
Chẳng nên quá sầu khổ,
Chư Phật đều vậy cả
Vì thế nên im lặng,
Thích nơi hạnh tinh tấn
Gìn lòng giữ chánh niệm
Xa lìa các điều quấy
Hớn hở được an vui.

Lại này các thầy Tỳ Kheo ! Nếu có chỗ nào nghi ngờ đều phải bạch hỏi. Ở trong những pháp không bất không, thường vô thường, khổ phi khổ, y phi y, khứ bất khứ, quy phi quy, hằng phi hằng, đoạn phi đoạn, chúng sanh phi chúng sanh, hữu vô hữu, thiệt bất thiệt, chơn bất chơn, diệt bất diệt, mật bất mật, nhị bất nhị v.v... nếu còn nghi ngờ nay nên bạch hỏi, Như Lai sẽ giải quyết cho. Như Lai trước nói pháp cam lộ cho các thầy rồi, sau mới nhập Niết Bàn.

Này các thầy Tỳ Kheo ! Phật ra đời là khó, thân người khó được, gặp Phật sanh tín tâm, việc đây cũng khó, nhẫn sự khó nhẫn lại là khó hơn, đầy đủ giới hạnh chứng quả A La Hán (40) cũng là việc khó. Như tìm cát vàng cùng hoa Ưu đàm bát la.

Các thầy khỏi bát nạn được thân người là sự khó, nay gặp Như Lai chẳng nên để luống uổng. Ngày xưa, Như Lai tu nhiều hạnh khổ, nay được phương tiện vô thượng như thế. Trong vô lượng kiếp vì các

thầy mà xả thí thân thịt, tay chơn, đầu mắt, tủy não. Vì thế các thầy chẳng nên phóng dật.

Này các thầy Tỳ Kheo ! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các thứ công đức trân bảo, giới, định, và trí huệ làm tường thành và hào thành. Nay các thầy gặp được thành báu Phật pháp, chẳng nên lượm lấy những vật hư ngụy. Ví như nhà thương mãi gặp thành chơn bảo, lượm lấy ngói sạn rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt, cam đủ nơi chút ít pháp mọn. Các thầy dầu xuất gia mà không ham mộ pháp Đại thừa. Thân các thầy dầu được đắp cà sa mà tâm chưa được nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Các thầy dầu khất thực ở nhiều nơi mà chưa từng khất pháp thực Đại thừa. Các thầy dầu cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết sử.

Này các thầy Tỳ Kheo ! Nay Như Lai bảo thiệt các Thầy, hiện nay Như Lai đại chúng hòa hiệp pháp tánh chơn thiệt chẳng điên đảo. Vì thế các thầy phải nhiếp tâm dõng mãnh tinh tấn xô dẹp các kiết sử. Khi mặt trời Phật huệ lặn mất rồi, các thầy sẽ bị vô minh trùm đậy.

Này các thầy ! Ví như những cỏ thuốc trên mặt đất để chúng sanh dùng. Phật pháp cũng vậy, sanh ra pháp vị cam lồ diệu thiện làm thuốc hay chữa bịnh phiền não của chúng sanh. Nay Như Lai sẽ làm cho tất cả chúng sanh cùng bốn bộ chúng đều được an trụ trong tạng bí mật. Cũng như chữ y,

nếu ba điểm đứng chung hàng, hoặc đứng ngay, hoặc khác nhau đều không thành chữ y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại Tự Tại Thiên mới thành chữ y. Như Lai cũng thế, pháp giải thoát không phải Niết Bàn, thân Như Lai không phải Niết Bàn, Ma ha Bát nhã cũng không phải Niết Bàn, ba pháp đều khác nhau cũng không phải Niết Bàn. Như Lai này an trụ ba pháp ấy, vì chúng sanh mà nói là nhập Niết Bàn, như chữ y trong đời".

Các Tỳ Kheo nghe đức Phật Thế Tôn nói quyết định sẽ nhập Niết Bàn, ai nấy đều lo rầu, cả mình rởn ốc, lệ tràn đầy mắt, cúi lạy chơn Phật mà bạch rằng : "Đức Thế Tôn khéo dạy vô thường, khổ, không, vô ngã".

Bạch Thế Tôn ! Ví như các dấu chưn của muông thú, dấu chưn voi là hơn cả. Vô thường quán cũng lại như vậy là pháp quán tưởng bực nhứt trong các pháp quán tưởng. Nếu ai tinh cần tu tập pháp này, thời có thể trừ tất cả sự ái nhiễm cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô Sắc, trừ vô minh, kiêu mạn và vô thường tưởng. Đức Như Lai nếu đã lìa hẳn vô thường tưởng thời nay chẳng nên nhập Niết Bàn. Còn nếu chẳng lìa hẳn, cớ sao lại dạy rằng tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm ba cõi, vô minh, kiêu mạn và vô thường tưởng.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đế vương biết mạng sắp chết, bèn ân xá ngục tù trong thiên hạ rồi sau mới

băng. Ngày nay đức Như Lai cũng nên như vậy, độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi lao ngục vô tri vô minh rồi sẽ nhập Niết Bàn. Hiện tại chúng con đều chưa được giải thoát, sao đức Thế Tôn lại vất bỏ mà muốn nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Như người say rượu mê loạn nói xàm, không còn biết thân sơ, mẹ con, chị em, nằm vùi trong phẩn nhơ, nhờ lương y cho uống thuốc, ói sạch rượu ra mới được tỉnh lại, lòng rất hổ thẹn tự răn trách lấy mình, rượu là thứ hại, là cội gốc của các tội lỗi, nếu chừa được rượu thời khỏi tội lỗi. Chúng con cũng thế, từ nhiều đời đến nay luân chuyển sanh tử, tình sắc làm say mê tham đắm trong ngũ dục, không phải mẹ tưởng là mẹ, không phải con, chị, em, mà tưởng là con, chị, em, không phải chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, vì cớ ấy nên luân chuyển chịu khổ sanh tử, như người say kia nằm trong phẩn nhơ. Nay đức Như Lai nên ban pháp dược cho chúng con uống để ói rượu độc phiền não, chúng con còn chưa được tỉnh ngộ sao đức Như Lai lại vất bỏ mà muốn nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Không có cớ gì khen cây chuối là cứng chắc được. Chúng sanh cũng thế, không có cớ gì khen ngã, nhơn, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả là chơn thiệt được. Chúng con tu vô ngã quán cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Vì như bã xác không còn dùng được, bông thất điệp không có mùi thơm, cũng vậy, thân thể của người không ngã không chủ. Chúng con thường tu tập pháp quán tưởng vô ngã như vậy.

Như đức Phật từng dạy tất cả các pháp không ngã và không ngã sở, các Tỳ Kheo phải tu tập. Tu như đây thời trừ ngã mạn, rời ngã mạn thời chứng Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Không bao giờ có dấu chim bay nơi hư không. Người hay tu tập pháp quán vô ngã không bao giờ có các kiến chấp".

Đức Phật khen các Tỳ Kheo : "Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo hay tu tập pháp quán vô ngã".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Chẳng những chúng con tu pháp quán vô ngã tưởng, mà chúng con cũng tu tập các pháp quán khác như : khổ, vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Như người say, tâm trí mê loạn, thấy nhà cửa cây cỏ núi sông thảy đều xoay lộn. Người không tu các pháp quán khổ, vô thường, vô ngã thời chẳng gọi là bực Thánh, người này nhiều phóng dật trôi lăn trong vòng sanh tử. Vì thế nên các con khéo tu tập các pháp quán ấy".

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Vừa rồi các thầy trình bày ví dụ người say đó, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa hiểu thấu "thật nghĩa". Thế nào là "thật nghĩa " ? Như người say kia

thấy nhà cửa núi sông vốn thiệt không xoay lộn, mà tưởng cho là xoay lộn. Cũng vậy, bị những phiền não vô minh trùm đậy nên chúng sanh khởi tâm điên đảo : Ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, lạc cho là khổ. Vì mắc phải phiền não trùm che, nên dầu nghĩ tưởng như vậy mà không thấu rõ "thật nghĩa", như người say kia đối với sự không xoay lộn mà tưởng cho là xoay lộn.

"Ngã" chính là thật nghĩa của "Phật", "Thường" chính là thật nghĩa của "Pháp Thân", "Lạc" là thật nghĩa của "Niết Bàn", "Tịnh" là thật nghĩa của "Pháp".

Các thầy sao lại nói người có ngã thời kiêu mạn cống cao lưu chuyển sanh tử. Nếu các thầy nói rằng, tôi cũng tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã. Ba môn tu tập này không có "thiệt nghĩa".

Như Lai sẽ nói ba pháp tu đặc thắng.

Khổ cho là vui, vui cho là khổ, là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là pháp điên đảo. Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thời là người chẳng rõ pháp tu chơn chánh.

Các thầy ở trong pháp khổ tưởng cho là vui, ở trong vô thường tưởng cho là thường, ở trong vô ngã tưởng cho là ngã, ở trong bất tịnh tưởng cho là tịnh.

Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không thật nghĩa. Xuất thế có văn tự có thật nghĩa. Tại sao vậy ? Vì pháp thế gian có bốn sự điên đảo nên chẳng biết thật nghĩa. Lại có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì có ba sự điên đảo này nên người thế gian ở trong lạc thấy là khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh, đây gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà chẳng biết thật nghĩa.

Gì là thật nghĩa ? Vô ngã gọi là sanh tử, còn ngã gọi là Như Lai. Vô thường là Thanh Văn, Duyên Giác, còn thường là Như Lai pháp thân. Khổ là tất cả ngoại đạo, còn lạc là Niết Bàn. Bất tịnh là pháp hữu vi, còn tịnh là chánh pháp của chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là chẳng điên đảo. Vì chẳng điên đảo nên biết văn tự biết thật nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bốn sự điên đảo thời phải rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Thế Tôn dạy rằng dứt lìa bốn sự điên đảo ấy thời được rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nay đức Như Lai trọn không có bốn sự điên đảo thời đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh, sao đức Như Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng

con khỏi lìa bốn sự điên đảo, mà lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết Bàn. Nếu được đức Như Lai đoái thương dạy bảo, chúng con sẽ hết lòng tuân lời tu tập. Nếu đức Như Lai nhập Niết Bàn, chúng con không thể mang thân độc hại này mà tu phạm hạnh. Chúng con cũng sẽ nhập Niết Bàn theo Phật".

Như Lai đều đem giao phó cho Ma Ha Ca Diếp. Ma Ha Ca Diếp sẽ là chỗ y chỉ hoàn toàn cho các thầy, cũng như đức Như Lai là chỗ y chỉ của tất cả chúng sanh.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du, đem quốc sự giao phó cả cho Đại thần. Cũng vậy, Như Lai đem chánh pháp giao phó cho Ma Ha Ca Diếp.

Các thầy nên biết rằng chỗ tu pháp khổ vô thường trước kia chẳng phải là chơn thật. Ví như mùa xuân, có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rớt chìm ngọc lưu ly. Nhóm người ấy liền cùng nhau hụp lặn tìm ngọc, bốc nhằm hòn sỏi viên đá, bụng mừng cho là ngọc, đến lúc đem ra khỏi nước mới rõ là không phải. Lúc ấy ngọc lưu ly vẫn ở dưới nước, do thế lực của ngọc mà nước hồ đều đứng trong. Bấy giờ nhóm người ấy mới nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí tìm cách khéo, chẳm rãi lặn xuống liền vớt được ngọc.

Các thầy chớ nên cho sự nghiệp tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh như vậy là thật nghĩa. Như nhóm người kia lặn xuống nước bốc nhằm sạn đá mà cho là ngọc. Các thầy phải khôn khéo nơi nơi chỗ chỗ luôn tu pháp quán ngã, thường, lạc, tịnh. Lại cần nên biết tướng mạo tu tập bốn pháp trước kia đều là điên đảo. Muốn được chơn thiệt tu các pháp quán, tức là quán ngã, thường, lạc, tịnh, thời phải như người trí khéo vớt được ngọc kia".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ngày trước đức Phật dạy rằng các pháp vô ngã, các ông phải tu học. Tu học pháp vô ngã sẽ lìa sự chấp ngã, lìa chấp ngã thời lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn, thời chứng Niết Bàn. Nghĩa ấy thế nào ?".

Đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Lành thay ! Lành thay ! Nay các thầy có thể bạch hỏi nghĩa ấy để tự dứt chỗ nghi ngờ.

Này các Thầy ! Ví như quốc vương kém sáng suốt, tin dùng một y sư vụng về, tánh tình lại cao ngạo, phàm trị bịnh gì cũng thuần dùng sữa để làm thuốc cả, thêm nỗi chẳng rõ căn do của bịnh, dầu biết dùng sữa mà chẳng hiểu rành, chẳng biện biệt sữa tốt, xấu, lành, không lành. Một hôm, từ phương xa lại một minh y thông cả tám nghề, rành các phương thuốc, trị bịnh rất giỏi. Cựu y vì sẵn tánh cống cao khinh mạn nên không đếm xỉa tới. Minh y thấy vậy, bèn hạ mình thỉnh cựu y làm thầy, nhơn đó được vào hầu quốc vương. Minh

y trình bày lên quốc vương các phương thuốc và những nghệ thuật khác. Bấy giờ quốc vương tỉnh ngộ, xét biết cựu y là hạng vụng về cao ngạo, liền biếm truất đi, rồi trọng dụng minh y. Minh y mới yêu cầu quốc vương cấm dân chúng uống thuốc sữa của cựu y, vì thuốc ấy độc hại, làm thương tổn người bịnh. Quốc vương chuẩn lời, ra lệnh cấm hẳn, nếu ai dùng sữa để trị bịnh sẽ bị tử hình. Minh y cứ theo phương dược chế các thứ thuốc, phàm dân chúng có bịnh gì đều trị lành cả.

Ít lúc sau, quốc vương phải bịnh nặng, truyền vời minh y điều trị. Sau khi khám bịnh, biết rằng quốc vương phải dùng thuốc sữa, minh y liền tâu rằng : "Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa làm thuốc, đó là đại vọng ngữ. Nếu uống thuốc sữa rất có thể trị được bịnh. Hiện nhà vua đang phải bịnh nóng, chính nên dùng sữa".

Vua bảo : "Có lẽ ông điên cuồng hay bị bịnh loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bịnh của ta. Cựu y dùng sữa, ông cho là độc, bảo ta biếm truất và cấm hẳn, nay trở lại nói sữa là tốt hay trị được bịnh. Ông muốn khi dối ta ư ? Cứ theo lời ông nói thời cựu y có thể hơn ông rồi".

Minh y tâu : "Thưa Đại Vương ! Như mối ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mối này tự nói không biết là chữ hay không phải chữ. Người trí xem thấy trọn không bao giờ tuyên xướng rằng con mối biết chữ và cũng chẳng lấy làm lạ.

Cũng vậy, cựu y không hiểu căn bịnh, bịnh gì cũng dùng thuần sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu, là lành hay không lành".

Vua nói : "Xin ông giải thích cho ta rõ".

Minh y tâu : "Thuốc sữa kia cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Thế nào là thuốc sữa cam lộ. Nếu là bò cái không ăn bã hèm trấu cặn, con nghé của nó rất điều thiện, chỗ thả chăn không phải cao nguyên cũng không quá thấp ướt, nước uống trong sạch, chẳng cho chạy nhảy, chẳng cho chung bầy với bò đực, cho nó ăn uống đi đứng vừa chừng phải cách. Sữa của bò này trị được nhiều bịnh gọi là cam lộ. Ngoài ra các thứ sữa khác thời gọi là độc hại".

Nghe minh y giảng giải, vua khen rằng : "Hay lắm ! Hay lắm ! Nay ta mới rõ thế nào là sữa tốt, xấu, lành, cùng chẳng lành".

Sau khi được uống sữa của minh y, vua được lành mạnh. Vua liền truyền lịnh cho dân chúng được dùng sữa để trị bịnh. Dân chúng không vừa lòng với thái độ của nhà vua, nên hội đến hoàng cung để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng : "Mọi người chẳng nên oán trách nơi ta, về vấn đề thuốc sữa nên uống hay không nên uống đều là ý của y sư cả, không phải lỗi của ta".

Dân chúng vui lòng tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bịnh, được nhiều kết quả tốt.

Này các Tỳ Kheo ! Các thầy nên biết đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn cũng lại như vậy. Là bực đại y vương hiện ra nơi đời hàng phục tất cả tà y ngoại đạo. Giữa đại chúng xướng rằng ta là y vương, vì hàng phục ngoại đạo nên không nói ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả. Các thầy nên biết ngoại đạo mà nói là ngã đó, như mối ăn cây ngẫu nhiên thành chữ thôi. Vì thế nên trong Phật pháp đức Như Lai nói là vô ngã để điều phục chúng sanh, và vì là lúc phải nói là vô ngã. Rồi cũng vì có nhơn duyên nên cũng nói có ngã. Như minh y kia biết rõ nơi sữa phải thuốc, hay không phải thuốc. Chẳng phải như chỗ chấp ngã của phàm phu. Phàm phu chấp ngã lớn như ngón tay cái, hoặc như hột cải, hoặc như vi trần. Ngã của Như Lai nói đều không phải như vậy, vì thế nên nói các pháp không ngã, mà chính thiệt chẳng phải là không ngã. Thế nào là thiệt ? Nếu Pháp là thiệt, là chơn, là thường, là chủ, là sở y, tánh không biến đổi, đó gọi là ngã. Như minh y kia hiểu rành thuốc sữa. Cũng vậy, Như Lai vì chúng sanh mà nói trong các pháp chơn thiệt có ngã.

Bốn bộ đệ tử của Như Lai đều phải tu pháp quán chơn ngã như vậy.

THÍCH NGHĨA

(36)- SÁU CÁCH CHẤN ĐỘNG : 3 cách về tiếng : 1- tiếng nổ, 2- tiếng loài hữu tình kêu la, 3- tiếng loài vô tình khua chạm. 3 cách về hình : 1- rung động qua lại, 2- vọt lên khỏi chỗ cũ, 3- đang nằm bỗng đứng dậy, dựng lên.

(37)- TÁM BỘ THIÊN THẦN : Thiên thần, Long thần, Dạ xoa thần, Càn thát bà thần, A tu la thần, Ca lâu la thần, Khẩn na la thần, Ma hầu la thần.

(38)- Y VƯƠNG : Đức Phật là ông Vua thuốc pháp, hay chữa lành tâm bệnh phiền não cứu chúng sanh thoát khỏi tất cả khổ thống, sanh tử, để được an vui Niết bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

(39)- TU DI SƠN (Suméru) : Quả núi to nhứt ở thế gian, ở giữa biển Hương Thủy, toàn bằng bốn chất báu : vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Đảnh núi là cõi trời Đao Lợi, thuộc quyền Đế Thích thống trị. Giữa núi là cõi trời Tứ Vương, do 4 vị Thiên Vương cai quản.

(40)- A LA HÁN : Quả thứ tư trong bốn quả thánh xuất thế thuộc tiểu thừa :

1.- Tu Đà Hoàn (Dự Lưu) bực này thấy lý Tứ đế, dứt ngã chấp, phân biệt, hết kiến hoặc, ra khỏi phàm phu, dự vào hàng Thánh xuất thế.

2- Tư Đà Hàm (Nhứt Lai) bực Thánh này đã hết kiến hoặc dứt thêm sáu phẩm trong chín phẩm tư hoặc cõi Dục, còn một lần sanh trở lại cõi Dục mới thoát hẳn.

3.- A Na Hàm (Bất Lai) bực Thánh đã hết kiến hoặc và dứt cả chín phẩm tư hoặc cõi Dục, không còn sanh trở lại cõi Dục nữa.

4.- A La Hán (Vô sanh, Sát tặc, Ứng cúng) bực Thánh cao nhứt trong hàng Thanh Văn Tiểu thừa, đã dứt sạch kiến hoặc và tư hoặc tam giới, cùng câu sanh ngã chấp nên gọi là Sát Tặc. Đã khỏi hẳn sanh tử luân hồi trong lục đạo, nên hiệu là Vô sanh, là bực đáng thọ sự cúng dường của Nhơn Thiên, nên hiệu là Ứng Cúng.



IV

PHẨM TRƯỜNG THỌ

Thứ tư

(*) Đức Phật lại bảo các vị Tỳ Kheo : "Các thầy ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, cho phép các thầy hỏi. Như Lai sẽ giải thích cho. Tất cả các pháp bổn tánh không tịch, Như Lai đã tu học rành rẽ thông đạt. Các thầy chớ nghĩ rằng Như Lai chỉ tu các pháp bổn tánh không tịch. Ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, các thầy nên hỏi."

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Chúng con không đủ trí huệ để hỏi đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Vì cảnh giới của Như Lai không thể nghĩ bàn, thiền định của Như Lai không thể nghĩ bàn, lời phán dạy của Như Lai không thể nghĩ bàn. Vì cớ ấy nên chúng con là hạng không đủ trí huệ để hỏi đức Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Ví như ông già trên trăm tuổi đang phải bịnh trầm trọng nằm liệt trên giường sẽ

(*) Hán bộ quyển thứ 3

chết mất nay mai. Một người giàu kia có duyên sự muốn đến xứ khác, đem trăm cân vàng gởi cho ông già ấy mà giao ước rằng : Hoặc mười năm hoặc hai mươi năm chừng nào tôi trở về thời ông huờn số vàng này lại cho tôi. Ông già nhận giữ vàng, không bao lâu thời chết, ông già lại không người kế tự, số vàng gởi kia đều thất lạc cả. Lúc người chủ vàng trở về không biết đòi hỏi ai, đành chịu mất vàng. Chủ vàng là kẻ vô trí, khi gởi vàng không biết chọn nơi đáng gởi, nên phải mất vàng.

Cũng vậy, hàng Thanh Văn chúng con dầu nghe đức Như Lai ân cần dạy bảo mà chúng con không thể thọ trì khiến chánh pháp được bền lâu, khác nào ông già kia nhận vàng của người gởi, rồi không sống được mà giữ gìn. Chúng con vô trí, ở nơi giới luật sẽ hỏi những gì !".

Đức Phật nói : "Nếu nay các thầy hỏi Như Lai thời có thể đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, nên Như Lai mới bảo các thầy có chỗ nào nghi thời cho phép hỏi".

Các Tỳ Kheo bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ví như một người trai trẻ khỏe mạnh lối hai mươi lăm tuổi, nhà giàu có, cha mẹ vợ con quyến thuộc đông đủ. Có người đem vàng bạc đến gởi cho người trai trẻ này mà nói rằng : "Tôi có duyên sự cần phải đi xa. Khi tôi trở về, anh sẽ huờn số vàng bạc này lại cho tôi". Người trai trẻ nhận vàng bạc và cất

giữ kỹ lưỡng. Ít lúc phải bịnh, người trai trẻ dặn thân quyến rằng số vàng bạc này là của ông già gởi, khi nào ông ấy đến hỏi thời giao đủ cho ông ấy. Thời gian sau, người gởi vàng bạc trở về được thân quyến của người trai trẻ hườn đủ số đã gởi. Đây là người có trí, biết chọn chỗ đáng gởi nên khỏi mất của.

Cũng vậy, nếu đức Thế Tôn đem pháp bảo giao phó cho A Nan và các Tỳ Kheo ắt chẳng đặng lâu dài, vì tất cả hàng Thanh Văn và Ma Ha Ca Diếp đều sẽ vô thường, như ông già trước kia. Đức Như Lai nên đem Phật pháp Vô thượng giao phó cho Bồ Tát. Vì hàng Bồ Tát đủ trí huệ có thể hỏi Như Lai, pháp bảo sẽ được lâu dài hưng thạnh lợi ích cho chúng sanh, như người trai trẻ trước kia. Vì những lẽ ấy, nên chỉ có hàng Bồ Tát là có thể hỏi đức Như Lai thôi. Trí huệ của chúng con như mòng muỗi, làm sao hỏi được pháp thâm diệu của Như Lai".

Bạch xong, các Tỳ kheo đều ngồi yên lặng.

Đức Phật khen các Tỳ Kheo rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo được tâm vô lậu, tâm A La Hán. Như Lai cũng đã suy xét hai duyên cớ mà các thầy vừa trình bày, nên đem pháp Đại thừa giao phó cho hàng Bồ Tát, khiến diệu pháp này được còn lâu nơi đời".

Đức Phật bảo toàn thể đại chúng : "Thọ mạng của Như Lai không thể tính lường, biện tài cũng chẳng thể cùng tận. Đại chúng phải nên tùy ý bạch hỏi hoặc nơi giới luật, hoặc nơi pháp quy y".

Đức Phật tuyên bố luôn ba lần như vậy.

Bấy giờ trong đại chúng có một vị đại Bồ Tát tuổi còn trẻ, vốn là người trong tụ lạc Đa La, họ Đại Ca Diếp giòng Bà La Môn, do thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, gối hữu chấm đất, chấp tay hướng Phật mà bạch rằng : "Nay con có chút việc muốn bạch hỏi, xin đức Thế Tôn hứa khả cho".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cho phép ông hỏi. Như Lai sẽ giải quyết chỗ nghi của ông, cho ông vui mừng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Đức Thế Tôn xót thương đã cho phép, nay con sẽ hỏi. Nhưng trí huệ của con rất kém. Đạo đức của Thế Tôn cao vòi vọi, thân của Như Lai như chơn kim cang, màu như ngọc lưu ly. Trong đại hội đây, các vị đại Bồ Tát thảy đều thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức. Ở trước một đại hội như thế này, đâu dám bạch hỏi. Nay con nương sức thần thông của Phật và nhơn thiện căn oai đức của đại chúng mà bạch hỏi ít điều thôi".

Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật, nói kệ rằng :

Thế nào được trường thọ
Thân kim cang chẳng hoại ?
Lại do nhơn duyên gì
Đặng sức kiên cố lớn ?
Thế nào nơi kinh này
Rốt ráo đến bờ kia ?
Nguyện Phật vì chúng sanh
Giảng bày nghĩa kín nhiệm.
Thế nào đặng rộng lớn
Làm y chỉ cho chúng ?
Thiệt chẳng phải La Hán ?
Mà đồng hàng La Hán ?
Thế nào biết Thiên ma
Làm lưu nạn cho chúng ?
Lời Phật, lời Ba Tuần,
Thế nào phân biệt biết ?
Thế nào bực Điều Ngự
Hoan hỉ nói chơn đế
Đủ thành tựu chánh thiện
Diễn nói bốn điên đảo ?
Làm nghiệp lành thế nào
Xin Thế Tôn dạy bảo.
Thế nào các Bồ Tát
Thấy được tánh khó thấy ?

Nghĩa mãn tự, bán tự
Phải hiểu như thế nào ?
Thế nào cộng thánh hạnh
Như chim Ta La Ta ?
Thế nào chưa phát tâm
Mà gọi là Bồ Tát ?
Thế nào giữa đại chúng
Mà đặng không kinh sợ
Như vàng Diêm Phù Đàn
Không ai chỉ trích được ?
Thế nào ở đời trược
Chẳng nhơ như hoa sen ?
Thế nào ở phiền não
Phiền não chẳng nhiễm được,
Như y sư trị bịnh
Chẳng bị bịnh truyền lây ?
Thế nào làm lái thuyền
Ở giữa biển sanh tử ?
Thế nào thoát sanh tử
Như rắn lột da cũ ?
Thế nào xem Tam Bảo
Dường như cây Thiên Ý ?
Ba thừa nếu vô tánh
Thế nào mà nói đặng,

Như sự vui chưa có
Sao lại nói thọ vui ?
Thế nào các Bồ Tát
Mà đặng chứng bất hoại ?
Thế nào vì người mù
Mà làm người chỉ đường ?
Thị hiện nhiều đầu kia
Xin Phật giải rõ cớ.
Thế nào người thuyết pháp
Thêm lớn như trăng mọc ?
Thế nào lại thị hiện
Rốt ráo nơi Niết Bàn ?
Thế nào bực dũng kiện
Hiện nhơn, thiên, ma, đạo ?
Thế nào biết pháp tánh
Mà thọ nơi pháp lạc ?
Thế nào các Bồ Tát
Xa lìa tất cả bịnh ?
Thế nào vì chúng sanh
Diễn thuyết nơi bí mật ?
Thế nào nói rốt ráo ?
Và cùng chẳng rốt ráo ?
Như kia dứt lưới nghi
Tại sao nói bất định ?
Thế nào là đặng gần

Đạo tối thắng Vô thượng ?
Con nay thỉnh Như Lai
Vì các hàng Bồ Tát
Giảng nói pháp thậm thâm
Các hạnh vi diệu thảy
Trong tất cả các pháp
Đều có tánh an lạc
Cúi xin đấng Thế Tôn
Phân biệt dạy chúng con.
Bực nương tựa của chúng
Diệu dược Lưỡng Túc Tôn !
Nay muốn hỏi các ấm
Mà con không trí huệ,
Các Bồ Tát tinh tấn
Cũng lại chẳng biết được,
Cảnh giới của chư Phật
Rất sâu mầu như vậy.

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông chưa được Nhứt thiết chủng trí, Như Lai đã được, nhưng bí tạng rất sâu của ông vừa hỏi đồng như chỗ hỏi của bực Nhứt thiết trí.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới thành đạo chánh giác nơi cội Bồ Đề, có vô lượng Bồ Tát ở mười phương thế giới cũng từng đến hỏi Như Lai những

nghĩa thậm thâm ấy. Văn nghĩa công đức đã hỏi ngày trước cùng với của ông hôm nay đồng nhau không khác.

Hỏi như vậy có thể đem sự lợi ích lại cho vô lượng chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Con không đủ trí để hỏi Như Lai về những thâm nghĩa ấy.

Ví như muỗi mòng chẳng thể bay qua đến bờ kia của biển cả, cùng lượn khắp hư không. Cũng vậy, con không thể bạch hỏi Như Lai về những nghĩa biển cả trí huệ và hư không pháp tánh rất sâu như vậy.

Ví như quốc vương đem viên minh châu trong búi tóc giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho lãnh châu hết lòng cung kính gìn giữ. Cũng vậy, con hết lòng cung kính giữ gìn nghĩa lý Đại thừa rất sâu của Như Lai truyền dạy. Vì nghĩa lý ấy làm cho con được trí huệ sâu rộng".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Như Lai sẽ vì ông mà nói nghiệp nhơn trường thọ của Như Lai đã được. Do nơi nghiệp nhơn này mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nếu hạnh nghiệp có thể làm nhơn cho quả Bồ Đề thời phải nên thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ nghĩa ấy. Đã tự lãnh thọ rồi nói lại cho người khác. Do tu tập hạnh nghiệp

ấy mà Như Lai đặng thành Vô thượng Chánh giác. Nay lại vì người mà giảng rộng ý nghĩ ấy.

Ví như vương tử phạm tội bị giam vào ngục, nhà vua rất nhớ thương con, đích thân ngự đến ngục thất. Cũng vậy, muốn được trường thọ, Bồ Tát phải nên hộ niệm tất cả chúng sanh, xem như con ruột, sanh lòng đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả, truyền cho giới bất sát, dạy cho tu pháp lành. Cũng nên để tất cả chúng sanh ở nơi ngũ giới thập thiện. Lại đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la v.v.., để cứu vớt những kẻ khổ não trong các nơi ấy. Giải thoát kẻ chưa giải thoát, cứu độ người chưa được cứu độ. Người chưa chứng Niết Bàn làm cho chứng Niết Bàn. An ủi tất cả người đang ở trong cảnh kinh sợ. Do các nghiệp nhơn trên đây mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu, nơi các trí huệ được tự tại. Sau khi mạng chung sanh lên cõi trên".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát Ma Ha Tát bình đẳng xem chúng sanh đồng như con ruột, nghĩa ấy rất sâu, con chưa hiểu được. Đức Thế Tôn chẳng nên nói Bồ Tát đối với chúng sanh tu tâm bình đẳng xem đồng như con, vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có kẻ hủy báng chánh pháp. Sao lại với những hạng ấy mà xem đồng như con ?".

Phật dạy : "Phải đấy ! Như Lai đối với chúng sanh thiệt xem đồng là con như La Hầu La".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Trước kia, ngày rằm lúc chư Tăng đang bố tác. Có một đứa trẻ không khéo tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý, núp ở chỗ kín rình nghe chư Tỳ Kheo Tăng thuyết giới. Mật Tích Lực Sĩ nương thần lực của Phật lấy chày kim cang đập đứa trẻ ấy nát ra như bụi. Bạch Thế Tôn ! Vị thần Kim Cang ấy rất là bạo ác mới giết được đứa trẻ. Thế sao Như Lai xem các chúng sanh đồng như con là La Hầu La ?".

Phật dạy : "Ông không nên nói như vậy."

Đứa trẻ ấy chính là người biến hóa, chẳng phải người thiệt. Vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới hủy pháp ra ngoài chư Tăng nên hiện như vậy. Thần Kim Cang kia cũng là biến hóa thôi. Hạng hủy báng chánh pháp cùng nhứt xiển đề hoặc có người sát sanh nhẫn đến tà kiến, và cố ý phạm giới, Như Lai đối với những hạng ấy đều thương xót như con là La Hầu La.

Như quốc vương đối với bầy tôi phạm phép thời cứ tội tru lục mà chẳng tha. Như Lai Thế Tôn không phải như vậy; với hạng hủy pháp, làm pháp yết ma khu khiển, quở trách, cử tội v.v..., sở dĩ Như Lai làm các pháp yết ma trừng trị những hạng hủy báng chánh pháp như vậy là vì chỉ muốn chỉ rõ những người ác hạnh thời có quả báo.

Ông phải biết Như Lai là vị ban bố sự vô úy cho chúng sanh ác. Nếu Như Lai phóng ra một tia sáng, hoặc hai, năm tia sáng, kẻ nào gặp thời đều

xa lìa tất cả các điều ác. Nay Như Lai đầy đủ vô lượng thế lực như vậy.

Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy, nay sẽ vì ông nói tướng mạo đó. Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nơi nào có Tỳ Kheo trì giới đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy người hoại pháp bèn có thể khu khiển, quở trách, trừng trị. Phải biết Tỳ Kheo ấy đặng phước vô lượng không thể tính kể.

Ví như quốc vương chuyên làm việc bạo ác, rồi mang bịnh nặng. Vua nước láng giềng nghe biết tình hình đem binh đến đánh, trách tội muốn giết. Vua ác bịnh ấy vì không thế lực sợ hãi ăn năn chừa lỗi mà làm lành. Vua láng giềng kia được phước vô lượng. Cũng vậy, Tỳ Kheo giữ phép khu khiển quở trách người phạm giới cho họ chừa lỗi làm lành thời đặng phước vô lượng.

Ví như nhà cửa ruộng vườn của ông trưởng giả mọc lên những cây gai độc. Trưởng giả biết được bèn chặt đốn sạch cả.

Lại như người trai trẻ đầu có tóc bạc, vì hổ thẹn nên nhổ bỏ chẳng cho ra dài.

Cũng vậy, Tỳ Kheo giữ pháp thấy có người phá giới hủy hoại chánh pháp, bèn nên khu khiển, quở trách, cử tội. Tỳ Kheo này là đệ tử của Như Lai, là chơn thật Thanh Văn. Nếu thấy mà bỏ qua, thời nên biết Tỳ Kheo này là người hại Phật pháp".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật dạy, thời là không bình đẳng xem tất cả chúng sanh đồng như con là La Hầu La. Bạch Thế Tôn ! Nếu có một người cầm dao hại Phật, lại có một người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Như Lai đối với hai người này nếu tâm là bình đẳng, sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật. Nếu trừng trị kẻ phạm luật thời lời dạy kia có lỗi".

Phật nói : "Như Quốc vương, Đại thần, Tể tướng có bốn người con trai diện mạo khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng : Thầy gắng dạy chúng nó cho được toàn vẹn cả tài lẫn đức. Nếu chúng nó ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên, chúng tôi cũng vui lòng.

Này Ca Diếp ! Như vậy thời cha và thầy của các trẻ có phải tội sát sanh chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Không. Vì lòng thương muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế đặng phước vô lượng".

Phật nói : "Cũng vậy, Như Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con cả. Nay Như Lai đem chánh pháp vô thượng phó chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Các

vua, quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn khích lệ các học chúng, khiến đặng tăng thượng giới, định, trí huệ. Nếu người nào không tu học ba phẩm pháp này lười biếng phá giới, hủy hoại chánh pháp, thời vua quan, bốn bộ chúng phải nên nghiêm trị.

Này Ca Diếp ! Như vậy các vua, quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Không".

Phật nói : "Các vua quan và bốn bộ chúng ấy còn không tội, huống là Như Lai.

Này Ca Diếp ! Như Lai khéo tu đức bình đẳng như vậy, xem các chúng sanh đồng là con cả. Tu như vậy gọi là Bồ Tát tu tâm bình đẳng nơi các chúng sanh xem đồng là con. Bồ Tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng này thời được thọ mạng lâu dài, lại cũng khéo biết những việc đời trước".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy nếu Bồ Tát tu tâm bình đẳng đối với chúng sanh xem như con ruột thời được thọ mạng dài lâu. Đức Như Lai chẳng nên dạy như thế.

Như người biết phép, có thể giảng nói các hạnh hiếu thuận, khi về đến nhà lại lấy ngói đá ném đánh cha mẹ. Mà cha mẹ là ruộng phước lớn có ơn nhiều nên phải cúng dường, trở lại đánh đập, thời người biết phép này lời nói cùng hành động trái ngược nhau.

Lời dạy của Như Lai cũng vậy. Bồ Tát tu tâm từ bình đẳng được thọ mạng dài lâu biết được túc mạng, thường ở nơi đời không có đổi dời. Nay đây do duyên cớ gì mà đức Thế Tôn thọ mạng rất ngắn đồng nhơn gian ư ? Hay là Như Lai có oán ghét chi chúng sanh ? Ngày trước Như Lai làm nghiệp ác gì, giết chết mấy mạng, mà mắc báo đoản thọ sống không đầy trăm tuổi ư ?".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Nay duyên cớ gì mà ông nói lời thô ở trước Như Lai như thế ? Như Lai trường thọ rất hơn hết trong các tuổi thọ. Như Lai chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai được thọ mạng dài lâu thế nào ?".

Phật nói : "Như tám con sông lớn : Một là sông Hằng, hai là sông Diêm Ma La, ba là sông Tát La, bốn là sông A Lợi La, năm là sông Ma Ha, sáu là sông Tân Đầu, bảy là sông Bác Xoa, tám là sông Tất Đà. Tám con sông này cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời, của đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Vì vậy nên Như Lai thọ mạng vô lượng.

Ví như ao A Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, Như Lai xuất sanh tất cả thọ mạng.

Ví như trong các pháp thường trụ, hư không là đệ nhất. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như Lai là đệ nhứt.

Như trong các vị thuốc, vị đề hồ là đệ nhứt. Cũng vậy, trong các chúng sanh, thọ mạng của Như Lai là đệ nhứt".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu thọ mạng của Như Lai dài lâu như vậy, thời Như Lai nên ở nơi đời hoặc một kiếp, hoặc ít hơn để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ông chẳng nên ở nơi Như Lai có quan niệm là diệt tận.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhẫn đến ngoại đạo ngũ thông thần tiên, hạng được tự tại, hoặc sống một kiếp hay ít hơn, ở giữa hư không đi đứng nằm ngồi tự tại, nách tả phun lửa, nách hữu vọt nước, thân tuôn khói lửa, nếu muốn sống lâu thời được như ý muốn. Đối với mạng sống, hoặc dài hoặc ngắn đều tự tại. Người được ngũ thông còn đặng thần lực tùy ý như vậy, huống là Như Lai đặng sức tự tại đối với tất cả pháp, mà lại không thể ở đời hoặc nửa kiếp, hoặc một hai kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp sao ? Vì những nghĩa ấy, phải biết rằng Như Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi. Thân của Như Lai đây là thân biến hóa chẳng phải thân tạp

thực. Vì độ chúng sanh nên thị hiện đồng với chúng. Vì vậy nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết Bàn.

Ông nên biết rằng Phật là Pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Ở trong đệ nhứt nghĩa này, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhứt tâm tu tập. Mình đã tu tập và vì người khác mà giảng nói".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Có sự sai khác gì giữa xuất thế pháp cùng thế pháp ? Như lời Phật dạy : Phật là Pháp thường trụ, là Pháp không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm Thiên là thường, Tự Tại Thiên là thường, không biến đổi, họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường, Vi trần cũng thường.

Nếu nói Như Lai là pháp thường trụ, cớ sao Như Lai chẳng thường hiện nơi đời ? Nếu không thường hiện nơi đời thời có khác gì nghĩa thường của thế gian ? Vì Phạm Thiên nhẫn đến vi trần cũng chẳng hiện".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ví như nhà Trưởng giả kia có nuôi nhiều bò, màu lông khác nhau, đồng chung một bầy. Trưởng giả giao bầy bò cho người chăn thả đi ăn cỏ uống nước, chỉ vì vị đề hồ chớ chẳng cầu sữa bơ. Người chăn ấy vắt sữa rồi tự uống. Trưởng giả chết, bao nhiêu bò đều bị bọn cướp đoạt cả. Bọn cướp tự vắt sữa ra uống, rồi bàn với nhau rằng ông Trưởng giả nuôi bầy bò này chỉ

muốn đặng vị đề hồ chớ không cầu sữa bơ. Chúng ta làm cách gì để đặng đề hồ. Đề hồ là phẩm vật quý nhứt trong đời. Chúng ta không có gì đựng, dầu vắt được sữa cũng không chỗ chứa. Chúng lại bàn đựng sữa trong túi da. Dầu có đồ đựng nhưng vì không biết cách làm, nên bơ còn không được thành, huống là đề hồ. Vì muốn được đề hồ, bọn cướp đổ thêm nước vào túi sữa, vì quá nhiều nước nên chẳng những không được đề hồ, bơ, mà cả sữa cũng mất.

Phàm phu cũng vậy, dầu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như Lai. Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như Lai hoặc giới, định hoặc huệ. Như bọn cướp đoạt bầy bò. Hạng phàm phu dầu lại đặng giới, định, trí huệ, nhưng không có phương tiện nên chẳng giải thuyết được. Vì nghĩa này nên họ không thể đặng thường giới, thường định, thường huệ giải thoát. Nhưng bọn cướp kia chẳng biết phương tiện không được đề hồ, rồi vì đề hồ mà đổ nước vào sữa. Cũng vậy, hạng phàm phu vì giải thoát mà nói Ngã hoặc Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, nhẫn đến Phi Tưởng, Phi Phi Tưởng Thiên chính là Niết Bàn, kỳ thiệt họ chẳng được giải thoát Niết Bàn. Như bọn cướp kia không được đề hồ.

Hạng phàm phu ấy có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ đây được sanh lên trời hưởng

một ít an lạc, như bọn cướp kia được sữa pha với nước. Mà hạng phàm phu ấy thiệt chẳng biết là do tu ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ đặng sanh lên cõi trời, họ lại chẳng biết được giới, định, trí huệ, quy y Tam bảo, rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu lại nói thường, lạc, ngã, tịnh, mà thiệt ra thời họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như Lai vì chúng sanh mà diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Như vua Chuyển Luân ra đời, do sức phước đức của vua nên bọn cướp tan vỡ, bầy bò vẫn còn nguyên vẹn. Nhà vua bèn giao bầy bò cho người chăn rành nghề, do đó mà được đề hồ, và nhờ đề hồ mà nhơn dân khỏi bịnh khổ.

Lúc đấng Pháp Vương ra đời, hạng phàm phu không thể diễn thuyết giới, định, trí huệ kia liền tan rã như bọn cướp. Bấy giờ Như Lai khéo giảng thế pháp và xuất thế pháp. Vì chúng sanh mà khiến các vị Bồ Tát theo đó để diễn thuyết. Chư đại Bồ Tát đã được đề hồ, lại làm cho vô số chúng sanh được pháp vị cam lộ vô thượng, tức là thường, lạc, ngã, tịnh, của Như Lai.

Này Ca Diếp ! Vì những nghĩa ấy nên Như Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng người ngu trong đời gọi Phạm Thiên v.v... là pháp thường còn.

Gọi là pháp thường trụ thời phải là Như Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ông phải hiểu biết thân Như Lai là như vậy.

Này Ca Diếp ! Mọi người nên thường chuyên lòng tu hai chữ này : Phật là "Thường trụ". Nếu Thiện Nam tử, Thiện nữ nhơn nào tu hai chữ này, nên biết người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Này Ca Diếp ! Nếu người tu tập hai chữ này làm tướng tịch diệt, nên biết Như Lai thời là nhập Niết Bàn đối với người ấy.

Này Ca Diếp ! Nghĩa Niết Bàn chính là pháp tánh của chư Phật".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào ? Nay con muốn biết nghĩa của pháp tánh. Cúi mong Đức Như Lai xót thương giải rộng cho.

Vả pháp tánh tức là xả thân, xả thân gọi là vô sở hữu, nếu vô sở hữu thời thân làm sao còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh sao thân lại còn ?.

Nay con phải hiểu như thế nào về nghĩa ấy ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nay ông chẳng nên nói diệt là pháp tánh. Pháp tánh không có diệt.

Ví như Vô Tưởng Thiên thành tựu sắc ấm mà không có sắc tưởng. Chẳng nên hỏi rằng các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào ? Nghĩ tưởng những gì ? Thấy nghe thế nào ?.

Này Ca Diếp ! Cảnh giới của Như Lai chẳng phải là chỗ biết của Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng nên nói rằng thân của Như Lai là pháp diệt.

Này Ca Diếp ! Pháp diệt như thế là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Nay ông không nên nghĩ lường Như Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy chỗ nào, vui chỗ nào ? Những nghĩa ấy, cũng chẳng phải các ông biết được. Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Này Ca Diếp ! Nên phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tưởng. Không vô thường tưởng, không biến dị tưởng. Nếu ở nơi ba pháp tu dị tưởng, phải biết rằng tam quy thanh tịnh của những người này thời không chỗ y nương, cấm giới của họ đều chẳng đầy đủ. Trọn chẳng chứng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề. Nếu có thể ở nơi bất khả tư nghị này tu thường tưởng thời có chỗ quy y.

Này Ca Diếp ! Ví như nhơn nơi cây thời có bóng cây. Cũng vậy, vì Như Lai có pháp thường trụ thời có chỗ quy y, chớ chẳng phải là vô thường. Nếu cho rằng Như Lai là vô thường thời Như Lai không phải là chỗ quy y của người và của trời".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Ví như trong tối có cây mà không có bóng".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nói là có cây mà không có bóng, chỉ vì nhục nhãn không thấy đó thôi. Cũng vậy, tánh Như Lai là thường trụ, là không biến đổi. Người không có con mắt trí huệ thời không thấy được. Như trong tối không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như Lai là vô thường.

Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng thời chẳng thành chỗ của ba pháp quy y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thường".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bắt đầu từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ Phật, Pháp và Tăng để khai ngộ cho cha mẹ, nhẫn đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì.

Bạch Thế Tôn ! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất khả tư nghì. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Nếu người nào không tin không nhận, thời người đó là kẻ tu pháp vô thường đã lâu. Con sẽ làm sương móc, làm mưa giá cho hạng người này".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông khéo có thể hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy thời là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhơn không khinh khi người mà được quả báo trường thọ, biết rành những đời đã qua".

V

PHẨM KIM CANG THÂN

Thứ năm

Bấy giờ đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân kim cang. Chẳng phải là thân tạp thực. Chính là Pháp thân".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Những thân của Phật nói đó con đều chẳng thấy. Con chỉ thấy những thân vô thường, phá hoại, vi trần, tạp thực thôi. Vì rằng đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ông chớ cho rằng thân của Như Lai hư hoại không bền như thân phàm phu.

Ông nên biết rằng thân Như Lai trong vô lượng ức kiếp luôn bền chắc không hư hoại, không phải thân người, thân trời, không phải thân sợ sệt, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như Lai chẳng phải thân mà là thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tập chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu vết, vô

tri vô hình, rốt ráo thanh tịnh, không có lay động, không phải thọ hành, chẳng trụ chẳng làm, không mùi vị không xen tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp chẳng phải quả, chẳng phải dời chẳng phải diệt, chẳng phải tâm vương, tâm sở, chẳng thể nghĩ bàn, thường chẳng thể nghĩ bàn, không thức, rời tâm cũng chẳng rời tâm, tâm đó bình đẳng không có mà cũng có, không đến đi, mà cũng đến đi, chẳng phá hoại, chẳng đoạn tuyệt, chẳng sanh diệt, không chủ mà cũng là chủ, chẳng phải hữu vô, chẳng phải giác quán, chẳng danh tự chẳng phải không danh tự, chẳng phải định chẳng phải không định, không thể thấy mà cũng thấy rành rành, không nơi chỗ cũng là nơi chỗ, không tối không sáng, không tịch tịnh mà cũng tịch tịnh, là vô sở hữu, chẳng nhận lấy chẳng ban cho, trong sạch không nhơ, không tranh đua, dứt tranh đua, trụ nơi vô trụ, chẳng chấp lấy chẳng sa mắc, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, vô tận bất tận, lìa tất cả tận, là rỗng không rời rỗng không, dầu chẳng thường trụ mà cũng thường trụ, chẳng phải niệm niệm diệt, không có cấu trược, không danh tự rời danh tự, chẳng phải tiếng chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải cân lường, chẳng phải nhứt dị, chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng mạo mà đủ tướng tốt trang nghiêm, chẳng phải dõng mãnh,

chẳng phải sợ sệt, không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt, không thể xem thấy, không có tướng mạo.

Như Lai độ thoát tất cả chúng sanh vì không ai độ thoát cho. Như Lai có thể làm cho chúng sanh được hiểu biết được giác ngộ, vì không ai giác ngộ cho. Như Lai thuyết pháp đúng như thật vì không có hai, chẳng thể nghĩ lường vì không sánh bằng, bình đẳng như hư không chẳng có hình mạo, đồng tánh vô sanh chẳng đoạn chẳng thường, thường hành nhứt thừa chúng sanh thấy là ba, chẳng thối chẳng chuyển, dứt tất cả kiết sử, chẳng gây chẳng chạm, chẳng phải tánh mà trụ nơi tánh, chẳng phải hiệp chẳng phải tan, chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải ngũ ấm lục nhập, thập bát giới mà là ấm, nhập, giới, chẳng phải thêm chẳng phải tổn, chẳng phải hơn chẳng phải thua. Thân của Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không có ai biết không ai chẳng biết, không ai thấy không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thời gian chẳng phải không thời gian, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nương chẳng phải không nương, chẳng phải tứ đại chẳng phải không tứ đại, chẳng phải nhơn chẳng phải chẳng nhơn, chẳng phải chúng sanh chẳng phải chẳng chúng sanh, chẳng phải Sa môn, chẳng phải Bà La Môn, là sư tử là đại sư tử,

chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên thuyết, trừ một pháp tướng không tính đếm được, lúc nhập Niết Bàn chẳng nhập Niết Bàn. Pháp thân của Như Lai thảy đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy.

Này Ca Diếp ! Chỉ có Như Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Những công đức như vậy thành thân của Như Lai, chẳng phải thân do tạp thực nuôi lớn.

Này Ca Diếp ! Chơn thân của Như Lai có công đức như vậy, đâu lại có các bịnh hoạn mỏng manh chẳng bền như đồ gốm chưa hầm kia ư ! Sở dĩ Như Lai thị hiện có sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sanh.

Nay ông phải biết thân Như Lai là thân Kim Cang. Từ ngày nay ông phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa ấy, chớ nghĩ là thân tạp thực. Cũng nên vì người mà giảng nói thân Như Lai tức là Pháp thân".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai thành tựu công đức như vậy, sao thân của Như Lai phải có bịnh khổ vô thường phá hoại ?

Từ ngày nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như Lai là Pháp thân thường trụ, là thân an lạc. Con cũng sẽ nói rộng nghĩa ấy cho người khác cùng nghe biết.

Kính bạch Thế Tôn ! Pháp thân của Như Lai Kim Cang bất hoại, mà con chưa rõ nguyên do thế nào.

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân Kim Cang này.

Này Ca Diếp ! Do vì ngày trước Như Lai hộ pháp nên nay được thân Kim Cang thường trụ bất hoại này.

Này Ca Diếp ! Người hộ trì chánh pháp chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi. Phải cầm binh khí hộ trì Tỳ Kheo giữ giới thanh tịnh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu có Tỳ Kheo rời sự hộ trì, ở riêng nơi vắng vẻ, bên gò, dưới cây, thời nên gọi vị này là chơn Tỳ Kheo. Nếu có người theo giữ gìn, phải biết vị này là cư sĩ trọc".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ông chớ nói là Cư sĩ trọc. Nếu có Tỳ kheo tùy ở chỗ nào, nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền. Có ai đến thưa hỏi đạo pháp, thời giảng nói phước đức trì giới, bố thí, ít muốn biết đủ. Dầu hay thuyết pháp như vậy mà vẫn không thể tuyên thuyết pháp Đại thừa, không có đồ chúng Đại thừa, không hàng phục được kẻ ác phi pháp. Tỳ Kheo này không có thể đem lợi ích lại cho chính mình và chúng sanh. Phải biết Tỳ Kheo này lười nhác biếng trễ. Dầu hay giữ giới gìn hạnh thanh tịnh mà không làm được việc gì.

Nếu có Tỳ Kheo nuôi thân đầy đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý vi diệu Đại

thừa trong chín bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sanh. Xướng lên rằng : Trong kinh Niết bàn, đức Phật bảo các Tỳ Kheo chẳng được chứa nuôi tôi tớ trâu, bò dê lợn, những vật phi pháp. Nếu có Tỳ Kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy thời phải răn trị. Đức Như Lai ở trong bộ kinh khác đã từng nói có Tỳ Kheo nuôi chứa những vật phi pháp ấy, bị quốc vương cứ pháp trừng trị bắt phải hườn tục.

Nếu có Tỳ Kheo lúc tuyên thuyết những lời như trên đây, những kẻ phá giới nghe được rất oán giận bèn hại vị pháp sư này. Dầu bị giết chết, nhưng vị Pháp sư này vẫn được gọi là bực trì giới lợi mình lợi người. Vì do duyên này nên Như Lai cho phép vua, quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên học như vậy.

Này Ca Diếp ! Người phá giới chẳng hộ trì chánh pháp, gọi là cư sĩ trọc. Chẳng phải người trì giới mang danh từ ấy.

Này Ca Diếp ! Về đời quá khứ đã vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thành Câu Thi Na này có Phật ra đời hiệu Hoan Hỉ Tăng Ích Như Lai đủ cả mười đức hiệu. Lúc ấy cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu vui, nhơn dân đông đầy ấm no như chư Bồ Tát ở cõi An Lạc. Phật Hoan Hỉ Tăng Ích ở đời rất lâu, cơ duyên đã mãn, Ngài nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỉ Tăng Ích nhập Niết Bàn, chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn

lại bốn mươi năm cuối cùng, bây giờ có một Tỳ Kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đông đồ chúng. Tỳ Kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Cấm các Tỳ Kheo không được chứa nuôi tôi tớ, heo dê, những vật phi pháp. Bấy giờ có các Tỳ Kheo phá giới oán ghét theo làm hại Giác Đức. Quốc Vương Hữu Đức nghe được việc ấy, vì hộ pháp nên nhà vua liền vội đến đấu chiến với bọn phá giới, nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua cả mình bị thương rất nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Nay vua thiệt là người hộ pháp, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí". Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, rồi liền chết sanh về cõi Phật A Súc làm vị đệ tử thứ nhứt. Quân lính nhơn dân hoặc người theo vua chiến đấu, hoặc tùy hỉ đều được không thối chuyển tâm Bồ Đề, sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Súc. Pháp sư Giác Đức khi mãn thọ cũng sanh về cõi ấy làm vị đệ tử thứ hai trong chúng Thanh Văn của Phật A Súc.

Này Ca Diếp ! Quốc Vương trước kia là tiền thân của Như Lai đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân không biến hoại".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Thân chơn thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên như vậy, nên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phải siêng năng hộ trì chánh pháp, hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Này Ca Diếp ! Vì những cớ ấy nên hàng Ưu Bà Tắc v.v... phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ Kheo trì pháp như Giác Đức kia. Nếu cứ thọ trì ngũ giới chẳng đặng gọi là người Đại thừa. Vì hộ trì chánh pháp mà chẳng thọ ngũ giới mới gọi là người Đại thừa. Người hộ trì chánh pháp nên phải cầm binh khí hầu người thuyết pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu chư Tỳ Kheo làm bạn với hàng Ưu Bà Tắc cầm binh khí như vậy, là có thầy hay không có thầy ? Là trì giới hay phá giới ?".

Phật nói : "Ông chớ nói những người ấy là phá giới.

Này Ca Diếp ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, đời trược ác, cõi nước hoang loạn, đánh cướp lẫn nhau, nhơn dân đói khổ. Bấy giờ có người vì đói khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy gọi là người trọc. Hạng trọc ấy thấy Tỳ Kheo thanh tịnh giữ giới oai nghi đầy đủ hộ trì chánh pháp, bèn xua đuổi hoặc giết hại".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo trì giới hộ trì chánh pháp, làm thế nào đi vào tụ lạc thành ấp để giáo hóa ?".

Phật nói : "Vì vậy nên Như Lai cho phép Tỳ Kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm khí giới. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, trưởng giả, Ưu Bà Tắc v.v... vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như Lai gọi họ là người trì giới. Dầu cầm binh khí, nhưng chẳng nên giết chết người, nếu được như vậy thời được gọi là người trì giới bực nhứt.

Này Ca Diếp ! Người đủ chánh kiến có thể giảng rộng kinh điển Đại thừa, trọn chẳng nắm cầm tàn lọng của hàng vương giả, bình dầu, gạo thóc, các thứ dưa trái. Chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận vua, quan, trưởng giả. Đối với các đàn việt tâm không dua vạy, đầy đủ oai nghi, phục trừ hạng ác phá giới, đây gọi là bực thầy trì giới hộ pháp. Người này có thể làm chơn Thiện tri thức cho chúng sanh. Tâm người này rộng lớn như biển cả.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người. Đồ chúng quyến thuộc của Tỳ Kheo này cũng bắt chước thầy mà cầu lợi. Tỳ Kheo này bèn là tự phá hoại Tăng chúng.

Này Ca Diếp ! Tăng chúng có ba hạng : Một là phạm giới tạp Tăng, hai là ngu si Tăng, ba là thanh tịnh Tăng. Hạng phá giới tạp Tăng thời dễ phá hoại.

Hạng Tăng thanh tịnh trì giới thời lợi danh không làm hư hoại được.

Thế nào là phá giới tạp Tăng ? Nếu thầy Tỳ Kheo dầu là giữ gìn giới cấm, mà vì cầu lợi nên cùng với người phá giới ở chung, ngồi chung, đi chung, sự nghiệp chung, đây gọi là phá giới cũng gọi là tạp Tăng.

Thế nào là ngu si Tăng ? Nếu có Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, tâm trí tối khờ đần độn, thiểu dục đi khất thực. Đến ngày thuyết giới, ngày tự tứ, bảo các đệ tử thanh tịnh sám hối. Thấy người không phải đệ tử phạm giới không có thể bảo thanh tịnh sám hối, mà bèn chung thuyết giới tự tứ. Đây gọi là hạng ngu si Tăng.

Thế nào là thanh tịnh Tăng ? Có Tỳ Kheo Tăng không bị trăm ngàn loài ma làm trở hoại. Đại chúng Bồ Tát này bổn tánh thanh tịnh, có thể điều phục hai bộ chúng trên làm cho đều an trụ trong chúng thanh tịnh. Đây gọi là bực đại sư Hộ pháp vô thượng.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sanh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới, không phải luật thời không chứng biết, còn phải là luật thời bèn chứng biết.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sanh ? Nếu là Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh mà thường vào xóm làng chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà của góa

phụ, dâm nữ mà cùng ở chung nhiều năm. Đây gọi là điều phục lợi ích chúng sanh. Nếu là hàng Thanh Văn thời không nên làm như vậy.

Thế nào là giới trọng ? Nếu thấy đức Như Lai nhơn sự chế giới, từ ngày nay ông phải cẩn thận chớ lại phạm, như bốn giới trọng người xuất gia không nên làm mà bèn cố ý làm là không phải thầy Sa Môn, không phải hàng Thích tử, đây gọi là trọng.

Thế nào là giới khinh ? Nếu phạm tội nhẹ, ba lần can gián, nếu hay bỏ được, đây gọi là khinh.

Chẳng phải luật không chứng biết, là khi có người khen nói những vật không thanh tịnh nên thọ dùng thời không ở chung với người ấy.

Phải là luật thời chứng biết, là khéo học giới luật, chẳng gần người phá giới, thấy ai thật hành thuận với giới luật thời lòng vui mừng, khéo hay giải thuyết thế nào là chỗ làm của Phật pháp, đây gọi là luật sư. Khéo hiểu nhứt tự, khéo gìn khế kinh cũng lại như vậy.

Này Ca Diếp ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời đức Phật dạy, Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nên biết Như Lai thường trụ chẳng

biến đổi chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho người về nghĩa ấy".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Thân Như Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ Tát phải khéo học như vậy, thấy chơn chánh biết chơn chánh như vậy. Nếu có thể thấy biết rành rẽ như vậy, thời là thấy thân Kim Cang không hư hoại của Phật, như thấy hình sắc trong gương sáng".



VI

PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC

Thứ sáu

Bấy giờ đức Như Lai lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Nay ông nên khéo thọ trì danh tự chương cú cùng công đức của kinh này. Nếu có ai được nghe tên kinh này, thời không còn phải sanh vào bốn đường ác. Vì kinh này là chỗ tu tập của vô lượng vô biên chư Phật. Nay Như Lai sẽ nói về chỗ được công đức.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Kinh này tên gì ? Đại Bồ Tát phụng trì thế nào ?".

Phật dạy : "Kinh này tên là Đại Bát Niết Bàn. Tất cả lời hoặc thượng, hoặc trung, hoặc hạ đều lành cả. Nghĩa vị thâm thúy, văn trong kinh cũng lành, tinh thuần đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, Bửu tạng Kim cang đầy đủ không thiếu. Nay ông khéo nghe, Như Lai sẽ nói.

Này Ca Diếp ! Nói là Đại đó gọi là Thường, như tám sông lớn đều chảy về biển cả. Kinh này hàng phục các kiết sử phiền não và các tánh ma, rồi cần phải ở nơi Đại Bát Niết Bàn mà buông bỏ thân mạng. Vì thế nên tên là Đại Bát Niết Bàn.

Lại như Y Sư có một bí phương, nhiếp cả các phương thuốc khác. Cũng vậy, bao nhiêu môn diệu pháp thâm áo bí mật đều vào nơi "Đại Bát Niết Bàn".

Vì thế nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Ví như nông phu, tháng mùa xuân gieo giống thường có hy vọng, lúc đã gặt hái xong thời không hy vọng nữa.

Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác thường hy vọng mùi vị, nếu được nghe kinh Đại Bát Niết Bàn này, thời sự hy vọng mùi vị nơi các kinh kia thảy đều dứt hẳn.

Đại Niết Bàn đây có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các dòng hữu lậu trong ba cõi.

Này Ca Diếp ! Như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn cả. Cũng vậy, kinh này là đệ nhứt nơi các kinh Tam muội.

Như cày ruộng, mùa thu cày là hơn cả, cũng vậy, trong các kinh, kinh này là hơn cả.

Như trong các vị thuốc, vị đề hồ là thứ nhứt hay trị bịnh nhiệt não loạn tâm của chúng sanh, cũng vậy, kinh Đại Bát Niết Bàn là thứ nhứt.

Như bơ ngọt đủ cả tám mùi. Cũng vậy, kinh nầy đầy đủ tám vị. Những gì là tám ? Một là "thường", hai là "hằng", ba là "an", bốn là "thanh lương", năm là "chẳng già", sáu là "chẳng chết", bảy là "không nhơ", tám là "khoái lạc". Vì đầy đủ tám vị nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Nếu các đại Bồ Tát an trụ trong đây thời lại có thể thị hiện Niết Bàn ở nhiều nơi. Vì thế nên gọi là "Đại Bát Niết Bàn".

Này Ca Diếp ! Nếu người nào muốn ở nơi Đại Bát Niết Bàn đây mà Niết Bàn thời phải học như vầy : Như Lai thường trụ, Pháp và Tăng cũng thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Công đức của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại Niết Bàn đây cũng không thể nghĩ bàn.

Nếu có người tu học kinh điển này thời đặng pháp môn chơn chánh, có thể làm lương y. Nếu là chưa học, nên biết người này đui mù không con mắt trí huệ, bị vô minh che đậy".

VII

PHẨM TỨ TƯỚNG

Thứ bảy

(*) Đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Vị Đại Bồ Tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa : một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là hay tùy vấn đáp, bốn là khéo hiểu nghĩa nhơn duyên.

Thế nào là "Tự Chánh" ? Nếu đức Như Lai thấy các nhơn duyên mà có chỗ đáng dạy bảo. Như có Tỳ Kheo thấy cụm lửa lớn bèn nói rằng : Thà rằng tôi tự ôm lấy cụm lửa này, trọn chẳng dám ở nơi chỗ đức Như Lai giảng thuyết mười hai phần kinh và tạng bí mật, mà hủy báng là của ma Ba Tuần nói chớ không phải Phật. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình, không bao giờ nói Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Hoặc nghe người khác nói như vậy tôi cũng không tin nhận mà còn thương xót cho kẻ ấy.

(*) Hán bộ quyển thứ 4

Như Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn, nên thọ trì như vậy. Tự xem thân mình như cụm lửa. Đây gọi là Tự Chánh".

Thế nào là "Chánh Tha" ? Lúc nọ Phật đang thuyết pháp, có một người nữ vào lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi rằng : Có phải nàng vì quá thương con, mà mớm cho con ăn nhiều chất bơ, rồi không biết có tiêu hóa hay không tiêu hóa ? - Người nữ liền bạch Phật : "Lạ lùng thay ! Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của con. Bạch Thế Tôn ! Sớm mai này tiện nữ cho con ăn nhiều chất bơ, lòng tiện nữ sợ rằng không tiêu hóa được, nó sẽ phải bịnh. Ngưỡng mong đức Như Lai chỉ dạy cho." - Phật dạy : "Con nàng ăn thức ăn ấy đã tiêu hóa tốt, nó sẽ được khỏe mạnh". Người nữ nghe đức Phật nói, thời vui mừng hớn hở và thốt lời rằng : "Vì đức Như Lai nói đúng như thiệt nên con vui mừng".

Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh, mà khéo phân biệt nói tiêu hay chẳng tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật nói "thường" trước, các đệ tử sẽ cho rằng pháp này đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo, vì hàng Thanh Văn đệ tử chẳng tiêu được pháp thường trụ, nên Như Lai trước dạy pháp "khổ", "vô thường". Khi mà hàng Thanh Văn đệ tử đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh pháp Đại thừa, Như Lai ở kinh này nói sáu

vị : Một là "khổ", vị chua; hai là "vô thường", vị mặn; ba là "vô ngã", vị đắng; bốn là "lạc", vị ngọt; năm là "ngã", vị cay; sáu là "thường", vị lạt.

Trong thế gian kia có ba vị : Vô thường, vô ngã, và khổ, phiền não làm củi, trí huệ làm lửa, do các nhơn duyên đó mà thành cơm Niết Bàn tức là "thường, lạc và ngã", làm cho các đệ tử đều được nếm mùi ngọt ngon.

Phật lại bảo người nữ rằng : "Nếu nàng có sự duyên muốn đến xứ khác, thời phải đuổi đứa con trai hung ác ra khỏi nhà, rồi đem gia nghiệp giao cho đứa con trai hiền lành". Người nữ bạch Phật rằng : "Thiệt đúng như lời đức Thế Tôn dạy, gia nghiệp nên giao cho đứa con hiền, chớ chẳng nên giao cho đứa con dữ." Phật nói : "Như Lai cũng vậy, lúc nhập Niết bàn, đem tạng pháp Vô thượng phó chúc cho các vị Bồ Tát, chớ không giao cho hàng Thanh Văn, vì hàng Thanh Văn tưởng là Như Lai thiệt diệt độ. Còn các vị Bồ Tát thời nhận rằng Như Lai thường trụ không biến đổi. Mà quả thiệt Như Lai không có diệt độ. Như lúc nàng xa nhà chưa trở về, đứa con ác kia bèn nói là nàng đã chết mất rồi, còn đứa con hiền vẫn tin tưởng là nàng còn sống. Mà chính thiệt thời nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh nào nhận rằng Phật là thường trụ không biến đổi, phải biết nhà kẻ ấy thời là có Phật.

Đây gọi là Chánh thí.

Thế nào là Hay tùy vấn đáp ? Nếu có người đến hỏi Phật rằng : Tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là Đàn việt đại bố thí ? Phật dạy : "Đem tôi trai tớ gái bố thí cho những bực Sa Môn, Bà La Môn, thiểu dục tri túc, chẳng nhận chẳng chứa các vật bất tịnh. Đem người nữ thí cho vị tu phạm hạnh. Đem rượu thịt thí cho người đã dứt rượu thịt. Đem thực phẩm phi thời thí cho người không ăn phi thời. Đem đồ trang sức thí cho người không trang sức. Bố thí như vậy rất có danh tiếng, mà của tiền khỏi mất hào ly".

Đây gọi là Hay tùy vấn đáp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt đến cho. Vì con thấy người không ăn thịt được công đức lớn".

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông có thể khéo biết ý của Như Lai. Bồ Tát hộ pháp phải như vậy.

Này Ca Diếp ! Bắt đầu từ ngày nay trở đi, Như Lai không cho phép hàng Thanh Văn đệ tử ăn thịt, nếu đàn việt đem đến dưng thí, phải xem thịt ấy như thịt con mình".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Tại sao đức Như Lai không cho phép ăn thịt ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Luận về người ăn thịt thời dứt mất giống đại từ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Duyên cớ gì ngày trước đức Như Lai cho phép hàng Tỳ Kheo ăn ba thứ tịnh nhục ?". Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà tạm chế thôi".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "Bạch Thế tôn ! Duyên cớ gì mà mười thứ bất tịnh nhẫn đến chín thứ thanh tịnh, Như Lai lại chẳng cho phép ?".

Phật nói : "Cũng là nhơn nơi sự mà lần lượt chế. Nên biết chính là nghĩa đoạn nhục hiện nay".

Ca Diếp Bồ Tát bạch : "Cớ sao Như Lai khen ngợi ngư nhục là món ăn ngon ?".

Phật dạy : "Như Lai cũng chẳng nói loài ngư nhục là món ăn ngon, mà Như Lai vẫn nói mía, đường, gạo, tất cả thứ lúa, bắp, sữa, bơ, dầu, là những thức ăn ngon.

Dầu rằng Như Lai nói được chứa các thứ y phục, mà đều phải hoại sắc, huống lại tham ưa nơi vị ngư nhục kia".

Ca Diếp lại bạch Phật : "Đức Như Lai nếu chế không được ăn ngư nhục, thời những thứ sữa, bơ, dầu, v.v... và các thứ y phục kiều xa gia, đồ bằng da thú, ngọc ngà, bồn chậu bằng vàng bạc, cũng đều chẳng nên dùng".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Chẳng nên có kiến chấp đồng với bọn lõa thể ngoại đạo kia. Bao nhiêu cấm giới của Như Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý nên cho ăn ba thứ tịnh nhục. Vì dị ý nên cấm ăn mười thứ thịt. Vì dị ý nên cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn, dầu là thịt của con vật tự chết.

Này Ca Diếp ! Từ nay Như Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.

Này Ca Diếp ! Người mà ăn thịt, hoặc đi đứng nằm ngồi, chúng sanh nào nghe đến hơi thịt thời kinh sợ. Ví như người ở gần sư tử, đi đến đâu, mọi người nghe mùi hôi của sư tử thời đều kinh sợ. Như người ăn tỏi, không ai dám gần người ấy vì tanh mùi tỏi. Kẻ ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sanh nghe hơi thịt, thảy đều kinh sợ, nghĩ đến sự chết, các loài cá trạnh, muông thú, cùng chim chóc, đều chạy tránh xa, đều có quan niệm rằng người ấy là kẻ hại ta. Vì thế nên Bồ Tát không ăn thịt, vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Dầu thị hiện ăn thịt mà thật ra thời không có ăn.

Này Ca Diếp ! Hàng Bồ Tát này còn không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống lại ăn thịt.

Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, các bực tứ quả Thánh nhơn đều lần lượt nhập Niết Bàn. Sau khi chánh pháp diệt, trong thời tượng pháp, sẽ có các Tỳ Kheo in tuồng trì luật, ít đọc tụng kinh, tham ưa ăn uống, lo bồi

bổ thân thể, y phục mặc trên thân thô xấu hôi dơ, hình dung tiều tụy không có oai đức, chăn nuôi bò dê, vác củi gánh cỏ, tóc râu để dài, dầu mặc cà sa mà như thợ săn, dầu ngó xuống đi chậm rãi mà như mèo rình chuột. Thường tự xướng rằng ta chứng được quả A La Hán, mang nhiều bệnh khổ nằm lăn trên phẩn uế, ngoài thời hiện ra tướng hiền thiện, trong thời đầy lòng tham sân như Bà La Môn, thọ phép câm, thiệt chẳng phải Sa Môn mà hiện tướng Sa Môn, tà kiến xí thạnh, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật chánh hạnh oai nghi của Như Lai chế và quả giải thoát của Như Lai nói.

Họ rời pháp thanh tịnh và làm hư hoại giáo pháp thậm thâm bí mật. Họ theo ý riêng, nói ngược với kinh luật rằng đức Phật cho phép chúng tôi ăn thịt. Họ đều tự xưng là Sa Môn Thích tử.

Này Ca Diếp ! Bấy giờ lại có các hàng Sa Môn chứa thóc, nhận lấy thịt cá, tay tự nấu ăn, cầm xách bình dầu ăn, cùng giày dép bằng da và lọng báu, thân cận quốc vương, quan lớn, nhà giàu sang, xem tướng, coi sao, siêng học nghề thuốc, chứa nuôi tôi tớ, vàng bạc bảy báu, các thứ dưa trái, học tập các nghề : nghề vẽ, nghề nắn, làm sách dạy học, gieo trồng, chú thuật, chế thuốc, đờn ca xướng hát, hương hoa trang điểm, cờ bạc, học các nghề thợ.

Nếu có Tỳ Kheo nào hay tránh lìa các việc ác như trên, nên nói người ấy thật là đệ tử của Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhơn người khác giúp mà sống. Lúc khất thực, nếu đặng món ăn lộn với thịt, phải làm cách nào để ăn đúng với pháp thanh tịnh ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi hãy ăn. Nếu đồ đựng bị thịt làm dơ, chỉ làm cho không có vị thịt thời cho phép được dùng không tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thời không được nhận. Tất cả thứ thịt đều không được ăn. Người ăn thịt thời phải tội.

Nay Như Lai xướng điều chế đoạn nhục như vậy, nếu giảng rộng thời không thể hết. Giờ Niết Bàn gần đến nên phải nói lược.

Đây gọi là "Hay tùy vấn đáp".

Này Ca Diếp ! Thế nào là Khéo hiểu nghĩa nhơn duyên ?

Như có bốn bộ chúng đến hỏi Như Lai rằng : Những nghĩa như vậy, thuở đức Như Lai mới ra đời, cớ sao chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói pháp môn nghĩa lý thâm diệu, hoặc có lúc nói thâm, có lúc nói thiển, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm, thế nào gọi là Đọa ? Thế nào gọi là Luật ? Thế nào là Ba la đề mộc xoa ?.

Phật dạy : "Ba la đề mộc xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa, cũng gọi là tịnh mạng.

Đọa đó gọi là bốn ác thú, và lại đọa đó là đọa nơi địa ngục, nhẫn đến A tỳ, luận về chậm mau thời hơn nơi mưa to. Người nghe sợ hãi bèn giữ chặt cấm giới không phạm oai nghi, tu tập tri túc, chẳng thọ lấy tất cả vật bất tịnh. Và lại đọa là thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì những nghĩa ấy nên gọi là đọa.

Ba la đề mộc xoa là lìa nghiệp tà bất thiện của thân, khẩu, và ý.

Luật là các giới, oai nghi, nghĩa hay trong các kinh thâm diệu, ngăn thọ tất cả vật bất tịnh, và nhơn duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội Tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đơn đọa, bốn pháp hối quá, các pháp học, bảy pháp diệt tránh.

Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp trọng nhẫn đến bảy pháp diệt tránh. Hoặc có người chê bai chánh pháp, những kinh điển thậm thâm, và hạng hoàn toàn nhứt xiển đề. Những người trên đây tự nói mình thông minh nhiều trí, che giấu tất cả những tội nặng tội nhẹ, che giấu điều xấu ác, như rùa giấu cả sáu chi. Vì che giấu mãi không chịu sám hối nên tội lỗi càng lớn thêm lần. Như Lai biết như vậy nên lần lượt mà chế giới, chẳng đồng thời chế cả thảy được.

Bấy giờ có người đến hỏi : "Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai từ lâu đã biết trước những sự ấy, sao

không chế trước, phải chăng Đức Thế Tôn muốn để chúng sanh mắc tội đọa địa ngục ư ? Ví như có nhóm người muốn đến xứ khác, quên đường, đi lạc, mà vẫn không tự biết là lạc đường, lại không gặp ai để hỏi là phải hay không phải. Cũng vậy, chúng sanh mê tối nơi Phật pháp chẳng thấy con đường chánh chơn. Đáng lẽ đức Như Lai nên trước dạy đạo chơn chánh. Bảo các Tỳ Kheo này là phạm giới, này là trì giới, phải chế giới như vậy. Vì đức Như Lai là bực Chánh Giác chơn thiệt thấy rõ đạo chơn chánh. Chỉ có đức Như Lai là đấng Trời trong các trời, hay nói pháp thập thiện công đức tăng thượng và nghĩa vị của pháp ấy. Thế nên khải thỉnh đức Thế Tôn chế giới trước.

Phật nói : "Này Thiện nam tử, nếu ông đã nói rằng đức Như Lai hay vì chúng sanh mà dạy pháp thập thiện công đức tăng thượng, thế thời Như Lai xem các chúng sanh như La Hầu La, sao ông lại nạn rằng phải chăng Như Lai muốn chúng sanh phải đọa địa ngục ! Như Lai thấy một người có nhơn duyên đọa A tỳ địa ngục, còn vì người ấy mà trụ một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Như Lai có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đâu có cớ gì lại phỉnh gạt kẻ mà Như Lai đã xem như con ruột, làm cho nó bị sa vào địa ngục !

Này Thiện nam tử ! Như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. Cũng vậy, thấy chúng

sanh có nhơn duyên sa vào A Tỳ địa ngục, Như Lai bèn dùng giới lành mà vá đó.

Ví như vua Chuyển Luân trước dạy nhơn dân mười nghiệp lành, về sau có người làm ác, vua bèn theo mỗi sự mà dứt ác lần lần, khi sự ác đã dứt rồi, pháp luật của nhà vua tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như Lai dầu có thuyết pháp mà không được chế luật trước, phải do nơi Tỳ Kheo làm phi pháp, mới theo sự mà chế lần lần. Những người thích chánh pháp, tu hành theo lời dạy của Như Lai, hạng người này mới có thể thấy pháp thân của Như Lai.

Như luân bửu của vua Chuyển Luân không thể nghĩ bàn. Như Lai, Pháp và Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người hay thuyết pháp và người nghe pháp cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Đây gọi là Khéo hiểu nghĩa nhơn duyên.

Bồ Tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn điều như vậy, đây là nghĩa nhơn duyên trong Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại còn có nghĩa thế này : "Tự Chánh" là được Đại Bát Niết Bàn đây.

"Chánh Tha" là Như Lai vì Tỳ Kheo mà nói rằng Như Lai thường còn không biến đổi.

"Tùy vấn đáp" là, này Ca Diếp ! Nhơn ông hỏi mà Như Lai mới được dịp vì đại chúng giảng nói nghĩa lý thậm thâm vi diệu trên đây.

"Nghĩa nhơn duyên" là hàng Thanh Văn, Duyên Giác không hiểu được nghĩa rất sâu như vậy, chẳng nghe chữ y (.•.) do ba điểm mà thành, giải thoát cùng Niết Bàn và Ma ha Bát nhã thành tạng bí mật.

Nay Như Lai ở nơi đại hội đây xiển dương phân biệt, khai phát huệ nhãn cho hàng Thanh Văn. Giả sử có người nói rằng bốn sự như vậy là một, thế nào chẳng phải hư vọng ư ? Thời nên gạn trở lại rằng hư không đây, không chỗ có, không ngại, không động, bốn sự như vậy có gì là khác. Đâu gọi là hư vọng được !".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Các câu như vậy chính là một nghĩa, đó là nghĩa không.

Tự chánh, chánh tha, hay tùy vấn đáp và hiểu nghĩa nhơn duyên, cũng lại như vậy, đồng là Đại Niết Bàn cả".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Nếu có người nói thế này : Như Lai vô thường. Biết là vô thường, vì như lời Phật dạy diệt các phiền não gọi là Niết Bàn, cũng như lửa tắt thời không chỗ có, dứt các phiền não gọi là Niết Bàn cũng lại như vậy, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Lại như Phật dạy, rời các cõi hữu lậu, bèn gọi là Niết Bàn, trong Niết Bàn đây không có các cõi hữu lậu, thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Như cái áo hư rách hết, chẳng còn gọi là món vật. Cũng vậy,

Niết Bàn dứt các phiền não chẳng gọi là vật gì. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Đức Phật cũng dạy : Ly dục tịch diệt gọi là Niết Bàn, như người bị chém đứt đầu thời không còn có đầu, cũng vậy, ly dục tịch diệt rỗng trống không chỗ có nên gọi là Niết Bàn. Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư ? Phật từng dạy rằng :

Như sắt nướng đỏ,
Đập văng mạt lửa,
Văng ra liền tắt,
Chẳng biết ở đâu !
Được chánh giải thoát,
Cũng lại như vậy.
Đã lìa dâm dục,
Các cõi hữu lậu.
Được quả vô động,
Không rõ đến đâu !

Thế sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi ?

Này Ca Diếp ! Nếu ai hỏi gạn như vậy, gọi là lời gạn tà. Ông cũng chẳng nên suy nghĩ rằng tánh Như Lai là diệt tận.

Này Ca Diếp ! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã trọn rốt ráo hẳn, thế nên gọi là "Thường". Câu này tịch tịnh không có gì hơn. Dứt hết các

tướng không có thừa sót. Câu đây trắng sạch thường trụ không thôi chuyển. Thế nên Niết Bàn gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ không biến đổi cũng lại như vậy.

Mạt lửa để dụ phiền não, văng ra liền tắt không biết ở đâu, để chỉ Như Lai đã dứt phiền não, chẳng ở trong năm loài. Thế nên Như Lai là pháp thường trụ không có biến đổi.

Này Ca Diếp ! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nếu lửa phiền não tắt, Như Lai cũng tắt, thế thời Như Lai không có chỗ thường trụ, như mạt sắt kia, mất ánh lửa đỏ rồi chẳng biết văng đến đâu. Như Lai phiền não cũng vậy, diệt rồi thời vô thường. Lại như trên thanh sắt kia, hơi nóng và màu đỏ tắt rồi thời không còn có, Như Lai cũng vậy diệt rồi thời vô thường. Diệt lửa phiền não bèn nhập Niết Bàn, nên biết Như Lai tức là vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm dầu diệt phiền não, diệt rồi sanh lại, nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải như vậy, diệt rồi không còn sanh lại nên gọi là thường".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa

thời màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như Lai lẽ ra sanh phiền não lại, nếu phiền não sanh trở lại bèn là vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nói Như Lai vô thường, vì Như Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thời còn tro, phiền não diệt rồi bèn có Niết Bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Này Ca Diếp ! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiền não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia, Như Lai dùng lửa mạnh trí huệ đốt sắt kiết sử phiền não của chúng sanh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Lành thay ! Lành thay ! Con nay thiệt biết rõ chư Phật là thường trụ".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như Thánh vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói là vua đã chết. Cũng vậy, Như Lai dầu nhập vào trong Niết Bàn, không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi Niết Bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa Chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi : "Như đức Phật đã dạy : Từ lâu Như Lai đã vượt khỏi biển phiền não. Duyên cớ gì lại cùng Da Du Đà La sanh La Hầu La ? Do cớ đây mà biết rằng Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não. Cúi xin Như Lai nói về nhơn duyên đó".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ông chẳng nên nói Như Lai từ lâu đã vượt khỏi biển cả phiền não, duyên cớ gì lại cùng Da Du Đà La sanh La Hầu La, vì cớ đây nên biết Như Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não.

Này Ca Diếp ! Đại Niết Bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lóng nghe, rồi rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hột đình lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hột đình lịch, rồi đem để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp ! Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, có thể đem cả cõi Đại Thiên để vào vỏ hột đình lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay

biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cõi Đại Thiên để vào lỗ chân lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết bàn, ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem các thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn, bứt lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vụt qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm này, và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp ! Vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết Bàn thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa, vì thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La ?

Này Ca Diếp ! Như Lai từ lâu đã trụ nơi Đại Niết Bàn, thị hiện vô lượng thần thông biến hóa, ở trong cõi Đại Thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề này, thị hiện vô lượng thần thông biến hóa, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập Niết Bàn, mà chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ; làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Như Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như Lai đây chính là Pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Này Ca Diếp ! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng Đông bảy bước xướng lên rằng : Ở trong hàng Trời, Người, A Tu La,Ta là bực tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hi hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thiệt thời thân của Như Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp. Thân của Như Lai tức là Pháp thân, chẳng phải thân thịt,máu mạch,gân xương, tủy hiệp thành. Vì tùy thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền vô thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân này là thân cuối cùng không còn sanh tử

nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm Đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như Lai Ứng cúng Chánh biến tri. Đi lên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thiệt, tất cả trời, người, ma vương, Sa môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đảnh tướng của Như Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tùy thuận theo pháp thế gian, nên Như Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Tại Thiên. Lúc Đại Tự Tại Thiên thấy Như Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Ở Diêm Phù Đề, Như Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thiệt, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai

Như Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thiệt từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa đồ trang điểm, nhưng vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thiệt từ vô lượng kiếp Như Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường. Vì thế nên gọi là đấng Như Lai Ứng cúng Chánh Biến Tri.

Ở cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái tử, mọi người đều thấy Như Lai là Thái tử con trai lớn của vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Ma Gia, hưởng sự vui sướng trong cảnh ngũ dục [41]. Kỳ thiệt trong vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái tử nếu chẳng xuất gia thời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thiệt, từ vô lượng kiếp, Như Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bực Pháp vương.

Thị hiện nhàm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bịnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt

thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán dễ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm toà, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai đã hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh cang cường nên thị hiện như vậy.

Như Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thiệt thân của Như Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dưng cúng, nhưng thiệt ra thân của Như Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đầy đủ trí huệ thâm diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng,

rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v..., mọi người đều cho rằng Như Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như Lai đều không có những sự ấy, tay chơn trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm hoa Ưu bát la.

Đại chúng cho rằng Như Lai là nhơn loại, mà thiệt thời Như Lai không phải nhơn loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phấn tảo, giặt giủ, may nhuộm, nhưng từ lâu Như Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Này Ca Diếp ! Dầu Như Lai luôn thị hiện nhập Niết Bàn tại Diêm Phù Đề này. Kỳ thiệt Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, mà chúng sanh cho rằng Như Lai thiệt diệt độ. Phải biết tánh Như Lai thiệt chẳng diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Này Ca Diếp ! Đại Niết Bàn là Pháp giới của chư Phật Như Lai.

Như Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như Lai mới thành Phật, nhưng thiệt ra Như Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Ca Diếp ! Ở Diêm Phù Đề có lúc Như Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu sót.

Có lúc thị hiện làm gã nhứt xiển đề, nhưng thiệt ra không phải nhứt xiển đề. Làm gì có nhứt xiển đề mà thành bực Vô thượng Chánh giác !.

Có lúc thị hiện phá hòa hiệp Tăng, có lúc thị hiện hộ trì chánh pháp, mọi người đều kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhiễm như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A tu la, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, nhẫn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như Lai thiệt không có niệm dục, lòng Như Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đấy để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thứu để độ loài thứu, lại thị hiện làm Trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhơn dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tật dịch [42] tại nơi Diêm Phù Đề, rồi trước thí thuốc cho bịnh nhơn, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cẩn tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp cho mọi người bỏ lòng oán hại.

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp vô thượng, trồng cây pháp dược vô thượng để thay cây phiền não, diễn nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm Thầy chúng sanh, nhưng Như Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như Lai chánh giác an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhẫn đến ở khắp cõi Đại thiên, Như Lai đều thị

hiện như vậy, như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ Đại Bát Niết Bàn như vậy, thời có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Này Ca Diếp ! Do nhơn duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hầu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp Như Lai đã lìa hẳn dục nhiễm, nên Như Lai gọi là thường trụ không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như lời Phật nói : Như ngọn đèn đã tắt thời không có phương sở. Cũng vậy, Như Lai diệt độ rồi thời không phương sở. Thế nào Như Lai gọi là thường trụ ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thời ngọn đèn còn cháy, khi dầu hết thời ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não dầu dứt mà Như Lai pháp thân thường còn.

Này Ca Diếp ! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không ạ ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thời pháp thân cũng vô thường".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp Niết Bàn là thường, Như Lai tức Niết Bàn nên gọi là thường.

Này Ca Diếp ! Nói đèn tắt đó, là nói Niết Bàn của bực A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bực A Na Hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải Đại Niết Bàn đồng với đèn tắt. Bực A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõi nữa, chẳng còn lại lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thời gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thời gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm".

(*) Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy "Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật !" Nghĩa này không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật, điều khiển người máy. Mọi người dầu thấy người máy co duỗi, cúi ngữa, nhưng chẳng biết bộ phận ở trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh đều hiểu đều biết. Thế sao lại bảo rằng chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật ?".

(*) Hán bộ quyển thứ 5

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Như Lai thiệt không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vầng trăng sáng. Lời của Như Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thời không gọi là tạng.

Này Ca Diếp ! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bỏn xẻn nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là giấu kín. Như Lai thời không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa để vô lượng diệu pháp, lòng không bỏn xẻn, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyền, hoặc một mắt, cụt tay, què chân, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như Lai thời không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như Lai thời không phải thế, Như Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường diễn thuyết pháp nghĩa vô thượng.

Như Trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, Trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn [43] xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà [44] nghe biết, vì trong các luận điều của họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như Lai thời không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tạng.

Như Trưởng giả [45] rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên Trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Này Ca Diếp ! Giả sử Trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền đặng hiểu biết luận Tỳ Già La không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn !Không".

Phật hỏi : "Như vậy Trưởng giả có bí tàng đối với con của ông không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn, Không ! Vì đứa con còn thơ ấu, nên Trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẩn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tật đố lẩn tiếc mới gọi là giấu kín (bí tàng). Như Lai không như vậy, sao lại gọi là Như Lai bí tàng được".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tật đố giận hờn lẩn tiếc mới gọi là bí tàng. Như Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Này Ca Diếp ! Ông Trưởng giả trên kia là chỉ cho Như Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh Văn đệ tử, còn bán tự [46] đó là nói chín bộ kinh Tiểu thừa, luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng [47] Đại thừa. Vì hàng Thanh Văn không đủ sức trí huệ nên Như Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại thừa.

Này Ca Diếp ! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà Trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi Trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh Văn [48] đủ sức lãnh thọ Đại thừa mà Như Lai lẩn tiếc không dạy, mới có thể gọi Như Lai có tạng bí mật. Nhưng thiệt ra Như Lai không phải như vậy, nên Như Lai không có bí tàng.

Như Trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kế vì con mà diễn nói luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kế vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại thừa, chính là diệu lý Như Lai thường còn không biến đổi.

Này Ca Diếp ! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy đặng mùa. Người không gieo trồng thời không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long vương cũng không chỗ tiếc giấu. Như Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn : Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hột lành thời được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hột lành thời không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như Lai, mà Phật Như Lai cũng không chỗ bí tàng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nay con quyết định rõ biết Như Lai không chỗ bí tàng".

Như lời Phật nói : Luận Tỳ Già La là nói Phật Như Lai thường còn không biến đổi. Nghĩa đây không phải. Vì sao ? Vì ngày trước Phật có nói kệ :

Chư Phật cùng Duyên Giác
Nhẫn đến chúng đệ tử
Còn bỏ thân vô thường
Huống là hạng phàm phu.

Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào ?

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói bài kệ vô thường ấy.

Này Ca Diếp ! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như Lai. Như Lai liền hỏi có sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy ? - Vua đáp : "Bạch Thế Tôn hôm nay Thái Hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi sẽ nhường ngôi và đem của tiền châu báu cùng thân này để thưởng tặng cho người ấy sử dụng." Như Lai khuyên : "Nầy Đại Vương ! Nhà vua chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên Giác, Thanh Văn còn bỏ thân này, huống là phàm phu !

Này Ca Diếp ! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như Lai vì các hàng Thanh Văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như Lai thường còn không biến đổi".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Như lời Phật dạy :

Không chỗ chứa nhóm
Nơi ăn biết đủ

Như chim bay không
Dấu không thể tìm.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa này là thế nào ? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm ? Ai được gọi là nơi ăn biết đủ ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu ? Mà sự đi này là đến phương nào ?".

Phật dạy : "Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Này Ca Diếp ! Chứa nhóm có hai thứ : Một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh Văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như Lai.

Nầy Ca Diếp ! Tăng cũng hai hạng : Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh Văn. Thanh Văn Tăng không có chứa nhóm những tôi tớ đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như Lai cho chứa tôi tớ các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh Văn đệ tử của Như Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thời là bực gần đạo Vô Thượng Bồ Đề. Như Lai nói người này dầu đi mà không chỗ đến".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm huống là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như Lai. Thế sao Như Lai phải có

chứa nhóm. Vả chứa nhóm đó gọi là cất giấu. Thế nên Như Lai phàm có nói ra đều không lẩn tiếc, thế nào gọi là giấu cất ?

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là Niết Bàn. Trong Niết Bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa, sanh già bịnh chết, hai mươi lăm cõi, lìa các sự lo khổ và các phiền não. Niết Bàn như vậy là chỗ Như Lai ở thường không biến đổi. Vì nhơn duyên ấy, Như Lai đến trong rừng Ta La nơi đại Niết Bàn mà nhập Đại Niết Bàn".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Chữ Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô lượng tuổi thời gọi là đại trượng phu. Người này nếu có thể an trụ nói chánh pháp thời gọi là bực siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bực đại nhơn mà Như Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ cả tám thời là rất siêu thăng. Nói rằng Niết Bàn đó, không có tỳ vết.

Này Ca Diếp ! Như người bị xuông tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhổ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y này liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, hễ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như Lai thành bực Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi

Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não dâm nộ si làm đau nhức, bèn nói kinh Đại thừa cam lộ pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là Đại Bát Niết Bàn.

Đại Bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thời Như Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chơn thiệt thậm thâm này nên gọi là Đại Bát Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thương tích của người đời phàm có hai thứ : một là bịnh có thể trị, hai là bịnh không thể trị. Bịnh có thể trị thời y sư trị được, còn bịnh không thể trị thời y sư không trị được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cứ như lời Phật dạy, thời Như Lai đã trị bịnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề này rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được Niết Bàn ? Nếu chưa được Niết Bàn cả, sao Như Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề này có hai hạng : một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thời gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được Niết Bàn, thế

nên Như Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là nhứt xiển đề. Hạng nhứt xiển đề gọi là không trị được. Trừ hạng nhứt xiển đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên Niết Bàn gọi là không thương tích".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Những gì gọi là Niết Bàn ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Niết Bàn đó, gọi là Giải thoát".

- Bạch Thế Tôn ! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc ?".

- Này Ca Diếp ! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh Văn, Duyên Giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như Lai giải thoát là sắc.

Này Ca Diếp ! Thế nên giải thoát cũng sắc cũng chẳng phải sắc. Như Lai vì hàng Thanh Văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

- Bạch Thế Tôn ! Thanh Văn, Duyên Giác nếu chẳng phải sắc thời thế nào được trụ ?

- Này Ca Diếp ! Như trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng là sắc chẳng phải sắc, Như Lai cũng nói là chẳng phải sắc. Như có người nạn rằng trời Phi tưởng phi phi tưởng nếu chẳng phải sắc thế nào được trụ, đi lại, cử động ? Những nghĩa này là cảnh giới của chư Phật. Chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Giải thoát cũng vậy, là sắc chẳng

phải sắc nói là chẳng phải sắc, cũng là tưởng chẳng phải tưởng nói là chẳng phải tưởng. Những nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được".

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng : "Ngữa mong đức Thế Tôn thương xót nói rộng lại những nghĩa hạnh Đại Niết Bàn giải thoát".

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Này Ca Diếp ! Người chơn giải thoát gọi là xa lìa tất cả hệ phược. Nếu chơn giải thoát lìa các hệ phược thời không có sanh cũng không hòa hiệp. Ví như cha mẹ hòa hiệp sanh ra con. Người chơn giải thoát thời không phải như vậy, thế nên giải thoát gọi rằng chẳng sanh.

Này Ca Diếp ! Như đề hồ, tánh nó thanh tịnh. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải nhơn cha mẹ hòa hiệp mà sanh, tánh Như Lai thanh tịnh, sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sanh. Người chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cùng giải thoát không hai không khác.

Ví như tháng mùa xuân gieo các hột giống, đặng hơi ấm ướt liền mọc mầm lên cây. Người chơn giải thoát thời chẳng như vậy.

Lại giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là hư vô, chẳng phải năng tác sở tác. Phàm là tác giả dường

như thành quách lầu nhà để ngăn kẻ địch, chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Thế nên giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể. Giải thoát chẳng như vậy. Chơn thiệt giải thoát chẳng sanh chẳng diệt. Thế nên giải thoát tức là Như Lai. Cũng vậy, Như Lai bất sanh bất diệt, chẳng già chẳng chết, chẳng hư chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do những nghĩa này nên gọi Như Lai nhập Đại Niết Bàn.

Già là dời đổi tóc bạc mặt nhăn, chết là thân hư mạng hết, trong giải thoát không hai thứ này. Vì không già chết nên gọi giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn các pháp hữu vi dời đổi, thế nên Như Lai không có già. Không có già thời không có chết.

Lại giải thoát gọi rằng không bịnh. Bịnh là bốn trăm lẻ bốn bịnh và các thứ bịnh ở ngoài đến xâm tổn nơi thân. Nơi đây không có các bịnh ấy nên gọi là Giải thoát. Không tật bịnh là chơn thiệt giải thoát, chơn thiệt giải thoát tức là Như Lai. Như Lai không bịnh cho nên pháp thân cũng không có bịnh. Không bịnh như vậy tức là Như Lai.

Chết là thân hư mạng hết. Nơi đây không chết tức là cam lộ. Cam lộ này là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như Lai thành tựu công đức như vậy, thế sao lại nói Như Lai vô thường ? Không có lẽ gì nói Như Lai là vô thường được. Là thân Kim cang thế nào vô thường ! Thế nên Như Lai không gọi là chết.

Như Lai thanh tịnh không có cấu nhơ. Thân Như Lai chẳng bị nhơ nhớp trong thai, như hoa sen trắng bổn tánh trong sạch. Như Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thanh tịnh không cấu nhơ.

Lại giải thoát trọn không còn sót thừa những phiền não lỗi lầm. Cũng vậy, Như Lai không có tất cả phiền não lỗi lầm.

Lại giải thoát không có đấu tranh. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thời sanh lòng tham đoạt. Giải thoát không phải như vậy.

Lại giải thoát gọi là an tịnh. Người phàm tục cho rằng an tịnh là Đại Tự Tại Thiên, đây là lời hư vọng. Chơn thiệt an tịnh là rốt ráo giải thoát, rốt ráo giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là an ổn. Như chỗ nhiều giặc cướp chẳng gọi là an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn. Trong giải thoát không có bố úy nên gọi là an ổn. Thế nên an ổn tức là chơn thiệt giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát không có bạn đồng hàng. Có bạn đồng hàng như quốc vương có các lân quốc. Không bạn đồng

hàng như Chuyển Luân Thánh Vương không có vua nào đứng ngang hàng. Cũng vậy, giải thoát không có đồng hàng. Không có đồng hàng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát là Như Lai Chuyển Pháp Luân Vương. Thế nên Như Lai không bạn đồng hàng.

Lại giải thoát không ưu sầu. Có ưu sầu như Quốc vương sợ nước láng giềng mạnh nên ưu sầu. Giải thoát không như vậy. Như phá được oán địch thời không còn lo sợ nữa. Cũng vậy, giải thoát không có lo sợ, không lo sợ tức là Như Lai.

Lại giải thoát là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con trai, có việc xa nhà, thoạt có tin con bị nạn chết thời rất sầu khổ, về sau lại nghe rằng còn sống thời rất vui mừng. Trong giải thoát không có sự lo mừng như vậy. Không lo mừng là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có bụi nhơ. Như tháng mùa xuân sau khi mặt trời lặn, gió nổi bụi mù. Trong giải thoát không có việc ấy. Không bụi mù dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như viên minh châu trong búi tóc của Thánh Vương không có nhơ bợn. Tánh giải thoát cũng không nhơ bợn. Không nhơ bợn dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như chất vàng không lộn cát đá mới gọi là vàng ròng, ai được vàng ròng thời tự biết là mình có của.

Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng kia dụ cho chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như bình sành bị bể, tiếng nghe lạch cạch. Bình bằng kim cang bửu thời chẳng như vậy. Giải thoát cũng không diếc bể. Bình báu kim cang dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Thế nên thân Như Lai không hư hoại.

Tiếng lạch cạch như hột đu đủ dầu phơi trong nắng, nổ tiếng lạch cạch. Giải thoát không có như vậy. Như bình báu kim cang không có tiếng bể lạch cạch. Giả sử trăm ngàn người, cùng đua nhau bắn, không ai làm bể được. Không tiếng bể lạch cạch dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Như người nghèo thiếu nợ, bị chủ nợ đòi hỏi kiện thưa, gông cùm trói nhốt. Trong giải thoát không có các việc ấy. Như Trưởng giả giàu lớn có vô số vàng bạc châu báu, thế lực tự tại, chẳng mang nợ ai. Giải thoát cũng như vậy, chứa vô lượng của pháp bảo, thế lực tự tại, không có nợ thiếu. Không nợ thiếu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại chơn giải thoát gọi rằng không bức ngặt. Như mùa xuân lần nóng, mùa hạ oi bức, mùa đông rét lạnh. Trong chơn giải thoát không có những sự chẳng vừa ý như vậy. Không bức ngặt dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Ví như người ăn cá đã no mà lại uống sữa, người này thời là gần sự chết. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lồ thời được khỏi bịnh. Chơn giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Thế nào là bức ngặt, và không bức ngặt ? Như người phàm ngã mạn tự cao cho rằng không ai hại được mình, bèn ở chung với rắn cọp độc trùng, nên biết người này sẽ bị hoạnh tử. Đây là bức ngặt. Trong chơn giải thoát không có việc như vậy.

Không bị bức ngặt là như thần châu của vua Chuyển Luân trừ được chín mươi sáu thứ độc trùng, ai nghe được thần châu này thời các thứ độc đều tiêu diệt. Chơn giải thoát cũng lại như vậy xa lìa cả hai mươi lăm cõi. Tiêu độc dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại không bức ngặt như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại bức ngặt như gần cỏ khô mà đốt đèn lửa thời bị cháy lan. Trong chơn giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức ngặt, ví như mặt trời mặt trăng không bức chúng sanh. Cũng vậy, giải thoát không bức ngặt chúng sanh. Không bức ngặt đây dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Pháp vô động, vô động là không oan không thân. Như vua Chuyển Luân Vương không có vị Thánh vương khác để làm thân hữu. Giải thoát cũng vậy. Thánh vương không thân hữu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy, nên giải thoát là Vô động.

Như hoa Bà sư, muốn có mùi hôi và màu xanh thời không thể được. Cũng vậy, muốn trong giải thoát có mùi hôi và có các màu thời không thể được, nên giải thoát là Pháp vô động. Giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là hi hữu. Như trong nước mọc hoa sen thời không phải hi hữu. Trong lửa mọc hoa sen mới là hi hữu, ai thấy cũng đều vui mừng. Cũng vậy, ai được thấy chơn giải thoát cũng đều vui mừng. Hi hữu kia dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp thân.

Như trẻ nít chưa mọc răng, khôn lớn lần răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải vậy, không có sanh cùng bất sanh.

Lại giải thoát gọi là hư tịch, vô hữu, bất định. Bất định là như hạng nhứt xiển đề không phải rốt ráo chẳng dời, như người phạm tội trọng không phải rốt ráo chẳng thành Phật. Nếu có lòng tin trong sạch

ở nơi chánh pháp, hoặc được làm Ưu Bà Tắc thời diệt nhứt xiển đề. Còn người phạm tội trọng, khi diệt tội ấy thời được thành Phật. Nếu nói là rốt ráo không dời, rốt ráo chẳng thành Phật đạo thời là không đúng. Trong chơn giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy.

Lại hư tịch thuộc về pháp giới, như pháp giới tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại nhứt xiển đề nếu diệt tận thời chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Những gì gọi là nhứt xiển đề? Hạng nhứt xiển đề đoạn diệt tất cả căn lành, tâm họ không vin niếu tất cả pháp lành, nhẫn đến không sanh một niệm lành. Trong chơn giải thoát đều không có sự như vậy. Không các việc ấy tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đống thóc, có thể biết số cân lượng. Chơn giải thoát thời chẳng như vậy. Ví như biển lớn thời không thể đo lường được. Cũng vậy, giải thoát không thể đo lường. Không thể đo lường là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vô lượng pháp. Như một chúng sanh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển lớn không gì sánh bằng. Cũng vậy, giải thoát không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tối thượng, như hư không cao hơn cả không gì sánh. Cũng vậy, giải thoát cao hơn cả không gì sánh. Cao không gì sánh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không gì qua. Ví như chỗ ở của sư tử, các loài thú không con nào qua được. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Vô thượng. Như phương Bắc là trên cả các phương. Cũng vậy, giải thoát là không còn gì trên. Không gì trên là chơn giải thoát. Chơn giải thoát, tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Vô thượng thượng. Như phương Bắc qua nơi phương Đông là Vô thượng thượng. Cũng vậy, giải thoát là Vô thượng thượng. Vô thượng thượng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là Pháp hằng. Như thân của Trời người chết, đây gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng chắc. Như Khư đà la chiên đàn trầm thủy, tánh của nó cứng chắc. Cũng vậy, tánh của giải thoát cứng chắc. Tánh cứng chắc tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không rỗng bộng. Như thân cây tre lau rỗng bộng. Giải thoát không phải như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không ở được. Như tường vách khi chưa sơn phết thời ruồi muỗi đáp đậu trên đó, lúc sơn phết rồi, côn trùng nghe mùi sơn bèn không đến đậu ở. Không ở như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như tụ lạc đều có biên giới. Giải thoát không phải như vậy, không có biên tế như hư không. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim bay trên hư không. Khó thấy như vậy dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thậm thâm. Vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể vào được. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại thậm thâm đó là chỗ cung kính của Phật và Bồ Tát. Ví như hiếu tử cúng dường cha mẹ công

đức rất sâu. Công đức rất sâu dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thấy được. Như người đời không thấy được đỉnh đầu của mình. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thấy được giải thoát. Chơn giải thoát đây tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không, không có nhà cửa. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không nhà cửa dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể nắm lấy. Như trái A ma lặc, người nắm lấy được. Giải thoát không thể nắm lấy. Không thể nắm lấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể cầm. Ví như vật huyễn không thể cầm. Không thể cầm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có thân thể. Ví như thân người sanh các thứ ghẻ lác, ung nhọt, điên cuồng, gầy ốm. Trong chơn giải thoát không có những bịnh như vậy. Không bịnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là một vị. Như sữa có một vị. Một vị như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không bùn đứng lặng trong sạch. Đứng lặng trong sạch là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là nhứt vị thanh tịnh. Như giọt mưa nơi hư không nhứt vị thanh tịnh. Nhứt vị thanh tịnh dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là trừ dẹp. Ví như trăng tròn không mây mù. Không mây mù là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch tịnh. Ví như người mang bịnh nóng khi được lành mạnh thời thân tịch tịnh. Giải thoát cũng vậy, thân được tịch tịnh. Thân được tịch tịnh tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ruộng hoang, loài rắn độc, lang sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như vậy, không có tâm sát hại. Không tâm sát hại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại bình đẳng đó, như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng vậy, tâm ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở nơi tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có

chỗ ở nào khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ nào khác. Không chỗ nào khác là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Chơn giải thoát không phải như vậy. Như ăn cháo sữa thời không cần món gì nữa. Không cần món gì dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói dứt dây được thoát khỏi. Cũng vậy, giải thoát dứt đứt tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như con sông lớn có bờ bên này bờ bên kia. Giải thoát không như vậy. Dầu không bờ bến này mà có bờ bên kia. Có bờ bên kia đó là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là im lặng, không phải như biển lớn vang tiếng ồ ạt của thủy triều. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là mỹ diệu. Ví như các thứ thuốc trộn với trái A lê lặc thời có vị đắng. Giải thoát không như vậy, vị như cam lồ. Vị như cam lồ dụ cho chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát trừ các phiền não. Ví như lương y hòa hiệp các thứ thuốc trị lành các bịnh tật. Cũng vậy, giải thoát trừ được các phiền não. Trừ phiền não tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không hẹp. Ví như căn nhà nhỏ không dung được nhiều người. Giải thoát không phải như vậy, dung chứa được nhiều. Dung được nhiều là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là diệt những tham ái, chẳng xen dâm dục. Ví như người nữ nhiều sự tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai không có những phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v...

Lại giải thoát gọi là không ái nhiễm. Ái có hai thứ : Một là ngạ quỷ ái, hai là pháp ái. Chơn giải thoát lìa nơi ngạ quỷ ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát lìa ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là diệt tận, lìa sự tham trong ba cõi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là cứu hộ. Hay cứu hộ tất cả những kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là chỗ về. Nếu về nương nơi giải thoát như vậy thời chẳng cầu nương chỗ khác. Ví như có người nương tựa nơi vua, chẳng cầu nương tựa chỗ khác. Dầu nương tựa nơi vua mà có động chuyển. Về nương nơi giải thoát không có động chuyển. Không động chuyển là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là tòa nhà. Ví như có người đi nơi rừng vắng thời có hiểm nạn. Giải thoát không như vậy, chẳng có hiểm nạn. Chẳng có hiểm nạn tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát là vô sở úy. Như sư tử chúa không sợ trăm thú. Cũng vậy, giải thoát không sợ các loài ma. Không sợ sệt là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát không có chật hẹp. Ví như con đường hẹp không dung được hai người đi ngang nhau. Giải thoát chẳng như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai. Ví như có người bị cọp rượt té xuống giếng sâu. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai.

Lại không chật hẹp, như đi thuyền vượt biển an ổn, lòng được vui mừng. Giải thoát cũng vậy, tâm được vui mừng. Được vui mừng là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát là lìa các nhơn duyên. Ví như nhơn sữa được lạc, nhơn lạc được tô, nhơn tô được đề

hồ. Trong chơn giải thoát đều không có những nhơn ấy. Không nhơn là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại chơn giải thoát hay phục kiêu mạn. Ví như Đại vương kiêu mạn đối với Tiểu vương. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát phục các phóng dật. Người phóng dật thời có nhiều tham dục. Trong chơn giải thoát không có tên gọi ấy. Không tên gọi ấy là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát hay trừ vô minh. Như thứ tô thượng hạng lọc sạch cả cạn nhơ bèn gọi là đề hồ. Cũng vậy, giải thoát trừ sạch vô minh sanh ra chơn minh. Chơn minh ấy tức chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch tịnh, thuần một không hai. Như voi nơi đồng hoang trống, riêng một mình không bạn bầy. Cũng vậy, giải thoát thuần một không hai, thuần một không hai là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng đặc. Như tre, lau, thầu dầu, cọng cây rỗng bộng mà hột thời cứng đặc. Trừ Phật Như Lai, tất cả trời người đều không cứng đặc. Chơn giải thoát xa lìa tất cả các dòng hữu lậu. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là bỏ các hữu lậu, như có người ăn rồi mà ói ra. Bỏ các hữu lậu là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là quyết định, như mùi thơm hoa Bà sư không có trong hoa Thất diệp. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là thủy đại. Ví như thủy đại thắng hơn các đại khác, hay nhuận hột giống của tất cả cỏ cây. Cũng vậy, giải thoát hay nhuận tất cả loài có sự sanh sống. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là vào. Như có cửa nẻo thời thông vào hầm vàng, có thể được vàng. Cũng vậy, giải thoát như cửa nẻo kia. Người tu vô ngã thời được vào trong. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo chỗ thầy dạy bảo thời được gọi là hay giỏi. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp xuất thế, ra khỏi hơn nơi tất cả pháp. Như vị của sữa và tô hơn vị của các thứ khác. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là bất động. Như ngạch cửa gió không làm động được. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không sóng dợn. Như nước biển cả luôn có sóng dợn. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là có chỗ dùng. Như vàng Diêm phù đàn dùng được nhiều việc. Không ai nói được chỗ xấu dở của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có xấu dở. Không có xấu dở là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát bỏ hạnh anh nhi, như người lớn bỏ hạnh trẻ nít. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là rốt ráo. Như người bị trói, được mở thả, tắm rửa sạch sẽ rồi về nhà. Cũng vậy, giải thoát là rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là sự vui vô tác, vì đã ói sạch tham dục, sân hận cùng ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, phải uống thuốc ói, khi ói hết chất độc thời thân được an vui. Giải thoát cũng vậy, ói các độc phiền não kiết phược, thân được an vui gọi là sự vui vô tác. Sự vui vô tác tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu vi, xuất sanh tất cả vô lậu thiện pháp. Đoạn bít các đạo : hoặc là ngã, vô ngã, phi ngã, phi vô ngã. Chỉ đoạn sự chấp lấy, chớ không đoạn ngã kiến. Ngã kiến đó gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng không mà không. Phàm không không gọi là vô sở hữu, vô sở hữu là sự vọng chấp giải thoát của các nhà ngoại đạo Ni kiền tử, mà thật ra không có giải thoát nên gọi là không không. Chơn giải thoát thời không như vậy nên gọi là chẳng không mà không. Chẳng không mà không là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là không mà chẳng không. Như bình đựng nước đựng sữa, dầu không nước không sữa nhưng vẫn được gọi là bình nước, bình sữa. Các thứ bình đây không thể gọi là không hay chẳng không được. Nếu nói là không thời không được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói là chẳng không thời lại không có nước sữa. Giải thoát cũng vậy không thể nói là sắc cùng với chẳng phải sắc, chẳng thể nói là không cùng với chẳng không. Nếu nói là không thời chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng không thời ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh này. Vì những nghĩa ấy nên không thể nói là không cùng với bất không. Không là nói không hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả sự khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu vi. Như bình không nước thời gọi là không. Chẳng không là nói chơn thiệt thiện sắc : Thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng biến. Như sắc, hương, vị, xúc của cái bình, thời gọi là chẳng không. Vì vậy nên giải thoát dụ như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thời bị bể hư. Giải thoát

không hề bị hư hoại. Không thể hư hoại là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát gọi là lìa ham muốn. Ví như có người lòng ham muốn ngôi Thiên Đế, Phạm Vương, Tự Tại Thiên vương. Giải thoát không như vậy. Khi đã thành bực Vô thượng Chánh giác rồi thời không ai không nghi. Không ai không nghi là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai.

Lại giải thoát đoạn sự ham muốn của ba cõi, đoạn tất cả tướng, tất cả hệ phược, tất cả phiền não, tất cả sanh tử, tất cả nhơn duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh vì sợ phiền não sanh tử nên thọ tam quy y. Ví như bầy nai sợ thợ săn, nhảy khỏi một nhảy dụ cho một quy y, nhảy ba nhảy dụ ba quy y. Do nhảy khỏi ba nhảy mà được thoát nạn an vui. Chúng sanh cũng vậy vì sợ bốn loài ma mà thọ tam quy y. Do tam quy y nên được an vui. Được an vui tức là chơn giải thoát. Chơn giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết Bàn. Niết Bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô thượng Chánh giác".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu Niết Bàn, Phật tánh, quyết định và Như Lai là một nghĩa, thế sao nói rằng có ba quy y ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Tất cả chúng sanh sợ sanh tử nên cầu tam quy y. Vì do tam quy y mà biết Phật tánh, quyết định, Niết Bàn.

Này Ca Diếp ! Có pháp, tên thời một mà nghĩa thời khác. Có pháp, tên cùng nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác như Phật thường, Pháp thường, Tặng thường, Niết Bàn, Hư không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác : như Phật gọi là giác, Pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hiệp, Niết Bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi thiện cũng gọi là vô ngại.

Này Ca Diếp ! Tam quy y danh nghĩa đều khác, thế nên Như Lai bảo Ma Ha Ba Xà Ba Đề rằng : Này Kiều Đàm Di chớ cúng dường Như Lai, nên cúng dường Tăng, nếu cúng dường Tăng thời được cúng dường tam quy đầy đủ. Ma Ha Ba Xà Ba Đề thưa rằng trong chúng Tăng không Phật không Pháp, sao cho rằng cúng dường Tăng thời được đầy đủ cúng dường tam quy ? Như Lai dạy : Bà tuân lời Như Lai đó là cúng dường Phật. Vì giải thoát là cúng dường Pháp. Chúng Tăng nhận lãnh là cúng dường Tăng.

Này Ca Diếp ! Thế nên tam quy chẳng được là một.

Này Ca Diếp ! Hoặc có lúc Như Lai nói một làm ba, nói ba làm một. Nghĩa ấy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác biết được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như lời Thế Tôn nói rốt ráo an vui gọi là Niết Bàn, nghĩa này như thế nào ? Luận về Niết Bàn thời bỏ thân, bỏ trí, nếu bỏ thân trí ai sẽ thọ vui ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Ví như có người ăn xong buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói rồi trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà. Người ấy đáp đã lành, thân tôi được an vui. Như Lai cũng vậy, rốt ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, trọn được chỗ Niết Bàn an lạc, không thể động chuyển, không có diệt tận, dứt tất cả thọ, gọi là sự vui không thọ. Không thọ như vậy gọi là sự vui thường trụ. Nếu nói Như Lai có thọ sự vui thời là không đúng. Thế nên rốt ráo vui tức là Niết Bàn, Niết Bàn tức là chơn giải thoát, chơn giải thoát tức là Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Bất sanh bất diệt là Giải thoát ư ?".

Phật nói : "Phải ! Bất sanh bất diệt tức là Giải thoát, Giải thoát như vậy tức là Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Nếu bất sanh bất diệt là Giải thoát, thời tánh hư không cũng không sanh diệt lẽ ra là Như Lai. Như tánh Như Lai tức là Giải thoát".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Việc ấy không phải vậy. Như tiếng hót rất thanh diệu của chim Ca Lăng

Tần Già cùng chim Mạng Mạng, chừng có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim khách chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Trăm ngàn muôn lần tiếng hót của chim quạ, chim khách, sánh cũng không bằng tiếng hót của chim Ca Lăng Tần Già cùng chim Mạng Mạng.

Bạch Thế Tôn ! Tiếng của chim Ca Lăng Tần Già rất thanh diệu, thân cũng khác, sao đức Thế Tôn lại đem so sánh với chim quạ, chim khách. Khác nào đem hột đình lịch sánh với núi Tu Di. Phật sánh cùng hư không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca Lăng Tần Già có thể dụ cho tiếng nói của Phật. Không thể đem dụ với tiếng của chim quạ, chim khách".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Nay ông khéo hiểu được pháp rất sâu khó hiểu.

Có lúc vì một nhơn duyên mà Như Lai dẫn hư không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

Chơn giải thoát, tất cả trời người không ai có thể sánh ví được. Mà hư không kia thiệt cũng chẳng phải là ví dụ. Nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên đem sự chẳng phải ví dụ để làm dụ. Phải biết giải thoát tức là Như Lai. Tánh Như Lai tức là Giải thoát. Giải thoát cùng Như Lai không hai, không khác.

Này Ca Diếp ! Chẳng phải ví dụ, như vật không gì sánh không thể dẫn làm dụ. Vì có nhơn duyên

có thể dẫn làm dụ. Như trong Khế Kinh có nói diện mạo đoan chánh dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết chẳng được tức là voi trắng.

Này Ca Diếp ! Chẳng thể đem dụ nào để ví dụ cho chơn giải thoát. Chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà làm ví dụ thôi. Do nơi ví dụ mà biết các pháp tánh cũng lại như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cớ sao đức Như Lai nói hai thuyết như thế ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Ví như có người lòng giận tức tay cầm dao gươm muốn hại Như Lai. Như Lai vẫn hòa vui không có vẻ giận hờn. Người ấy có thể hại được Như Lai để thành tội nghịch chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không thể được. Vì thân Như Lai không thể phá hại. Bởi thân Như Lai vốn không thân chỉ có pháp tánh. Tánh của pháp tánh chẳng thể phá hoại. Người ấy đâu hại được thân Phật. Do vì có lòng ác hại mà người ấy thành tội vô gián.

Do nhơn duyên này dẫn các thứ ví dụ để được biết pháp chơn thiệt".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Lời ông vừa nói chính là chỗ Như Lai muốn nói.

Này Ca Diếp ! Lại như đứa con ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc nó ở bên đống thóc, mẹ nó đem cơm

đến. Nó thấy mẹ liền đi mài dao để giết mẹ. Mẹ nó biết ý bèn chui vào đống thóc để trốn. Nó cầm dao chém khắp đống thóc, tự cho là đã giết được mẹ nên rất vừa lòng. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đống thóc và trở về nhà.

Ông nghĩ thế nào, đứa con ấy có thành tội vô gián không ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Không quyết định được. Nếu nói là thành tội thời mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thời chính nó tự cho là đã giết được mẹ và rất vừa lòng. Người ấy dầu chẳng đầy đủ tội nghịch, mà cũng là nghịch. Do nhơn duyên này, nên dẫn các ví dụ để được biết pháp chơn thiệt".

Phật khen : "Hay thay ! Hay thay ! Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên ấy nên Như Lai nói các phương tiện ví dụ để dụ giải thoát. Dầu nói vô lượng vô số ví dụ, mà thiệt không thể đem dụ để sánh được. Hoặc có nhơn duyên cũng nói ví dụ. Hoặc có nhơn duyên chẳng nói ví dụ. Thế nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, thẳng đến Niết Bàn. Niết Bàn Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vì thành tựu viên mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con mới biết chỗ đến của Như Lai là không có cùng

tận. Nếu chỗ đã không cùng tận, phải biết thọ mạng cũng phải không cùng tận".

Phật nói : "Hay thay ! Hay thay ! Này Ca Diếp ! Nay ông khéo hay hộ trì chánh pháp. Nếu có người nào muốn đoạn trừ phiền não kiết phược, phải nên hộ trì chánh pháp như vậy".



THÍCH NGHĨA

(41)- NGŨ DỤC : Năm điều tham dục : 1- Tiền của, 2- Sắc đẹp, 3- Danh vị, 4- Ăn mặc, 5- Ngủ nghỉ.

Cũng có chỗ nói NGŨ DỤC là tham mê nơi cảnh ngũ trần : sắc, thanh, hương, vị xúc.

(42)- Nhơn gian có TIỂU TAM TAI (ba tai nạn nhỏ).

1- Tai nạn về bệnh tật nguy hiểm truyền nhiễm, như bệnh dịch, bệnh trái trời, bệnh thiên thời v.v...,

2- Tai nạn và sự đói khát,

3- Tai nạn về sự đao binh (giặc loạn).

Thế giới có ĐẠI TAM TAI (ba tai nạn lớn) :

1- Hỏa tai : tai nạn về lửa đốt cháy từ A Tỳ địa ngục đến cõi trời Sơ Thiền.

2- Thủy tai : tai nạn về nước ngập đến cõi trời Nhị Thiền.

3- Phong tai : tai nạn về gió thổi tan đến cõi trời Tam Thiền.

(43)- NAM CĂN : bộ phận sanh dục của đàn ông.

NỮ CĂN : bộ phận sanh dục của đàn bà.

(44)- BỐN GIAI CẤP ở xứ Thiên Trúc thời kỳ đức Thích Ca xuất thế : 1- Bà La Môn : giai cấp bực thầy của quốc dân, gồm những dòng trí thức thông thái, nắm chủ quyền về văn hóa lễ nghi trong nước, 2- Sát Đế Lợi : giai cấp vua chúa hoàng tộc, 3- Tỳ Xá : giai cấp thương mãi, thợ thuyền, 4- Thủ Đà : giai cấp lao công, cần vụ.

(45)- TRƯỞNG GIẢ : Danh từ tôn gọi hạng giàu sang cũng có đức hạnh.

(46)- "BÁN TỰ" chỉ cho những học thuyết sơ cấp, phổ thông, chưa đến trình độ rốt ráo viên mãn.

(47)- PHƯƠNG ĐẲNG : Rộng lớn cùng khắp.

(48)- THANH VĂN : Nghe thanh âm; hàng Tiểu Thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chơn quả. Không phải như Đại Thừa Bồ Tát tự ngộ bổn tâm, tự chứng bổn tánh.

VIII

PHẨM TỨ Y

Thứ tám

(*) Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Trong kinh Đại Niết Bàn vi diệu này có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến lập chánh pháp, ức niệm chánh pháp. Thương xót và làm lợi ích an lạc nhiều cho thế gian và làm chỗ nương tựa cho thế gian :

Một là bực xuất thế đủ tánh phiền não.

Hai là bực Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm.

Ba là bực A Na Hàm.

Bốn là bực A La Hán.

Bốn hạng người trên đây hiện ra nơi đời, có thể xót thương làm nhiều điều lợi ích an lạc cho thế gian, cho trời, cho người, làm chỗ y chỉ cho thế gian.

(*) Hán bộ quyển thứ 6

Thế nào gọi là đủ tánh phiền não ? Nếu có người hay phụng trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, kiến lập chánh pháp. Nghe hiểu lời Phật dạy, rồi đem phân biệt tuyên thuyết cho người khác. Chỗ gọi rằng thiểu dục là đạo, đa dục không phải đạo. Rộng giảng nói tám điều giác ngộ của bực đại nhơn như vậy. Có ai phạm tội thời chỉ bảo cho phát lồ sám hối để trừ tội. Khéo biết pháp bí mật của Bồ Tát phương tiện ra làm. Hạng người này gọi là phàm phu chớ không phải người bực thứ tám. Người bực thứ tám không phải phàm phu gọi là Bồ Tát, không gọi là Phật.

Hạng thứ hai là bực Tu Đà Hoàn và bực Tư Đà Hàm. Hạng này nếu được chánh pháp thời thọ trì chánh pháp. Nghe pháp nơi Phật, đúng theo chỗ đã được nghe bèn biên chép, thọ trì, đọc tụng, rồi nói lại cho người khác. Không bao giờ hạng người này nghe pháp rồi mà không chép, không thọ, không nói, và cũng không bao giờ nói Phật cho chứa vật bất tịnh như tôi tớ v.v... Hạng thứ hai đây chưa được bực thứ ba. Trụ nơi bực thứ ba gọi là Bồ Tát, đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba gọi là bực A Na Hàm. Bực này không có những việc phỉ báng chánh pháp, cho chứa tôi tớ các vật bất tịnh, thọ trì sách luận ngoại đạo; cũng không bị khách trần phiền não làm chướng, cựu phiền não che ngăn; cũng không giấu chơn thiệt Xá lợi của Như Lai; không bị bịnh ngoài làm não

hại, không bị bốn thứ rắn độc xâm nhiễu mà luận nói là ngã. Thường nói lý vô ngã. Không bao giờ nói tham luyến thế pháp, mà thường nói pháp Đại thừa nối luôn không dứt. Thân thế của vị này không có tám vạn hộ trùng, đã lìa hẳn dâm dục, nhẫn đến trong giấc mộng chẳng chảy bất tịnh. Lúc sắp chết không sợ hãi. A Na Hàm nghĩa là gì ? Vị này không còn trở lại những sự lỗi lầm không làm nhơ nhớp được người, là bực Bồ Tát đã được thọ ký, sắp sẽ thành bực Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là hạng thứ ba.

Hạng người thứ tư là bực A La Hán. Bực này dứt hẳn phiền não, giải thoát sanh tử, việc làm đã xong là Bồ Tát trụ địa thứ mười, đặng trí huệ tự tại, có thể hiện bất cứ thân hình nào mà mọi loài ưa thích. Muốn thành Phật liền có thể được thành. Trọn nên vô lượng công đức như vậy nên gọi là A La Hán.

Trên đây là bốn hạng người xuất hiện nơi đời, xót thương người đời, đem nhiều lợi ích an vui cho thế gian, là chỗ thế gian nương tựa, là bực rất tôn quý của cõi trời, cõi người, không khác gì đức Như Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con không nương tựa nơi bốn hạng người ấy. Vì rằng trong kinh Cù Sư La, Đức Phật từng bảo ông Xà Sư Lê : Nếu có Thiên ma vì muốn phá hoại chánh pháp mà biến ra hình Phật, đủ cả tướng tốt oai

nghiêm, cũng viên quang, cũng bạch hào, ông phải kiểm giảo là giả hay thật. Đã rõ là ma thời phải hàng phục.

Bạch Thế Tôn ! Bọn ma còn biến làm thân Phật được huống là thân của bốn hạng người trên với những thần thông : nằm ngồi giữa hư không, nách bên tả tuôn nước, nách bên hữu phun lửa, cả thân ra khói lửa v.v... Vì lẽ ấy nên lời tuyên nói của các hạng người trên đây, lòng con không dám tin cùng bẩm thọ, con cũng không có quan niệm kính mến để nương tựa theo.

Đức Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Cho đến đối với lời nói của Như Lai mà có lòng nghi ngờ còn không nên thọ trì, huống là lời của các hạng người ấy. Vì thế nên phải khéo phân biệt cho rõ là lành hay chẳng lành, nên làm hay chẳng nên làm. Được như vậy mới có kết quả an lạc lâu dài. Này Ca Diếp ! Ví như con chó gian trộm, đêm tối lén vào nhà người, người trong nhà nếu hay được phải liền la đuổi, chó ấy sợ bỏ đi không dám trở lại. Cũng thế, từ nay các ông phải theo cách ấy mà trị loài Thiên ma. Bảo Thiên ma rằng : Này Ba Tuần, nhà ngươi không được đổi hiện ra các thân hình ấy, nếu còn hiện, ta sẽ dùng năm món trói buộc để trói nhà ngươi. Ma nghe rồi sẽ bỏ đi không trở lại phá nữa".

Ca Diếp bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như Phật vì ông Cù Sư La mà dạy rằng : Nếu có thể hàng

phục Thiên ma như vậy thời cũng có thể được gần Đại Niết Bàn. Thế thời đức Như Lai cần gì nói bốn hạng người trên đây là chỗ quy y của mọi người. Lời nói của bốn hạng người trên đây chưa ắt đáng tin".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như Lai vì hàng Thanh Văn nhục nhãn mà nói là hàng phục loài Thiên ma. Chớ chẳng phải vì người tu học Đại thừa mà nói. Hàng Thanh Văn dầu có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu học Đại thừa, dầu có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn. Vì kinh điển Đại thừa gọi là Phật thừa, là trên tất cả và hơn tất cả.

Này Ca Diếp ! Ví như vị đại kiện sĩ khuyên bảo những người nhút nhát theo mình rằng : Các ngươi phải học tập bắn cung múa kiếm như thế này, phải có dạn dĩ đừng khiếp sợ, xem ai cũng yếu kém chỉ có mình là mạnh mẽ. Nếu có kẻ vốn hèn yếu giả là lực sĩ mang cung đeo kiếm đến dọa nạt hò hét, ngươi chớ lo sợ, kẻ dối giả ấy thấy ngươi không có vẻ kinh hãi tất sẽ tự rút lui không dám khuấy phá, như con chó gian trộm kia.

Này Ca Diếp ! Cũng thế, đức Như Lai bảo hàng Thanh Văn chớ sợ ma Ba Tuần. Nếu ma Ba Tuần hiện hình Phật đến trước các ông, thời các ông phải tinh tấn gìn chánh niệm cho vững chắc, ma kia tất lo sầu mà bỏ đi.

Này Ca Diếp ! Như vị đại kiện sĩ không bắt chước ai, người học Đại thừa cũng vậy. Khi được nghe các kinh điển thâm mật, lòng họ vui thích không hề kinh sợ. Vì người tu học Đại thừa ấy từ trước đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô lượng muôn ức đức Phật. Dầu có vô số loài ma muốn đến phá khuấy, cũng không chút kinh sợ.

Ví như người được thuốc A già đà thời không sợ tất cả rắn độc, và sức thuốc ấy cũng trừ được tất cả chất độc. Kinh điển Đại thừa cũng vậy, không sợ tất cả loài ma độc mà lại có thể hàng phục loài ma, không cho nó làm quấy.

Này Ca Diếp ! Ví như loài độc long lúc muốn hại ai, hoặc lấy mắt độc nhìn, hoặc dùng miệng hà hơi độc. Tất cả muông thú sư tử, cọp, sói đều kinh sợ độc long, nếu suông nhằm hơi độc thời đều bị hại. Có người giỏi thần chú có thể điều phục loài độc long cùng các ác thú, dùng làm con vật để cỡi. Cũng vậy, người học Đại thừa thấy hàng Thanh Văn sợ những sự làm hại của ma Ba Tuần, đối với pháp Đại thừa không chịu tin, bèn dùng phương tiện hàng phục loài ma trước, rồi nhơn đó rộng nói các môn diệu pháp. Hàng Thanh Văn kia thấy đã hàng phục được loài ma nên hết sợ, mới có lòng tin đối với chánh pháp Vô thượng của Đại thừa, và bảo nhau rằng : Từ nay trở đi, ở nơi trong pháp Đại thừa chúng ta chớ có làm chướng ngại.

Này Ca Diếp ! Hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác rất sợ phiền não. Người học Đại thừa đều không sợ phiền não. Vì người học Đại thừa có oai lực như vậy, nên lời ta nói thuở trước chính là để khuyến khích hàng Thanh Văn cùng Duyên Giác điều phục các loài ma, chớ chẳng phải nói với người học Đại thừa.

Kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn đây rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Nếu có người được nghe mà kính tin thọ trì cùng tin chắc Như Lai là pháp thường trụ, thời người này rất là hi hữu như hoa Ưu đàm. Sau khi Như Lai vào Niết Bàn, nếu có người được nghe kinh điển vi diệu Đại thừa này mà sanh lòng kính tin, nên biết người này trăm ngàn ức kiếp về sau không bị sa vào ác đạo.

Này Ca Diếp ! Sau khi ta vào Niết Bàn, sẽ có vô lượng chúng sanh chẳng tin và chê bai kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Sau khi Phật diệt độ chừng bao lâu sẽ có hạng người chê bai ấy ? Và có bực thuần thiện nào cứu vớt được kẻ chê bai ấy chăng ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Sau khi ta vào Niết Bàn trong khoảng bốn mươi năm, kinh này sẽ được lưu bố rộng trong cõi Diêm Phù Đề, rồi sau sẽ ẩn mất trong đất.

Này Ca Diếp ! Như xứ nào có gạo thơm, mía, đường, sữa, đề hồ, người xứ ấy tất cho các thực phẩm ấy là món ăn ngon nhứt. Nếu chốn nào mà người bổn xứ chỉ ăn ròng những gạo hẩm, hột cỏ, tất họ cũng sẽ cho món họ ăn là ngon nhứt, vì đây là những người bạc phước, nghiệp báo của họ khiến như vậy. Nếu là người có phước đức lớn, thời chỉ hưởng những thực phẩm quý : cơm ngon, mía, đường, sữa, đề hồ, trọn đời không nghe đến tên cơm hẩm, hột cỏ.

Cũng vậy, đối với kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn đây, hàng Nhị thừa độn căn bạc phước chẳng ưa chẳng thích, còn người học Đại thừa thời kính tin vui mừng khi đã được nghe.

Này Ca Diếp ! Ví như có một vị Quốc vương ở trong núi hiểm trở, dầu có mía, đường, gạo, nếp, nhưng vì khan hiếm nên không dám ăn, cứ lo chứa cất, mà chỉ ăn những rau cỏ. Vua nước láng giềng nghe biết vừa thương vừa cười, bèn cho xe chở gạo, nếp, mía, đường sang biếu tặng. Quốc vương được tặng phẩm liền phân phát cho nhơn dân của nước cùng ăn. Nhơn dân được ăn đều vui mừng và nói rằng nhờ vua láng giềng mà chúng ta được món ăn rất ngon lạ.

Này Ca Diếp ! Bốn hạng người y chỉ trên đây cũng vậy, là đại tướng của pháp Đại thừa Vô thượng. Trong bốn hạng người này, hoặc có một người thấy

xứ khác có vô lượng Bồ Tát dầu học kinh điển Đại thừa, hoặc biên chép, hoặc khuyên bảo người biên chép, nhưng vì lợi dưỡng, vì danh vị, vì tự độ, vì y chỉ, nên đem đổi các kinh điển khác, mà không đem pháp Đại thừa tuyên dạy cho mọi người, bèn đem kinh Đại Niết Bàn gởi tặng cho các vị Bồ Tát ấy, cho các vị này phát tâm và an trụ nơi đạo Bồ Đề Vô Thượng. Vị Bồ Tát ấy khi được kinh này rồi, liền đem tuyên dạy lại mọi người, làm cho vô lượng chúng sanh đặng lãnh thọ pháp vị Đại thừa, mọi người đều nhờ nơi sức của một vị Bồ Tát này mà được nghe thứ kinh vi diệu chưa từng nghe. Như nhơn dân trong nước kia, nhờ sức vua mà được hưởng các thức ăn ngon lạ.

Này Ca Diếp ! Phàm chỗ nào có kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này lưu bố, phải biết chốn ấy là kim cang, người ở chỗ ấy cũng như kim cang. Người được nghe kinh này thời chẳng thối chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh giác, đều được thành tựu những điều mong muốn. Như những điều mà Như Lai đã tuyên nói đây, chư Tỳ Kheo phải khéo thọ trì. Chúng sanh nào không nghe được kinh điểm này thời thật là hạng đáng thương hại, vì họ không thọ trì được nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa như thế này ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Sau khi Như Lai diệt độ, trong khoảng bốn mươi năm, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này sẽ rộng truyền

ở cõi Diêm Phù Đề, qua thời gian ấy sẽ ẩn mất vào đất. Vậy chẳng biết chừng nào kinh này sẽ lại xuất hiện ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Lúc chánh pháp của Như Lai còn thừa tám mươi năm, bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh này lại được thạnh truyền".

Ca Diếp Bồ Tát lại thưa : "Bạch Thế Tôn ! Lúc chánh pháp diệt, chánh giới hư, phi pháp tăng trưởng, chúng sanh tệ ác, thời ai là người có thể nghe hiểu thọ trì, đọc tụng nhuần thuộc, cùng cúng dường cung kính biên chép giải nói kinh điển Đại thừa này. Mong Như Lai xót thương chỉ bảo, cho các hàng Bồ Tát được bực bất thối tâm Vô Thượng Bồ Đề."

Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Này Ca Diếp ! Chúng sanh nào đã từng phát tâm Bồ Đề ở chỗ chư Phật nhiều bằng số cát của một sông Ni Liên mới có thể nơi đời ác thọ trì kinh điển như thế này mà không phỉ báng.

Chúng sanh nào được phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của một sông Hằng, vậy sau mới có thể ở trong đời ác ưa thích pháp Đại thừa này, nhưng chẳng thể giảng giải cho mọi người. Chúng sanh nào từng ở trước chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng phát tâm Bồ Đề, mới có thể ở trong đời ác chẳng phỉ báng kinh này, mà tin hiểu chơn chánh cùng ưa thích thọ trì, đọc tụng, nhưng cũng

chẳng thể giảng rộng cho người. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của ba sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin hiểu, thọ trì, đọc tụng và giảng nói kinh này, nhưng chưa hiểu thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của bốn sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin ưa đọc tụng kinh này và giảng nói một phần trong mười sáu phần thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của năm sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói tám phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát trong sáu sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười hai phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát trong bảy sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười bốn phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Và chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi chư Phật bằng số cát của tám sông Hằng, ở đời ác, mới có thể tự mình và khuyên người đối với kinh này tin ưa đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường cung kính, và hiểu thấu tất cả nghĩa vị, tức là Như Lai thường trụ chẳng dời, rốt ráo an vui, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người này khéo biết các pháp tạng của Như Lai, cúng dường vô lượng chư Phật, kiến lập chánh pháp Vô thượng và thọ trì ủng hộ.

Nếu có người mới phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, phải biết rằng đời vị lai, người này ắt có thể kiến lập và thọ trì ủng hộ chánh pháp như thế này.

Này Ca Diếp ! Có hạng ác Tỳ Kheo nghe Như Lai vào Niết Bàn chẳng những không lo buồn mà còn mừng rỡ rằng : Từ nay về sau không ai ngăn chế kiềm thúc, ngày Như Lai còn ở đời thời cấm giới cao nghiêm, nay đã vào Niết Bàn sẽ giải bỏ tất cả, Ca Sa vốn là pháp thức nay cũng sẽ dẹp bỏ như lá phan trên cây. Hạng Tỳ Kheo ấy chê bai chống cự kinh điển Đại thừa này.

Này Ca Diếp ! Nay ông phải ghi nhớ như vậy. Nếu có chúng sanh trọn nên đầy đủ vô lượng công đức, mới có thể tin kinh điển Đại thừa này, tin rồi thọ trì. Những chúng sanh nào ưa thích pháp Đại thừa, nên vì họ mà giảng giải kinh này. Họ được nghe kinh này, thời bao nhiêu nghiệp ác đã tạo ra từ vô lượng kiếp trước thảy đều tiêu trừ. Nếu kẻ nào không tin kinh điển này, thời hiện thân sẽ bị vô lượng bịnh khổ não hại, phần nhiều bị người trách mắng, sau khi chết, sẽ thọ thân hình xấu xí, nghèo thiếu, bị người khinh tiện, đời đời sanh trong nhà bần cùng hà tiện tà kiến, thường bị tai nạn đao binh, hình pháp, giặc cướp, oán thù làm hại, không được gặp gỡ bạn lành, hằng ngày đói khát, không chịu tin nghe lời chơn chánh, lời hay phải. Những kẻ ấy không bao giờ được đến chỗ lành ở

cõi trời, cõi người, như chim gãy cánh không bay cao được.

Nếu người nào kính tin kinh điển này, thời dầu đã mang thân hình thô kệch xấu xa, do công đức của kinh, sẽ được xinh tốt, sắc lực oai nhan ngày ngày thêm hơn, thường được trời người mến ưa. Người này có nói ra lời chi, ai nghe đến đều kính tin cả. Trong hàng Thanh Văn đệ tử của Như Lai, nếu vị nào muốn thi hành việc hi hữu nhứt, thời nên tuyên rộng kinh điển Đại thừa như đây.

Này Ca Diếp ! Như sương mù kia chỉ có thể tồn tại đến lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời đã mọc, sương mù sẽ tiêu tan. Bao nhiêu nghiệp ác của chúng sanh, thế lực nó sẽ phải tiêu diệt khi được thấy mặt trời Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Này Ca Diếp ! Như có người mới xuất gia cạo tóc đắp ca sa vẫn chưa thọ mười giới Sa di, có tín thíTrưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người ấy cùng đại chúng đồng đi thọ trai, dầu chưa thọ giới mà đã vào số chư Tăng.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh nào phát tâm mới học kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, biên chép đọc tụng, người này dầu chưa đầy đủ công đức bằng bực Thập Địa Bồ Tát, nhưng đã được dự trong các số các bực Thập Trụ Bồ Tát. Nếu có chúng sanh nào hoặc là đệ tử Phật, hoặc không phải đệ tử Phật, hoặc vì tham

vì sợ, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe học thọ trì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này nhẫn đến một bài kệ, kính tin không hủy báng, phải biết người này thời là đã được gần Vô Thượng Bồ Đề.

Này Ca Diếp ! Vì nhơn duyên trên đây, nên Như Lai nói bốn hạng người trước kia là chỗ nương tựa của thế gian. Bốn hạng người ấy không bao giờ đem lời Phật dạy, nói là không phải của Phật. Vì thế nên Như Lai nói bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa của thế gian. Ông phải cúng dường bốn hạng người ấy".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Con làm thế nào biết được hạng người ấy để cúng dường ?".

Phật dạy : "Nếu có người nào kiến lập hộ trì chánh pháp, thời phải thỉnh hỏi và xả thân cúng dường người ấy. Như ta từng nói nơi kinh Đại thừa này :

Có ai biết chánh pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy
Như hàng Bà La Môn
Chí thành thờ thần lửa.
Và như các thiên thần
Cung kính trời Đế Thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy cúng dường bực Sư trưởng chính phải như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Như Lai giảng giải. Nếu có vị trưởng túc giới hạnh tinh nghiêm đến học hỏi với người trẻ tuổi, thời có phải lễ kính chăng ? Nếu lễ kính thời đâu gọi là trì giới. Hoặc người tuổi trẻ tinh nghiêm giới luật đến học với vị trưởng túc phá giới, có nên lễ kính chăng ? Hoặc người xuất gia đến học với người tại gia thời có nên làm lễ chăng ? Nhưng người xuất gia không nên lễ kính người tại gia. Và trong giáo pháp của Phật, người trẻ tuổi phải cung kính bực trưởng túc cao niên, vì bực trưởng túc thọ giới cụ túc trước, đã thành tựu oai nghi. Như Lai từng bảo rằng người phá giới không được dung thọ ở trong Phật pháp, như đám cỏ ở trong thửa ruộng tốt. Như Lai lại nói có ai biết chánh pháp, không luận là già trẻ, phải cúng dường người ấy như Thiên thần kính thờ trời Đế Thích. Các lời dạy trên có chỗ trái nhau, xin Như Lai giải thích cho. Như Phật từng nói thầy Tỳ Kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm. Duyên cớ gì mà Như Lai nói lời ấy. Trong các kinh khác, Thế Tôn cũng có nói cho trị tội kẻ phá giới. Những lời dạy ấy chưa được trọn nghĩa".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Bài kệ vừa rồi là Như Lai vì chư Bồ Tát học Đại thừa sau này mà nói, chớ chẳng phải nói với hàng Thanh Văn đệ tử.

Này Ca Diếp ! Như lời của Như Lai đã nói, lúc hưng thịnh. Lúc mà tất cả Thánh nhơn không hiện, lúc mà hạng xuất gia nhận và chứa tôi trai tớ gái cùng vật bất tịnh, trong bốn hạng người trên sẽ có một người hiện ra nơi đời cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, thấy chư Tỳ Kheo không biết vật tịnh cùng bất tịnh, cũng không hiểu là luật hay phi luật, vì muốn điều phục họ nên cùng họ hòa quang, nhưng không tội lỗi như họ. Người này khéo phân biệt chỗ làm của mình cùng chỗ làm của Phật. Dầu thấy các người phạm tội Ba la di, vẫn im lặng không cử tội.

Này Ca Diếp ! Người này vì hộ trì chánh pháp nên dầu có chỗ phạm luật mà không gọi là phá giới. Như có vị Quốc vương phải bệnh chết, Thái tử còn thơ ấu chưa có thể nối ngôi. Có người Chiên đà la giàu có, quyến thuộc đông, thừa dịp soán ngôi, tự lên làm vua. Trong nước, các hàng cư sĩ, Bà La Môn, phần nhiều trốn sang nước khác. Người ở lại cũng ẩn tránh không muốn thấy mặt vua ấy. Vua Chiên đà la hay nhiều người trong nước bỏ sang nước khác, bèn truyền lịnh rằng nếu có vị Bà La Môn nào có thể vì nhà vua mà làm thầy chủ lễ tôn vương, thời nhà vua sẽ chia đôi cõi nước cho cai trị. Mọi người nói với nhau bao giờ có người dòng Bà La Môn lại đi chủ lễ tôn vương cho một gã Chiên đà la. Vua

thấy không có vị Bà La Môn nào ra mặt cả, bèn xuống lịnh nếu trong hàng Bà La Môn không một ai chịu ra làm thầy cho nhà vua, thời nhà vua tất sẽ buộc các người Bà La Môn cùng ở chung, làm việc chung với người Chiên đà la.

Còn nếu ai chịu chủ lễ tôn vương thời nhà vua quyết chia đôi cõi nước để phong thưởng, cho đến thuốc cam lộ bất tử của cõi trời Đao Lợi do sức thần chú cầu được, nhà vua cũng sẽ chia đều cho người ấy.

Bấy giờ có một người Ba La Môn tuổi trẻ, đức hạnh thanh tịnh, giỏi về chú thuật ra lãnh làm chủ lễ tôn vương cho vua Chiên đà la. Nhà vua y lời hứa chia nước làm đôi, cùng Bà La Môn trẻ đồng cai trị. Hàng Bà La Môn đều giận trách người ấy : Ngươi là dòng Bà La Môn sao lại đi làm thầy cho gã Chiên đà la ?

Ít lâu sau, Bà La Môn trẻ bảo vua rằng :"Tôi bỏ phép của dòng tôi đến làm thầy cho nhà vua, và dạy cho vua chú thuật vi mật. Nhưng đến ngày nay, nhà vua vẫn chưa thương tưởng đến tôi". Vua hỏi cớ. Bà La Môn trẻ đáp : "Nhà vua chưa cho tôi cùng được uống thuốc cam lộ bất tử của Tiên vương". Vua bảo : "Phải lắm quả nhơn thiệt không biết, nếu Đại sư cần thời lấy mà dùng". Bà La Môn trẻ đem thuốc cam lộ về nhà mời các đại thần đến cùng chia nhau uống. Vua được tin ấy bèn nói với Bà La Môn trẻ rằng :

"Sao Đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam lộ mà không chia phần cho quả nhơn". Bà La Môn trẻ dưng thuốc độc cho vua. Nhà vua uống xong say mê như người chết. Bấy giờ Bà La Môn trẻ liền lập Thái tử con Tiên vương lên ngôi, mà xướng lên rằng : "Theo phép ngai vàng không bao giờ hạng người Chiên đà la được ngự. Từ xưa đến nay tôi chưa từng nghe thấy dòng Chiên đà la làm vua, phải tôn Thái tử lên ngôi để chăn dân trị nước". Sau khi sắp đặt việc triều chính xong, Bà La Môn trẻ giải độc cho Chiên đà la rồi đuổi ra khỏi nước. Bà La Môn trẻ dầu hành động các việc như trên nhưng vẫn không mất pháp Bà La Môn. Bấy giờ người trong nước, hàng cư sĩ và Bà La Môn đều khen ngợi việc làm ấy và đều kính trọng Bà La Môn trẻ.

Này Ca Diếp ! Sau khi Như Lai vào Niết Bàn, hàng Bồ Tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ Kheo phá giới. Nếu thấy có người dầu phạm giới nhiều, nhưng có thể trị các ác Tỳ Khec, Bồ Tát liền đến cúng dường kính lễ người ấy, vì việc cúng dường nên phải cầu xin với nhà đàn việt và cất chứa vật bất tịnh.

Mặc dầu Bồ Tát cung kính lễ bái cúng dường người ấy và chứa vật bất tịnh, nhưng vẫn không có tội lỗi, vì là phương tiện để tẩn trị các ác Tỳ Kheo, cho Tăng chúng thanh tịnh được an ổn và lưu bố kinh điển Đại thừa, làm lợi ích cho trời cho người.

Này Ca Diếp ! Vì duyên do ấy, nên Như Lai nói hai bài kệ trước kia để bảo các Bồ Tát khen ngợi người hộ pháp. Như hàng cư sĩ và Bà La Môn ngợi khen Bà La Môn trẻ. Nếu có ai thấy người vì hộ pháp mà cùng đồng sự với các Tỳ Kheo phá giới, rồi nói là có tội, thời phải biết kẻ ấy tự chuốc lấy họa hại. Người hộ pháp kia thiệt không có tội.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo phạm cấm giới rồi tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người thiệt phá giới. Bồ Tát vì hộ pháp nên mặc dầu có chỗ sai phạm, nhưng không kiêu mạn chịu sám hối, nên không gọi là phá giới. Vì cớ ấy nên Như Lai nói trong kinh :

Có ai biết chánh pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy
Như hàng Bà La Môn
Chí thành thờ thần lửa.
Và như các Thiên Thần
Cung kính trời Đế Thích.

Lời kệ trên đây là Như Lai vì các Bồ Tát học Đại thừa mà nói, chớ chẳng phải nói với hạng người học pháp Thanh Văn".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Các vị Bồ Tát như thế ở nơi giới rất là hưỡn đãi. Giới của các vị ấy đã thọ có còn đủ chăng ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nay ông không nên nói như vậy. Vì giới của các vị ấy đã thọ vẫn đủ không mất. Giả sử có sai phạm liền phải sám hối. Sám hối xong thời được thanh tịnh.

Này Ca Diếp ! Như bờ đê cũ có lỗ hở trống thời nước rịn chảy, vì không người sửa sang. Nếu được sửa sang thời nước không rịn chảy. Cũng thế, các vị Bồ Tát dầu cùng kẻ phá giới đồng sự, nhưng ở nơi giới đã thọ vẫn không hư mất. Vì nếu không có người thanh tịnh trì giới thời Tăng chúng sẽ tổn giảm, ngày càng lười trễ. Nếu có người trì giới thanh tịnh thời giới đã thọ được đầy đủ không mất.

Này Ca Diếp ! Đối với "Thừa", mà hưỡn đãi mới gọi là hưỡn đãi, còn hưỡn đãi nơi "Giới" không gọi là hưỡn đãi. Các vị Bồ Tát không trễ lười nơi Đại thừa, đây gọi là giới căn bổn. Các vị ấy vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội. Vì thế nên Bồ Tát dầu hiện ra sự phá giới nhưng không gọi là hưỡn đãi".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Trong chư Tăng có bốn hạng người, như trái Am la khó phân biệt trái sống trái chín. Làm thế nào biết được người trì giới cùng người phá giới ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nhơn nơi kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn thời dễ biết. Ví như nông phu gieo mạ cấy lúa, cày bừa hết cỏ, cứ mắt thịt xem thời gọi thửa ruộng sạch. Đến mùa bông trái thời lúa cùng cỏ khác nhau. Tám việc như vậy hay làm nhơ nhớp chúng Tăng, nếu trừ được thời dùng mắt thịt cũng biết là thanh tịnh. Hoặc khi trì giới hay phá giới mà không tác ác, dùng mắt thịt khó biện biệt được, lúc việc ác lộ bày thời dễ thấy biết. Như loại cỏ dễ nhận được. Cũng vậy, trong chúng Tăng nếu có thể xa lìa nơi tám pháp bất tịnh, thời gọi là Thánh chúng thanh tịnh, là phước điền, đáng được cõi trời cõi người cúng dường, quả báo thanh tịnh dùng mắt thịt không thể biện biệt.

Này Ca Diếp ! Như rừng Ca la ca rất rậm rạp nhiều cây. Trong rừng này chỉ có một cây Trấn đầu ca. Trái của hai thứ cây này rất giống nhau khó biện biệt được. Đến mùa trái chín, một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trấn đầu ca, mười phần trái Ca la ca đem ra chợ bán. Các trẻ nít ngu dại mua lầm trái Ca la ca, ăn xong phải độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, liền hỏi thiếu nữ lượm những trái này ở nơi nào ? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca la ca. Thức giả bảo trong rừng ấy toàn là cây Ca la ca chỉ có một cây Trấn đầu ca thôi. Mọi người biết rõ đều chê cười rồi bỏ đi.

Này Ca Diếp ! Tám pháp bất tịnh trong chư Tăng cũng vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ tám thứ bất tịnh, và biết đại chúng thọ dụng phi pháp, nhưng vẫn đồng sự không xa tránh, như cây Trấn đầu ca đứng giữa rừng Ca la ca. Có Ưu Bà Tắc thấy phần đông phi pháp và chẳng cung kính cúng dường vị thanh tịnh này. Nếu muốn cúng dường nên trước hỏi bạch Đại Đức, tám việc như vậy có nên nhận và chứa không ? Phật có cho phép không ? Nếu nói là Phật cho phép, thời người nhận chứa ấy đặng cùng chung bố tát, yết ma, tự tứ không ? Đại chúng đáp rằng : Tám việc ấy, đức Như Lai xót thương thảy đều cho phép chứa. - Ưu Bà Tắc nói : Trong Tịnh xá Kỳ Hoàn, hoặc có Tỳ Kheo nói Phật cho phép chứa vàng bạc, hoặc có Tỳ Kheo nói Phật không cho phép. Người nói là Phật cho phép, thời người nói Phật không cho phép chẳng chịu ở chung, chẳng đồng thuyết giới, tự tứ, nhẫn đến không chịu cùng uống nước một con sông, chẳng chịu chung hưởng vật lợi dưỡng. Sao các Ngài lại bảo là Phật cho phép ? Phật là đấng trời trong hàng trời, dầu cho Phật có nhận các thứ ấy, chư Tăng các Ngài cũng chẳng nên chứa cất. Nếu vị nào nhận chứa thời không nên đồng sự, chẳng nên cùng thuyết giới, tự tứ, yết ma. Nếu chung cùng, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục, như kẻ phải chết vì ăn lầm trái Ca la ca.

Này Ca Diếp ! Như nơi chợ có người bán thuốc, bán cả thuốc quý Tuyết Sơn cùng nhiều thứ thuốc độc khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không rành mặt thuốc hỏi mua thuốc Tuyết Sơn. Người bán dối trá lấy các thứ thuốc độc đưa ra. Người mua nhận lầm là thiệt nên trả tiền mang thuốc đi và mừng thầm rằng đã mua được thuốc quý Tuyết Sơn.

Này Ca Diếp ! Trong chư Tăng Thanh Văn có giả danh Tăng, có chơn thiệt Tăng và hòa hiệp Tăng, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Đối với trong đại chúng ấy, phải bình đẳng cúng dường cung kính lễ bái, vì với mắt thịt, hàng Ưu Bà Tắc chẳng phân biệt được vị nào trì giới, vị nào phá giới, ai là chơn thiệt Tăng, ai là giả danh Tăng, như người mua thuốc không phân biệt được thuốc quý Tuyết Sơn. Người có thiên nhãn mới có thể biết rõ.

Này Ca Diếp ! Nếu Ưu Bà Tắc biết rõ là Tỳ Kheo phá giới thời chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu biết Tỳ Kheo nhận và chứa tám vật bất tịnh, cũng lại chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu trong chư Tăng có người phá giới, chẳng nên vì đắp ca sa mà cung kính lễ bái".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Lời Phật dạy chơn thật không hư, con sẽ trân trọng tuân theo, xem như bảo vật kim cang.

Như lời Phật dạy : Các Tỳ Kheo phải y theo bốn điều : Y theo pháp không y theo người, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh chẳng liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy, nên phải chứng biết không phải bốn hạng người".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Y theo pháp đó chính là Như Lai Đại Bát Niết Bàn, tất cả Phật pháp tức là Pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Như Lai. Thế nên Như Lai thường trụ không biến đổi. Nếu ai bảo rằng Như Lai vô thường, người này không biết không thấy pháp tánh. Nếu là người không biết không thấy pháp tánh thời không nên nương tựa. Như trên đã nói bốn hạng người hiện ra nơi đời hộ trì chánh pháp nên phải chứng biết để mà y chỉ. Vì các vị này khéo hiểu biết pháp tạng thâm áo vi mật của Như Lai, biết rõ Như Lai thường trụ không biến đổi. Không bao giờ Như Lai vô thường biến đổi. Bốn hạng người này có thể gọi là Như Lai, vì hiểu được và nói được mật ngữ của Như Lai. Nếu có người biết được pháp tạng thâm mật, và biết Như Lai thường trụ không biến đổi, người này chẳng bao giờ vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường. Còn nên y chỉ với người này huống là chẳng y chỉ với bốn bực trên.

Y chỉ nơi pháp tức là Pháp tánh, không y chỉ với người tức là hàng Thanh Văn. Pháp tánh tức

là Như Lai, Thanh Văn tức là hữu vi. Như Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường.

Này Ca Diếp ! Nếu là người phá giới vì lợi dưỡng mà nói Như Lai là vô thường biến đổi, thời không nên nương tựa với người ấy.

Trên đây là định nghĩa "Y theo pháp không y theo người".

Y theo nghĩa không y theo lời là thế nào ?

Này Ca Diếp ! Nghĩa là giác liễu, nghĩa giác liễu là nghĩa không thiếu sót tức là nghĩa đầy đủ. Nghĩa đầy đủ là Như Lai, Pháp cùng Tăng đều thường trụ chẳng biến đổi. Đó là y theo nghĩa. Còn những lời gì chẳng nên y theo ? Tức là các bộ luận trau chuốt lời văn. Như Phật từng bảo rằng có rất nhiều thứ kinh điển tham cầu không biết nhàm, gian dối dua bợ, bày nhiều cách để cầu lợi, làm việc cho kẻ bạch y, lại xướng rằng đức Phật cho phép thầy Tỳ Kheo nuôi tôi trai tớ gái, các vật bất tịnh như vàng, bạc châu báu, lúa gạo kho đụn, trâu dê voi ngựa, cùng buôn bán lấy lời. Nơi đời cơ cẩn Phật vì thương đệ tử nên cho phép Tỳ Kheo chứa đồ ăn cũ, để cách đêm, tự tay nấu nướng, không lãnh thọ mà ăn. Không nên y theo những lời như thế.

Y theo trí không y theo thức là thế nào ?

Này Ca Diếp ! Trí tức là Như Lai. Nếu có hàng Thanh Văn chẳng khéo rõ biết công đức của Như

Lai, đó là "Thức" không nên y theo. Nếu rõ biết Như Lai tức là Pháp thân, đó là chơn trí nên phải y theo. Nếu thấy thân phương tiện ứng hóa của Như Lai mà nói là thuộc về ấm giới nhập, do ăn mà được sống được lớn, sự nhận xét này là "Thức" cũng chẳng nên y theo. Người cùng kinh điển nói những điều ấy đều chẳng nên y theo.

Thế nào là y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh chẳng liễu nghĩa ? Hàng Thanh Văn nghe đến chỗ tạng pháp thâm mật của Như Lai đều nghi ngờ, không hiểu pháp ấy từ nơi biển đại trí huệ mà có ra. Khác nào những đứa trẻ thơ không hiểu biết xa rộng. Đây gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn bực Bồ Tát có trí huệ chơn thật, theo trí lớn vô ngại nơi tự tâm, như người tuổi tác hiểu biết xa rộng. Đây gọi là liễu nghĩa. Lại Thanh Văn thừa là không liễu nghĩa. Vô thượng Đại thừa mới gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai vô thường biến đổi thời gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn nói Như Lai thường trụ không biến đổi thời gọi là liễu nghĩa. Lời của Hàng Thanh Văn nên chứng biết, gọi là chẳng liễu nghĩa. Lời của Bồ Tát nên chứng biết, gọi là liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhờ sự ăn mà sống còn, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai thường trụ không biến đổi, đây gọi là lời liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập Niết Bàn như củi hết lửa tắt, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như Lai nhập pháp tánh, đấy là lời liễu nghĩa.

Giáo pháp của Thanh Văn thừa, thời không nên nương tựa vì Như Lai muốn độ chúng sanh nên phương tiện nói ra pháp Thanh Văn thừa, như ông Trưởng giả đem bán tự dạy cho con.

Này Ca Diếp ! Thanh Văn thừa như mới cày bừa chưa có hột trái, gọi là chẳng liễu nghĩa, vì thế chẳng nên nương theo Thanh Văn thừa. Phải nương theo pháp Đại thừa. Vì Như Lai muốn độ chúng sanh mà phương tiện nói pháp Đại thừa. Pháp Đại thừa là liễu nghĩa, là chỗ nên nương tựa.

Trên đây là bốn điều nên y theo, cần phải chứng biết.

Lại nữa, "Nghĩa" đáng y theo gọi là chất trực. Chất trực gọi là sáng suốt. Sáng suốt gọi là không kém thiếu. Không kém thiếu gọi là Như Lai. Sáng suốt lại gọi là Trí huệ. Chất trực gọi là thường trụ. Như Lai thường trụ, cũng gọi là y theo "Pháp", "Pháp" ấy gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, bất tư nghị, chẳng có thể chấp trì, chẳng có thể trói buộc, mà cũng có thể chứng thấy. Nếu kẻ nào nói là "Không có thể chứng thấy được pháp", thời không nên y theo kẻ ấy. Vì thế nên theo "Pháp" mà không y theo người.

Nếu có người dùng lời vi diệu tuyên nói vô thường. Không nên y theo những lời này. Vì thế nên y theo "Nghĩa" mà không y theo "Lời".

Còn nhận biết chúng Tăng là thường trụ, là vô vi không biến đổi, chẳng chứa cất tám vật bất tịnh. Đây là y theo "Trí" không y theo "Thức".

Nếu có người nói : Thức làm, thức thọ, không chúng Tăng hòa hiệp. Tại vì sao ? Luận về hòa hiệp gọi là Vô sở hữu. Đã Vô sở hữu sao lại gọi là thường trụ. Đây là tình thức không nên y theo.

Còn liễu nghĩa gọi là tri túc, trọn không dối hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng, và đối với trong giáo pháp tùy nghi phương tiện của Như Lai không sanh lòng chấp trước. Nếu vị nào an trụ được trong những điều này, phải biết người ấy đã trụ được nơi đệ nhứt nghĩa. Đây gọi là y theo kinh liễu nghĩa.

Như trong kinh nói : Tất cả phừng cháy, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đây gọi là không liễu nghĩa. Tại vì sao ? Vì không có thể hiểu rõ nghĩa như vậy, hay làm cho chúng sanh phải đọa A Tỳ địa ngục. Do vì chấp trước nên không hiểu thấu ý nghĩa. Với câu "Tất cả phừng cháy", cho rằng Như Lai nói Niết Bàn cũng cháy. Tất cả vô thường thời Niết Bàn cũng vô thường. Khổ, không, vô ngã cũng như vậy. Đây gọi là kinh không liễu nghĩa chẳng nên y theo.

Này Ca Diếp ! Nếu có người nói Như Lai thương xót chúng sanh khéo biết thời nghi. Vì biết thời nghi

nên có lúc Như Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ. Như Lai xét biết hàng đệ tử có các nhà thí chủ cung cấp đồ cần dùng không thiếu, nên Phật không cho nhận và chứa tôi tớ, vàng bạc của báu, không cho buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu hàng đệ tử không có thí chủ cung cấp, và thời kỳ mất mùa đói kém, vì muốn hộ trì chánh pháp, nên Phật cho nhận và chứa tôi tớ, vàng bạc, xe cộ, ruộng nhà, gạo thóc, đổi lấy đồ dùng. Dầu cho nhận chứa các thứ ấy, nhưng phải tịnh thí cho nhà đàn việt nhiệt thành tin chánh pháp.

Bốn pháp trên đây nên y theo. Nếu có các thứ kinh, luật cùng luận nào chẳng trái bốn pháp trên đây cũng nên y theo.

Nếu có người bảo : Phải thời nghi hay không phải thời nghi, có thể hộ pháp hay không thể hộ pháp, Như Lai đều cho tất cả Tỳ Kheo nhận và chứa những vật bất tịnh ấy. Đây là những lời không nên y theo. Nếu có những kinh, luật, luận nào mà đồng với những thuyết này cũng chẳng nên y theo.

Như Lai vì người nhục nhãn mà nói bốn điều nên y theo, không phải nói với các vị có huệ nhãn.

Thế nên nay Như Lai nói bốn điều y chỉ như vậy. "Pháp" chính là Pháp tánh. "Nghĩa" chính là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. "Trí" là rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. "Liễu nghĩa" là thấu rõ tất cả kinh điển Đại thừa.

IX

PHẨM TÀ CHÁNH

Thứ chín

(*) Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Có phải cần y chỉ theo bốn hạng người như trên đã nói chăng ?".

Phật dạy : "Chính thế ! Này Ca Diếp ! Nên phải y chỉ như Như Lai đã nói. Sao lại phải y chỉ với bốn bực ấy ? Vì rằng có bốn thứ ma".

Ca Diếp Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật dạy có bốn thứ ma. Nay con phải làm thế nào để phân biệt là lời của Phật, là lời của ma. Có những chúng sanh chạy theo hạnh ma, cũng có nhiều người thuận theo lời Phật dạy. Phải làm thế nào để biết rành hai hạng ấy ?".

(*) Hán bộ quyển thứ 7

và làm hư hại chánh pháp. Vì như thị sắc thân mặc pháp y, cũng vậy, ma vương Ba Tuần giả hình Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di. Nó cũng hóa làm thân Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và hóa làm hình Phật. Ma Vương đem thân hữu lậu hóa làm thân vô lậu để làm hư hại chánh pháp. Thời kỳ Ma Vương Ba Tuần làm hư hại chánh pháp, nó sẽ nói rằng xưa kia Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chết, rồi sanh nơi cung vua Bạch Tịnh tại thành Ca Tỳ La Vệ, nương sự ái dục hòa hiệp của cha mẹ sanh dục mà có thân. Không bao giờ có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng cõi Trời cõi người tôn kính. Và lại nói rằng xưa kia khổ hạnh bố thí những đầu, mắt, tủy, não, bố thí những vợ, con, quốc thành, nên nay đặng thành Phật, vì thế nên được chư Thiên, chư Thần cùng mọi người cung kính. Nếu có kinh luật nào nói như lời trên đây, phải biết đó là lời của ma.

Này Ca Diếp ! Nếu kinh luật nào nói đức Như Lai Chánh giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn cứu độ chúng sanh nên nay mới thị hiện thành Phật, và vì tùy thuận theo thế gian nên cũng thị hiện có cha mẹ, nhơn nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Phải biết kinh luật này chính thật là của Như Lai nói.

Nếu ai tin theo lời ma, thời là quyến thuộc của ma. Bằng người nào có thể tùy thuận kinh luật của Phật, người đó là Bồ Tát.

Nếu có chỗ nào nói không nên tin rằng lúc mới sanh, cả bốn phương Như Lai đều đi bảy bước. Phải biết đây là lời của ma. Ai tùy thuận theo lời ma thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói lúc Như Lai mới ra đời cả bốn phương đều đi bảy bước, đó là Như Lai phương tiện thị hiện. Phải biết đây là kinh luật của Như Lai nói. Người nào tùy thuận lời Phật dạy, thời là bực Bồ Tát.

Nếu có chỗ nói khi Bồ Tát giáng sanh, Phụ Vương cho người đem đến miếu thờ trời, tất cả chư Thiên, Thần, như Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên Vương, Thiên Đế Thích v.v... thảy đều chấp tay lễ chơn Bồ Tát. Đây là lời của Phật. Người thuận theo lời này là bực Bồ Tát.

Nếu gạn rằng : Trời sanh trước, Phật sanh sau, cớ sao chư Thiên lại lễ kính Phật ? Phải biết lời gạn này là lời của ma Ba Tuần. Nếu ai thuận theo lời gạn này thời là quyến thuộc của ma.

Nếu chỗ nào nói : Lúc làm Thái Tử, vì lòng tham dục, nên Bồ Tát cưới vợ, hưởng thọ khoái lạc nơi chốn thâm cung. Nên biết trên đây là lời của Ma Vương. Người thuận theo đây thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng : Từ lâu, Bồ Tát đã bỏ lìa tâm tham dục, vợ con, cho đến sự vui vi diệu của tam thập tam thiên, như bỏ đờm mũi, huống là sự vui ở cõi người. Bồ Tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo. Đây là lời Phật nói, là kinh luật của Phật. Người thuận theo đây thời là Bồ Tát.

Nếu có chỗ nói, tại Kỳ Hoàn tịnh xá ở nước Xá Vệ, vì lòng đại từ thương xót chúng sanh, nên Phật cho các Tỳ Kheo nuôi tôi tớ, voi ngựa, gia súc, chứa vàng bạc châu báu, chợ buôn bán, gieo trồng v.v... Phải biết đây là lời của ma. Ai thuận theo đây thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng, tại nước Xá Vệ nơi tịnh xá Kỳ Hoàn, trước vua Ba Tư Nặc và Cổ Chi Đức Bà La Môn, đức Phật cấm các Tỳ Kheo không được nuôi chứa và làm các điều trên. Người phạm các điều này thời không được ở trong hàng Tỳ Kheo, phải hườn tục, như đám cỏ trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây chính là kinh, luật của Phật. Người thuận theo đây thời là bực Bồ Tát.

Nếu nói rằng : Thái Tử Bồ Tát thị hiện vào miếu thờ Trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện biết tất cả oai nghi lễ tiết, khéo hiểu biết tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bực tôn quý nhứt trong các giai cấp của xã hội, dầu vậy, Bồ Tát chẳng có lòng luyến ái, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Vì độ chúng sanh nên Bồ Tát phương tiện thị hiện thuận theo

thế pháp. Những lời trên đây là của Phật nói, người thuận theo đây là bực Bồ Tát. Nếu nói trái lại thời là lời của ma cùng quyến thuộc của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh luật mà không chịu tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa, cho rằng không phải của Phật nói, vì trong kinh luật của họ không có nói đến. Phải biết người này có tội, không phải đệ tử của Phật.

Nếu có người tin kinh điển Phương Đẳng Đại thừa, cho rằng vì độ chúng sanh nên Như Lai nói kinh Đại thừa. Người này chính là thật là đệ tử của Phật.

Nếu có chỗ nói, Như Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức, là vô thường biến đổi, do chứng pháp không nên tuyên nói lý vô ngã, chẳng thuận với thế gian. Đây là lời của ma, người tin lời này thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng Như Lai là bực Đẳng Chánh Giác không thể nghĩ bàn, là kết quả của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật nói, ai thuận theo lời này thời là bực Bồ Tát.

Nếu có Tỳ Kheo thiệt không chỗ được mà dối hiện tướng đã được, cùng nói được các pháp hơn người, thời phạm tội Ba la di, mất pháp làm người, như viên đá bể hai không còn liền lại được.

Nếu có Tỳ Kheo giới đức trong sạch, ít muốn biết đủ, ở nơi vắng vẻ rảnh rang. Vua quan gặp Tỳ Kheo

cho là bực A La Hán, rồi cung kính khen ngợi rằng đại sư đây sau khi bỏ thân này sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ Đề. Tỳ Kheo nghe được liền cải chính là mình chưa chứng quả Thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn cố kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Tỳ Kheo này thiệt là người giới đức trong sạch nên làm cho mọi người được phước đức lớn. Tỳ Kheo này không phạm tội Ba la di vì tự mọi người sanh lòng kính tin cúng dường. Nếu nói Tỳ Kheo này mắc tội, phải biết đó là lời của ma.

Lại có Tỳ Kheo giảng tuyên giáo điển Đại thừa rất sâu của chư Phật rằng "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có Phật tánh sẽ dứt trừ vô lượng phiền não bèn thành bực Vô thượng Chánh giác, trừ hạng nhứt xiển đề". Nếu có người hỏi Tỳ Kheo : Nhà thầy có Phật tánh chăng ? Sẽ được làm Phật hay không ? Tỳ Kheo đáp : Chính tôi đây quyết định có Phật tánh, còn thành Phật hay không chưa có thể thẩm định. Người lại nói Đại Đức không phải hạng nhứt xiển đề, tất được thành Phật không còn nghi ngờ gì. Tỳ Kheo đáp rằng : "Vâng ! Đúng như lời người đã nói". Dầu Tỳ Kheo này nói quyết định có Phật tánh, mà vẫn không phạm tội.

Lại có Tỳ Kheo lúc xuất gia tự nghĩ rằng : Nay ta quyết định thành bực Vô thượng Chánh giác. Tỳ

Kheo này dầu chưa được thành Phật, nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức. Vì xưa kia, trong tám mươi ức kiếp, ta giữ giới trong sạch, ít muốn biết đủ, thành tựu oai nghi, khéo tu vô lượng pháp tạng của chư Phật, thuở ấy ta cũng quyết định rằng mình có Phật tánh, nhờ đó nên nay ta được thành Phật, có đức đại từ bi.

Những điều trên đây là lời Phật nói, nếu ai thuận theo thời là bực Bồ Tát. Còn ai không chịu thuận theo thời là quyến thuộc của ma.

Ma lại sẽ bảo rằng : Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàng, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp phải sám hối, các pháp phải học, bảy điều diệt tránh, nhẫn đến không có tội thô, tội nghịch, nhứt xiển đề. Nếu có Tỳ Kheo phạm các tội đã kể trên đây mà phải đọa địa ngục thời hàng ngoại đạo lẽ ra đều được sanh lên cõi trời cả, vì ngoại đạo không thọ giới, tất không có giới gì mà phạm. Đó là Như Lai muốn khủng bố người nên nói các điều giới ấy. Dầu Như Lai có nói phạm tội Đột kiết la, phải bị đọa vào địa ngục mãi đến tám trăm muôn năm của cõi trời Đao Lợi mới mãn tội, đó cũng là việc thị hiện để khủng bố người. Rằng Ba la di cho đến Đột kiết la, tội nặng tội nhẹ không sai. Đây là các nhà luật sư vọng nói là lời của Phật chế, kỳ thiệt không phải Phật chế như vậy. Tất cả những lời trên đây là điển từ của ma cả.

Có chỗ nói rằng : Ở trong các điều giới, nếu phạm một giới nhỏ, sẽ bị khổ báo trong thời gian rất lâu. Nhận thức như vậy sẽ giữ gìn tự thân như rùa giấu kín sáu chi.

Nếu có luật sư nói rằng : "Phàm chỗ phạm giới đều không tội báo".

Không nên gần gũi luật sư này. Như Phật đã từng dạy :

Nếu nói quá một pháp
Đây gọi là vọng ngữ,
Chẳng nhận thấy đời sau
Không ác nào chẳng tạo.

Do đây, chẳng được thân cận người phủ nhận nhơn quả. Trong chánh pháp của Phật trong sạch như vậy, huống lại có phạm tội Du lan giá hoặc phạm Tăng tàng và Ba la di mà chẳng phải là tội ư ! Thế nên rất phải tự giữ gìn những giới pháp như vậy. Nếu không giữ gìn, thời lấy pháp gì mà gọi là cấm giới ?

Trong các kinh, Như Lai cũng nói nếu có phạm bốn tội trọng Ba la di cho đến phạm tội nhỏ Đột kiết la, thời phải theo luật mà trị tội. Nếu chúng sanh chẳng hộ trì cấm giới, làm sao thấy được Phật tánh.

Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng phải do nơi trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được thành Vô thượng Chánh giác.

Trong chín bộ kinh, không có kinh Đại thừa Phương Đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Dầu không nói, nhưng phải biết là thiệt có Phật tánh.

Người nào nói những lời như đây, thời thiệt là đệ tử của Như Lai".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Như trên đã nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều này. Như nói là có thời sao lại không phạm tội Ba la di ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Như lời ông nói đó, thiệt chẳng phạm tội Ba la di. Như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ. Người này không có lỗi. Cũng vậy, nếu nói trong chín bộ kinh, không có Phật tánh, vẫn là vô tội. Vì Như Lai ở trong biển lớn đại trí Đại thừa nói có Phật tánh. Hàng Nhị thừa chẳng thấy biết mà nói là không, nên chẳng mắc tội. Cảnh giới này là chỗ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết đến.

Này Ca Diếp ! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai thời làm thế nào biết rằng có Phật tánh. Những gì gọi là tạng pháp thậm thâm bí mật của Như Lai ? Chính là kinh điển Đại thừa Phương Đẳng vậy.

Này Ca Diếp ! Có các nhà ngoại đạo, hoặc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt.

Như Lai không nói như vậy, mà cũng nói là có ngã và cũng nói là không ngã. Đây gọi là trung đạo.

Nếu có người nói : Đức Phật nói trung đạo : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên không thấy không biết. Vì thế nên phải siêng năng tu tập để dứt trừ phiền não.

Ai nói được những lời trên đây thời chẳng phạm bốn tội trọng. Nếu không nói được như đây thời gọi là phạm tội Ba la di.

Nếu có người nói : "Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật tánh." Người nói lời này phạm tội Ba la di. Vì dầu có Phật tánh, nhưng chưa tu tập các pháp lành nên chưa được thấy, vì chưa thấy Phật tánh nên chẳng được thành Phật.

Này Ca Diếp ! Do những nghĩa này nên Phật pháp rất sâu chẳng thể nghĩ bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Có Quốc vương hỏi thế nào là Tỳ Kheo mắc phải tội đại vọng ngữ ?".

Phật dạy : "Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi, vì việc uống ăn, rồi làm những cách dua nịnh gian ngụy khi trá, thế nào cho người đời tưởng thật ta là bực khất sĩ, để ta được danh to lợi lớn. Tỳ Kheo này nhiều ngu si, tự biết rằng chính mình

chưa chứng đặng bốn quả Thánh, trong lòng luôn suy nghĩ phải làm thế nào cho người đời, các Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di đều nói rằng ta đã chứng quả, là bực phước đức lớn, thiệt là Thánh nhơn, Tỳ Kheo suy nghĩ cầu lợi chẳng phải cầu pháp, ta phải đi đứng đoan nghiêm, chấp trì y bát, giữ đúng oai nghi, ở riêng nơi yên vắng như A La Hán. Làm cho người đời đều bảo rằng : Tỳ Kheo như thế là bực lành bực tốt nhứt, Ngài tinh cần khổ hạnh tu pháp tịch diệt. Như thế ta sẽ có đệ tử đông, cũng sẽ được người cúng dường trọng hậu, khiến hàng phụ nữ cung kính mến tưởng.

Nếu có Tỳ Kheo hay Tỳ Kheo Ni nào làm những sự như vậy thì mắc phải tội đại vọng ngữ".

Lại như có Tỳ Kheo vì muốn kiến lập chánh pháp vô thượng nên ở nơi yên vắng, tự chẳng phải A La Hán mà muốn làm cho mọi người tin tưởng gọi là A La Hán, là Tỳ Kheo tốt, Tỳ Kheo lành, Tỳ Kheo tịch tịnh, được nhiều người xuất gia theo làm quyến thuộc. Nhơn đó khuyên dạy các Tỳ Kheo và Ưu Bà Tắc phá giới, đều khiến trì giới. Do đây mà chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp vô thượng của Như Lai, khai hiển Phương Đẳng Đại thừa, độ thoát vô lượng chúng sanh, khéo hiểu những nghĩa khinh trọng trong kinh luật mà Như Lai đã nói. Tỳ Kheo này lại nói : Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí mật của Như

Lai. Nơi trong kinh này, ta sẽ quyết định đặng thành Phật đạo, có thể dứt sạch vô lượng ức phiền não kiết sử. Vì vô lượng Ưu Bà Tắc mà nói rằng : Các ông đều có Phật tánh, ta cùng các ông đều sẽ an trụ nơi cấp bực của Như Lai mà thành Vô thượng Chánh giác, dứt sạch vô lượng phiền não kiết sử. Tỳ Kheo nói những lời trên đây không gọi là người phạm đại vọng ngữ mà gọi là bực Bồ Tát.

Như nói : Người phạm tội Đột kiết la phải bị đọa trong địa ngục chịu tội đến tám trăm muôn năm tính theo năm tháng ở cõi trời Đao Lợi, huống là cố phạm tội Du lan giá.

Trong Đại thừa đây, nếu có Tỳ Kheo phạm tội Du lan giá thời không nên thân cận.

Những gì gọi là tội Du lan giá trong kinh Đại thừa ?

Nếu có đàn tín tạo lập chùa Phật, đem các tràng hoa dùng cúng dường Phật. Có Tỳ Kheo thấy chỉ trong xâu hoa, không hỏi xin mà lấy thời phạm tội Du lan giá. Hoặc biết hay chẳng biết cũng đều phạm như vậy. Nếu vì tâm tham mà phá hoại tháp Phật thời phạm tội Du lan giá. Không nên thân cận những người như vậy.

Nếu đàn tín thấy tháp Phật hư, vì muốn tu bổ cúng dường Xá lợi, nơi trong tháp này hoặc được châu báu bèn đem gởi Tỳ Kheo. Tỳ Kheo lãnh rồi bèn tự ý thọ

dụng. Tỳ Kheo này gọi là hạng bất tịnh, sanh nhiều sự đấu tránh. Các Ưu Bà Tắc tốt không nên gần gũi cúng dường. Tỳ Kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn.

Người bất định căn lúc tham muốn làm gái, thân liền biến làm gái, lúc tham muốn làm trai thân liền biến làm trai.

Tỳ Kheo như vậy gọi là ác căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia. Với Tỳ Kheo này, không nên thân cận cung kính cúng dường.

Trong Phật pháp, về pháp tắc của hàng Sa Môn, phải sanh lòng từ bi lợi ích chúng sanh, cho đến loài trùn kiến cũng phải ban sự vô úy, đây là pháp của Sa Môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngửi mùi đây là pháp của Sa Môn. Chẳng được vọng ngữ cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự vọng ngữ, đây là pháp của Sa Môn. Chẳng sanh lòng dục cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến lòng dục, đây là pháp của Sa Môn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu Tỳ Kheo ngủ chiêm bao hành dâm dục, có phạm giới chăng ?".

Phật dạy : "Không phạm giới. Ở nơi sự dâm dục, phải sanh ý nghĩ là hôi nhơ, cho đến không có một niệm tưởng là sạch tốt. Tránh sự nghĩ tưởng ái nhiễm

hàng phụ nữ. Nếu chiêm bao hành dâm, lúc thức dậy phải hổ thẹn ăn năn. Nếu móng lòng dâm dục phải kíp trừ bỏ. Tỳ Kheo đi khất thực, lúc nhận cúng dường, phải có ý tưởng như ăn thịt con đẻ trong thời kỳ đói kém. Pháp môn trên đây là kinh luật của Phật nói. Người thuận theo đây thời là bực Bồ Tát.

Nếu có kẻ nào nói rằng đức Phật cho phép Tỳ Kheo luôn đứng co một chơn, luôn nín lặng không nói, hoặc nhảy vào lửa, nhảy xuống vực, từ trên gộp đá cao tự nhảy xuống chẳng tránh sự hiểm nạn, hoặc uống độc dược, hoặc tuyệt thực, nằm trên tro đất, tự trói tay chơn, hoặc giết hại chúng sanh, bàng môn chú thuật, con nhà hàng thịt, không căn, hai căn, bất định căn, giác quan không đủ. Như Lai đều cho những người trên đây xuất gia hành đạo. Phải biết lời này của ma nói.

Nếu có chỗ nào nói rằng cho mặc Ma ha lăng già, đều cho chứa cất tất cả hột giống, loài cỏ cây đều có thọ mạng, Như Lai nói lời này rồi bèn vào Niết Bàn. Phải biết trên đây là lời của ma nói.

Trước kia Như Lai cho ăn năm thứ sữa bò cùng với dầu, mật, cho mặc y kiều xa gia, dép da v.v... trừ những vật của ngoại đạo.

Như Lai cũng không cho luôn đứng co một chơn, mà bảo theo đúng chánh pháp pháp tùy ý đi đứng nằm ngồi. Như Lai cũng chẳng cho tuyệt thực hay uống độc

dược, hoặc năm thứ nóng đốt thân, trói cột tay chơn, giết hại chúng sanh, luyện bàng môn chú thuật, dùng ngà voi châu ngọc làm dép da. Chẳng cho mặc Ma ha lăng già, chứa cất các hột giống. Chẳng nói cỏ cây có thọ mạng. Nếu ai nói Như Lai cho phép và nói như trên đây, phải biết kẻ ấy là quyến thuộc của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Như Lai chỉ cho ăn năm thứ sữa bò và dầu, mật, cho mang dép da, mặc y kiều xa gia. Như Lai nói tứ đại không có thọ mạng. Kinh luật nào nói như vậy chính là lời của Phật. Thuận theo lời Phật là đệ tử của Phật. Còn không thuận theo lời Phật thời là quyến thuộc của ma. Nếu có người nào tùy thuận kinh luật của Phật, phải biết đó là bực Bồ Tát.

Này Ca Diếp ! Thế nào là lời của ma nói, thế nào là lời của Phật nói. Nay Như Lai đã phân biệt nhiều cho ông rồi".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt của lời Phật nói cùng lời ma nói, nhơn đây mà con được ngộ nhập nghĩa sâu của Phật pháp".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Này Ca Diếp ! Ông có thể hiểu rành rẽ như vậy, đáng gọi là người thông sáng."

X

PHẨM TỨ ĐẾ

Thứ mười

Này Ca Diếp ! Nói là "khổ" đó, chẳng gọi là Thánh đế. Tại sao vậy ? Vì nếu nói "khổ" là khổ thánh đế, thời tất cả trâu, dê, lừa, ngựa cùng người địa ngục lẽ ra có Thánh đế.

Này Ca Diếp ! Nếu có người nào chẳng biết cảnh giới rất sâu của Như Lai với pháp thân vi mật thường trụ không biến đổi, cho là thực thân không phải pháp thân, chẳng biết đạo đức oai lực của Như Lai, đây gọi là "Khổ".

Do vì chẳng biết nên nơi "pháp" thấy là "phi pháp", nơi "phi pháp" thấy là "pháp". Phải biết người này ắt phải đọa vào ác thú mãi trôi lăn trong vòng sanh tử, thêm lớn nghiệp hoặc chịu nhiều khổ não.

Nếu có người hay biết Như Lai thường trụ không có biến đổi, hoặc nghe tiếng nói hai chữ "thường

trụ" một lần phớt qua tai, bèn được sanh lên cõi trời. Về sau, lúc được giải thoát, mới được chứng biết Như Lai thường trụ không có biến đổi. Khi đã chứng biết bèn tự nói : "Ngày trước, tôi từng nghe nghĩa thường trụ này, nay được giải thoát mới được chứng biết. Đối với bổn tế, vì không rõ biết, nên tôi phải luân hồi sanh tử xoay lăn vô cùng, ngày nay mới bắt đầu đặng chứng biết như thật".

Nếu người nào biết như vây, thiệt là tu "khổ đế" được nhiều lợi ích lớn. Nếu người không biết, dầu là siêng tu nhưng không được lợi ích, đây gọi là "Khổ", gọi là "Khổ thánh đế".

Nếu người nào không tu tập được như vậy, thời gọi là "khổ", chẳng phải Khổ thánh đế".

"Khổ tập đế" là, nơi trong chơn pháp chẳng sanh chơn trí. Thọ lấy vật bất tịnh, tức là nô tỳ, hay nói phi pháp là chánh pháp, dứt diệt chánh pháp chẳng cho còn lâu. Vì nhơn duyên này mà không biết được pháp tánh, vì không biết mà luân hồi sanh tử chịu nhiều sự khổ não, chẳng được sanh cõi trời và chánh giải thoát. Nếu có thâm trí chẳng hoại chánh pháp, do nhơn duyên này được sanh cõi trời và chánh giải thoát.

Nếu có người không biết khổ tập đế, mà nói chánh pháp không có thường trụ. Đây đều là diệt pháp. Vì nhơn duyên này nên trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử chịu các sự khổ não.

Nếu có thể biết pháp thường trụ chẳng khác, đây gọi là biết "tập", gọi là "Tập thánh đế". Nếu người không thể tu tập được như vậy thời gọi là "Tập", chẳng phải "Tập thánh đế".

"Khổ diệt đế" là, nếu người tu học nhiều pháp không thời là chẳng tốt. Bởi vì sao ? Vì dứt tất cả pháp, vì hư hoại chơn pháp tạng Như Lai. Tu học như trên đây gọi là tu pháp không. Người tu khổ diệt đế thời nghịch lại tất cả pháp tu của ngoại đạo. Nếu nói rằng tu pháp không là diệt đế đó, thời tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ họ có Diệt đế. Nếu có người tu tập Như Lai tạng : Vô ngã không tịch, người này nơi vô lượng đời lưu chuyển thọ khổ trong vòng sanh tử. Nếu có người chẳng tu tập như vậy, dầu có phiền não nhưng chóng có thể diệt trừ, vì người này biết tạng bí mật Như Lai.

Nếu có người nói rằng có tạng Như Lai, dầu chẳng thấy được nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não đây thời đặng chứng nhập. Nếu phát tâm như trên đây, nhơn duyên trong một niệm, có thể đặng tự tại đối với tất cả pháp.

Nếu người nào có thể tu tập Diệt đế như vậy chính là đệ tử của ta. Bằng không, thời gọi là tu pháp không chẳng phải diệt Thánh đế vậy.

Đạo Thánh đế tức là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và chánh giải thoát.

Có hạng chúng sanh điên đảo cho rằng không Phật, không Pháp, không Tăng và không chánh giải thoát, sanh tử lưu chuyển dường như huyễn hóa. Do kiến chấp này nên lưu chuyển ba cõi chịu nhiều khổ não.

Nếu người có thể phát tâm thấy rằng Như Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng giải thoát cũng thường trụ như vậy. Nhờ một niệm này trong vô lượng đời tùy ý mà đặng quả báo tự tại.

Như ta thuở trước, vì bốn thứ điên đảo, chẳng phải pháp chấp là pháp, nên mắc lấy vô lượng nghiệp quả ác.

Ngày nay ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên đặng thành Phật Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là đạo Thánh đế.

Nếu có người cho rằng Tam Bảo là vô thường, đây là lối tu hư vọng chẳng phải Đạo Thánh đế.

Nếu người tu tập Tam Bảo là thường trụ, người này là đệ tử của ta, chơn chánh tu tập thấy bốn pháp Thánh đế. Trên đây gọi là bốn Thánh đế.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết tu tập bốn pháp Thánh đế rất sâu".

XI

PHẨM TỨ ĐẢO

Thứ mười một

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Thế nào là Tứ Đảo (bốn điều điên đảo) ? "Nơi chẳng phải khổ tưởng cho là khổ", gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ chỉ cho Như Lai.

Tưởng cho là khổ, tức là cho rằng Như Lai là vô thường biến đổi.

Nếu có người nói Như Lai là vô thường, đây gọi là tội khổ rất lớn.

Nếu nói Như Lai khi xả thân khổ này để nhập Niết Bàn như củi hết lửa tắt, đây gọi là chẳng phải khổ mà tưởng cho là khổ. Chính đó là điên đảo.

Nếu ta nói rằng Như Lai là thường thời là chấp ngã, vì chấp ngã nên có vô lượng tội, thế nên phải nói Như Lai là vô thường, nói như thế thời ta vui thích.

Như Lai là vô thường chính đó là khổ, nếu đã nơi vui tưởng cho là khổ, gọi là điên đảo. Vui tức là Như Lai. Khổ tức là Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường đây gọi là nơi vui tưởng cho là khổ.

Như Lai thường trụ, đây gọi là vui.

Nếu ta nói rằng Như Lai là thường, sao lại nhập nơi Niết bàn. Nếu nói Như Lai chẳng phải là khổ, sao lại bỏ thân mà diệt độ. Bởi ở trong vui tưởng cho là khổ nên gọi đó là điên đảo. Các điều tưởng lầm như trên gọi là sự điên đảo thứ nhứt.

"Vô thường tưởng là thường, thường tưởng là vô thường", đây gọi là điên đảo.

Vô thường chỉ chẳng tu pháp không. Vì chẳng tu pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi.

Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch thời đặng trường thọ. Quan niệm đó gọi là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ hai.

"Vô ngã tưởng là ngã, ngã tưởng là vô ngã" đây là điên đảo.

Người đời cũng nói có ngã, trong Phật pháp cũng nói có ngã.

Người đời dầu nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đây thời gọi là nơi vô ngã mà tưởng là ngã gọi đó là điên đảo.

Phật pháp nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói Phật pháp không ngã, đây gọi là nơi ngã tưởng là vô ngã. Nếu nói Phật pháp quyết định vô ngã nên đức Như Lai dạy hàng đệ tử tu tập pháp vô ngã. Lời trên đây là điên đảo. Đây là điều điên đảo thứ ba.

"Tịnh tưởng là bất tịnh, bất tịnh tưởng là tịnh", đây gọi là điên đảo.

Tịnh chính là Như Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân thịt, chẳng phải là thân gân xương ràng rịt.

Nếu có người nói rằng Như Lai là vô thường, là thân tạp thực, là thân thịt, là gân xương ràng rịt, cũng cho rằng Pháp, Tăng, Giải thoát đều là diệt tận, đó gọi là những quan niệm điên đảo vì tịnh mà cho là bất tịnh.

Bất tịnh tưởng cho là tịnh, gọi đó là điên đảo.

Nếu có người nói rằng trong thân của ta đây không có một pháp nào là bất tịnh cả, bởi không có bất tịnh nên quyết định sẽ đặng vào nơi chỗ thanh tịnh. Thuyết tu bất tịnh quán của Như Lai là thuyết hư vọng.

Trên đây là quan niệm điên đảo. Đó gọi là điều điên đảo thứ tư".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Từ nay tôi mới đặng chánh kiến. Bạch Thế Tôn, trước đây chúng tôi đều là người tà kiến cả".



XII

PHẨM NHƯ LAI TÁNH

Thứ mười hai

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Hai mươi lăm cõi có ngã cùng chăng ?".

Phật dạy : "Này Thiện nam tử ! Ngã tức là nghĩa Như Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng sanh chẳng nhận thấy được.

Như cô gái nghèo, trong nhà có nhiều kho tàng vàng ròng, tất cả người nhà không ai biết. Một hôm có người khách lạ khéo biết phương tiện bảo cô gái nghèo : "Nay tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi".

Cô gái liền đáp : "Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho tôi, rồi tôi sẽ dọn cỏ rác cho ông".

Người khách nói : "Tôi biết cách thức, có thể chỉ kho vàng cho cô".

Cô gái nói : "Tất cả người nhà của tôi còn chẳng biết được, huống là ông mà có thể biết !".

Khách lại nói : "Nay tôi có thể biết chắc chắn".

Cô gái nói : "Tôi gấp muốn thấy, ông nên chỉ cho tôi".

Người khách liền ở trong nhà cô, đào được kho vàng ròng. Cô gái thấy kho vàng lòng rất vui mừng ngạc nhiên lạ lùng, kính trọng người khách.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng ròng dụ cho Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ví như cô gái sanh một trai. Trẻ này mắc bịnh, cô gái buồn rầu tìm y sĩ. Y sĩ đến xem bịnh, dùng ba thứ bơ, sữa, đường phèn hiệp lại bảo cho đứa trẻ uống. Y sĩ dặn cô gái, đứa trẻ sau khi uống thuốc chớ cho nó bú, phải chờ thuốc tiêu hóa, rồi mới được cho bú.

Cô gái liền lấy chất đắng thoa trên vú rồi bảo đứa bé : "Vú của mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ chạm đến".

Đứa bé đói khát muốn bú, nhưng nghe mùi đắng trên vú bèn chẳng dám gần. Thời gian sau thuốc uống đã tiêu hóa, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình, gọi con đến bú.

Lúc đó đứa trẻ mặc dầu đói khát nhưng nhớ mùi đắng nên chẳng dám đến bú.

Người mẹ bảo : "Vì con uống thuốc nên mẹ lấy chất đắng thoa trên vú. Thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ cũng đã rửa sạch, giờ đây con có thể đến bú không hại gì".

Đứa trẻ nghe mẹ bảo lần lần đến bú.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai cũng vậy. Vì độ tất cả chúng sanh nên dạy tu pháp vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp ngã, được nhập Niết Bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chơn thật, nên dạy tu pháp vô ngã để được thân thanh tịnh.

Như cô gái kia chữa bịnh cho con, nên lấy chất đắng thoa trên vú. Cũng vậy, Đức Như Lai vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã.

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi kêu con đến bú. Cũng vậy, đức Phật hôm nay nói Như Lai tạng.

Vì thế nên các Tỳ Kheo chớ có sanh lòng kinh sợ.

Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu lần lần đến bú. Cũng vậy, các Tỳ Kheo nên tự phân biệt Như Lai tạng, chẳng được, chẳng có.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thiệt không có ngã. Vì lúc đứa trẻ mới sanh không hiểu biết. Nếu là có ngã thời ngày mới sanh lẽ ra liền có hiểu biết. Do nghĩa này nên định biết là không ngã.

Nếu quyết định có ngã, sau khi đã thọ sanh, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh là thường trụ, lẽ ra không hư hoại. Nếu là không hư hoại, sao lại có Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà, Chiên đà la, súc sanh, v.v... sai biệt nhau. Hiện nay thấy các thứ nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã, thời tất cả chúng sanh lẽ ra không hơn kém.

Do những nghĩa trên đây nên quyết định biết Phật tánh chẳng phải là Pháp thường trụ.

Nếu cho rằng Phật tánh quyết định là thường trụ, thời do duyên gì lại nói có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, tham lam, sân khuể, tà kiến.

Nếu ngã tánh là thường trụ, cớ gì sau khi uống rượu lại say mê.

Nếu ngã tánh là thường trụ, thời kẻ mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, kẻ câm lẽ ra nói được, người què lẽ ra có thể đi.

Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng còn tránh hầm, lửa, nước lụt, thuốc độc, dao gươm, kẻ ác, thú dữ.

Nếu ngã là thường trụ, thời những việc đã từng nghe thấy lẽ ra chẳng quên. Nếu chẳng quên có gì lại nói, tôi đã từng thấy người này ở chỗ đó.

Nếu ngã là thường, thời lẽ ra chẳng nên có niên thiếu, tráng niên, lão thành v.v... Lẽ ra chẳng nên có thạnh, suy, mạnh, yếu cùng nhớ đến việc đã qua.

Nếu ngã là thường, thời nó ở chỗ nào ? Nó ở trong nước mũi, nước miếng, hay ở trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ư !

Nếu ngã là thường, lẽ ra nó phải khắp trong thân, như dầu mè không chỗ hở trống. Nếu như vậy lúc chặt đứt thân thể, thời ngã đó lẽ ra cũng bị đứt !".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Thiện nam tử ! Ví như nhà vua có đại lực sĩ. Trên trán lực sĩ gắn hột châu kim cương. Lực sĩ này cùng người đánh vật. Hột châu kim cương bị đầu kẻ địch đụng lún khuất trong da. Nơi đó thành vết thương. Liền nhờ y sĩ cứu chữa. Y sĩ tài giỏi xem vết thương biết là do hột châu lún vào ở khuất dưới da. Y sĩ hỏi lực sĩ : "Châu kim cương trên trán của ông đâu rồi ?".

Lực sĩ kinh hãi đáp : "Hột châu trên trán của tôi đã mất rồi ư ? Nó rơi rớt ở đâu ?". Nói xong lo rầu khóc lóc.

Y sĩ an ủi : "Nay ông chẳng nên buồn khổ. Vì lúc ông đánh vật, hột châu lún vào ở ẩn dưới da, bóng nó hiện ra nơi ngoài. Lúc các ông vật đánh nhau, lòng quá giận tức, nên hột châu lún vào trán mà chẳng hay biết".

Lực sĩ chẳng tin lời của y sĩ. Nghĩ rằng : Nếu hột châu ở dưới da, máu mủ chảy tuôn cớ sao hột châu chẳng trồi lên. Còn nếu hột châu ở trong gân, lẽ ra không thể thấy. Hoặc giả y sĩ gạt gẫm ta chăng ?

Bấy giờ y sĩ cầm gương soi trên mặt lực sĩ. Hột châu kim cương hiện ánh sáng trong gương. Lực sĩ nhìn thấy, ngạc nhiên mừng rỡ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh cũng vậy. Vì không được gần gũi bực Thiện tri thức, dầu có Phật tánh mà đều không nhận thấy. Bị tham, sân, si che đậy. Vì thế nên đọa Địa ngục, Súc sanh Ngạ quỷ, A tu la, Chiên đà la, Sát đế lợi, Bà la môn, Tỳ xá, Thủ đà. Sanh vào trong các dòng đó, nhơn tâm tưởng mà gây ra các thứ nghiệp duyên. Dầu được thân người, nhưng phải điếc, đui, câm, ngọng, què, thọt. Thọ các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham, sân, si, che lấp bổn tâm, nên chẳng biết Phật tánh. Như lực sĩ kia hột châu vẫn ở trong thân mà hô đã mất.

Cũng vậy, chúng sanh chẳng biết gần gũi Thiện tri thức, chẳng biết bảo tạng Như Lai, nên tu học vô ngã. Như hạng chẳng phải bực Thánh, dầu nói là có ngã, nhưng lại chẳng biết chơn tánh của ngã.

Hàng đệ tử của ta cũng giống như vậy, vì chẳng biết gần gũi bực Thiện tri thức, nên tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Còn chẳng tự biết chơn tánh của vô ngã, huống lại có thể biết chơn tánh của ngã.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, ví như y sĩ chỉ hột châu kim cương cho lực sĩ, các chúng sanh này bị vô lượng phiền não che đậy chẳng biết Phật tánh. Nếu dứt hết phiền não, bây giờ mới đặng chứng biết rõ ràng. Như lực sĩ thấy hạt châu trong gương sáng.

Tạng Như Lai vô lượng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là "Dược vị". Thuốc đó rất ngọt, ở dưới lùm bụi rậm, người không thấy được. Có người nghe mùi thuốc liền biết chỗ đó chắc có thuốc ấy. Thuở trước có vua Chuyển Luân ở nơi núi Tuyết này đặt những bộng cây để tiếp lấy thuốc. Lúc thuốc đó chín thời từ đất chảy ra chứa vào trong bộng cây, mùi vị thuốc ngọt ngon. Sau khi Vua đã băng, thời thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc

cay, hoặc lạt, tùy địa phương của thuốc sanh ra mùi vị đều khác nhau. Nhưng vị thật của thuốc đọng ở nơi núi như mặt trăng tròn. Người phàm ít phước dầu có đào xới chỉ luống khốn khổ mà không thể được. Lấy Thánh Vương [illegible] như vậy, bị các rừng bụi phiền não che đậy, chúng sanh mê mờ chẳng thấy được.

"Dược vị" trên kia dụ cho Phật tánh. Bởi các phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị sai khác như là địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, Trời, người, nam, nữ, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà v.v...

Phật tánh hùng mãnh không thể hư hoại, vì thế nên không ai có thể sát hại được. Nếu sát hại được thời Phật tánh dứt, nhưng Phật tánh trọn không thể dứt, vì không bao giờ tánh có thể dứt được.

Như tánh của ngã tức là tạng Như Lai không có gì phá hoại, đốt cháy được tánh ấy. Dầu không có thể phá hoại, nhưng chẳng thấy được. Nếu chứng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới thấy được tánh. Do cớ đó nên không ai có thể sát hại được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nếu không ai sát hại được, thời lẽ ra không có nghiệp bất thiện ?".

Phật nói : "Này Ca Diếp ! Thiệt có sát sanh. Vì Phật tánh của chúng sanh ở trong thân ngũ ấm, nếu sát hại ngũ ấm, gọi là sát sanh, đã có sát sanh, thời đọa ác thú.

Do nhơn duyên của nghiệp mà có Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Chiên Đà La, nam, nữ, v.v...

Người chẳng phải bực Thánh vọng chấp tướng của ngã là lớn hay nhỏ, bằng hột cỏ, hoặc bằng hột gạo, hột đậu, nhẫn đến bằng ngón tay cái. Họ vọng sanh các thứ tưởng tượng như vậy. Tướng của vọng tưởng không có chơn thật.

Tướng ngã xuất thế gian, gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này, gọi là rất lành.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người giỏi biết kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bén đào đất, thẳng đến đá bàn, cát, sỏi, có thể đào qua không khó, chỉ đến lớp kim cương thời không thể xoi thấu.

Luận về chất kim cương, tất cả dao búa không thể làm hư bể. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả nhà biện luận, Thiên ma Ba tuần, cho đến các hàng Trời, người, không thể phá hoại.

Tướng ngũ ấm là hữu vi, tướng hữu vi dụ như đá, cát, sỏi, có thể đào, có thể xoi. Phật tánh dụ như kim cương, không thể phá hoại được.

Do nghĩa này, nên phá hoại thân ngũ ấm thời gọi đó là sát sanh.

Này Thiện nam tử ! Nên biết quyết định rằng Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

(*) Này Thiện nam tử ! Kinh Đại thừa Phương Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Do nhơn duyên gì mà Đức Như Lai nói kinh Đại thừa Phương Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc."

- Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết nghĩa chơn thật của tạng Như Lai chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Tôi nay thiệt muốn biết nghĩa của tạng Như Lai".

Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ rằng :

Hoặc có người uống cam lồ
Hại thân mạng mà chết sớm.
Hoặc có người uống cam lồ.
Thêm tuổi thọ sống được lâu.
Hoặc uống thuốc độc được sống.
Có người uống độc mà chết.
Trí vô ngại như cam lồ,
Đó chính là kinh Đại thừa.
Kinh điển Đại thừa như vậy

(*) Hán bộ quyển thứ 8

Cũng gọi là chất thuốc độc
Như bơ, đề hồ, vân vân,
Nhẫn đến các thứ đường phèn
Uống vào tiêu hóa là thuốc
Chẳng tiêu hóa thời thành độc.
Kinh Đại thừa cũng như vậy,
Nơi người trí, là cam lồ,
Kẻ ngu chẳng biết Phật tánh
Nghe Đại thừa thành thuốc độc.
Với bực Thanh Văn, Duyên Giác
Pháp Đại thừa là cam lồ.
Cũng như trong các mùi vị
Chất sữa là hơn tất cả.
Những người siêng năng tinh tấn
Nhờ nương nơi pháp Đại thừa
Đặng đến nơi Đại Niết Bàn
Thành bực vua trong loài người.
Chúng sanh chứng biết Phật tánh
Được chất cam lồ vô thượng
Thời không sanh, cũng không tử
Như Ca Diếp Bồ Tát thảy.
Này Ca Diếp ông nên phải
Khéo phân biệt pháp tam quy,
Thật tánh của pháp tam quy

Thời là chơn tánh của ngã.
Nếu có thể gẫm xét kỹ
Tánh của ngã có tánh Phật.
Nên biết những người như vậy
Đặng chứng nhập tạng Như Lai.
Biết ngã cùng biết ngã sở
Người này đã được xuất thế.
Tánh, Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo
Là bực đệ nhứt vô thượng.
Kệ trên đây của ta nói
Phật tánh đó nghĩa như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát nói kệ bạch Phật :

Tôi nay đều chẳng biết
Quy y nơi Tam Bảo
Thế nào sẽ về đến
Vô thượng vô sở úy ?
Chẳng biết chỗ Tam Bảo
Thế nào là vô ngã ?
Quy y Phật thế nào
Mà đặng nơi an ổn ?
Quy y Pháp thế nào
Xin Phật vì tôi nói.
Thế nào đặng tự tại ?
Thế nào chẳng tự tại ?

Quy y Tăng thế nào
Lại đặng lợi vô thượng ?
Thế nào thuyết chơn thật
Đời sau thành Phật đạo ?
Đời sau nếu chẳng thành
Thế nào quy Tam Bảo ?
Nay tôi không dự biết
Nên tuần tự quy y.
Thế nào chưa thai nghén
Mà tưởng sẽ sanh con ?
Nếu biết ở trong thai
Thời gọi là có con,
Con nếu ở trong thai
Chắc sẽ sanh chẳng lâu
Đây gọi là nghĩa con,
Nghiệp chúng sanh cũng vậy.
Như lời Phật đã nói
Người ngu chẳng biết được.
Do vì họ chẳng biết
Luân hồi ngục sanh tử
Giả danh Ưu Bà Tắc
Chẳng biết nghĩa chơn thật.
Xin Phật rộng phân biệt
Dứt trừ lưới nghi cho.

Đức Phật trí huệ lớn
Xin thương vì phân biệt
Xin nói nơi Như Lai
Tạng báu rất bí mật.

- Ca Diếp ông nên biết :
Ta nay sẽ vì ông
Khéo mở tạng bí mật
Cho ông đặng dứt nghi,
Nay phải hết lòng nghe :
Ông trong hàng Bồ Tát
Thời đồng một danh hiệu
Với đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật
Thiệt là Ưu Bà Tắc
Trọn chẳng lại quy y
Những thiên thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp
Thời lìa sự sát hại.
Người quy y Thánh Tăng
Chẳng cầu các ngoại đạo,
Quy Tam Bảo như vậy
Thời đặng vô sở úy.

- Ca Diếp bạch Phật rằng :

Tôi cũng quy Tam Bảo
Đây gọi là đường chánh
Cảnh giới của chư Phật.
Tướng Tam Bảo bình đẳng
Thường có tánh trí huệ
Tánh ngã và tánh Phật
Không hai không sai khác.
Đạo này Phật khen ngợi
Thẳng đến chỗ ở an
Cũng gọi chánh biến tri
Nên được Phật tán thán.
Tôi cũng đến Phật đạo
Của đức Phật ngợi khen
Là cam lồ tối thượng
Các cõi chỗ không có.

Đức Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên như hàng Thanh Văn, cùng hàng phàm phu phân biệt ngôi Tam Bảo. Nơi Đại thừa đây không có tướng Tam quy sai khác, vì trong Phật tánh bèn có Pháp và Tăng. Nhơn muốn hóa độ hàng Thanh Văn và phàm phu, nên phân biệt nói tướng tam quy sai khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian, thời nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nên suy nghĩ như thế này, nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu chính nơi thân này đặng thành Phật đạo, đã thành Phật rồi, chẳng nên cung kính lễ bái cúng dường các đức Thế Tôn. Vì chư Phật đều bình đẳng. Khắp vì chúng sanh mà làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân Xá lợi, thời nên lễ kính tháp miếu của chư Phật, vì muốn hóa độ chúng sanh, cũng làm cho chúng sanh đối với thân của ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh đó, lấy pháp thân của ta làm chỗ quy y.

Tất cả chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chơn thật, ta sẽ tuần tự vì chúng sanh nói pháp chơn thật.

Nếu lại có chúng sanh nương theo phái chẳng phải chơn Tăng, ta sẽ vì chúng sanh làm chỗ chơn Tăng để chúng quy y.

Nếu có người phân biệt ba pháp quy y, ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhứt, không ba pháp sai khác.

Đối với hạng sanh manh[49] ta vì họ làm nhãn mục.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà làm chỗ chơn quy.

Này Thiện nam tử ! Như vậy, Bồ Tát vì vô lượng chúng sanh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Này Thiện nam tử ! Ví như người lúc ra trận chiến đấu, tự nghĩ rằng trong đội ngũ đây, ta là

người thứ nhứt, tất cả binh sĩ đều nương cậy nơi ta.

Cũng như vương tử suy nghĩ thế này, ta sẽ điều phục các vương tử khác, nối ngôi đại vương giữ gìn nghiệp bá chủ, để đặng tự tại, khiến các vương tử đều phải quy y. Vì thế nên chẳng được sanh tâm hạ liệt. Như vương tử, vua và các quan cũng như vậy. Này Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng suy nghĩ như vầy : Thế nào ba sự cùng ta đồng một thể ?

Này Thiện nam tử ! Đức Phật nói ba sự tức là Niết Bàn. Như Lai đó gọi là Vô Thượng Sĩ. Ví như thân người, đầu là trên tất cả, chẳng đồng với tay chơn lóng đốt. Phật cũng như vậy, là bực tôn thượng, chẳng phải Pháp cùng Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian, nên thị hiện những tướng sai khác, ví như bực thang kia.

Vì thế, nay ông chẳng nên như hàng phàm ngu, nhận biết tướng ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ quyết đoán.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải là không biết, tôi vì các vị Bồ Tát đại dõng mãnh, mà bạch hỏi chỗ thật hành thanh tịnh không nhơ, muốn đức Như Lai vì các Bồ Tát tuyên nói những việc kỳ đặc, tuyên dương kinh điển Đại thừa Phương đẳng. Đức

Đại Bi Thế Tôn hôm nay đã khéo giải thuyết. Tôi cũng đã an trụ trong pháp đó. Chỗ thật hành thanh tịnh của Bồ Tát mà Phật đã nói đó, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết Bàn.

Thế Tôn ! Nay tôi cũng sẽ rộng vì chúng sanh diễn dương tạng Như Lai bí mật như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ tam quy chơn thật.

Nếu có chúng sanh nào có thể tin kính Đại Niết Bàn này, người đó thời có thể tự nhiên rõ thấu chỗ ba pháp quy y. Vì tạng Như Lai có Phật tánh vậy.

Có người tuyên nói kinh điển này, thời đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh. Người này bèn chẳng cầu ba pháp quy y nơi đâu xa. Vì đời vị lai đây, thân ta bèn sẽ thành tựu ngôi Tam Bảo. Vì thế nên hàng Thanh Văn, Duyên Giác và những chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Do nghĩa đó nên phải khéo học kinh điển Đại thừa.

Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông đã thành tựu trí huệ rất sâu .

Nay ta sẽ lại vì ông nói pháp chứng nhập tạng Như Lai.

Nếu ngã là có, thời là pháp thường chẳng rời nơi khổ. Nếu không có ngã, thời tu hạnh thanh tịnh không được lợi ích.

Nếu cho rằng các pháp đều không có ngã, đó là đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã thời là thường kiến.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp là vô thường, thời là đoạn kiến, cho rằng các hành pháp là thường, thời lại là thường kiến.

Nếu nói là khổ, thời là đoạn kiến, nếu nói là lạc, thời lại là thường kiến.

Tu tất cả pháp thường đó, thời sa nơi đoạn kiến, tu tất cả pháp đoạn đó, thời sa nơi thường kiến. Như bước đi, cần phải do chân trước, mới dời đặng chân sau. Người tu pháp thường, pháp đoạn, cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường.

Do nghĩ này, nên người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc, thời gọi là lành. Người tu các pháp vô ngã, thời thuộc về phiền não, người tu các pháp thường, thời gọi là tạng Như Lai.

Niết Bàn, không có nơi chốn. Tu những pháp vô thường, thời là tài vật, tu những pháp thường, gọi là Phật, Pháp, Tăng, và chánh giải thoát.

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói pháp chơn thật. Người phàm phu ngu

mê đối trong pháp đó không nghi, như người gầy yếu, được uống thuốc bổ, thời khí lực khỏe khoắn.

Những pháp hữu, vô, thể tánh chẳng nhứt định. Ví như tứ đại tánh nó chẳng đồng, đều trái phản nhau. Lương y khéo biết tùy món đại nào phát bịnh mà điều chỉnh đó.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai đối với các chúng sanh, cũng như vị lương y, rõ biết thể tướng sai khác của các phiền não mà dứt trừ, khai thị tạng Như Lai bí mật, Phật tánh thanh tịnh thường trụ chẳng biến đổi. Nếu cho rằng có, thời lẽ ra trí chẳng nhiễm. Nếu nói là không, bèn thành vọng ngữ. Nếu nói là có, lẽ ra chẳng nên nín lặng. Lại cũng chẳng nên hý luận cãi cọ, chỉ nên cầu được rõ biết chơn tánh của các pháp.

Người phàm phu hý luận cãi cọ vì chẳng hiểu tạng Như Lai. Nếu nói pháp khổ, người ngu bèn cho thân là vô thường, chẳng có thể biết nơi thân có tánh lạc.

Nếu nói vô thường, người phàm phu chấp tất cả thân đều là vô thường, như ngói chưa hầm chín.

Nếu là người trí nên phải quan sát, chẳng nên nói tất cả đều vô thường vì nơi thân của ta có chủng tử Phật tánh.

Nếu nói vô ngã, người phàm phu sẽ cho là tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phải

quan sát vô ngã là giả danh chẳng thật, rõ biết như vậy chẳng nên sanh nghi.

Nếu nói tạng Như Lai là không tịch, người phàm phu nghe như thế sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí nên phải quan sát Như Lai là thường, không có biến đổi.

Nếu nói giải thoát dụ như huyễn hóa, người phàm phu sẽ cho rằng chứng đặng giải thoát, tức là dứt mất. Người trí nên phải quan sát đức Như Lai giải thoát, dầu có đến đi, nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhơn duyên mà có các hành pháp, người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp : "Minh" đến "Vô minh". Người trí rõ biết tánh đó vốn không có hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói các hành làm nhơn duyên có ra thức, người phàm phu cho rằng có hai "Hành" cùng "Thức".

Người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói Thập thiện, Thập ác, có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ, người phàm phu nghe đó cho là có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh kia không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả hành pháp là vô thường, thời tạng Như Lai cũng là vô thường, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả pháp vô ngã, tạng Như Lai cũng không có ngã, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Ngã với vô ngã nơi tánh không có hai thứ.

Tạng Như Lai, nghĩa tánh vô lượng vô biên như vậy, là chỗ mà chư Phật đều tán thán, hôm nay ta ở nơi trong kinh thành tựu tất cả công đức này đều đã nói rồi.

Này Thiện nam tử ! Ngã cùng vô ngã tánh và tướng không có hai thứ, ông phải thận trọng thọ trì như vậy, ông cũng phải ghi nhớ giữ gìn kinh điển này. Như ta ngày trước trong kinh Đại Bát Nhã cũng nói ngã và vô ngã không có hai thứ.

Này Thiện nam tử ! Như do sữa thành lạc, do lạc thành sanh tô, do sanh tô thành thục tô, do thục tô đặng chất đề hồ. Chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay là nó tự sanh, hoặc do cái khác sanh ư, nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy. Nếu từ cái khác sanh,

thời là lẽ ra chẳng phải do sữa mà thành. Nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh, thời sữa thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không có lạc. Nếu lạc, tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc. Nếu lần lần biến thành, thời là chẳng sanh chung. Nếu chẳng sanh chung, thời cả năm thứ không đồng một thời. Dầu chẳng đồng một thời, nhưng quyết định chẳng phải từ nơi chỗ khác mà có.

Phải biết trong chất sữa đã có tướng của chất lạc. Vì nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự biến. Nhẫn đến chất đề hồ cũng lại như vậy.

Do con bò cái ăn cỏ, uống nước, huyết mạch chuyển biến mà đặng có sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt, thời sữa nó nhiều vị ngọt. Nếu nó ăn cỏ đắng, thời sữa nó có lẫn vị đắng. Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Phì Nhị. Bò cái ăn cỏ Phì Nhị, thời đặng thuần chất đề hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Do cỏ lúa làm nhơn duyên mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, các chúng sanh do minh cùng vô minh, vì nghiệp làm nhơn duyên mà sanh có hai tướng. Nếu vô minh chuyển thời biến làm minh. Tất cả những pháp thiện, bất thiện, vân vân, cũng lại như vậy, không có hai thứ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, trong sữa có tướng lạc, nghĩa đó như thế nào ? Thế Tôn ! Nếu nói rằng trong sữa quyết định

có tướng lạc, do vì vi tế chẳng thấy được, thế sao lại nói từ nơi sữa mà thành lạc. Phàm trước vốn không mà nay có thời gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có, sao lại nói là sanh. Nếu nói trong sữa quyết định có tướng lạc, thời trong cỏ lúa lẽ ra cũng có sữa, và trong sữa lẽ ra cũng có cỏ lúa.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, thế sao nhơn sữa mà đặng thành lạc. Nếu trước vốn không, sau mới sanh ra có, thời cớ gì trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa ?

- Thiện nam tử ! Chẳng nên nói quyết định trong sữa có lạc hay trong sữa không có lạc, cũng chẳng nên nói từ nơi khác mà sanh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, thời chất và vị của hai thứ sao lại khác nhau. Vì thế nên chẳng nên nói trong sữa quyết định có chất lạc.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, cớ sao trong sữa chẳng sanh vật khác. Đem chất độc pha vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thời chất lạc đó giết chết người, vì thế nên chẳng nên nói rằng trong sữa quyết định không có chất lạc.

Nếu nói chất lạc từ nơi khác mà sanh, thời có gì trong nước lã chẳng sanh chất lạc, mà phải từ nơi sữa, vì thế nên chẳng nên nói chất lạc từ nơi khác mà sanh.

Này Thiện nam tử ! Bò cái kia ăn cỏ tiêu hóa biến thành bạch huyết, do phước lực của chúng sanh,

cỏ huyết biến thành sữa. Sữa này dầu từ nơi cỏ huyết mà ra, nhưng chẳng đặng nói là hai thứ, chỉ đặng gọi là từ nhơn duyên mà sanh. Chất lạc, nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy.

Do nhơn duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất lạc, ủ đông, hâm nóng, đó là nhơn duyên. Nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy. Vì thế nên chẳng đặng nói quyết định rằng trong sữa không có tướng lạc.

Nếu nói từ nơi khác mà sanh, thời ngoài sữa không do đâu để có chất lạc.

Này Thiện nam tử ! "Minh" cùng "Vô minh" cũng lại như vậy. Nếu chung với phiền não thời gọi là Vô minh, nếu chung với tất cả pháp lành thời gọi là Minh. Do đó nên ta nói không có hai tướng. Vì thế nên trước kia ta nói bò cái ăn cỏ Phì Nhị ở núi Tuyết, thời sanh thuần chất đề hồ. Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Do vì phiền não che đậy nên chúng sanh chẳng thấy Phật tánh, như người phước bạc chẳng thấy được cỏ Phì Nhị.

Như trong biển lớn, dầu đồng một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon, vị đồng như sữa. Như nơi núi Tuyết, dầu sanh nhiều cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc.

Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy, dầu có giống rắn độc tứ đại, nhưng trong đó cũng có diệu dược, tức là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là

pháp tạo tác làm ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất, nếu chúng sanh nào dứt trừ được phiền não, thời liền thấy được Phật tánh, thành đạo Vô thượng.

Ví như giữa hư không, giăng mây nổi sấm, trên ngà của tất cả voi đều sanh bông. Nếu không có sấm nổ, thời bông không sanh.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị tất cả phiền não che khuất nên chẳng thấy được. Vì thế nên ta nói chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, thời được thấy Phật tánh như bông hiện trên ngà voi.

Dầu nghe tất cả tam muội trong khế kinh, mà chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn này, thời chẳng biết được tướng Như Lai vi diệu. Như lúc không có tiếng sấm, thời chẳng thấy được bông trên ngà voi.

Nếu được nghe kinh này rồi, liền biết tạng Phật tánh của tất cả Như Lai nói. Như trời sấm thấy bông trên ngà voi. Được nghe kinh này liền biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Do nghĩa trên đây, nên nói Đại Niết Bàn là tạng Như Lai thêm lớn pháp thân, như lúc trời sấm, bông trên ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

Nếu có Thiện nam, Tín nữ, có thể tập học kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này, nên biết những người đây có thể báo được ân Phật, thật là đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Phật tánh như đã nói rất sâu, khó thấy, khó vào, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không thể đến được".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Đúng như lời ông vừa khen, chẳng trái lời nói của ta".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào như thế nào ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như trăm người mù đến lương y để trị bịnh mắt. Lúc đó lương y dùng kim vàng lột màng mắt của họ, lột xong, giơ một ngón tay hỏi rằng : Thấy không ? Người mù đáp rằng : Tôi vẫn chưa thấy. Lương y lại giơ hai ngón, ba ngón; người mù mới nói rằng thấy mờ mờ.

Này Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, lúc đức Như Lai chưa nói cũng lại như vậy. Vô lượng Bồ Tát dầu đầy đủ thật hành các Ba la mật, nhẫn đến bậc Thập trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc Bồ Tát này đã được thấy, đều nói rằng : "Thế Tôn ! Lạ lùng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này lên bực Thập địa còn chưa thấy được Phật tánh rõ ràng, huống là hàng Thanh Văn, Duyên Giác, mà có thể thấy đặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ngước mặt nhìn đoàn chim nhạn trên hư không, nhìn kỹ phưởng

phất thấy dạng bầy nhạn. Bực Thập trụ Bồ Tát đối nơi Phật tánh, thấy biết được chút ít cũng lại như vậy, huống là hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà thấy biết được !

Này Thiện nam tử ! Ví như người say, đi trên đường xa, ngó thấy mập mờ. Bực Thập trụ Bồ Tát đối với Phật tánh thấy biết được ít phần cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như người khát nước, đi trong đồng trống, khắp nơi tìm nước, thấy có lùm cây, trong lùm có chim bạch hạc, người đó bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng phân biệt được là cây hay là nước. Đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc cùng với lùm cây. Bực Thập trụ Bồ Tát, đối với Phật tánh, thấy biết phần ít cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, nhẫn đến trăm ngàn do tuần, trông thấy chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi xa, liền nghĩ rằng : Đó là chiếc thuyền hay là khoảng không. Nhìn lâu, trong tâm quyết định biết là thuyền lớn. Bực Thập trụ Bồ Tát, ở trong tự thân, thấy Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như vị Vương tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm, đến sáng ngày sau, mắt mờ thấy không được rõ. Bực Thập trụ Bồ Tát dầu ở nơi thân mình thấy được Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như quan lại, vì công sự suốt đêm trở về nhà chớp nhoáng thấy bầy trâu, liền nghĩ rằng : Đó là trâu ư, hay là dãy nhà, nhìn lâu, dầu nhận là trâu mà còn chưa định chắc. Bực Thập trụ Bồ Tát, dầu ở nơi thân mình thấy Phật tánh, chưa có thể định chắc cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như Tỳ Kheo trì giới, nhìn trong bát nước không có trùng, mà thấy tướng trùng, liền nghĩ rằng : Trong nước đây là trùng hay là bụi đất, nhìn lâu, dầu biết là bụi nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát, ở trong thân mình thấy Phật tánh chẳng được rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người, xa thấy đứa trẻ đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng : Đó là con vật, là chim, hay là người ? Nhìn lâu, dầu nhận thấy là đứa trẻ, nhưng vẫn chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức họa tượng Bồ Tát liền nghĩ rằng : Đây là tượng Bồ Tát hay là tượng Thiên thần, nhìn lâu, dầu nhận là tượng Bồ Tát, nhưng chẳng rõ ràng. Bực Thập trụ Bồ Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh ấy rất sâu như vậy, khó biết khó thấy, chỉ Phật biết rõ, chẳng phải

hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được. Người trí phải quan sát như vậy để rõ biết Phật tánh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Phật tánh vi tế khó thấy như vậy, thế sao nhục nhãn mà có thể thấy được".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Như trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng kia, cũng chẳng phải hàng Nhị thừa biết được, chỉ tin theo khế kinh mà biết.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác tin thuận theo kinh Đại Niết Bàn này, tự biết thân mình có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên phải tinh tấn tu tập kinh Đại Niết Bàn. Phật tánh đó chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Hàng chúng sanh phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã".

Phật nói : "Ví như hai người làm bạn thân nhau : Một người là vương tử, một người là dân hèn, hai người đó thường qua lại nhau, lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt, trong lòng thích muốn, thời gian sau, vương tử mang dao trốn qua nước khác. Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, giữa giấc ngủ mơ nói con dao ! Con dao ! Người nhà nghe được bắt nộp cho vua. Vua gạn hỏi : Nhà ngươi nói con dao, nay ở đâu ? Người dân hèn thuật rõ việc trước. Nay nhà vua dầu giết

Thần cung vương tử vốn là bạn thân, trước kia, đau mắt được thấy con dao, nhưng còn không dám chạm đến, huống lại cố ý lấy.

Vua lại hỏi : "Lúc nhà ngươi thấy dao, hình dạng giống thứ gì ?".

Người dân hèn thưa : "Tâu Đại Vương, thần thấy con dao ấy giống như sừng dê đen".

Vua nghe xong, vui mừng cả cười, bảo rằng : "Nhà ngươi chớ sợ, ta tha cho ngươi, trong kho tàng của ta, đều không có thứ dao ấy, huống là ngươi thấy con dao nơi vương tử".

Lúc đó nhà vua lại hỏi các quan : "Các khanh từng thấy con dao đó chăng ?". Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác lên làm vua.

Tân vương lại hỏi các quan : "Các khanh từng thấy con dao đó chăng ? Hình dáng nó như thế nào ?".

Các quan đồng tâu : "Chúng thần từng thấy hình nó như sừng dê đen".

Vua nói : "Trong kho tàng của ta, chỗ nào mà có thứ dao hình dạng như vậy ?".

Lần lượt bốn vị Tân vương tra tìm con dao ấy đều chẳng đặng.

Sau đó, vị vương tử đào vong ngày trước, trở về nước, được tôn làm vua. Khi lên ngôi xong, Tân

vương này lại hỏi các quan : "Các khanh có thấy con dao đó chăng ? Hình dạng nó thế nào ?".

Các quan tâu : "Chúng tôi đều thấy". Rồi đua nhau trình bày hình dáng của con dao. Người thì nói sắc dao thanh tịnh như hoa sen xanh. Người lại nói hình như sừng dê. Người thì nói dao màu hồng đỏ như lửa. Người lại nói dao đen tuyền như rắn đen.

Nhà vua cả cười bảo : "Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng thật của con dao của ta".

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát xuất hiện nơi đời nói tướng chơn thiệt của ngã cũng như vậy. Nói xong bỏ đi. Như vương tử mang con dao tốt trốn qua nước khác.

Người phàm phu ngu mê cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã. Như người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, mơ nói con dao ! Con dao !

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào ? Đáp rằng : "Tôi thấy tướng của ngã lớn bằng ngón tay cái. Có kẻ nói, như hột gạo. Có kẻ nói như hột cỏ. Cũng có kẻ nói tướng của ngã ở trong tâm, sáng rỡ như mặt trời".

Những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của ngã. Như các quan chẳng biết hình dáng của con dao.

Bồ Tát nói tướng trạng của ngã, hàng phàm phu chẳng rõ biết, vọng tưởng ra các hình tướng của ngã, như những người nói hình dáng của con dao, giống như sừng dê đen v.v...

Các hạng phàm phu đó, tuần tự nối nhau mà sanh những tà kiến.

Vì dứt những tà kiến đó, nên đức Như Lai hiện ra đời, nói pháp vô ngã. Vương tử bảo các quan : Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hôm nay đức Như Lai nói ngã chơn thật gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy ở trong Phật pháp của ta, như con dao tốt kia.

Thiện nam tử ! Nếu có kẻ phàm phu, có thể nói đúng, đó chính là do vì tùy thuận Phật pháp vô thượng. Nếu có người khéo phân biệt tùy thuận tuyên nói như đây, nên biết người đó chính là Bồ Tát.

THÍCH NGHĨA

(47)- PHƯƠNG ĐẲNG : Rộng lớn cùng khắp

(48)- THANH VĂN : Nghe thanh âm; hàng Tiểu thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chơn quả. Không phải như Đại Thừa Bổ Tát tự ngộ bổn tâm, tự chứng bổn tánh.

(49)- SANH MANH : Kẻ mù từ khi sanh ra. Nơi đây chỉ cho hạng phàm phu không trí huệ chơn chánh.

PHẨM VĂN TỰ

Thứ mười ba

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Bao nhiêu những dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là của Phật nói, chẳng phải của ngoại đạo nói".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai nói văn tự căn bổn ra thế nào ?".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Ban đầu nói bán tự để làm căn bổn, để ghi nhận những thật pháp, như ký luận, chú thuật, văn chương, các ấm. Hạng phàm phu học bán tự căn bổn này mới biết được những pháp đó là chẳng phải pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào ?".

Này Thiện nam tử ! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

Tự ở đây nói gọi là Niết Bàn. Vì là thường, nên chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển, thời là vô tận. Vô tận chính là thân Kim cang của Như Lai.

Mười bốn âm là căn bổn của tự.

A (giọng ngắn), là chẳng phá hoại, chẳng phá hoại gọi là Tam Bảo, dụ như chất kim cang. Lại A là chẳng lưu dật, chẳng lưu dật tức là Như Lai. Vì cửu khiếu của Như Lai không có chảy ra, nên là chẳng lưu dật. Lại không có cửu khiếu, nên chẳng lưu dật. Chẳng lưu dật thời là thường, thường chính là Như Lai. Vì thế Như Lai không tạo tác, nên chẳng lưu dật. Lại A gọi là công đức, công đức tức là Tam Bảo, nên gọi là A.

A (giọng dài), gọi là A Xà Lê, A Xà Lê nghĩa là gì ? Chính là người được trong đời gọi là bậc Thánh. Thánh là không chấp trước, thiểu dục, tri túc, thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi.

Lại A là chế độ. Tu trì giới thanh tịnh, tùy thuận oai nghi. Lại A là nương nơi Thánh nhơn để học oai nghi, đứng, đi, hành động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam Bảo, thảo nuôi cha mẹ. Và hàng thiện nam, cùng thiện nữ học tập Đại thừa, thọ trì đủ cấm giới, và các vị đại Bồ Tát, đây gọi là Thánh nhơn.

Lại A là giáo hối. Như nói các ngươi phải làm như thế này, chẳng nên làm như thế này. Nếu có

thể ngăn dứt những điều chẳng phải oai nghi, thời, gọi là Thánh nhơn. Vì thế nên gọi là A.

Y (giọng ngắn), là Phật pháp. Hạnh thanh tịnh rộng lớn, trong sạch không nhơ như mặt trăng tròn. Các ngươi nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa này phải, nghĩa này chẳng phải, đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói. Vì thế nên gọi là Y.

Y (giọng dài), là Phật pháp vi diệu rất sâu khó đặng. Như Đại Tự Tại Thiên, Đại Phạm Thiên Vương gọi rằng Tự tại. Nếu có thể thọ trì Phật pháp, thời gọi là hộ pháp.

Lại Tự tại chỉ cho bốn bực hộ thế, bốn bực Tự tại này thời có thể nhiếp hộ kinh Đại Niết Bàn, cũng có thể tự tại tuyên dương giảng thuyết.

Lại Y là có thể vì chúng sanh thuyết pháp tự tại.

Lại Y là vì được tự tại, nên tuyên thuyết pháp, tức là tu tập kinh điển Đại thừa Phương Đẳng.

Lại Y là dứt tật đố, như dọn sạch cỏ rác, đều có thể làm cho trở thành tốt lành. Vì thế nên gọi là Y.

ƯU (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng trong các kinh, tức là Đại Niết Bàn.

Lại ƯU là Như Lai tánh, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chưa từng nghe biết. Như Bắc Câu Lô Châu hơn hết các châu. Bồ Tát nếu nghe thọ được kinh

này, thời là tối thắng, tối thượng đối với tất cả đại chúng. Vì thế nên gọi là ƯU.

ƯU ƯU (giọng dài), ví như sữa bò hơn hết trong các thức ăn. Như Lai tánh cũng như vậy, là tối tôn, tối thượng ở trong các kinh. Nếu có kẻ chê bai hủy báng Như Lai tánh phải biết người này không khác với bò.

Lại ƯU ƯU là nói người trên đây là kẻ không có trí huệ chánh niệm, chê bai tạng Như Lai tạng Như Lai bí mật. Người này rất đáng thương xót, ngoài tạng Như Lai bí mật mà nói không ngã, không pháp. Vì thế nên gọi là ƯU ƯU.

YÊN, là Phật tánh Niết bàn.

DÃ là nghĩa Như Lai. Lại Dã là Như Lai đứng, đi, cử động không gì chẳng lợi ích tất cả chúng sanh, vì thế nên gọi là DÃ.

Ô là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là những hữu lậu. Đức Như Lai dứt hẳn tất cả phiền não, vì thế nên gọi là Ô.

PHÁO, là nghĩa Đại thừa, nghĩa rốt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa cũng vậy, là rốt ráo trong các kinh luận. Vì thế nên gọi là PHÁO.

AM, có thể ngăn tất cả những vật bất tịnh, nơi trong Phật pháp có thể bỏ tất cả vàng bạc, châu báu, vì thế nên gọi là AM.

Ă, là nghĩa thắng thừa. Kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn đây hơn hết trong các kinh vì thế nên gọi là Ă.

CA, đối với các chúng sanh khởi lòng từ bi tưởng như con ruột như La Hầu La, làm những việc nghĩa, lành tốt đẹp, vì thế nên gọi là CA.

KHƯ, gọi là bạn chẳng lành. Bạn chẳng lành gọi là dơ dáy, chẳng tin tạng Như Lai bí mật. Vì thế nên gọi là KHƯ.

DÀ, gọi là tạng. Tức là tạng Như Lai bí mật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì thế nên gọi là DÀ.

RẰNG, là âm vận thường hằng của Như Lai, tức là Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là RẰNG.

NGA, là tướng phá hoại của tất cả các hành pháp.

GIÁ, là nghĩa tu. Điều phục tất cả chúng sanh gọi đó là tu. Vì thế nên gọi là GIÁ.

XA, Như Lai che chở tất cả chúng sanh, dụ như cây lọng lớn. Vì thế nên gọi là XA.

XÀ, là chánh giải thoát, không có tướng già, vì thế nên gọi là XÀ

THÀ, là phiền não rậm rợp như lùm rừng vì thế nên gọi là THÀ.

NHÃ, là nghĩa trí huệ, biết pháp tánh chơn thật. Vì thế nên gọi là NHÃ.

TRA, là ở nơi cõi Diêm Phù Đề thị hiện bán thân mà thuyết pháp, ví như bán nguyệt, vì thế nên gọi là TRA.

TRẠCH, là Pháp thân đầy đủ, ví như mãn nguyệt, vì thế nên gọi là TRẠCH.

TRÀ, là ngu si Tăng, chẳng biết thường, cùng với vô thường, ví như trẻ nít, vì thế nên gọi là TRÀ.

TỔ, là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực, vì thế nên gọi là TỔ.

NOA, là nghĩa chẳng phải Thánh, dụ như ngoại đạo, vì thế nên gọi là NOA.

ĐA, đức Như Lai một lúc kia bảo các Tỳ Kheo, các ông nên lìa sự kinh sợ, sẽ vì các ông nói pháp vi diệu, vì thế nên gọi là ĐA.

THA, là nghĩa ngu si, chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử, như tằm làm kén, như bọ ngựa làm ổ. Vì thế nên gọi là THA.

ĐÀ, là bố thí lớn, tức là Đại thừa, vì thế nên gọi là ĐÀ.

ĐẠN, là khen ngợi công đức, tức là Tam Bảo, như núi Tu Di cao vọi rộng lớn, không có nghiêng ngã cho nên gọi là ĐẠN.

NA, là Tam Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như ngạch cửa, nên gọi là NA.

BA, là nghĩa điên đảo, như nói Tam Bảo thảy đều dứt mất, nên biết người này là tự nghi hoặc điên đảo, vì thế nên gọi là BA.

PHẢ, là tai họa thế gian, nếu nói rằng lúc tai họa

BÀ, là mười trí lực của Phật.

PHẠM, là gánh nặng, có thể kham nhiệm gánh mang chánh pháp vô thượng, nên biết người này là đại Bồ Tát. Vì thế nên gọi là PHẠM.

MA, là chế độ nghiêm tuấn của Bồ Tát, tức là Đại thừa, Đại Niết Bàn. Vì thế nên gọi là MA.

GIA, là các vị Bồ Tát ở mọi nơi chỗ, vì các chúng sanh nói pháp Đại thừa. Vì thế nên gọi là GIA.

RA, là có thể phá hoại tham dục, sân khuể, ngu si, mà nói pháp chơn thật. Vì thế nên gọi là RA.

LÀ, là Thanh Văn thừa động chuyển chẳng dừng, Đại thừa bền vững không có lay động. Bỏ Thanh Văn thừa, siêng năng tu tập vô thượng Đại thừa. Vì thế nên gọi là LÀ.

HÒA, đức Như Lai Thế Tôn vì các chúng sanh rưới mưa pháp lớn, như những chú thuật, kinh sách thế gian. Vì thế nên gọi là HÒA.

SA, xa lìa ba mũi tên độc, vì thế nên gọi là SA.

SÁ, là nghĩa đầy đủ, nếu nghe được kinh Đại Niết Bàn này, thời là đã đặng nghe và thọ trì tất cả kinh điển Đại thừa, vì thế nên gọi là SÁ.

TA, vì các chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho lòng họ vui mừng, nên gọi là TA.

HA, là tâm hoan hỷ, lạ lùng thay đức Thế Tôn rời tất cả hành vi. Lạ thay đức Như Lai nhập Niết Bàn. Vì thế nên gọi là HA.

LA, là nghĩa ma, vô lượng loài ma không thể hủy hoại tạng bí mật của Như Lai, cho nên gọi là LA. Lại LA nhẫn đến thị hiện tùy thuận thế gian, mà có cha mẹ, vợ con. Vì thế nên gọi là LA.

LÔ, LƯU, LƯ, LÂU, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa, tức là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Đối pháp là tùy thuận thế gian, như Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá Tăng, hóa làm các thứ hình dáng, sắc tượng để làm duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc này mà sanh lòng sợ sệt. Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian vì thế nên gọi là LÔ, LƯU, LƯ, LÂU.

Hít khí trời, cuống lưỡi theo tiếng lỗ mũi, tiếng dài, ngắn, cao, thấp, theo giọng nói để giải bày ý nghĩa, đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Những chữ nghĩa như vậy có thể làm cho chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh.

Phật tánh của chúng sanh thời không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh, vì Phật tánh vẫn thanh tịnh, nên dầu ở trong ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới, nhưng chẳng đồng với ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới. Vì thế nên chúng sanh đều phải quy y.

Các vị Bồ Tát do nơi Phật tánh mà đều coi chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác.

Vì thế nên bán tự làm căn bổn của những kinh sách, ký luận, văn chương.

Lại nghĩa của bán tự đều là căn bổn của phiền não ngôn thuyết.

Nghĩa của mãn tự thời là căn bổn của tất cả thiện pháp ngôn thuyết.

Ví như trong đời, người làm ác gọi là bán nhơn, người tu hành gọi là mãn nhơn. Cũng vậy, tất cả kinh sách ký luận đều do bán tự làm căn bổn.

Nếu nói Như Lai là chánh giải thoát, vào trong phạm vi bán tự, lời nói này không đúng. Vì Như Lai và chánh giải thoát rời danh tự. Do đó nên đức Như Lai đối với tất cả pháp, không chướng ngại, không đắm trước mà đặng chơn thật giải thoát.

Thế nào gọi là hiểu rõ chữ nghĩa ? Có người biết đức Như Lai hiện ra nơi đời có thể dứt được bán tự, nên gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

Nếu có kẻ chạy theo nghĩa bán tự, thời người này chẳng biết được tánh Như Lai.

Thế nào gọi là nghĩa vô tự ? Người gần gũi tu tập pháp bất thiện, đây gọi là vô tự. Lại người vô tự dầu có thể gần gũi tu tập pháp lành, nhưng chẳng biết Như Lai là thường cùng vô thường, hằng cùng chẳng phải hằng, chẳng biết Pháp và Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, chẳng biết lời ma, lời Phật. Nếu người không thể phân biệt rõ biết như vậy, thời gọi là chạy theo nghĩa vô tự.

Nay ta đã nói, chạy theo nghĩa vô tự như vậy, cùng nghĩa bán tự và mãn tự, nên các ông phải rời bán tự khéo hiểu mãn tự.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng tôi phải nên khéo học tự số. Nay tôi được gặp ngay đức Thầy vô thượng, đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như Lai".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát :

"Lành thay ! Lành thay ! Người ưa thích chánh pháp phải học như vậy".

XIV

PHẨM ĐIỂU DỤ

Thứ mười bốn

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Có hai giống chim ! Một tên là Ca lân đề, hai tên là Oan ương. Hai giống chim đó lúc bay, lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô thường, vô ngã, chẳng rời nhau cũng như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thế nào là các pháp khổ, vô thường, vô ngã, như chim Oan ương và Ca lân đề kia".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác với mè bắp. Mè bắp lại khác với đậu mía. Các thứ ấy từ mầm mộng của nó, nhẫn đến trổ lá, đơm bông đều là vô thường. Đến lúc thành trái thành hột khô chín, mọi người thọ dụng mới gọi là thường, vì tánh chất chơn thật".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những vật như vậy nếu là thường thời có đồng với Như Lai chăng ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy, vì nói cho rằng Như Lai như núi Tu Di, lúc kiếp hoại núi Tu Di lở sụp, thời đức Như Lai há lại cũng đồng hư hoại ư !

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên giữ lấy những nghĩa ấy.

Tất cả các pháp chỉ trừ Phật tánh và Niết Bàn, không có một pháp nào là thường cả. Nói trái và hột là thường, đó là nói theo thế gian thôi".

Ca Diếp bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời Phật nói".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Đúng như vậy. Này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định, nhẫn đến chưa nghe pháp Đại Niết Bàn thời đều nói tất cả là vô thường. Nghe kinh này rồi dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây Am la bông nó mới trổ gọi là vô thường, đến lúc thành trái có thể ăn dùng mới gọi là thường.

Cũng thế, này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định lúc chưa nghe kinh Đại

Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích cõi trời, cõi người. Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như lúc nấu, lọc, quặng vàng, là tướng vô thường, lọc xong thành vàng ròng, có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Cũng vậy, này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh các môn thiền định, lúc chưa nghe kinh Đại Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột mè lúc chưa bị ép, gọi là vô thường. Lúc ép thành dầu có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Này Thiện nam tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định mà chưa nghe kinh Đại Niết Bàn này, đều cho rằng tất cả là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi dầu có phiền não, như không phiền não, đều có thể lợi ích cõi người, cõi trời, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi rằng thường.

Này Thiện nam tử ! Ví như các dòng nước đều chảy về biển. Cũng vậy, tất cả khế kinh, các môn

thiền định tam muội đều quy về kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, vì khéo nói có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ta nói, pháp thường khác, pháp vô thường khác, nhẫn đến vô ngã cũng lại như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Đức Như Lai đã lìa tên độc Ưu bi, luận về có ưu bi gọi là Trời. Đức Như Lai chẳng phải trời. Có ưu bi gọi là người, Như Lai chẳng phải người. Có ưu bi gọi là hai mươi lăm cõi hữu lậu, đức Như Lai chẳng phải hai lăm cõi hữu lậu. Vì thế nên đức Như Lai không có ưu bi, cớ sao nói rằng đức Như Lai ưu bi ?".

Này Thiện nam tử ! Vô tưởng thiên gọi là không tưởng. Nếu không tưởng thời không thọ mạng, nếu không thọ mạng, sao lại có ấm, nhập, các giới. Do vì nghĩa đó, nên thân thọ mạng của Vô tưởng thiên, không thể nói là có chỗ ở.

Này Thiện nam tử ! Ví như Thọ thần nương theo cây mà ở, chẳng thể quyết định nói nương nhánh, nương lóng, nương thân, nương lá.

Cũng vậy, dầu không chỗ quyết định, nhưng không thể nói là không có thân thọ mạng của Vô tưởng thiên.

Này Thiện nam tử ! Phật pháp cũng vậy, rất sâu khó hiểu. Đức Như Lai thiệt không ưu bi khổ não, mà ở nơi hàng chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có ưu bi, coi hàng chúng sanh như La Hầu La.

Này Thiện nam tử ! Trong Vô tưởng thiên có bao nhiêu thọ mạng, chỉ Phật biết được, chẳng phải người khác có thể biết. Nhẫn đến trời Phi tưởng, Phi Phi tưởng cũng như vậy.

Này Ca Diếp, Như Lai tánh thanh tịnh không ô nhiễm, dường như hóa thân, chỗ nào mà có ưu bi khổ não.

Nếu nói đức Như Lai không ưu bi đó, thế nào có thể lợi ích chúng sanh, rộng hoằng Phật pháp. Và nếu nói là không ưu bi, sao lại nói bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, nếu chẳng bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, thời lời nói trên là hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Do vì nghĩa đó, Phật chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, thọ mạng Vô tưởng thiên chẳng thể nghĩ bàn. Đức Như Lai có ưu bi cùng không ưu bi, là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Thí như nhà, cửa, bụi, đất, không thể trụ giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa chẳng cần hư không mà có thể trụ, thời không đúng. Do vì nghĩa đó nên chẳng thể nói nhà trụ nơi hư không, hay chẳng trụ nơi hư không. Kẻ phàm phu dầu nói rằng nhà trụ ở hư không, mà hư không thiệt không chỗ trụ, vì tánh hư không vốn là vô trụ.

Vô tưởng thiên cũng như vậy. Đức Như Lai ưu bi cũng như vậy. Nếu không ưu bi, thế nào nói rằng bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La. Nếu cho là có ưu bi, thời sao lại nói Như Lai tánh đồng với hư không.

Này Thiện nam tử ! Ví như nhà ảo thuật, dầu hóa làm các thứ cung điện sát sanh, nuôi dưỡng, bắt trói, mở thả, nhẫn đến hóa làm các vật báu vàng, bạc, lưu ly, lùm rừng, cây cối v.v... đều không có tánh chất chơn thật.

Cũng vậy, đức Như Lai tùy thuận theo thế gian, thị hiện ưu bi, mà không có chơn thật. Đức Như Lai đã chứng nhập nơi Đại Niết Bàn thế nào lại có ưu bi khổ não.

Nếu có kẻ cho rằng đức Như Lai chứng nhập Niết Bàn là vô thường, nên biết người này thời có ưu bi. Nếu nói đức Như Lai chẳng nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên biết người này không có ưu bi.

Đức Như Lai có ưu bi, cùng không ưu bi không ai có thể biết được.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bực hạ biết được pháp bực hạ, mà chẳng biết bực trung và bực thượng. Người bực trung, thời biết pháp bực trung

mà chẳng biết nơi bực thượng. Người bực thượng, thời biết bực thượng và biết cả bực trung, bực hạ.

Cũng thế, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chỉ biết ngang chừng bực của mình. Đức Như Lai thời không phải như vậy, đều biết rõ bực của mình và cả những bực khác. Vì thế nên đức Như Lai gọi là đấng Vô ngại trí, tùy thuận theo thế gian mà hóa hiện. Kẻ phàm phu nhục nhãn cho là chơn thật, mà muốn biết hết trí vô thượng vô ngại của Như Lai, quan niệm này không đúng.

Đức Như Lai có ưu bi cùng không ưu bi chỉ Phật biết được. Do nhơn duyên này, pháp có ngã khác, pháp vô ngã khác. Đây gọi là điều dụ chim Oan ương, chim Ca lân đề.

Này Thiện nam tử ! Phật pháp dường như chim Oan ương đồng nhau bay đi. Chim Ca lân đề và chim Oan ương này, mùa thạnh hạ nước dưng lên, lựa chọn gò cao làm ở cho con chúng ở, rồi sau chúng nó mới trở về chốn cũ ưu du an ổn.

Cũng vậy, đức Như Lai xuất thế giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho đều được trụ nơi chánh pháp. Như chim kia lựa gò cao lót ổ cho con chúng nó ở.

Đức Như Lai làm cho các chúng sanh đều được giải thoát, chỗ làm đã xong, bèn nhập Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết Bàn là vui vi diệu thứ nhất, vì đã phá hoại các hành pháp".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh chứng đặng Niết Bàn gọi là An lạc đệ nhứt ?".

- Này Thiện nam tử ! Như lời ta đã nói các hành pháp hòa hiệp gọi đó là lão tử.

Cẩn thận chẳng phóng dật,
Đây gọi là cam lộ.
Phóng dật chẳng cẩn thận,
Đây gọi là tử cú.
Nếu người chẳng phóng dật
Thời đặng chỗ bất tử,
Như kẻ phóng dật kia
Thường đến nơi tử lộ.

Nếu phóng dật gọi là Pháp hữu vi. Pháp hữu vi này là khổ đệ nhứt. Nếu chẳng phóng dật thời gọi là Niết Bàn. Niết Bàn đó gọi là cam lộ an vui đệ nhứt. Nếu xu hướng các hành pháp, thời gọi là chỗ chết thọ khổ đệ nhứt. Nếu đến Niết Bàn thời gọi là bất tử thọ vui vi diệu. Nếu chẳng phóng dật, dầu nhóm họp các hành pháp, cũng gọi là thường lạc bất tử, thân chẳng phá hoại.

Thế nào là phóng dật, thế nào là chẳng phóng dật ? Hàng phàm phu chẳng phải Thánh thời gọi là phóng dật, là Pháp thường tử. Bực Thánh xuất thế là chẳng phóng dật không có lão tử, vì chứng nhập nơi Niết Bàn thường lạc đệ nhứt.

Do nghĩa này nên pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác.

Như người đứng dưới đất, ngước mặt nhìn lên hư không chẳng thấy dấu chim bay.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh không có thiên nhãn, ở trong phiền não mà chẳng tự thấy có Như Lai tánh. Cho nên ta nói giáo pháp vô ngã bí mật, vì người không có thiên nhãn chẳng biết được chơn ngã, mà vọng chấp nơi ngã.

Do các phiền não tạo nghiệp hữu vi, chính đó là vô thường. Cho nên ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Người tinh tấn dõng mãnh
Hoặc ở nơi đảnh núi
Đất bằng cùng đồng trống
Thường thấy những phàm phu,
Lên điện đại trí huệ
Đài Vô thượng vi diệu
Đã tự trừ ưu khổ
Cũng thấy khổ chúng sanh

Đức Như Lai dứt hết vô lượng phiền não ở núi trí huệ, thấy hàng chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ý nghĩa như bài kệ vừa nói không đúng.

Vì người nhập Niết Bàn không ưu không hỷ, thế nào đặng lên điện đài trí huệ, và thế nào ở nơi đảnh núi mà thấy chúng sanh ?".

- Này Thiện nam tử ! Điện trí huệ đó chính là nói Niết Bàn, người không ưu khổ là nói đức Như Lai vậy. Người có ưu sầu gọi là phàm phu. Bởi phàm phu ưu khổ, nên Như Lai không ưu khổ.

Đảnh núi Tu Di là nói chánh giải thoát. Người tinh tấn dõng mãnh như núi Tu Di không động chuyển. Đất là nói công hạnh hữu vi. Hàng phàm phu này, đứng trên đất đây tạo tác những hành nghiệp. Người trí huệ kia thời gọi là chánh giác, lìa hữu lậu, thường trụ, nên gọi là Như Lai.

Đức Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc các cõi, nên nói rằng đức Như Lai có ưu bi".

- Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Giả sử nếu Như Lai có ưu bi, thời chẳng đặng gọi là bực Đẳng chánh giác".

- Này Thiện nam tử ! Đều có nhân duyên cả. Tùy chỗ nào có chúng sanh đáng được hóa độ, thời đức

Nhập Lai thị hiện thọ sanh ở trong đó. Dầu thị hiện chim Ca Lân Đề vậy.

XV

PHẨM NGUYỆT DỤ

Thứ mười lăm

(*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Ví như có người thấy mặt trăng lặn, cho rằng mặt trăng đã mất, nhưng thiệt ra mặt trăng không mất, đang hiện ra ở phương khác. Chúng sanh xứ kia lại nói là mặt trăng mọc, nhưng thật ra mặt trăng không có mọc, vì bị che chướng không thấy, nên cho rằng mặt trăng có mọc, có lặn, nhưng thật ra mặt trăng không mọc không lặn.

Cũng vậy, đức Như Lai Chánh Biến Tri hiện ra nơi Đại Thiên thế giới, hoặc sanh tại Diêm Phù Đề, có cha có mẹ, chúng sanh đều cho rằng đức Như Lai giáng sanh trong Diêm Phù Đề. Hoặc thị hiện Niết Bàn, chúng sanh cho rằng đức Như Lai nhập Niết Bàn. Nhưng thật ra, Như Lai tánh không sanh không diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

(*) Hán bộ quyển thứ 9.

Này Thiện nam tử ! Như xứ này thấy mặt trăng tròn, phương khác thấy mặt trăng khuyết, phương này thấy mặt trăng khuyết, phương khác thấy mặt trăng tròn. Người Diêm Phù Đề nếu thấy bắt đầu có mặt trăng nói là ngày mùng một, tưởng là đầu tháng. Lúc thấy trăng tròn, nói là ngày rằm. Nhưng mặt trăng thiệt không có khuyết với tròn, vì bị che chướng mà có thêm bớt.

Cũng vậy, ở trong Diêm Phù Đề, đức Như Lai hoặc hiện giáng sanh, hoặc hiện Niết Bàn. Lúc mới giáng sanh như mặt trăng đầu tháng. Đi bảy bước, như mặt trăng ngày mùng hai. Vào học đường, như mặt trăng ngày mùng ba. Lúc xuất gia như mặt trăng ngày mùng tám. Phóng ánh sáng trí huệ vi diệu, phá vô lượng chúng ma như trăng tròn ngày rằm. Thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt để tự trang nghiêm. Rồi thị hiện nhập Niết Bàn, như cuối tháng mặt trăng ẩn.

Chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng : hoặc thấy trăng nửa, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy trăng ẩn, nhưng thật ra mặt trăng không có thêm bớt, vẫn luôn là mặt trăng đầy đủ.

Cũng vậy, thân của đức Như Lai vẫn luôn là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng tròn chiếu sáng, tất cả thành ấp, xóm làng, trong nước suối,

nước đầm, trong giếng, trong ao, trong nước bồn nước chậu, tất cả đều có mặt trăng hiện. Có người đi trăm do tuần, ngàn do tuần vẫn thấy mặt trăng luôn đi theo mình. Phàm phu ngu mê tưởng rằng ta trước kia ở trong thành ấp nhà cửa thấy mặt trăng như vậy, giờ đây ở nơi đầm trống này thấy mặt trăng. Đây là mặt trăng trước kia hay là mặt trăng khác. Mỗi người tự nghĩ tưởng hình dáng mặt trăng lớn nhỏ, hoặc nói như miệng chậu, hoặc cho rằng lớn như bánh xe v.v... Mặt trăng này vốn có một, mà chúng sanh nhận thấy hình dáng khác nhau.

Cũng vậy, đức Như Lai xuất hiện ra đời, có người hay trời nghĩ rằng nay đây đức Như Lai ở trước mặt chúng tôi. Cũng có những chúng sanh khác cho rằng hiện nay đức Như Lai ở trước mặt họ. Hoặc có kẻ điếc câm cũng thấy đức Như Lai có tướng điếc câm. Muôn loài chúng sanh nói tiếng khác nhau, đều cho rằng đức Như Lai đồng tiếng với mình. Cũng đều nghĩ rằng đức Như Lai đang thọ cúng dường tại nhà tôi.

Có chúng sanh thấy thân Như Lai rộng lớn vô lượng, có loài thấy thân Phật nhỏ bé. Có kẻ thấy Phật là hình dáng Thanh Văn, hoặc là hình dáng Duyên Giác.

Cũng có hàng ngoại đạo lại cho rằng hiện nay Đức Như Lai xuất gia học đạo ở trong giáo phái chúng ta.

Hoặc có chúng sanh nghĩ rằng, nay đức Như Lai riêng vì chúng ta mà xuất hiện nơi đời.

Thiệt tánh của Như Lai tức là Pháp thân, là thân vô sanh, là thân phương tiện, tùy thuận nơi thế gian thị hiện vô lượng nghiệp dụng, thị hiện sanh ra nơi này nơi khác. Như mặt trăng kia hiện ra trong tất cả chỗ có nước.

Do nghĩa này nên Như Lai là thường trụ không có biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như La Hầu A Tu La Vương lấy tay che mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt. Nhưng mặt trăng vẫn luôn đầy đủ không có sứt mẻ, vì tay A Tu La che nên ánh sáng chẳng hiện. Lúc A Tu La thâu tay, người đời cho rằng mặt trăng sanh trở lại, và cho rằng mặt trăng chịu nhiều sự khổ não. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy, giả sử trăm ngàn A Tu La Vương cũng chẳng làm khổ não được mặt trăng.

Cũng vậy, đức Như Lai thị hiện có chúng sanh đối với đức Như Lai sanh tâm hung ác, hại thân Phật chảy máu thành tội ngũ nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp thành hạng nhứt xiển đề. Vì các chúng sanh mà thị hiện những sự phá hoại Tăng đoàn dứt diệt chánh pháp, làm những điều chướng nạn. Nhưng thật ra, giả sử trăm ngàn vô lượng loài ma cũng không thể làm thân Như Lai chảy máu. Vì thân Như

Lai không có huyết, nhục, gân mạch, xương tủy, Như Lai chơn thật, thiệt không có sự não hoại. Chúng sanh đều cho rằng Pháp và Tăng bị hủy hoại Như Lai dứt diệt. Nhưng Như Lai tánh chơn thật không biến đổi, không có phá hoại. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như hai người đấu võ, hoặc dùng dao gậy chém đập tuôn máu, dầu đánh nhau đến chết mà chẳng nghĩ tưởng là giết nhau, thời nghiệp tướng ấy nhẹ mà chẳng nặng. Đối với đức Như Lai vốn không có tâm giết hại, dầu làm cho thân Phật ra máu, thời nghiệp này cũng nhẹ mà chẳng nặng. Vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai, nên đức Phật thị hiện nghiệp báo.

Này Thiện nam tử ! Như lương y đem những phương thuốc căn bản ân cần truyền dạy cho người con, người con kính vâng lời của cha, chuyên cần học tập, hiểu rành các phương thuốc. Thời gian sau, lương y chết. Người con kêu khóc mà nói thế này : Cha tôi dạy cho tôi những phương thuốc như vậy như vậy.

Cũng vậy, đức Như Lai vì giáo hóa chúng sanh mà thị hiện chế giới luật : Phải thọ trì như vậy, chớ phạm tội ngũ nghịch chê bai chánh pháp và nhứt xiển đề. Vì đời vị lai chúng sanh khởi các tội ấy nên thị hiện như vậy, để cho các Tỳ Kheo sau khi Phật diệt độ, rõ biết những điều như vầy : Đây là

nghĩa rất sâu của khế kinh, đây là tướng nhẹ nặng của giới luật, đây là luận phân biệt những pháp cú. Như người con của lương y.

Loài người hoặc sáu tháng một lần thấy mặt trăng bị nuốt, mà chư Thiên trong khoảng giây lát đã nhiều lần thấy mặt trăng bị nuốt. Vì thời gian của nhơn loại ngắn, còn ngày giờ của chư Thiên dài.

Này Thiện nam tử ! Trời và người đều cho rằng đức Như Lai thọ mạng ngắn ngủi. Như chư Thiên trên trời trong khoảng giây lát thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khoảng giây lát, đức Như Lai thị hiện trăm ngàn muôn ức lần nhập Niết Bàn, dứt ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết. Vì vậy nên trăm ngàn muôn ức thiên ma đều biết đức Như Lai nhập Niết Bàn. Đức Như Lai lại thị hiện vô lượng trăm ngàn nhơn duyên nghiệp báo tiền thân.

Vì tùy thuận theo chủng tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên Như Lai là thường trụ không biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng tròn sáng chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc kiến.

Chúng sanh nếu có tham, sân, si thời chẳng đặng gọi là lạc kiến.

Tánh Như Lai thuần thiện thanh tịnh không cấu nhiễm, thời rất đáng gọi là lạc kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp nhìn ngó đức Như Lai không

nhàm. Những người tâm ác chẳng ưa nhìn ngó. Vì thế nên đức Như Lai dụ như mặt trăng tròn sáng.

Này Thiện nam tử ! Ví như mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau, tức là xuân, hạ, và đông. Ngày mùa đông thời ngắn, ngày mùa xuân thời vừa, ngày mùa hạ thời rất dài.

Cũng vậy, ở nơi đại thiên thế giới này, đối với người thọ mạng ngắn ngủi và hàng Thanh Văn, đức Như Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Những hạng người trên đây thấy như vậy đều cho rằng đức Như Lai thọ mạng ngắn ngủi, dụ như ngày mùa đông.

Đối với hàng Bồ Tát, đức Như Lai thị hiện tuổi thọ bực trung, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, dụ như ngày mùa xuân.

Chỉ Phật thấy Phật thọ mạng vô lượng, dụ như ngày mùa hạ.

Này Thiện nam tử ! Giáo pháp Phương Đẳng Đại thừa vi mật của Như Lai nói là đức Như Lai thị hiện rưới mưa đại pháp nơi thế gian.

Đời vị lai nếu có người nào có thể thọ trì kinh điển này, giảng nói khai thị lợi ích cho chúng sanh, nên biết những người này thiệt là Bồ Tát. Dụ như ngày thạnh hạ rưới mưa cam lồ.

Nếu có hàng Thanh Văn, Duyên Giác nghe giáo pháp vi mật của Như Lai thời dụ như ngày mùa đông gặp nhiều lạnh lẽo.

Hàng Bồ Tát nếu nghe giáo pháp vi mật : Như Lai tánh thường trụ không biến đổi như vậy, thời dụ như ngày mùa xuân nẩy mầm, nở hoa.

Thiệt ra Như Lai tánh không có dài ngắn, vì thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy. Đó chính là Pháp tánh chơn thật của chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Ví như ban ngày các ngôi sao chẳng hiện ra, mà mọi người cho rằng ban ngày các ngôi sao lặn mất, kỳ thiệt chẳng phải lặn mất, vì ánh sáng mặt trời chói sáng nên sao chẳng hiện.

Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thấy được Như Lai, như người đời ban ngày chẳng thấy sao.

Này Thiện nam tử ! Ví như lúc tối tăm, mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ ngu cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất, nhưng thiệt ra mặt trời mặt trăng chẳng phải lặn mất.

Lúc chánh pháp của Như Lai diệt hết. Tam Bảo chẳng còn, cũng chẳng phải là dứt hẳn, lệ như mặt trời mặt trăng lúc lặn mất kia. Vì thế nên biết Như Lai là thường trụ không có biến đổi. Vì chơn tánh của Tam Bảo chẳng bị những cấu nhơ làm ô nhiễm.

Này Thiện nam tử ! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất, chúng sanh ngó thấy cho đó là điềm chẳng lành.

Cũng vậy, hàng Bích Chi Phật hiện ra đời trong thời kỳ không Phật, chúng sanh ngó thấy đều cho

rằng đức Như Lai thiệt diệt độ, nên sanh lòng buồn khổ. Nhưng thân Như Lai thiệt chẳng diệt mất như mặt trời mặt trăng kia không có diệt mất.

Này Thiện nam tử ! Như lúc mặt trời mọc lên, sương mù đều tan. Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này cũng như vậy. Lúc kinh này xuất hiện ra đời, nếu có chúng sanh nào một lần được nghe, đều có thể dứt trừ tất cả tội nghiệp vô gián, tất cả những điều ác. Kinh Đại Niết Bàn này cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói lên được tánh Như Lai vi mật.

Do nghĩa này nên Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn đối với Như Lai phải có tâm tin nhận là thường trụ không biến đổi, chánh pháp chẳng dứt, Tăng bảo chẳng diệt. Nên phải dùng nhiều phương tiện siêng năng học tập kinh điển này. Người này chẳng bao lâu sẽ đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên kinh này gọi là do vô lượng công đức kết thành, cũng gọi là Chánh giác chẳng cùng tận, do vì chẳng cùng tận, nên đặng gọi là Đại Niết Bàn.

XVI

PHẨM BỒ TÁT

Thứ mười sáu

Này Thiện nam tử ! Như ánh sáng mặt trời mặt trăng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng Đại Niết Bàn rất là thù thắng đối với ánh sáng của các khế kinh. Ánh sáng của các khế kinh không thể kịp được. Vì ánh sáng Đại Niết Bàn có thể chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh. Chúng sanh dầu không có tâm Bồ Đề, nhưng có thể làm nhơn duyên cho Bồ Đề, vì thế nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói "Ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu vào các lỗ chơn lông của chúng sanh, chúng sanh dầu không tâm Bồ Đề, nhưng có thể làm nhơn cho Bồ Đề". Xét ra, nghĩa trên đây chẳng đúng.

Bạch Thế Tôn ! Người phạm bốn giới trọng, người tạo tội ngũ nghịch và hạng nhứt xiển đề, ánh sáng

chiếu vào thân họ làm nhơn Bồ Đề, thời những hạng này có khác gì người trì giới thanh tịnh, tu tập các hạnh lành, nếu không khác, cớ sao đức Như Lai nói nghĩa tứ y.

Bạch Thế Tôn ! Lại như lời Phật nói, nếu có chúng sanh một lần được nghe kinh Đại Niết Bàn, thời dứt trừ đặng các phiền não. Trước kia đức Như Lai lại nói có người ở nơi hằng hà sa chư Phật mà phát tâm, nghe kinh Đại Niết Bàn chẳng hiểu được nghĩa, sao lại có thể dứt tất cả phiền não ?

Này Thiện nam tử ! Trừ hạng nhứt xiển đề, những chúng sanh khác được nghe kinh này, thảy đều có thể làm nhơn duyên cho Bồ Đề. Ánh sáng của tiếng pháp chiếu vào lỗ chơn lông quyết định sẽ đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì người đã có thể cúng dường cung kính vô lượng chư Phật mới đặng nghe kinh Đại Niết Bàn. Người phước bạc thời chẳng được nghe. Việc lớn như đây người đại phước mới có thể được nghe, kẻ tiểu nhơn thời chẳng được nghe. Những gì là việc lớn ? Chính là chỉ cho tạng bí mật rất sâu của chư phật, tức là Phật tánh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch phật : "Thế Tôn ! Những gì làm nhơn Bồ Đề cho người chưa pháp tâm Bồ Đề ?".

Này Thiện nam tử ! Nếu có người nghe kinh Đại Niết Bàn này, không tin nói rằng tôi chẳng cần phát

Bồ Đề tâm. Người đó liền ở trong chiêm bao thấy hình La sát, lòng rất kinh sợ. La sát bảo rằng : Nếu ngươi chẳng phát Bồ Đề tâm, ta sẽ giết ngươi. Vì sợ sệt nên khi thức giấc người này liền phát tâm Bồ Đề. Sau khi chết, nếu người này hoặc đọa trong ba đường ác, cùng sanh trong loài trời, loài người tiếp tục nhớ lại tâm Bồ Đề đã phát. Nên biết người này là bực Bồ Tát.

Do nghĩa trên đây, nên oai thần của kinh Đại Niết Bàn này có thể làm nhơn Bồ Đề cho người chưa phát tâm.

Đây gọi là Bồ Tát có nhơn duyên mà phát tâm, chẳng phải không nhơn duyên. Do vì nghĩa này nên kinh điển Đại thừa vi diệu thiệt là của Phật nói.

Này Thiện nam tử ! Như trên hư không kéo mây mưa xuống, nơi cây khô, núi đá, gò nổng, cao nguyên nước không đọng lại. Ruộng thấp hồ cao đều đầy, chúng sanh nơi đó được lợi ích. Cũng vậy, kinh Đại Niết Bàn vi diệu này khắp nhuần chúng sanh, làm cho nẩy nở tâm Bồ Đề. Còn hàng nhứt xiển đề chẳng phát tâm Bồ Đề không được lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột giống đã cháy, dầu có gặp mưa, trọn chẳng mọc mầm. Cũng vậy, hàng nhứt xiển đề dầu nghe kinh Đại Niết Bàn vi diệu này, trọn không phát tâm Bồ Đề. Vì hạng này đoạn diệt tất cả căn lành như hột giống đã cháy.

Này Thiện nam tử ! Ví như ngọc minh châu để trong nước đục, thế lực của minh châu làm cho nước liền trong. Nhưng để minh châu trong bùn lầy không thể làm cho trong. Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này cũng như vậy, có thể làm cho chúng sanh phạm tội vô gián, tứ trọng, tiêu tội được thanh tịnh phát tâm Bồ Đề. Không thể làm cho nhứt xiển đề phát Bồ Đề tâm, vì nhứt xiển đề dứt hết căn lành, không phải pháp khí.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây thuốc Dược Vương là vua trong những thứ thuốc. Nếu đem Dược Vương hòa với lạc, hoặc tô, hoặc mật, hoặc nước, sữa, hoặc thuốc bột, thuốc hườn, hoặc dùng thoa ghẻ, thoa mắt, hoặc uống, hoặc xông, hoặc nhìn, hoặc ngửi, đều có thể làm cho chúng sanh được lành tất cả bệnh. Dược Vương ấy chẳng nghĩ rằng chúng sanh nếu lấy rễ của ta, thời chẳng nên lấy hết, cũng chẳng nghĩ rằng, nếu lấy lá chẳng nên lấy rễ, nếu lấy thân chẳng nên lấy vỏ, nếu lấy vỏ chẳng nên lấy thân. Dược Vương ấy dầu chẳng tưởng niệm mà có thể trừ tất cả bệnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này có thể diệt trừ tất cả các ác nghiệp, bốn tội trọng, năm tội vô gián của chúng sanh. Người chưa phát Bồ Đề tâm nhơn kinh này thời đặng phát Bồ Đề tâm. Vì kinh này là vua trong các thứ kinh, như cây thuốc Dược Vương là vua trong các thứ thuốc. Nếu có người tu tập cùng chẳng tu tập kinh Đại Niết Bàn này, nếu nghe được danh tự của kinh này,

nghe rồi sanh lòng kính tin, thời đều trừ diệt được tất cả phiền não. Nhưng chỉ chẳng thể làm cho hạng nhứt xiển đề an trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Dược Vương kia, dầu có thể chữa lành tất cả bệnh nặng, nhưng không thể cứu chữa người quyết định chết.

Này Thiện nam tử ! Như người tay có ghẻ lở, bóc nắm thuốc độc, thời chất độc thấm vào thịt. Người tay không ghẻ lở, dầu có cầm nắm chất độc cũng chẳng thấm vào được. Hạng nhứt xiển đề không có nhơn Bồ Đề, như người tay không ghẻ không thể thấm chất độc. Chất độc dụ cho diệu nghĩa đệ nhứt.

Này Thiện nam tử ! Ví như kim cương không gì phá vỡ được, mà kim cương có thể phá vỡ tất cả vật khác, chỉ trừ mu rùa và sừng bạch dương. Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này có thể làm cho vô lượng chúng sanh trụ nơi đạo Bồ Đề, chỉ không thể khiến hạng nhứt xiển đề thành lập nhơn Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như cỏ Mã xỉ, cây Ta la xí, cây Ni ca la, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, chẳng phải như cây Đa la đốn rồi không thể mọc lại.

Cũng vậy, những chúng sanh đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này, dầu phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, vẫn có thể sanh nhơn Bồ Đề. Hạng nhứt xiển

an1.pdf

đề thời chẳng như vậy, dầu đặng nghe kinh điển vi diệu, nhưng không thể sanh nhơn Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như cây Khư đà la, cây Trấn đầu ca bị đốn thời chẳng mọc lại, và những hột giống bị cháy thời chẳng mọc mầm, cũng vậy, hàng nhứt xiển đề, dầu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này, nhưng không thể phát tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như mưa to, nước mưa chẳng dừng ở hư không. Kinh Đại Niết Bàn này cũng chẳng dừng ở nơi hạng nhứt xiển đề.

Hạng nhứt xiển đề này khắp mình kín dày như chất kim cương, vật ngoài không thể lọt vào được.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như đức Phật từng nói kệ rằng :

Chẳng thấy, lành, chẳng làm,
Chỉ thấy, ác, nên làm.
Điều đó đáng kinh sợ
Dường như đường nguy hiểm.

Bạch Thế Tôn ! Bài kệ đó có những nghĩa gì ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Chẳng thấy là chẳng thấy Phật tánh. Lành là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chẳng làm là chẳng gần gũi thiện tri thức. Chỉ thấy là thấy không nhơn quả. Ác là hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng. Nên làm là hạng nhứt xiển đề nói không có Đại thừa. Hạng nhứt

xiển đề không có tâm xu hướng pháp lành thanh tịnh. Pháp lành là Đại Niết Bàn. Xu hướng Đại Niết Bàn là nói có thể tu tập hạnh Hiền thiện. Hạng nhứt xiển đề không hạnh Hiền thiện, nên không thể xu hướng Đại Niết Bàn. Điều đó đáng kinh sợ là nói hủy báng chánh pháp; người trí phải kinh sợ, vì người hủy báng chánh pháp không có tâm lành, không có phương tiện tu tập, con đường nguy hiểm là nói các hành pháp.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch : "Như Phật từng nói :

Thấy chỗ làm thế nào ?
Đặng pháp lành thế nào ?
Chỗ nào chẳng kinh sợ ?
Như đường bằng vua đi.

Thế Tôn ! Bài kệ này nghĩa như thế nào ?".

Này Thiện nam tử ! Thấy chỗ làm là phát lồ các tội ác : Từ vô lượng đời gây tạo các nghiệp ác thảy đều phát lồ, đến nơi rốt ráo thanh tịnh. Đó là chỗ không kinh sợ. Như đường bằng thẳng của vua đi, trộm cướp đều chạy trốn. Cũng vậy, phát lồ như trên thời tất cả tội ác đều dứt trừ.

Lại chẳng thấy chỗ làm là nói hàng nhứt xiển đề làm những việc ác mà chẳng tự thấy. Hàng nhứt xiển đề do lòng kiêu mạn nên dầu làm ác nhưng không kinh sợ. Vì thế nên hạng này chẳng đặng Niết Bàn. Dụ như khỉ vượn mò nắm mặt trăng trong nước.

Này Thiện nam tử ! Giả sử vô lượng chúng sanh đồng thời chứng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các đức Như Lai này cũng chẳng thấy hạng nhứt xiển đề kia đặng thành Bồ Đề. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng thấy chỗ làm.

Và lại chẳng thấy chỗ làm của ai ? Đây là chẳng thấy chỗ làm của Phật. Phật vì chúng sanh nói có Phật tánh. Hạng nhứt xiển đề trôi lăn trong sanh tử, không thể thấy biết Phật tánh. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng thấy chỗ làm của Như Lai.

Lại hàng nhứt xiển đề thấy đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, họ cho rằng thật vô thường như đèn tắt, dầu mỡ đều hết. Vì hạng này nghiệp ác của họ chẳng giảm bớt.

Nếu có Bồ Tát lúc làm những nghiệp lành hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dầu hàng nhứt xiển đề chẳng tin chê bai phá hoại, nhưng các vị Bồ Tát vẫn đem công đức thí cho, muốn cùng họ đồng thành đạo vô thượng. Vì pháp của chư Phật và Bồ Tát tự nhiên như vậy.

Làm ác chẳng liền thọ,
Như sữa liền thành lạc,
Như tro che trên lửa
Người ngu khinh đạp đó.

Hàng nhứt xiển đề gọi là kẻ không con mắt, nên chẳng thấy đạo A La Hán, vì không con mắt,

nên chê bai Đại thừa chẳng muốn tu tập. Như A La Hán siêng tu tâm từ.

Nếu người nói rằng : Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh Văn, chỉ tin thọ Đại thừa đọc tụng giải thuyết. Vì thế nên nay tôi là Bồ Tát. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do có Phật tánh nên trong thân chúng sanh bèn có mười trí lực, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt. Lời nói của tôi không khác lời nói của Phật. Nay anh cùng tôi đều phá vô lượng phiền não ác, như phá vỡ bình nước. Vì phá kiết sử nên liền đặng thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người đó dầu diễn nói như vậy, nhưng tâm nó thiệt chẳng tin có Phật tánh, chỉ vì lợi dưỡng nên nói theo văn kinh, đây gọi là người ác. Người ác như vậy chẳng liền thọ quả báo, như sữa thành lạc.

Ví như Vương sứ biện luận giỏi, nhiều chước khéo, phụng mạng qua nước khác, thà chết chớ trọn chẳng ẩn giấu lời truyền của vua. Cũng vậy, người trí ở trong hàng phàm phu, chẳng tiếc thân mạng, quyết phải tuyên nói Như Lai tạng kinh điển Đại thừa Phương đẳng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Có kẻ nhứt xiển đề làm dạng A La Hán, chê bai kinh điển Đại thừa. Người phàm phu thấy đó đều cho là thiệt A La Hán, là đại Bồ Tát. Bọn ác Tỳ Kheo nhứt xiển đề này, ở nơi A Lan Nhã phá hoại pháp A Lan Nhã, thấy người khác đặng lợi

phá hoại chúng Tăng. Họ lại nói lời của Thiên ma Ba Tuần chẳng phải là lời lành, lời thuận.

Bọn trên đây tuyên nói lời tà ác như vậy. Bọn này làm ác chẳng liền thọ báo. Như sữa thành lạc. Người như vậy gọi là nhứt xiển đề. Như tro trùm trên lửa, người ngu khinh đạp đó.

Vì thế nên biết kinh điển Đại thừa vi diệu quyết định thanh tịnh. Như châu Ma ni ném vào nước đục, nước liền trong.

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen được mặt trời rọi đến đều nở. Tất cả chúng sanh nếu đặng thấy nghe kinh Đại Niết Bàn, thời đều phát Bồ Đề tâm. Vì thế nên ta nói ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu vào lỗ chơn lông, quyết định làm nhơn vi diệu.

Nhứt xiển đề kia dầu có Phật tánh, nhưng bị vô lượng tội chướng ràng buộc, nên chẳng thể hiện ra, như con tằm ở trong kén, do nghiệp chướng đó chẳng thể sanh nhơn Bồ Đề, lưu chuyển mãi trong sanh tử.

Này Thiện nam tử ! Như hoa sen mọc nơi bùn lầy, mà trọn chẳng bị bùn lầy làm nhơ. Nếu có chúng sanh tu tập kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này, dầu có phiền não, mà trọn chẳng bị phiền não làm nhơ, vì nhờ năng lực rõ biết Như Lai tánh.

Này Thiện nam tử ! Ví như có nước kia nhiều gió mát mẻ, nếu gió ấy thổi vào lỗ chơn lông nơi thân của chúng sanh, thời có thể trừ tất cả sự nóng bức bực bội.

Kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy, vào khắp lỗ chơn lông của tất cả chúng sanh, mà làm nhơn Bồ Đề, trừ hạng nhứt xiển đề vì hạng này chẳng phải pháp khí.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y, hiểu rõ tám thứ thuốc trị lành tất cả bệnh, chỉ trừ người quyết định chết. Cũng vậy, tất cả Khế kinh, Thiền định, Tam muội, có thể trị tất cả phiền não tham, sân, si, mà không thể trị kẻ phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián.

Này Thiện nam tử ! Lại có lương y giỏi hơn, có thể chữa lành tất cả bịnh khổ của người, chỉ trừ bịnh quyết định chết. Cũng vậy, kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này, có thể trừ tất cả phiền não, làm cho chúng sanh an trụ nơi nhơn Như Lai thanh tịnh, người chưa phát tâm làm cho phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y có thể dùng thuốc hay chữa trị cho các người mù, khiến mắt họ được sáng, thấy tất cả cảnh vật, chỉ chẳng thể trị lành con mắt của người sanh manh. Cũng vậy, Kinh Đại Niết Bàn này có thể làm cho hàng Thanh Văn, Duyên Giác khai phát huệ nhãn, khiến cho họ an trụ nơi vô lượng

vô biên kinh điển Đại thừa. Những người chưa phát tâm, hoặc phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh này đều có thể làm cho họ phát tâm Bồ Đề, chỉ trừ bọn nhứt xiển đề, như kẻ sanh manh.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y hiểu rõ tám khoa trị bịnh vì trị tất cả bịnh khổ cho người, dùng các phương thuốc, theo bịnh mà trị, mà người bịnh ngu chẳng muốn uống đó. Lương y xót thương, dắt người này về nhà mình, ép uống thuốc, bịnh liền được lành. Phụ nữ sanh sản, lá nhau chẳng ra, nếu uống thuốc này lá nhau liền ra, cũng làm cho hài nhi được an lành.

Cũng vậy, kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này có thể trừ vô lượng phiền não cho chúng sanh, trừ bốn tội trọng, năm tội vô gián, người chưa phát tâm đều làm cho phát tâm, trừ hạng nhứt xiển đề.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phạm bốn tội trọng và năm tội vô gián gọi là rất nặng, rất ác. Ví như cây Đa la đã bị đốn chẳng còn mọc lại được. Những người phạm tội này chưa phát tâm Bồ Đề thế nào có thể làm nhơn Bồ Đề cho họ được ?".

Này Thiện nam tử ! Những người phạm tội này, hoặc ở trong chiêm bao thấy bị đọa địa ngục, thọ những sự khổ não, liền sanh lòng ăn năn, sau khi thức dậy, tin có quả báo lớn, bèn phát tâm Bồ Đề.

Như hài nhi kia, lần lần khôn lớn, thường nghĩ nhớ rằng : Lương y đó rất giỏi, nhờ ông cho thuốc, mẹ mình đặng an lành, do đó nên mạng của mình cũng đặng toàn. Cảm thương mẹ mình chịu nhiều sự khổ não, mang thai cả mười tháng, sau khi sanh nở, nhường khô nằm ướt, hốt rửa phân dãi, bú mớm nuôi nấng. Vì những công ơn ấy, ta phải báo đền, săn sóc hầu hạ, tùy thuận cúng dường mẹ ta.

Người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, lúc sắp chết nhớ đến kinh Đại Niết Bàn này, dầu đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, hay sanh trên trời, trong loài người, kinh điển này cũng làm nhơn Bồ Đề cho người này, trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y và con trai của lương y hiểu biết sâu rộng hơn các y sĩ khác, biết rành phương trừ độc : độc rắn, độc rồng, độc rít, độc bò cạp, lại đem phương thuốc này thoa nơi giày dép, các độc trùng chạm đến chất độc liền tiêu, chỉ không thể tiêu được độc của đại long.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh Đại Niết Bàn này có thể làm cho tội tiêu diệt, an trụ nơi đạo Bồ Đề. Oai thần của kinh làm cho chúng sanh được an lạc, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người lấy chất thuốc độc thoa trên mặt trống, những người nghe

tiếng trống này, dầu là vô tâm đều trúng độc mà chết, chỉ trừ một người.

Cũng vậy, những người nghe tiếng kinh Đại Niết Bàn này, bao nhiêu tham dục, sân khuể, ngu si thảy đều dứt hết. Oai lực của kinh này có thể diệt trừ phiền não, dầu là người không lòng nghĩ nhớ. Người phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián được nghe kinh này cũng thành nhơn Vô Thượng Bồ Đề, lần dứt phiền não, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như đêm tối, tất cả công việc làm đều ngưng nghỉ. Nếu việc chưa làm xong phải chờ đến sáng ngày sau. Cũng vậy, người học Đại thừa dầu tu tập theo khế kinh tất cả các môn thiền định, cần phải chờ nghe lời dạy vi mật của Như Lai, nơi hội Đại thừa Đại Niết Bàn rồi sau mới có thể tu tạo nghiệp nhơn Bồ Đề an trụ nơi chánh pháp.

Như trời mưa nhuần thấm làm cho tất cả hột giống nẩy mầm lên cây, đơm bông kết trái, mọi người nhờ đó được no đủ, khỏi đói khát. Cũng vậy, pháp tạng của Như Lai có thể diệt trừ tám thứ thống khổ. Kinh này ra đời, như những trái, hột, đem sự no đủ an vui đến cho mọi người, tức là làm cho chúng sanh thấy Phật tánh. Như trong hội Pháp Hoa tám ngàn Thanh Văn đặng thọ ký thành Phật.

Hạng nhứt xiển đề không tu tập pháp lành như mùa thạnh đông.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y nghe con người khác bị quỷ thần bắt, liền sai một người đem thuốc đến cứu, dặn rằng ngươi đem thuốc này mau trao cho người đó, xức thuốc sẽ làm cho quỷ thần tránh xa. Nếu ngươi chậm trễ thời ta phải tự đi, quyết chẳng để người đó bị hại. Nếu người bịnh đó đặng thuốc, và oai đức của lương y, bịnh khổ liền hết. Cũng vậy, nếu Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, và hàng ngoại đạo có thể thọ trì, đọc tụng, kinh điển này, lại phân biệt giảng nói cho người khác, hoặc tự biên chép, khiến người biên chép, tất cả đều là nhơn Bồ Đề.

Nếu người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, hoặc bị quỷ tà ác độc làm hại, nghe kinh điển này tất cả ác độc đều tiêu diệt, nên biết người này thật là Bồ Tát. Vì tạm đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này, cũng do vì sanh lòng tưởng niệm Như Lai thường trụ. Tạm đặng nghe còn đặng công đức như vậy, huống là biên chép thọ trì đọc tụng, tất cả đều là Bồ Tát, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như người điếc chẳng nghe được tiếng. Cũng vậy, hàng nhứt xiển đề, dầu muốn nghe kinh điển vi diệu này, cũng chẳng đặng nghe.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y thông suốt tất cả phương thuốc và rộng biết vô lượng chú thuật. Lương y này thấy nhà vua bèn tâu rằng : "Nay Đại vương có bịnh nguy đến tánh mạng". Vua nói : "Khanh chẳng

thấy việc trong bụng ta, sao lại nói rằng có bịnh nguy đến tánh mạng". Lương y tâu : "Nếu chẳng tin lời của thần, xin đại vương uống thuốc xổ, sau khi xổ đại vương tự nghiệm lấy". Vua không bằng lòng uống.

Bấy giờ lương y dùng chú thuật làm cho hậu môn của vua sưng phồng lên và thòng xuống, trùn máu tuôn ra. Vua nhìn thấy kinh sợ, hết lời khen ngợi lương y : Ta rất tiếc trước chẳng dùng lời của khanh, giờ đây mới biết khanh thật lương y, nhờ khanh mà thân ta đặng an lạc. Vua bèn cung kính lương y xem như cha mẹ.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không luận hàng hữu dục hay vô dục, đều có thể làm phiền não của kia tiêu dứt. Những chúng sanh này nhẫn đến trong chiêm bao, cung kính cúng dường kinh này, như nhà vua cung kính lương y.

Nếu vị lương y đó biết người quyết định chết thời không chữa trị. Cũng vậy, kinh Đại Niết Bàn này chẳng thể chữa trị hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bịnh có thể trị lành tất cả các bịnh, chỉ chẳng thể chữa trị người quyết định chết. Cũng vậy, chư Phật, Bồ Tát, có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội, chỉ không thể độ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bịnh, lại thông hiểu nhiều khoa cao siêu

khác, đem chỗ hiểu biết của mình truyền dạy cho con. Lần lần truyền dạy cả tám khoa, lại thêm những khoa cao siêu khác. Cũng vậy, đức Như Lai trước dạy các Tỳ Kheo những phương tiện diệt trừ tất cả phiền não, dạy quán thân chẳng bền chắc, quán thân thọ khổ, quán vô ngã, khiến các đệ tử học thông thuộc chín bộ kinh, rồi sau mới dạy học tạng Như Lai bí mật, nói Như Lai thường trụ. Đức Như Lai nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn để làm nhơn Bồ Đề cho những chúng sanh đã phát tâm và người chưa phát tâm, chỉ trừ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn này là giáo pháp vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chưa từng có. Nên biết kinh này là lương y vô thượng tôn quí nhứt hơn tất cả, là vua trong các kinh.

Này Thiện nam tử ! Ví như thuyền lớn từ bờ biển này đi đến bờ kia, lại từ bờ biển kia trở về bờ này. Cũng vậy, Đức Như Lai ngồi thuyền báu Đại thừa Đại Niết Bàn qua lại tế độ chúng sanh. Nơi nào chốn nào có kẻ đáng được độ thời đều làm cho đặng thấy thân Như Lai. Vì thế nên Đức Như Lai có hiệu là Vô thượng Thuyền sư.

Ví như có thuyền, thời có thuyền sư, do có thuyền sư thời có người đi qua biển lớn. Đức Như Lai thường trụ hóa độ chúng sanh cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếu đặng thuận gió, thời trong khoảnh khắc có thể đi đặng trăm ngàn do tuần. Nếu chẳng đặng thuận gió, dầu ngồi thuyền trải qua nhiều năm chẳng rời khỏi chỗ cũ, có lúc thuyền hư lũng, đắm chìm mà chết.

Cũng vậy, chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền các công hạnh, nếu gặp được gió mạnh Đại Niết Bàn, thời có thể mau đến bờ vô thượng đạo. Nếu chẳng gặp kinh này, sẽ phải lưu chuyển mãi trong sanh tử. Hoặc có lúc phá hư công hạnh, phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người chẳng gặp gió thuận lớn, ở lâu trong biển nghĩ rằng : Nay chúng ta ắt chết tại đây. Lúc nghĩ như vậy bỗng gặp gió lớn, thuận theo gió qua khỏi biển, vui mừng nói rằng ngọn gió tốt này thật chưa từng có, làm cho chúng ta đặng an ổn qua khỏi nạn biển lớn. Cũng vậy, chúng sanh từ lâu ở trong biển lớn ngu si sanh tử, nghèo cùng tiều tụy khốn khổ, lúc chưa gặp kinh Đại Niết Bàn thời nên nghĩ rằng : Chúng ta quyết định phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Lúc chúng sanh này suy nghĩ như vậy, bỗng gặp kinh Đại thừa Đại Niết Bàn, tùy thuận tu hành vào nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khen rằng : Chúng ta từ trước đến nay chưa từng được nghe tạng Như Lai vi mật như vậy. Lúc bấy giờ

mới sanh lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn.

- Này Thiện nam tử ! Như rắn lột da, nó có chết đặng chăng ?.

- Bạch Thế Tôn ! Rắn không chết.

- Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai phương tiện thị hiện dứt bỏ thân độc này, có thể nói rằng đức Như Lai là vô thường diệt mất ư.

- Bạch Thế Tôn ! "Không phải vậy.

Đức Như Lai ở trong Diêm Phù Đề phương tiện bỏ thân, như rắn kia lột bỏ lớp da cũ, vì thế nên đức Như Lai gọi là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Ví như thợ kim hoàn đặng vàng thật tốt làm thành các món đồ tùy theo ý mình. Cũng vậy đức Như Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, nên thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại, nên đức Như Lai có hiệu là Vô biên thân. Dầu lại thị hiện các thứ sắc thân, nhưng cũng gọi là thường trụ không biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Như cây Am la và cây Diêm phù. Trong một năm ba lần biến đổi; có lúc sanh bông màu sắc sáng rỡ, có lúc mọc lá sum sê rậm rợp, có lúc điêu tàn như khô chết.

Này Thiện nam tử ! Cây ấy có thiệt là khô chết chăng ?.

- Bạch Thế Tôn ! Cây ấy không phải chết.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai ở trong ba cõi, thị hiện ba thứ sắc thân cũng lại như vậy : Có lúc mới giáng sanh, có thời kỳ lớn khôn, có thời kỳ nhập Niết Bàn. Dầu vậy, nhưng thân đức Như Lai thiệt chẳng phải vô thường.

Cả Diếp Bồ Tát tán thán rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Thiệt đúng như lời Phật dạy : Đức Như Lai thường trụ không có biến đổi".

(*).- Này Thiện nam tử ! Mật ngữ của Như Lai rất sâu khó hiểu, ví như nhà vua bảo các quan đem Tiên Đà Bà đến. Danh từ Tiên Đà Bà chỉ cho bốn thứ : một là muối, hai là chén, ba là nước, bốn là ngựa. Cả bốn thứ ấy đều đồng một danh từ Tiên Đà Bà. Quan hầu có trí biết rành danh từ này. Lúc vua muốn rửa ráy đòi Tiên Đà Bà liền dưng nước. Lúc vua ăn đòi Tiên Đà Bà liền dưng muối. Lúc vua ăn xong muốn uống nước ngọt, đòi Tiên Đà Bà liền dưng chén. Lúc vua muốn du hành đòi Tiên Đà Bà liền đem ngựa dưng. Quan hầu có trí hiểu rành mật ngữ của nhà vua.

Kinh Đại thừa này có bốn nghĩa vô thường cũng như vậy. Hàng Phật tử Đại thừa phải nên biết rành. Nếu đức Phật ra đời vì chúng sanh nói Như Lai Niết Bàn, người trí nên biết đây là đức Như Lai vì

(*) Hán bộ quyển thứ 10

người chấp thường mà nói pháp quán vô thường, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán vô thường. Hoặc đức Phật lại nói chánh pháp sẽ diệt, người trí nên biết đây là đức Như Lai vì người chấp lạc nói pháp quán về khổ, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán khổ. Hoặc đức Như Lai nói, nay ta bịnh khổ, chúng Tăng phá hoại. Người trí nên biết đây là đức Như Lai vì người chấp ngã nói pháp quán vô ngã, muốn cho các Tỳ Kheo tu pháp quán vô ngã. Hoặc đức Phật lại nói, pháp quán không là chánh giải thoát. Người trí nên biết đây là đức Như Lai nói chánh giải thoát, không hai mươi lăm cõi, muốn cho các Tỳ Kheo tu học pháp quán không. Vì nghĩa này nên chánh giải thoát gọi là không, cũng gọi là bất động. Bất động là vì trong giải thoát không có khổ. Cho nên bất động là chánh giải thoát, là không có tướng. Nói rằng không tướng đó là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... nên gọi là không tướng. Chánh giải thoát này thường chẳng biến đổi. Trong giải thoát này không có vô thường khổ não biến đổi. Vì thế nên giải thoát hiệu là thường trụ, mát mẻ chẳng biến đổi.

Hoặc đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Như Lai tánh. Người trí nên biết đây là đức Như Lai nói pháp thường, muốn cho các Tỳ Kheo tu tập pháp thường. Các Tỳ Kheo này nếu có thể tùy thuận học tập như vậy, nên biết người này thật là đệ tử

của Phật, biết rành tạng Như Lai vi mật, như quan hầu có trí, biết rành ý của nhà vua.

Này Thiện nam tử ! Nhà vua kia cũng có mật ngữ như vậy, huống là đức Như Lai mà lại không có.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên giáo pháp vi mật của Như Lai khó có thể biết được. Chỉ người trí mới có thể hiểu được Phật pháp rất sâu vi diệu của Như Lai, chẳng phải hạng phàm phu trong đời mà có thể tin được.

Này Thiện nam tử ! Như cây Ba la xa, cây Ca ni ca, cây A thúc ca gặp lúc nắng hạn thời chẳng sanh hoa trái. Nhẫn đến các sanh vật dưới nước trên đất thảy đều khô héo, không thể tăng trưởng, tất cả các phương thuốc không còn công hiệu.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này cũng lại như vậy. Sau khi ta diệt độ, có các chúng sanh chẳng thể cung kính thời chẳng có oai đức. Vì các chúng sanh này chẳng biết tạng Như Lai vi mật, bởi chúng sanh này phước đức mỏng kém.

Này Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của Như Lai sắp diệt, bây giờ có số đông ác hạnh Tỳ Kheo chẳng biết tạng Như Lai vi mật, chểnh mảng biếng nhác, chẳng thể đọc tụng tuyên dương chánh pháp của Như Lai.

Ví như kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu mà mang gánh cỏ trấu. Vì chẳng hiểu tạng Như Lai vi mật nên biếng nhác đối với kinh này.

Thương thay đời vị lai rất nguy hiểm, rất đáng sợ sệt.

Khổ thay chúng sanh chẳng siêng năng thọ trì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Chỉ các vị đại Bồ Tát có thể ở nơi kinh này chẳng chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chơn thật mà vì chúng sanh giảng nói.

Này Thiện nam tử ! Như đứa gái chăn bò vì muốn bán sữa, tham lợi nhiều nên thêm hai phần nước rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái kia lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở gần thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi đem ra chợ bán. Bây giờ có một người cần sữa tốt để đãi tân khách, nên đến chợ muốn mua sữa. Đứa gái bán sữa đòi giá mắc. Người mua nói sữa này pha nhiều nước, không đến giá đó, nay nhằm lúc tôi phải đãi đằng tân khách nên đành mua mắc. Mua xong đem về nhà, nấu thành cháo trọn không có mùi sữa. Dầu không mùi sữa, nhưng cũng ngàn lần hơn vị chát đắng, vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Này Thiện nam tử ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, lúc chánh pháp chưa dứt, còn tám mươi năm, kinh này sẽ lưu hành rộng nơi Diêm Phù Đề. Lúc bấy giờ sẽ có các ác Tỳ Kheo sao lược kinh này chia

làm nhiều phần, có thể làm mất mùi vị tốt đẹp của chánh pháp. Những người này dầu đọc tụng kinh điển đây, nhưng lại diệt trừ yếu nghĩa thâm mật của Như Lai, đem lời thế gian vô nghĩa văn sức lẫn lộn, sao phần trước để ở sau, sao phần sau để ở trước, phần trước phần sau để ở giữa, phần giữa để ở phía sau phía trước. Nên biết các Tỳ Kheo này là bạn bè của ma. Họ nhận chứa tất cả vật bất tịnh mà nói rằng đức Như Lai đều cho chúng tôi nhận chứa. Như đứa gái chăn bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng vậy, các ác Tỳ Kheo này đem lời thế tục xen tạp vào kinh này. Làm cho đa số chúng sanh chẳng đặng lời nói chơn chánh, biên chép chơn chánh, nhận lấy chơn chánh, để tôn trọng tán thán cúng dường cung kính. Ác Tỳ Kheo đây vì lợi dưỡng nên chẳng thể lưu truyền rộng kinh này. Dầu có lưu truyền cũng là chút ít phần chẳng đáng kể. Như các đứa gái xoay vần bán sữa. Nhẫn đến nấu thành cháo mà không có vị sữa. Cũng vậy, Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này lần lượt lạt lẽo không có khí vị. Dầu không khí vị vẫn còn hơn những kinh khác cả ngàn lần. Như cháo không mùi sữa kia vẫn ngàn lần hơn các vị đắng. Vì kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này là thượng thủ nhứt đối với kinh điển Thanh Văn. Như sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa này nên gọi là Đại thừa Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như loài người không ai chẳng mong mỏi được thân nam tử. Vì thân người nữ đều là chỗ nhóm ở của các sự nhơ xấu.

Này Thiện nam tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được nhuần ướt. Người nữ lòng dục khó đầy cũng như vậy. Ví như cả quả địa cầu, đem vò viên như hột đình lịch. Nam tử đông như số hột ấy, cùng dâm với một người nữ, vẫn không thể đủ.

Giả sử số nam tử như Hằng sa cùng dâm với một người nữ, cũng không thể đủ.

Ví như trời mưa, trăm sông các dòng đều chảy vào biển cả, mà biển cả vẫn chưa từng đầy.

Cũng vậy, giả sử tất cả đều là nam tử, cùng dâm với một người nữ cũng không đủ.

Này Thiện nam tử ! Như cây A thúc ca, cây Ba tra la, cây Ca ni ca, mùa xuân hoa nở, có con ong hút mật lấy hương nhị của hoa chẳng chán chẳng đủ.

Cũng vậy, người nữ muốn người nam chẳng nhàm, chẳng đủ.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên mọi người khi nghe kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này, thường phải quở trách thân nữ cầu được thân nam. Vì kinh này có tướng trượng phu, tức là Phật tánh. Nếu người chẳng biết Phật tánh này, thời không có tướng nam, ta nói những người này gọi là nữ nhơn. Nếu có thể tự biết

nên biết những người nay chính là nam tử.

Kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này chứa nhóm vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì nói tạng Như Lai vi mật. Thế nên mọi người nếu muốn mau biết tạng Như Lai, nên phải phương tiện siêng tu kinh này.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phải lắm, phải lắm, đúng như lời Phật nói. Nay tôi nhơn có tướng trượng phu nên đặng vào tạng Như Lai vi mật. Hôm nay đức Như Lai mới giác ngộ cho tôi, nhơn đây tôi liền được quyết định thông đạt".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông tùy thuận thế gian mà nói."

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi chẳng tùy thuận pháp thế gian".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Nay chỗ biết của ông là pháp vị vô thượng, pháp ấy rất sâu khó biết mà ông có thể biết đặng, như con ong hút lấy mật hoa.

Này Thiện nam tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được thấm ướt. Đời đương lai kinh này lưu truyền cũng lại như vậy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ trước ẩn mất nơi cõi đất này. Nên biết đó là tướng suy của chánh pháp.

Này Thiện nam tử ! Ví như hết mùa hạ qua đầu mùa thu, mưa thu tầm tã. Cũng vậy, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này vì các vị Bồ Tát ở phương Nam sẽ lưu truyền rộng, rưới pháp võ đầy khắp xứ ấy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ truyền đủ nơi nước Kế Tân. Hoặc có người tin, có người chẳng dứt mất. Nếu ai gặp đặng kinh này đầy đủ, thời người đó là đệ nhứt trong loài người. Các hàng Bồ Tát nên biết chánh pháp vô thượng của Như Lai sắp diệt chẳng còn lâu".

Lúc bấy giờ ngài Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nay ông Thuần Đà còn có tâm nghi, ngưỡng mong đức Như Lai vì ông giảng giải".

- Này Thiện nam tử ! Tâm nghi thế nào, ông cứ trình bày Như Lai sẽ dạy nữa cho.

Văn Thù Sư Lợi nói : "Ông Thuần Đà nghi rằng : Đức Như Lai là thường trụ, do vì đặng sức tri kiến Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh mà là thường trụ, thời lúc trước chưa thấy lẽ ra là vô thường. Nếu lúc trước là vô thường, lúc sau cũng phải như vậy. Như những vật trong đời trước không nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn không sai khác nhau".

Đức Thế Tôn liền nói kệ rằng :

Trước có nay không
Trước không nay có,
Trọn không có nghĩa
Ba đời là có.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này mà chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, cũng có sai khác, cũng không sai khác".

Văn Thù Sư Lợi tán thán rằng : "Lành thay ! Thiệt như lời dạy của Như Lai, nay tôi mới biết chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn cũng có sai khác, cũng không sai khác".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tánh không sai khác, cúi mong đức Như Lai giảng rộng nghĩa ấy, để lợi ích an lạc tất cả chúng sanh".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lóng nghe suy xét kỹ, đức Như Lai sẽ vì ông giảng nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử ! Ví như Trưởng giả nuôi nhiều bò sữa, đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi. Một hôm người chăn vì sự cúng kiến, vắt sữa tất cả bò đựng chung trong một thùng. Người ấy thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ nghĩ rằng : Bầy bò mỗi con đều khác màu, sao sữa của chúng nó đều đồng màu. Người ấy gẫm kỹ, xét rằng tất cả đều do

nhơn duyên nghiệp báo của chúng sanh làm cho sữa đồng một màu.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đồng một Phật tánh, như sữa của bầy bò đồng một màu. Vì đồng sạch hết phiền não. Nhưng các chúng sanh nói chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, sai khác nhau. Cũng có hàng Thanh Văn và người phàm phu nghi rằng : Ba thừa sao lại không sai khác. Những người này lâu lâu về sau tự hiểu rằng, tất cả ba thừa đồng một Phật tánh. Như người chăn bò hiểu rằng màu sữa đồng một, là do nhơn duyên nghiệp báo.

Này Thiện nam tử ! Ví như quặng vàng, nấu lọc cặn bã, sau khi tiêu dung thành vàng, thời giá trị vô lượng. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều đặng thành tựu đồng một Phật tánh, vì trừ hết phiền não, như quặng vàng trừ hết cặn bã thành vàng. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác. Vì họ trước kia nghe tạng Như Lai vi mật, thời gian sau thành Phật tự nhiên đặng biết, vì dứt vô lượng phiền não. Như ông Trưởng giả kia biết sửa đồng một màu".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thời Phật cùng chúng sanh có gì sai khác. Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm. Nếu các chúng sanh đều có Phật tánh, do nhơn duyên gì Ngài Xá Lợi Phất v.v... lại nhập

tiểu Niết Bàn. Hàng Duyên Giác nhập trung Niết Bàn, các vị Bồ Tát nhập Đại Niết Bàn. Ba hạng người như vậy nếu đồng Phật tánh, sao lại chẳng đồng nhập Đại Niết Bàn như đức Như Lai ?".

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn của chư Phật Thế Tôn chính là chẳng phải chỗ chứng của Thanh Văn, Duyên Giác, do nghĩa này nếu nhập Đại Niết Bàn gọi là thuần thiện. Thế gian nếu không Phật ra đời chẳng phải là không có hàng Nhị thừa chứng đặng hai thứ Niết Bàn ".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Nghĩa ấy như thế nào ?".

Phật nói : "Vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một đức Phật hiện ra nơi đời khai thị pháp tam thừa.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói, Bồ Tát, Duyên Giác và Thanh Văn không sai khác đó, trước kia trong tạng Như Lai Đại Niết Bàn này ta đã có nói nghĩa đó. Các vị A La Hán không có thuần thiện, vì các vị A La Hán đều sẽ đặng Đại Niết Bàn này, do nghĩa này nên nhập Đại Niết Bàn có lạc rốt ráo, vì có lạc rốt ráo nên gọi là nhập Đại Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Như lời Phật nói tôi nay mới biết nghĩa sai khác, cùng nghĩa không sai khác, vì tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều sẽ đồng qui nơi Đại Niết Bàn đời vị lai, như các dòng nước chảy về biển cả. Thế nên hàng Thanh

XVII

PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

Thứ mười bảy

Bấy giờ đức Thế Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu : Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu thân Thuần Đà. Thuần Đà gặp ánh sáng này, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ Kheo.

Lúc đó có trời Đại Oai Đức đứng án trước mặt bảo Thuần Đà rằng : Ông Thuần Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng này liền để cho Thuần Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư Thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng quì

báu chẳng biết, khinh cười. Nhà buôn xướng rằng châu báu của tôi giá trị vô số. Bọn ngu càng nghe lại khinh cười thêm bảo nhau rằng : Thứ đó không phải chơn châu hay là châu pha lê. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác nếu nghe thọ ký mau thành Phật, thời bèn giải đãi khinh cười coi rẻ. Như bọn người ngu chẳng biết chơn châu.

Đời vị lai có hàng Tỳ Kheo chẳng thể siêng năng tu tập pháp lành. Do nghèo cùng khốn khổ, đói khát mà xuất gia để thân được no ấm, tâm chí họ khinh tháo, tà mạn, siểm khúc. Hạng này nếu nghe đức Như Lai thọ ký hàng Thanh Văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạn chê bai. Nên biết bọn này tức là kẻ phá giới, tự nói rằng đã chứng đặng hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo người phát nguyện mau thành, thời thọ ký cho mau thành. Người hộ trì chánh pháp, thời vì thọ ký cho lâu thành.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đại Bộ Tát như thế nào sẽ đặng chẳng hư hoại quyến thuộc ?".

Phật nói : "Nếu các Bồ Tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp. Do nhơn duyên này được quyến thuộc chẳng thể hư hoại".

- Bạch Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì chúng sanh môi miệng khô cháy ?

- Nếu có người chẳng biết Tam Bảo là thường còn, do nhơn duyên này, môi miệng khô cháy. Như

người miệng bịnh chẳng biết vị ngọt, đắng, cay, chua, mặn, lạt. Tất cả chúng sanh ngu si vô trí chẳng biết Tam Bảo là thường còn, thế nên gọi là môi miệng khô cháy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng biết Như Lai là thường trụ, nên biết người này là kẻ sanh manh, nếu biết Như Lai là thường trụ, người này dầu là nhục nhãn nhưng Phật nói là thiên nhãn.

Này Thiện nam tử ! Nếu người có thể biết Như Lai là thường trụ, nên biết người này từ lâu đã tụ tập kinh điển này. Phật nói những người này cũng gọi là thiên nhãn.

Nếu chẳng thể biết Như Lai là thường trụ, người này dầu có thiên nhãn, nhưng Phật gọi là nhục nhãn. Người này nhẫn đến chẳng biết tay chơn chi tiết của thân mình, cũng không thể làm cho người khác biết, do nghĩa này nên gọi là nhục nhãn.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì tất cả chúng sanh các thứ hình loại : hai chơn, bốn chơn, nhiều chơn, không chơn, đức Phật dùng một âm thanh mà vì thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự đặng nhận hiểu, đều tán thán rằng : Đức Như Lai ngày nay vì tôi mà thuyết pháp. Do nghĩa này nên đức Như Lai gọi là cha mẹ.

Này Thiện nam tử ! Như người sanh con trai mới được mười sáu tháng, đứa trẻ dầu biết nói nhưng chưa rành rẽ. Mà cha mẹ của đứa trẻ muốn dạy con nói, nên theo đồng tiếng của nó để dạy lần lần. Lời nói của cha mẹ đứa trẻ có phải là chẳng đúng giọng ư ?.

- Bạch Thế Tôn ! Không phải vậy.

- Này Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai tùy theo các thứ tiếng nói của mọi loài chúng sanh mà thuyết pháp. Vì làm cho chúng sanh an trụ nơi chánh pháp. Tùy theo chúng sanh đáng được thấy mà vì thị hiện các thứ hình tượng. Đức Như Lai nói năng đồng với chúng sanh, có thể cho rằng âm thanh của Như Lai là chẳng chánh ư ?.

- Bạch Thế Tôn ! Không phải vậy. Vì Đức Như Lai tùy thuận theo các thứ âm thanh của thế gian, mà vì chúng sanh diễn nói diệu pháp.

XVII

PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN

Thứ mười bảy

Bấy giờ đức Thế Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu : Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, chiếu thân Thuần Đà. Thuần Đà gặp ánh sáng này, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ Kheo.

Lúc đó có trời Đại Oai Đức đứng án trước mặt bảo Thuần Đà rằng : Ông Thuần Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng này liền để cho Thuần Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư Thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng quì

bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như Lai cho phép [illegible]

Thuần Đà vì Phật và chúng sanh mà bố thí những tòa báu sư tử, treo phan lọng lụa cùng chuỗi ngọc hương hoa. Lúc bấy giờ cả tam thiên đại thiên giới trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực Lạc ở phương Tây.

Thuần Đà quì trước Phật, sầu lo buồn bã bạch rằng : "Ngưỡng mong đức Như Lai xót thương trụ thọ một kiếp, hoặc dưới một kiếp".

Phật bảo Thuần Đà : "Ông muốn đức Phật ở lâu nơi đời, phải nên mau dâng cúng dường lần cuối cùng".

Lúc đó tất cả Đại Bồ Tát, chư Thiên, mọi người khác miệng đồng lời xướng rằng : "Lạ lùng thay ông Thuần Đà, trọn nên phước đức lớn có thể làm cho đức Như Lai nhận lấy lần cúng dường cuối cùng. Chúng ta vô phước uổng công trần thiết !".

Đức Thế Tôn muốn làm cho tất cả đại chúng mãn nguyện, mỗi mỗi lỗ chơn lông trên thân Phật hóa thành vô lượng Phật, mỗi đức Phật đều có vô lượng Tỳ Kheo Tăng. Chư Phật và Tỳ Kheo Tăng này thị hiện thọ sự cúng dường của đại chúng. Thích Ca Như Lai tự thọ phần của Thuần Đà dâng.

Do thần lực của Phật tám hộc cơm của Thuần Đà đều cung cấp đầy đủ tất cả đại hội. Thuần Đà

thấy vậy, vui mừng hớn hở, tất cả đại chúng cũng đều hoan hỷ.

Toàn thể đại chúng lúc đó nghĩ rằng : Nay đức Như Lai đã nhận sự cúng dường rồi, không bao lâu sẽ vào Niết Bàn. Lòng đại chúng vừa buồn vừa mừng.

Lúc bấy giờ rừng cây Ta La vốn hẹp nhỏ, do thần lực của Phật, khoảng không gian như mũi kim đều có vô lượng chư Phật Thế Tôn và quyến thuộc Bồ Tát đồng ngồi thọ thực. Những thức ăn cũng đồng không sai khác.

Lúc đó chư Thiên, mọi người, A Tu La v.v... khóc lóc buồn khổ than rằng : Nay đức Như Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây đức Phật sẽ nhập Niết Bàn, chúng ta còn biết sẽ cúng dường ai. Nay chúng ta mất hẳn bực Điều ngự Vô thượng, khác nào người mù không con mắt.

Đức Thế Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng :

Đại chúng chớ buồn than
Pháp chư Phật phải vậy.
Phật nhập nơi Niết Bàn
Đã trải vô lượng kiếp
Thường hưởng vui vô thượng
Vĩnh viễn ở an ổn.
Mọi người lóng lòng nghe !

Phật sẽ nói Niết Bàn :
Phật đã lìa ăn uống
Trọn không khổ đói khát,
Phật sẽ vì mọi người
Nói nguyện tùy thuận kia,
Khiến tất cả đại chúng
Đều được vui an ổn,
Nghe xong nên tu hành
Pháp thường trụ của Phật.
Giả sử quạ chim cắt
Chung một cây làm ổ
Như anh em thân yêu
Phật mới Niết Bàn hẳn.
Như Lai xem tất cả
Thương như La Hầu La
Thường làm thầy chúng sanh
Sao lại Niết Bàn hẳn.
Giả sử rắn, chuột, sói
Đồng ở chung một hang
Thương nhau như anh em
Phật mới Niết Bàn hẳn
Như Lai xem tất cả
Thương như La Hầu La
Thường làm cha chúng sanh

Thế nào Niết Bàn hẳn.
Giả sử hoa thất diệp
Thơm như hoa bàn sư,
Trái cây Ca lưu ca
Chuyển làm Trái trấn đầu,
Như Lai xem tất cả
Thương như La Hầu La
Sao lại bỏ Từ bi
Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.
Giả sử nhứt xiển đề
Hiện thân thành Phật đạo
Thọ hẳn vui đệ nhứt
Phật mới vào Niết Bàn.
Như Lai xem tất cả
Đều như La Hầu La
Sao lại bỏ Từ bi
Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.
Giả sử tất cả chúng
Đồng thời thành Phật đạo
Xa lìa các lỗi lầm
Phật mới nhập Niết Bàn
Như Lai xem tất cả
Đều như La Hầu La
Sao lại bỏ Từ bi

Vĩnh viễn nhập Niết Bàn.
Giả sử nước đái muỗi
Ngập lụt cả đại địa
Ngập núi và trăm sông
Biển cả đều đầy tràn
Nếu có việc như vậy
Phật mới vào Niết Bàn,
Lòng bi xem tất cả
Đều như La Hầu La
Thường làm thầy chúng sanh
Sao lại Niết Bàn hẳn.
Vì thế nên mọi người
Phải ưa thích chánh pháp
Chẳng nên sanh buồn rầu
Than thở mà khóc lóc.
Muốn có hạnh chơn chánh
Phải tu Phật thường trụ
Nên xét pháp như vậy
Còn mãi chẳng biến đổi.
Lại nên suy nghĩ rằng :
Tam Bảo đều thường trụ
Thời đặng lợi ích lớn
Như cây khô sanh trái.
Đây gọi là Tam Bảo

Tứ chúng phải khéo nghe
Nghe rồi thêm vui mừng
Liền phát tâm Bồ Đề.
Nếu biết được Tam Bảo
Thường trụ đồng chơn đế
Đây thời là thệ nguyện
Tối thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, có thể y cứ theo thệ nguyện tối thượng của Như Lai mà tự phát nguyện, nên biết người này không có ngu si, kham lãnh thọ sự cúng dường. Bởi nguyện lực này có công đức quả báo rất thù thắng nơi thế gian, như A La Hán. Nếu ai chẳng thể quan sát Tam Bảo thường trụ như vậy, kẻ này là Chiên đà la.

Nếu có người biết được Tam Bảo là thường trụ, là nhơn duyên pháp chơn thật, thời lìa khổ đặng an vui, không có gì nhiễu hại lưu nạn được người này.

Lúc đó cả đại chúng trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, đều vui mừng hớn hở tâm tưởng điều nhu, dung nhan vui vẻ oai đức thanh tịnh, khéo dứt ngũ cái, tâm không phân biệt cao hạ, biết Phật là thường trụ. Do đó đại chúng sắp đặt các thứ cúng dường cõi trời, rải các thứ hoa trời, hương bột, hương thoa, đánh trống trời, trổi kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng : "Ông thấy việc hy hữu của đại chúng đây chăng ?".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi đã thấy. Tôi thấy các đức Như Lai đông vô lượng vô biên không thể tính đếm, lãnh thọ những thức uống ăn của đại chúng cúng dường. Lại thấy chư Phật thân rất cao lớn, mà chỗ ngồi chỉ choáng khoảng bằng mũi kim. Chúng đông vi nhiễu không chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng đều phát nguyện nói mười ba bài kệ. Tôi cũng biết đại chúng đều tự nghĩ rằng : Nay đức Như Lai riêng thọ tôi cúng dường. Giả sử tất cả vật thực của Thuần Đà dâng cúng, nghiền nhỏ như vi trần, đem một vi trần dâng một đức Phật, vẫn không khắp đủ, nhưng nhờ thần lực của Phật, mà đều cung cấp đủ tất cả đại chúng, chỉ có các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử v.v... mới biết được sự hy hữu này. Đây đều là đức Như Lai phương tiện thị hiện, chúng Thanh Văn và A Tu La vân vân đều biết đức Như Lai là Pháp thường trụ".

Đức Thế Tôn bảo Thuần Đà rằng : "Nay ông có thấy việc hy hữu lạ lùng này chăng ?".

- Bạch Thế Tôn ! Tôi thiệt có thấy. Tôi trước thấy vô lượng chư Phật, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Chư đại Bồ Tát cung kính vi nhiễu".

Phật bảo Thuần Đà : "Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, đó là ta hóa hiện ra để đem sự lợi ích vui mừng đến cho tất cả chúng sanh. Hàng đại Bồ Tát như vậy công hạnh tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự. Này Thuần Đà, nay ông đã thành tựu hạnh đại Bồ Tát, đặng trụ Thập địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ Tát".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Chỗ tu tập của Thuần Đà trọn nên hạnh Bồ Tát, tôi cũng tùy hỷ.

Hôm nay đức Như Lai vì muốn đem sự sáng suốt lớn cho chúng sanh đời vị lai, mà nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Bạch Thế Tôn ! Tất cả khế kinh có còn nghĩa dư thừa hay không nghĩa dư thừa ?".

Này Thiện nam tử ! Kinh của Phật đã nói cũng có nghĩa dư thừa, cũng không nghĩa dư thừa.

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói :

Tất cả vật của mình có
Đem bố thí cho tất cả,
Chỉ phải nên đều tán thán
Trọn không được có khuy tổn.

Bạch Thế Tôn ! Nghĩa đó thế nào. Trì giới, hủy giới có sai khác gì ?".

Phật nói : "Chỉ trừ một người, ngoài ra tất cả bố thí đều nên tán thán".

Thuần Đà bạch Phật : "Thế nào gọi là chỉ trừ một người ?".

Phật nói : "Người phá giới như trong kinh này đã nói".

Thuần Đà lại bạch : "Nay tôi chưa được rõ, cúi mong đức Phật nói rõ cho".

Phật bảo Thuần Đà : "Trong kinh đây nói người phá giới là nhứt xiển đề. Ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán, đặng quả báo rất lớn".

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Nghĩa nhứt xiển đề như thế nào ?".

Phật bảo Thuần Đà : "Nếu có Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, tạo tội nặng nề, trọn chẳng ăn năn, tâm không hổ thẹn, người như vậy gọi là xu hướng con đường nhứt xiển đề.

Nếu người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự quyết định biết phạm tội trọng như vậy, mà tâm chẳng biết sợ sệt hổ thẹn, chẳng bằng lòng phát lồ, ở nơi chánh pháp trọn không lòng hộ trì kiến lập, chê bai khinh tiện, nhiều lời lỗi lầm, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhứt xiển đề.

Nếu lại có người nói rằng : Không Phật, không Pháp, không Tăng, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường nhứt xiển đề.

Chỉ trừ bọn nhứt xiển đề này, ngoài ra tất cả chỗ bố thí đều nên tán thán".

Thuần Đà lại bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói phá giới, nghĩa đó thế nào ?".

- Này Thuần Đà ! Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, cùng hủy báng chánh pháp, người như vậy gọi là phá giới.

Thuần Đà bạch Phật : "Thế Tôn ! Người phá giới như vậy có thể cứu vớt được chăng ?".

- Này Thuần Đà ! Có nhơn duyên thời cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, trong tâm luôn hổ thẹn sợ sệt, tự trách cứ lấy mình, trong lòng ăn năn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiến lập chánh pháp và nguyện sẽ cũng dường người hộ pháp. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại thừa, tôi sẽ đến hỏi han để được thọ trì đọc tụng. Khi đã thông thuộc rồi, tôi sẽ vì người khác giảng nói.

Này Thuần Đà, người như trên đây, Phật gọi là chẳng phá giới. Ví như mặt trời mọc lên có thể phá trừ tất cả tối tăm sương mù. Cũng vậy, kinh Đại thừa Đại Niết Bàn vi diệu này, khi hiện ra nơi đời, có thể phá trừ những nghiệp tội trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên kinh này nói rằng hộ trì

chánh pháp đặng quả báo lớn, có thể cứu vớt kẻ phá giới.

Nếu có người hủy báng chánh pháp này, mà có thể tự ăn năn chừa cải, trở về nơi chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm, như người tự hại lấy mình, sanh lòng kinh sợ hổ thẹn. Trừ chánh pháp này ra không có gì cứu hộ được. Vì thế nên phải trở về nơi chánh pháp.

Người này nếu có thể quy y chánh pháp như trên, bố thí cho người này sẽ đặng vô lượng phước. Người này cũng gọi là bậc đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nghiệp ác như trên, trải qua một tháng, hoặc mười lăm ngày, chẳng có lòng phát lồ quy y chánh pháp, nếu bố thí cho người này được quả báo rất ít.

Người phạm tội ngũ nghịch, nếu có thể sanh lòng ăn năn hổ thẹn quy y hộ trì chánh pháp như trên, người này chẳng gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người này, đặng vô lượng phước. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà chẳng sanh tâm quy y hộ pháp. Nếu bố thí cho người này, đặng phước không đáng kể.

Này Thiện nam tử ! Người phạm tội trọng nên có tâm này : Chánh pháp tức là tạng Như Lai vi mật, tôi phải hộ trì kiến lập. Nếu ai bố thí cho người này, thời đặng quả báo rất tốt.

Này Thiện nam tử ! Ví như thiếu phụ kia mang thai gần ngày sanh nở, nhằm lúc trong nước loạn lạc, lánh nạn trốn đến xứ khác, giữa đường sanh nở. Sau đó nghe nước nhà đã an ổn, đem con trở về, giữa đường phải lội qua con sông, nước đầy chảy xiết, đến giữa giòng đuối sức, tự nghĩ rằng : Tôi thà cùng con tôi đồng chết, quyết không bỏ con để được sống một mình. Do đó mẹ con đều bị nước cuốn chìm. Phụ nữ ấy, sau khi chết được sanh lên cõi trời. Phụ nữ này tánh vốn tệ ác nhờ lòng thương con mà đặng sanh lên cõi trời.

Cũng vậy, người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, nếu sanh tâm quy y hộ trì chánh pháp thời là phước điền vô thượng của thế gian. Người hộ pháp này được vô lượng quả báo tốt như vậy.

Thuần Đà bạch Phật : Thế Tôn ! Nếu hạng nhứt xiển đề có thể tự ăn năn chừa cải, cung kính cúng dường tán thán Tam Bảo. Bố thí cho người này, có đặng quả báo lớn chăng ?

Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy. Ví như có người ăn trái Am la, nghĩ rằng : Trong hột trái này có lẽ ngọt, liền đập bể hột ra để nếm, thấy vị rất chát đắng, lòng sanh hối hận, sợ mất giống trái tốt, mới gom góp mảnh hột vụn đem ương nơi đất, siêng năng săn sóc, đến dùng sữa, tô, dầu để tưới bón. Ý ông nghĩ thế nào, hột đó có thể mọc lên cây được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể mọc lên được, dầu cho trời mưa chất cam lồ, hột nát bể ấy cũng mọc không được.

- Này Thiện nam tử ! Hạng nhứt xiển đề đã đốt cháy căn lành, sẽ cớ nơi chỗ nào mà trừ tội đặng.

Nếu sanh tâm lành, thời kẻ đó chẳng gọi là nhứt xiển đề.

Do nghĩa này tất cả chỗ bố thí đặng quả báo chẳng phải không sai khác. Vì thí cho hàng Thanh Văn đặng quả báo khác, thí hàng Bích Chi Phật đặng quả báo cũng khác. Duy cúng thí đức Như Lai đặng quả báo vô thượng. Thế nên nói rằng : Tất cả chỗ bố thí chẳng phải không sai khác.

Thuần Đà lại bạch : "Thế Tôn ! Do cớ chi đức Như Lai nói bài kệ ấy ?".

- Này Thuần Đà ! Vì có nhơn duyên nên ta có nói bài kệ ấy.

Trong thành Vương Xá, có nhà cư sĩ không lòng tin Tam Bảo, phụng thờ phái Ni Kiền Tử đến hỏi Phật nghĩa bố thí, nên ta nói bài kệ ấy. Cũng vì các vị đại Bồ Tát mà nói nghĩa tạng bí mật, bài kệ ấy nghĩa như vầy :

Tất cả đó là ít phần tất cả. Phải biết đại Bồ Tát là bực tôn quí trong loài người, nhiếp thủ hạng trì giới cung cấp cho đồ cần dùng, dứt bỏ hạng phá giới, như bỏ cỏ rác.

Này Thiện nam tử ! Như xưa kia ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi
Quyết có xoáy cong,
Tất cả rừng rậm
Ắt có cây cối,
Tất cả người nữ
Quyết lòng dua vạy,
Tất cả tự tại
Quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đến lạy chân Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả sông
Đều quyết có xoáy cong,
Chẳng phải tất cả rừng
Quyết gọi là cây cối,
Chẳng phải mọi người nữ
Quyết có lòng dua vạy,
Tất cả hàng tự tại
Chẳng quyết đều hưởng vui

Văn Thù Sư Lợi lại bạch : "Kệ của đức Phật nói còn có nghĩa dư thừa, cúi mong đức Như Lai nói rõ nhơn duyên kia.

Thế Tôn ! Vì nơi thế giới này, có bờ Câu da ni, nơi ấy có con sông Ta bà da ngay thẳng chẳng cong,

như sợi dây, chạy thẳng vào biển Tây. Con sông ấy nơi trong những kinh khác Phật chưa từng nói, xin đức Như Lai nhơn hội Phương Đẳng này, nói nghĩa còn dư thừa trong kinh A Hàm, khiến các vị Bồ Tát hiểu rõ nghĩa ấy.

Thế Tôn ! Ví như có người, lúc trước thời biết quặng vàng, lúc sau lại chẳng biết vàng. Cũng vậy, đức Như Lai biết rõ tất cả pháp mà lời nói ra còn có nghĩa dư thừa chẳng trọn. Dầu đức Như Lai nói nghĩa thừa như vậy, nhưng cũng nên phương tiện giải rõ ý nghĩa kia.

Tất cả rừng rậm quyết là cây cối. Đây cũng chưa được trọn, vì các thứ cây vàng, bạc, lưu ly, những cây bằng chất báu, cũng gọi là rừng.

Tất cả người nữ quyết có lòng dua vạy. Đây cũng chưa trọn, vì cũng có người nữ khéo giữ giới cấm trọn nên công đức, có lòng đại từ bi.

Tất cả tự tại quyết hưởng an vui. Đây cũng chưa trọn, ví như Thích Ca Như Lai là đấng Pháp Vương tự tại, chẳng ở trong phạm vi vô thường, chẳng thể diệt dứt, là rốt ráo an vui. Hàng Phạm Vương, Đế Thích, các Trời, dầu đặng tự tại, nhưng đều là vô thường chưa phải an vui. Nếu đặng thường trụ không biến đổi mới đặng gọi là tự tại, chính là Đại thừa Đại Niết Bàn".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nay ông khéo đặng biện tài vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Vả thôi, nên lóng nghe. Ví như Trưởng giả mang bịnh khổ, y sĩ hiệp thuốc cao để điều trị. Vì tham, người bịnh muốn uống nhiều. Y sĩ bảo, nếu có thể tiêu hóa được thời nên uống nhiều, nay thân Trưởng giả gầy yếu chẳng nên uống nhiều. Phải biết thuốc cao này gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều chẳng tiêu hóa được thời thành chất độc.

Này Thiện nam tử ! Nay ông chớ cho rằng lời nói của y sĩ là trái nghĩa mật lý, làm hư công hiệu của thuốc cao.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, đức Như Lai nhơn vua Ba Tư Nặc, vương tử, và hậu phi có lòng kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện nói lời ấy cho họ sợ sệt, như y sĩ kia. Do đó mà ta nói kệ rằng :

Tất cả sông ngòi
Quyết có xoáy cong,
Tất cả rừng rậm
Quyết là cây cối,
Tất cả người nữ,
Quyết lòng dua vạy,
Tất cả tự tại
Quyết hưởng an vui.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Ông nên biết rằng lời nói của đức Như Lai không có sai sót. Như cõi đất này,

có thể làm cho lật úp, lời nói của Như Lai trọn không sai sót. Do nghĩa này nên lời nói của đức Như Lai tất cả có dư thừa.

Lúc đó đức Phật khen Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Từ lâu ông đã biết nghĩa như vậy. Vì thương xót tất cả, muốn làm cho chúng sanh đặng trí huệ, nên ông cố ý hỏi đức Như Lai nghĩa của bài kệ như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại ở nơi trước Phật mà nói bài kệ rằng :

Với lời nói của người
Tùy thuận chẳng chống trái,
Cũng chẳng xem người khác
Làm hay là chẳng làm,
Chỉ tự xem thân mình
Làm lành hay chẳng lành.

Thế Tôn ! Pháp dược như vậy chẳng phải là chánh thuyết, chỉ là đối với lời nói của người khác mà tùy thuận chẳng trái. Cúi mong đức Như Lai xót thương chánh thuyết cho. Vì Thế Tôn thường nói, tất cả ngoại giáo cả chín mươi lăm phái, đều đi đến ác đạo. Hàng Thanh Văn đệ tử đều hướng đến chánh lộ. Khéo giữ gìn cấm giới, nhiếp trì oai nghi, gìn giữ sáu căn, những người như vậy, rất ưa thích Đại thừa, thẳng đến thiện đạo. Cớ sao đức Như Lai ở trong chín loại kinh thấy có ai hủy báng

người khác, thời bèn quở trách. Bài kệ trên đây ý nghĩa như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Ta nói kệ ấy cũng chẳng phải vì tất cả chúng sanh. Lúc đó chỉ vì vua A Xà Thế. Chư Phật nếu không nhơn duyên trọn chẳng nghịch thuyết.

Này Thiện nam tử ! Vua A Xà Thế khi hại cha rồi, đến Giáo hội muốn chiết phục ta, hỏi rằng : Thế Tôn có nhứt thiết trí hay chẳng có nhứt thiết trí. Điều Đạt trong vô lượng đời đã qua, thường ôm lòng ác, theo dõi muốn làm hại Như Lai. Nếu là bực nhứt thiết trí, sao Như Lai cho Điều Đạt xuất gia.

Do nhơn duyên vua A Xà Thế hỏi mà ta nói bài kệ :

Với lời nói của người
Tùy thuận chẳng trái nghịch,
Cũng chẳng xem người khác
Làm hay là chẳng làm.
Chỉ tự xem thân mình
Làm lành hay chẳng lành.

Rồi Phật bảo nhà vua, nay nhà vua hại cha đã tạo tội nghịch, nay phải phát lồ để được tiêu tội, cớ sao lại xem lỗi lầm của người khác.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa đó nên ta vì vua A Xà Thế mà nói bài kệ ấy.

Này Thiện nam tử ! Ta cũng vì người hộ trì cấm giới thành tựu oai nghi, lại xem lỗi của người khác mà nói bài kệ ấy.

Nếu lại có người, nhận lãnh lời dạy của người khác, xa lìa những tội ác, rồi dạy lại người khác, làm cho lìa những tội ác. Người như vậy thời là đệ tử của Phật. Đức Thế Tôn vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Tất cả đều sợ dao gậy,
Không ai chẳng mến thân mạng,
Tự tha thứ đáng làm lệ,
Chớ giết cũng chớ đánh đập.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả đều sợ gậy,
Chẳng phải tất cả mến thân mạng,
Tự tha thứ đáng lấy làm lệ,
Siêng thực hành những phương tiện lành.

Pháp cú của đức Như Lai nói cũng chưa trọn nghĩa. Vì như A La Hán, Chuyển Luân Thánh Vương, ngọc nữ, tượng bảo, mã bảo, chủ tạng đại thần, chư Thiên và A Tu La, không có ai cầm gươm bén có thể làm hại được.

Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương, Tỳ Kheo trì giới, dầu có oan đối đến làm hại, nhưng họ chẳng

sợ sệt. Do nghĩa này bài kệ của Như Lai nói cũng chưa trọn nghĩa.

Nếu nói tự tha thứ đáng lấy làm lệ đó, cũng không trọn nghĩa. Vì nếu giả sử A La Hán, lấy mình làm lệ cho người, thời có ngã tưởng và thọ mạng tưởng. Nếu có ngã tưởng và thọ mạng tưởng thời phải giữ gìn. Như thế thời phàm phu lẽ ra cũng thấy A La Hán đều là hạng người còn tu hành. Nếu thấy như vậy, thời thành tà kiến, sẽ phải đọa địa ngục A Tỳ.

Lại A La Hán trọn không mống tâm sát hại chúng sanh. Vô lượng chúng sanh cũng không thể làm hại A La Hán.

- Này Thiện nam tử ! Nói rằng ngã tưởng là đối với chúng sanh có lòng đại bi, không có tưởng giết hại là nói tâm bình đẳng của A La Hán. Chớ cho rằng đức Thế Tôn không nhơn duyên mà nghịch thuyết.

Ngày xưa trong thành Vương Xá, có người thợ săn giết nhiều nai, mời ta ăn thịt. Lúc đó dầu ta nhận lời mời, nhưng đối với các chúng sanh sanh lòng từ bi xem như La Hầu La mà nói kệ rằng :

Sẽ khiến người được trường thọ
Mãi mãi sống ở nơi đời
Thọ trì pháp chẳng giết hại
Dường như thọ mạng của Phật.

Do cớ đó nên ta nói bài kệ :

Tất cả đều sợ dao gậy
Không ai chẳng mến thân mạng
Tự tha thứ, đáng làm lệ
Chớ giết, cũng chớ đánh đập.

Lành thay ! Lành thay ! Văn Thù Sư Lợi vì các vị đại Bồ Tát mà gạn hỏi đức Như Lai giáo pháp như vậy.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại nói kệ rằng :

Thế nào là kính cha mẹ
Tùy thuận tôn trọng song thân ?
Thế nào thật hành pháp này
Bị đọa nơi ngục vô gián ?

Đức Như Lai nói kệ đáp :

Nếu dùng tham ái làm mẹ
Dùng vô minh, để làm cha
Rồi tùy thuận tôn trọng đó
Thời phải đọa ngục vô gián.

Đức Như Lai vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát nói kệ rằng :

Tất cả thuộc kẻ khác
Thời gọi đó là khổ,
Tất cả do nơi mình

Tự tại được an vui,
Tất cả kẻ kiêu mạn
Thế lực rất bạo ác,
Những người hiền người lành
Tất cả đều mến tưởng.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Lời nói của Như Lai cũng chẳng trọn nghĩa. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót nói nhơn duyên đó. Ví như con trai của Trưởng giả, lúc theo thầy học tập, là thuộc nơi thầy chăng ? Nếu thuộc nơi thầy, thời chẳng phải. Nếu chẳng thuộc nơi thầy, thời cũng chẳng phải. Nếu đặng tự tại, theo nghĩa cũng chẳng phải.

Ví như vương tử không có học tập, làm việc gì cũng chẳng thành, ngu tối thường khổ. Vương tử ấy nếu cho là tự tại, thời chẳng đúng nghĩa, nếu nói thuộc người khác, nghĩa cũng chẳng phải.

Do lẽ trên đây lời nói của Phật gọi là có thừa. Vì thế nên tất cả thuộc người khác chẳng ắt thọ khổ. Tất cả tự tại chẳng ắt hưởng vui. Tất cả kẻ kiêu mạn, thế lực rất bạo ác, lời này cũng có thừa. Thế Tôn ! Như các liệt nữ, vì tâm kiêu mạn mà xuất gia học đạo, giữ gìn cấm giới, thành tựu oai nghi, kềm giữ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả phiền não kiêu mạn chẳng ắt là bạo ác.

Người hiền, người lành, tất cả đều mến tưởng lời này cũng có thừa. Như người phạm bốn tội nặng rồi chẳng bỏ pháp phục, giữ gìn oai nghi, hộ trì chánh pháp, người khác thấy chẳng mến, người này sau khi chết ắt đọa địa ngục. Nếu có người hiền phạm tội trọng, người hộ pháp thấy đó, liền đuổi ra bảo hoàn tục. Do nghĩa này tất cả người hiền người lành chẳng ắt đều được mến tưởng.

(*) Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : Vì có duyên do nên đức Như Lai ở trong trường hợp này nói pháp có nghĩa thừa. Lúc đó trong thành Vương Xá có người nữ tên Thiện Hiền trở về nhà cha mẹ. Nhơn đó nàng đến chỗ ta quy y Phật, Pháp, và chúng Tăng mà bạch rằng : Tất cả người nữ chẳng được tự do, tất cả người nam tự tại vô ngại.

Ta biết rõ tâm nàng bèn vì nàng mà nói bài kệ tụng như trên.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Lành thay ! Lành thay ! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh hỏi nơi đức Như Lai mật ngữ như vậy".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát lại nói kệ rằng :

Tất cả loài chúng sanh
Nhờ ăn uống được sống,
Tất cả người đại lực

(*) Hán bộ quyển thứ 11

Tâm họ không tật đố,
Tất cả nhơn uống ăn
Mà mắc nhiều bịnh khổ,
Tất cả tu tịnh hạnh
Mà đặng hưởng an vui.

Nay đức Thế Tôn thọ vật thực của ông Thuần Đà cúng dường, phải chăng đức Như Lai có sợ sệt ư ?

Đức Phật vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Chẳng phải tất cả chúng sanh
Đều nhờ uống ăn mà sống,
Chẳng phải tất cả đại lực
Tâm họ đều không tật đố,
Chẳng phải tất cả do ăn
Mà chác lấy bịnh hoạn
Chẳng phải tất cả tịnh hạnh
Đều đặng hưởng quả an vui.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Nếu ông mang bịnh, thời đức Phật cũng mang bịnh. Vì hàng A La Hán và Bích Chi Phật, các vị Bồ Tát, cùng chư Phật Như Lai đều thiệt không có ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng thí. Làm cho chúng sanh đầy đủ Đàn Ba la mật, cứu vớt cho ngạ quỉ, súc sanh, địa ngục.

Nếu cho rằng đức Như Lai khổ hạnh sáu năm, thân thể ốm gầy, thời là không đúng. Chư Phật Thế Tôn giải thoát ba cõi chẳng đồng với phàm phu. Lẽ nào thân thể lại ốm gầy. Chư Phật siêng năng tu tập đặng thân kim cương, chẳng đồng với thân nguy hiểm vô thường của người đời. Hàng đệ tử của ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng nương nơi ăn uống mà sống.

Nói rằng tất cả người đại lực tâm không tật đố, đây cũng là không trọn nghĩa. Như trong thế gian có người cả đời không có lòng tật đố, mà họ cũng không có đại lực.

Nói rằng tất cả bịnh khổ do ăn uống sanh ra, đây cũng chưa trọn nghĩa. Vì thấy có người mang phải bịnh ở ngoài đưa đến, như bị chém đâm v.v...

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh hưởng quả an vui, đây cũng chưa trọn nghĩa, vì trong đời cũng có hàng ngoại đạo tu tịnh hạnh, mà vẫn thọ lấy quả khổ não.

Lời thuyết pháp của đức Như Lai còn có nghĩa thừa, đó là đức Như Lai vì có duyên do mà nói những kệ như vậy : Xưa kia, nơi nước Ưu Thiền Ni, có nhà Bà La Môn tên Cổ Đê Đức đến nơi Phật thọ pháp bát quan trai. Lúc đó ta vì nhà Bà La Môn ấy mà nói kệ như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những gì gọi là không nghĩa thừa ? Thế nào lại gọi là nhứt thiết nghĩa ?".

- Này Thiện nam tử ! Chỉ trừ pháp lành trợ đạo, thường, lạc, gọi là nhứt thiết, cũng gọi là không thừa, ngoài ra các pháp khác cũng gọi là có thừa, cũng gọi là không thừa. Vì muốn làm cho mọi người ưa thích chánh pháp, biết nghĩa có thừa và nghĩa không thừa này.

Ca Diếp Bồ Tát vui mừng hớn hở bạch Phật rằng : "Rất lạ lùng ! Rất lạ lùng ! Đức Thế Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La".

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Chỗ kiến giải của ông rất sâu vi diệu".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Cúi xin đức Như Lai nói về sự được công đức ở nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này".

- Này Thiện nam tử ! Nếu có người đặng nghe danh hiệu của kinh này, công đức của người đó đặng chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có thể tuyên thuyết, duy đức Phật biết rõ thôi. Vì chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới Phật. Huống là người thọ trì, đọc tụng thông thuộc, biên chép kinh này.

Lúc đó chư Thiên, mọi người và A Tu La ở trước Phật khác miệng đồng lời mà nói kệ rằng :

Chư Phật khó nghĩ bàn
Pháp, Tăng cũng như vậy,
Vì thế nay kính thỉnh
Xin Phật nán ở lại.
Đại Ca Diếp Tôn giả
Cùng với A Nan Đà
Quyến thuộc của hai Ngài
Xin chờ giây lát đến.
Và chúa nước Ma Già
Đại Vương A Xà Thế
Chí tâm kính tin Phật
Vẫn còn chưa đến đây.
Cúi xin đức Như Lai
Xót thương ở giây lát
Nơi trong đại chúng này
Quyết lưới nghi chúng tôi.

Đức Như Lai vì đại chúng mà nói kệ rằng :

Trưởng tử trong giáo pháp ta
Tức là ông Đại Ca Diếp,
Ông A Nan siêng tinh tấn
Dứt được tất cả lưới nghi.
Đại chúng nên quan sát kỹ
A Nan là bực đa văn,
Tự nhiên có thể hiểu rõ

Pháp thường và pháp vô thường.
Vì thế đại chúng chẳng nên
Sanh lòng lo buồn sầu khổ.

Bấy giờ đại chúng đem các đồ vật cúng dường Như Lai. Cúng Phật xong tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ Tát đặng trụ bực Sơ địa.

Đức Thế Tôn thọ ký cho Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Ca Diếp Bồ Tát và Thuần Đà. Thọ ký xong, đức Phật nói rằng : Này các Thiện nam tử, phải tự tu tập tâm mình, chớ nên phóng dật. Nay lưng ta có bịnh, cả mình đều đau nhức, ta muốn nằm như đứa trẻ nít và người thường bịnh hoạn. Các ông Văn Thù Sư Lợi nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói đại pháp. Nay ta đem pháp này, giao phó cho các ông. Đến khi Đại Ca Diếp và A Nan đến, các ông sẽ phó chúc chánh pháp như vậy.

Dặn dò xong, vì muốn điều phục chúng sanh, nên đức Phật hiện thân có bịnh, nằm nghiêng bên mặt.

XVII

PHẨM HIỆN BỊNH

Thứ mười tám

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn đức Như Lai đã khỏi tất cả tật bịnh, không còn đau khổ, không sợ sệt. Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có bốn mũi tên độc : tham dục, sân khuể, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc này là nhân sanh ra bịnh. Nếu có bịnh nhơn, thời có bịnh sanh ra tức là những thứ bịnh hàn, nhiệt, bịnh phổi, ói mửa, da thịt ngứa xót, buồn nôn ngăn nghẹn, đi chảy, bịnh kiết, tiểu dãi lâm dịch, nhức tai, xốn mắt, đau lưng, bụng đầy, điên cuồng, ốm gầy, quỉ mị dựa, các thứ thân bịnh tâm bịnh như vậy. Chư Phật dầu không còn có những thứ bịnh ấy. Hôm nay đức Như Lai cớ sao bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát rằng Phật đau lưng, các ông nên vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế Tôn ! Có hai nhơn duyên thời không bịnh khổ ! Một là thương xót tất cả chúng sanh, hai

là cung cấp thuốc men cho người bịnh. Từ xưa đức Như Lai đã tu đạo Bồ Tát trong vô lượng muôn ức kiếp : Thường thật hành lời nói dịu dàng, thân yêu, lợi ích cho chúng sanh chẳng để họ phải khổ não, bố thí các thứ thuốc men cho người bịnh. Cớ sao hôm nay lại tự nói là có bịnh ?

Thế Tôn ! Trong đời, người có bịnh hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên, hoặc đòi uống đòi ăn, dặn bảo người nhà coi sóc sản nghiệp. Cớ sao đức Như Lai nằm yên lặng, chẳng dạy bảo hàng Thanh Văn đệ tử những giới luật, thiền định giải thoát tam muội, tu hạnh chánh cần. Cớ sao chẳng giảng nói kinh điển Đại thừa rất sâu vi diệu. Cớ sao đức Như Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy Ngài Đại Ca Diếp cùng các hàng đại nhơn cho họ đặng bực bất thối Vô thượng Bồ Đề. Cớ sao chẳng trị phạt các ác Tỳ Kheo nhận chứa tất cả vật bất tịnh. Đức Thế Tôn thiệt không có bịnh tật, sao lại yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Các vị Bồ Tát phàm cung cấp thuốc men cho người bịnh, đem căn lành ấy ban cho chúng sanh, đồng hồi hướng nhứt thế chủng trí. Vì trừ các thứ phiền não chướng, nghiệp chướng, và báo chướng cho chúng sanh. Phiền não chướng là tham dục, sân khuể, ngu si, phẫn nộ, triền cái, tập não, tật đố, xan lẫn, gian trá, siểm khúc, vô tàm, vô quí, mạn, mạn mạn, đại mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã

mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, cống cao, phẫn hận, tránh tụng, tà mạn, siểm mị, dối bày tướng lạ, dùng lợi cầu lợi, cầu quấy cầu nhiều, không cung kính, chẳng tùy thuận lời dạy bảo, gần gũi ác hữu, tham lợi không nhàm, ràng buộc khó mở, mong mỏi điều ác, tham lam việc ác chấp thân chấp có, chấp không, vươn vai ưa ngủ, ngáp dài chẳng vui, tham uống tham ăn, tâm trí mờ tối, tâm tưởng sai lầm, chẳng khéo suy nghĩ, thân và miệng nhiều lỗi ác, hay mừng, nói nhiều, căn tánh ám độn, lời nói phần nhiều rỗng tuếch, thường bị các giác quán : dục giác, khuể giác, hai giác che đậy. Tất cả trên đây gọi là phiền não chướng.

Nghiệp chướng là năm tội vô gián, những bịnh nặng dữ.

Báo chướng là sanh vào địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, hủy báng chánh pháp và nhứt xiển đề.

Ba chướng như vậy gọi là căn bịnh lớn.

Các vị Bồ Tát lúc tu hạnh Bồ Đề trong vô lượng kiếp, cung cấp thuốc men cho tất cả người tật bịnh, thường nguyện rằng làm cho tất cả chúng sanh dứt hẳn ba chướng.

Bồ Tát lúc tu hạnh Bồ Đề cung cấp thuốc men cho tất cả người bịnh thường nguyện rằng : Nguyện cho chúng sanh dứt hẳn tật bịnh đặng thân kim cương của Như Lai. Lại nguyện vì tất cả chúng sanh

làm diệu dược dứt trừ tất cả những bịnh nặng, bịnh dữ. Nguyện các chúng sanh đặng thuốc A Dà Đà, thuốc này có công hiệu trừ vô lượng độc dữ. Nguyện chúng sanh không thối chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mau đặng thành tựu vô thượng Phật đạo, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Nguyện chúng sanh tinh tấn tu hành, thành tựu thân kim cương của Như Lai, làm thuốc hay vi diệu trị lành các thứ bịnh, chẳng để có người sanh lòng tranh tụng. Cũng nguyện chúng sanh làm dược thọ lớn, trị lành tất cả những bịnh dữ bịnh nặng. Lại nguyện chúng sanh nhổ mũi tên độc đặng thành quang minh vô lượng của Như Lai. Lại nguyện chúng sanh đặng vào trí huệ của Như Lai, thông đạt pháp tạng vi mật.

Thế Tôn ! Bồ Tát đã phát nguyện này trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp làm cho chúng sanh không còn bịnh tật. Cớ sao hôm nay đức Như Lai lại xướng rằng có bịnh.

Thế Tôn, trong đời có người bịnh không ngồi dậy được, không thể cúi ngước cựa động, ăn uống không đặng, đổ nước chẳng xuống, cũng không thể dặn bảo con cái xem sóc gia nghiệp. Cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc đều nghĩ rằng : người này quyết định chết. Cũng vậy, hôm nay đức Như Lai nằm nghiêng bên hữu, không nói năng đàm luận nơi Diêm Phù Đề này, có những người ngu sẽ nghĩ rằng : Đức Như Lai chánh giác quyết sẽ diệt tận nhập Niết Bàn.

Nhưng thiệt ra tánh như, Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì Như Lai thường trụ không biến đổi. Do cớ này đức Như Lai chẳng nên nói rằng : Nay ta đau lưng.

Thế Tôn ! Trong đời có người bịnh, thân thể ốm gầy, hoặc nằm nghiêng nằm ngữa trên giường nệm, gia quyến người đó sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người đó ắt chết. Cũng vậy, nay đức Như Lai sẽ bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn, cho là vô thường. Các ngoại đạo đó sẽ nói rằng : Chẳng bằng chúng ta do ngã tánh thường còn, thời tiết tự tại, các pháp vi trần v.v..., mà làm thường trụ không có biến đổi. Sa Môn Cù Đàm bị vô thường thuyên chuyển, đó là biến đổi. Do nghĩa này, hôm nay đức Thế Tôn chẳng nên yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Thế Tôn ! Trong đời người có bịnh tứ đại tăng tổn không điều thích, ốm gầy, mất sức. Vì thế nên không thể ngồi đứng tùy ý, phải nằm trên giường nệm. Tứ đại của Như Lai điều hòa thích, sức lực đầy đủ, cũng không ốm gầy.

Thế Tôn ! Như sức của mười con Trâu nhỏ, chẳng bằng sức của một con Trâu lớn. Sức của mười con Trâu lớn không bằng sức của một con Thanh ngưu. Sức của mười con Thanh ngưu không bằng sức của một con Voi thường. Sức của mười con Voi thường không bằng sức của một con Voi rừng. Sức của mười con Voi rừng chẳng bằng sức của một con Voi hai

ngà. Sức của mười con Voi hai ngà chẳng bằng sức của một con Voi bốn ngà. Sức của mười con Voi bốn ngà chẳng bằng sức của Bạch tượng ở núi Tuyết Sơn. Sức của mười Bạch tượng ở Tuyết Sơn chẳng bằng sức của một Hương tượng. Sức của mười Hương tượng không bằng sức một Thanh tượng. Sức của mười Thanh tượng không bằng sức của một Huỳnh tượng. Sức của mười Huỳnh tượng chẳng bằng sức của một Xích tượng. Sức của mười Xích tượng không bằng sức của một Bạch tượng vương. Sức của mười Bạch tượng vương không bằng sức của một Sơn tượng. Sức của mười Sơn tượng không bằng sức của một Ưu bát la tượng. Sức của mười Ưu bát la tượng không bằng sức của Ba đầu ma tượng. Sức của mười Ba đầu ma tượng không bằng sức của một Câu vật đầu tượng. Sức của mười Câu vật đầu tượng không bằng sức của một Phân đà lợi tượng. Sức của mười Phân đà lợi tượng không bằng sức của một đại lực sĩ trong loài người. Sức của mười đại lực sĩ không bằng sức của một Bát kiền đề. Sức của mười Bát kiền đề chẳng bằng sức của một Bát tý na la diên. Sức của mười Na la diên không bằng sức một lóng tay của vị Thập trụ Bồ Tát.

Các lóng xương trong thân của người thường, đầu xương chẳng đến nhau. Đại lực sĩ trong loài người đầu xương đến nhau. Thân của Bát kiền đề các lóng xương tiếp nhau. Thân của Na la diên đầu xương

móc nhau. Thân của Thập trụ Bồ Tát đầu những lóng xương kết liền với nhau. Vì thế nên sức mạnh của Bồ Tát rất lớn. Lúc thế giới thành lập từ kim cang tế có tòa kim cang nổi lên đến đạo tràng dưới cây Bồ Đề. Bồ Tát ngồi trên tòa đó, tâm liền chứng đặng mười trí lực.

Nay đức Như Lai chẳng nên như trẻ con thơ bé. Trẻ nít ngu si không biết nói năng, tùy ý nằm ngữa nằm nghiêng không ai quở trách. Đức Như Lai Thế Tôn có trí huệ lớn hiểu biết tất cả, là bực tối tôn trọng loài người, đầy đủ oai đức lớn, thành tựu đại thần thông, dứt hẳn lưới nghi, đã nhổ tên độc đi đứng an lành, đặng tự tại vô sở úy, giờ đây cớ chi nằm nghiêng bên mặt, làm cho hàng nhơn thiên lo rầu khốn khổ ?.

Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật mà nói kệ rằng :

Như Lai đại Thánh đức
Xin dạy giảng pháp mầu
Chẳng nên như trẻ thơ
Người bịnh nằm giường nệm
Điều Ngự Thiên Nhơn Sư
Nằm dựa nơi song thọ
Kẻ phàm phu ngó thấy
Cho rằng ắt Niết Bàn.
Chẳng biết kinh Đại thừa

Hạnh của Phật rất sâu
Chẳng thấy tạng vi mật
Như mù chẳng thấy đường.
Duy các vị Bồ Tát
Văn Thù Sư Lợi thảy
Hiểu được mật tạng này
Ví như người bắn giỏi.
Chư Phật trong ba đời
Đại bi làm căn bản
Đại từ bi như vậy
Nay ở tại chỗ nào ?
Nếu là không đại bi
Thời chẳng gọi là Phật
Phật nếu ắt Niết Bàn
Thời chẳng gọi là thường
Ngưỡng mong đấng vô thượng
Nhận lời mời của tôi
Lợi ích các chúng sanh
Xô dẹp những ngoại đạo

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn, đại bi huân nơi lòng, rõ biết tâm niệm của đại chúng muốn tùy thuận để đại chúng được lợi ích rốt ráo, liền dậy ngồi kiết già, dung nhan vui vẻ sáng rỡ như vàng ròng, mặt mắt xinh đẹp dường như trăng tròn, hình dung thanh

tịnh không có những cấu uế, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hư không. Ánh sáng đó hơn cả trăm ngàn mặt trời chiếu suốt mười phương thế giới, ban bố trí huệ cho chúng sanh, diệt trừ vô minh hắc ám, làm cho trăm ngàn ức na do tha chúng sanh Bồ Đề tâm vững chắc.

Đức Thế Tôn lòng không nghi lự, như sư tử vương, dùng ba mươi hai tướng đại nhơn, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Mỗi lỗ chân lông trên thân đều hiện ra một hoa sen. Hoa sen ấy đủ ngàn cánh thuần màu vàng ròng, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cang, gương bằng ngọc mai khôi, hình lớn tròn như bánh xe. Những hoa sen ấy đều phóng ra ánh sáng nhiều màu : xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía, màu pha lê, các ánh sáng ấy chiếu suốt đến địa ngục A tỳ cùng các đại địa ngục, chúng sanh đang bị khổ đốt, nấu, đâm, chém, lột da v.v..., gặp ánh sáng này đều được khỏi khổ, an ổn mát mẻ. Trong ánh sáng ấy lại tuyên nói tạng bí mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi, liền bỏ thân sanh lên cõi trời hay trong loài người. Chúng sanh trong hàn băng địa ngục ánh sáng của Phật chiếu đến cũng được khỏi khổ, được nghe pháp và được sanh lên cõi trời hay trong loài người. Bao nhiêu địa ngục nơi cõi Diêm Phù Đề này và các thế giới khác thảy đều trống không, không người thọ tội, trừ kẻ nhứt xiển đề.

Loài ngạ quỷ khổ vì đói khát, tóc vấn lấy thân, cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống, họ gặp ánh sáng của Phật liền hết đói khát. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Nhờ nghe pháp âm này loài ngạ quỷ được sanh lên trời hay loài người, trừ những kẻ hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng.

Những loài súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau. Chúng nó gặp ánh sáng của Phật trừ được tâm hung ác. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như Lai, nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Những loài súc sanh nhờ nghe pháp âm sau khi chết sanh lên cõi trời hay trong loài người, trừ những kẻ hủy báng chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đó đều có một đức Phật Viên Quang rộng một tầm, màu vàng chói sáng, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ đẹp trang nghiêm nơi thân. Trong các đức Phật đó có vị thì ngồi, có vị thì đi, có vị thì đứng, có vị thì nằm, có vị nổi tiếng sấm, có vị rưới mưa, có vị phóng chớp sáng, có vị nổi gió, có vị phóng khói lửa, có vị thị hiện những núi bảy báu, suối, ao, sông, ngòi, núi rừng, cây cối, có vị hiện ra cõi nước bảy báu, thành ấp, xóm, làng, cung điện, nhà cửa. Có vị hiện ra voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, chim công, phụng hoàng. Có vị làm cho bao

nhiêu chúng sanh trong Diêm Phù Đề đều được thấy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhẫn đến thấy sáu cõi trời Dục giới. Trong các đức Phật đó lại có vị thuyết về ấm, giới, các nhập, nhiều sự tội lỗi. Có vị nói pháp Tứ đế. Có vị nói pháp Thập nhị nhơn duyên. Có vị nói những phiền não, những nghiệp đều do nhơn duyên sanh. Có vị nói pháp ngã cùng vô ngã. Có vị nói hai pháp khổ và lạc. Có vị nói pháp thường và vô thường. Có vị nói pháp tịnh cùng bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ Tát nói sáu pháp Ba la mật. Lại có đức Phật nói công đức của đại Bồ Tát. Lại có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế Tôn. Lại có đức Phật nói công đức của hàng Thạnh Văn. Lại có đức Phật nói tùy thuận nhứt thừa. Hoặc có đức Phật nói tam thừa thành đạo. Có đức Phật hông bên trái hiện ra nước, hông bên hữu hiện ra lửa. Có đức Phật thị hiện giáng sanh, xuất gia ngồi đạo tràng dưới cây Bồ Đề chuyển pháp luân vi diệu, nhập Niết Bàn. Lại có đức Phật thuyết pháp làm cho trong đại hội này có người chứng đặng sơ quả, nhị quả, nhẫn đến tứ quả. Hoặc có đức Phật nói vô lượng nhơn duyên thoát ly sanh tử.

Những chúng sanh trong Diêm Phù Đề này được ánh sáng của Phật chiếu đến người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què bại đi được, người nghèo được của, kẻ bỏn xẻn phát tâm bố thí, kẻ sân hận sanh lòng từ. Người

không chánh tín bèn có chánh tín. Chúng sanh trong thế giới không có ai làm việc ác, trừ hạng nhứt xiển đề.

Tất cả trời, rồng, quỉ thần, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, La sát, Kiện đà, Ưu ma đà, A bà ma la, nhơn, phi nhơn, v.v..., đều đồng tiếng xướng rằng : Lành thay ! Lành thay ! Đấng Vô Thượng Thiên Tôn, làm sự lợi ích lớn. Tất cả đều vui mừng hớn hở, hoặc ca, hoặc múa, đem các thứ hoa rải trên Phật và chúng Tăng. Đó là những hoa cõi trời : hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hoa tán đà na, hoa ma ha tán đà na, hoa lư chỉ na, hoa ma ha lư chỉ na, hoa hương, hoa đại hương, hoa thích ý, hoa đại thích ý, hoa ái kiến, hoa đại ái kiến, hoa đoan nghiêm, hoa đệ nhứt đoan nghiêm.

Lại rải các thứ hướng : hương trầm thủy, hương đa dà lâu, chiên đàn, uất kim, hương pha trộn, hương hải ngạn.

Lại đem tràng phan lọng báu cõi trời, kỹ nhạc cõi trời : đờn tranh, đờn sắt, ống địch, ống sanh, không hầu, khảy, thổi, cúng dường lên Phật, đồng nói kệ rằng :

Tôi nay đảnh lễ đức đại tinh tấn
Đấng Lưỡng túc tôn Vô thượng Chánh giác.

Đại chúng trời người chẳng thể biết thấu
Chỉ có đức Cù Đàm mới rõ được.
Đức Thế Tôn thuở trước vì chúng tôi
Trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh,
Tại sao một mai bỏ thệ nguyện cũ
Mà bèn xả mạng muốn nhập Niết Bàn ?
Tất cả chúng sanh chẳng thể thấy biết
Tạng bí mật của chư Phật Thế Tôn,
Do nhơn duyên này khó đặng xuất ly
Luân chuyển trong sanh tử đọa ác đạo.
Như Phật đã từng nói A La Hán
Tất cả đều sẽ đến nơi Niết Bàn,
Công hạnh rất sâu của Phật như vậy
Hạng phàm phu ngu mê ai biết được.
Ban pháp cam lồ cho các chúng sanh
Vì muốn dứt trừ hết những phiền não,
Nếu có người uống chất cam lộ này
Chẳng còn lại thọ sanh lão bịnh tử.
Đức Như Lai Thế Tôn vì chữa trị
Trăm ngàn vô lượng tất cả chúng sanh
Bao nhiêu những bịnh nặng của chúng sanh
Đều làm tiêu diệt không còn thừa sót.
Đức Thế Tôn từ lâu khỏi bịnh khổ
Nên đặng gọi là đức Phật thứ bảy,

Ngưỡng mong ngày nay lại rưới mưa pháp
Nhuần thấm giống công đức của chúng tôi.
Đại chúng trời người trong Pháp hội này
Thỉnh cầu như vậy rồi đều yên lặng.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử, ông đã đầy đủ trí huệ vi diệu rất sâu như vậy, chẳng bị tất cả tà ma ngoại đạo phá hoại.

Này Thiện nam tử ! Nay ông thành tựu biện tài vô ngại. Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa chư Phật quá khứ, nên có thể hỏi đức Như Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ta đã từ vô lượng vô biên ức na do tha trăm ngàn muôn kiếp, trừ hết bịnh căn, lìa hẳn sự dựa nằm. Vô lượng A tăng kỳ kiếp về quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô Thượng Thắng, đầy đủ mười hiệu. Đức Phật đó vì hàng Thanh Văn nói kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này. Thuở đó ta cũng làm Thanh Văn của đức Phật ấy. Ta thọ trì kinh điển Đại Niết Bàn như vậy, đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, rồi ta rộng vì người khác phân biệt giảng thuyết. Ta đem căn lành đó hồi hướng Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Từ đó trở đi, ta chưa từng có những phiền não nghiệp ác, chẳng đọa nơi ác đạo, chẳng hủy báng chánh pháp làm nhứt xiển đề, chẳng

thọ thân hoàng môn, chẳng phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng. Từ đó đến nay, thân tâm ta an ổn, không có các sự khổ não.

Này Thiện nam tử ! Nay ta thiệt không có tất cả tật bịnh. Vì chư Phật Thế Tôn từ lâu đã xa lìa tất cả bịnh khổ. Các chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại thừa Phương Đẳng, bèn cho rằng đức Như Lai thiệt có bịnh.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai là sư tử trong loài người, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải là sư tử. Như nói đức Như Lai là rồng lớn trong loài người, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải rồng. Đức Phật từ vô lượng kiếp đã xa lìa ác nghiệp. Nên biết những lời như vậy chính là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai là người, là trời, nhưng thiệt ra đức Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỉ, thần, càn thát bà, a tu la, ca lầu la, khẩn na la, ma hầu la già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạn, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế Tôn, chẳng phải Thanh Văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai dường như biển cả, như núi Tu Di, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải vị mặn, cũng chẳng phải đồng như đá núi. Phải biết lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai như hoa Phân Đà Lợi, nhưng thiệt ra đức Phật chẳng phải hoa Phân Đà Lợi. Như nói đức Như Lai dường như cha mẹ, nhưng thiệt ra đức Như Lai chẳng phải cha mẹ. Như nói đức Như Lai là Đại thuyền sư, nhưng đức Như Lai chẳng phải Thuyền sư. Như nói đức Như Lai như Thương chủ, nhưng đức Như Lai thiệt chẳng phải Thương chủ. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như nói đức Như Lai hay trừ dẹp loài ma, nhưng thật ra đức Như Lai không có ác tâm muốn khiến ma bị xô dẹp. Như nói đức Như Lai trị được ung thư ghẻ độc, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải thầy thuốc trị ung nhọt. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như đức Phật trước kia đã nói, nếu có Thiện nam, Tín nữ nào có thể khéo tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, lúc người đó chết, dầu trong thân tộc hoặc đem thi hài thiêu đốt, hoặc ném xuống sông, hoặc bỏ trong gò mả, chồn sói cầm thú cùng nhau đến xé ăn, những tâm ý thức của người đó liền sanh nơi cõi lành. Tâm thức như vậy

thiệt không đi, không lại, cũng không chỗ đến, chỉ là trước sau giống nhau, nối nhau, tướng mạo chẳng sai khác. Lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nay ta nói rằng có bịnh cũng như vậy, cũng là giáo pháp bí mật của Như Lai. Đức Như Lai Đẳng Chánh Giác thiệt không có bịnh nằm nghiêng bên hữu, cũng không rốt ráo nhập nơi Niết Bàn. Này Ca Diếp Bồ Tát ! Đại Niết Bàn đây thiệt là thiền định rất sâu của chư Phật. Thiền định này chẳng phải cảnh giới của Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi cớ chi đức Như Lai dựa nằm chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyến thuộc coi sóc sản nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Tánh hư không cũng chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyến thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sanh diệt, không già trẻ, không mọc lặn, hư bể, giải thoát, ràng buộc, cũng không nói mình, nói người, cũng không hiểu mình hiểu người, chẳng phải ăn, chẳng phải bịnh.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn cũng như vậy, dường như hư không, thế nào sẽ có những bịnh khổ ư ?

Này Thiện nam tử ! Trong đời có ba hạng người bịnh khó trị : một là kẻ hủy báng Đại thừa, hai là

kẻ phạm tội ngũ nghịch, ba là hạng nhứt xiển đề, ba hạng bịnh này là rất nặng ở trong đời. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát đều không thể trị được.

Này Thiện nam tử ! Ví như có bịnh khó trị chắc chết, dầu có săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, người bịnh ấy chắc chết chẳng nghi. Ba hạng người trên đây cũng như vậy, dầu có Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thuyết pháp cho, hay chẳng thuyết pháp, đều không thể làm cho họ phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bịnh có sự săn sóc, tùy ý thuốc men, thời có thể lành bịnh, nếu không ba việc này, thời bịnh chẳng lành. Cũng vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, theo Phật và Bồ Tát đặng nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Không phải chẳng nghe pháp mà có thể phát Bồ Đề tâm.

Này Thiện nam tử ! Ví như người bịnh, nếu được săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, đều được lành bịnh. Cũng vậy, có một hạng người, hoặc gặp Thanh Văn hay chẳng gặp, hoặc gặp Duyên Giác hay chẳng gặp, hoặc gặp Bồ Tát hay chẳng gặp, hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp, hoặc đặng nghe pháp hay chẳng đặng nghe, tự nhiên đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là hạng người nào ? Chính là người vì thân mình

hay vì người khác, hoặc vì sợ sệt hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì dua nịnh, hoặc vì phỉnh gạt người mà biên chép kinh Đại Niết Bàn này, rồi thọ trì, đọc tụng, cúng dường cung kính, giải nói cho người khác.

Nầy Thiện nam tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này có bịnh mà tu hành, chẳng phải là đức Như Lai. Những gì là năm hạng ?

Một là bực dứt kiến hoặc trong tam giới đặng quả Tu Đà Hoàn, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, bảy lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các sự khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là hạng người thứ nhứt có bịnh tu hành. Người này thuở vị lai, qua khỏi tám muôn kiếp sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ hai dứt kiến hoặc trong tam giới, tham, sân, si, mạn, đặng quả Tư Đà Hàm, còn một lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là bực thứ hai có bịnh tu hành. Người này thuở vị lai qua khỏi sáu muôn kiếp, sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ ba dứt kiến hoặc trong tam giới, tư hoặc cõi Dục đã dứt, đặng quả A Na Hàm, chẳng còn sanh trong loài người, dứt hẳn các khổ nhập Niết Bàn. Đây gọi là bực thứ ba có bịnh tu hành. Người này thuở vị lai qua khỏi bốn muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ tư dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si, đặng quả A La Hán, không còn phiền não nhập Niết Bàn, cũng chẳng phải hạnh kỳ lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ tư có bịnh tu hành. Người này thuở vị lai qua khỏi hai muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bực thứ năm dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si, đặng quả Bích Chi Phật phiền não hết sạch nhập Niết Bàn, thiệt là hạnh kỳ lân độc nhứt. Đây gọi là bực thứ năm có bịnh tu hành. Người này thuở vị lai qua khỏi mười ngàn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Đây gọi là năm hạng người có bịnh tu hành, chẳng phải đức Như Lai vậy.

XIX

PHẨM THÁNH HẠNH

Thứ mười chín

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Đại Bồ Tát phải nên ở nơi kinh Đại Niết Bàn này chuyên tâm tư duy năm thứ hạnh : Một là thánh hạnh, hai là phạm hạnh, ba là thiên hạnh, bốn là anh nhi hạnh, năm là bệnh hạnh.

Này Thiện Nam tử ! Đại Bồ Tát thường nên tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh, chính là Như Lai hạnh, cũng chính là kinh Đại thừa Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát tu Thánh hạnh thế nào ? Đại Bồ Tát hoặc từ Thanh Văn, hoặc từ đức Như Lai đặng nghe kinh Đại Niết Bàn như vậy, nghe xong sanh lòng tin, tin xong nên suy nghĩ như vầy : Chư Phật Thế Tôn có đạo vô thượng, có chánh pháp lớn, có chánh hạnh cho đại chúng, lại có kinh điển Phương Đẳng

Đại thừa, nay ta nên vì ưa thích mong cầu kinh Đại thừa mà bỏ lìa vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi trai, tớ gái, voi ngựa, xe cộ, trâu dê, gà chó, heo lợn. Lại nghĩ thế này, ở nhà ràng buộc như lao ngục, do đó mà sanh tất cả phiền não. Xuất gia khoảng khoát như hư không, tất cả pháp lành nhơn đây được tăng trưởng. Nếu ở nhà chẳng đặng trọn đời tu phạm hạnh, nay ta phải nên cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo vô thượng.

Lúc Bồ Tát muốn xuất gia như vậy, Thiên ma Ba Tuần rất lo khổ, nói rằng : Bồ Tát này lại sẽ cùng ta sanh sự chiến tranh lớn.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này ở nơi chỗ nào lại sẽ cùng người chiến tranh ? Bồ Tát này qua đến Tăng phường nếu thấy Như Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, thân tâm tịch tịnh, lòng liền nhu hòa thanh tịnh mà cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y. Xuất gia xong tuân giữ giới cấm, oai nghi chẳng thiếu, cử chỉ an lành không có sai phạm, nhẫn đến tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt, tâm hộ giới như kim cương.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người đeo trái nổi muốn lội qua biển lớn. Trong biển có quỉ La Sát theo người đó để xin trái nổi. Người đó nghĩ rằng : Nếu ta cho nó quyết định phải chìm chết. Nghĩ rồi đáp rằng : Này La Sát, thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho trái nổi được.

La Sát lại nói : Nếu ông chẳng cho hết, thời cho ta phân nửa. Người ấy vẫn không cho. La Sát lại xin một phần ba, không được, lại xin một mảnh bằng bàn tay, nhẫn đến xin chừng bằng một hột bụi. Người này đáp rằng : Nhà ngươi dầu xin rất ít, nhưng hiện nay ta cần phải lội qua biển, chẳng biết đường còn xa hay gần. Nếu ta cho ngươi một ít, trái nổi sẽ xì hơi, làm sao qua được biển lớn, có thể sẽ bị chìm chết giữa đường.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát hộ trì cấm giới cũng như vậy. Lúc Bồ Tát hộ giới, thường có phiền não bảo Bồ Tát rằng : Ông nên tin tôi trọn chẳng dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn những giới khác sẽ được an ổn nhập Niết Bàn. Lúc đó Bồ Tát nên nghĩ rằng : Thà ta giữ gìn giới cấm mà đọa A tỳ địa ngục, quyết chẳng hủy phạm mà sanh trên cõi trời. Phiền não lại nói : Ông nếu chẳng phá bốn giới trọng, thời nên phá Tăng tàng, sẽ được an ổn nhập Niết Bàn. Bồ Tát không bằng lòng.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng phạm Tăng tàng, cũng nên phạm tội Thâu lan giá, thời đặng an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Thâu lan giá, đặng phạm Xả đọa thời nên an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Xả đọa nên phạm Ba dật đề sẽ đặng an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo : Ông nếu chẳng thể phạm Ba dật đề, thời nên phạm Đột kiết la, do đây được an ổn nhập Niết Bàn.

Bồ Tát vẫn không nghe theo, tự nghĩ rằng : Nay nếu ta phạm tội Đột kiết la, mà chẳng phát lồ, thời không thể qua khỏi biển sanh tử đến bờ Niết Bàn được. Bồ Tát đối với tội rất nhỏ trong giới luật, giữ gìn bền chắc, tâm như kim cương. Bồ Tát đối với bốn giới trọng cùng Đột kiết la, giữ gìn kính trọng như nhau không khác.

Bồ Tát nếu có thể bền giữ giới luật như vậy, thời là đầy đủ năm chi giới : Một là đầy đủ giới nghiệp thanh tịnh căn bổn của Bồ Tát, hai là những giới thanh tịnh khác, quyến thuộc của giới trước giới sau, ba là giới giác quán thanh tịnh, chẳng phải những ác giác ; bốn là giới niệm thanh tịnh hộ trì chánh niệm ; năm là giới hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát đây lại có hai thứ giới : Một là giới thọ thế giáo ; hai là giới đặng chánh pháp. Bồ Tát nếu thọ giới chánh pháp thời trọn chẳng làm ác. Nếu thọ giới thế giáo, thời bạch tứ Yết Ma, rồi sau mới đặng.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai thứ giới : Một là giới tánh trọng, hai là giới dứt sự cơ hiềm thế gian. Giới tánh trọng tức là bốn giới trọng. Giới dứt cơ hiềm thế gian là chẳng buôn bán, cân thiếu, giạ non, khi dối người, cậy thế lực người để lấy tài vật của kẻ khác, ác tâm trói buộc người, phá hoại sự thành công của người, thắp đèn sáng mà nằm, ruộng nương gieo trồng, gia nghiệp buôn bán. Chẳng chứa voi ngựa, xe cộ, trâu, dê, đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn, chim công, chim két, chim cộng mạng, cùng chim câu chỉ la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, heo lợn, và những ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, tôi tớ, vàng bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha bối, các thứ châu báu, đồng đỏ, thiếc, nhôm, thau, chì, những thứ chén bát to lớn. Chẳng chứa áo lông, áo cừu, áo da, tất cả lúa, gạo, nếp, mè, bắp đậu, những đồ đựng món ăn sống, đồ đựng món ăn chín. Thường ăn một bữa, chẳng từng ăn hai lần. Thường đi khất thực và thọ thực trong chúng Tăng, thường biết vừa đủ. Chẳng thọ thỉnh riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, loại ngũ tân tánh nồng đều chẳng ăn, vì thế nên thân Bồ Tát chẳng có hôi hám. Thường được chư Thiên tất cả người cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Ăn vừa đủ trọn chẳng lãnh thọ của dư. Nhận lấy y phục vừa đủ che thân. Thường dùng ba y, bát, tọa cụ, trọn chẳng xa lìa như hai cánh chim. Chẳng chứa các thứ

củ, cọng, mắt, hột, trái, các loại hột. Chẳng chứa của báu hoặc vàng, hoặc bạc, kho bếp chứa đồ ăn, áo xiêm thêu vẽ, giường rộng cao lớn, giường ngà, giường vàng, mùng màn nhiều màu, đều chẳng ngồi nằm. Chẳng chứa tất cả thứ chiếu mềm nhuyễn. Chẳng ngồi yên voi, yên ngựa. Chẳng dùng áo xiêm mịn nhuyễn tốt đẹp để trải giường nằm. Trên giường ngủ nghỉ chẳng để hai gối, cũng chẳng nhận chứa gối đỏ tốt đẹp, gối cây lộng chạm. Trọn chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa, đua xe, diễn binh, cũng chẳng coi xem hoặc nam hoặc nữ, hoặc trâu, dê, gà, chim trĩ, chim két, đánh đá nhau. Cũng chẳng cố ý đi xem binh trận. Cũng chẳng cố ý nghe thổi ốc, thổi sừng, tiếng đờn cầm, đờn sắt, đờn tranh, ống địch, không hầu, ca ngâm, các thứ kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trọn chẳng xem chẳng làm tất cả những sự chơi đùa cờ bạc. Chẳng coi tướng tay chân mặt mắt, chẳng bói quẻ, xủ quẻ. Chẳng ngước xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng cho nhà vua. Cũng chẳng đem lời người này truyền đến người kia, lời người kia truyền đến người này. Chẳng dua nịnh tà mạng để nuôi sống. Chẳng tuyên nói những việc của vua, của quan, của kẻ trộm cướp, việc kiện cáo, việc uống ăn trong nước, trong xứ thất mùa đói khát, những việc khủng bố, những việc đặng mùa an ổn. Đây gọi là giới dứt sự cơ hiềm trong đời của đại Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát giữ gìn những điều giới ngăn chế như vậy, đồng như giữ gìn những giới tánh trọng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi lại nguyện rằng : Thà đem thân này nhảy vào trong hầm lửa, trọn chẳng hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, mà cùng tất cả người nữ làm điều bất tịnh. Lại nguyện thà lấy sắt nóng vấn nơi thân, trọn chẳng dám đem thân phá giới để thọ y phục của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà nuốt hòn sắt cháy đỏ, trọn chẳng dám đem thân phá giới ăn các thực vật của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nằm trên sắt nóng, trọn chẳng đem thân phá giới thọ giường chiếu của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này chịu ba trăm mũi mâu đâm, trọn chẳng dám đem thân phá giới thọ thuốc men của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nhảy vào vạc sắt nóng, chẳng dám đem thân phá giới thọ phòng nhà của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà dùng chùy sắt đập nát thân này từ đầu đến chân nát như tro bụi, chẳng đem thân phá giới thọ sự cung kính của mọi người. Lại nguyện thà dùng sắt nóng khoét đôi mắt, chẳng dùng nhiễm tâm nhìn sắc đẹp của người. Lại nguyện thà dùng dùi sắt đâm thủng lỗ tai, chẳng dùng nhiễm tâm nghe tiếng hay giọng tốt. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt bỏ lỗ mũi, chẳng dùng nhiễm tâm tham ngửi những mùi

thơm. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt rách lưỡi mình, chẳng dùng nhiễm tâm tham vị ngon ngọt. Lại nguyện rằng thà dùng búa bén chặt chém thân thể, chẳng dùng nhiễm tâm tham chạm xúc êm dịu. Vì những sự trên đây có thể làm cho nhà tu hành đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ. Đây gọi là đại Bồ Tát hộ trì cấm giới.

Đại Bồ Tát hộ trì những cấm giới như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh hộ trì cấm giới, đặng giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng thiếu, giới chẳng phân tích, giới Đại thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới rốt ráo, thành tựu đầy đủ giới Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu trì giới thanh tịnh như vậy liền đặng trụ bậc sơ bất động. Thế nào gọi là bậc bất động ? Bồ Tát trụ trong bậc bất động này thời chẳng động, chẳng đọa, chẳng thối, chẳng tán.

Này Thiện nam tử ! Ví như núi Tu Di, gió trốt gió bão, không thể làm lay động sụp đổ tan nát được. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ trong bậc này, chẳng bị sắc, thinh, hương, vị, xúc, làm động, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, chẳng lui xuống bậc Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng bị dị kiến tà phong làm tan, mà theo tà mạng để nuôi sống.

Lại bất động là chẳng bị tham dục, sân khuể, ngu si làm động. Lại bất đọa là chẳng đọa bốn tội trọng.

Lại bất thối là chẳng lui bỏ giới để hoàn tục. Lại bất tán là chẳng bị người trái nghịch kinh Đại thừa làm tan hoại.

Đại Bồ Tát cũng chẳng bị các ma phiền não làm lay động, chẳng bị ma ngũ ấm làm đọa. Nhẫn đến ngồi nơi cội cây Bồ Đề đạo tràng dầu có Thiên ma chẳng thể làm Bồ Tát thối bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng bị ma chết làm tan.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát tu tập Thánh hạnh. Thế nào gọi là Thánh hạnh ? Vì là chỗ thật hành của Phật và Bồ Tát nên gọi là Thánh hạnh. Do cớ chi Phật và Bồ Tát gọi là Thánh nhơn ? Vì những bậc này có Thánh pháp, vì thường quán các pháp thể tánh không tịch, do nghĩa này nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có thánh giới, thánh định, thánh huệ, nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh tài : tín, giới, tàm, quí, đa văn, trí huệ, xả ly, nên gọi là Thánh nhơn. Lại vì có bảy thánh giác nên gọi là Thánh nhơn. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

(*) Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thực hành Thánh hạnh, quán sát thân này từ đầu đến chân trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, hôi dơ chẳng sạch, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tâm, phế, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tủy, mủ, máu, mạch lạc. Lúc Bồ Tát chuyên tâm quán sát như

(*) Hán bộ quyển thứ 12

vậy : Cái gì là ngã, ngã thuộc về cái gì ? Ngã ở chỗ nào ? Cái gì thuộc về ngã ? Lại nghĩ rằng : Xương có phải là ngã chăng ? Hay rời xương là ngã ? Lúc đó Bồ Tát trừ bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng. Lại suy xét sắc tướng của xương sai khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen, xương như vậy cũng chẳng phải ngã, vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, và xanh đen. Lúc Bồ Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ đặng tất cả sắc dục. Lại nghĩ rằng : Những xương như vậy đều từ nhơn duyên mà sanh. Nhờ xương bàn chân để gắn xương mắt cá, do xương mắt cá để gắn xương ống quyển, nhơn xương ống quyển dùng gắn xương đầu gối, nhơn xương đầu gối để gắn xương đùi, do xương đùi kết với xương mông, nhờ xương mông dựng xương sống, nhờ xương sống kết xương sườn, trên xương sống có xương cổ, nhơn xương cổ gắn xương hàm, nơi xương hàm cặm răng nanh, trên đó có xương sọ. Lại nhơn xương cổ kết xương vai, nhơn xương vai gắn xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn xương bắp tay, do xương bắp tay kết xương bàn tay, nhơn xương bàn tay có xương ngón tay. Lúc Bồ Tát quan sát như vậy, tất cả xương trong thân đều chia lìa. Quán sát như vậy rồi, liền dứt đặng ba thứ dục nhiễm : Một là sự dục nhiễm về hình mạo, hai là sự dục nhiễm về tư thái, ba là sự dục nhiễm về chạm xúc mịn màng.

Đại Bồ Tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy cõi đất khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên, dưới thảy đều màu xanh cả. Lúc quán xương màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu xanh đen cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát quán sát như trên đây giữa chặng mày liền chiếu ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen. Trong mỗi ánh sáng này Bồ Tát thấy có tượng Phật, liền hỏi : Thân này do nhơn duyên bất tịnh hòa hợp chung lại mà thành, sao lại đặng ngồi, nằm, đi, đứng, co, duỗi, cúi, ngước, xem, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười, trong thân này không chủ tể, ai sai sử có những việc như vậy ? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền ẩn mất.

Bồ Tát lại suy nghĩ : Hoặc thức tâm là ngã, nên chư Phật chẳng vì tôi mà nói. Lại quán sát thức tâm này thứ đệ sanh diệt dường như nước chảy cũng chẳng phải là ngã. Lại suy nghĩ nếu thức tâm chẳng phải là ngã, thời hơi thở ra vào hoặc có thể là ngã chăng ? Lại suy nghĩ : Hơi thở ra vào chỉ là tánh gió, mà tánh gió là tứ đại, trong tứ đại, đại nào là ngã ? Tánh địa đại chẳng phải ngã, tánh thủy, tánh hỏa, tánh phong cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ : Tất cả trong thân này đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhơn duyên hòa hiệp mà hiện có những tác dụng. Ví như sức bùa chú, ảo thuật làm ra. Cũng như ống không hầu tùy ý thổi ra tiếng. Thế nên thân

này là bất tịnh, nhờ những nhơn duyên hòa hiệp chung lại mà thành, thế thì sẽ ở chỗ nào mà sanh tham dục. Lại ở chỗ nào mà sanh giận hờn nếu bị người mắng nhục. Thân này của ta do ba mươi sáu vật hội hiệp, hôi nhơ bất tịnh, chỗ nào mà có người lãnh thọ sự mắng nhục. Nếu nghe tiếng mắng, bèn suy nghĩ, do tiếng tăm gì mà thành mắng nhiếc ? Riêng mỗi mỗi tiếng chẳng thể thành mắng nhiếc. Nếu một tiếng chẳng thành, thời nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa này nên chẳng nên sanh lòng giận hờn.

Nếu có người đến đánh, cũng nên suy nghĩ, sự đánh đập này từ đâu mà có. Lại suy nghĩ : Nhơn tay, dao, gậy, cùng với thân của ta nên gọi là đánh. Nay ta cớ sao lại giận hờn nơi người, bèn là thân ta tự chuốc lấy lỗi này, vì ta thọ thân ngũ ấm. Ví như nhơn cái đích thời có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta, mới có sự đánh. Ta nếu chẳng có nhẫn, thời tâm tán loạn, tâm nếu tán loạn thời mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thời chẳng thể quán sát nghĩa lành cùng chẳng lành. Nếu chẳng thể quán sát nghĩa lành cùng chẳng lành thời phạm việc ác. Đã phạm việc ác tất phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ.

Lúc Bồ Tát quán sát như vậy rồi, thời đặng Tứ niệm xứ. Đặng Tứ niệm xứ rồi thời đặng trụ nơi trong bậc kham nhẫn. Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này

thời có thể kham nhẫn những sự tham dục, sân khuể, ngu si. Cũng có thể kham nhẫn những sự lạnh, nóng, đói, khát, muỗi, mòng, rận, rệp, gió dữ, đụng chạm, thô cứng, các thứ tật dịch, chửi rủa mắng nhiếc, đánh đập khổ sở tất cả những sự khổ não nơi thân, nơi tâm đều có thể nhẫn. Vì thế nên gọi là trụ bậc kham nhẫn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Bồ Tát chưa trụ đặng bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhơn duyên gì đặng phá giới chăng ?".

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát chưa đặng trụ bậc bất động, vì có nhơn duyên thời có thể đặng phá giới.

- Bạch Thế Tôn ! Nhơn duyên như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát biết rằng do nhơn duyên phá giới, thời có thể làm cho người ưa thích thọ trì kinh điển Đại thừa, lại có thể làm cho người đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, giảng thuyết rộng ra, chẳng thối chuyển nơi Vô thượng Chánh giác. Vì cớ như vậy nên đặng phá giới. Lúc đó Bồ Tát nên nghĩ rằng : Ta thà chịu tội đọa nơi A tỳ địa ngục một kiếp, hoặc dưới một kiếp, cần phải làm cho người như vậy chẳng thối chuyển nơi Vô thượng Chánh giác. Do nhơn duyên này Bồ Tát đặng phá tịnh giới.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát nhiếp thủ hộ trì như vậy, làm cho

chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề, quyết không vì duyên cớ ấy phá giới mà bị đọa A tỳ".

Phật khen Văn Thù Sư Lợi : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Ta nhớ thuở xưa, nơi Diêm Phù Đề này, ta làm đại quốc vương, tên là Tiên Dư. Nhà vua mến ưa kính trọng kinh điển Đại thừa, tâm vua thuần thiện, không có tật ác, tật đố, xan lẫn, miệng vua thường nói lời dịu dàng, lời lành, thân vua thường nhiếp hộ kẻ nghèo cùng cô độc. Bố thí, tinh tấn, không ngừng nghỉ.

Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không Thanh Văn, Duyên Giác. Nhà vua ưa thích kinh điển Đại thừa Phương Đẳng, trong mười hai năm phụng thờ Bà La Môn cung cấp những đồ cần dùng. Qua khỏi mười hai năm, nhà vua bảo Bà La Môn các ngài nay phải phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Bà La Môn đáp : Tâu Đại vương tánh Bồ Đề là không chỗ có, kinh điển Đại thừa cũng như vậy. Sao Đại vương muốn cho người cùng vật đồng như hư không.

Nhà vua lúc đó tâm tôn trọng Đại thừa nghe Bà La Môn hủy báng Phương Đẳng Đại thừa, bèn giết Bà La Môn.

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên trên đây, từ đó trở đi, ta chẳng bị đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ủng hộ nhiếp trì kinh điển Đại thừa, bèn có vô lượng thế lực như vậy.

Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Có Thánh hạnh là tứ Thánh đế : khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có thể sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng Đại thừa. Lại khổ là hiện tướng. Tập là chuyển tướng. Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng. Lại khổ có ba tướng : tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt dứt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

Này Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ : có nhơn, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ : có nhơn, có quả.

Quả hữu lậu thời gọi là khổ. Nhơn hữu lậu thời gọi là tập. Quả vô lậu thời gọi là diệt. Nhơn vô lậu thời gọi là đạo.

Này Thiện nam tử ! Có tám tướng gọi là khổ : sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thạnh khổ. Có thể sanh ra tám thứ khổ như vậy gọi đó là "Tập". Nơi không có tám thứ khổ như vậy đây gọi là "Diệt". Mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại bi, đây gọi là "Đạo".

Sanh là tướng sanh ra có năm : Một là mới sanh ra, hai là đến rốt sau, ba là tăng trưởng, bốn là xuất thai, năm là chủng loại sanh.

Lão có hai thứ : một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai : một là tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão.

Bịnh là nói tứ đại chẳng điều thích lẫn nhau, cũng có hai : Một là thân bịnh, hai là tâm bịnh. Thân bịnh có năm : Một là nhơn nơi nước, hai là nhơn nơi gió, ba là nhơn nơi nhiệt, bốn là tạp bịnh, năm là khách bịnh. Khách bịnh có bốn : Một là chẳng phải phận sự gắng gỗ làm, hai là vì quên lầm mà té ngã, ba là dao, gậy, ngói, đá, bốn là quỉ mị dựa. Tâm bịnh cũng có bốn : một là hớn hở, hai là sợ sệt, ba là lo rầu, bốn là ngu si.

Này Thiện nam tử ! Thân bịnh, tâm bịnh phàm có ba thứ : Một là nghiệp báo, hai là xa lìa chẳng đặng ác đối, ba là thời tiết thay đổi. Sanh ra các thứ nhơn duyên danh tự thọ bệnh sai khác như vậy. Nhơn duyên là những bịnh phong v.v... Danh tự là buồn nôn, phổi sưng, hơi lên, ho hen, tim nhảy, chảy kiết. Thọ sai khác là : nhức đầu, đau mắt, đau tay, đau chân, v.v... Đây gọi là bịnh.

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai : Một là căn mạng hết mà chết, hai là do duyên ngoài là chết mạng hết mà chết. Mạng hết mà chết có ba : Một là mạng hết chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Duyên ngoài chết cũng có ba : Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác

hại chết, ba là do mình và kẻ khác mà chết. Lại có ba thứ chết : Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết ? Nếu có hủy báng Đại thừa Phương Đẳng Bát nhã Ba la mật, đây gọi là phóng dật mà chết. Những gì gọi là phá giới mà chết ? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, đây gọi là phá giới mà chết. Những gì gọi là mạng căn hư hoại mà chết ? Bỏ thân ngũ ấm, đây gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Do đây nên gọi rằng chết là rất khổ.

Những gì gọi là Ái biệt ly khổ ? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu hư hoại lìa tan đó cũng có hai thứ : Một là ngũ ấm trong loài người hư hoại, hai là ngũ ấm trong cõi trời hư hoại. Ngũ ấm mến yêu trong cõi người cõi trời phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là Ái biệt ly khổ.

Những gì gọi là Oán tắng hội khổ ? Tức là chẳng yêu thương mà hội họp cùng nhau, chẳng yêu thương hội họp này cũng có ba : địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Ba ác thú như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây là gọi là Oán tắng hội khổ.

Những gì gọi là Cầu bất đắc khổ ? Cũng có hai thứ : Một là chỗ trông mong được mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều công lực mà chẳng đặng kết quả. Đây gọi là Cầu bất đắc khổ.

Những gì gọi là Ngũ ấm thạnh khổ ? Chính là sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ. Đây gọi là Ngũ ấm thạnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Sanh làm cội gốc có ra lão khổ nhẫn đến ngũ ấm thạnh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật cùng chư Thiên một bề quyết định không, trong loài người thời chẳng nhứt định, hoặc có hoặc không.

Này Thiện nam tử ! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Còn già thời chẳng quyết định.

Chúng sanh trong thế gian, do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm nơi sanh mà nhàm lo già chết. Bồ Tát chẳng như vậy. Bồ Tát quán sát thân mới sanh đã thấy nỗi khổ.

Này Thiện nam tử ! Như có người nữ vào nhà người khác. Người nữ này xinh đẹp chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân. Chủ nhà hỏi rằng : Nàng tên là gì, thuộc nơi ai ? Người nữ đáp rằng : Thân tôi tức là Công Đức Đại Thiên.

Chủ nhà hỏi : Nàng đến để làm gì ?

Người nữ đáp : Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ.

Chủ nhà nghe rồi vui mừng hớn hở : Nay ta phước đức, nên khiến nàng này đến nhà ta. Liền bèn đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính, lễ bái.

Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xa, áo xiêm rách nát, da thứa nứt nẻ, sắc mặt xám trắng, dơ dáy hôi hám. Chủ nhà hỏi : Nàng tên gì, thuộc về ai ?.

Cô gái đáp : Tôi tên Hắc ám.

- Tại sao tên Hắc ám ?

- Tôi đi đến chỗ nào có thể làm cho nhà đó hao tài, tốn của.

Chủ nhà nghe xong bèn cầm dao bén bảo rằng : Nàng nếu chẳng đi, ta sẽ chém chết.

Cô gái nói : Ông ngu si lắm, không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi : Tại sao nói ta là ngu si không có trí huệ?

Cô gái đáp : Người đẹp đứng trong nhà ông chính là chị của tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi đi, cũng phải đuổi chị tôi.

Chủ nhà trở vô hỏi Công Đức Thiên : Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng có phải vậy chăng ?

Công Đức Thiên nói : Thiệt là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó, chưa có lúc nào lìa nhau. Tùy ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt, còn nó thường làm việc xấu. Tôi thường làm việc lợi ích, còn nó

luôn làm sự suy hao. Nếu ai yêu tôi cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi, cũng phải cung kính nó.

Chủ nhà liền nói : Nếu có cả sự tốt lẫn sự xấu như vậy, thời ta chẳng cần, hai nàng nên tùy ý đi đi.

Lúc đó hai người nữ cùng dắt nhau trở về. Chủ nhà thấy cả hai đi rồi, trong lòng rất vui mừng hớn hở.

Bây giờ hai người nữ lại cùng dắt nhau đến một nhà nghèo. Người nghèo này lòng rất vui mừng mời rằng :

"Từ nay trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi".

Công Đức Thiên nói : "Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, cớ sao ông lại mời chúng tôi ở ?".

Người nghèo nói : "Nay nàng tưởng đến tôi, vì nàng nên tôi phải kính cô kia, vì thế nên tôi mời cả hai ở nơi nhà tôi".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, vì sanh thời có già, bịnh, chết, thế nên đều bỏ. Không chút tâm luyến ái. Kẻ phàm phu chẳng biết lỗi lầm khổ hoạn của già, bịnh, chết nên họ tham luyến sanh tử.

Này Thiện nam tử ! Như đứa trẻ dòng Bà La Môn đương lúc quá đói thấy trong đống phân có trái am la, bèn lượm lên. Người trí ngó thấy quở rằng : Ngươi là Bà La Môn, giòng giống thanh tịnh, cớ sao lại lượm trái nhơ trong đống phân. Đồng tử

nghe xong hổ hẹn nói : Tôi thiệt chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi ném bỏ". Người trí nói : "Người ngu si quá, nếu rồi sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, đối với vấn đề sanh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Kẻ phăm phu thích sanh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái dơ rồi trở lại bỏ.

Này Thiện nam tử ! Như nơi ngã tư đường có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong chậu, trong bát, bày ra để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn ấy thơm ngon, liền hỏi đây là vật gì ? Người bán nói : Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn thứ này, thời đặng sắc tốt, sức mạnh, có thể hết đói, hết khát và đặng thấy chư Thiên. Nhưng chỉ có một tai hại là sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng : Nay tôi chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, vì tôi chẳng muốn chết. Nghĩ xong hỏi rằng : Ăn vật thực này nếu phải chết sao ông lại đem bán ?

Người bán đáp : "Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu, chẳng biết việc này, họ tham ăn nên họ trả giá đắt cho tôi".

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, đặng sắc đẹp, đặng sức

mạnh, thấy chư Thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ chẳng thấy già, bịnh chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây độc, gốc rễ cũng có thể giết người, thân cây, vỏ, bông, trái, hột đều cũng có thể giết người. Tất cả thân ngũ ấm trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ví như phân nhơ, nhiều hay ít đều hôi cả. Cũng vậy, thọ sanh dầu sống lâu tám muôn tuổi, hay mười tuổi cũng đều khổ não cả.

Này Thiện nam tử ! Ví như hầm sâu nguy hiểm, lấy cỏ che trên miệng hầm, bờ bên kia của hầm có mạch cam lồ, người nào được ăn chất cam lồ, sẽ sống lâu ngàn năm không bịnh tật, an ổn, khoan khoái. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, chẳng biết dưới đó có hầm sâu, bèn chạy đến lấy, chẳng ngờ trật chơn té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên không đến lấy chất cam lồ.

Đại Bồ Tát cũng như vậy còn chẳng muốn nhận lấy vật thực thượng diệu cõi trời huống là trong loài người. Kẻ phàm phu bèn ở nơi địa ngục nuốt hoàn sắt, huống là thức ăn thượng diệu cõi trời cõi người mà có thể chẳng ăn.

Này Thiện nam tử ! Do những điều thí dụ như vậy, ngoài ra còn vô lượng thí dụ khác, nên biết thọ sanh thiệt là rất khổ.

Đây gọi là đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Sanh là khổ.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Lão là khổ như thế nào ?

Sự già yếu hay làm ho hen, ngăn nghẹn, hơi đưa lên, có thể làm mất sức mạnh, trí nhớ kém, sự tráng kiện không còn, mất sự an vui thơ thới, khoan khoái. Tuổi già hay làm lưng còm, mỏi nhọc, lười biếng, bị người khi dể.

Này Thiện nam tử ! Ví như hoa sen nở tốt đầy trong ao nước rất đáng ưa thích, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại tráng kiện, sắc đẹp.

Này Thiện nam tử ! Ví như quốc vương có một trí thần dùng binh giỏi. Có vua nước địch chống cự chẳng thuận hảo. Quốc vương sai trí thần đem binh qua đánh, bắt vua nước nghịch mang về dưng cho quốc vương. Cũng vậy, tuổi già bắt được tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho tử vương.

Này Thiện nam tử ! Ví như trục xe đã gãy, xe đó không còn dùng được. Cũng vậy, già suy thời không còn dùng được vào việc gì.

Này Thiện nam tử ! Như nhà giàu to có nhiều của báu : vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp nếu vào đặng nhà đó thời có thể cướp giựt hết cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và sắc đẹp thường bị giặc già suy cướp giựt.

Này Thiện nam tử ! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dầu có hy vọng nhưng không thể được. Cũng vậy, tuổi già suy, dầu có tâm tham, muốn hưởng thọ ngũ dục sung sướng mà chẳng thể đặng.

Này Thiện nam tử ! Như con rùa ở trên đất cao lòng nó thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường nhớ tưởng những khoái lạc ngũ dục thuở tráng kiện.

Này Thiện nam tử ! Như mùa thu ai cũng ưa ngắm hoa sen nở, đến khi hoa tàn héo, mọi người đều không thích. Cũng vậy, sự tráng kiện, sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng nhàm ghét.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây mía, sau khi bị ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện sắc đẹp đã bị già ép, thời không có ba thứ vị : Một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng, ba là vị tọa thiền.

Này Thiện nam tử ! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thời tỏ sáng, ban ngày thời không như vậy. Cũng vậy, tráng kiện thời hình mạo nở nang xinh đẹp, già thời suy yếu, thân thể và tinh thần kém suy.

Này Thiện nam tử ! Ví như có nhà vua thường dùng chánh pháp cai trị nhơn dân, chơn thật, không lừa dối, từ bi ưa bố thí. Thuở đó nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, bèn lưu vong đến nước khác. Nhơn dân trong nước kia thấy nhà vua đều cảm thương nói rằng : Đại vương ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng uổng lạm bá tánh, thế sao nay lại lưu vong đến đây. Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm bại hoại, thời thường tán thán sự nghiệp đã làm thuở tráng kiện.

Này Thiện nam tử ! Ví như tim đèn dầu nhờ mỡ dầu nhưng mỡ dầu sẽ hết, thế chẳng lâu dài. Cũng vậy, thân người dầu nhờ cậy sự tráng kiện, nhưng tráng kiện phải trải qua già suy, đâu còn được dùng lâu.

Này Thiện nam tử ! Ví như con sông cạn khô không có thể lợi ích cho người, cho phi nhơn, chim thú. Cũng vậy, thân người bị già suy khô héo, không còn làm được việc gì, chẳng thể có lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to, ắt sẽ đổ ngã. Như vậy đến tuổi già ắt phải chết, thế chẳng thể còn được.

Này Thiện nam tử ! Như trục xe đã gãy, không thể chở chuyên. Cũng vậy, già suy không thể học hỏi tất cả pháp lành.

Này Thiện nam tử ! Như trẻ thơ bị người khinh khi. Cũng vậy, già suy thường bị người khinh hủy.

Này Thiện nam tử ! Do những điều dụ như vậy cùng vô lượng thí dụ khác nên biết sự già thiệt là rất khổ.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Già là khổ.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Bệnh khổ như thế nào ?

Ví như mưa đá làm hại mạ lúa. Cũng vậy, tật bịnh có thể phá hoại tất cả những sự an ổn vui vẻ.

Như người có oán thù, tâm thường lo rầu sợ sệt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh thường bị bịnh khổ, lo rầu không yên.

Ví như có người hình dung xinh đẹp, Vương Phi tâm dục yêu thương, sai sứ đòi đến để cùng giao thông. Vua bắt đặng, liền truyền lịnh khoét một mắt, cắt một vành tai, chặt một tay, một chân, bấy giờ người đó hình dung đổi khác bị người nhờm gớm khinh rẻ. Cũng vậy, thân người trước thời dung mạo tươi tốt, tai mắt đầy đủ, đã bị bịnh khổ hành hạ, thời xấu xa bị người nhờm gớm.

Như cây chuối, cây tre, cây lau, con la, hễ có con, có trái thì chết. Cũng vậy, người có bịnh thời chết.

Như vua Chuyển Luân, đại thần chủ binh thường làm tiền đạo đi trước, nhà vua theo sau, cũng như chúa cá, chúa kiến, chúa ốc, chúa trâu, thương chủ, lúc ở trước chúng mà đi, thời toàn chúng thảy đều

đi theo không rời. Cũng vậy, sự chết thường theo sát bịnh khổ không rời.

Này Thiện nam tử ! Nhơn duyên của bịnh làm cho khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn. Hoặc bị kẻ giặc cướp bức hại, trái nổi bể hư, phá hoại cầu cống, đều cũng có thể cướp giựt mạng sống. Bịnh lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thế lực, an vui, mất lòng tàm quý, có thể làm cho thân tâm xót xa bức rức.

Do những điều dụ đó và vô lượng thí dụ khác, nên biết bịnh rất là khổ não.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Bịnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tử khổ ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Như hỏa tai khởi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cõi trời Nhị thiền trở lên, vì thế lực của hỏa tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì thế lực của sự chết không đến được.

Như lúc thủy tai khởi lên, tất cả đều trôi, đều ngập, chỉ trừ cõi Tam thiền trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết làm chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Như lúc phong tai khởi lên, có thể thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi Tứ thiền, vì thế lực của phong tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Cõi Tứ thiền kia do cớ gì mà gió không thổi đến, nước chẳng ngập đến, lửa chẳng cháy đến ?".

Này Thiện nam tử ! Cõi Tứ thiền kia không có tất cả quá hoạn trong thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ thiền có quá hoạn : trong có giác quán, ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị thiền có quá hoạn : trong có vui mừng, ngoài có thủy tai.

Cõi Tam thiền có quá hoạn : trong có hơi thở, ngoài có phong tai.

Cõi Tứ thiền trong ngoài đều không quá hoạn, nên ba thứ tai họa lớn chẳng thể đến được.

Đại Bồ Tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, trong ngoài đều không tất cả quá hoạn, nên sự chết chẳng đến được.

Lại này Thiện nam tử ! Như Kim Súy điểu có thể nuốt,có thể tiêu tất cả loài rồng, cá và châu báu, vàng, bạc, v.v... chỉ trừ chất kim cương không tiêu được. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt, có thể tiêu tất

cả chúng sanh, chỉ không tiêu được đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như những cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dưng lên đều trôi theo dòng vào biển lớn, chỉ trừ cây dương liễu, vì thứ cây này mềm dẽo. Cũng vậy, tất cả chúng sanh đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như thần Na La Diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to, vì gió to vô ngại. Cũng vậy, sự chết có thể hàng phục tất cả chúng sanh chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì bậc này vô ngại.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, theo sát bên như bóng theo hình, chờ khi thuận tiện mà giết đó, nếu phòng bị chặt chẽ, thời người kia không hại được. Cũng vậy, sự chết luôn theo rình chúng sanh chờ dịp làm hại, chỉ không thể hại được bậc đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, vì bậc Bồ Tát này chẳng phóng dật.

Lại này Thiện nam tử ! Ví như trời bỗng mưa kim cương xối xuống tất cả cỏ cây, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly, cùng tất cả vật đều bị hư nát, chỉ kim cương chơn bảo không bị hư. Cũng vậy, sự chết đều có thể phá hoại tất cả chúng

sanh, chỉ trừ kim cương Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như Kim Súy điểu có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được rồng thọ Tam quy y. Cũng vậy sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ Tát trụ ba môn chánh định : Không, vô tướng, vô nguyện.

Lại này Thiện nam tử ! Như độc rắn Ma La, khi rắn này cắn nhằm người, những chú hay, thuốc tốt đều không cứu được, chỉ có chú A Kiệt Đa Tinh là có thể chữa lành. Cũng vậy, sự chết tất cả phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn.

Lại này Thiện nam tử ! Như có người bị nhà vua giận, có thể dùng lời dịu dàng khéo léo, dâng của cải châu báu mà đặng khỏi tội. Sự chết không như vậy, dầu dùng lời nói dịu dàng, tiền của châu báu để cống dưng cũng chẳng thoát khỏi.

Này Thiện nam tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn, không gì giúp đỡ, đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày đêm đi luôn chẳng biết bờ mé, sâu thẳm tối tăm, không có đèn đuốc, nó vào không có cửa nẻo mà có chỗ nơi, dầu không chỗ đau đớn nhưng chẳng thể chữa lành, nó qua không ai ngăn được, nó đến không thể thoát được, không phá phách gì mà người thấy sầu khổ, nó không phải màu sắc

xấu xa mà làm cho người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Này Ca Diếp Bồ Tát, do những điều dụ đó cùng vô lượng thí dụ khác, nên biết sự chết thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tử khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Ái biệt ly khổ ? Ái biệt ly này có thể làm cội gốc cho tất cả sự khổ. Như nói bài kệ rằng :

Nhơn ái sanh lo
Nhơn ái sanh sợ
Nếu lìa sự ái
Nào lo nào sợ.

Vì ái nên sanh sự lo khổ, vì lo khổ nên làm cho chúng sanh có già suy. Ái biệt ly khổ là nói sự chết. Vì biệt ly hay sanh những sự khổ vi tế, nay sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thuở quá khứ người sống vô lượng tuổi, có quốc vương tên là Thiện Trụ nhà vua trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua mọc lên một bướu thịt mềm nhuyễn như bông. Bướu ấy lần lần to lớn, không làm đau nhức. Mãn mười tháng, bướu ấy nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng đặt tên là Đảnh Sanh.

Thời gian sau, vua Thiện Trụ đem việc nước giao cho Thái tử Đảnh Sanh, rồi rời bỏ cung điện quyến thuộc vào núi tu hành. Ngày rằm Thái tử Đảnh Sanh lên ngôi, đương ở trên lầu cao tắm gội trai giới, phương Đông liền có báu kim luân, bánh xe vàng đủ một ngàn cây căm tự nhiên bay đến. Vua Đảnh Sanh nghĩ rằng : Từng nghe Ngũ Thông tiên nhơn nói : Nếu dòng vua Sát Đế Lợi ngày rằm ở trên lầu cao tắm gội trai giới, có báu kim luân đủ ngàn cây căm tự nhiên bay đến, thời nhà vua đó sẽ đặng làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nay ta nên thí nghiệm. Nghĩ xong, vua Đảnh Sanh tay tả bưng báu kim luân, tay hữu cầm lư hương, quỳ gối bên mặt mà phát thệ rằng : Nếu đây thiệt là báu kim luân, thời nên bay đi như vua Chuyển Luân Thánh Vương thuở quá khứ. Nhà vua phát thệ vừa xong, thời báu kim luân bay lên hư không, bay khắp mười phương, rồi trở về dừng lại trên tay tả vua Đảnh Sanh. Nhà vua vui mừng biết chắc mình sẽ là Chuyển Luân Thánh Vương.

Sau đó không bao lâu, có Tượng bảo xuất hiện, mình trắng như bạch liên hoa, xinh đẹp, mạnh mẽ đôi ngà chấm đất. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh Sanh liền bưng lư hương quì gối bên hữu mà phát thệ rằng : Nếu thật là báu bạch tượng nên bay đi như thuở vua Chuyển Luân Thánh Vương quá khứ. Phát thệ xong, bạch tượng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương, tột đến mé biển, rồi trở về cung

vua. Kế đó lại có Mã bửu xuất hiện, lông màu xanh biếc mướt đẹp, lông đuôi cùng gáy màu vàng ròng. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh Sanh tay bưng lư hương, quỳ gối bên hữu phát thệ rằng : Nếu thiệt là Mã bảo thời phải như của vua Chuyển Luân Thánh Vương thuở quá khứ. Phát thệ xong, từ sáng đến chiều, Mã bảo ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua.

Kế đó lại có Nữ bảo xuất hiện xinh đẹp đệ nhứt, chơn lông thoảng mùi chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do tuần, tai nghe, mũi ngửi cũng xa như mắt, lưỡi rộng lớn le ra có thể trùm cả mặt, da mịn láng như lá đồng đỏ, rất thông minh có trí huệ, lời nói dịu dàng đối với tất cả mọi người. Tay người nữ ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân vua khỏe mạnh hay bệnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Kế đó trong cung vua tự nhiên có Ma ni bảo châu lớn bằng bắp vế của người, màu thuần xanh trong suốt, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe, thế lực của bảo châu này có thể che một do tuần, giọt mưa không rơi xuống được.

Sau đó, lại có Chủ tạng thần hiện ra, cặp mắt có thể thấy thấu những kho châu báu ở trong lòng đất, tùy ý vua muốn đều có thể dưng đủ. Vua Đảnh Sanh muốn thí nghiệm bèn cùng Chủ tạng thần

ngồi thuyền ra biển, vua bảo Chủ tạng thần nay ta muốn đặng châu báu. Chủ tạng thần liền lấy hai tay quậy nước biển, đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu lấy dưng cho vua tâu rằng : "Tùy ý nhà vua chọn dùng, còn thừa lại nên ném trả xuống biển".

Kế đó lại có Chủ binh thần xuất hiện, thao lược đệ nhứt, điều khiển bốn binh chủng rất giỏi. Lúc vua cần binh thời hiện quân lính ra để dùng. Lúc chẳng dùng binh, thời quân lính ẩn mất. Xứ nào chưa hàng phục Chủ binh thần này có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục, thời đủ sức giữ gìn.

Lúc đó vua Đảnh Sanh tự biết là Chuyển Luân Vương, bèn bảo các quan : "Cõi Diêm Phù Đề này an ổn giàu vui, nay bảy báu đã đủ, cả ngàn vương tử cũng đủ, giờ đây nên làm việc gì ?".

Các quan tâu : "Châu Phất Bà Đề phương Đông còn chưa qui thuận, đại vương nên đem binh qua chinh phục".

Vua Đảnh Sanh bèn cùng thất bảo bay qua châu Phất Bà Đề, nhơn dân trong châu đó đều vui mừng qui thuận.

Các quan lại tâu nên chinh phục châu Cù Đà Ni ở phương Tây. Kế đó lại đến chinh phục châu Uất Đơn Việt. Sau khi chinh phục ba châu xong, vua

Đảnh Sanh bảo các quan : "Châu Nam Diêm Phù Đề này cùng ba châu đều an ổn giàu vui, tất cả đều qui thuận ta, nay đây lại nên làm việc gì ?".

Các quan tâu : "Cõi trời Đao Lợi tuổi thọ dài lâu, an ổn, khoái lạc, thân chư Thiên xinh đẹp hơn nhơn gian, cung điện nhẫn đến giường ghế toàn bằng bảy báu, cậy phước trời chưa chịu đến qui phục, nay nên đem binh đến đánh dẹp".

Vua Đảnh Sanh lại cùng thất bảo bay lên cõi trời Đạo Lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm bèn hỏi đại thần : "Đó là cây gì ?".

Đại thần tâu : "Cây ấy tên là Ba Lợi Chất Đa La, chư Thiên cõi Đạo Lợi này đến ngày mùa hạ thường tựu hợp vui chơi dưới cây đó".

Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đảnh Sanh hỏi đại thần chỗ đó là gì ? Đại thần tâu đó là thiện pháp đường, chư Thiên cõi Đạo Lợi thường nhóm nơi đó để bàn luận những việc cõi trời cõi người.

Thiên chúa Thích Đề Hoàn Nhơn biết vua Đảnh Sanh đã đến, liền ra tiếp rước, cầm tay vào thiện pháp đường lên tòa mà ngồi. Hai vua hình dung tướng mạo giống nhau, chỉ có đôi mắt nhìn nháy là khác nhau.

Lúc đó vua Đảnh Sanh nghĩ rằng : Nay ta có thể đuổi Thiên chúa này để ta ở đây làm Thiên vương.

Thiên Đế Thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa, thường vì chư Thiên giảng thuyết, chỉ chưa thông đạt hết thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì giảng thuyết Đại thừa nên Thiên Đế có oai đức hơn.

Khi vua Đảnh Sanh khởi ác tâm đối với Thiên Đế, tổn phước liền tự rớt xuống Diêm Phù Đề, nhớ tiếc cõi trời lòng rất khổ não. Không bao lâu vua Đảnh Sanh phải bịnh chết.

Này Thiện nam tử ! Thiên Đế thuở đó chính là Phật Ca Diếp, vua Đảnh Sanh thời là tiền thân của ta.

Này Thiện nam tử ! Phải biết Ái biệt ly như vậy rất là khổ não.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát còn nhớ những trường hợp Ái biệt ly khổ thuở quá khứ, huống là Bồ Tát trụ nơi kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn mà nên chẳng quán sát sự Ái biệt ly khổ trong đời hiện tại !

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Oán tắng hội khổ ?

Đại Bồ Tát này quán sát địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, loài người, trên trời đều có sự Oán tắng hội khổ như vậy.

Ví như có người quán sát lao ngục giam nhốt, gông xiềng là rất khổ. Cũng vậy Đại Bồ Tát quán sát năm loài chúng sanh đều là Oán tắng hội hiệp rất khổ sở.

Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, gông cùm, xiềng xích, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, cùng của báu sản nghiệp mà trốn lánh đi xa. Cũng vậy, đại Bồ Tát sợ sanh tử, nên tu hành sáu môn Ba la mật, chứng nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát Oán tắng hội khổ.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát Cầu bất đắc khổ ?

Cầu là mong cầu tất cả, có hai thứ : Một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa đặng thời khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thời khổ.

Đây là lược nói Ngũ ấm thạnh khổ. Đây gọi là Khổ đế.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói, Ngũ ấm thạnh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì như ngày trước Phật bảo Thích Ma Nam : Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng nên cầu sắc, nếu có người cầu thời chẳng gọi là khổ. Lại như Phật bảo các Tỳ Kheo thọ có ba thứ : Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lại như lúc trước đức Phật nói với các Tỳ Kheo : Nếu người nào có thể tu hành pháp lành thời đặng thọ lạc. Lại như đức Phật nói : Ở trong đường lành sáu căn lãnh thọ

sáu cảnh vui : Mắt thấy sắc đẹp là vui, tai, mũi, lưỡi, thân nhẫn đến ý suy nghĩ pháp lành cũng như vậy.

Như Phật từng nói kệ :

Trì giới thời là vui
Thân chẳng thọ sự khổ
Ngủ nghỉ đặng an ổn
Thức dậy lòng vui vẻ.
Lúc nhận lấy y thực
Đọc tụng và kinh hành
Ở riêng nơi núi rừng
Như vậy là rất vui.
Nếu đối với chúng sanh
Ngày đêm tu lòng từ
Nhơn đây được thường vui
Vì chẳng hại người khác.
Ít muốn biết đủ vui
Học rộng biết nhiều vui
A La Hán không chấp
Cũng gọi là thọ vui.
Các vị đại Bồ Tát
Rốt ráo đến bờ kia
Những việc làm đã xong
Đây gọi là rất vui.

Thế Tôn ! Trong các bộ kinh nói về tướng vui ý nghĩa như vậy. Thế nào tương ứng với nghĩa của Phật nói hôm nay ?".

(*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo có thể thưa hỏi đức Như Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạng hạ tưởng lầm là vui. Vì thế nên nay ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như lời Phật hỏi : Đối với sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, thời sanh, lão, bịnh, tử hạng hạ cùng ái biệt ly, cầu bất đắc, oán tắng hội, ngũ ấm thạnh hạng hạ, những sự khổ như vậy lẽ ra cũng nên có vui.

Thế Tôn ! Sanh hạng hạ là ba ác thú, sanh hạng trung là loài người, sanh hạng thượng là trên trời.

Nếu lại có người hỏi rằng : Nếu ở nơi sự vui hạng hạ tưởng cho là khổ, trong sự vui hạng trung tưởng cho là không khổ không vui. Trong sự vui hạng thượng tưởng cho là vui, thời phải trả lời thế nào ?

Thế Tôn ! Nếu trong sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, lúc mới đánh một trượng đầu mà đã tưởng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tưởng

(*) Hán bộ quyển thứ 13

là vui, thế sao nói rằng : Nơi trong sự khổ hạng hạ mà tưởng cho là vui ?".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa này nên không có tưởng là vui, vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi liền đặng tha. Người này bèn sanh lòng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui lầm tưởng là vui".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sanh vui. Chính vì đặng tha mà sanh lòng vui.

- Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ta ngày trước nói với Thích Ma Nam trong ngũ ấm có vui, lời đó là đúng, thiệt chẳng phải mâu thuẫn vậy.

Này Thiện nam tử ! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là : Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là : Khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Này Thiện nam tử ! Khổ thọ chính là cả ba món khổ : khổ khổ, hành khổ, và hoại khổ. Hai món thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ. Do đây nên trong sanh tử thiệt có lạc thọ. Đại Bồ Tát thấy tánh khổ cùng tánh lạc chẳng rời lìa nhau nên nói rằng tất cả đều khổ.

Này Thiện nam tử ! Trong sanh tử thiệt không có vui, vì chư Phật Bồ Tát tùy thuận thế gian nên nói là có vui.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Chư Phật và Bồ Tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thời là có chăng thọ khổ, nhân đến việc làm đã xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, chừng có hư vọng chăng ? Nếu là hư vọng, thời chư Phật Thế Tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức A tăng kỳ kiếp tu hành đạo Bồ Đề đã lìa vọng ngữ. Nay Phật nói như vậy ý nghĩa thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc của đạo Bồ Đề, cũng có thể trưởng dưỡng Vô thượng Bồ Đề. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui như vậy.

Ví như trong thế gian những đồ cần dùng cho đời sống, có thể làm nhơn cho sự vui, nên gọi là vui. Như nữ sắc, rượu uống, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuỗi ngọc, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, san hô, trân châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhơn cho sự vui, nên gọi là vui.

Này Thiện nam tử ! Những vật như vậy cũng có thể sanh sự khổ. Nhơn nơi nữ sắc sanh sự khổ lo, rầu, buồn, khóc, nhẫn đến phải chết cho người nam. Nhơn nơi rượu, đồ ăn ngon, nhẫn đến lúa gạo cũng

có thể làm cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ không có tướng rốt ráo vui.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nơi tám điều khổ này, hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết nhơn của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạng hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn bèn có thể biết nhơn của sự khổ sự vui này.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát Tập đế ? Đại Bồ Tát quán sát tập đế là nhơn duyên ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái luyến nơi hữu. Ái có hai thứ : Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ : Năm thứ dục lạc, lúc chưa đặng tâm luôn tìm cầu, đã tìm cầu đặng rồi luôn đắm trước. Lại có ba thứ : Dục ái, sắc ái, vô sắc ái. Lại có ba thứ : Nghiệp nhơn duyên ái, phiền não nhơn duyên ái, khổ nhơn duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái : Y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ : Tham lam nơi ngũ ấm, tùy chỗ cần dùng tất cả đều tham ái toan tính phân biệt vô lượng vô biên.

Này Thiện nam tử ! Ái có hai thứ : Một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Chỉ người ngu tìm cầu bất thiện ái. Các vị Bồ Tát cầu nơi thiện ái. Thiện ái lại có hai thứ : bất thiện và thiện. Cầu pháp Nhị

thừa gọi là bất thiện. Cầu pháp Đại thừa gọi là thiện.

Này Thiện nam tử ! Kẻ phàm phu tham ái gọi là "Tập" chẳng gọi là "Đế". Sự ái của Bồ Tát thời gọi là thật đế chẳng gọi là tập, vì Bồ Tát muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ sanh, chẳng phải vì tham ái mà thọ sanh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : Thế Tôn ! Như trong các kinh khác đức Phật vì chúng sanh mà nói nghiệp làm nhơn duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói lục xúc, hoặc nói vô minh làm nhơn duyên mà có ngũ ấm xí thạnh. Hôm nay do nghĩa gì đức Phật nói bốn Thánh đế riêng lấy ái làm nhơn cho ngũ ấm.

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói, các nhơn duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhơn, chỉ vì năm ấm cần phải nhơn nơi ái.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du các quan quyến thuộc thảy đều theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào thời các kiết sử cũng đi theo.

Ví như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính. Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở nơi đó.

Ví như đất ướt thời có thể mọc mầm. Cũng vậy, ái có thể sanh tất cả mầm nghiệp phiền não.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát kỹ ái này có chín thứ : một là như thiếu nợ, hai là như vợ La Sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vấn, bốn là như vật thực độc mà cố ăn đó, năm là như dâm nữ, sáu là như hột ma lâu ca, bảy là như thịt thúi trong mụn nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Như thiếu nợ là thế nào ? Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu, nên bị giam nhốt chưa ra khỏi ngục. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác vì còn tập khí thừa của ái nên chẳng chứng đặng Vô thượng Bồ Đề.

Như vợ La Sát là thế nào ? Ví như có người lấy gái La Sát làm vợ, gái La Sát này hễ sanh con liền ăn thịt, ăn thịt con đẻ hết lại ăn luôn thịt chồng. Ái cũng vậy, tùy người sanh thiện căn nó liền ăn, ăn hết thiện căn nó lại ăn luôn cả người làm cho phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như cọng hoa đẹp có rắn độc vấn là thế nào ? Như có người thích hoa đẹp mà chẳng thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Vật thực độc mà cố ăn là thế nào ? Như có người cố ăn vật thực độc, ăn xong đau bụng thổ tả mà chết.

Chúng sanh trong ngũ đạo vì tham ái mà phải bị đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như dâm nữ là thế nào ? Như người ngu tư thông với dâm nữ, dâm nữ này thường dối phỉnh gạt đoạt hết tiền của rồi xua đuổi người ấy. Người ngu không có trí tuệ bị tham ái đoạt tất cả pháp lành rồi xua đuổi vào trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như hột ma lâu ca là thế nào ? Nếu chim ăn hột ma lâu ca, phẩn chim do gió thổi rớt dưới cây liền mọc lên đeo vấn cây to làm cho khô chết, tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng nhẫn đến khô diệt, sau khi chết đọa vào ba đường ác. Chỉ trừ các vị đại Bồ Tát.

Thịt thúi trong mụn nhọt như thế nào ? Như người bị ung nhọt, trong nhọt sanh thịt thúi, người bệnh này phải chuyên tâm chạy chữa, nếu chểnh mảng thời thịt thúi sanh trùng có thể phải chết, ngũ ấm của phàm phu cũng như vậy, ái sanh trong đó, phải nên siêng năng điều trị tham ái, nếu không điều trị sẽ phải đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như gió bão là thế nào ? Gió bão có thể làm lở núi ngã cây. Cũng vậy, tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ, có thể làm ngã trốc cội cây Vô thượng Bồ Đề của các ông Đại Trí Xá Lợi Phất v.v... Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Như sao chổi là thế nào ? Như sao chổi mọc thời trong thiên hạ phải bịnh tật, đói kém, họa tai khổ sở. Cũng vậy, ái có thể dứt tất cả căn lành làm cho phàm phu cơ cùng thiếu thốn sanh bịnh phiền não lưu chuyển trong sanh tử, mang nhiều sự khổ. Chỉ trừ các vị Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quán sát tham ái có chín thứ như vậy.

Do nghĩa trên đây, hàng phàm phu có khổ, không đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có khổ đế mà không chơn thật. Các vị Bồ Tát hiểu khổ không có khổ mà có chơn đế. Hàng phàm phu có tập không có đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có tập có tập đế. Các vị Bồ Tát hiểu tập không có tập mà có chơn đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có diệt mà chẳng phải chơn. Đại Bồ Tát có diệt có chơn đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có đạo mà chẳng phải chơn. Đại Bồ Tát có đạo có chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn thấy diệt cùng thấy diệt đế ? Chính là dứt trừ tất cả phiền não, nếu phiền não đã dứt thời gọi là thường. Dứt lửa phiền não thời gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên đặng hưởng thọ chơn lạc. Chư Phật và Bồ Tát cho nguyện cầu nên gọi là tịnh, chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thinh, hương, vị,

xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chơn đế. Đây là đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát diệt Thánh đế.

Thế nào là Đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát đạo Thánh đế ?

Ví như trong tối nhơn đèn mà đặng thấy những vật lớn nhỏ. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn nhơn bát thánh đạo mà thấy tất cả pháp : thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà la phiên, phi đà la phiên, cầu na, phi cầu na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn quan sát đạo Thánh đế như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật :"Thế Tôn ! Nếu tám Thánh đạo là đạo Thánh đế thời nghĩa chẳng tương ứng. Như đức Phật hoặc có lúc nói lòng tin là đạo có thể thoát khỏi các phiền não. Hoặc có lúc nói chẳng phóng dật là đạo vì chư Phật chẳng phóng dật nên đặng Vô thượng Bồ Đề, và cũng là phép trợ đạo của Bồ Tát. Hoặc có lúc nói tinh tấn là đạo, như Phật bảo A Nan nếu có người siêng tu tinh tấn thời đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tu tập thân niệm xứ này đặng

thành Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc nói chánh định là đạo. Như Phật bảo Ma Ha Ca Diếp : Chánh định là đạo chơn thật, nếu nhập chánh định bèn có thể tư duy sự sanh diệt của ngũ ấm, chẳng nhập thời không thể tư duy. Hoặc có lúc nói một pháp : Nếu người tu tập có thể thanh tịnh chúng sanh, dứt trừ tất cả ưu sầu khổ não chứng đặng chánh pháp, tức là niệm Phật tam muội. Hoặc Phật lại nói rằng tu quán tưởng vô thường thời gọi là đạo có thể chứng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc Phật nói không tịch ở nơi A Lan Nhã, ngồi một mình tư duy có thể mau chứng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói : Vì người diễn thuyết thời gọi là đạo, nếu người nghe pháp dứt được lưới nghi thời chứng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói trì giới là đạo, nếu người tinh tấn tu trì giới cấm, người này thoát khỏi khổ sanh tử. Hoặc có lúc Phật nói gần gũi Thiện hữu gọi là đạo, như Phật bảo A Nan : Người gần gũi thiện tri thức thời đầy đủ tịnh giới nếu có chúng sanh nào gần gũi nơi Phật thời đặng phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Hoặc có lúc Phật nói tu lòng từ là đạo, người tu học lòng từ dứt các phiền não thời đặng bực bất động. Hoặc có lúc Phật nói trí huệ là đạo, như ngày trước Phật vì Tỳ Kheo Ni Ba Xà Ba Đề mà nói rằng : Này Tỳ Kheo Ni ! Như hàng Thanh Văn dùng sức trí huệ dứt được các lậu phiền não. Hoặc có lúc Phật nói bố thí là đạo, như ngày trước

Phật bảo vua Ba Tư Nặc : Này Đại vương ! Ngày trước đức Phật làm nhiều việc bố thí do đó mà nay đặng thành Vô thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu bát thánh đạo là Đạo đế, những kinh như vậy há chẳng phải là hư vọng. Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng thời duyên cớ gì trong những kinh đó chẳng nói bát thánh đạo là đạo Thánh đế. Nếu những kinh đó chẳng nói, dễ thường ngày trước đức Như Lai có lầm lộn. Nhưng tôi quyết định biết rằng chư Phật từ lâu đã lìa lầm lộn".

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn biết kinh điển Đại thừa vi diệu có những pháp bí mật nên hỏi như vậy. Những kinh ngày trước như vậy đều vào trong đạo Thánh đế.

Này Thiện nam tử ! Như ta nói lòng tin là đạo. Tín căn này có thể tá trợ đạo Bồ Đề. Vì thế nên lời Phật nói không có lầm lộn. Đức Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn hóa độ chúng sanh nên sự thuyết pháp có nhiều loại.

Ví như lương y biết các căn bịnh của chúng sanh, tùy theo bệnh mà hiệp thuốc và những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ nước chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống nước gừng, nước cam thảo, nước tế tân, nước đường phèn, nước trái A ma lặc,

nước Ni ba la, hoặc nước Bát trú la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nho, nước thạch lựu.

Này Thiện nam tử ! Lương y ấy khéo biết căn bịnh của chúng sanh. Dầu rằng thuốc có nhiều sự cấm kỵ, nhưng chỉ có nước là không ở trong lệ cấm.

Cũng như vậy, đức Như Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng tùy theo các loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết nhiều loại danh tướng. Các loài chúng sanh kia tùy theo chỗ lãnh thọ của họ mà tu tập, dứt trừ phiền não. Như người bịnh kia theo lời dặn của lương y mà bịnh được lành.

Này Thiện nam tử ! Như có một người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong đại chúng. Một hôm đại chúng khát nước đều kêu rằng : Tôi muốn uống nước ! Tôi muốn uống nước ! Người đó liền đem nước mát lạnh tùy theo từng người mà trao cho uống. Hoặc nói là Ba ni, hoặc nói là Uất đặt, hoặc nói là Xa ly lam, hoặc nói là Bà ly, hoặc nói là Ba da, hoặc nói là cam lồ, hoặc nói là ngu nhũ, dùng vô lượng tên nước như vậy để nói với đại chúng. Cũng vậy, đức Như Lai dùng một Thánh đạo vì hàng Thanh Văn mà diễn thuyết nhiều cách : Từ Tín căn v.v... đến Bát thánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn dùng một chất vàng tùy ý tạo làm các thứ trang sức : dây chuyền, vòng, xuyến, xoa, khoen tai, mão, ấn. Dầu

làm nhiều thứ chẳng đồng nhưng chẳng rời chất vàng. Cũng vậy, đức Như Lai dùng một Phật đạo, tùy theo mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết. Hoặc nói một thứ, như nói chư Phật một đạo không hai. Hoặc nói hai thứ là định và huệ. Hoặc nói ba thứ là kiến, trí, và huệ. Hoặc nói bốn thứ là kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, và Phật đạo. Hoặc nói năm thứ là tín hành đạo, pháp hành đạo, tín giải thoát đạo, kiến đáo đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ là Tư Đà Hoàn đạo, Tư Đà Hàm đạo, A Na Hàm đạo, A La Hán đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Lại nói bảy thứ là niệm giác phần, trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, trú giác phần, định giác phần và xả giác phần. Lại nói tám thứ là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Lại nói chín thứ là bát thánh đạo, và tín. Lại nói mười thứ là thập lực. Lại nói mười một thứ là thập lực và đại từ. Lại nói mười hai thứ là thập lực, đại từ và, đại bi. Lại nói mười ba thứ là thập lực, đại từ, đại bi và niệm Phật tam muội. Lại nói mười sáu thứ là thập lực, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm. Lại nói hai mươi đạo là thập lực, tứ vô sở úy, đại từ, đại bi, niệm Phật tam muội và ba chánh niệm.

Đạo chỉ là một thể, ngày trước đức Như Lai vì chúng sanh mà phân biệt diễn nói sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một thứ lửa, nhơn nơi chỗ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác, như lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa phân bò, lửa phân ngựa. Cũng vậy, Phật đạo chỉ là một không có hai vì chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một thức phân biệt nói có sáu, nếu đến nơi nhãn căn, thời gọi là nhãn thức, nhẫn đến nơi ý căn thời gọi là ý thức. Đạo cũng như vậy, chỉ là một không hai vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như một sắc pháp, mắt thấy thời gọi là sắc, tai nghe là gọi là tiếng, mũi ngửi thời gọi là mùi, lưỡi nếm thời gọi là vị, thân cảm giác thời gọi là xúc. Đạo cũng như vậy, là một không có hai, vì muốn hóa độ chúng sanh nên đức Như Lai phân biệt sai khác.

Do nghĩa này nên bát thánh đạo gọi là đạo Thánh Đế.

Này Thiện nam tử ! Bốn Thánh đế này chư Phật theo thứ lớp mà giảng nói. Do đây vô lượng chúng sanh đặng thoát khỏi sanh tử".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ngày trước có một lúc Phật ở trong rừng Thi Thủ trên bờ sông Hằng, đức Như Lai lấy lá cây bảo các Tỳ Kheo : Lá trong tay của ta đây là nhiều hay tất cả lá trên mặt địa cầu là nhiều ? Các Tỳ Kheo bạch Phật tất cả lá

trên địa cầu rất nhiều không thể tính đếm, lá trong tay Phật cầm rất ít không đáng kể. Phật bảo các Tỳ Kheo : Những pháp mà ta giác ngộ nhiều như những lá cỏ cây trên địa cầu, còn pháp mà ta vì chúng sanh tuyên nói như mấy chiếc lá trong bàn tay.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo lời của Phật, thời đức Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, nếu vào trong bốn Thánh đế thời như đã nói, còn nếu chẳng vào nơi bốn Thánh đế lẽ ra phải có năm đế[1].

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : Lành thay ! Lành thay ! Lời hỏi của ông có thể lợi ích an vui vô lượng chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp ở trong bốn Thánh đế.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : Những pháp như vậy ở trong bốn Thánh đế cớ sao đức Như Lai xướng rằng chẳng nói ?

- Này Thiện nam tử ! Dầu là nhiếp trong bốn Thánh đế nhưng còn chẳng gọi là đã nói, vì người rõ biết bốn Thánh đế có hai thứ trí : Một là trí bực trung, hai là trí bực thượng. Bực trung là trí của Thanh Văn, Duyên Giác. Bực thượng là trí của chư Phật và Bồ Tát. Biết thân ngũ ấm là khổ thời gọi là trí bực trung, phân biệt các ấm có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực

thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta trọn chẳng nói đến.

Này Thiện nam tử ! Biết các nhập gọi đó là môn cũng gọi là khổ, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết các giới gọi đó là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ, đây là trí bực trung. Phân biệt các giới có vô lượng tướng thảy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết sắc là tướng hư hoại, đây là trí bực trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hư hoại thảy đều là khổ, thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được đây lại gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thọ là tướng giác xúc đây gọi là trí bực trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác xúc thời chẳng phải hàng Thinh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết tưởng là chấp lấy tướng đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi tưởng có vô lượng tướng chấp lấy, thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết hành là tướng tạo tác, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi hành có vô lượng tướng tạo tác thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bực trung. Phân biệt nơi thức có vô lượng trí tướng, thời chẳng phải hàng Thanh Văn Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết ái làm nhơn duyên có thể sanh năm ấm đây gọi là trí bực trung. Một người sanh ra ái vô lượng vô biên, hàng Thanh Văn, Duyên Giác không biết được. Có thể biết tất cả chúng sanh khởi lên lòng có những ái như vậy, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết dứt phiền não đây gọi là trí bực trung. Phân biệt phiền não chẳng thể tính đếm, dứt diệt cũng chẳng thể tính đếm, như vậy thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết đạo có thể lìa phiền não đây gọi là trí bực trung. Phân biệt đạo có vô lượng vô biên tướng, lìa phiền não cũng vô lượng vô biên thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Biết thế đế gọi là trí bực trung. Phân biệt thế đế vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Tất cả hạnh vô thường, các pháp vô ngã, Niết Bàn tịch diệt, đây là đệ nhứt nghĩa, gọi là trí bực trung. Biết đệ nhứt nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thinh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bực thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Phật nói thế đế và đệ nhứt nghĩa đế ý nghĩa

thế nào ? Bạch Thế Tôn trong đệ nhứt nghĩa đế có chừng có phải đức Như Lai nữ vọng diễn thuyết chăng ?".

- Này Thiện nam tử ! Thế đế chính là đệ nhứt nghĩa đế.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời không có hai đế.

Này Thiện nam tử ! Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh diễn thuyết hai đế. Nếu cứ theo ngôn thuyết thời có hai thứ : Một là thế pháp, hai là xuất thế pháp.

Như chỗ biết của người xuất thế. Thời gọi là đệ nhứt nghĩa đế. Chỗ biết của người đời thời gọi là thế đế.

Này Thiện nam tử ! Năm ấm hòa hiệp gọi là tên mỗ giáp. Phàm phu chúng sanh tùy theo tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có tên mỗ giáp, rời ngũ ấm cũng không có mỗ giáp, người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có pháp có tên có sự thiệt. Lại có pháp có tên không có sự thiệt. Có tên không sự thiệt chính là thế đế. Có tên có sự thiệt là đệ nhứt nghĩa đế.

Như : Ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả, dương diệm, thành Càn Thát Bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa xây, các ấm, giới, nhập... Đây gọi là thế đế. Khổ, tập, diệt, đạo, gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Thế pháp có năm thứ : một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế.

Nam, nữ, bình, áo, xe, nhà... Những vật này gọi đó là danh thế.

Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là cú thế.

Cuốn, hiệp, trói, cột, chấp tay... đây gọi là phược thế đế.

Đánh kiền chùy nhóm Tăng, chiêng trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ... đây gọi là pháp thế.

Như trông thấy đàng xa có người mặc y hoại sắc tưởng là Sa Môn chẳng phải Bà La Môn, thấy có người gút dây đeo trên thân bèn nghĩ rằng là Bà La Môn chẳng phải Sa Môn, đây là chấp trước thế đế.

Như trên đây gọi là năm thứ thế pháp.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy tâm không điên đảo biết đúng như thật đây gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Lại như hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế đế.

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Lại có tám tướng khổ gọi là thế đế, không sanh, không già v.v... đây gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Ví như một người có nhiều tài : Lúc họ chạy thời gọi là người chạy, lúc gặt cắt lại gọi là người gặt, lúc nấu nướng thời gọi là người làm đồ ăn, lúc cưa đẽo cây gỗ thời gọi là thợ mộc, lúc nấu đập vàng bạc thời gọi là thợ bạc. Chỉ có một người mà có nhiều danh hiệu. Pháp cũng như vậy, thiệt chỉ là một mà có nhiều tên. Nhơn nơi cha mẹ hòa hiệp mà sanh gọi là thế đế. Mười hai nhơn duyên hòa hiệp mà sanh gọi là đệ nhứt nghĩa đế.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thật đế của Phật nói ý nghĩa thế nào ?".

- Này Thiện nam tử ! Thật đế là Pháp chơn thật. Nếu pháp chẳng phải chơn thời chẳng gọi là thật đế. Thật đế là không điên đảo. Thật đế là không hư vọng. Thật đế gọi là Đại thừa. Thật đế là lời của Phật nói chẳng phải lời của ma. Thật đế là đạo duy nhứt thanh tịnh không có hai, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời gọi là nghĩa thật đế.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu cho chơn thật là thật đế thời pháp chơn thật tức là Như

Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thời Như Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác !".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi :"Có khổ có đế có thật. Có tập có đế có thật. Có diệt có đế có thật. Có đạo có đế có thật.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật". Hư không chẳng phải khổ chẳng phải đế là thật. Phật tánh chẳng phải khổ chẳng phải đế là "thật".

Khổ là tướng vô thường, là tướng dứt được đó là thật đế. Như Lai tánh chẳng phải khổ chẳng phải vô thường chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Tập là có thể làm cho ngũ ấm hòa hiệp mà sanh, cũng gọi là khổ cũng gọi là vô thường, là tướng dứt được, đây là thật đế. Như Lai chẳng phải là tập, chẳng phải nhơn của ngũ ấm, chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Diệt là nói phiền não dứt diệt cũng là thường, cũng là vô thường, hàng Nhị thừa chứng đặng gọi là vô thường, chư Phật chứng đặng thời gọi là thường, cũng gọi là pháp chứng đặng, đây là thật đế. Như Lai tánh chẳng gọi là diệt, có thể dứt diệt phiền não, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng gọi là chứng tri, thường trụ không biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Đạo là có thể dứt phiền não cũng là thường, cũng là vô thường, là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể dứt phiền não, chẳng phải là thường chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ chẳng biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chơn thật chính là Như Lai. Như Lai chính là chơn thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Này Văn Thù Sư Lợi có khổ, có khổ nhơn, có khổ tận, có khổ đối. Như Lai chẳng phải khổ nhẫn đến chẳng phải đối, vì thế nên là thật, chẳng gọi là đế. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Khổ là hữu vi hữu lậu không an lạc. Như Lai chẳng phải hữu vi chẳng phải hữu lậu, đứng lặng an vui, nên là thật chẳng phải đế".

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Thế Tôn như lời Phật nói chẳng điên đảo gọi là thật đế, nếu như vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo chăng ? Nếu là có, sao lại nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế ! Tất cả điên đảo chẳng gọi là thật".

Này Thiện nam tử ! Tất cả điên đảo đều vào trong khổ đế. Như chúng sanh có tâm điên đảo thời gọi là điên đảo. Ví như có người chẳng lãnh thọ lời dạy răn của cha mẹ tôn trưởng, hoặc dầu lãnh

thọ mà không tùy thuận thật hành, người này gọi là điên đảo. Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Như lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy thời biết rằng hư vọng chẳng phải thật đế".

- Này Thiện nam tử ! Tất cả hư vọng đều vào trong khổ đế. Như có chúng sanh khi dối người khác, do nhơn duyên này đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, đây gọi là hư vọng, cũng chính là khổ. Những điều đó hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng chư Phật đều xa lìa chẳng thật hành, vì thế nên gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy là chỗ dứt trừ của Nhị thừa và chư Phật, nên gọi là thật đế.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Như lời Phật nói Đại thừa là thật đế. Do đó biết rằng Thanh Văn thừa và Bích Chi, Phật thừa thời là chẳng thật".

- Này Thiện nam tử ! Hàng Nhị thừa cũng là thật cũng là chẳng thật. Thanh Văn, Duyên Giác dứt các phiền não thời gọi là thật. Hàng Nhị thừa vô thường chẳng trụ là pháp biến đổi nên gọi là chẳng thật.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Như lời Phật nói những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

Do đó biết rằng lời nói của ma thời chẳng phải thật. Bạch Thế Tôn ! Lời nói của ma có nhiếp trong Thánh đế chăng ?".

- Này Thiện nam tử ! Lời nói của ma nhiếp trong đều cả ngày điên nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chứng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy cũng đều là lời nói của ma.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Như lời Phật nói đạo duy nhứt thanh tịnh không có hai. Các phái ngoại đạo cũng nói ta có đạo duy nhứt thanh tịnh không hai. Nếu cho rằng đạo duy nhất là thật đế thời cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì. Nếu không sai khác thời lẽ ra chẳng nên nói rằng đạo duy nhứt thanh tịnh".

- Này Thiện nam tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế và tập đế mà không diệt đế và đạo đế. Ở trong chẳng phải diệt đế chẳng phải đạo đế, mà họ tưởng là diệt là đạo. Ở trong chẳng phải quả chẳng phải nhơn, mà họ tưởng là quả là nhơn. Do nghĩa này nên họ không có đạo duy nhứt thanh tịnh không hai.

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật : "Như lời Phật nói có : Thường, lạc, ngã, tịnh là thật nghĩa, thời các phái ngoại đạo lẽ ra cũng có thật đế mà trong Phật Pháp thời không. Vì các phái ngoại đạo nói hạnh là thường. Thế nào là thường ? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo v.v... Khi thọ rồi thời chẳng mất. Khả ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo

chẳng lành. Nếu cho rằng các hạnh thảy đều vô thường, kẻ tạo nghiệp đã chết mất thời ai ở nơi kia mà thọ quả báo. Do nghĩa này nên các hạnh là thường. Sát sanh nhơn duyên gọi là thường. Nếu cho rằng vô thường thời kẻ giết cùng bị giết đều vô thường cả, còn ai ở nơi địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói quyết định có địa ngục thọ báo, thời các hạnh thiệt chẳng phải là vô thường. Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như chỗ nhớ biết trải qua mười năm nhẫn đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì thế nên là thường. Nếu là vô thường thời những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ. Do cớ ấy nên tất cả các hạnh chẳng phải là vô thường. Tất cả sự tưởng nhớ cũng là thường. Như có người ngày trước thấy tay chân mặt mày đầu cổ của người khác, lúc sau gặp lại liền nhớ biết. Nếu là vô thường thời những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Nghề nghiệp tạo tác do tập học từ lâu hoặc ba năm hoặc năm năm rồi sau mới giỏi, nên gọi là thường. Phương pháp tính đếm từ một, hai, ba nhẫn đến trăm ngàn, nếu là vô thường lẽ ra một phải diệt, nếu một đã diệt thời lấy chi đến hai. Do một chẳng diệt nên được đến hai, nhẫn đến trăm ngàn, vì thế nên là thường. Như phương pháp đọc tụng : Đọc nhứt A Hàm rồi đến nhị A Hàm, nhẫn đến tam tứ A Hàm. Nếu là vô thường thời chỗ đọc tụng trọn chẳng đến bốn. Do sự đọc tụng có tăng trưởng nên gọi là

thường. Bình, y, xe cộ, như người mang nợ, hình tướng, địa cầu, núi, sông, cây rừng, cây cỏ, lá thuốc, chúng sanh trị bệnh tất cả đều là thường cũng như vậy. Các phái ngoại đạo đều nói rằng các hạnh là thường. Nếu là thường thời là thật đế.

Bạch Thế Tôn ! Các phái ngoại đạo lại nói lạc. Thế nào biết rằng có ? Vì người thọ quyết định đặng báo khả ý. Phàm người thọ lạc quyết định đặng đó. Như Đại Phạm Thiên Vương, Đại Tự Tại Thiên, Thích Đề Hoàn Nhơn, và chư Thiên. Do nghĩa này nên nói rằng quyết định có lạc. Lại vì chúng sanh mong cầu nên ngoại đạo nói rằng có lạc. Như người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu ngơi nghỉ, người bệnh cầu lành. Nếu không có lạc thời những người kia duyên cớ gì mà cầu. Do vì có người cầu nên biết rằng có lạc.

Các phái ngoại đạo lại cho rằng bố thí có thể đặng lạc. Người đời ưa bố thí cho Sa Môn, Bà La Môn và kẻ nghèo cùng khốn khổ những y phục vật thực, giường ghế, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, nhà cửa, đèn đuốc. Bố thí những thứ như vậy vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng quyết định có lạc.

Có phái ngoại đạo nói rằng người thọ lạc vì có nhơn duyên nên có lạc xúc. Nếu không lạc đâu thành có nhơn duyên, như sừng thỏ không có, thời

không nhơn duyên. Vì có nhơn duyên lạc, nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói lạc có thượng, trung và hạ. Thọ lạc bực hạ như Thích Đề Hoàn Nhơn. Thọ lạc bực trung như Đại Phạm Thiên Vương. Thọ lạc bực thượng như Đại Tự Tại Thiên. Vì thế nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói rằng có tịnh. Nếu không tịnh thời lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn. Vì có mong muốn nên biết là có tịnh. Như vàng, bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, chơn châu, bích ngọc, kha bối, suối mát, ao tắm, vật thực, y phục, hoa hương, đèn đuốc, những vật như vậy đều là tịnh. Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí đựng những tịnh vật như thân người, Trời, Tiên, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật. Do nghĩa này nên gọi là tịnh.

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có ngã vì có thấy biết, vì có thể tạo tác. Như có người vào nhà thợ gốm, dầu chẳng thấy thân người thợ nhưng vì thấy khí cụ nên biết quyết định nhà đó là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thời ai có thể thấy sắc ? Nghe tiếng nhẫn đến giác xúc cũng như vậy. Họ lại nói có ngã. Làm sao biết rằng có ? Vì do nơi tướng mà biết : thở, ngáy, ngó nháy, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ sự khổ vui, tham cầu, giận hờn, đều là tướng của ngã. Vì thế nên biết quyết định của ngã.

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì phân biệt được mùi vị : Như có người ăn trái cây, thấy trái biết mùi vị. Do đây nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có chấp tác làm việc nên biết là có ngã : Như cầm lưỡi liềm thời có thể cắt gặt, cầm búa thời có thể chặt, cầm bình thời đựng nước, ngồi xe thời cầm cương, do đó nên biết quyết định có ngã. Ngoại đạo lại nói lúc mới sanh biết đòi bú đó là do tập quán đời trước, nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo là nói vì hòa hiệp lợi ích chúng sanh khác nên biết rằng có ngã. Như bình, y, xe cộ, ruộng, nhà, núi, rừng, cây cối, voi ngựa, trâu, dê những vật như vậy nếu hòa hiệp thời có sự lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng như vậy : Nhãn căn v.v... vì có hòa hiệp thời có sự lợi ích cho người, do đó nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói có ngã vì rằng có sự vật ngăn ngại. Như có vật thời có ngăn ngại. Nếu không vật thời không ngăn ngại. Vì có ngăn ngại nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có bạn cùng chẳng phải bạn nên biết là có ngã. Như thân yêu cùng chẳng phải thân yêu thời chẳng phải là bạn. Chánh pháp với tà pháp, trí với chẳng trí, Sa Môn cùng chẳng phải Sa Môn, Bà La Môn với chẳng phải Bà La Môn, con

cùng chẳng phải con, ngày với chẳng phải ngày, đêm với chẳng phải đêm, ngã với chẳng phải ngã, các pháp như vậy là bạn và chẳng phải bạn, do đó nên biết quyết định có ngã.

Bạch Thế Tôn ! Các phái ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh, nên biết quyết định có thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa đó nên các phái ngoại đạo cũng nói được rằng : Ta có chơn đế".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn mà có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời người đó chẳng phải là Sa Môn, chẳng phải là Bà La Môn. Vì họ mê nơi sanh tử xa lìa bực đại đạo sư nhứt thế trí. Hàng Sa Môn và Bà La Môn như vậy thiếu kém pháp lành tham đắm các dục nhiễm. Hàng ngoại đạo này ràng buộc trong ngục tham dục, sân khuể, ngu si mà kham nhẫn thọ lạc. Các ngoại đạo này dầu biết nghiệp quả mình làm mình chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Hàng ngoại đạo này chẳng phải là chánh pháp, chánh mạng, để tự sống, vì họ không có lửa trí huệ nên chẳng thể tiêu được vậy.

Các phái ngoại đạo dầu tham đắm ngũ dục thượng diệu, tham nơi pháp lành nhưng chẳng siêng tu. Ngoại đạo này dầu muốn đến chánh giải thoát, nhưng trì cấm giới chẳng thành tựu. Các ngoại đạo này dầu muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu nhơn duyên của vui. Các ngoại đạo này dầu bị bốn rắn độc lớn đeo vấn nhưng vẫn phóng dật chẳng cẩn thận. Các

ngoại đạo này bị vô minh che đậy, xa lìa phương pháp lành, thích ở trong tam giới, lửa vô thường đốt cháy mà chẳng thể ra được. Các ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bực lương y đại trí. Các ngoại đạo này thuở vị lai sẽ đi trên đường xa hiểm vô biên, mà chẳng biết tu tập tư lương pháp lành để tự trang nghiêm. Các ngoại đạo này thường bị tay độc dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc ngũ dục. Các ngoại đạo này giận hờn hung dữ mà trở lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo này thường bị vô minh che đậy mà trở lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo này thường bị tà kiến mê lầm mà trở lại thân thiện với tà kiến. Các ngoại đạo này trông mong ăn trái ngọt mà lại gieo giống đắng. Các ngoại đạo này đã ở trong nhà tối phiền não mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí. Các ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não mà trở lại uống nước mặn dục nhiễm. Các ngoại đạo này mê lầm điên đảo nói các hạnh là thường. Cho các hạnh là thường thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Đức Phật quan sát các hạnh thảy đều vô thường. Tại sao biết như vậy ? Vì các hạnh đều do nhơn duyên. Phàm những pháp do nhơn duyên mà sanh thời biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên sanh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ, vị lai,

hiện tại, chẳng phải do nhơn làm ra cũng chẳng phải không nhơn, chẳng phải tu tác, chẳng phải tác giả, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn, chẳng phải nhiếp trì trong ấm, giới, nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh là Như Lai, Như Lai là Pháp, pháp là thường.

Này Thiện nam tử ! Thường là Như Lai, Như Lai là Tăng, Tăng là thường.

Do nghĩa này nên những pháp từ nhơn duyên mà sanh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhơn duyên mà sanh. Các ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh Như Lai là pháp. Vì thế nên lời nói của ngoại đạo đều là vọng ngữ không có chơn đế.

Người phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe, cộ, nhà cửa, thành quách, nước sông, rừng núi, nam nữ, voi, ngựa, trâu, dê, lúc sau thấy tương tợ bèn nói là thường, phải biết những vật ấy thiệt chẳng phải là thường.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Pháp vô vi là thường. Hư không là Phật tánh, là vô vi nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là vô vi, vô vi là thường. Thường là Pháp, Pháp là Tăng, Tăng là vô vi, vô vi là thường.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ pháp hữu vi : Một là sắc pháp, hai là phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm và tâm sở. Sắc pháp là địa, thủy, hỏa, phong.

Này Thiện nam tử ! Tâm gọi là vô thường vì tánh nó phan duyên phân biệt. Tánh của nhãn thức khác, nhẫn đến tánh của ý thức khác, nên là vô thường. Cảnh giới sắc khác, nhẫn đến cảnh giới pháp khác, nên là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm là thường thời nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả pháp. Nếu nhãn thức khác, nhẫn đến ý thức khác, thời biết là vô thường. Bởi các pháp tương tợ niệm niệm sanh diệt, người phàm phu thấy đó chấp cho là thường.

Này Thiện nam tử ! Vì các tướng nhơn duyên có thể phá hoại, nên cũng gọi là vô thường. Như nhơn nhãn căn, nhơn sắc, nhơn ánh sáng, nhơn tư duy mà sanh nhãn thức. Lúc nhĩ thức sanh ra nhơn duyên đều khác chẳng phải là nhơn duyên của nhãn thức, nhẫn đến nhơn duyên của ý thức cũng khác như vậy.

(*) Này Thiện nam tử ! Nhơn duyên phá hoại các hạnh sai khác, nên tâm gọi là vô thường. Như tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường lẽ ra thường tu vô thường. Còn chẳng đặng quán khổ, không, vô ngã huống

(*) Hán bộ quyển thứ 14

lại quán thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo chẳng có thể nhiếp lấy thường, lạc, ngã, tịnh, phải biết tâm pháp quyết định là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Như tâm tánh Thanh Văn khác, tâm tánh Duyên Giác khác, tâm tánh chư Phật khác.

Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm : Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Tâm tương ưng với lạc khác, tâm tương ưng với khổ khác, tâm tương ưng với bất khổ bất lạc khác, tâm tương ưng với tham dục khác, tâm tương ưng với sân khuể khác, tâm tương ưng với ngu si khác. Tâm tướng của tất cả ngoại đạo cũng khác : Các tâm tương ưng với ngu si, nghi hoặc cùng tà kiến đều khác, lúc đi đứng,nằm,ngồi tâm đó cũng khác. Nếu tâm là thường thời lẽ ra chẳng phân biệt các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng quên những việc đã từng ghi nhớ. Nếu tâm là thường thời sự đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng nên nói rằng : Đã làm, đương làm, sẽ làm. Nếu có đã làm, đương làm, sẽ làm thời biết rằng tâm này quyết định là vô thường. Nếu tâm là thường thời không có oán thù thân ái cũng chẳng oán chẳng thân. Nếu tâm là thường thời chẳng nên nói rằng vật của tôi, vật của người, hoặc sống hoặc chết. Nếu tâm là thường thời đầu có tạo tác lẽ ra

chẳng tăng trưởng. Do những nghĩa đó, nên biết tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác. Vì sai khác nên biết là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong tâm pháp này diễn nói nghĩa vô thường đã rõ, nay vì ông mà nói sắc là vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Lúc thân ở thai bào vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Các mầm cây vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Do đó biết rằng, tất cả sắc pháp thảy đều vô thường.

Này Thiện nam tử ! Sắc thân tùy theo thời gian mà biến đổi : Lúc tượng thai nhẫn đến lúc mới sanh đều đổi khác. Lúc thơ bé, lớn khôn nhẫn đến tuổi già luôn luôn đổi khác. Lúc nẩy mầm, lên cây, mọc nhánh sanh lá, trổ bông, kết trái đều đổi khác.

Này Thiện nam tử ! Chất vị ở trong cũng đổi khác, lúc tượng thai nhẫn đến lúc già luôn luôn biến đổi. Mầm cây, nhánh, lá, hoa, trái, chất vị cũng đều đổi khác. Sức lực lúc tượng thai nhẫn đến lúc sức lực lúc tuổi già đều đổi khác. Trạng mạo lúc tượng thai nhẫn đến trạng mạo lúc tuổi già đều đổi khác. Quả báo lúc tượng thai nhẫn đến quả báo lúc tuổi già cũng khác. Danh tự lúc tượng thai nhẫn đến danh tự lúc tuổi già cũng sai khác. Sắc thân có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Cây cối cũng có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Thứ đệ sanh lần lần, như lúc tượng thai sanh lần lần đến tuổi già. Lúc

nẩy mầm sanh lần lần đến khi kết trái. Vì thế nên biết là vô thường vì những sắc pháp có thể hoại diệt, như lúc tượng thai hoại diệt nhẫn đến lúc tuổi già hoại diệt đều sai khác, lúc nẩy mầm hoại diệt nhẫn đến lúc kết trái đều hoại diệt nên biết là vô thường. Người phàm phu không hiểu biết thấy tương tợ sanh ra chấp cho là thường. Do những nghĩa này nên gọi là vô thường. Đã là vô thường thời chính là khổ, đã là khổ thời chính là bất tịnh.

Này Thiện nam tử ! Các hạnh đều không có ngã. Tổng tất cả pháp không ngoài hai thứ : Sắc và tâm. Sắc không phải ngã, vì sắc có thể phá, có thể hoại, có thể vỡ, có thể đập, có thể tăng trưởng. Ngã thời chẳng thể phá hoại, vỡ đập, sanh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải là ngã.

Tâm cũng chẳng phải ngã vì do nhơn duyên mà sanh khởi. Các ngoại đạo do chuyên niệm mà biết là có ngã. Tánh chuyên niệm thiệt ra chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là ngã, những việc quá khứ có lúc quên mất, vì có quên mất nên quyết định biết là không ngã. Nếu các ngoại đạo do ức tưởng mà biết là có ngã, vì có lúc không ức tưởng nên quyết định biết là không ngã. Như nói : Thấy người bàn tay có sáu ngón, bèn hỏi rằng chúng ta ngày trước gặp nhau ở chỗ nào. Nếu là có ngã thời chẳng nên lại hỏi. Vì hỏi nhau nên quyết định biết là không ngã.

Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có ngăn ngại mà biết là có ngã. Xét ra vì có ngăn ngại nên quyết định biết là vô ngã, như nói Điều Đạt thời trọn chẳng nói rằng không phải Điều Đạt. Cũng vậy, nếu ngã quyết định là ngã thời trọn chẳng ngăn ngại ngã. Nhưng vì cũng ngăn ngại ngã nên quyết định biết là vô ngã. Nếu vì ngăn ngại mà biết là có ngã, nay ông chẳng ngăn ngại đáng lẽ là không ngã !

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì bạn cùng chẳng phải bạn mà biết rằng có ngã. Cứ nơi thuyết này mà suy, vì không bạn lẽ ra không có ngã. Có những pháp không bạn : Như Lai, Hư Không, Phật tánh. Ngã cũng như vậy thiệt không có bạn. Do vì nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu có ngoại đạo cho rằng vì có danh tự mà biết là có ngã. Trong pháp không ngã cũng có danh tự ngã : Như người nghèo hèn mà tên là Phú Quí. Như nói ta chết, nếu ta chết thời là ta giết ta, nhưng ngã thiệt chẳng có thể giết, giả danh là giết ngã. Cũng như người lùn mà tên là Trưởng giả. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì người mới sanh đã biết đòi bú nên biết là có ngã. Nếu có ngã thời tất cả trẻ thơ chẳng nên bốc phẩn, đất, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đối với ba pháp : dâm dục, uống ăn, kinh sợ đều có sự hiểu biết đồng nhau, vì thế nên không có ngã.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có tướng mạo mà biết là có ngã. Vì có tướng thời không có ngã, không có tướng cũng là không ngã. Như lúc ngủ, người không thể đi đứng ngước cúi nhìn ngó, chẳng biết khổ biết vui, như thế thời đáng lẽ không có ngã. Nếu cho rằng vì có đi đứng cúi ngước mà biết là có ngã, thời người máy lẽ ra cũng có ngã.

Như Lai chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi, chẳng ngước, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui, chẳng tham, sân, si. Như Lai như vậy mà có ngã chơn thật.

Này Thiện nam tử ! Nếu các ngoại đạo vì thấy người khác ăn trái cây, trong miệng mình sanh nước miếng, nên biết là có ngã. Do vì nhớ tưởng thấy thời sanh nước miếng, nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải đứng, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện nam tử ! Các ngoại đạo ấy ngu si như trẻ nít không có trí huệ phương tiện chẳng hiểu thấu được thường cùng vô thường, khổ vui,

tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh phi, chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ở trong Phật pháp họ lấy chút ít phần rồi vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người sanh manh chẳng biết màu sữa, bèn hỏi người khác rằng : Màu sữa giống như thứ gì ? Người khác đáp : Màu sữa trắng như vỏ ốc.

Người sanh manh lại hỏi : Thế thì màu sữa như tiếng thổi ốc ư ?

Đáp : Không phải.

Người sanh manh lại hỏi màu ốc giống thứ gì ?

- Màu ốc trắng như bột gạo.

Người sanh manh nghe nói cho rằng màu sữa mịn nhuyễn như bột gạo. Khi biết không phải lại hỏi.

Người khác đáp : Màu sữa trắng như tuyết.

Người sanh manh lại cho rằng màu sữa lạnh lẽo như tuyết.

Người khác lại bảo màu sữa trắng như lông chim bạch hạc.

Người sanh manh ấy dầu nghe cả bốn thứ thí dụ tỉ lệ, nhưng trọn chẳng biết được màu sắc thiệt của sữa.

Cũng vậy các ngoại đạo này trọn không thể biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này trong Phật pháp của ta có chơn thật đế, không phải hàng ngoại đạo có được".

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Hy hữu thay ! Hôm nay đức Như Lai sắp nhập Niết Bàn phương tiện chuyển pháp luân vô thượng, bèn phân biệt chơn thật đế như vậy".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Nay ông cớ sao ở nơi đức Như Lai mà sanh quan niệm nhập Niết Bàn. Này Thiện nam tử ! Như Lai thiệt là thường trụ chẳng biến đổi chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai trọn chẳng có quan niệm ta là Phật, ta thành Vô thượng Chánh giác, ta chính là Pháp, pháp là cái có của ta, ta là đạo, đạo là của ta có, ta là Thế Tôn, Thế Tôn là của ta, ta là Thanh Văn, Thanh Văn là của ta, ta có thể thuyết pháp làm cho người khác nghe và thọ trì, ta chuyển pháp luân, người khác không chuyển được. Đức Như Lai trọn không có quan niệm như vậy nên đức Như Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Như Lai không có những quan niệm ta thấy biết, sự thấy biết là của ta, tai nghe, mũi ngửi, v.v... cũng như vậy, ta là sắc, sắc là của ta, thinh, hương, nhẫn đến pháp cũng như vậy, ta là địa đại, địa đại là của ta, thủy, hỏa, phong đại cũng như vậy. Như Lai cũng không có những quan niệm ngã là tín là đa văn, tín và đa văn là của ta, ta là Đàn Ba la mật, là Thi la Ba la mật, nhẫn đến là Bát nhã Ba la mật, Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát nhã Ba la mật là của ta, ta là Tứ niệm xứ là Tứ

chánh cần, nhẫn đến là Bát thánh đạo, Tứ niệm xứ nhẫn đến Bát thánh đạo là của ta. Như Lai trọn chẳng có những quan niệm như vậy, nên Như Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói thường trụ không biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển pháp luân ! Vì thế nên ông chẳng nên nói rằng đức Như Lai phương tiện chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Như nhơn nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tư duy hòa hiệp sanh ra nhãn thức. Nhãn căn chẳng nghĩ rằng ta sanh ra thức, sắc, ánh sáng và tư duy cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức, nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những pháp như vậy nhơn duyên hòa hợp đặng gọi là thấy. Cũng vậy, đức Như Lai nhơn sáu Ba la mật cùng ba mươi bảy pháp trợ đạo mà giác ngộ rõ thấu các pháp. Lại nhơn yết hầu, lưỡi răng, môi miệng có ra lời ra tiếng, vì các ông Kiều Trần Như v.v... mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi đó là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên đức Như Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng chuyển thời gọi là Pháp, pháp là Như Lai. Như do bùi nhùi, do cọ xát, do tay, do phân bò khô mà có lửa sanh ra. Bùi nhùi, v.v... đều chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai nhơn sáu Ba la mật v.v... Vì các ông

Kiều Trần Như thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ tưởng như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy bèn gọi là Như Lai.

Như do nơi chất lạc, nước, khuấy, bình, giây, tay người mà có chất tô sanh ra. Lạc v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tô. Tô cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh ra. Do các duyên hòa hiệp nên sanh ra chất tô. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy, thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như do hột giống, đất, nước, phân, hơi nóng, gió, thời gian, công tác của người mà có mầm mọc lên. Hột giống v.v.. chẳng nghĩ rằng ta sanh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như do trống, khoảng không, da, dùi, người hòa hiệp nhau mà sanh ra tiếng, trống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tiếng. Tiếng cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển

chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế Tôn chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Cũng vậy, Như Lai chẳng phải sanh, xuất, tạo tác chẳng phải pháp hữu vi. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn lời thuyết giáo có hai thứ : Một là thế ngữ, hai là xuất thế ngữ. Đức Như Lai vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì các vị Bồ Tát nói xuất thế ngữ.

Này Thiện nam tử ! Hàng đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng : Một là hạng cầu Tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại thừa. Ngày trước ở thành Ba La Nại ta chuyển pháp luân cho hàng Thanh Văn. Nay ở thành Câu Thi Na này mới vì các vị Bồ Tát chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba La Nại ta chuyển pháp luân. Vì hạng thượng căn như Ca Diếp Bồ Tát v.v... ở nơi thành Câu Thi Na này ta chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Hạng tột hạ căn đức Như Lai trọn chẳng chuyển pháp luân cho họ. Hạng tột hạ căn tức là nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng : Một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Như Lai ở thành Ba La Nại vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu Thi Na này chuyển đại pháp luân cho hạng thượng tinh tấn.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước Như Lai ở thành Ba La Nại, chuyển pháp luân lần đầu tiên, có tám muôn Thiên nhơn chứng đặng quả Tu Đà Hoàn. Nay trong hội thuyết pháp tại thành Câu Thi Na này, có tám mươi muôn ức người chứng bực bất thối chuyển Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, Đại Phạm Thiên Vương đảnh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu Thi Na này, Ca Diếp Bồ Tát đảnh lễ thỉnh Phật chuyển đại pháp luân.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không, và vô ngã. Nay tại thành Câu Thi Na này Như Lai giảng thuyết về thường, lạc, ngã và tịnh.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước ở thành Ba La Nại, lúc thuyết pháp tiếng nói của Phật nghe xa đến

trời Phạm Thiên. Nay tại thành Câu Thi Na này, lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật khắp đến hai mươi hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật Thế Tôn phàm có lời nói ra đều gọi là chuyển pháp luân.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo, kẻ chưa hàng phục có thể làm cho hàng phục, người đã hàng phục có thể làm cho an ổn. Chư Phật Thế Tôn phàm có thuyết pháp cũng như vậy. Vô lượng phiền não người chưa điều phục có thể làm cho điều phục, người đã điều phục làm cho sanh căn lành.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo có thể phá tan tất cả oán tặc. Cũng vậy, đức Như Lai thuyết pháp có thể làm cho tất cả giặc phiền não thảy đều tịch tịnh.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương có luân bảo trên dưới xoay chuyển. Cũng vậy, Như Lai thuyết pháp có thể làm cho các chúng sanh ở ác thú sanh lên cõi trời người nhẫn đến thành Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên khen rằng đức Như Lai ở nơi đây lại chuyển pháp luân".

Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Đối với nghĩa này chẳng phải là tôi không biết. Hỏi Phật là vì muốn lợi ích cho những chúng sanh. Từ lâu tôi đã biết chuyển pháp luân thiệt là cảnh giới của

chư Phật Như Lai, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn thật hành Thánh hạnh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn do nghĩa gì gọi là Thánh hạnh ?".

- Này Thiện nam tử ! Thánh là nói chư Phật Thế Tôn. Do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là chỗ thật hành của chư Phật thời chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có thể tu hành được.

- Này Thiện nam tử ! Đây là chư Phật Thế Tôn an trụ nơi Đại Niết Bàn này mà phân biệt khai thị như vậy, do nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát nghe như vậy rồi thời có thể phụng hành nên gọi là Thánh hạnh. Đại Bồ Tát này đặng tu hành hạnh đây rồi thời đặng trụ nơi bực vô sở úy. Chẳng còn sợ tham, sân, si, sanh, lão, bịnh, tử. Cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ.

Này Thiện nam tử ! Luân về sự ác có hai hạng : Một là A Tu La, hai là trong loài người. Trong loài người có ba hạng ác : Một là nhứt xiển đề, hai là hạng hủy báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng, ba phạm bốn tội trọng. Trụ trong vô sở úy này, hàng

Bồ Tát trọn chẳng sợ đọa trong những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ Sa Môn, Bà La Môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên ma Ba tuần. Cũng chẳng còn sợ

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ bực vô sở úy chứng đặng hai mươi lăm môn tam muội, phá hoại hai mươi lăm cõi. Đặng vô cấu tam muội có thể phá hoại cõi địa ngục. Đặng bất thối tam muội có thể phá hoại cõi súc sanh. Đặng tâm lạc tam muội có thể phá hoại cõi ngạ quỉ. Đặng hoan hỷ tam muội có thể phá hoại cõi A tu la. Đặng nhựt quang tam muội có thể dứt cõi Phất Bà Đề. Đặng nguyệt quang tam muội có thể dứt cõi Cù Da Ni. Đặng nhiệt diệm tam muội có thể dứt cõi Uất đơn Việt. Đặng như huyễn tam muội có thể dứt Diêm Phù Đề. Đặng nhứt thiết pháp bất động tam muội có thể dứt cõi Tứ Thiên Vương. Đặng tồi phục tam muội có thể dứt cõi Đao Lợi Thiên. Đặng duyệt ý tam muội có thể dứt cõi Diệm Ma Thiên. Đặng thanh sắc tam muội có thể dứt cõi Đâu Suất Thiên. Đặng huỳnh sắc tam muội có thể dứt cõi Hóa Lạc Thiên. Đặng xích sắc tam muội có thể dứt cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Đặng bạch sắc tam muội có thể dứt cõi Sơ Thiền. Đặng chủng chủng tam muội có thể dứt cõi Đại Phạm Vương. Đặng song tam muội có thể dứt cõi Nhị Thiền. Đặng lôi âm tam muội có thể dứt cõi Tam

Thiền. Đặng chú võ tam muội có thể dứt cõi Tứ Thiền. Đặng như hư không tam muội có thể dứt cõi Vô Tưởng. Đặng chiếu cảnh tam muội có thể dứt cõi Tịnh Cư A Na Hàm. Đặng vô ngại tam muội có thể dứt cõi Không xứ thiên. Đặng thường tam muội có thể dứt cõi Thức xứ thiên. Đặng lạc tam muội có thể dứt cõi Bất dụng xứ thiên. Đặng ngã tam muội có thể dứt cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên.

Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng hai mươi lăm tam muội dứt hai mươi lăm cõi.

Này Thiện nam tử ! Hai mươi lăm môn tam muội này gọi là vua của các môn tam muội. Đại Bồ Tát nhập trong những môn tam muội vương này, nếu muốn thổi hoại núi Tu Di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tâm niệm của mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên, cũng đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cõi đại thiên để vào trong một lỗ chân lông nơi thân của mình liền có thể tùy ý, cũng có thể làm cho những chúng sanh đó không có quan niệm chật hẹp. Nếu muốn hóa làm vô lượng chúng sanh đầy khắp trong cõi đại thiện, cũng liền có thể tùy ý. Muốn chia một thân làm nhiều thân, lại hiệp nhiều thân làm một thân, dầu làm những sự như vậy nhưng tâm không trụ trước, dường như hoa sen.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nhập trong những môn tam muội vương như vậy rồi, liền đặng trụ nơi

bực tự tại. Bồ Tát trụ bực tự tại này thời đặng sức tự tại, tùy ý muốn sanh chỗ nào liền đặng vãng sanh.

Ví như Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại. Cũng vậy, tất cả chỗ muốn thọ sanh Bồ Tát này có thể tùy ý vãng sanh.

Bồ Tát này nếu thấy tất cả chúng sanh nơi địa ngục, kẻ nào có thể làm cho sanh căn lành, Bồ Tát liền qua mà thọ sanh trong đó, dầu sanh nhưng chẳng phải là nghiệp quả, do sức tự tại mà thọ sanh trong đó. Bồ Tát này dầu ở nơi địa ngục nhưng chẳng bị những sự khổ đốt cháy nát thân v.v...

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức như vậy, còn không thể nói hết, huống là công đức của Phật mà có thể nói được".

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Bồ Tát tên là Trụ Vô Cấu Tạng Vương, có oai đức lớn thành tựu thần thông, đặng đại tổng trì đầy đủ môn tam muội, chứng bực vô sở úy, liền đứng dậy trịch y bày vai bên hữu quỳ gối hữu, chấp tay bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói : Chư Phật Bồ Tát thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức thiệt không thể nói được. Ý tôi còn cho rằng vẫn chẳng bằng kinh điển Đại thừa này vì nhơn sức của kinh Đại thừa Phương Đẳng này

nên có thể xuất sanh chư Phật Thế Tôn Vô thượng Chánh giác".

Phật khen rằng : Lành thay ! Lành thay ! Phải lắm đúng như lời ông nói. Những kinh Phương Đẳng Đại thừa dầu thành tựu vô lượng công đức, muốn so sánh với kinh này thời không thể kịp được, trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng kịp được.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa sanh ra chất lạc, từ lạc sanh ra chất sanh tô, từ sanh tô sanh ra chất thục tô, từ thục tô sanh ra chất đề hồ. Chất đề hồ là vị hơn hết, nếu có người uống chất này các thứ bệnh đều tiêu trừ, bao nhiêu chất thuốc đều vào trong đề hồ.

Cũng vậy, từ Phật có ra mười hai loại kinh, từ mười hai loại kinh có ra Tu Đa La, từ Tu Đa La có ra kinh Phương Đẳng, từ kinh Phương Đẳng có ra Bát Nhã Ba La Mật, từ Bát Nhã Ba La Mật có ra Đại Niết Bàn, như chất đề hồ. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên nói rằng Như Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói được tính được".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật khen kinh Đại Niết Bàn như chất đề hồ là vị thượng diệu, nếu có người uống đề hồ thời những

chứng bịnh đều tiêu trừ, tất cả các vị thuốc đều vào trong chất đề hồ. Tôi nghe lời này trộm nghĩ rằng : Nếu có người chẳng nghe chẳng lãnh thọ được kinh này, phải biết người đó rất là ngu si không có tâm lành.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thiệt có thể kham chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh Đại Niết Bàn này. Biên chép đọc tụng thông thuộc, rồi vì người mà giảng rộng ý nghĩa đó.

Bạch Thế Tôn ! Nếu có chúng sanh tham trước của cải, tôi sẽ bố thí của cải rồi sau đem kinh Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc. Nếu có người sang quí, tôi trước dùng ái ngữ để được cảm tình, rồi sau lần lần sẽ đem kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này khuyên họ đọc. Nếu là kẻ thường dân, tôi sẽ dùng oai thế ép họ đọc tụng. Nếu với người kiêu mạn tôi sẽ làm tôi tớ họ, tùy thuận ý của họ cho họ vui lòng, rồi sau sẽ đem kinh Đại Niết Bàn này mà dẫn dắt họ. Nếu có người hủy báng kinh Đại thừa tôi sẽ dùng thế lực hàng phục họ, rồi sau khuyên họ đọc kinh Đại Niết Bàn. Nếu có người ưa thích kinh Đại thừa, tôi đích thân đến cũng kính cúngdường tôn trọng tán thán họ".

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : Lành thay ! Lành thay ! Ông thiệt đáng là người ưa thích kinh điển Đại thừa, tham kinh Đại thừa, thọ kinh Đại thừa,

say kinh Đại thừa, kính tin tôn trọng cúng dường kinh Đại thừa.

Này Thiện nam tử ! Nay do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa đại Bồ Tát, đặng thành Vô thượng Chánh giác trước. Chẳng bao lâu ông cũng sẽ vì đại chúng diễn nói tạng bí mật Đại Niết Bàn, Như Lai, Phật tánh, như ta hôm nay.

Này Thiện nam tử ! Về thuở quá khứ thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà La Môn tu hạnh Bồ Tát, có thể thông đạt những kinh luận của tất cả ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ta thanh tịnh chẳng bị các dục nhiễm ở ngoài phá hoại, dứt lửa sân hận, thọ trì pháp môn thường, lạc, ngã, tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại thừa, nhẫn đến vẫn chẳng được nghe danh tự kinh Phương Đẳng. Bấy giờ ta ở núi Tuyết. Núi này thanh tịnh có suối chảy ao tắm, rừng rậm cây thuốc, hoa thơm nở khắp núi, chim thú không thể tính đếm, nhiều thứ trái ngon, lại có vô lượng ngó sen, củ ngọt củ thơm. Ta ở một mình trong núi chỉ ăn các thứ trái, ăn xong ngồi thiền chuyên tâm quán tưởng. Ta tu khổ hạnh như vậy trải qua vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời cùng tên kinh Đại thừa.

Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên thấy ta bền tu khổ hạnh như vậy lòng họ kinh sợ bảo nhau rằng : Chúng ta nên xem coi :

Trong núi Tuyết thanh tịnh,
Người ly dục tịch tịnh
Vua công đức trang nghiêm,
Đã lìa tham sân mạn
Dứt hẳn lòng ngu si,
Miệng chưa từng nói ra
Những lời thô ác thảy.

Có một vị Thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói kệ rằng :

Người ly dục như vậy
Thanh tịnh siêng tinh tấn,
Toan chẳng cầu Đế Thích
Và làm chư Thiên ư !
Nếu là hạng ngoại đạo
Họ tu hành khổ hạnh
Phần nhiều đều mong cầu
Tòa ngồi của Đế Thích.

Có một vị Tiên thiên tử lại vì Đế Thích mà nói kệ rằng :

Thiên Chúa Kiều Thi Ca
Chẳng nên sanh lòng lo
Ngoại đạo tu khổ hạnh
Hà tất cầu Đế Thích.

Thiên tử này lại thưa với Đế Thích : "Bực đại sĩ trong đời vì chúng sanh nên chẳng tham luyến thân mình mà tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh. Hạng người như vậy thấy rõ những lỗi lầm trong dòng sanh tử, dầu của báu đầy cả mặt đất, đại sĩ này cũng chẳng tham muốn như thấy mũi dãi. Bực đại sĩ này rời bỏ của cải, vợ con, đầu mắt, tủy não, tay chơn, da thịt, nhà cửa, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ, cũng chẳng mong cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong muốn làm cho tất cả chúng sanh được an vui. Như chỗ tôi hiểu bực đại sĩ như vậy lòng thanh tịnh không ô nhiễm, đã dứt hết phiền não chỉ muốn cầu quả Vô thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn bảo rằng : "Theo như lời ông nói thời người ấy vì nhiếp thủ tất cả chúng sanh trong đời. Này Đại Tiên ! Nếu trong đời này có Phật dứt trừ được tất cả rắn độc phiền não của chư Thiên, loài người và A tu la. Nếu các chúng sanh ở trong bóng mát của Phật thời tất cả những độc phiền não đều tiêu diệt. Này Đại Tiên ! Bực Đại sĩ này nếu trong đời vị lai sẽ thành Phật, thời chúng ta sẽ được dứt trừ vô lượng phiền não. Việc này thiệt là khó tin, vì vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ Đề, bị chút ít duyên liền thối thất Bồ Đề tâm, như bóng trăng trong nước, nước động thời trăng động. Lại như họa tượng, khó thành mà dễ hư. Cũng vậy, tâm Bồ Đề khó phát mà dễ thối thất.

cầm gậy muốn đi dẹp giặc, lúc ra đến chiến trận lòng sợ sệt thời bèn chạy lui. Cũng vậy vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề tự trang nghiêm bền chắc, lúc thấy lỗi sanh tử lòng sợ sệt, bèn thối thất. Này Đại Tiên ! Ta từng thấy vô lượng chúng sanh sau khi phát tâm Bồ Đề đều bị thối chuyển. Vì thế nên nay dầu thấy người này tu khổ hạnh tịch tịnh không phiền não nhưng ta chưa tin được. Nay ta sẽ thử đến xem người này thiệt có thể gánh vác nổi Vô thượng Bồ Đề chăng ? Này Đại Tiên ! Như xe có hai bánh thời có công dụng chở chuyên, như chim có hai cánh mới có thể bay đi. Người tu khổ hạnh này, dầu thấy là giữ gìn giới cấm, nhưng chưa biết có trí sâu chăng ? Nếu có trí sâu thời có thể gánh nổi Vô thượng Bồ Đề. Này Đại Tiên ! Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con, nhưng số cá được lớn khôn rất ít. Như cây Am la nhiều bông mà ít trái. Chúng sanh phát tâm Bồ Đề đông vô lượng nhưng ít người được thành tựu. Này Đại Tiên ! Ông nên cùng ta đồng qua thử đó. Như vàng ròng sau khi thử đủ ba cách mới biết là vàng thiệt, là đốt đập và mài. Nay chúng ta cũng thử người tu khổ hạnh này.

Lúc đó Thích Đế Hoàn Nhơn tự biến thân mình làm quỉ La Sát dung mạo đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người tu khổ hạnh, cất tiếng thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ :

Các hạnh vô thường
Là pháp sanh diệt.

Quỉ La Sát nói nửa kệ xong liếc mắt tìm ngó bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng rất vui mừng, như người khách buôn ban đêm đến đường hiểm lạc mất đồng bạn, kinh sợ tìm kiếm bỗng gặp được đồng bạn, lòng rất vui mừng. Cũng như người bịnh lâu chưa gặp được lương y, về sau bỗng gặp được. Như người trôi nổi ngoài biển khơi bỗng gặp được thuyền bè. Như người quá khát gặp được nước mát trong. Như người bị oán địch rượt mà chạy thoát được. Như người bị trói nhốt đã lâu bỗng đặng thả. Cũng như nhà nông trời nắng hạn mà gặp mưa. Như người đi xa trở về đến nhà, cả nhà đều vui mừng.

Này Thiện nam tử ! Lúc nghe được nửa bài kệ ấy, lòng người khổ hạnh vui mừng cũng như vậy. Liền đứng dậy lấy tay đỡ tóc lên ngó tìm bốn phía nói rằng : "Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ?" Ngó mãi không thấy người nào khác chỉ thấy quỉ La Sát bèn nói rằng : "Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể thuật lời của Phật như vậy ? Ai có thể ở trong giấc ngủ sanh tử mà có thể riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn này đem đạo vị vô thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói khát trong vòng sanh tử ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm trong

biển sanh tử ? Những chúng sanh này thường mang bịnh nặng phiền não, ai có thể làm lương y nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm của tôi. Như mặt trăng nửa như hoa sen hé nở.

Người khổ hạnh lúc đó không thấy có ai khác chỉ thấy quỉ La Sát nghĩ rằng có lẽ quỉ này nói hai câu kệ ấy chăng ? Rồi lại nghĩ rằng quỉ này hình dung hung dữ đáng sợ, phàm người đặng nghe những câu kệ ấy thời tất cả sự sợ sệt xấu xa liền tiêu trừ, đâu có lẽ người hình mạo xấu xa này mà có thể nói lời kệ ấy. Như trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời chẳng sanh được nước mát. Rồi lại tự trách : Ta thật là vô trí hoặc quỉ này đặng gặp chư Phật quá khứ, nên được nghe nửa bài kệ ấy, nay ta nên hỏi ý nghĩa của lời ấy". Suy nghĩ xong liền đến trước quỉ La Sát nói rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đại Sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy".

Quỉ La Sát liền đáp rằng : "Này Bà La Môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy. Vì ta đã nhiều ngày không được ăn đói khát khổ não tâm ý mê loạn. Ta tìm cầu khắp nơi vẫn chẳng được thức ăn. Vì thế nên ta nói những lời như vậy".

Người khổ hạnh lại nói với quỉ La Sát : "Nếu Đại Sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử ngài. Kệ của Đại sĩ vừa nói lời chẳng đủ, nghĩa chẳng trọn, sao Đại sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài thí thời có cạn hết, còn pháp thí thời

chẳng thể cùng tận, nhiều sự lợi ích. Tôi nghe nửa bài kệ ấy sanh lòng kinh nghi. Trông mong Ngài vì tôi mà nói cho trọn, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử Ngài".

Quỉ La Sát nói : "Ông tham thái quá chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đương đói khổ thiệt không thể nói đặng".

Người khổ hạnh hỏi : "Thức ăn của Ngài là vật gì ?".

Quỉ nói : "Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra thời mọi người phải kinh sợ".

Người khổ hạnh nói : "Giữa đây chỉ có mình tôi không có người nào khác. Tôi không sợ, Ngài cứ nói".

Quỉ nói : "Tôi chỉ ăn thịt người tươi nóng, chỉ uống máu nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Ta tìm khắp các nơi mà chẳng đặng. Trong đời dầu có người đông nhiều, nhưng mỗi người đều có phước đức, lại được chư Thiên Thần thủ hộ, ta không đủ sức bắt ăn được".

Người khổ hạnh nói : "Ngài cứ nói đủ bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cho Ngài dùng. Thưa Đại sĩ nếu lúc tôi chết thân này sẽ không dùng vào việc gì được, sẽ bị cọp, sói, chim hiêu, kên kên ăn mổ, không được một mảy phước đức. Nay tôi vì cầu vô thượng Bồ Đề xả thí thân vô thường chẳng bền này, để đổi lấy thân thường trụ bền chắc".

Quỉ nói : "Ai tin được lời của ông, chỉ vì có tám chữ mà thí bỏ thân đáng mến đáng tiếc".

Người khổ hạnh nói : "Như có người đem đồ đặng thân kim cương. Ngài nói ai tin được lời tôi ?

Các vị Đại Phạm Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn và Tứ Thiên Vương có thể chứng minh lời tôi. Lại có các vị Bồ Tát tu hành Đại thừa đủ Lục độ, lợi ích vô lượng chúng sanh, có thiên nhãn cũng chứng biết được lời của tôi, Thập phương chư Phật cũng chứng biết cho tôi vì tám chữ mà xả thí thân mạng".

Quỉ nói : "Nếu ông có thể xả thí thân mạng như vậy, thời nên lóng nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ sau".

Người khổ hạnh nghe quỉ hứa nói vui mừng hớn hở, liền cởi tấm da nai đang mặc trên thân trải tòa rồi mời quỉ : "Bạch Hòa Thượng, xin thỉnh Ngài lên tòa này".

Quỉ ngồi xong, người khổ hạnh quì dài, vòng tay thưa rằng : "Mong Hòa Thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ".

Quỉ La Sát liền tuyên rằng :

Sanh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.

Quỉ La Sát nói hai câu kệ rồi bảo rằng : "Này đại Bồ Tát nay ông đã nghe đủ cả nghĩa bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh giờ đây nên thí thân cho ta".

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ những nghĩa trong bài kệ rồi biên chép lên trên đá, trên vách, trên cây, bên đường đi. Tự cột áo xiêm sợ sau khi chết thân thể lõa lồ rồi leo lên cây cao.

Thọ thần bảo người khổ hạnh : "Lành thay ! Lành thay ! Nay ông muốn làm việc gì ?".

Người khổ hạnh đáp : "Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ".

Thọ thần nói : "Bài kệ như vậy có những lợi ích gì ?".

Người khổ hạnh đáp : "Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của Phật ba đời, trong ấy chỉ dạy đạo pháp chơn không. Tôi vì pháp này muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà thí xả thân này, chẳng phải vì lợi danh, chẳng cầu Chuyển Luân Thánh Vương, Tứ Thiên Vương, Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương, chẳng cầu quả vui của người, của trời".

Lúc sắp sửa xả thân, người khổ hạnh nói rằng : "Nguyện cho tất cả người tham lam bỏn sẻn đều thấy tôi xả thân. Những người bố thí chút ít sanh lòng cống cao cũng đặng thấy tôi vì một bài kệ mà xả thân mạng".

Nói xong, người khổ hạnh buông mình từ trên cây rơi xuống. Lúc thân chưa tới đất. Trong hư không vang ra các thứ tiếng thấu đến cõi trời Sắc Cứu Cánh. Quỉ La Sát hườn lại hình Thiên Đế hứng lấy thân người khổ hạnh để nhẹ nhàng xuống đất.

Bấy giờ Thích Đề Hoàn Nhơn, Đại Phạm Thiên Vương cùng chư Thiên đảnh lễ người khổ hạnh mà khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Thiệt là Bồ Tát có thể lợi ích nhiều cho vô lượng chúng sanh, muốn thắp đuốc pháp lên giữa đêm tối vô minh. Vì tôi mến tiếc pháp lớn của Như Lai nên có nhiễu não Ngài. Ngưỡng mong Ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai Ngài quyết định thành Vô thượng Chánh giác. Khi được thành Phật, mong Ngài tế độ chúng tôi".

Nói xong, Thích Đề Hoàn Nhơn và chư Thiên đảnh lễ người khổ hạnh, cáo từ, bỗng nhiên ẩn mất.

Này Thiện nam tử ! Người khổ hạnh thuở xưa chính là tiền thân của ta. Ngày trước vì nửa bài kệ ấy mà ta xả thí thân mạng. Do có đó ta đặng vượt bực thành Phật trước Di Lặc mười hai kiếp.

Này Thiện nam tử ! Ta đặng vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp của Như Lai

Nay ông phát tâm Vô thượng Bồ Đề, thời ông cũng đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Bát Niết Bàn tu hành Thánh hạnh".

XX

PHẨM PHẠM HẠNH

Thứ hai mươi

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát Ma Ha Tát tu phạm hạnh như thế nào ? Bồ Tát Ma Ha Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn, trụ bảy pháp lành thời phạm hạnh đầy đủ.

Bảy pháp lành là : Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết giờ, bốn là biết tri túc, năm là biết mình, sáu là biết chúng, bảy là biết tôn ty.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết pháp. Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này biết mười hai bộ kinh, tức là Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Dà Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đà Na, Xà Đà Dà, Tỳ Phật Lược A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Bà Đề Xá.

Đây là khế kinh Tu Đa La : Từ "Như thị ngã văn nhẫn đến câu hoan hỷ phụng hành" tất cả như

vậy gọi là Tu Đa La kinh (Trường hàng). Đây là Kỳ Dạ : Phật bảo các Tỳ Kheo ngày xưa ta cùng các ông ngu si không trí huệ, chẳng thể thấy bốn chơn đế đúng như thật, nên lưu chuyển mãi trong biển khổ sanh tử. Bốn chơn đế là : Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Ngày xưa đức Phật vì các Tỳ Kheo nói khế kinh xong lại có hàng chúng sanh căn trí sáng tỏ, vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật hỏi mọi người rằng : Đức Như Lai vừa rồi nói những việc gì ? Lúc đó Phật vì hàng chúng sanh ấy đem kinh vừa giảng nói thành kệ tụng :

Ta xưa cùng các ông
Chẳng thấy bốn chơn đế,
Nên phải lưu chuyển mãi
Trong biển khổ sanh tử.
Nếu thấy được bốn đế
Thời dứt đặng sanh tử.
Sanh tử đã hết rồi
Chẳng còn thọ thân nữa.

Kệ tụng trên đây gọi là Kỳ Dạ kinh (Trùng tụng).

Những gì gọi là Thọ Ký ? Như có lúc đức Như Lai nói kinh hay luật, vì các hàng trời hay người mà thọ ký sẽ làm Phật. Như nói : "Đời sau có vua hiệu là Nhương Khư, ông A Dật Đa sẽ ở cõi này thành

bực chánh giác hiệu là Di Lặc Phật". Đây gọi là Thọ Ký kinh.

Những gì gọi là Dà Đà ? Trừ trường hàng và các giới luật, ngoài ra những bài kệ bốn câu như :

Các điều ác chớ làm
Phụng hành những điều lành,
Lóng sạch tâm ý mình,
Là lời dạy của Phật.

Trên đây gọi là Dà Đà kinh (kệ Cô khởi).

Những gì gọi là Ưu Đà Na ? Như đức Phật lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư Thiên giảng rộng các pháp yếu. Lúc đó các Tỳ Kheo đều nghĩ rằng : Giờ đây đức Như Lai đang làm việc gì ?

Sáng ngày sau, đức Như Lai xuất định, không ai hỏi, dùng tha tâm trí mà tự nói rằng : Này các Tỳ Kheo ! Tất cả chư Thiên thọ mạng rất dài. Lành thay ! Các Tỳ Kheo biết vì người, chẳng cầu tư lợi, biết thiểu dục, biết tri túc, được tịch tịnh.

Những kinh như trên đây không ai hỏi đức Phật tự giảng nói đó gọi là Ưu Đà Na kinh (Tự thuyết).

Những gì là Ni Đà Na ? Như trong các kinh do nhơn duyên Phật vì người khác diễn nói. Lệ như : Trong nước Xá Vệ có một chàng trai giăng lưới bắt chim, bắt đặng chim nhốt trong lồng, cho ăn lúa uống nước rồi lại thả đi. Đức Thế Tôn biết nhơn duyên đó mà nói kệ rằng :

Chớ khinh tội nhỏ
Cho là không họa
Giọt nước dầu nhỏ
Lần đầy lu lớn.

Như trên đây gọi là Ni Đà Na kinh (Nhơn duyên).

Những gì là A Ba Đà Na ? Như những thí dụ trong luật nói.

Những gì là Y Đế Mục Đa Dà ! Lệ như đức Phật nói : Này các Tỳ Kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta dạy bảo gọi là giới kinh. Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời Phật dạy gọi là trống Cam Lồ. Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi Pháp cảnh.

Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là Phân biệt không.

Như trên đây gọi là Y Đế Mục Đa Dà kinh (Bổn sự).

Những gì là Xà Đà Dà ? Lệ như đức Phật xưa kia làm vị Bồ Tát tu khổ hạnh. Như Phật nói : Này các Tỳ Kheo ! Thuở quá khứ ta từng làm nai, làm gấu, làm cheo, làm thỏ, làm quốc vương, làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm rồng, làm kim súy điểu v.v... Như trên đây gọi là Xà Đà Dà kinh (Bổn sanh).

Những gì là Tỳ Phật Lược ? Tức là những kinh điển thuộc về Đại thừa Phương Đẳng nghĩa lý rộng lớn dường như hư không (Phương quảng).

Những gì là Vị Tằng Hữu ? Lệ như lúc đức Bồ [illegible] Lai. Lệ như chó cổ trắng đến bên Phật nghe pháp. Lệ như ma vương Ba Tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, làm cho các bát sành đụng chạm lẫn nhau mà không nứt bể. Lệ như Phật lúc mới sanh lúc vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đảnh lễ.

Những đoạn kinh như trên đây gọi là Vị Tằng Hữu kinh.

Những gì là Ưu Ba Đề Xá ? Lệ như đức Phật lúc nói kinh hoặc luận nghĩa cùng phân biệt giảng rộng biện luận các tướng mạo, đây gọi là Ưu Ba Đề Xá kinh (Luận nghị).

(*) Bồ Tát nếu có thể rõ biết mười hai bộ kinh như vậy thời gọi là biết pháp.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết nghĩa ? Nếu Bồ Tát ở nơi tất cả văn tự ngữ ngôn biết rộng những ý nghĩa thời gọi là biết nghĩa.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào là biết giờ ? Bồ Tát khéo biết trong những giờ như vậy có thể tu tịch tịnh, trong những giờ như vậy có thể tu tinh tấn, trong những giờ như vậy có thể tu xả định, trong

(*) Hán bộ quyển thứ 15

những giờ như vậy có thể cúng dường Phật, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Sư trưởng, trong những giờ như vậy có thể tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát nhã Ba la mật. Như trên đây gọi là biết giờ.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là tri túc ?

Bồ Tát biết đủ đối với những việc dưới đây : Uống ăn, y phục, thuốc men, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, nín. Như trên đây gọi là tri túc.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết mình ? Vì Bồ Tát này tự biết rằng ta có đức tin như vậy, có giới như vậy, có đa văn như vậy, có xả như vậy, có huệ như vậy, có đi đến như vậy, có chánh niệm như vậy, có hạnh lành như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết mình.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết người ? Bồ Tát này biết những người đây là hàng Sát Đế Lợi, là hàng Bà La Môn, là hàng Cư sĩ, là hàng Sa môn. Nên ở trong chúng này đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết người.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào gọi là biết người bực tôn bực ty ? Người có hai hạng : Một là có tín tâm, hai là chẳng có tín tâm. Bồ Tát phải biết người có tín tâm thời là người lành, người chẳng có tín tâm thời chẳng gọi là người lành.

Người có tín tâm lại có hai hạng : Một là người thường đến chùa chiền, hai là người chẳng đến chùa. Bồ Tát phải biết người đến chùa là lành, người chẳng đến chùa thời chẳng gọi là lành.

Người đến chùa lại có hai hạng : Một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái, Bồ Tát phải biết người lễ bái là lành, người chẳng lễ bái thời chẳng gọi là lành.

Người lễ bái lại có hai hạng : Một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ Tát phải biết người nghe pháp là lành. Người chẳng nghe pháp thời chẳng gọi là lành.

Người nghe pháp lại có hai hạng : Một là hết lòng lóng nghe, hai là chẳng hết lòng. Bồ Tát phải biết người hết lòng nghe thời gọi là lành, người chẳng hết lòng nghe thời chẳng gọi là lành.

Hết lòng nghe pháp lại có hai hạng : Một là suy gẫm ý nghĩa, hai là chẳng suy gẫm ý nghĩa. Bồ Tát phải biết người gẫm nghĩa là lành, người chẳng gẫm nghĩa thời chẳng gọi là lành.

Người gẫm nghĩa lại có hai hạng : Một là đúng như lời nói thật hành, hai là chẳng thật hành đúng như lời nói. Người thật hành gọi là lành, người chẳng thật hành thời chẳng gọi là lành.

Thật hành đúng như lời nói lại có hai hạng : Một là cầu quả Thanh Văn chẳng có thể lợi ích an lạc tất cả chúng sanh khổ não, hai là hồi hướng Đại

thừa Vô thượng, lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc. Bồ Tát phải biết lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc là điều lành vô thượng.

Này Thiện nam tử ! Như trong các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp hơn tất cả. Như trong các mùi vị, chất cam lồ là hơn hết. Bồ Tát này ở nơi trong hàng trời người là bực hơn tất cả không gì ví dụ được.

Như trên đây gọi là bực đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại thừa Đại Niết Bàn an trụ nơi bảy pháp lành. Bồ Tát trụ nơi bảy pháp lành này thời đặng đầy đủ phạm hạnh.

Này Thiện nam tử ! Lại có phạm hạnh gọi là từ, bi, hỷ, xả.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu người tu hạnh từ có thể dứt sân khuể. Người tu lòng bi cũng dứt được sân khuể. Sao lại nói là bốn tâm vô lượng. Xét theo nghĩa đó thời lẽ ra chỉ có ba.

Thế Tôn ! Lòng từ có ba duyên : Một là duyên chúng sanh, hai là duyên nơi pháp, ba thời duyên không. Lòng bi, hỷ, xả, cũng ba duyên như vậy, nếu theo nghĩa này thời lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn :

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm nguyện cho họ được vui. Duyên nơi pháp là những vật chúng sanh cần dùng đem ban cho họ. Không duyên tức là duyên nơi Như Lai.

Lòng từ thời phần nhiều duyên nơi chúng sanh nghèo cùng. Đức Như Lai Đại Sư lìa hẳn sự nghèo cùng hưởng sự vui đệ nhứt. Nếu duyên chúng sanh thời chẳng duyên nơi Phật, Pháp cũng như vậy, vì do nghĩa này nên duyên Như Lai gọi là không duyên.

Thế Tôn ! Lòng từ duyên tất cả chúng sanh, như Pháp duyên là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Thấy tất cả pháp đều từ nơi duyên sanh ra. Đây gọi là Pháp duyên.

Vô duyên là chẳng trụ nơi pháp tướng và chúng sanh tướng.

Từ, bi, hỷ, xả, đều duyên như vậy, vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Người có hai hạng : một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành nhiều tu từ bi, người ái hành nhiều tu hỷ xả. Vì thế nên đáng lẽ có hai chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Luận về vô lượng gọi là vô biên. Vì chẳng thể được biên bờ nên gọi là vô lượng. Nếu là vô lượng thời lẽ ra nên có một chẳng nên nói là bốn.

Nếu nói là bốn đâu đặng vô lượng.

Vì thế là một chẳng nên là bốn vậy".

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Chư Phật Như Lai vì mọi loài chúng sanh mà giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật khó hiểu biết được. Hoặc vì chúng sanh nói một nhơn duyên. Như nói những gì là một nhơn duyên, tức là tất cả pháp hữu vi.

Hoặc nói hai thứ là nhơn cùng quả.

Hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ.

Hoặc nói bốn thứ là vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và vô sanh.

Hoặc nói sáu thứ là nhơn quả ba đời.

Hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc thọ, ái và thủ. Hoặc nói tám thứ là trong mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói chín thứ như trong Thánh kinh nói mười hai nhơn duyên trừ vô minh, hành và thức.

Hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát Giá Ni Kiền Tử nói mười hai nhơn duyên trừ sanh.

Hoặc có lúc nói đủ cả mười hai nhơn duyên. Như nơi thành Vương Xá vì Ca Diếp v.v... nói vô minh nhẫn đến sanh, lão, bệnh, tử.

Này Thiện nam tử ! Như một nhơn duyên vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ, vô lượng tâm cũng như vậy

Này Thiện nam tử ! Vì do nghĩa này đối với hạnh thâm mật của Như Lai chẳng nên sanh nghi.

Đức Như Lai có phương tiện lớn : Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường, nói vui là khổ, nói khổ là vui, bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh, ngã nói là vô ngã, vô ngã nói là ngã, nơi vô tình nói là hữu tình, nơi hữu tình nói là vô tình, chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng phải vật, chẳng phải thiệt nói là thiệt, thiệt nói là chẳng phải thiệt, chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh, chẳng phải sanh nói là sanh, sanh nói là chẳng phải sanh, nhẫn đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh, sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc, chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì điều phục chúng sanh dùng vô lượng phương tiện như vậy há lại là hư vọng ư !.

Hoặc có chúng sanh tham của cải, đối với người đó ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển Luân, theo chỗ cần dùng của người đó cung cấp các thứ vật dụng trong nhiều năm, rồi sau giáo hóa nó cho nó được trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh tham đắm ngũ dục, trong nhiều năm ta đem ngũ dục cung cấp nó, rồi sau khuyến hóa, cho nó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh sang giàu, thời ta trong nhiều năm vì người đó mà làm tôi tớ hầu hạ cho người đó vừa lòng, rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có chúng sanh cứng cỏi tự thị cần có người can gián, thời ta trong nhiều năm can ngăn khuyên dạy, làm cho tâm người đó điều thuận rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử, đức Như Lai trong vô lượng năm dùng mọi thứ phương tiện làm cho chúng sanh được trụ nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy há lại hư vọng ư !

Chư Phật Như Lai dầu ở trong chỗ ác nhưng như hoa sen không bị nhiễm ô.

Này Thiện nam tử ! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy, tâm vô lượng này thể tánh có bốn. Nếu có người tu hành thời sanh lên cõi trời Đại Phạm.

Tâm vô lượng này có bốn loại, nên nói là bốn.

Luận về người tu lòng từ có thể dứt tham dục. Người tu lòng bi có thể dứt sân khuể. Người tu lòng hỷ có thể dứt sự chẳng vui. Người tu lòng xả có thể dứt tham dục và sân khuể.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải một, hai, cũng chẳng phải ba.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói lòng từ có thể dứt được sân, lòng bi cũng như vậy nên nói là ba đó, ông chẳng nên nạn như vậy. Sân khuể có hai thứ : một là giết chết, hai là đánh đập. Tu lòng từ thời dứt được sự giận giết chết. Tu lòng bi thời dứt được sự giận đánh đập. Do nghĩa đó há lại chẳng phải là bốn ư !

Sân lại có hai thứ : Một là sân với chúng sanh, hai là sân với chẳng phải chúng sanh. Người tu lòng từ dứt được sự sân với chúng sanh. Người tu lòng bi dứt được sự sân với chẳng phải chúng sanh.

Sân lại có hai thứ : Một là có nhơn duyên, hai là không nhơn duyên.

Tu lòng từ dứt được sự sân có nhơn duyên. Tu lòng bi dứt được sự sân không nhơn duyên.

Sân lại có hai thứ : Một là tập quán quá khứ, hai là tập quán hiện tại. Tu lòng từ dứt được sân quá khứ. Tu lòng bi dứt được sân hiện tại.

Sân lại có hai thứ : Một là sân Thánh nhơn, hai là sân phàm phu. Tu lòng từ dứt được sân Thánh nhơn. Tu lòng bi dứt được sân phàm phu.

Sân lại có hai thứ : Một là thượng, hai là trung. Tu lòng từ dứt được sân hạng thượng. Tu lòng bi dứt được sân hạng trung.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên gọi là bốn, đâu đặng nạn rằng : Nên ba chẳng nên bốn. Thế

nên tâm vô lượng này loại của nó đối nhau phân biệt làm bốn.

Lại do vì căn khí nên thành bốn : Căn khí nếu có tâm từ thời chẳng đặng có tâm bi, hỷ, xả. Vì do nghĩa này nên phải là bốn không bớt được.

Này Thiện nam tử ! Do thật hành sai khác nên phải có bốn. Nếu lúc thật hành hạnh từ không có hạnh bi, hỷ, xả, vì thế nên có bốn.

Này Thiện nam tử ! Do vì vô lượng cũng đặng gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn thứ : Có tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại, có tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên, có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại, có tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại.

Thế nào là tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại ? Duyên nơi vô lượng vô biên chúng sanh mà chẳng đặng chánh định tự tại, dầu đặng chánh định nhưng hoặc đặng hoặc mất.

Thế nào là tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên ? Như duyên cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho được an vui, chẳng phải là duyên vô lượng.

Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại ? Tức là nói chư Phật, Bồ Tát.

Thế nào tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng tự tại ? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể duyên rộng vô lượng chúng sanh cũng chẳng phải tự tại.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa đây nên gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây là cảnh giới của chư Phật.

Bốn thứ vô lượng như vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu gọi là vô lượng, nhưng chỉ chút ít không đáng kể. Chư Phật và Bồ Tát thời đặng gọi là vô lượng vô biên".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Thiệt đúng như lời dạy của Phật. Bao nhiêu cảnh giới của Như Lai, chẳng phải hàng Thanh Van, Duyên Giác biết đến được. Thế Tôn ! Có Bồ Tát nào trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn đặng tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ đại bi chăng ?".

Phật nói : "Có. Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu đối trong hàng chúng sanh phân biệt ba hạng : Một là người thân yêu, hai là kẻ oán ghét, ba là người không thương không ghét. Đối trong những người thương yêu lại chia ba hạng : Thượng, trung, hạ. Đối với kẻ oán ghét cũng vậy. Vị Bồ Tát này ở trong hạng thương yêu bực thượng ban cho sự vui tăng thượng. Nơi trong hạng thân yêu bực trung, bực hạ cũng bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng. Ở nơi trong hạng oán ghét bực thượng cho ít phần vui. Nơi trong kẻ oán ghét bực trung cho sự vui vừa vừa. Nơi trong hạng oán ghét bực hạ cho sự vui tăng thượng. Bồ Tát lần lượt tu tập thêm lên như vậy, ở trong hạng oán ghét bực thượng ban cho sự vui vừa vừa, trong hạng oán ghét bực trung,

bực hạ bình đẳng cho sự vui tăng thượng. Lại tu tập thêm nơi những kẻ oán ghét thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng.

Nếu trong hạng oán ghét bực thượng ban cho sự vui tăng thượng, bấy giờ đặng gọi là thành tựu tâm từ.

Lúc bấy giờ Bồ Tát đối với cha mẹ và kẻ oán ghét bực thượng tâm được bình đẳng không sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là đặng tâm từ chẳng phải tâm đại từ".

- Bạch Thế Tôn ! Do duyên gì Bồ Tát đặng tâm từ như vậy mà vẫn chẳng đặng gọi là đại từ ?

- Này Thiện nam tử ! Bởi vì khó thành nên chẳng gọi là Đại từ. Do trong vô lượng kiếp thuở quá khứ chứa nhiều phiền não chưa tu pháp lành, thế nên chẳng có thể ở nơi trong một ngày điều phục được tâm mình.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột đậu đá lúc đã khô lấy dùi ghim trọn không dính được. Phiền não cứng rắn cũng như vậy. Dầu một ngày đêm nhiếp tâm chẳng tán, nhưng khó điều phục được.

Lại như chó nhà chẳng sợ người, còn con nai rừng thấy người sợ chạy. Sân khuể khó trừ như giữ chó nhà, lòng từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm này khó điều phục được. Do nghĩa này nên chẳng gọi là Đại từ.

Này Thiện nam tử ! Ví như khắc trên đá lằn chữ còn mãi. Vẽ trên nước thời chóng mất. Sân như khắc trên đá. Các căn lành như vẽ trên nước. Vì thế nên tâm này khó điều phục được.

Như đống lửa lớn chói sáng được lâu. Ánh sáng của điện chớp thoạt có, liền mất. Sân như đống lửa. Lòng từ như ánh sáng chớp. Vì thế nên tâm này khó điều phục được. Do vì nghĩa này nên chẳng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trụ bực Sơ địa gọi là đại từ. Tại sao vậy ? Vì người tột hung ác gọi là nhứt xiển đề.

Bực Sơ địa Bồ Tát lúc tu Đại thừa nơi hạng nhứt xiển đề tâm không phân biệt chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sanh lòng sân. Do nghĩa này mà đặng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Vì trừ những sự không lợi ích cho các chúng sanh, đây gọi là đại từ.

Muốn cho chúng sanh được vô lượng lợi ích an vui, đây gọi là đại bi.

Đối với các chúng sanh lòng vui mừng đây gọi là đại hỷ. Không thấy có chúng sanh được ủng hộ, đây gọi là đại xả.

Nếu chẳng thấy có ngã, pháp tướng, thân mình, thấy tất cả pháp đều bình đẳng không sai khác đây gọi là đại xả. Tự rời bỏ sự vui của mình mà đem ban cho người khác, đây gọi là đại xả.

Này Thiện nam tử ! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể làm cho Bồ Tát được đầy đủ sáu pháp Ba La Mật, những công hạnh khác chẳng quyết định được như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trước đặng bốn tâm vô lượng thế gian, vậy sau mới phát tâm Vô thượng Bồ Đề, kế đó mới đặng tâm vô lượng xuất thế. Nhơn tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế do vì nghĩa này nên gọi là đại vô lượng".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Trừ sự không lợi ích cùng sự lợi ích an vui thiệt không còn có việc gì để làm. Suy nghĩ như vậy thời là hư vọng quan sát không có lợi ích thiết thiệt.

Thế Tôn ! Ví như Tỳ Kheo lúc quán bất tịnh thấy y của mình đắp đều trở thành tướng da mà thiệt chẳng phải là da. Những thức uống ăn đều thấy thành tướng dòi trùng mà thiệt chẳng phải dòi trùng. Quán bát canh đậu thành tướng phân dãi mà thiệt chẳng phải phân.

Quán dầu bơ đương ăn thấy như tủy óc mà thiệt chẳng phải óc.

Quán xương nát bể dường như bột bún, mà thiệt chẳng phải bột.

Cũng vậy, bốn tâm vô lượng chẳng có thể thiết thực đem sự lợi ích an vui cho chúng sanh. Dầu miệng nói rằng ban vui cho chúng sanh mà thiệt

chúng sanh chẳng được vui. Tu quán như vậy chẳng phải là hư vọng ư !

Thế Tôn ! Nếu chẳng phải hư vọng mà thiệt ban cho sự vui, cớ sao chúng sanh chẳng nhờ oai lực của chư Phật Bồ Tát đặng hoàn toàn an vui tất cả.

Còn nếu quả là thiệt chẳng được an vui đó, như lời Phật nói : Ta nhớ thuở trước riêng tu tâm từ, trải qua bảy phen thành hoại của cõi này chẳng đến sanh trong nhơn gian, lúc thế giới thành sanh lên trời Phạm Thiên. Lúc thế giới hoại sanh lên trời Quang Âm. Khi sanh lên trời Phạm Thiên ta có oai thế tự tại tôn quí hơn hết trong ngàn cõi Phạm Thiên gọi là Đại Phạm Vương. Nếu các chúng sanh đối với ta đều tưởng là bực tôn thượng, thời được làm vua cõi trời Đao Lợi ba mươi sáu lần. Làm vua Chuyển Luân vô lượng trăm ngàn lần.

Riêng tu lòng từ bèn đặng phước báu cõi trời cõi người như vậy. Nếu chẳng thiệt được lợi ích sao hiệp với nghĩa này ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông thiệt là dũng mãnh không e sợ".

Phật liền vì Ca Diếp Bồ Tát mà nói kệ rằng :

Đối với một chúng sanh
Chẳng sanh lòng giận hờn,
Mà muốn ban cho vui

Đây gọi là từ thiện.
Trong tất cả chúng sanh
Nếu sanh được lòng bi
Gọi là thành chủng tánh
Đặng phước báu vô lượng.
Giả sử Tiên ngũ thông
Đông khắp mặt đất này,
Có vua chúa tự tại
Dâng cấp đủ đồ dùng :
Voi, ngựa, các vật dụng,
Thí cho tiên được phước
Chẳng bằng tu lòng từ
Trong một phần mười sáu.

Này Thiện nam tử ! Luận về người tu lòng từ thiệt chẳng phải vọng tưởng, mà chắc chắn là chơn thật. Nếu là lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác thời gọi là hư vọng. Chư Phật, Bồ Tát lòng từ chơn thật chẳng hư vọng. Do đâu mà biết như vậy ? Này Thiện nam tử ! Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn. Quán đất làm vàng, quán vàng làm đất, quán mặt đất thành tướng nước, quán mặt nước thành tướng đất, nước quán thành lửa, lửa quán thành nước, đất quán thành gió, gió quán thành đất, tùy ý thành tựu không có hư vọng. Quán chúng sanh thiệt thành chẳng phải chúng sanh, quán chẳng phải chúng sanh

thành chúng sanh thiệt, đều tùy ý mà thành không có hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Nên biết bốn tâm vô lượng của Bồ Tát là sự tư duy chân thật chẳng phải là không chân thật.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là tư duy chơn thật ? Do vì có thể dứt trừ các phiền não vậy. Luận về tu lòng từ có thể dứt được tham dục, tu lòng bi có thể dứt được sân khuể. Tu lòng hỷ có thể dứt được sự chẳng vui vẻ. Tu lòng xả có thể dứt được tham dục, sân khuể và tướng chúng sanh.

Vì thế nên gọi là Tư duy chơn thật.

Này Thiện nam tử ! Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát có thể làm cội gốc cho tất cả hạnh lành.

Bồ Tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm huệ thí. Do nhơn duyên huệ thí làm cho chúng sanh đặng an vui. Ban cho những đồ uống ăn, xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa, đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy lòng cởi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ Tát không dừng ở chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nói sự sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn,

chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang.

Phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là trì giới hay phá giới, là phước điền hay chẳng phải phước điền, là hàng tri thức hay chẳng phải tri thức. Lúc bố thí cũng chẳng thấy là căn khí hay chẳng căn khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi, cũng chẳng tính là lúc được mùa hay đói kém, chẳng thấy nhơn quả, chẳng phân biệt là chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng phải phước.

Dầu lại chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải nhẫn đến chẳng thấy nhân tu cùng quả báo, mà luôn luôn làm việc bố thí không ngừng.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu thấy người lãnh thọ là trì giới hay phá giới v.v...nhẫn đến thấy có quả báo thời chẳng thể bố thí trọn vẹn. Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời không thể đầy đủ Đàn Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật thời không thể thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người thân bị trúng tên độc. Quyến thuộc của người đó vì muốn cho người đó được an ổn liền mời lương y đến để nhổ tên độc.

Người đó nói đừng động đến chờ tôi quan sát coi mũi tên độc này từ phương nào bay đến, của ai bắn, người bắn là dòng nào : là Sát Đế Lợi hay Bà

La Môn, là Tỳ Xá hay Thủ đà. Nghiệm coi mũi tên làm bằng cây, bằng tre hay bằng gỗ liễu. Mũi sắt từ lò nào rèn, cứng hay mềm, đuôi lông là lông cánh chim gì, chim quạ hay kên kên. Chất độc tẩm trong mũi tên tự nhiên mà có hay chế ra, là độc của loài người hay độc của loài rắn.

Người ngu si đó chưa biết được mà đã chết.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, Bồ Tát nếu lúc làm việc bố thí phân biệt người thọ là trì giới hay phá giới, nhẫn đến phân biệt quả báo, thời chẳng bố thí trọn vẹn.

Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thời chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật thời chẳng đặng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Lúc làm việc bố thí Bồ Tát đối với chúng sanh lòng từ bình đẳng tưởng như con mình. Lại lúc làm việc bố thí, đối với các chúng sanh Bồ Tát sanh lòng thương xót như cha mẹ săn sóc đứa con đang đau ốm. Lúc làm việc bố thí, lòng Bồ Tát vui mừng như cha mẹ thấy con lành mạnh.

Sau khi đã bố thí lòng Bồ Tát buông bỏ như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sanh sống.

Vị Bồ Tát này ở trong tâm từ, lúc bố thí thức ăn thường xuyên như vầy : Nay những đồ ăn của ta bố thí đều cho chung tất cả chúng sanh, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng có trí huệ lớn, siêng

tu hồi hướng Đại thừa vô thượng. Nguyện các chúng sanh đặng có trí lành chẳng cầu báo Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyện các chúng sanh đặng món ăn pháp hỷ chẳng cầu món ăn ái nhiễm. Nguyện các chúng sanh đặng món ăn Bát nhã ba la mật, đều được đầy đủ phương tiện vô ngại, thêm lớn căn lành. Nguyện các chúng sanh hiểu thấu tướng vô đắc, thân vô ngại dường như hư không. Nguyện các chúng sanh thường làm người lãnh thọ, thương xót tất cả mọi loài mà làm phước điền cho chúng.

Này Thiện nam tử ! Lúc tu lòng từ khi đem thức ăn bố thí nên phải phát những điều nguyện như trên.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống, Bồ Tát ở trong lòng từ nên nguyện rằng : Những thức uống bố thí hôm nay ta đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đến sông Đại thừa uống nước bát vị mau lên đường Vô Thượng Bồ Đề, rời khỏi sự khô khát của Thanh Văn, Duyên Giác mà khát ngưỡng cầu Phật thừa vô thượng, dứt khát phiền não mà khát ngưỡng pháp vị. Rời niệm ưa sanh tử mà ưa thích Đại thừa Đại Niết Bàn đầy đủ pháp thân đặng các tam muội vào nơi biển lớn trí huệ rất sâu. Nguyện các chúng sanh đặng vị cam lồ trí giác xuất thế ly dục tịch tịnh. Nguyện các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi đặng thấy Phật tánh. Thấy

Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp. Rưới mưa pháp rồi Phật tánh trùm khắp dường như hư không. Lại làm cho vô lượng chúng sanh khác, đặng pháp vị duy nhứt tức là Đại thừa, chẳng phải vị sai biệt Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyện các chúng sanh [illegible] Phật tánh vô ngại, chẳng cầu những trong tâm từ Bồ Tát phải phát những nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí xe cộ Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ của tôi bố thí hôm nay đều cho chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này khiến tất cả chúng sanh trọn nên Đại thừa, trụ nơi Đại thừa, bất thối Đại thừa, bất động chuyển thừa, Kim Cang tòa thừa. Chẳng cầu thừa Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ hồi hướng nơi Phật thừa vô thượng.

Bồ Tát ở trong tâm từ lúc bố thí xe cộ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng y phục tàm quý. Pháp giới che thân xé rách y phục kiến chấp. Y phục rời thân một thước sáu tấc, đặng

thân sắc vàng chạm xúc êm dịu, màu sắc nhuần láng, da thứa mịn màng, chiếu sáng vô lượng : không sắc, rời nơi sắc. Nguyện các chúng sanh tất cả đều đặng thân không sắc vượt tất cả sắc, đặng chứng nhập Đại Niết Bàn không sắc.

Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí hoa hương, hương thoa, hương bột, các hương thơm, trong tâm từ Bồ Tát nên nguyện rằng : Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho tất cả chúng sanh đều được bông tam muội của Phật, tràng hoa thất giác chi tốt đẹp vấn trên đầu của chúng. Nguyện các chúng sanh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, các màu sắc được thấy diệu mầu đệ nhứt. Nguyện các chúng sanh đều thành tướng trăm phước trang nghiêm. Nguyện các chúng sanh tùy ý đặng thấy màu sắc vừa ý. Nguyện các chúng sanh thường gặp bạn lành đặng hương vô ngại rời những hôi nhơ. Nguyện các chúng sanh, đầy đủ căn lành trân bảo vô thượng. Nguyện các chúng sanh nhìn nhau hòa vui không có lo khổ, đầy đủ hạnh lành. Nguyện các chúng sanh trọn đủ giới hương. Nguyện các chúng sanh trì giới vô ngại mùi thơm ngạt ngào khắp cả mười phương. Nguyện các chúng sanh, đặng giới bền chắc, đặng giới không nghi hối, đặng giới nhứt thế trí, rời các sự phá giới, đều đặng giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác,

giới không ô nhiễm, giới hoàn toàn, giới rốt ráo, giới bình đẳng. Lấy hương xoa nơi thân xem đồng như chém đâm không có ưa cùng ghét. Nguyện các chúng sanh đặng giới vô thượng, giới Đại thừa, chẳng phải giới Tiểu thừa. Nguyện các chúng sanh đều đặng đầy đủ Thi Ba La Mật, như chư Phật thành tựu giới độ. Nguyện các chúng sanh đều được huân tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nguyện các chúng sanh đều đặng trọn nên hoa sen vi diệu Đại Niết Bàn. Hoa đó mùi thơm khắp cả mười phương. Nguyện các chúng sanh thuần ăn cơm thơm vô thượng Đại thừa Đại Niết Bàn. Như con ong hút hoa chỉ lấy vị mật. Nguyện các chúng sanh đều đặng thành tựu thân vô lượng công đức.

Lúc bố thí hoa hương Bồ Tát ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí giường chiếu, Bồ Tát ở trong tâm từ, nên phát nguyện rằng : Những giường chiếu của tôi hôm nay cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho chúng sanh đặng giường nằm của bực trời ở trong các trời, đặng trí huệ lớn ngồi Tứ thiền, nằm ở nơi giường của Bồ Tát, chẳng nằm nơi giường của Thanh Văn, Bích Chi Phật là giường nằm thô ác. Nguyện cho chúng sanh đặng giường an lạc, lìa giường sanh tử thành tựu giường sư tử Đại Niết Bàn.

Nguyện cho các chúng sanh ngồi trên giường này rồi, lại vì vô lượng chúng sanh khác thị hiện thần thông sư tử du hí. Nguyện các chúng sanh trụ trong cung điện lớn Đại thừa này vì các chúng sanh khác diễn nói Phật tánh.

Nguyện các chúng sanh ngồi trên giường vô thượng chẳng bị pháp thế gian chi phối.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nhẫn nhục, rời hẳn sanh tử đói khát lạnh lẽo.

Nguyện các chúng sanh đặng giường vô úy lìa hẳn tất cả giặc phiền não.

Nguyện các chúng sanh đặng giường thanh tịnh chuyên cầu đạo vô thượng chánh chân.

Nguyện các chúng sanh đặng giường pháp lành thường được bạn lành ủng hộ.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nằm hông bên hữu, nương nơi pháp của chư Phật đã làm.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí giường chiếu ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường phát nguyện rằng : Nhà cửa của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho các chúng sanh ở nhà Đại thừa, tu hành những hạnh của thiện hữu làm, thật hành hạnh đại bi, hạnh lục độ, hạnh đại

Nguyện các chúng sanh đều đặng chánh niệm, xa lìa niệm ác.

Nguyện các chúng sanh đều đặng an trụ thường, lạc, ngã, tịnh, lìa hẳn bốn thứ điên đảo.

Nguyện các chúng sanh thảy đều thọ trì nhà xuất thế.

Nguyện các chúng sanh đều là căn khí vô thượng nhứt thiết trí.

Nguyện các chúng sanh đều đặng vào nơi ngôi nhà cam lồ.

Nguyện các chúng sanh trong tất cả tâm thường vào ngôi nhà Niết Bàn.

Nguyện các chúng sanh nơi đời vị lai thường ở cung điện của Bồ Tát ở. Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng ở trong tâm từ thường nguyện rằng những đèn sáng của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhơn duyên này làm cho các chúng sanh có vô lượng ánh sáng an trụ nơi Phật pháp.

Nguyện các chúng sanh thường đặng chiếu sáng.

Nguyện các chúng sanh được sắc thân tốt đẹp nhuần sáng đệ nhứt.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt thanh tịnh không có những màng lòa.

Nguyện các chúng sanh đặng đuốc đại trí huệ, khéo hiểu lý vô ngại, không tướng chúng sanh, không tướng nhân, không tướng thọ mạng.

Nguyện các chúng sanh đều đặng nhìn thấy Phật tánh thanh tịnh dường như hư không.

Nguyện các chúng sanh nhục nhãn thanh tịnh thấy suốt hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt vô ngại đều được thấy Phật tánh thanh tịnh.

Nguyện các chúng sanh đặng trí huệ lớn phá tất cả tối tăm và kẻ nhứt xiển đề.

Nguyện các chúng sanh đặng vô lượng quang minh chiếu vô lượng thế giới của chư Phật.

Nguyện các chúng sanh thắp đèn Đại thừa, rời đèn Nhị thừa.

Nguyện các chúng sanh đặng quang minh dứt trừ tối vô minh hơn công dụng chiếu sáng của ngàn mặt trời.

Nguyện các chúng sanh được ánh sáng hỏa châu, diệt hết những tối tăm của Tam thiên đại thiên thế giới.

Nguyện các chúng sanh đầy đủ ngũ nhãn, tỏ ngộ pháp tướng, thành vô sư trí.

Nguyện các chúng sanh không kiến không minh.

Nguyện các chúng sanh đều đặng ánh sáng vi diệu Đại thừa Đại Niết Bàn, khai thị cho chúng sanh ngộ Phật tánh chơn thật.

Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật chỗ có căn lành đều do tâm từ làm căn bổn.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát tu tập tâm từ, có thể sanh vô lượng căn lành như những quán hạnh : bất tịnh, sổ tức, vô thường, tứ niệm xứ, bảy phương tiện, ba quán xứ, mười hai nhơn duyên, vô ngã v.v.. Cùng với pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhứt, kiến đạo, tu đạo, chánh cần, như ý, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát thánh đạo phần, tứ thiền, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát, bát thắng xứ, mười nhứt thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, vô tránh tam muội, tha tâm trí, các thần thông, trí biết bổn tế, trí Thanh Văn, trí Duyên Giác, trí Bồ Tát, trí Phật.

Này Thiện nam tử ! Những pháp như vậy tâm từ là căn bổn. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật chẳng phải là hư vọng.

Nếu có người hỏi gì là căn bổn của tất cả pháp lành ? Nên đáp : Chính là tâm từ. Do vì nghĩa đó nên từ là chơn thật chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Người có thể thực hành pháp lành, gọi là thiệt tư duy, người thiệt tư duy, bèn gọi là có tâm từ. Tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại thừa, Đại thừa tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo Bồ Đề, đạo Bồ Đề tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ có thể vì tất cả chúng sanh mà làm phụ mẫu, phụ mẫu tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật chính là tâm từ. Nên biết tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ chính là Phật tánh của chúng sanh, Phật tánh như vậy từ lâu bị phiền não che đậy nên làm cho chúng sanh chẳng đặng

nhìn thấy, Phật tánh tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại không. Đại không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là hư không, hư không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là thường, thường tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là từ, từ chính là Như Lai.

Và này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là lạc, lạc tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là tịnh, tịnh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là ngã, ngã tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cam lồ, cam lồ tức là tâm từ, tâm từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo vô thượng của tất cả Bồ Tát, đạo là tâm từ, tâm từ chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cảnh giới vô lượng của chư Phật, cảnh giới vô lượng tức là tâm từ, nên biết tâm từ tức là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô thường, vô thường tức là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là khổ, khổ là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là bất tịnh, bất tịnh là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô ngã, vô ngã là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng gọi là Đàn Ba la mật nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Nhẫn đến Bát nhã Ba la mật cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể lợi ích chúng sanh, tâm từ như vậy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng vào đạo nhứt tướng, nên biết tâm từ đó là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng có thể thấu rõ các pháp, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu thấy các pháp đều có tướng, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu lậu ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu vi, tâm từ hữu vi này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng trụ nơi bực sơ trụ thời chẳng phải tâm từ của sơ trụ, nên biết tức là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể đặng mười trí lực của Phật và bốn món vô sở úy, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ có thể đặng bốn quả Sa Môn, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật nghĩ bàn được. Tâm từ nếu chẳng thể nghĩ bàn, thời pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vị đại Bồ Tát trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn tu tâm từ như vậy, dầu lại an trụ trong thùy miên mà chẳng thùy miên, do vì siêng năng tinh tấn. Dầu thường thức giấc cũng không thức giấc, vì không có ngủ. Ở trong thùy miên chư Thiên dầu hộ vệ cũng không hộ vệ, vì chẳng làm việc ác. Thùy miên chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành vì rời thùy miên. Sau khi mạng chung dầu sanh lên Phạm Thiên cũng không sanh vì đặng tự tại.

Này Thiện nam tử ! Luận về người tu từ có thể đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Này Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như Lai cũng đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Phàm Bồ Tát tư duy đều là chơn thật. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng phải là chơn thật. Tất cả chúng sanh cớ chi chẳng nhờ oai lực của Bồ Tát đồng thọ khoái lạc. Nếu các chúng sanh thiệt chẳng đặng khoái lạc, nên biết tâm từ của Bồ Tát tu tập là không lợi ích".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tâm từ của Bồ Tát chẳng phải không lợi ích .

Có những chúng sanh hoặc quyết định thọ khổ. Hoặc có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ. Nếu

có chúng sanh quyết định thọ khổ, lòng từ của Bồ Tát là không lợi ích, vì đó là hàng nhứt xiển đề.

Nếu có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ thời lòng từ của Bồ Tát là lợi ích, làm cho chúng sanh đó đều thọ khoái lạc.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người từ xa thấy sư tử, cọp, beo, chó, sói, quỷ La Sát v.v..tự nhiên sanh sợ sệt. Ban đêm thấy gốc cây trụi cũng sanh sợ sệt.

Những người như vậy tự nhiên sợ sệt, cũng thế, chúng sanh thấy người tu tâm từ tự nhiên thọ khoái lạc.

Do nghĩa đó nên Bồ Tát tu tâm từ là tư duy chơn thật chẳng phải không lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ta nói tâm từ này có vô lượng môn, chính là những thần thông.

Này Thiện nam tử ! Như Đề Bà Đạt Đa xưa kia bảo vua A Xà Thế làm hại đức Như Lai. Lúc đó ta cùng chúng Tăng vào thành Vương Xá thứ đệ khất thực.

Vua A Xà Thế liền thả voi say để hại ta cùng chư Tăng. Lúc đó voi say đạp chết trăm ngàn chúng sanh. Voi ấy ngửi hơi máu, nên hung tợn càng thêm hung tợn, nhắm ngay đoàn của ta mà chạy thẳng đến. Các đệ tử chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán chỉ một mình A Nan ở lại. Lúc đó nhơn dân trong thành Vương Xá đều cả tiếng kêu khóc, hôm nay đức Như Lai có thể bị hại, cớ sao đấng Chánh giác lại vội sẽ diệt mất. Còn Điều Đạt trong

lòng hớn hở : Sa Môn Cù Đàm bị hại chết thời là rất tốt, kế của ta rất hay, ta sắp sẽ được toại nguyện.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta vì muốn hàng phục voi say liền nhập từ tâm tam muội, xòe bàn tay chỉ voi, năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say thấy sư tử, lòng nó quá sợ, phẩn tiểu vảy ra, gieo mình mọp xuống kính lễ dưới chân ta.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó năm đầu ngón tay của ta thiệt không sư tử, đó là do sức thiện căn tu tâm từ làm cho voi say được điều phục.

Thiện nam tử ! Vừa rồi lúc ta muốn nhập Niết Bàn, mới khởi sự đi đến thành Câu Thi Na. Giữa đường có năm trăm lực sĩ dọn quét đường sá có một hòn đá to, bọn họ muốn khiêng bỏ nhưng sức họ chẳng khiêng nổi. Lúc đó ta xót thương liền khởi tâm từ. Bọn lực sĩ kia liền thấy ta lấy ngón chân cái hất hòn đá văng lên hư không, rồi lấy tay hứng bắt để hòn đá trên bàn tay mặt, thổi nát ra rồi ráp liền lại làm cho bọn lực sĩ hết cao mạn. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho họ đồng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó Như Lai thiệt chẳng dùng ngón chân hất văng hòn đá, cho đến chẳng thổi nát và ráp lại.

Này Thiện nam tử ! Nên biết chính là sức thiện căn của tâm từ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

Này Thiện nam tử ! Xứ Nam Thiên Trúc này có một thành lớn Thủ Ba La. Trong thành đó có một trưởng giả tên Lưu Chí, được đại chúng kính trọng. Ông này đã vun trồng cội lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ. Nhơn dân trong thành đó tin theo đạo tà, phụng sự phái Ni Kiền Tử. Ta muốn độ ông trưởng giả Lưu Chí, liền từ Vương Xá thành đến thành Thủ Ba La. Phái Ni Kiền Tử nghe ta sắp đến thành liền bàn với nhau : Sa Môn Cù Đàm nếu đến thành này, nhơn dân chắc sẽ bỏ ta chẳng còn cung cấp, chúng ta lấy gì sanh sống.

Bàn xong, chúng Ni Kiền Tử chia ra loan báo với người trong thành. Sa Môn Cù Đàm sắp đến thành này. Nhưng Sa Môn đó lìa bỏ cha mẹ du phương các xứ, ông đến đâu thời làm cho xứ đó mất mùa đói khát, nhơn dân bị bịnh trời, bịnh dịch không thể cứu chữa. Cù Đàm là hạng vô lại dắt theo toàn những quỉ La Sát hung ác, là kẻ cô cùng không cha không mẹ đi theo làm môn đồ. Giáo thuyết của ông toàn là hư vọng. Ông đến nơi nào thời xứ đó không an vui.

Nhơn dân trong thành nghe những lời đó kinh sợ quá lạy mọp dưới chơn bọn Ni Kiền Tử thưa rằng : Đại Sư ! Nay chúng tôi phải thiết kế gì ?

Bọn Ni Kiền Tử đáp : Tánh của Sa Môn Cù Đàm ưa lùm rừng, suối chảy nước trong. Các người nên ra ngoài thành, chỗ nào có rừng suối phải đốn

hết cây cối đem phân dơ rảy xuống giếng, ao, khe, suối. Rồi đóng chặt cửa thành võ trang phòng vệ. Ông ấy đến thời đừng cho vào. Ông ấy không vào thành được thời các ngươi sẽ được an ổn. Chúng ta cũng sẽ dùng pháp thuật làm cho ông Cù Đàm phải rút lui.

Nhơn dân trong thành liền thật hành theo : Đốn hết cây cối, làm nhơ đục hết các dòng suối, võ trang phòng vệ.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta đến ngoài thành kia chẳng thấy rừng cây, chỉ thấy trên mặt thành võ trang giữ gìn chặt chẽ, ta liền thương xót khởi tâm từ. Những cây cối mọc lên như cũ mà còn có phần tươi tốt hơn. Nước trong sông, ao, giếng, suối đều trở nên sạch sẽ, đầy tràn trong như lưu ly, nhiều thứ hoa đẹp thơm mọc lan tràn mặt đất. Vách thành biến làm lưu ly xanh. Nhơn dân trong thành đều thấy đặng ta và đại chúng. Cửa thành tự mở toang, không ai kềm ngăn được. Võ khí của nhơn dân biến thành cành hoa đẹp. Lúc đó trưởng giả Lưu Chí dẫn nhơn dân hiệp đoàn đến chỗ Phật. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho mọi người đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta thiệt chẳng hóa những rừng cây, cũng chẳng làm cho nước trong sạch đặng đầy tràn, cũng chẳng biến thành đó làm lưu ly xanh để cho nhơn dân kia thấy suốt ta và

đại chúng, cũng chẳng mở cửa thành biến võ khí làm cành hoa. Nên biết những việc ấy đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nhơn dân thành Thủ Ba La thấy việc như vậy.

(*) Này Thiện nam tử ! Thành Xá Vệ có nàng Bà Tư Tra, giòng Bà La Môn, chỉ sanh một trai, nên nàng yêu quí lắm. Một hôm đứa trẻ bị bịnh chết, nàng quá tiếc thương, buồn rầu đến mất trí, như điên như cuồng, xé nát áo quần, thân thể lõa lồ, đi rong khắp thành ấp tìm con, miệng luôn kêu khóc : Ôi ! Con ôi ! Con bỏ mẹ đi đâu ?

Nàng Bà Tư Tra này đời trước đã từng gieo trồng căn lành ở nơi chư Phật quá khứ.

Này Thiện nam tử ! Ta nghe việc như vậy động lòng xót thương. Bà Tư Tra liền thấy được ta, nàng ngỡ là con trai của nàng, chạy vội đến ôm như cách yêu con, tâm trí tỉnh lại. Ta liền bảo A Nan mang y phục đến cho nàng mặc, rồi ta vì nàng mà giảng giải pháp yếu. Được nghe pháp, nàng Bà Tư Tra vui mừng hớn hở phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy không phải là mẹ ta, cũng không có việc ôm ẵm. Nên biết đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nàng Bà Tư Tra thấy việc như vậy.

(*) Hán bộ quyển thứ 16

Này Thiện nam tử ! Có cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa ở tại thành Ba La Nại. Cô này đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ.

Một mùa hạ kia, cô nguyện dâng thuốc cho chư Tăng.

Trong chư Tăng, bỗng có một Tỳ Kheo mang bịnh nặng. Y sĩ điều trị bảo phải dùng thịt tươi làm thuốc. Ngoài thịt tươi ra không gì trị được, và sẽ nguy đến tánh mạng. Nhằm ngày quốc pháp cấm giết thịt, nên không tìm đâu ra thịt tươi để mua, mặc dầu cô muốn đem vàng ròng trọng lượng bằng thịt để đổi. Cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa bèn tự cắt thịt bắp vế, chế nấu theo lời Y sĩ, rồi đem dâng cho Tỳ Kheo bịnh dùng. Nhờ đó Tỳ Kheo được lành mạnh.

Vết thương nơi bắp vế hành quá đau nhức, cô rên rỉ niệm Phật : Nam mô Phật ! Nam mô Phật !.

Bấy giờ ta đương ở tại thành Xá Vệ, nghe tiếng niệm Phật của cô, động lòng đại từ. Liền đó, cô thấy ta đem thuốc đến đắp lên vết thương, hết đau nhức, thịt lành như cũ. Rồi ta vì cô mà giảng giải pháp yếu. Cô được nghe pháp vui mừng hớn hở phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không đem thuốc đến thành Ba La Nại đắp cho cô Ma Ha Tư Na Đạt Đa, nên biết đó là do sức căn lành của lòng từ khiến cô Ưu Bà Di ấy thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông Điều Đạt tham uống quá nhiều chất tô, nên nhức đầu đau bụng. Quá khốn khổ chịu không nổi, ông liền niệm : Nam mô Phật ! Nam mô Phật !

Bấy giờ ta đương ở tại thành Ưu Thiền Ni, nghe tiếng niệm động lòng đại từ.

Điều Đạt liền thấy ta đem thuốc đến cho uống, cùng dùng tay xoa đầu xoa bụng, do đó ông được hết bịnh.

Này Thiện nam tử ! Thiệt ra ta không có đến chỗ Điều Đạt để xoa đầu xoa bụng và cho ông ấy uống thuốc. Đó là do sức căn lành của lòng từ khiến ông Điều Đạt thấy việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nước Kiều Tát La có đảng cướp năm trăm người, lộng hành làm hại dân chúng. Vua Ba Tư Nặc sai binh vây đánh bắt sống được trọn đảng cướp. Vua truyền khoét mắt cả năm trăm tên cướp, rồi thả trong rừng sâu.

Đảng cướp này đã từng gieo trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ, nên khi đau đớn khốn khổ quá bèn đồng xướng rằng : Nam mô Phật ! Nam mô Phật ! Chúng con nay không người cứu hộ. Cùng nhau khóc than thê thảm.

Bấy giờ ta đương ở tại Kỳ Hoàn Tịnh xá, nghe tiếng kêu cầu, động lòng đại từ. Lúc đó có gió mát thổi chất thuốc từ núi Hương Sơn đến tụ đầy lỗ

mắt của năm trăm người, biến thành tròng mắt, bọn họ đều được thấy tỏ như xưa. Mở mắt ra, bọn họ thấy đức Như Lai đứng trước mặt họ giảng pháp yếu. Sau khi nghe pháp, cả bọn đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thiệt ra ta không làm gió thổi thuốc đến cứu mắt họ cũng không có đến thuyết pháp cho họ. Đó là do sức căn lành của lòng từ, khiến họ thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Vì ngu si, Thái tử Lưu Ly phế Phụ Vương lập mình làm vua. Lại nhớ đến sự hiềm oán ngày trước giết hại giòng họ Thích, vua Lưu Ly bắt hai ngàn phụ nữ họ Thích cắt tai thẻo mũi, chặt đứt tay chân, rồi bỏ xuống hầm. Các phụ nữ họ Thích quá đau khổ bèn niệm rằng : "Nam mô Phật ! Nam mô Phật ! Chúng tôi ngày nay không ai cứu vớt". Cùng nhau khóc than thê thảm.

Các phụ nữ này đã từng trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ.

Lúc đó ta ở tại Trúc Lâm Tịnh xá nghe tiếng than của họ liền sanh lòng từ. Các phụ nữ khốn nạn kia bèn thấy ta đến thành Ca Tỳ La, lấy nước rửa vết thương cho họ, rồi dùng thuốc đắp lên vết thương. Họ không còn đau nhức. Lỗ tai lỗ mũi và tay chân lành lại như cũ. Ta liền vì họ giảng nói pháp yếu. Vừa hết đau khổ lại được nghe pháp, các phụ nữ

ấy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau đó các phụ nữ ấy đến nơi bà Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni xuất gia thọ giới cụ túc.

Này Thiện nam tử ! Thật ra lúc đó đức Phật không có đến thành Ca Tỳ La, cũng không có lấy nước rửa và đắp thuốc nơi vết thương. Phải biết đều là do sức căn lành của lòng từ làm cho các phụ nữ kia thấy những việc như vậy.

Như căn lành của lòng từ, lòng bi, lòng hỷ cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên đại Bồ Tát tu tập lòng từ là chân thật chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Luận về vô lượng là chẳng thể nghĩ bàn. Công hạnh của Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật và kinh Đại thừa Đại Niết Bàn cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu từ, bi, hỷ rồi đặng trụ nơi bực rất yêu thương con một.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là bực ? Sao gọi là rất yêu thương ? Và sao gọi là con một ?

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con an ổn lòng rất vui mừng. Đại Bồ Tát ở bực này xem các chúng sanh đồng như con một, thấy người tu hạnh lành Bồ Tát rất vui mừng, vì thế nên bực này gọi là rất yêu thương.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm lòng rất khổ não xót thương săn sóc không tạm thời lòng rau lo thương tưởng như con, đến nỗi lỗ chân lông nơi thân đều rỉ máu ra. Vì thế nên gọi là bực này là con một.

Này Thiện nam tử ! Như người lúc bé thơ lượm đất cục, ngói đá, xương khô, nhánh cây đút vào miệng. Cha mẹ xem thấy sợ bị hại, tay tả nắm đầu con, tay hữu móc ra. Cũng vậy, đại Bồ Tát trụ nơi bực này thấy các chúng sanh pháp thân chưa tăng trưởng, hoặc thân khẩu ý tạo nghiệp chẳng lành. Bồ Tát bèn lấy tay trí huệ cứu vớt đó, chẳng muốn chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử mà phải thọ những khổ não. Vì thế nên bực này lại gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như đứa con thân yêu chết mất, thời cha mẹ buồn rầu muốn cùng chết theo con. Cũng vậy, đại Bồ Tát thấy hạng nhứt xiển đề đọa nơi địa ngục, cũng nguyện cùng họ sanh chung trong địa ngục. Vì hạng nhứt xiển đề này lúc bị khổ, hoặc sanh một niệm ăn năn chừa cải, Bồ Tát sẽ vì họ thuyết pháp làm cho họ sanh đặng một niệm căn lành. Vì thế nên bậc này gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, lúc đứa con ngủ, thức, đi, đứng, ngồi, nằm,

lòng cha mẹ luôn luôn nhớ tưởng. Nếu con có lỗi lầm cha mẹ chỉ thương xót dạy dỗ chớ chẳng làm hại. Cũng vậy, đại Bồ Tát thấy các chúng sanh hoặc bị đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, hoặc sanh trong loài người, trên trời, gây tạo những nghiệp lành nghiệp dữ, lòng Bồ Tát thường nhớ tưởng trọn không rời bỏ chúng sanh. Nếu có chúng sanh tạo ác, Bồ Tát trọn chẳng giận hờn, chẳng làm hại. Vì thế nên bậc này gọi là con một.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật đã nói ý rất sâu kín, nay tôi trí cạn cợt làm sao hiểu được. Nếu các vị đại Bồ Tát trụ nơi bực con một có thể được như thế, tại sao đức Như Lai xưa kia là vị quốc vương thật hành đạo Bồ Tát mà lại giết hại giòng Bà La Môn. Nếu đặng bực này thời lẽ ra phải xót thương ủng hộ, còn nếu chẳng đặng bực này, nhơn duyên gì lại chẳng đọa vào địa ngục.

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh là con như La Hầu La, cớ sao đức Phật lại quở Đề Bà Đạt Đa : Đồ ngu si không biết hổ thẹn ăn nước miếng nước mũi của người. Làm cho Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận hờn hại thân Phật ra máu. Đề Bà Đạt Đa tạo nghiệp ác này rồi, đức Như Lai lại huyền ký cho ông ấy sẽ bị đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Thế Tôn ! Những lời như vậy làm thế nào chẳng trái nghịch với nghĩa lý ?

Thế Tôn ! Ông Tu Bồ Đề trụ bậc giải không, lúc muốn vào thành khất thực, trước hết ông quan sát nếu có người đối với ông sanh tâm ganh ghét thời ông thôi chẳng đi khất thực, dầu cho quá đói ông vẫn chẳng đi. Vì ông Tu Bồ Đề thường nghĩ rằng : Tôi tự nhớ đời trước đối với phước điền sanh một niệm ác, do nhơn duyên này tôi bị đọa địa ngục lớn chịu nhiều thống khổ. Nay tôi thà đói trọn ngày chẳng ăn, quyết không khiến những người kia vì ganh ghét tôi mà phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Ông Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng : Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi đứng, tôi sẽ trọn ngày ngồi yên chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi ngồi, tôi sẽ đứng trọn ngày chẳng dời chỗ. Đi cùng nằm cũng vậy.

Ông Tu Bồ Đề vì hộ chúng sanh còn có tâm như vậy, hà huống là đại Bồ Tát. Bồ Tát nếu đặng bực con một, có duyên cớ gì mà đức Như Lai nói ra lời thô như vậy làm cho ông Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận ác ?

- Này Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên gạn như vậy. Chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử vòi con muỗi có thể hút hết nước đến đáy biển, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử mặt đất đều thành không màu, nước thành tướng khô, lửa thành lạnh, gió đứng

lại, giả sử Tam Bảo Phật tánh nhẫn đến hư không thành tướng vô thường, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử người phàm bốn tội nặng, hạng nhứt xiển đề hủy báng chánh pháp hiện thân đặng thành mười trí lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật là thường trụ chẳng biến đổi, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử bực Thập trụ Bồ Tát phạm bốn tội nặng làm nhứt xiển đề hủy báng chánh pháp, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vô lượng chúng sanh dứt mất Phật tánh, chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, đức Như Lai cũng trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vãi chài có thể cột trói được gió, răng có thể nhai nát sắt, móng tay cào đổ núi Tu Di, đức Như Lai trọn chẳng làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Thà ở chung với rắn độc, đút hai tay vào miệng sư tử đói, lấy than hồng dùng tắm rửa, trọn chẳng nên nói rằng đức Như Lai làm nhơn duyên phiền não cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai thiệt có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, chớ trọn chẳng làm nhơn duyên sanh phiền não.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói đức Như Lai ngày xưa giết dòng Bà La Môn. Nên biết đại Bồ Tát, còn không cố sát một con kiến, huống lại giết Bà La Môn. Bồ Tát thường dùng mọi cách thức ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Luận về bố thí thời là bố thí mạng sống, vật thực, đại Bồ Tát lúc thật hành Đàn Ba la mật, thường ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Người giữ giới bất sát thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Thi la Ba la mật, thời là ban bố vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Giữ gìn miệng không lỗi thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Sằn đề Ba la mật, thường khuyên chúng sanh chớ ôm lòng oán thù những việc phải cho người đem sự quấy về mình, không cãi cọ kiện cáo thời đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành Sằn đề Ba la mật, thời đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Siêng năng tu tập hạnh lành thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ lê da Ba la mật thường khuyên chúng sanh siêng tu pháp lành, chúng sanh thật hành rồi đặng sống lâu

vô lượng. Vì thế nên đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ lê da Ba la mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Người nhiếp tâm tu thiền thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Thiền Ba la mật, khuyên các chúng sanh tu tâm bình đẳng. Chúng sanh thật hành rồi thì đặng sống lâu. Vì thế Bồ Tát lúc thật hành Thiền Ba la mật đã ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Này Thiện nam tử ! Ở nơi những pháp lành không phóng dật thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Bát nhã Ba la mật, khuyên các chúng sanh nơi những pháp lành chẳng sanh lòng phóng dật. Chúng sanh thật hành rồi thời đặng sống lâu. Vì thế nên lúc Bồ Tát thật hành Bát nhã Ba la mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên đại Bồ Tát trọn không giết hại mạng sống của chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại giòng Ba la môn, đức Phật đã đặng được bậc con một.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta đã đặng bực ấy. Vì lòng thương họ mà giết chẳng phải vì tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất cưng yêu, đứa con đó phạm hiến pháp của quan. Vì quá sợ nên cha mẹ hoặc đuổi

hoặc giết. Dầu cha mẹ đuổi hay giết nhưng không có tâm ác.

Cũng vậy, đại Bồ Tát vì hộ trì chánh pháp nếu có chúng sanh hủy báng Đại thừa, liền lấy roi gậy để trị, hoặc giết chết, đó là muốn chúng sanh chừa bỏ để tu pháp lành.

Bồ Tát thường nên suy nghĩ : Dùng nhơn duyên gì làm cho chúng sanh phát khởi lòng tin thanh tịnh, tùy phương cách nào thuận tiện thời sẽ thật hành đó. Những người Bà La Môn sau khi chết đọa A Tỳ địa ngục liền suy nghĩ ba điều : Một là tự nghĩ rằng ta từ đâu mà sanh đến đây, liền tự biết rằng từ trong loài người. Hai là tự nghĩ rằng : Ta hiện sanh đây là chỗ nào, liền tự biết rằng đây là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ rằng do nghiệp duyên gì mà đọa địa ngục, liền tự biết rằng do chẳng tin và hủy báng kinh điển Đại thừa, bị nhà vua giết mà sanh đến địa ngục này. Họ nghĩ như vậy rồi liền sanh lòng kính tin kinh điển Đại thừa. Do lòng kính tin đó thân địa ngục chết họ sanh đến thế giới của Cam Lồ Cổ Như Lai, sống lâu đủ mười kiếp.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này, thuở xưa kia ta ban cho những người ấy mười kiếp thọ mạng, sao lại giết hại họ.

Này Thiện nam tử ! Có người đào đất, cắt, cỏ, đốn cây, chặt tử thi, mắng chửi, đánh đập tử thi, do nghiệp duyên này có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói kẻ đó phải đọa địa ngục. Vì cớ sao ? Như ngày trước Phật nói pháp cho hàng Thanh Văn : Này các Tỳ Kheo ở nơi cây cháy rụi chớ sanh lòng ác. Vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa nơi địa ngục".

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói, phải khéo thọ trì.

Này Thiện nam tử ! Nếu nhơn ác tâm phải đọa địa ngục, lúc đó Bồ Tát thiệt không ác tâm. Vì đại Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh nhẫn đến con trùn, con kiến đều sanh lòng thương xót, muốn làm cho họ được lợi ích. Vì Bồ Tát khéo biết các phương tiện, các nhơn duyên, do sức phương tiện muốn cho chúng sanh vun trồng cội lành. Do nghĩa đó, lúc ấy ta dùng phương tiện, dầu giết hại mạng họ mà chẳng phải là tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Cứ theo giáo pháp Bà La Môn, cho rằng nếu giết chết kiến đầy cả mười xe không có tội báo, muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu, những độc trùng, ác thú, và những loài có thể làm hại người : Quỉ thần, La sát, Cưu Bàn Trà, Ca La, Phú Đơn Na, Điên cuồng, càn khô, có ai giết hại mạng họ đầy cả mười xe cũng không

có tội báo. Nếu giết người ác thời có tội báo. Giết rồi chẳng ăn năn thời đọa ngạ quỉ. Nếu có thể sám hối tuyệt thực ba ngày, thời tội đó tiêu diệt không còn thừa. Nếu giết Hòa thượng, giết cha, hại mẹ, giết phụ nữ, giết bò, trâu, thời phải đọa địa ngục trong vô số ngàn năm.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát biết giết hại có ba hạng : hạ, trung và thượng.

Hạng hạ là trùn kiến nhẫn đến tất cả các súc sanh chỉ trừ Bồ Tát thị hiện thọ sanh. Đại Bồ Tát do nguyện lực nên thị hiện làm thân súc sanh, trừ đây gọi là sát sanh hạng hạ. Nghiệp duyên này sẽ phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ chịu lấy sự khổ hạng hạ. Vì những súc sanh, có căn lành rất kém ít nên kẻ giết phải thọ tội báo hạng hạ.

Sát hại hạng trung là từ người phàm phu đến vị chứng quả A Na Hàm, đây gọi là hạng trung. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ thọ sự khổ hạng trung.

Sát sanh hạng thượng là giết cha mẹ, nhẫn đến A La Hán, Bích Chi Phật, quyết định Bồ Tát, đây gọi là hạng thượng. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa vào trong địa ngục A Tỳ chịu lấy sự khổ hạng thượng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người giết kẻ nhứt xiển đề, thời chẳng đọa vào trong ba hạng sát hại này.

Này Thiện nam tử ! Những người giòng Ba La môn bị nhà vua giết trước kia tất cả đều là hạng nhứt xiển đề. Thí dụ đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt tử thi mắng nhiếc đánh đập, đều không có tội báo. Giết hạng nhứt xiển đề cũng không có tội báo như vậy. Vì những người Bà La Môn không có căn lành nhẫn đến không có năm pháp tín v.v... Vì thế nên dầu giết hại họ mà chẳng đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ông trước nói rằng : Đức Như Lai cớ chi mắng Đề Bà Đạt Đa là người ngu si ăn nước miếng. Ông không nên hỏi như vậy. Vì chư Phật Thế Tôn phàm nói ra lời gì đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có thiệt ngữ được người đời mến ưa nhưng phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, những lời như vậy đức Phật trọn chẳng nói. Hoặc lại có lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp, chẳng lợi ích người nghe chẳng ưa thích, đức Phật cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Nếu có những lời dầu là thô rắn nhưng chơn thật chẳng hư vọng, phải thời đúng pháp có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, người nghe dầu chẳng vui đẹp nhưng ta cần phải nói. Vì chư Phật Thế Tôn Chánh đẳng Chánh giác khéo biết phương tiện.

Này Thiện nam tử ! Trước kia có một hôm ta đi ngang thôn Khoáng Dã,ở dưới rừng có một quỉ thần

tên là Khoáng Dã. Quỉ này thuần ăn máu thịt giết hại nhiều chúng sanh. Quỉ ấy lại mỗi ngày ăn một người trong thôn xóm gần đó. Lúc đó ta rộng nói pháp yếu cho quỉ Khoáng Dã, nhưng quỉ ấy hung bạo ngu si chẳng lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân ra làm đại lực quỉ, làm rúng động cung điện của nó. Quỉ Khoáng Dã dắt quyến thuộc và bộ hạ kéo ra muốn chống cự với ta. Chúng nó vừa thấy ta liền run sợ té xuống đất ngất xỉu như người chết. Ta dùng lòng từ bi lấy tay xoa lên mình nó. Nó tỉnh dậy nói rằng : "Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại Thần Vương này có oai đức lớn có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi". Quỉ Khoáng Dã liền sanh tâm lành kính tin nơi ta.

Ta hiện hườn lại thân Như Lai vì họ nói pháp yếu cho các quỉ thần kia thọ giới bất sát.

Chính ngày đó trong thôn Khoáng Dã có một ông Trưởng giả đến phiên phải chết, người trong thôn đã đưa ông ấy giao cho quỉ Khoáng Dã. Quỉ Khoáng Dã liền đem đến cúng thí cho ta. Ta lãnh ông Trưởng giả và đặt hiệu cho ông là Thủ trưởng giả.

Quỉ Khoáng Dã bạch ta rằng : "Thế Tôn ! Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt mà đặng sống, nay thọ giới bất sát biết lấy gì để sống được ?".

Ta bảo rằng : "Từ nay trở đi đức Phật sẽ bảo hàng Thanh Văn đệ tử tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều sẽ cúng thí đồ uống ăn cho nhà ngươi".

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó ta chế điều giới : Các Tỳ Kheo từ nay trở đi thường phải thí thực cho quỉ Khoáng Dã. Nếu người xuất gia nào chẳng cúng thí, nên biết người đó chẳng phải là đệ tử Phật, chính là đồ đảng quyến thuộc của Thiên ma.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải cố ý làm cho họ sanh lòng sợ hãi.

Cũng có một lúc ta dùng cây đánh quỉ hộ pháp.

Lại có một hôm ta đang đi trên một ngọn núi xô quỉ Dương Đầu làm nó té xuống dưới núi.

Lại một hôm nơi ngọn cây ta xô ngã quỉ Hộ Di Hầu.

Một ngày nọ làm cho voi Hộ Tài thấy năm sư tử.

Có lúc ta sai thần Kim cương khủng bố ngoại đạo Tát Giá Ni Kiền Tử.

Ngày kia ta cũng lấy kim đâm thân của quỉ Tiển Mao.

Dầu ta làm những việc như vậy nhưng cũng chẳng làm cho các quỉ thần kia đến phải chết. Chỉ vì muốn khiến họ an trụ nơi chánh pháp nên thị hiện những phương tiện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trước kia thiệt ra đức Phật chẳng mắng nhục Đề Bà Đạt Đa. Còn Đề Bà Đạt Đa

cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cũng chẳng đọa A tỳ Địa ngục thọ tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng Tăng, chẳng làm thân Phật ra máu, Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội nặng, chẳng hủy báng kinh điển Đại thừa, ông ấy chẳng phải nhứt xiển đề, chẳng phải Thanh Văn cũng chẳng phải Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Đề Bà Đạt Đa thiệt chẳng phải cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Duy chư Phật thấy biết được thôi.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên gạn rằng : "Cớ gì đức Như Lai quở trách mắng nhiếc làm nhục Đề Bà Đạt Đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên có lòng nghi như vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như mía nấu nhiều lần thời đặng nhiều thứ vị. Tôi cũng vậy, nghe Phật nói pháp nhiều lần đặng nhiều pháp vị. Chính là những vị : xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Thế Tôn ! Như vàng ròng đốt đập nhiều lần càng sáng sạch, giá trị vô lượng, được trời người quí trọng. Đức Như Lai cũng vậy, trân trọng thưa hỏi liền đặng nghe thấy nghĩa rất sâu vi diệu, khiến người tu hành phụng tu thọ trì, vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đó đức Phật được trời người tôn trọng cung kính cúng dường".

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Đại Bồ Tát vì muốn lợi ích chúng sanh nên thưa hỏi đức Như Lai những nghĩa sâu như vậy. Do nghĩa này ta tùy theo ý của ông mà nói pháp Đại thừa Phương Đẳng rất sâu, bí mật, tức là bậc rất yêu thương như con một".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu Bồ Tát tu tâm từ, bi, hỷ, đặng bậc con một, lúc tu tâm xả thời đặng bậc gì ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo biết thời, biết ta muốn nói nên ông thưa hỏi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu tâm xả thời đặng bậc bình đẳng không như ông Tu Bồ Đề. Đại Bồ Tát trụ bậc bình đẳng không, thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, oán thù, kẻ không thân không oán, nhẫn đến chẳng thấy : Ấm, giới, nhập, chúng sanh thọ mạng. Ví như hư không, không có cha mẹ, anh, em, vợ con, nhẫn đến không có chúng sanh thọ mạng, tất cả các pháp cũng không có cha mẹ nhẫn đến thọ mạng.

Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp cũng như vậy, tâm của Bồ Tát bình đẳng như hư không, vì Bồ Tát khéo tu tập những pháp không".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Sao gọi là không ?".

Này Thiện nam tử ! Nói là không đó nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thỉ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không.

Đại Bồ Tát quán nội không như thế nào ? Đại Bồ Tát này quán nội pháp là không, chính là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, không oán, không thân, chúng sanh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật. Trong nội pháp này dầu có Phật tánh, nhưng Phật tánh này chẳng phải nội chẳng phải ngoại. Vì Phật tánh thường trụ không biến đổi. Đây gọi là Đại Bồ Tát quán nơi nội không.

Ngoại không cũng như vậy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh, chẳng ở nơi phạm vi hai thứ không. Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng gọi là không. Đây gọi là nội và ngoại đều không.

Này Thiện nam tử ! Hữu vi không là các pháp hữu vi thảy đều không. Chính là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sanh thọ mạng Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhứt nghĩa không. Trong đây Phật tánh chẳng phải pháp hữu vi, nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Trên đây gọi là hữu vi không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát quán vô vi không như thế nào ? Pháp vô vi thảy đều là không tức là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, ấm, giới, nhập, chúng sanh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi Phật, Pháp v.v... bốn pháp đều chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi : Vì là thiện nên chẳng phải vô vi, vì tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đây gọi là Bồ Tát quán vô vi không.

Thế nào là Bồ Tát quán vô thỉ không ? Đại Bồ Tát thấy sanh tử vô thỉ thảy đều không tịch gọi là không, đó tức là thường, lạc, ngã, tịnh, thảy đều không tịch chẳng có biến đổi. Chúng sanh thọ mạng Tam Bảo, Phật tánh và vô vi pháp cũng như vậy. Đây gọi là quán vô thỉ không.

Đại Bồ Tát quán nơi tánh không thế nào ? Đại Bồ Tát này quán tất cả pháp bốn tánh đều không : Ấm, giới, nhập, thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Tất cả pháp đều chẳng thấy bổn tánh, đây gọi là quán nơi tánh không.

Đại Bồ Tát quán vô sở hữu không như thế nào ? Như người không con nói nhà cửa trống không, rốt ráo quán không chẳng có thân yêu. Người ngu si thời gọi là các phương không. Người nghèo cùng thời gọi là tất cả không. Những kiến chấp như vậy, hoặc không hoặc chẳng phải không. Lúc Bồ Tát quán sát như người nghèo cùng tất cả đều không. Đây gọi là Bồ Tát quán vô sở hữu không.

Đại Bồ Tát quán đệ nhứt nghĩa không như thế nào ? Bồ Tát lúc quán đệ nhứt nghĩa, nhãn căn này lúc sanh ra không từ đâu lại, lúc nó diệt mất cũng không đi đến đâu, trước không, nay có, có rồi trở lại không, suy thật tánh của nó không nhãn căn không chủ thể. Như nhãn căn vô tánh, tất cả pháp cũng như vậy. Những gì gọi là đệ nhứt nghĩa không ? Có nghiệp có báo, chẳng thấy tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhứt nghĩa không. Đây gọi là quán đệ nhứt nghĩa không.

Đại Bồ Tát quán không không như thế nào ? Trong không không này là chỗ mê mờ của Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Là có, là không, đây gọi là không không. Là phải là chẳng phải đây gọi là Không Không.

Này Thiện nam tử ! Bực Thập trụ Bồ Tát còn ở trong đây thông đạt phần ít như vi trần, huống là những người khác. Không không như vậy cũng chẳng đồng Không Không Tam muội của Thanh Văn chứng đặng. Đây gọi là Bồ Tát quán nơi Không Không.

Đại Bồ Tát quán Đại Không thế nào ? Đại Không tức là Bát nhã Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đặng pháp môn Không như vậy thời đặng trụ nơi bậc hư không đặng.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong đại chúng này lúc nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa đại Bồ Tát liền đặng trụ nơi bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị ràng buộc câu chấp, tâm không mê muội. Do nghĩa này nên gọi là bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Vì như hư không đối sắc đáng ưa chẳng sanh tham đắm, đối với sắc chẳng ưa chẳng sanh giận hờn. Đại Bồ Tát trụ trong bậc này cũng như vậy, đối với sắc tốt xấu tâm không tham không giận, ví như hư không rộng lớn tuyệt đối, có thể dung chứa tất cả vật. Đại Bồ Tát trụ trong bậc này cũng như vậy, rộng lớn tuyệt đối có thể dung thọ tất cả pháp. Do nghĩa này nên đặng gọi là bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này đối với tất cả pháp cũng thấy cũng biết, là hành, là duyên, là tánh, là tướng, là nhơn, là duyên, là chúng sanh tâm, là căn, là thiền định, là thừa, là thiện tri thức, là trì cấm giới, là vật bố thí, những pháp như vậy tất cả đều biết đều thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tự nhịn đói, gieo xuống vực, nhẩy vào lửa tự té từ ngọn núi

cao, thường co một chân, năm thứ nóng đốt thân, thường nằm trên tro, trên đất, trên gai góc, trên lá cây, cỏ cứng, trên phân bò, mặc y phục bằng gai thô của người vất bỏ trong gò mã, áo lông phấn tảo, áo khâm bà la, da nai, da hươu, áo quần bằng cỏ, ăn rau, ăn trái, ăn ngó, ăn củ, xác dầu, phân bò. Nếu đi khất thực hạn định từ nhà, gia chủ nếu nói rằng không liền bỏ đi, dầu kêu trở lại cũng chẳng ngó ngoái lại. Chẳng ăn muối ăn thịt, cùng năm thứ sữa, lạc, tô v.v.. Thường uống nước cám trấu, nước sôi. Thọ trì ngưu giới, kê giới, cẩu giới, trĩ giới. Lấy tro trét trên mình, để tóc dài làm tướng. Lúc dùng dê để cúng tế trước chú nguyện rồi sau giết thịt. Bốn tháng thờ lửa, bảy ngày hớp gió. Trăm ngàn ức thứ hoa cúng dường chư Thiên. Muốn nhơn những việc trên đây để được thành tựu chỗ mong cầu. Những phương pháp trên đây không bao giờ có thể làm nhơn giải thoát được. Đây gọi là biết.

Thế nào là chẳng thấy ? Đại Bồ Tát chẳng thấy một người nào thật hành phương pháp như vậy mà đặng chánh giải thoát. Đây gọi là chẳng thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng thấy cũng biết. Những gì là thấy ? Thấy các chúng sanh thật hành tà pháp ấy quyết đọa địa ngục đây gọi là thấy.

Thế nào là biết ? Biết các chúng sanh từ địa ngục ra, sanh trong loài người nếu có thể tu hành Đàn Ba la mật nhẫn đến đầy đủ các môn Ba la mật, người

này quyết đặng tám môn chánh giải thoát. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng thấy cũng biết. Thế nào là thấy ? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, đây gọi là thấy. Thế nào là biết ? Biết các đức Như Lai quyết định chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, biết thân Như Lai là kim cang không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não mà thành, lại chẳng phải hôi nhơ hư rã. Cũng lại có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Thế nào là biết ? Biết chúng sanh này tín tâm thành tựu, biết chúng sanh này cầu pháp Đại thừa, người này thuần lưu, người này nghịch lưu, người này chánh trụ, biết chúng sanh này đã đến bờ kia.

Người thuận lưu là nói hạng phàm phu. Người nghịch lưu là từ bậc Tu Đà Hoàn nhẫn đến Duyên Giác. Người chánh trụ là nói các bậc Bồ Tát. Người đến bờ kia là nói các đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát trụ nơi kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn tu phạm hạnh dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý, tạo điều ác đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ

quả. Thấy các chúng sanh tu nghiệp lành sau khi chết sẽ sanh trên trời hay trong loài người. Những chúng sanh này từ tối tăm vào tối tăm. Có những chúng sanh từ tối tăm vào sáng suốt. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào tối tăm. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào sáng suốt. Đây gọi là thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Đại Bồ Tát biết các chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ. Người này đời nay thành tựu nghiệp ác, hoặc nhơn tham dục, sân khuể, ngu si, nghiệp này ắt phải thọ báo nơi địa ngục, người này do tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, nên hiện đời thọ quả báo nhẹ chẳng đọa địa ngục. Nghiệp này thế nào có thể đặng báo hiện tại ? Phát lồ sám hối những tội ác đã làm đã ăn năn chừa cải về sau chẳng dám tái phạm. Vì hổ thẹn, vì cúng dường Tam Bảo, vì thường trụ quở trách, người này do nhơn duyên nghiệp lành đây nên chẳng đọa địa ngục. Hiện đời thọ quả báo là nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết vì hoạn nạn, bị mắng nhiếc làm nhục, bị đánh đập trói nhốt, bị đói khát khốn khổ, những việc như vậy là hiện đời thọ quả báo nhẹ. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát thấy người như vậy chẳng có thể tu tập thân, giới tâm, huệ, tạo chút ít nghiệp ác. Nhơn duyên của nghiệp này đáng lẽ hiện đời thọ quả báo. Người này tạo chút ít

nghiệp ác chẳng có thể sám hối, chẳng tự quở trách, chẳng sanh lòng hổ thẹn, chẳng sợ sệt, nghiệp ác này tăng trưởng nên thọ quả báo nơi địa ngục. Đây gọi là thấy.

Lại có biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che đậy nên chẳng thể thấy. Đây gọi là biết mà chẳng thấy.

Lại có biết mà thấy chút ít. Bậc Thập trụ Bồ Tát biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thấy chẳng được rõ ràng dường như đêm tối thấy vật chẳng rõ.

Lại có cũng thấy cũng biết, chính là chư Phật Như Lai cũng thấy cũng biết.

Lại có cũng thấy cũng biết, chẳng thấy chẳng biết. Cũng thấy cũng biết là : Trong thế gian những văn tự, ngôn ngữ, nam, nữ, xe cộ, bình chậu, nhà cửa, thành ấp, áo xiêm, uống ăn, núi sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng. Đây gọi là cũng biết cũng thấy.

Thế nào là chẳng thấy chẳng biết ? Thánh nhơn chỗ có nói ra lời vi mật, không có nam nữ nhẫn đến vườn rừng. Đây gọi là chẳng thấy chẳng biết.

Lại có biết mà chẳng thấy : biết vật bố thí, biết chỗ cúng dường, biết người lãnh thọ, biết nhơn quả. Đây gọi là biết. Chẳng thấy đồ bố thí, chỗ cúng dường, người thọ nhẫn đến quả báo. Đây gọi là chẳng thấy.

Đại Bồ Tát biết có tám thứ, chính là ngũ nhãn của đức Như Lai chỗ biết.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng những lợi ích gì ."

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy thời đặng bốn vô ngại : Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là : Biết tất cả pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là : Biết những nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo danh tự đã đặt cho các pháp mà giải nghĩa. Từ vô ngại là : Giảng luận tùy theo danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp cú, giảng luận về thế biện. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát khi diễn thuyết không có chướng ngại, không ai động chuyển được, không có sợ sệt, khó có ai tồi phục được.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát có thể thấy và biết như vậy, bèn đặng bốn trí vô ngại như thế.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát biết khắp những pháp Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật. Nghĩa vô ngại là : Thừa dầu có ba, nhưng biết quy về một, trọn chẳng cho rằng có tướng sai biệt hẳn. Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát ở trong một pháp đặt thành nhiều thứ tên, trải vô lượng kiếp nói chẳng hết, hàng Thanh Văn,

Duyên Giác, không thể nói như vậy được. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát trong vô lượng kiếp vì các chúng sanh diễn thuyết các pháp : Hoặc danh hoặc nghĩa, nhiều loại giảng thuyết khác nhau chẳng thể cùng tận.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết các pháp nhưng chẳng chấp lấy. Nghĩa vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết những nghĩa nhưng cũng chẳng chấp. Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết danh tự cũng chẳng chấp lấy. Nhạo thuyết vô ngại là : Đại Bồ Tát dầu biết nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng chẳng chấp. Vì cớ sao chẳng chấp ? Vì nếu chấp lấy thời chẳng gọi là Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu chẳng chấp lấy thời chẳng biết pháp, nếu biết pháp thời là chấp lấy, nếu biết mà chẳng chấp lấy thời là không chỗ biết, thế sao đức Như Lai nói rằng : Biết pháp mà chẳng chấp lấy ? Phật nói : Này Thiện nam tử ! Luận về người chấp lấy thời chẳng gọi là vô ngại. Người không chấp lấy mới gọi là vô ngại. Thế nên tất cả Bồ Tát nếu có chấp lấy thời không vô ngại, nếu không vô ngại thời chẳng gọi là Bồ Tát. Nên biết người ấy gọi là phàm phu. Tại sao chấp lấy gọi là phàm phu ? Vì tất cả phàm phu chấp lấy nơi sắc, thinh, nhẫn đến chấp lấy thức. Vì chấp lấy sắc thời sanh tâm tham, vì sanh tâm tham

nên bị sắc ràng buộc, nhẫn đến bị thức ràng buộc. Do bị ràng buộc nên chẳng đặng thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu, bi, khổ não. Thế nên chấp lấy gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đã ở nơi vô lượng a tăng kỳ kiếp biết và thấy pháp tướng. Do biết thấy nên biết nghĩa. Do thấy pháp tướng và biết nghĩa nên ở trong sắc. v.v... chẳng sanh lòng chấp lấy, nhẫn đến trong thức cũng lại như vậy. . Do chẳng chấp lấy, Bồ Tát đối với sắc chẳng sanh lòng tham, nhẫn đến nơi thức cũng chẳng sanh lòng tham. Do không tham nên chẳng bị sắc ràng buộc, nhẫn đến chẳng bị thức ràng buộc. Bởi chẳng ràng buộc thời đặng thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu bi, khổ não. Do nghĩa này nên tất cả Bồ Tát đặng bốn vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên này trong mười hai bộ kinh, đức Phật vì hàng đệ tử nói chấp lấy gọi là bị ma trói buộc. Nếu chẳng chấp lấy thời thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người có tội bị vua bắt trói, người không tội nhà vua không bắt. Đại Bồ Tát cũng như vậy : Người chấp lấy thời bị ma ràng buộc, người không chấp lấy thời ma không ràng buộc được. Do nghĩa này nên đại Bồ Tát không có chấp lấy.

(*) Này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là : Đại Bồ Tát khéo biết danh tự giữ lấy chẳng quên, nói giữ lấy là như đất, núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là : Bồ Tát chẳng những biết danh tự của các pháp mà cũng biết nơi nghĩa. Biết nghĩa thế nào ? Như đất khắp giữ lấy tất cả chúng sanh và phi chúng sanh, do nghĩa này nên gọi là đất giữ lấy. Bồ Tát lại suy nghĩ núi có thể giữ lấy đất làm cho vững vàng không nghiêng động nên gọi là núi giữ lấy. Con mắt có thể giữ lấy ánh sáng. Mây gọi là hơi của rồng, hơi của rồng giữ lấy nước cho nên gọi là mây giữ lấy. Người có thể giữ lấy pháp và phi pháp. Mẹ có thể giữ lấy con. Đại Bồ Tát biết danh tự cú nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy.

Từ vô ngại là : Đại Bồ Tát dùng các thứ ngôn từ diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sanh v.v.. Cớ sao là vô nghĩa ? Luận về nghĩa là cảnh giới của Phật, của Bồ Tát, ngôn từ là cảnh giới của phàm phu. Do biết nghĩa nên đặng từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là đại Bồ Tát biết từ, biết nghĩa, nên trong vô lượng a tăng kỳ kiếp thuyết từ, thuyết nghĩa, chẳng cùng tận. Đây gọi là nhạo thuyết vô ngại.

(*) Hán bộ quyển thứ 17

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp tu hành thế đế, do sự tu hành này biết pháp vô ngại. Lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu đệ nhứt nghĩa đế nên đặng nghĩa vô ngại. Lại vô lượng a tăng kỳ kiếp tập học luận Tỳ Dà La Na nên đặng từ vô ngại. Cũng ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập luận thuyết về thế đế, nên đặng nhạo thuyết vô ngại. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác không đặng bốn vô ngại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong chín bộ kinh, đức Phật nói Thanh Văn, Duyên Giác có bốn vô ngại, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác thật không có. Tại vì sao ? Vì đại Bồ Tát nhơn độ chúng sanh nên tu tập bốn trí vô ngại như vậy. Hàng Duyên Giác tu pháp tịch diệt chỉ ưa ở một mình, nếu hóa độ chúng sanh chỉ hiện thần thông, trọn ngày nín lặng không thuyết pháp làm sao có được bốn trí vô ngại. Cớ sao nín lặng mà không thuyết pháp ? Hàng Duyên Giác chẳng thể thuyết pháp độ người khiến đặng pháp noãn, pháp đảnh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chẳng thể khiến người phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Hàng Duyên Giác ra đời trong thế gian không có chín bộ kinh, vì thế nên Duyên Giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết các pháp nhưng

không được pháp vô ngại. Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên Giác dầu biết văn tự nhưng không được văn tự vô ngại. Vì chẳng biết hai chữ "Thường Trụ". Thế nên hàng Duyên Giác chẳng đặng pháp vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết nơi nghĩa cả hàng Duyên Giác không có bốn trí vô ngại.

Thế nào là hàng Thanh Văn không có bốn trí vô ngại ? Hàng Thanh Văn không có ba thứ thiện xảo, phương tiện ; một là quyết cần phải lời nói dịu dàng rồi sau mới lãnh thọ giáo pháp, hai là quyết phải lời nói thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa, ba là lời nói chẳng dịu dàng chẳng thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa. Vì hàng Thanh Văn không có ba phương tiện này nên không có bốn trí vô ngại. Lại hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể biết lời, biết nghĩa rốt ráo, không có trí tự tại, hiểu rõ nơi cảnh giới, không có mười trí lực, bốn vô sở úy, chẳng có thể rốt ráo ra khỏi sông lớn, mười hai nhơn duyên, chẳng có thể khéo biết những căn tánh lợi độn sai khác của chúng sanh, chưa có thể dứt hẳn lòng nghi đối với hai đế lý, chẳng biết các thứ cảnh giới sở duyên nơi tâm của chúng sanh, chẳng có thể

khéo nói đệ nhứt nghĩa không, thế nên hàng Nhị thừa không có bốn trí vô ngại.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác đều không có bốn trí vô ngại, tại sao đức Thế Tôn lại nói Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, Ma Ha Câu Si La là tứ vô ngại đệ nhất. Nếu các Ngài đó không có bốn trí vô ngại, sao đức Như Lai tuyên bố những lời như vậy".

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ví như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân Đầu cũng có nước vô lượng, sông lớn Bác Xoa cũng có nước vô lượng, sông lớn Tất Đà cũng có nước vô lượng, ao A Nậu Đạt cũng có nước vô lượng, trong đại hải nước cũng vô lượng. Các con sông lớn ao A Nậu cùng đại hải dầu đồng có nước nhiều vô lượng, nhưng thật ra nhiều ít chẳng đồng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các bậc đại Bồ Tát vốn cũng như vậy, nếu nói là đồng nhau thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Ta vì phàm phu mà nói Ma Ha Câu Si La bốn trí vô ngại đệ nhất. Ý nghĩa lời hỏi của ông là như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn hoặc có vị đặng một trí vô ngại, hoặc có vị đặng hai, không có vị nào có đủ được bốn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như trong phẩm Phạm Hạnh, đức Phật đã nói sự tri kiến của Bồ Tát đặng bốn trí vô ngại. Tri kiến của Bồ Tát thời là vô sở đắc cũng không có tâm niệm cho rằng vô sở đắc. Thế Tôn ! Đại Bồ Tát này thật vô sở đắc. Nếu giả sử tâm niệm Bồ Tát có sở đắc thời chẳng phải là Bồ Tát, nên gọi là phàm phu. Đức Như Lai sao lại nói Bồ Tát mà có sở đắc ?".

- Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ta sắp sửa nói mà ông lại hỏi. Đại Bồ Tát thật vô sở đắc, vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa gì vô sở đắc gọi là bốn trí vô ngại. Nếu có sở đắc thời gọi là ngại. Có chướng ngại gọi là bốn thứ điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì không bốn thứ điên đảo nên đặng vô ngại. Thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là Huệ. Đại Bồ Tát đặng huệ này nên gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc gọi là vô minh. Bồ Tát dứt hẳn vô minh tối tăm nên vô sở đắc. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô sở đắc.

Này Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là Đại Niết Bàn. Bồ Tát an trụ trong Đại Niết Bàn như vậy, chẳng thấy tánh tướng của tất cả pháp vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc. Có sở đắc gọi là hai mươi

lăm cõi, Bồ Tát dứt hẳn hai mươi lăm cõi đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là Đại thừa. Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi các pháp nên đặng Đại thừa. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát dứt hẳn đạo Nhị thừa nên đặng Phật đạo. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là kinh Phương Đẳng, Bồ Tát đọc tụng kinh như vậy nên đặng Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có Sở Đắc gọi là mười một bộ kinh. Bồ Tát tu tập kinh điển thuần giảng thuyết Phương Đẳng Đại thừa. Vì thế nên gọi là Bồ Tát vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là hư không. Trong thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ Tát đặng hư không tam muội này thời không chỗ thấy. Vì thế nên Bồ Tát gọi là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là luân hồi sanh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có chỗ thấy. Bồ Tát dứt hẳn tất cả sanh tử nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc. Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc của đại Bồ Tát gọi là thường, lạc, ngã, tịnh, vì đại Bồ Tát thấy Phật tánh nên đặng thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ Tát dứt hết thảy về sở đắc gọi là tuệ nhất nghĩa không. Đại Bồ Tát quán đệ nhất nghĩa không đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là năm sự thấy. Bồ Tát dứt hẳn năm sự thấy này nên chứng đặng đệ nhất nghĩa không, vì thế nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ Tát lúc đặng Vô thượng Chánh giác đều không chỗ thấy nên gọi là Bồ Tát vô sở đắc.

Có sở đắc gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Bồ Tát dứt hẳn Bồ Đề của Nhị thừa nên gọi Bồ Tát là vô sở đắc.

Này Thiện nam tử ! Lời hỏi của ông cũng vô sở đắc. Lời nói của ta cũng vô sở đắc. Nếu có sở đắc là quyến thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Vì tôi lúc nói Bồ Tát vô sở đắc này, có vô lượng chúng sanh dứt tâm chấp có tướng. Do việc này tôi dám thưa hỏi vô sở đắc, làm cho vô lượng chúng sanh như vậy rời quyến thuộc ma làm đệ tử Phật".

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai vừa rồi ở rừng Ta La Song Thọ này vì Thuần Đà nói bài kệ :

Trước có nay không
Trước không nay có.
Ba đời có pháp
Không có lẽ ấy".

- Này Thiện nam tử ! Đức Phật vì hóa độ chúng sanh mà nói lời ấy, cũng vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà nói lời ấy, cũng vì Văn Thù Sư Lợi mà nói lới ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần Đà mà nói kệ ấy. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi toan muốn hỏi Phật. Phật biết tâm niệm của Văn Thù mà nói bài kệ ấy. Phật nói bài kệ ấy rồi thời Văn Thù Sư Lợi liền hiểu rõ.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như Văn Thù Sư Lợi, có được mấy người hiểu nghĩa ấy. Xin đức Như Lai vì đại chúng lại phân biệt giảng rộng".

- Này Thiện nam tử ! Lóng nghe, lóng nghe ! Nay sẽ vì ông diễn giải lại.

Nói rằng trước có đó : Ngày trước ta vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Niết Bàn.

Nói rằng trước không đó : Trước không Bát nhã Ba la mật, vì không Bát nhã Ba la mật nên hiện tại

có đủ phiền não. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không ai có thể nói đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai hay hiện tại có phiền não.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước có thân hòa hiệp của cha mẹ sanh vì thế nên hiện tại không có pháp thân kim cang vi diệu.

Nói rằng trước không đó : Thân ta vốn không ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, bởi trước không có tướng tốt nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bịnh.

Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lại, hiện tại có bịnh khổ đó.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bởi có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, nên hiện tại không có Vô thượng Bồ Đề. Nói rằng trước không đó : Trước không thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên không có thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, là trước có tâm niệm tu khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Chánh giác, vì vậy nên hiện tại không thể phá hoại bốn thứ ma. Nói rằng trước không đó, ta trước không có sáu môn Ba la mật, do trước không sáu môn Ba la mật nên có tâm niệm tu, tu hành khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Bồ Đề. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, không thể nói đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có khổ hạnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, ta xưa trước có thân tạp thực nên hiện tại không thân vô biên. Nói rằng trước không đó, trước không ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không pháp trợ đạo nên hiện tại có thân tạp thực. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại có thân tạp thực, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta xưa trước có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp, vì thế nên hiện tại không có chánh định rốt ráo không. Nói rằng trước không đó : Ta trước không có thật nghĩa trung đạo, do không có thật nghĩa trung đạo nên có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị

lại, hiện tại nói tất cả pháp là có tướng, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, lúc ta mới đặng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử Thanh Văn căn độn, do có đệ tử Thanh Văn căn độn nên không thể diễn nói đạo nhứt thừa chơn thật. Nói rằng trước không đó : Trước không bậc lợi căn Tượng Vương trong loài người như Ca Diếp Bồ Tát v.v... Bởi không hạng lợi căn nên đức Phật tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại rốt ráo diễn thuyết pháp ba thừa, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó : Ta trước nói rằng sau đây ba tháng nơi rừng Ta La Song Thọ, ta sẽ nhập Niết Bàn. Vì thế nên hiện tại đây chẳng diễn thuyết được kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Nói rằng trước không đó : Ngày trước không có Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát v.v... Vì không có nên hiện tại nói đức Như Lai vô thường. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc Phạm Vương, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, nói rằng đức Như Lai thuở quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai khắp vì chúng sanh nên dầu biết rõ tất cả pháp mà nói là chẳng biết, dầu thấy mà nói là chẳng thấy, pháp có tướng

nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng. Thiệt có thường nói rằng vô thường, lạc, ngã và tịnh cũng như vậy. Pháp tam thừa nói là nhứt thừa, pháp nhứt thừa tùy nghi nói thành ba : Tướng dón gọn nói thành tướng rộng, tướng rộng nói thành tướng dón gọn. Bốn tội trọng nói là tội Thâu lan giá, tội Thâu lan giá nói là bốn tội trọng. Phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói là phạm. Tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh. Tại sao vậy ? Vì đức Như Lai thấy rõ căn tánh của chúng sanh. Đức Như Lai dầu nói như vậy mà trọn không hư vọng. Vì lời hư vọng chính là tội lỗi. Đức Như Lai đã dứt hết tất cả tội lỗi, thời đâu còn có nói lời hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai dầu không lời hư vọng, nếu biết chúng sanh do nơi lời hư vọng mà đặng lợi ích đối với chánh pháp, thời tùy nghi phương tiện vì họ mà nói.

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế đế đối với Như Lai tức là đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật Thế Tôn vì đệ nhất nghĩa đế mà nói thế đế, làm cho chúng sanh chứng đặng đệ nhất nghĩa đế. Giả sử chúng sanh chẳng đặng đệ nhất nghĩa đế như vậy, thời chư Phật trọn chẳng tuyên nói thế đế.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có lúc diễn nói thế đế, chúng sanh cho rằng Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Đức Như Lai có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế,

chúng sanh cho rằng Phật nói thế đế. Nên cảnh giới rất sâu của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác có thể biết được.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ông chẳng nên gạn rằng : Đại Bồ Tát là vô sở đắc. Bồ Tát thường chứng đặng đệ nhất nghĩa đế, sao lại gạn rằng là vô sở đắc".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ Đề, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu có Bồ Tát nói rằng có đắc đạo, có Bồ Đề, Niết Bàn, thời là vô thường. Vì pháp nếu là thường thời chẳng thể đặng, dường như hư không, có ai được.

Thế Tôn ! Như vật trong thế gian trước không nay có gọi đó là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo là có thể được thời gọi là vô thường. Pháp nếu là thường thời không đặng, không sanh, dường như Phật tánh không đặng, không sanh.

Thế Tôn ! Luận về đạo : Chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng vắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không, cớ sao đức Như Lai nói là có thể được. Bồ Đề cùng Niết Bàn cũng như vậy".

Phật nói : "Phải lắm ! Phải lắm ! Này Thiện nam tử ! Đạo có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường.

Tướng Bồ Đề cũng có hai thứ : một là thường, hai là vô thường. Niết Bàn cũng vậy.

Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường. Đạo của nội đạo gọi là thường. Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác là vô thường. Bồ Đề của Bồ Tát và chư Phật gọi là thường. Ngoại giải thoát gọi là vô thường. Nội giải thoát gọi là thường.

Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sanh vì bị vô lượng phiền não che đậy không huệ nhãn nên chẳng thể thấy được. Mà các chúng sanh vì muốn được thấy nên tu giới, định, huệ. Do tu hành nên thấy đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn.

Tánh tướng của đạo thật chẳng sanh chẳng diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm lấy. Này Thiện nam tử ! Đạo dầu không hình sắc thấy được, không thể cân lường biết. Nhưng thật có công dụng. Như tâm chúng sanh dầu chẳng phải sắc, chẳng phải dài, vắn, thô, tế, chẳng phải buộc chẳng phải mở. Chẳng phải là pháp có thể thấy nhưng cũng là có.

Do nghĩa này nên đức Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng : Này Trưởng giả ! Tâm là chúa trong thành. Trưởng giả nếu chẳng giữ gìn tâm thời chẳng giữ gìn thân miệng. Nếu giữ gìn tâm thời là giữ gìn thân miệng. Bởi chẳng khéo giữ gìn thân miệng nên làm

cho chúng sanh sa đến ba ác thú. Giữ gìn thân miệng thời làm cho chúng sanh đặng báo trời người và Niết Bàn. Chứng đặng gọi là chơn thật, còn chẳng chứng đặng gọi là chẳng chơn thật. Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn cũng như vậy : cũng là có cũng là thường. Nếu như không có làm sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ Tát thấy biết rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Một là thấy tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo ? Như thấy khói đằng xa gọi là thấy lửa, kỳ thật chẳng thấy lửa, dầu chẳng thấy lửa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Thấy chim hạc bay trên không bèn nói là thấy nước. Dầu chẳng thấy nước nhưng chẳng phải là hư vọng. Như thấy lá cây bèn nói là thấy gốc cây, dầu chẳng phải thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như người thấy sừng trâu trong rào đằng xa bèn nói là thấy trâu, dầu chẳng thấy trâu, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người nữ thai nghén bèn nói là thấy dục, dầu chẳng thấy dục, nhưng cũng chẳng phải hư vọng. Như thấy cây mọc lá bèn nói là thấy nước, dầu chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy mây bèn nói là thấy mưa, dầu chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp cùng khẩu nghiệp bèn nói là thấy tâm, dầu chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng, đây gọi là thấy tướng mạo.

Thế nào là thấy rõ ràng ? Như mắt thấy sắc. Này Thiện nam tử ! Như người có con mắt sáng tự xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Đại Bồ Tát thấy đạo Bồ Đề, Bồ Đề và Niết Bàn rõ ràng cũng như vậy, dầu thấy như vậy nhưng vẫn không có tướng thấy.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên này ngày trước ta bảo Xá Lợi Phất : Tất cả trong đời hoặc Sa Môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chỉ có đức Như Lai đều biết thấy và hiểu, chư vị đại Bồ Tát cũng như vậy. Còn nếu trong các thế gian chỗ biết thấy và hiểu, thời ta cùng Bồ Tát cũng biết thấy và hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, cũng chẳng tự biết là mình chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ biết thấy và hiểu bèn tự nói rằng tôi biết thấy và hiểu. Đức Như Lai tất cả đều biết thấy và hiểu, cũng chẳng tự nói rằng ta biết thấy và hiểu, tất cả Bồ tát cũng như vậy, vì nếu giả sử đức Như Lai còn có tướng biết thấy và hiểu, phải biết đó là chẳng Phật Thế Tôn mà là phàm phu, Bồ Tát cũng vậy".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Như đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất : Thế gian biết ta cũng biết, thế gian chẳng biết ta cũng biết rõ. Ý nghĩa đó thế nào ?"

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy chẳng hiểu được Phật tánh. Nếu có biết

thấy và hiểu Phật tánh thời chẳng gọi là thế gian mà Bồ Tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mười hai loại kinh, mười hai nhơn duyên, bốn đảo, bốn đế, ba mươi bảy phẩm, Vô thượng Bồ Đề, Đại Niết Bàn, nếu biết, thấy và hiểu thời chẳng phải là thế gian nên gọi là Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Thế nào là chỗ biết, thấy và hiểu của thế gian ? Chính là Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Bát Tý Thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, chung thỉ của thế gian, hai kiến chấp đoạn thường, cho rằng Sơ thiền đến trời Phi phi tưởng là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là chỗ thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ Tát đối với những việc như vậy cũng biết thấy và hiểu. Bồ Tát thấy, biết và hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thời là hư vọng. Hư vọng thời là tội. Do tội này phải đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ, hoặc Sa môn hay Bà La Môn nói rằng không có đạo Bồ Đề Niết Bàn. Phải biết bọn này gọi là nhất xiển đề, là quyến thuộc của ma, gọi là hủy báng chánh pháp. Hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian cũng chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát liền nói kệ tán thán Phật :

Đức đại từ thương chúng sanh,
Nên nay tôi quy y Phật.
Khéo nhổ những mũi tên độc,
Nên hiệu là đại y vương.
Y sĩ trong đời trị bịnh,
Dầu lành nhưng sanh trở lại,
Đức Như Lai trị lành hẳn
Rốt ráo chẳng còn phát sanh.
Thuốc cam lộ của Thế Tôn
Đem ban cho các chúng sanh,
Chúng sanh đã uống thuốc rồi,
Thời chẳng chết cũng chẳng sanh.
Đức Như Lai nay vì tôi
Diễn nói kinh đại Niết Bàn,
Chúng sanh nghe tạng bí mật
Liền đặng chẳng sanh chẳng diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ Tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ Tát là thế gian thời chẳng đặng nói rằng thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, mà Bồ Tát có thể biết, thấy, hiểu. Còn nếu Bồ Tát chẳng phải thế gian thời có tướng gì khác ?".

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng là thế gian cũng chẳng phải thế gian. Chẳng biết, thấy, hiểu gọi là thế gian. Biết, thấy, hiểu chẳng gọi là thế gian. Ông hỏi có tướng gì khác nay ta sẽ nói.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ nếu có người mới nghe kinh Đại Niết Bàn này liền sanh lòng kính tin phát tâm Vô thượng Bồ Đề, đây gọi là thế gian Bồ Tát. Tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ Tát này cũng chẳng biết, thấy, hiểu đồng như thế gian. Bồ Tát nghe kinh Đại Niết Bàn này rồi biết có sự mà thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu là chỗ biết, thấy, hiểu của Bồ Tát. Biết như vậy rồi liền tự nghĩ rằng : Tôi phải tu tập thế nào để được biết, thấy và hiểu ? Lại tự nghĩ : Chỉ phải thâm tâm tu trì tịnh giới.

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên đó Bồ Tát này ở đời vị lai sanh vào chốn nào giới đức vẫn thường thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Do giới thanh tịnh nên đại Bồ Tát sanh vào chốn nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi lầm. Không bao giờ cho rằng : Đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh.

Giới đã thanh tịnh kế đến tu thiền định. Do tu thiền định nên đời đời chẳng mất chánh niệm : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mười hai bộ kinh, chư Phật Thế

Tôn thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả Bồ Tát an trụ nơi kinh Phương Đẳng đại Niết Bàn đều thấy Phật tánh, những việc như vậy đời đời nhớ chẳng quên. Do tu chánh định, nên chứng đặng mười một pháp không. Đây gọi là Bồ Tát tu thanh tịnh.

Giới định đã đủ kế tu huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân là ngã, chẳng phải thân chẳng phải ngã. Đây gọi là Bồ Tát tu tập huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên giới cấm đang thọ trì bền chắc chẳng lay động.

Như núi Tu Di chẳng bị bốn ngọn gió làm lay động. Cũng vậy, đại Bồ Tát chẳng bị bốn thứ điên đảo làm động.

Bấy giờ Bồ Tát tự rõ biết rằng giới cấm của mình thọ trì không có lay động. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thấy giới cấm của mình thọ trì bền chắc chẳng lay động thời tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm vui mừng. Vì vui mừng nên tâm thỏa thích. Vì thỏa thích nên tâm an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định vô động. Vì đặng chánh định vô động nên đặng tri kiến chơn thật. Vì đặng tri kiến chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử bèn đặng giải thoát. Vì đặng giải thoát nên thấy rõ Phật tánh. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy, chỗ biết của Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế nào là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh tâm không hối hận nhẫn đến thấy rõ Phật tánh ?".

- Này Thiện nam tử ! Giới cấm của thế gian chẳng gọi là thanh tịnh. Vì giới của thế gian để cầu pháp có, vì tánh bất định, vì chẳng rốt ráo, chẳng thể khắp vì tất cả chúng sanh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh nên có tâm hối hận. Vì hối hận nên tâm không vui mừng. Vì không vui mừng thì không thỏa thích. Vì không thỏa thích thời tâm không an ổn. Vì không an ổn nên không có chánh định bất động. Vì không chánh định bất động nên không có tri kiến chơn thật. Vì không tri kiến chơn thật thì tâm không nhàm lìa. Vì không nhàm lìa thời không được giải thoát. Vì không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Vì không thấy Phật tánh nên trọn chẳng đặng Đại Niết Bàn. Đây gọi là giới cấm của thế gian chẳng thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Giới của Đại Bồ Tát thanh tịnh : Vì giới mà chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì quyết định rốt ráo, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là giới thanh tịnh của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát ở trong giới thanh tịnh, dầu chẳng muốn sanh lòng không hối hận, nhưng lòng không hối hận tự nhiên sanh. Như người cầm gương sáng chẳng trông mong thấy mặt mình mà ảnh của mặt mình tự nhiên hiện.

Như nhà nông đem giống gieo trong ruộng tốt, chẳng mong mỏi mầm mộng mọc lên mà mầm mộng tự mọc. Lại cũng như thắp đèn chẳng muốn trừ tối mà tối tự mất.

Đại Bồ Tát bền giữ giới thanh tịnh tâm không hối hận tự nhiên sanh cũng như vậy, do giới thanh tịnh nên tâm đặng vui mừng.

Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình lòng sanh vui mừng, người trì tịnh giới cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người phá giới thấy giới không thanh tịnh lòng không vui mừng, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng rất buồn bã.

Như hai cô gái chăn bò : Một người cầm bình đựng chất lạc, một người cầm bình đựng chất nước trái ép, đồng vào thành để bán, giữa đường vấp chân té hai bình đều bể. Một thời vui mừng, một thời rầu rĩ. Trì giới và phá giới mừng rầu cũng như vậy. Người trì tịnh giới tâm vui mình. Vì vui mừng bèn suy nghĩ :

- Chư Phật ở trong Niết Bàn nói rằng : Người có thể trì tịnh giới thanh tịnh sẽ đặng Niết Bàn. Nay

tôi tu tập tịnh giới như vậy cũng đáng được đó. Do cớ này nên tâm thỏa thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Vui mừng cùng thỏa thích có sai khác gì ?".

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc chẳng làm ác gọi là vui mừng, lúc trì tịnh giới gọi là thỏa thích. Đại Bồ Tát lúc quán sát sanh tử gọi là vui mừng, lúc thấy Đại Niết Bàn gọi là thỏa thích. Bậc hạ gọi là vui mừng, bậc thượng gọi là thỏa thích. Lìa pháp thế gian gọi là vui mừng, đặng pháp bất cộng gọi là thỏa thích. Do giới thanh tịnh nên thân thể dịu dàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Lúc bấy giờ Bồ Tát hoặc thấy hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có các sự ác. Vì không ác nên tâm đặng an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định. Vì đặng chánh định nên thấy biết chơn thật. Vì thấy biết chơn thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên đặng giải thoát. Vì giải thoát nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên đặng Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới, chẳng phải giới cấm thế gian. Vì đại Bồ Tát thọ trì tịnh giới có năm pháp tá trợ : Một là tín, hai là tàm, ba là quí, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới, do đã lìa ngũ cái, chỗ thấy thanh tịnh vì đã lìa năm ác kiến. Tâm không nghi hoặc vì đã lìa năm thứ nghi : Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm

là nghi chẳng phóng dật, Bồ Tát bèn đặng ngũ căn : Tín, niệm, tinh tấn, định và huệ. Vì đặng ngũ căn nên đặng năm thứ Niết Bàn : Sắc giải thoát nhẫn đến thức giải thoát. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới thanh tịnh chẳng phải thế gian vậy.

Này Thiện Nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn mà có phá giới. Bị người quở trách khinh tiện hủy nhục và nói rằng : "Nếu tạng bí mật của Phật, kinh Đại Niết Bàn có oai lực, sao lại làm cho người hủy phá giới cấm. Nếu người thọ trì kinh Niết Bàn này hủy phá giới cấm, nên biết kinh này là không có oai lực nếu không oai lực dầu có đọc tụng cũng không lợi ích". Do vì khinh hủy kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà hủy phá giới cấm là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma chẳng phải đệ tử của ta. Người như vậy ta cũng chẳng cho thọ trì kinh này. Thà khiến họ chẳng thọ, chẳng trì, chẳng tu, chớ chẳng để họ hủy phá giới cấm mà thọ trì tu tập.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, phải chánh thân tâm cẩn thận chớ cợt đùa, cử động khinh tháo, thân không cợt đùa tâm không khinh động. Tâm cầu pháp có thời gọi là khinh động, thân tạo các nghiệp

gọi là cợt đùa. Nếu đệ tử ta cầu pháp có, tạo các nghiệp, thời không nên thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này. Nếu người như vậy mà thọ trì kinh này, sẽ làm cho nhiều người khinh chê mà nói rằng : Nếu kinh Đại Niết Bàn, tạng bí mật của Phật có oai lực, sao lại làm cho người cầu pháp có, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh này cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, do đó biết rằng kinh này không có oai lực, không oai lực nên thọ trì cũng không lợi ích gì.

Do khinh hủy kinh Đại Niết Bàn lại làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này nếu cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, họ là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma không phải là đệ tử ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn này, không nên : thuyết pháp phi thời, thuyết pháp phi xứ, không thỉnh mà thuyết pháp, khinh tâm mà thuyết pháp, chỗ nào cũng thuyết pháp, tự khen mình mà thuyết pháp, khinh người khác mà thuyết pháp, diệt Phật mà thuyết pháp, hưng thạnh pháp thế gian mà thuyết pháp.

Nếu đệ tử của ta thọ trì kinh này mà thuyết pháp phi thời cho đến thuyết pháp để hưng thạnh pháp thế gian, mọi người sẽ khinh chê họ. Vì khinh chê kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh

đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà như vậy thời là ác tri thức của chúng sanh, là quyến thuộc của ma, không phải là đệ tử của ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu người thọ trì kinh này, muốn giảng thuyết Đại Niết Bàn, muốn giảng thuyết Phật tánh, muốn giảng thuyết tạng bí mật của Như Lai, muốn giảng thuyết Đại thừa, muốn giảng thuyết kinh Phương Đẳng, muốn giảng thuyết Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, muốn giảng thuyết giải thoát, thấy Phật tánh thời trước phải thanh tịnh thân của mình. Vì thân thanh tịnh thời người không quở trách. Vì không quở trách nên làm cho vô lượng chúng sanh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn. Vì có lòng tin nên càng kính kinh này, nếu được nghe một kệ, một câu, một chữ và người thuyết pháp, thời phát đặng tâm Vô thượng Bồ Đề. Nên biết người này thật là thiện tri thức của chúng sanh, là đệ tử của Phật. Đây gọi là Bồ Tát chẳng phải thế gian.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là tất cả thế gian chẳng thấy chẳng biết, mà là chỗ thấy, chỗ biết của Bồ Tát ? Đây là nói sáu chánh niệm : Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Thế nào là niệm Phật ? Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thường chẳng biến đổi, đầy đủ mười trí lực, bốn môn vô sở úy, đại Sư tử hống, gọi là đại Sa Môn, đại Bà La Môn, đại tịnh, rốt ráo đến nơi bờ kia, đấng Vô Năng Thắng, đấng Vô kiến đảnh, không có bố úy, chẳng kinh chẳng động, riêng một không bạn vô sư tự ngộ, trí mau lẹ, trí lớn, trí lanh lợi, trí sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rốt ráo, trí bảo thành tựu, Tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, trượng phu trong loài người, Liên hoa trong loài người, hoa Phân đà Lợi, Điều ngự Nhơn sư, là đại thí chủ bực thầy đại pháp, hiệu đại Pháp sư, vì biết pháp, vì biết nghĩa, vì biết thời, vì tri túc, vì tri ngã, vì biết đại chúng, vì biết chủng tánh của chúng sanh, vì biết căn tánh lợi độn, vì nói trung đạo, do những cớ này nên hiệu là đại Pháp sư.

Thế nào gọi là Như Lai ? Như chỗ thuyết pháp của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi. Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh nên nói mười hai bộ kinh. Đức Như Lai cũng vậy nên hiệu là Như Lai. Chư Phật Thế Tôn từ sáu môn Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không mà đến đại Niết Bàn. Đức Như Lai cũng vậy, nên gọi Phật là

Như Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa, thọ mạng vô lượng không thể tính đếm. Đức Như Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như Lai.

Thế nào là Ứng ? Pháp thế gian đều gọi là oan gia, vì đức Như Lai ứng phá hoại pháp ấy nên gọi là Ứng. Luận về tứ ma là oan gia của Bồ Tát,chư Phật Như Lai lúc làm Bồ Tát, có thể dùng trí huệ phá hoại bốn thứ ma nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là viễn ly, lúc làm Bồ Tát nên phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là Lạc, chư Phật quá khứ lúc làm Bồ Tát dầu trong vô lượng vô số kiếp vì chúng sanh mà thọ những khổ não, nhưng trọn không khi nào là không vui, mà thường vui đó nên gọi là Ứng. Và lại tất cả nhơn thiên nên đem các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc để cúng dường đó nên gọi là Ứng Cúng.

Thế nào gọi là Chánh Biến Tri ? Chánh là nói chẳng điên đảo. Biến Tri là thông đạt tất cả bốn thứ điên đảo. Lại Chánh là nói khổ hạnh. Biến Tri là biết nhơn nơi khổ hạnh quyết định có quả khổ. Lại Chánh là nói trong thế gian. Biến Tri là rốt ráo quyết định biết tu tập Trung đạo thời đặng Vô thượng Bồ Đề. Lại Chánh nói có thể đếm, có thể lường, có thể cân. Biến Tri là chẳng thể đếm, chẳng thể lường, chẳng thể cân vì thế nên gọi Phật là Chánh Biến Tri.

Này Thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác cũng có biến tri, cũng chẳng Biến Tri. Vì Biến Tri là nói ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, Thanh Văn Duyên Giác cũng đặng Biến Tri, đây gọi là có Biến Tri. Giả sử hàng Nhị thừa trong vô lượng kiếp quán sát một sắc ấm cũng chẳng thể biết được hết, do nghĩa này nên hàng Thinh Văn, Duyên Giác không có Biến Tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc ? "Minh" là nói đặng vô lượng quả lành. "Hạnh" là chân cẳng. Quả lành gọi là Vô thượng Bồ Đề. Chân cẳng là nói giới huệ. Nương nơi chân giới huệ mà đặng Vô thượng Bồ Đề, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại Minh gọi rằng "chú", Hạnh gọi rằng "kiết", Túc gọi rằng "quả", đây là nghĩa thế gian. "Chú" là nói giải thoát, "Kiết" là nói Vô thượng Bồ Đề, "Qua" là nói Đại Niết Bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại "Minh" là quang, "Hạnh" là nghiệp, "Túc" là quả, đây là nghĩa thế gian. "Quang" là nói chẳng phóng dật, "Nghiệp" là nói sáu môn Ba la mật, "Quả" là nói Vô thượng Bồ Đề. Và lại "Minh" là tam minh : một là Bồ Tát minh, hai là chư Phật minh, ba là Vô minh minh. Bồ Tát minh là Bát nhã Ba la mật. Chư Phật minh là Phật nhãn, Vô minh minh là rốt ráo không. "Hạnh" là trong vô lượng kiếp vì chúng sanh nên tu tập các nghiệp lành. "Túc" là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ ? "Thiện" là cao, "Thệ" là chẳng cao, đây là nghĩa thế gian. "Cao" gọi là Vô thượng Bồ Đề. "Chẳng cao" chính là tâm Như Lai. Này Thiện nam tử ! Tâm nếu cao thời chẳng gọi là Như Lai, vì thế nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại "Thiện" là thiện tri thức, "Thệ" là quả thiện tri thức, đây là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là sơ phát tâm, quả của thiện tri thức là Đại Niết Bàn. Như Lai chẳng bỏ sự phát tâm tối sơ nên đặng Đại Niết Bàn, vì thế nên Như Lai hiệu là Thiện Thệ. Và lại "Thiện" gọi là tốt, "Thệ" gọi là có, đây là nghĩa thế gian. "Tốt" là nói thấy Phật tánh, "Có" là nói Đại Niết Bàn thiệt chẳng phải có, chư Phật vì thế gian mà nói là có. Như người đời thiệt không có con mà nói là có con, thiệt không có đạo mà nói là có đạo. Nhơn thuận theo thế gian mà nói là có Niết Bàn. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết Bàn nên gọi là Thiện Thệ.

(*) Thế nào là Thế Gian Giải ? Thế gian là nói ngũ ấm, giải là rõ biết. Chư Phật khéo biết ngũ ấm nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là nói ngũ dục, Giải là chẳng tham đắm. Chẳng tham đắm ngũ dục nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại thập phương vô lượng vô số thế giới tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chư Phật đều biết, đều thấy đều hiểu, vì thế nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là

(*) Hán bộ quyển thứ 18.

tất cả phàm phu, Giải là biết nhơn quả thiện ác của phàm phu, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, duy Phật có thể biết nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại Thế Gian là liên hoa, Giải là nói chẳng ô nhiễm, đây là nghĩa thế gian. Liên hoa là nói Như Lai, đức Như Lai chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại chư Phật, Bồ Tát thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải. Như nhơn ăn mà đặng sống nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát vì thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ ? Thượng Sĩ gọi là dứt, không chỗ dứt gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không chỗ dứt, vì thế Phật hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói tránh tụng, Vô Thượng Sĩ là không có tránh tụng. Như Lai không tránh tụng nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể phá hoại. Lời nói của Như Lai không ai phá được nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là nói bậc thượng tòa, Vô Thượng Sĩ là nói bậc vô thượng tòa. Chư Phật ba đời không có ai hơn nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa "Thượng" là mới, "Sĩ" là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể chứng Đại Niết Bàn không mới không cũ nên hiệu là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu ? Tự mình đã là Trượng Phu, lại điều phục trượng phu khác.

Này Thiện nam tử ! Như Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải chẳng Trượng Phu, nhơn điều phục trượng phu nên gọi Như Lai là Trượng Phu. Tất cả nam nữ nếu đủ bốn pháp thời gọi là trượng phu : Một là gần thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy nghĩa, bốn là đúng như pháp tu hành. Nếu nam nữ nào không có bốn pháp này thời chẳng được gọi là trượng phu. Vì thân dầu là trượng phu mà hành vi đồng như súc sanh. Như Lai điều phục những nam nữ ấy nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu. Lại như điều khiển ngựa phàm có bốn cách : Một là chạm đến lông, hai là chạm đến da, ba là chạm đến thịt, bốn là chạm đến xương, tùy chỗ chạm đến vừa ý người điều khiển. Cũng vậy, Như Lai dùng bốn cách điều phục chúng sanh : Một là vì chúng sanh mà giảng thuyết về sanh khổ khiến lãnh thọ lời Phật, như cách chạm lông thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Hai là giảng thuyết sanh tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông da thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Ba là giảng nói sanh cùng lão, bịnh bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Bốn là giảng nói sanh, lão, bịnh, và tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, xương, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển.

Này Thiện nam tử ! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như Lai điều phục chúng sanh quyết định chẳng luống nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhơn Sư ? Sư có hai hạng : Một là dạy điều lành, hai là dạy điều ác. Chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành dạy bảo chúng sanh. Pháp lành là nói thân, khẩu, ý đều lành. Chư Phật Bồ Tát dạy bảo chúng sanh : Các người nên xa nghiệp chẳng lành nơi thân, vì nghiệp ác nơi thân là thứ có thể xa lìa để được giải thoát, nên ta đem pháp này dạy các người. Nếu nghiệp ác chẳng thể xa lìa để được giải thoát, thời ta trọn chẳng dạy các ngươi. Các chúng sanh nếu lìa ác nghiệp rồi thời không bị đọa ba ác đạo. Do lìa ác nên thành Vô thượng Bồ Đề đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành này giáo hóa chúng sanh. Khẩu và ý cũng như vậy. Vì thế Phật là Vô Thượng Sư. Lại xưa chưa đặng đạo này đã đặng đạo đó, đem đạo đã đặng dạy cho chúng sanh. Từ trước tới nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem chỗ tu của mình dạy cho chúng sanh. Tự phá vô minh, lại phá vô minh cho chúng sanh. Tự đặng tịnh nhãn lại làm cho chúng sanh cũng đặng tịnh nhãn. Tự biết rõ hai đế lý lại vì chúng sanh mà giảng thuyết hai đế lý. Đã tự giải thoát lại vì chúng sanh nói pháp giải thoát. Tự qua khỏi sông lớn sanh

tử không ngằn mé lại làm cho chúng sanh đều được qua khỏi.

Tự được vô úy lại dạy chúng sanh làm cho không còn sợ sệt. Tự đã được Niết Bàn lại vì chúng sanh nói Đại Niết Bàn. Vì thế nên Phật hiệu là Vô Thượng Sư.

"Thiên" là nói ban ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn nên gọi là Thiên. Lại "Thiên" là nói không sầu não thường vui sướng nên gọi là Thiên. Lại "Thiên" là nói đèn sáng có thể phá đen tối thành sáng suốt nên gọi là Thiên. Cũng bởi có thể phá nghiệp ác tối tăm đặng nghiệp lành sanh lên trời nên gọi là "Thiên". Lại vì kiết tường nên gọi là "Thiên". Lại vì có ánh sáng nên gọi là "Thiên".

Nhơn là nói có thể nhiều suy nghĩ nghĩa lý. Lại Nhơn là thân khẩu dịu dàng. Lại Nhơn là nói kiêu mạn. Lại Nhơn là nói có thể phá kiêu mạn.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật dầu là Đại sư Vô thượng của tất cả chúng sanh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhơn Sư, vì trong các loài chúng sanh chỉ có người cùng trời có thể phát tâm Vô thượng Bồ Đề, có thể tu mười nghiệp đạo lành, có thể đặng quả Tu Đà Hoàn, quả tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, chứng đặng Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên Phật hiệu là Thiên Nhơn Sư.

Thế nào là Phật ? Phật gọi là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Như có người rõ biết kẻ giặc cướp, thời giặc cướp không hại được. Đại Bồ Tát có thể rõ biết tất cả vô lượng phiền não. Vì rõ biết nên các phiền não không làm não được. Do đây nên gọi là Phật. Do vì giác ngộ nên chẳng sanh, chẳng lão, chẳng bệnh, chẳng tử, do đây gọi là Phật.

Phật hiệu là Bà Dà Bà. "Bà Dà" là phá, "Bà" là phiền não. Có thể phá phiền não nên hiệu Bà Dà Bà. Lại có thể thành tựu các pháp lành, lại có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp, lại có công đức lớn không ai hơn, lại có tiếng đồn khắp mười phương, lại có thể bố thí tất cả, lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp lìa nữ căn.

Nầy Thiện nam tử ! Hoặc nam hoặc nữ có thể niệm Phật như vậy, lúc đi đứng, lúc ngồi nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, lúc tối, lúc sáng, thường đặng chẳng lìa thấy Phật Thế Tôn.

Này Thiện nam tử ! Cớ sao gọi rằng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nhẫn đến Bà Dà Bà mà có vô lượng công đức cùng tiếng tăm lớn như vậy ? Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước, cung kính cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, Thượng tọa, Trưởng lão. Trong vô lượng kiếp thường vì chúng sanh mà thật hành hạnh bố thí, trì tịnh giới, tập nhẫn nhục, siêng tinh tấn, thiền định, trí huệ, đại

từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, vì thế nên ngày nay đặng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân kim cương. Và lại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước tu tập ngũ căn : Tín, niệm, tấn, định, huệ, cung kính cúng dường các bực Sư trưởng, thường vì pháp, chẳng vì ăn. Bồ Tát nếu trì mười hai loại kinh, hoặc đọc tụng, thường muốn cho chúng sanh đặng giải thoát an ổn vui sướng, trọn chẳng vì mình. Tại sao vậy ? Vì Bồ Tát thường tu tâm xuất thế và tâm xuất gia, lại thường tu tâm vô vi, tâm vô tránh, tâm vô cấu, tâm vô phược, tâm vô thủ, không tâm che đậy, không tâm vô ký, không tâm sanh tử, không tâm nghi, không tâm tham, không tâm sân, không tâm si, không tâm kiêu mạn, không tâm uế trược, không tâm phiền não, không tâm khổ, tu tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm không, không tâm không, không tâm chẳng điều phục, không tâm chẳng hồ trì, không tâm che giấu, không tâm thế gian, tâm thường định, tâm không tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo đền, tâm không nguyện cầu, tâm nguyện lành, tâm không nói năng, tâm nhu nhuyến, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thối, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không dua vạy, tâm không đa thiểu, tâm không ương nghạnh, tâm không phàm phu, không tâm Thanh Văn, không tâm Duyên Giác, tâm biết lành, tâm biết cõi, tâm biết sanh cõi nào,

tâm biết ở cõi nào, tâm biết cõi tự tại. Vì ngày trước tu những tâm này nên nay đặng mười trí lực, bốn vô sở úy, đại từ bi, tam niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh, do đây hiệu là Như Lai nhẫn đến Bà Dà Bà. Đây gọi là đại Bồ Tát niệm Phật.

Thế nào là đại Bồ Tát niệm Pháp ? Đại Bồ Tát suy nghĩ giáo pháp của chư Phật nói ra rất vi diệu hơn tất cả. Do pháp này có thể làm cho chúng sanh đặng quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này không thuộc thời gian, pháp nhãn ngó thấy, nhục nhãn không thấy được. Chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Chánh pháp này chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, không thỉ, không chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà thời làm nhà cho họ, kẻ không chỗ về thời làm chỗ về, không ánh sáng thời làm ánh sáng, không đến bờ kia thời làm cho đến bờ kia, chỗ không mùi thơm thời làm mùi thơm vô ngại, kẻ không nhìn thấy thời làm cho nhìn thấy rõ ràng. Chánh pháp này chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, dứt hẳn sự vui mà thường an vui, rốt ráo vi diệu, chẳng phải sắc đã dứt sắc thức mà cũng là thức, chẳng phải nghiệp đã dứt nghiệp, chẳng phải kiết sử đã dứt kiết sử, chẳng phải vật đã dứt vật mà cũng là vật, chẳng phải giới đã dứt giới mà cũng là giới, chẳng phải hữu đã dứt hữu mà cũng là hữu, chẳng phải nhập đã dứt nhập mà cũng là nhập, chẳng phải nhơn đã dứt nhơn mà cũng là nhơn, chẳng phải quả đã dứt quả mà cũng là quả,

chẳng phải hư chẳng phải thiệt dứt tất cả thiệt mà cũng là thiệt, chẳng phải sanh chẳng phải diệt dứt hẳn sanh diệt mà cũng là diệt, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng dứt tất cả tướng mà cũng là tướng, chẳng phải dạy dỗ chẳng phải không dạy dỗ mà cũng là thầy dạy, chẳng phải sợ chẳng phải an dứt tất cả sợ mà cũng là an, chẳng phải nhẫn chẳng phải không nhẫn dứt hẳn sự chẳng nhẫn, mà cũng là nhẫn, chẳng phải dừng ở chẳng phải không dừng ở dứt tất cả dừng ở mà cũng là dừng ở trên đảnh của tất cả pháp. Chánh pháp này đều có thể dứt hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, thoát hẳn các tướng, là chỗ ở rốt ráo của vô lượng chúng sanh, có thể diệt tất cả ngọn lửa sanh tử, là chỗ đi và ở của chư Phật, là thường còn chẳng biến đổi. Đây gọi là Bồ Tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng ?

Chư Phật, Thánh Tăng đúng như pháp mà trụ, thọ trì chánh pháp tùy thuận tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể cầm nắm, chẳng thể phá hoại, chẳng thể nhiễu hại, chẳng thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt của tất cả chúng sanh. Dầu là ruộng phước nhưng không thọ, không lấy, thanh tịnh không nhơ, vô lậu vô vi, rộng khắp vô biên, tâm điều nhu bình đẳng không hai, không có loạn trược, thường chẳng biến đổi. Đây gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm Giới ?

Bồ Tát suy nghĩ có giới, chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, dầu không hình sắc mà nên hộ trì, dầu không xúc đối, nhưng khéo tu phương tiện có thể đặng đầy đủ không có lỗi lầm, là chỗ mà chư Phật, Bồ Tát ngợi khen, là nhơn của Đại thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi ngọc, dòng họ tôn quý, biển lớn, nước tro, nhà cửa, gươm đao, cầu kỳ, lương y, thuốc hay, thuốc A Dà Đà, như ý bảo châu, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai trộm cướp được, không ai nhiễu hại được, lửa không cháy được, nước không trôi được, là thang bậc lên núi lớn, là tràng báu của chư Phật Bồ Tát, nếu trụ nơi giới này thời đặng quả Tu Đà Hoàn. Tôi cũng có phần này nhưng tôi chẳng cầu, vì nếu tôi đặng quả Tu Đà Hoàn thời không thể độ khắp tất cả chúng sanh. Nếu trụ nơi giới nàyy đặng Vô thượng Bồ Đề, thời tôi cũng có phần, đây là chỗ mong muốn của tôi : Vì nếu đặng Vô thượng Bồ Đề, tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết diệu pháp để cứu hộ. Đây là đại Bồ Tát niệm Giới.

Thế nào là niệm Thí ?

Đại Bồ Tát quán sát kỷ hạnh bố thí là nhơn của Vô thượng Bồ Đề. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí như vậy, tôi cũng tu tập như vậy. Nếu chẳng bố thí thời không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí dầu chẳng thể rốt ráo dứt kiết sử, mà có trừ phá hiện tại phiền não. Do vì bố thí nên thường

được chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương khen ngợi Đại Bồ Tát bố thí vật thực cho chúng sanh thời là bố thí mạng sống cho chúng. Do quả báo bố thí nên lúc thành Phật thường chẳng biến đổi. Do bố thí làm chúng sanh an vui nên lúc thành Phật đặng an vui. Lúc bố thí, Bồ Tát cầu của cải đúng pháp, chẳng lánh người kia để cho người này, vì thế nên lúc thành Phật đặng thanh tịnh Niết Bàn. Lúc bố thí, Bồ Tát làm cho chúng sanh chẳng cầu mà đặng, nên lúc thành Phật đặng ngã tự tại. Vì bố thí làm cho người khác đặng sức khỏe, nên lúc thành Phật chứng đặng mười trí lực. Vì bố thí làm cho người đặng nói năng, nên lúc thành Phật đặng bốn môn vô ngại. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí này làm nhơn Niết Bàn, tôi cũng tu tập hạnh bố thí như vậy để làm nhơn Niết Bàn.

Nói rộng hạnh bố thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên ?

Có cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Nếu có tín tâm đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương v.v.. Tôi cũng có phần. Nếu giới, đa văn, bố thí, trí huệ đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến cõi trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, tôi cũng có phần nhưng chẳng phải chỗ mong muốn của tôi. Vì trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Phi Tưởng đều là vô thường. Vì vô thường nên có sanh già bệnh

chết, do lẽ này nên chẳng phải là chỗ tôi mong muốn. Như ảo thuật biến hóa phỉnh gạt người ngu, người trí không bị lầm. Phàm phu ngu mê ham muốn cõi trời Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, tôi chẳng đồng với phàm phu. Tôi từng nghe có trời đệ nhất nghĩa, chính là chư Phật và Bồ Tát thường chẳng biến đổi. Vì thường trụ nên chẳng có sanh, lão, bịnh, tử. Tôi vì chúng sanh mà cần cầu trời đệ nhất nghĩa, vì trời đệ nhất nghĩa có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, như cây như ý. Nếu tôi có tín, niệm, tấn, định và huệ thời có thể đặng trời đệ nhất nghĩa này. Tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết phân biệt trời đệ nhất nghĩa. Đây gọi là đại Bồ Tát niệm Thiên.

Này Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta cho rằng thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn đồng nhau, nói như vậy không đúng nghĩa. Vì Đại Niết Bàn là tạng bí mật rất sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn, đây thời là hơn tất cả. Do nghĩa này nên kinh Đại Niết Bàn rất lạ, rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật "Tôi cũng biết kinh Đại Niết bàn là rất lạ rất đặc biệt chẳng thể nghĩ

bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát, Bồ Đề, Đại Bát Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa gì lại nói Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn ?".

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không ai giáo hóa mà có thể tự phát tâm Bồ Đề, đã phát tâm rồi tinh tấn siêng tu. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân thể, trọn chẳng vì cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì đại Bồ Tát thường tự suy nghĩ : Tôi trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, trong loài người, trên trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, chưa từng đặng một pháp quyết định, pháp quyết định là Vô thượng Bồ Đề. Nay tôi vì Vô thượng Bồ Đề trọn chẳng tiếc thân mạng, dầu đến phải nát thân như vi trần, tôi trọn chẳng buông bỏ hạnh tinh tấn siêng tu. Vì tâm tinh tấn bèn là nhơn Vô thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này lúc chưa thấy Vô thượng Bồ Đề đã có thể chẳng tiếc thân mạng, như vậy, huống là đã thấy. Do đây nên Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại đại Bồ Tát thấy sanh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Dầu biết sanh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sanh ở trong đó chịu khổ mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do đây nên lại gọi Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên dầu ở trong địa

ngục chịu khổ nhưng vui như đệ tam thiền. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ví như nhà Trưởng giả phát hỏa, Trưởng giả xem thấy liền bỏ nhà chạy ra. Các con của Trưởng giả ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Trưởng giả vì các con nên trở vào nhà để cứu, chẳng đoái đến hoạn nạn nguy hiểm. Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu biết sanh tử nhiều tội khổ, nhưng vì cứu chúng sanh nên ở trong sanh tử mà chẳng nhàm. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, thấy trong sanh tử nhiều tội khổ liền thối tâm Bồ Đề, hoặc làm Thanh Văn hoặc làm Duyên Giác. Nếu Bồ Tát được nghe kinh Đại Niết Bàn này thời trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề. Bồ Tát này dầu chưa đến bậc bất động địa, nhưng tâm bền chắc không thối thất. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này Thiện nam tử ! Như có người nói rằng tôi có thể tự lội qua khỏi biển lớn. Người nói như vậy có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Lời nói như vậy, hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì nếu là người lội qua khỏi biển lớn thời chẳng thể nghĩ bàn. Còn nếu A Tu La lội qua thời là có thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Ta chẳng nói A Tu La, chỉ nói người.

- Bạch Thế Tôn ! Trong loài người cũng có hai hạng : Một là Thánh nhơn, hai là phàm phu. Nếu phàm phu lội qua thời là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Thánh nhơn thời là có thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Ta nói phàm phu chẳng nói Thánh nhơn.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là phàm phu tự nói lội qua biển lớn được thời thiệt là chẳng thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Phàm phu thiệt không thể lội qua biển lớn được. Bồ Tát đây thiệt có thể qua khỏi biển lớn sanh tử nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người có thể dùng chỉ cọng sen treo núi Tu Di, thời có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể nghĩ bàn được.

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong khoảng một niệm đều có thể tính lường tất cả sanh tử, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sát sanh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu diễn thuyết như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Như người vào nước, nước chẳng trôi được, vào lửa, lửa chẳng cháy được. Như vậy thời chẳng thể nghĩ bàn. Cũng vậy, đại Bồ Tát dầu ở sanh tử, nhưng chẳng bị sanh tử não hại. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Loài người có ba hạng : thượng, trung và hạ.

Hạng người hạ lúc mới nhập thai nghĩ rằng : Nay tôi ở nhà tiêu đầy những hôi nhơ tối tăm. Lúc mới xuất thai nghĩ rằng nay tôi ra khỏi nhà tiêu, ra khỏi chỗ hôi nhơ tối tăm.

Hạng người bực trung nghĩ rằng : Nay tôi vào trong rừng cây, trong sông sạch sẽ, trong nhà cửa. Lúc xuất thai cũng vậy.

Hạng người bậc thượng, nghĩ rằng : Tôi lên điện, ở trong rừng hoa, cỡi ngựa cỡi voi trèo lên núi cao. Lúc xuất thai cũng vậy.

Đại Bồ Tát lúc mới nhập thai, tự biết là nhập thai, lúc ở trong thai biết là ở, lúc xuất thai biết là xuất, trọn chẳng sanh tâm niệm tham sân, nhưng chưa lên bậc Sơ trụ. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô thượng Bồ Đề thiệt không thể dùng thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói.

Đại Bồ Tát không có thầy thưa hỏi học tập, mà có thể đặng pháp Vô thượng Bồ Đề. Đặng pháp này

rồi tâm không lẫn tiếc, thường diễn thuyết cho chúng sanh. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thân xa lìa mà chẳng phải khẩu, có khẩu xa lìa mà chẳng phải thân, có chẳng phải thân, chẳng phải khẩu mà cũng xa lìa. Lìa sát, đạo, dâm gọi là thân xa lìa mà chẳng phải khẩu. Lìa vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ thời gọi là khẩu xa lìa mà chẳng phải thân. Xa lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến thời gọi ý xa lìa, mà chẳng phải thân, chẳng phải khẩu. Đại Bồ Tát chẳng thấy một pháp nào là thân, là nghiệp cùng ông chủ xa lìa, nhưng cũng có xa lìa. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Khẩu và ý cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi khẩu xa lìa khẩu, từ trí huệ xa lìa chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Thật có trí huệ này nhưng chẳng thể khiến Bồ Tát xa lìa vì không có một pháp nào hoại được làm được. Tánh của pháp hữu vi, lúc sanh khác lúc diệt khác. Vì thế nên trí huệ này chẳng thể xa lìa.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ chẳng thể phá, lửa chẳng thể cháy, nước chẳng thể rã, gió chẳng thể động, đất chẳng thể giữ, sanh chẳng thể sanh, lão chẳng thể lão, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham, sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Bởi tánh của pháp hữu vi lúc sanh

khác, lúc diệt khác. Đại Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng tôi dùng trí huệ này phá các phiền não, mà tự nói rằng tôi phá phiền não, dầu nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, chúng Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn ! Phật pháp vô thượng thời gian bao lâu sẽ diệt ?".

- Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta còn có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết nghĩa của kinh Đại Niết Bàn, nhẫn đến năm hạnh : Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bịnh hạnh, Anh nhi hạnh, được chúng sanh cung kính tôn trọng tán thán cúng dường, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chưa diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu kinh Đại Niết Bàn lúc lưu hành đầy đủ, hàng đệ tử của ta phần nhiều phạm giới cấm tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển này, vì không tin nên chẳng thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết ý nghĩa của kinh này, chẳng được mọi người cung kính cúng dường, lúc thấy người thọ trì lại khinh chê, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp sắp diệt chẳng còn lâu.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật : "Thế Tôn ! Chính tôi từng nghe Phật nói rằng : Chánh pháp của Phật Ca Diếp ở đời bảy ngày thời diệt hết.

Bạch Thế Tôn ! Phật Ca Diếp có kinh Đại Niết Bàn này chăng ? Nếu như có sao lại nói là diệt ? Nếu như không có thời sao lại nói rằng kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của Chư Phật ?".

- Này Thiện nam tử ! Trước kia ta nói rằng chỉ có Văn Thù Sư Lợi mới hiểu được nghĩa này. Nay ta sẽ nói lại, ông nên chí tâm lóng nghe !

Này Thiện nam tử ! Chư Phật có hai loại pháp : Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thời có hoại diệt, đệ nhất nghĩa pháp không có hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, những pháp này có hoại diệt, hai là thường, lạc, ngã, tịnh, pháp này không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp của Nhị thừa thọ trì đây thời có hoại diệt, hai là pháp của Bồ Tát thọ trì, đây thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là ngoại pháp thời có hoại diệt, hai là nội pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp hữu vi thời có hoại diệt, hai là pháp vô vi thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp có thể được thời có hoại diệt, hai là pháp không thể được thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là cộng pháp thời có hoại diệt, hai là bất cộng pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là pháp trong loài người thời có hoại diệt, hai là pháp trong loài trời thời không hoại diệt.

Lại có hai loại : Một là mười một bộ kinh thời có hoại diệt, hai là kinh Phương Đẳng thời không hoại diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng, biên chép, giải thuyết cùng cung kính cúng dường tôn trọng tán thán kinh Phương Đẳng Đại Thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi Phật Ca Diếp có kinh này chăng ?

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của tất cả Phật. Vì chư Phật dầu có mười một bộ kinh, nhưng chẳng nói Phật tánh, chẳng nói thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai, chẳng nói chư Phật trọn không rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì thế nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như Lai. Trong mười một bộ kinh chẳng nói đến nên gọi là Tạng. Như thất bảo của người chẳng đem ra ngoài để dùng thời gọi là Bảo tạng. Tài vật của người này chứa cất để

dùng vào việc tương lai, nghĩa là dự phòng lúc lúa gạo mắc, giặc đến xâm lăng, chánh trị khổ khắc, thời dùng để chuộc mạng, hoặc đường giao thông bế tắc mới đem ra dùng. Cũng vậy tạng bí mật của Như Lai cũng để dự phòng đời vị lai các Tỳ Kheo ác chứa vật bất tịnh, đối với tứ chúng nói Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, đọc tụng sách vở thế gian, chẳng kính kinh điển của Phật. Lúc những điều ác như vậy hiện ra nơi đời, đức Như Lai vì muốn dứt các sự ác ấy nên diễn nói kinh này, khiến mọi người xa lìa những lợi dưỡng tà mạng. Lúc kinh tạng bí mật này dứt diệt, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp diệt.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thường còn chẳng biến đổi, sao ông lại hỏi rằng lúc Phật Ca Diếp có kinh này chăng ?

Này Thiện nam tử ! Thời kỳ Phật Ca Diếp, chúng sanh ít tham dục nhiều trí huệ, hàng đại Bồ Tát điều thuận nhu hòa dễ giáo hóa, có đại oai đức tổng trì chẳng quên, như đại tượng vương. Cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sanh đều biết Như Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên dầu có kinh này mà chẳng cần diễn thuyết.

Chúng sanh đời nay phiền não nhiều, ngu si ưa giận hờn không trí huệ, lòng tin chẳng vững, nhiều nghi ngờ cõi nước bất tịnh, chúng sanh cho rằng Như Lai vô thường dời đổi rốt ráo nhập Niết Bàn. Do cớ này nên Như Lai diễn thuyết kinh đây.

Này Thiện nam tử ! Chánh pháp của Ca Diếp thật chẳng diệt mất vì chánh pháp thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh đối với chơn ngã mà thấy là vô ngã, vô ngã lại thấy là có ngã, chơn thường thấy là vô thường, vô thường thấy là thường, chơn lạc thấy là vô lạc, vô lạc thấy lạc, chơn tịnh thấy là bất tịnh, bất tịnh thấy là tịnh, diệt thấy là bất diệt, bất diệt thấy là diệt, tội thấy là chẳng phải tội, phi tội thấy là tội, tội nhẹ thấy tội nặng, tội nặng thấy là nhẹ, thừa thấy là phi thừa, phi thừa thấy là thừa, đạo thấy là phi đạo, phi đạo thấy là đạo, thật là Bồ Đề thấy chẳng phải Bồ Đề, thật chẳng phải là Bồ Đề thấy lầm là Bồ Đề, khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, đạo thấy chẳng phải đạo, thật là thế đế lại thấy là đệ nhất nghĩa đế, còn đệ nhất nghĩa đế lại thấy là thế đế, quy thấy là chẳng quy, chẳng quy thấy là quy, cho lời của Phật nói là lời ma, còn thiệt lời ma lại cho là lời Phật, vào thời kỳ như trên đây chư Phật bèn nói kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thà nói vòi con muỗi tột đến đáy biển lớn, chẳng nên nói chánh pháp của Như Lai diệt. Thà nói rằng lấy dây vấn buộc luồng gió mạnh, thà nói lấy miệng thổi tan núi Tu Di, thà nói trong đống lửa hừng mọc bông sen, thà nói thuốc A Dà Đà là độc dược, thà nói có thể làm cho mặt trăng

nóng mặt trời lạnh, thà nói bốn đại chúng đều bỏ tánh chất của nó, trọn chẳng nên nói rằng chánh pháp của Như Lai diệt.

Này Thiện nam tử ! Lúc Phật mới ra đời chứng đặng Vô thượng Bồ Đề rồi, hàng đệ tử chưa có người hiểu thấu nghĩa Đại thừa rất sâu, đức Phật đó bèn nhập Niết Bàn, nên biết chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử đã hiểu thấu nghĩa Đại thừa rất sâu, Phật dầu nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, hàng đệ tử dầu có người hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, mà không có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, nên chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin Phật pháp. Phật dầu nhập Niết Bàn chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi, chẳng cầu Niết Bàn, khi Phật diệt rồi thì chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại nếu hàng đệ tử thuyết pháp vì cầu Niết Bàn chẳng ham danh lợi, Phật dầu nhập diệt nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng đặng Vô thượng Bồ Đề, dầu có các hàng đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều sự tranh tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập Niết Bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái nhau, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có đệ tử hiểu nghĩa Đại thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch y đàn việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, các đệ tử vì cầu Đại Niết Bàn mà thuyết pháp cung kính lẫn nhau, nhưng cất chứa những vật bất tịnh, lại khen rằng tôi đặng quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán, Phật lại nhập Niết Bàn thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử chẳng cất chứa những vật bất tịnh, cũng chẳng tự nói mình đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhẫn đến quả A La Hán, Phật dầu diệt độ, nhưng chánh pháp vẫn còn không diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chứng Vô thượng Bồ Đề, có các đệ tử những điều kiện trên nhưng lại chấp kiến giải của mình mà lập những dị thuyết : Này Trưởng lão ! Giới của Phật chế, bốn giới trọng nhẫn đến bảy pháp diệt tránh. Vì chúng

sanh nên hoặc ngăn, hoặc mở, mười hai bộ kinh cũng như vậy. Vì Phật biết cõi nước đều sai khác, chúng sanh căn tánh lợi độn chẳng đồng vì thế nên Như Lai nói có khinh có trọng, hoặc ngăn hoặc mở. Như lương y trị bịnh người bịnh nóng thời cho uống sữa, bịnh lạnh thời ngăn không cho uống sữa. Đức Như Lai quan sát căn bịnh phiền não của chúng sanh, nên cũng mở cũng ngăn. Này Trưởng lão tôi đích thân nghe Phật nói nghĩa ấy, chỉ tôi biết chớ Ngài không biết được, chỉ tôi hiểu luật chứ Ngài không hiểu, chỉ tôi biết kinh chứ Ngài không biết được. Nên biết khi Phật diệt độ chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử đủ các điều kiện trên lại không lập dị thuyết, Phật dầu diệt độ nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta diệt, hàng Thanh Văn đệ tử có người nói có thần, hoặc nói không thần, có trung ấm hoặc không trung ấm, có ba đời hoặc không ba đời, có ba thừa hoặc không ba thừa, hoặc nói tất cả đều có hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sanh có thỉ có chung, hoặc nói chúng sanh không thỉ không chung, hoặc nói mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói Như Lai có bịnh khổ, hoặc nói Như Lai không bịnh khổ, hoặc nói Như Lai không cho Tỳ Kheo ăn mười thứ thịt : Thịt người, thịt rắn, thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt lừa, thịt sư tử, thịt

heo, thịt chồn, thịt khỉ vượn, ngoài ra đều cho ; hoặc nói tất cả thứ thịt đều không cho ăn, hoặc nói Tỳ Kheo chẳng được làm năm việc : Chẳng đặng bán những thứ : sanh vật, dao, rượu, thuốc nhuộm, dầu mè, ngoài ra đều cho ; hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà : Nhà hàng thịt, nhà dâm nữ, nhà rượu, cung vua, nhà Chiên đà la, ngoài ra đều cho ; hoặc nói chẳng cho mặc y Kiều xa gia, ngoài ra đều cho; hoặc nói Như Lai cho các Tỳ Kheo lãnh thọ và chứa cất y phục đồ nằm trị giá mươi muôn lượng vàng hoặc nói chẳng cho ; hoặc nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc nói Niết Bàn chính là kiết sử dứt hết không còn có pháp gì khác nên gọi là Niết Bàn, như dệt chỉ gọi đó là y, y đã hư rách thời gọi là không y, không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết Bàn cũng như vậy. Đương thời kỳ đó, các đệ tử của ta : Chánh thuyết thời ít tà thuyết thời nhiều, thọ chánh pháp thời ít, thọ tà pháp thời nhiều, thọ lời Phật thời ít, thọ lời ma thời nhiều. Bây giờ trong nước Câu Diêm Di có hai đệ tử : Một là La Hán, hai là phá giới. Người phá giới có năm trăm đồ chúng, La Hán có một trăm đồ chúng. Người phá giới nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chính tôi nghe Phật nói nghĩa đó, bốn giới trọng của Phật chế, nếu trì cũng được, nếu phạm cũng không tội, nay tôi cũng đặng quả A La Hán, bốn trí vô ngại, mà A La Hán cũng phạm tội như vậy, nếu bốn giới

trọng thật là tội, thời A La Hán lẽ ra chẳng phạm. Lúc đức Như Lai còn ở đời bảo phải giữ gìn, đến lúc nhập Niết Bàn thời đều phóng xả.

Lúc đó A La Hán bảo Tỳ Kheo rằng : Này Trưởng lão ông chẳng nên nói đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tôi biết đức Như Lai thường còn chẳng biến đổi. Đức Như Lai ở đời cùng lúc đã nhập Niết Bàn, phạm bốn trọng giới, tội không sai khác. Nếu nói A La Hán phạm trọng giới thời không đúng nghĩa. Vì Tu Đà Hoàn còn chẳng phạm cấm giới huống là A La Hán. Nếu Trưởng lão nói rằng tôi là A La Hán. Trưởng lão nên biết A La Hán trọn chẳng tưởng rằng tôi đặng A La Hán. A La Hán chỉ nói pháp lành chẳng nói pháp ác. Lời nói của Trưởng lão thuần là phi pháp. Nếu có người đọc mười hai bộ kinh thời quyết định biết rằng Trưởng lão chẳng phải A La Hán.

Lúc đó đồ chúng của Tỳ Kheo phá giới liền giết A La Hán chết.

Ma Vương nhơn hai chúng giận hờn nhau bèn hại cả sáu trăm Tỳ Kheo.

Bấy giờ phàm phu trong đời đều bảo nhau rằng : Thương thay Phật Pháp nay đã dứt. Nhưng chánh pháp của ta thật chẳng dứt mất, vì trong nước ấy có mười hai muôn đại Bồ Tát khéo hộ trì pháp của ta.

Lúc bấy giờ trong Diêm Phù Đề không có một Tỳ Kheo làm đệ tử của ta. Ma Vương Ba Tuần dùng

lửa đốt tất cả kinh điển. Trong đó hoặc còn sót, hàng Bà La Môn bèn trộm lấy lượm lặt để vào trong sách của họ. Do đây nên hàng tiểu Bồ Tất, lúc Phật chưa ra đời đem nhau tin lấy lời của Bà La Môn. Hàng Bà La Môn dầu nói rằng tôi có trai giới, nhưng thiệt ra các ngoại đạo đều không có. Hàng ngoại đạo dầu nói : Có ngã, có lạc, có tịnh, nhưng thiệt ra họ chẳng hiểu nghĩa lạc, ngã, tịnh. Chính là họ lấy một chữ hai chữ một câu hai câu trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở họ có nghĩa như vậy.

Lúc bấy giờ trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, vô lượng vô biên vô số đại chúng nghe lời Phật nói như trên, liền đồng tiếng xướng rằng : "Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !".

Ca Diếp Bồ Tát bảo đại chúng : Các người chớ lo rầu khóc lóc. Thế gian chẳng trống rỗng vì Phật pháp và Tăng là thường trụ không biến đổi.

Đại chúng nghe lời này liền thôi khóc, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ thành Vương Xá, vua A Xà Thế tánh tình tệ ác, thích chém giết, miệng đủ bốn điều ác, tham, sân, si đầy nơi tâm, chỉ thấy hiện tại chẳng thấy vị lai, thuần dùng người ác để làm quyến thuộc, vì phạm ngũ dục hiện đời mà giết vua cha vô tội. Hại cha xong lòng ăn năn bức rức, khắp mình sanh ghẻ lỡ tanh hôi chẳng ai dám gần. Vua A Xà Thế

liền tự nghĩ rằng : Nay ta đã phải thọ lấy quả báo, không bao lâu chắc phải bị quả báo nơi địa ngục.

Thân mẫu của nhà vua là bà Vi Đề Hy lấy các thứ thuốc để thoa xức, nhưng ghẻ càng lỡ nặng thêm.

Vua A Xà Thế thưa với mẹ : ghẻ lỡ này do nơi tâm mà sanh chẳng phải do tứ đại, không thể dùng y dược trong đời mà điều trị được.

Vua bảo các vị đại thần : "Nay thân tâm của ta đều đau khổ. Cha ta vô tội, ta lại giết hại. Từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Nay ta đã phạm tội nghịch thân tâm đau khổ, không có lương y nào chữa trị được".

Đại thần Nguyệt Xưng liền thưa với nhà vua : "Như người thích ngủ nghỉ, ngủ nghỉ càng thêm nhiều, như người mê dâm dục, dâm dục càng thêm nhiều, như người ưa uống rượu, càng lúc càng uống nhiều. Nếu thường sầu khổ nhiều, thêm sầu cũng như vậy.

Như Đại Vương vừa nói người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Có ai đến ngục thấy việc ấy trở về thưa với Đại vương chăng ? Lời nói địa ngục chính là người trí ở thế gian nói. Nay có đại y sĩ hiệu là Phú Lan Na đặng sức định tự tại thấy biết tất cả, tu tập hạnh thanh tịnh thường vì mọi người mà diễn thuyết đạo Niết

Bàn vô thượng, dạy hàng đệ tử rằng không có nghiệp ác, không có báo ác. Không có nghiệp lành không có báo lành. Không có nghiệp lành ác, không có báo lành ác. Không có thượng nghiệp cũng không có hạ nghiệp. Đại sư này hiện nay ở trong thành Vương Xá. Xin Đại Vương giá lâm, để nhờ đại sư ấy điều trị. Vua nói : "Nếu ông ấy có thể diệt trừ tội lỗi của ta, thời ta sẽ quy y".

(*) Lại có một vị đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua, mong Đại Vương chớ lo rầu sợ sệt. Có hai thứ pháp luật : Một là xuất gia, hai là Vương pháp. Hại cha mình để lên ngôi trị nước, dầu là nghịch nhưng đối với Vương pháp thật không có tội. Như trùn Ca La La phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh được. Dầu cắn lủng bụng mẹ nhưng thật ra trùn cũng không có tội. Con la nghén chữa cũng như vậy. Phương pháp trị nước theo phép phải như vậy, dầu giết hại cha anh cũng không có tội. Còn pháp luật xuất gia thời nhẫn đến giết muỗi kiến cũng đều có tội cả. Xin Đại Vương chớ lo rầu, vì càng sầu khổ thời càng thêm sầu khổ. Như người ưa ngủ, thích rượu, tham dâm thời sự ngủ v.v... càng thêm.

Nay có vị Đại Sư tên Mạt Già Lê Câu Xá Ly Tử thương xót chúng sanh như con đỏ, thấy biết tất cả, đã lìa phiền não có thể cứu vớt chúng sanh khỏi ba mũi tên độc bén nhọn. Đại Sư này thường dạy đệ

(*) Hán bộ quyển thứ 19

tử rằng : Tất cả chúng sanh thân có bảy nguyên tố : Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy chẳng phải hóa, chẳng thể làm, chẳng thể hủy hại, như cỏ Y Sư Ca, an trụ, chẳng động như núi Tu Di. Chẳng bỏ chẳng làm dường như sữa, như chất lạc. Chẳng cãi lẽ nhau : Hoặc khổ hoặc vui, là lành hay chẳng lành. Lấy dao bén chặt không chỗ bị thương bị hại, vì trong bảy nguyên tố ấy trống rỗng không ngăn ngại. Mạng cũng không bị hại vì không có người hại và người chết, không làm không thọ, không nói không nghe, không có ai nhớ cũng như không người dạy bảo. Đại Sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho chúng sanh dứt trừ tất cả trọng tội. Nay Đại Sư ấy hiện ở trong thành Vương Xá, xin Đại Vương đến đó. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời các tội sẽ tiêu trừ.

Vua A Xà Thế bảo đại thần Tạng Đức : "Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y".

Lại có một đại thần tên là Thiệt Đức tâu cùng vua rằng : "Xin Đại Vương chớ sầu khổ. Nếu Tiên Vương tu đạo giải thoát, giết hại thời có tội. Nếu theo phép trị nước thời không có tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa, do nghiệp này nên thường bị sanh tử. Nếu như Tiên Vương có nghiệp thừa Đại Vương giết hại thời có tội gì. Mong Đại Vương yên lòng chớ sầu khổ vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm .

Hiện nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu rộng như biển cả, có oai đức, có thần thông có thể làm cho chúng sanh lìa các lưới nghi. Ngài dạy hàng đệ tử rằng : Trong quần chúng nếu là bậc vua chúa, thời tự tại tùy ý làm việc lành việc ác, trọn không có tội, như lửa đốt cháy đồ vật không luận là sạch cùng chẳng sạch. Như mặt đất chứa chở cả sạch cùng nhơ. Như nước, sạch dơ đều rửa. Như gió, sạch dơ đều thổi. Dầu có các việc như vậy mà đất nước v.v.. trọn không giận, không mừng, phép của vua chúa cũng đồng như vậy. Như cây mùa thu trụi lá, mùa xuân thời đâm chồi, dầu chặt cây trụi nhưng không có tội. Cũng vậy chúng sanh ở chỗ này chết trở lại sanh chỗ này, vì sanh trở lại nên không có tội. Những quả báo khổ vui của tất cả chúng sanh đều chẳng phải do nghiệp đời hiện tại chính là do nghiệp nhơn đời quá khứ. Hiện tại không nghiệp nhơn thì vị lai không quả báo. Do quả hiện tại nên chúng sanh trì giới tinh tấn tu hành để ngăn quả ác hiện tại. Do trì giới thời đặng vô lậu, vì đặng vô lậu thời hết nghiệp hữu lậu, vì hết nghiệp nên đặng hết khổ, vì hết khổ nên đặng giải thoát.

Xin Đại Vương mau đến đó. Nếu Đại Vương được thấy Đại Sư ấy thời tất cả tội đều trừ".

Vua đáp rằng : "Nếu thật như vậy thời ta sẽ quy y".

Lại có một Đại Thần tên Tất Tri Nghĩa tâu cùng vua rằng : "Xin Đại vương thư tâm chớ sầu khổ. Ngày xưa có vua La Ma giết cha để lên ngôi. Vua Mạc Đề, vua Tỳ Lâu Chơn, vua Na Hầu Sa, vua Ca Đế Ca, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái Vương, vua Tỳ Đa Nhơn, đều giết hại cha mình mà lên ngôi, nhưng không một vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đa Dạ, vua Ác Tánh, vua Thử Vương, vua Liên Hoa, đều giết hại cha mình, mà không một vua nào sanh lòng sầu não. Dầu nói rằng địa ngục, ngạ quỉ, trên trời, nhưng ai thấy được đó .

Tâu Đại Vương chỉ có hai loài : Một là người, hai là súc sanh. Dầu có hai loài nhưng chẳng phải do nhơn duyên sanh, cũng chẳng phải do nhơn duyên chết. Đã chẳng phải do nhơn duyên thời có gì là thiện là ác. Mong Đại Vương chớ buồn rầu sợ sệt. Vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La thấy biết tất cả, xem vàng cùng đất đồng nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông bên mặt cùng người lấy chiên đàn thoa vào hông bên trái, tâm của Ngài bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y trong đời. Đại Sư dạy hàng đệ tử rằng : "Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, hoặc tự chém, hoặc bảo người chém, hoặc tự đốt, hoặc bảo người đốt, hoặc

tự hại, hoặc bảo người hại, hoặc tự trộm, hoặc bảo người trộm, hoặc tự dâm, hoặc bảo người dâm, hoặc tự vọng ngữ, hoặc bảo người vọng ngữ, hoặc tự uống rượu, hoặc bảo người uống rượu, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, hoặc dùng đao luân giết tất cả chúng sanh, hoặc phía nam sông Hằng bố thí chúng sanh, phía bắc sông Hằng giết hại chúng sanh, tất cả đều không tội không phước, không thí không giới, không định. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời những tội lỗi sẽ dứt trừ".

Vua bảo đại thần Tất Tri Nghĩa : "Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y".

Lại có đại thần tên là Kiết Đắc tâu cùng vua rằng : "Ai đến phỉnh gạt Đại Vương mà nói rằng là có địa ngục ? Như đầu gai nhọn ai làm ra ? Loài chim khác màu ai làm ra ? Tánh nước nhuần ướt, tánh đá cứng rắn, tánh lửa thời nóng, tánh gió thời động, tất cả muôn vật tự sanh tự chết, ai làm ra ? Thuyết địa ngục chính là văn tự của người trí. Hạ thần này xin trình bày nghĩa địa ngục : Chữ địa là đất, chữ ngục nghĩa là phá, phá địa ngục không có tội báo, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là người, chữ ngục là trời, bởi hại cha mình nên đến trong người trên trời. Do nghĩa này nên Bà Tẩu Tiên Nhơn nói rằng : Giết dê đặng quả vui cõi trời cõi người, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là mạng, chữ ngục là dài, do sát sanh nên đặng thọ mạng dài, đây gọi

là địa ngục. Tâu Đại Vương do đây nên biết thật không có địa ngục. Như gieo bắp đặng bắp, gieo lúa đặng lúa, giết địa ngục mắc phải địa ngục, giết hại người lẽ ra phải đặng báo người. Đại Vương nên nghe lời hạ thần trình bày, thật không có sự giết hại, vì nếu có ngã thời không hại, nếu không ngã lại không chỗ hại. Vì có ngã thời thường còn không biến đổi, vì thường còn nên chẳng thể giết hại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng trói, chẳng buộc, không giận, không mừng, dường như hư không, sao lại có tội giết hại. Nếu không ngã thời các pháp đều vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt, vì niệm niệm hoại diệt nên người giết, người chết đều niệm niệm diệt, nếu đã niệm niệm diệt thời ai sẽ có tội. Tâu Đại Vương như lửa đốt cây, lửa không có tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ liềm thật không tội, như dao giết người, dao chẳng phải người dao đã không tội, sao người lại có tội ? Như thuốc độc giết người, thuốc độc chẳng phải người, thuốc độc đã không tội, sao người lại có tội ? Tất cả muôn vật cũng đều như vậy, thật không giết hại, sao lại có tội. Mong Đại Vương chớ nên sầu khổ, vì thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm".

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên thấy biết tất cả, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới, nghe tiếng cũng vậy. Đại

Sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội lỗi, như sông Hằng bao nhiêu đồ nhơ uế, đều làm cho sạch sẽ. Đại Sư ấy dạy đệ tử rằng : Nếu người giết hại tất cả chúng sanh mà lòng không ăn năn hổ thẹn thời trọn chẳng đọa ác thú, như hư không chẳng dính bụi dính nước, nếu lòng ăn năn hổ thẹn liền đọa địa ngục, như nước thấm ướt đất. Tất cả chúng sanh đều do Tự Tại Thiên tạo ra. Tự Tại Thiên mừng thời chúng sanh an vui, Tự Tại Thiên sân thời chúng sanh khổ não. Tất cả tội phước của chúng sanh đều do Tự Tại Thiên làm ra, sao lại nói rằng loài người có tội có phước. Ví như thợ máy chế ra người máy, cũng đi đứng ngồi nằm, chúng sanh cũng như vậy. Tự Tại Thiên dụ như thợ máy, thân chúng sanh dụ như người máy. Tạo hóa như vậy thời ai là người có tội ?

Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời tội chướng sẽ tiêu trừ.

Vua bảo đại thần Kiết Đắc : "Nếu thật được như vậy thời ta sẽ quy y".

Lại có đại thần tên Vô Sở Úy tâu cùng vua A Xà Thế rằng : "Xin đại vương chớ sầu khổ. Xét về giòng Sát Đế Lợi là giòng vua chúa, nếu vì nước, vì Sa Môn và Bà La Môn, vì vấn đề an ổn nhân dân, dầu có giết hại nhưng không tội.

Tiên Vương dầu cung kính Sa Môn mà chẳng phụng thờ các Bà La Môn, tâm không bình đẳng chẳng phải thật giòng Sát Đế Lợi.

Nay Đại Vương muốn cúng dường các Bà La Môn mà giết hại Tiên Vương thời có tội gì !

Tâu Đại Vương ! Thật ra không có giết hại. Xét về sự giết hại là giết hại mạng sống. Mạng là hơi gió , tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng thời sẽ có tội. Mong Đại Vương chớ sầu khổ, vì thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm. Nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ni Kiền Đà Nhã Đề Tử thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, rõ biết căn tánh lợi độn, tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được Ngài, tu tập phạm hạnh thanh tịnh, Đại Sư ấy dạy hàng đệ tử rằng : Không bố thí, không nghiệp lành, không cha, không mẹ, không đời nay, không đời sau, không A La Hán, không đạo hạnh, không tu hành. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp, tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội, như bốn con sông lớn đều chảy vào biển cả, tất cả chúng sanh lúc đặng giải thoát đều đồng nhau không khác. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời các tội chướng sẽ tiêu trừ".

Vua bảo đại thần Vô Sở Úy : "Nếu thật như vậy ta sẽ quy y".

Mặc dầu các đại thần khuyên lơn giảng dạy đủ điều như vậy, nhưng vua A Xà Thế vẫn sầu khổ.

Lúc đó đại y sĩ Kỳ Bà tâu cùng vua rằng : "Đại Vương ngủ nghỉ có đặng yên chăng ?".

Vua A Xà Thế liền nói kệ rằng :

Nếu có người dứt hẳn được
Tất cả những phiền não hoặc
Chẳng tham nhiễm trong ba cõi
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Nếu người chứng đại Niết bàn
Diễn thuyết nghĩa lý rất sâu
Gọi là thiệt Bà La Môn
Mới ngủ nghỉ được an ổn,
Thân không tạo nghiệp ác
Miệng xa lìa bốn điều lỗi
Tâm không có những lưới nghi
Mới ngủ nghỉ đặng an ổn.
Thân tâm đều không nhiệt não
An trụ nơi chỗ tịch tịnh
Đặng đến cảnh vui vô thượng
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Trong lòng không có chấp lấy
Xa lìa những niệm oán thù
Thường hòa thuận không tránh tụng

Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Nếu chẳng tạo những nghiệp ác
Thường có tâm niệm hổ thẹn
Tin làm ác có quả báo
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Cung kính phụng dưỡng cha mẹ
Chẳng giết hại một sanh mạng
Chẳng trộm cướp tài vật người
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Điều phục sửa trị sáu căn
Gần gũi bậc Thiện tri thức.
Phá hoại tất cả bốn ma
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Chẳng thấy lành cùng chẳng lành
Với những sự khổ sự vui
Vì cứu độ những chúng sanh
Nên luân chuyển trong sanh tử,
Nếu người có thể như vậy.
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Ai đặng ngủ nghỉ yên ổn ?
Đáp rằng : Chính là chư Phật
Quán sâu nơi tam muội
Thân cùng tâm an chẳng động.
Ai ngủ nghỉ được an ổn ?

Đáp rằng : là đấng Từ Bi
Thường siêng tu chẳng phóng dật.
Xem chúng sanh như con một.
Chúng sanh bị tội vô minh
Chẳng thấy quả khổ phiền não
Thường gây tạo những nghiệp ác
Nên ngủ nghỉ chẳng được yên.
Hoặc vì lợi chính thân mình
Và đến thân những người khác
Mà gây tạo mười nghiệp ác
Thời ngủ nghi chẳng được yên.
Nếu nói vì lên ngôi vua
Hại cha vẫn không tội lỗi
Thuận theo ác tri thức này
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu ăn uống không tiết độ
Uống chất lạnh mà quá nhiều
Do đây phải mang bịnh khổ
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu đối với vua có lỗi
Tà niệm với vợ con người
Cùng đi trên đường xa vắng
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Trì giới chưa được quả lành

Thái tử chưa được nối ngôi
Kẻ trộm chưa lấy được của
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.

Này Kỳ Bà ! Nay ta mang bịnh nặng này chính vì ta nghịch lại vua cha. Cha ta trị nước đúng pháp thật không tội lỗi mà ta lại giết hại. Vì thế nên tất cả lương y diệu dược chú thuật đều không thể trị lành bịnh ta. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai mắc bẫy v.v.. Ta từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ yên ổn được. Lại không bậc vô thượng đại y sĩ dùng pháp dược để dứt trừ bịnh khổ cho ta.

Kỳ Bà tâu cùng vua : "Lành thay ! Lành thay ! Vua dầu tạo tội nhưng có lòng ăn năn hổ thẹn. Tâu Đại Vương ! Chư Phật thường nói rằng có hai pháp lành có thể cứu chúng sanh. Một là tàm, hai là quí. Tàm là tự chẳng phạm tội. Quí là chẳng bảo người phạm. Tàm là trong lòng tự hổ thẹn. Quí là đối với người phát lồ. Tàm là hổ cùng người. Quí là thẹn với trời. Kẻ không tàm, quí thời chẳng gọi là người, nên gọi là súc sanh. Vì có tàm quí thời có thể cung kính cha mẹ, Sư trưởng. Người có tàm quí thời gọi là cha mẹ, anh em, chị em.

Lành thay ! Đại Vương có lòng tàm quí. Xin Đại Vương nghe hạ thần trình bày.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói : Có hai hạng người trí : Một là người chẳng tạo điều ác, hai là tạo điều ác rồi biết sám hối. Cũng có hai hạng người ngu : Một là người tạo tội, hai là người tạo tội rồi che dấu.

Dầu trước tạo tội lúc sau phát lồ, ăn năn hổ thẹn chẳng dám tái phạm, như đem minh châu để trong nước đục, do thế lực của minh châu nước liền trong. Như khói mây tan thời mặt trăng chói sáng. Người tạo tội ác có thể sám hối cũng như vậy.

Đại Vương nếu sám hối có lòng tàm quí thời tội chướng sẽ trừ diệt, trong sạch như xưa.

Tâu Đại Vương ! Giàu có hai hạng : một là nhiều voi, ngựa, lục súc. Hai là nhiều vàng bạc các thứ châu báu. Voi ngựa nhiều chẳng sánh được một hột châu. Cũng vậy, chúng sanh có hai hạng giàu : một là giàu điều ác, hai là giàu điều lành. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá trăm điều ác. Như chút kim cang có thể hoại núi Tu Di. Cũng như chút lửa có thể đốt cháy tất cả. Như chút thuốc độc có thể hại chúng sanh. Cũng vậy, chút ít điều lành có thể phá nghiệp ác lớn. Dầu gọi là chút lành nhưng kỳ thật là lớn, vì phá được nghiệp ác lớn.

Tâu Đại Vương ! Như lời Phật nói che dấu là hữu lậu, chẳng che dấu là vô lậu. Phát lồ sám hối

tội lỗi thời là vô lậu. Nếu tạo tội mà chẳng che chẳng dấu thời tội mỏng ít. Nếu có lòng tàm quí thời tội tiêu diệt. Giọt nước dầu nhỏ nhưng lần đầy lu lớn. Cũng vậy, mỗi mỗi tâm lành có thể phá điều ác lớn. Nếu người che dấu tội lỗi thời tội lỗi thêm lớn, còn phát lồ hổ thẹn thời tội lỗi tiêu diệt. Vì thế nên chư Phật nói người có trí chẳng che dấu tội lỗi.

Lành thay ! Đại Vương có thể tin nhân quả tin nghiệp báo. Xin Đại Vương chớ ôm lòng sầu khổ sợ sệt.

Nếu có chúng sanh tạo các tội ác rồi che dấu chẳng sám hối, không lòng hổ thẹn, chẳng thấy nhơn quả cùng nghiệp báo, chẳng thể học hỏi nơi người trí, chẳng gần bạn lành, tất cả lương y không thể trị lành bịnh người này, như bịnh Ca Ma La, y sĩ trong đời đều khoanh tay. Người tội này gọi là nhất xiển đề. Hàng nhất xiển đề chẳng tin nhơn quả, không biết hổ thẹn, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại cùng vị lai, chẳng gần bạn lành, chẳng thuận theo lời dạy của Phật, chư Phật Thế Tôn không thể chữa trị bịnh này. Như tử thi, y sĩ chẳng chữa được.

Nay Đại Vương chẳng phải hạng nhất xiển đề, sao lại nói rằng không thể cứu lành.

Như lời Đại Vương nói không người nào chữa trị được. Xin Đại Vương nên biết rằng : Con vua

Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La họ Cù Đàm tên Tất Đạt Đa, tự giác ngộ thành bậc Vô thượng Chánh giác, thân trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, thấy tất cả, đại từ đại bi thương xót chúng sanh như La Hầu La, tùy thuận chúng sanh như nghé theo trâu mẹ, thuyết pháp đúng thời, lời Phật chơn thiệt, thanh tịnh, vi diệu, đúng nghĩa đúng pháp, duy nhứt, có thể làm cho chúng sanh lìa hẳn phiền não khéo biết căn tánh của chúng sanh, tùy nghi phương tiện không gì chẳng thông đạt. Trí của Phật cao lớn như núi Tu Di, thâm thúy rộng xa như biển cả. Đức Phật có trí kim cang phá tất cả tội ác của chúng sanh. Nay đức Phật cách đây mười hai do tuần trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, đương vì vô lượng vô số Bồ Tát đại chúng mà thuyết pháp. Nếu Đại Vương được nghe Phật dạy về nghĩa vô tác, vô thọ thời bao nhiêu trọng tội sẽ được tiêu trừ.

Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhơn lúc sắp chết có năm tướng hiện : Một là áo xiêm nhơ nhớp, hai là hoa trên đầu héo, ba là thân thể hôi dơ, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng thích chỗ mình ở. Lúc đó Thiên Đế Thích, hoặc nơi chỗ vắng vẻ thấy Sa Môn, hoặc thấy Bà La Môn, liền đi đến kính ngưỡng như Phật, các Sa Môn cùng Bà La Môn thấy Thiên Đế Thích đến rất vui mừng nói rằng : Thưa Thiên Chúa ! Nay tôi quy y với Ngài.

Thiên Đế biết chẳng phải Phật, nghĩ rằng : Người đó nếu không phải là Phật thời không thể chữa trị năm tướng suy của ta.

Thiên tử theo hầu tên Bát Giá Thi tâu cùng Thiên Đế : Vua Càn Thát Bà tên Đôn Phù Lâu có công chúa hiệu là Tu Bạt Đà, Thiên Vương nếu ban công chúa này cho hạ thần, hạ thần sẽ chỉ người có thể trừ tướng suy cho Thiên Vương.

Thiên Đế đáp rằng : Này Thiện nam tử ! Nếu được như lời khanh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái của vua A Tu La Tỳ Ma Chất Đa hiện ra đương kính ái, nếu khanh muốn ta cũng sẽ ban cho, huống là công chúa Tu Bạt Đà.

- Tâu Thiên Vương, hiện tại có đức Phật Thế Tôn hiệu Thích Ca Mâu Ni đương ở thành Vương Xá, Thiên Vương nếu đến cầu pháp nơi Phật thời tướng suy chắc chắn sẽ trừ diệt.

Thiên Đế liền khiến xa giá đến núi Kỳ Xà Quật. Thiên Đế đầu mặt đảnh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch cùng Phật rằng : "Thế Tôn ! Trong hàng Thiên Nhơn những gì là trói buộc ?"

Phật nói : "Này Kiều Thi Ca ! Chính là xan tham và tật đố ".

Bạch Thế Tôn ! Xan tham, tật đố nhơn đâu mà sanh ?

- Do vô minh mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vô minh lại do đâu mà sanh ?

- Do phóng dật mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Phóng dật lại do đâu mà sanh ?

- Do điên đảo mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Điên đảo lại do đâu mà sanh ?

- Do lòng nghi mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy, vì tâm tôi nghi nên sanh điên đảo, đối với người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn, lưới nghi của tôi liền trừ. Vì lưới nghi trừ nên điên đảo cũng hết. Vì điên đảo hết nên không có tâm xan tham tâm tật đố.

Phật nói : "Ông nói rằng không có tâm xan tham tật đố, thời ông đã đặng quả A Na Hàm chăng ? Bậc A Na Hàm không có tâm tham. Nếu không tâm tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Mà bậc A Na Hàm thật chẳng cầu sống".

- Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thời có cầu mạmg sống, người không điên đảo thời chẳng cầu mạng sống. Nay tôi thật chẳng cầu mạng sống, tôi chỉ cầu Pháp thân cùng Trí huệ của Phật.

Này Kiều Thi Ca ! Người cầu Pháp thân cùng Trí huệ của Phật, thời tương lai quyết định sẽ được.

Nghe lời Phật nói xong năm tướng suy của Thiên Đế liền tiêu diệt.

Thiên Đế đứng dậy đảnh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng chấp tay cung kính bạch Phật : "Thế Tôn nay tôi sắp chết được sống, sắp mất mạng được mạng, lại được Phật thọ ký sẽ thành Vô thượng Chánh giác. Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhơn thiên thế nào được tăng ích ? Lại do duyên gì mà phải tổn giảm ?".

Này Kiều Thi Ca do đấu tránh nên nhơn thiên tổn giảm. Khéo tu hòa kính thời đặng tăng ích.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu do đấu tránh mà tổn giảm, từ nay trở đi tôi chẳng cùng A Tu La đánh nhau nữa.

- Lành thay ! Lành thay ! Này Kiều Thi Ca chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhơn Vô thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhơn lễ tạ Phật trở về Thiên cung.

Tâu Đại Vương vì đức Như Lai có thể trừ những tướng ác, nên gọi là Phật chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại Vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ trừ được trọng tội.

Ngày trước thanh niên giòng Ba La Môn, tên là Bất Hại, vì giết hại nhiều người nên hiệu là Ương Quật Ma La. Thanh niên này lại muốn hại mẹ, lúc tâm ác nổi lên cầm gươm tìm mẹ, vì thân tâm ác nên thành nhân tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Lát sau thấy Phật thân tâm khởi ác muốn hại Phật, đây cũng là nhân tội nghịch sẽ đọa địa ngục. Thanh niên này

được đức Như Lai giáo hóa, tâm ác liền trừ, nghiệp nhân địa ngục tiêu diệt, phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vì thế nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia.

Tâu Đại Vương lại có Vương Tử Tu Tỳ La, vua cha giận chặt cả tay chân xô xuống giếng sâu. Vương Mẫu thấy xót thương sai người đem Vương Tử đến trước Phật. Lúc Vương Tử thấy Phật, tay chân đầy đủ lại như cũ, liền phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Vì Vương Tử được thấy Phật nên đặng quả báo hiện tại. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ngày trước trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỉ đã nhiều năm chẳng thấy nước chẳng được uống, dầu họ đến bên sông nhưng họ thấy thuần là lửa, vì quá đói khát nên họ kêu la than khóc. Lúc đó đức Như Lai ngồi dưới bóng cây ở rừng Uất Đàm Bát cạnh bờ sông. Các ngạ quỉ đến bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng tôi đói khát sắp chết đến nơi".

Phật nói : "Sao các người chẳng uống nước sông Hằng ?".

Các ngạ quỉ thưa : Đức Như Lai thấy nước, còn chúng tôi thấy lửa.

Phật nói : "Trong sông Hằng toàn nước trong mát thật chẳng phải lửa. Vì nghiệp ác nên các người sanh

tâm điên đảo cho là lửa. Phật sẽ trừ tâm điên đảo cho các người, để các người thấy được nước".

Như Lai liền vì các ngạ quỉ giảng nói tội lỗi của tâm xan tham.

Các ngạ quỉ thưa : "Nay chúng tôi đang đói khát, dầu nghe lời thuyết pháp nhưng đều chẳng nhập tâm".

Phật nói : "Các người nếu đói khát có thể vào sông Hằng tha hồ uống đó".

Nhờ công đức của Phật các ngạ quỉ uống đặng nước. Uống nước xong họ trở về chỗ Phật ngồi. Đức Như Lai vì họ thuyết pháp, tất cả đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Lúc đó năm trăm ngạ quỉ đều đặng sanh lên cõi trời.

Do có đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đọa.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có đảng cướp năm trăm người, bị vua Ba Tư Nặc bắt được, khoét cả đôi mắt bỏ trong rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng niệm đến Phật. Đức Phật xót thương hiện thân trước đảng cướp khuyên bảo rằng : Các người phải khéo giữ gìn thân khẩu chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Đảng cướp nghe tiếng Phật dịu dàng trong trẻo, đôi mắt sáng trở lại. Đồng chấp tay đảnh lễ Phật bạch rằng : Thế Tôn ! Nay chúng tôi rõ biết Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng phải riêng là nhơn thiên.

Đức Như Lai vì họ thuyết pháp tất cả đều được phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Như Lai thật là lương y vô thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có người Chiên Đà La tên là Khí Hứ giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử của Phật là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên, liền phá được nhân địa ngục sanh lên cõi trời Đao Lợi. Vì có hàng Thánh đệ tử như vậy nên đức Như Lai hiệu là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương thành Ba La Nại có Trưởng giả tử tên là A Dật Đa, dâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác, Trưởng giả tử bèn lại giết mẹ. Có vị A La hán là thân hữu của nhà này. Vì hổ thẹn nên Trưởng giả tử lại giết A La Hán. Sau đó Trưởng giả tử đến Kỳ Hoàn Tịnh Xá cầu xuất gia. Các Tỳ Kheo rõ biết người này phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận. Trưởng giả tử oán giận, giữa đêm phóng lửa đốt phòng của chư Tăng, giết hại nhiều người vô tội. Lúc sau đó Trưởng giả tử qua thành Vương Xá cầu xin đức Như Lai cho xuất gia. Đức Như Lai liền nhận rồi giảng nói pháp yếu khiến tội nghịch nặng lần lần giảm nhẹ, Trưởng giả tử phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương vô thượng.

Đại Vương bổn tánh bạo ác nghe lời người ác là Đề Bà Đạt Đa, thả voi say để chà Phật, voi thấy Phật liền tỉnh ngộ, Phật lấy tay xoa đầu voi, nói pháp yếu voi phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương ! Súc sanh thấy Phật còn phá được nghiệp quả súc sanh, huống là loài người ư !

Đại Vương nếu gặp được Phật, bao nhiêu trọng tội tất sẽ tiêu trừ.

Đức Thế Tôn lúc chưa thành Vô thượng Bồ Đề, Ma Vương dẫn vô lượng quyến thuộc đến chỗ Bồ Tát ngồi, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục phá tan ác tâm của ma, làm cho ma thọ pháp phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương có Khoáng Dã quỷ giết hại nhiều người, vì cứu Thiện Hiền Trưởng giả, đức Như Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp. Khoáng Dã quỷ nghe pháp mừng vui, bèn đem Thiện Hiền trưởng giả trao cho Như Lai, rồi sau bèn phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương ! Nước Ba La Nại có người hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết hại cả trăm ngàn con dê, gặp ngài Xá Lợi Phất liền thọ bát quan trai một ngày một đêm. Nhờ công đức này, sau khi chết Quảng Ngạch sanh làm con trai của Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Đệ tử của đức Như Lai còn có công đức lớn như vậy huống là Phật.

Tâu Đại Vương ! Thành Tế Thạch ở bắc Thiên Trúc, có vua Long Ấn vì tham ngôi vua mà giết hại vua cha, về sau sanh lòng ăn năn bỏ nước đến xin Phật xuất gia, làm Tỳ Kheo, tội nặng tiêu diệt phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Đức Phật có vô lượng vô biên công đức như vậy.

Tâu Đại Vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông này phá Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết chết A La Hán Liên Hoa Tỳ Kheo Ni, phạm cả ba tội nghịch, đức Như Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông được giảm nhẹ, nên đức Như Lai là Y Vương vô thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Đại Vương nếu có thể tin lời của hạ thần xin Đại Vương mau đến đức Như Lai. Nếu Đại Vương chưa tin, hạ thần cũng mong Đại Vương suy nghĩ kỹ lại.

Tâu Đại Vương, Chư Phật có lòng đại bi che chở tất cả, chẳng hạn cuộc nơi một người. Chánh pháp của Phật rộng rãi bao gồm chẳng sót với kẻ oán người thân Phật xem bình đẳng lòng không ghét không yêu.

Đức Như Lai chẳng phải là thầy riêng của bốn bộ chúng, mà là thầy của tất cả trời, người, rồng, thần, địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ. Tất cả chúng sanh cũng nên xem Phật như cha mẹ. Đức Như Lai chẳng riêng vì người sang giàu như vua Bạt Đề Ca mà

thuyết pháp, cũng thuyết pháp cho cả người hạ tiện như Ưu Bà Ly. Chẳng riêng thọ sự cúng dường của Trưởng giả Tu Đạt Đa, Trưởng giả A Na Bân Kỳ mà cũng nhận lấy đồ ăn của người nghèo. Đức Phật chẳng riêng vì hạng trí huệ như ngài Xá Lợi Phất mà thuyết pháp, cũng giáo hóa cả người ngu tối như Châu Lợi Bàn Đặc. Đức Như Lai chẳng riêng cho người tánh không tham như ngài Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho cả người rất tham như Bàn Đà xuất gia. Đức Phật chẳng riêng cho người ít phiền não như Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho người phiền não sâu nặng tạo trọng tội như ông Tu Đà Da, em vua Ba Tư Nặc xuất gia. Đức Phật chẳng vì ông Tá Thảo cung kính cúng dường mà nhổ trừ gốc sân hận cho ông ấy cũng độ cả kẻ ác tâm muốn làm hại là Ương Quật Ma La. Chẳng riêng độ người xuất gia làm cho chứng đặng baThánh quả, cũng làm cho hàng tại gia chứng đặng bốn Thánh quả, Đức Như Lai chẳng riêng vì người nhàn tịch như ông Phú Đa La mà thuyết pháp, cũng giảng thuyết cho vua Tần Bà Ta La bận rộn việc nước. Người ghiền rượu như ông Út Già Trưởng giả Phật cũng giáo hóa chớ chẳng phải riêng vì những người kiêng rượu. Đức Phật cũng giáo hóa nàng Bà Tư Tra là người mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng phải riêng thuyết pháp cho bậc nhập thiền định như Ly Bà Đa. Đức Phật chẳng riêng vì đệ tử của mình, mà cũng

thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiền Tử. Phật cũng giáo hóa người già suy tám mươi tuổi, cũng như với hạng trai trẻ hai mươi lăm. Người căn lành chưa thuần phục, cũng được Phật giáo hóa như người đã thuần phục. Phật thuyết pháp cho dâm nữ Liên Hoa cũng như vì Mạt Lợi phu nhân. Phật nhận món ăn độc của Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa như lãnh thực phẩm thượng soạn của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại Vương Trưởng giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch, nhờ đến Phật nghe thuyết pháp, bèn phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Giả sử trong một tháng thường đem y phục vật thực cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng một niệm.

Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy châu báu đến số trăm dùng để bố thí, chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật dở chân bước một bước.

Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng trăm người nữ nước ấy thân đeo đầy chuỗi ngọc dùng để bố thí, vẫn không bằng bước một bước hướng đến Phật.

Cho đến giả sử Đại vương cung kính cúng dường hằng hà sa vô lượng chúng sanh, chẳng bằng một lần đến rừng Long Thọ thành tâm nghe đức Như Lai thuyết pháp".

Vua A Xà Thế bảo rằng : "Này Kỳ Bà ! Đức Như Lai tâm tánh đã điều nhu, thời quyến thuộc phải là người điều nhu, như rừng Chiên Đàn thời thuần cây chiên đàn, đức Như Lai thanh tịnh quyến thuộc của Ngài cũng thanh tịnh, như rồng thời thuần dùng rồng làm quyến thuộc. Đức Như Lai tịch tịnh không tham không phiền não, quyến thuộc của Ngài cũng không phiền não. Nay ta là người cực ác, thân thể hôi nhơ, thuộc hạng địa ngục, đâu đáng là người đến chỗ đức Như Lai. Giả sử ta có qua, e rằng đức Như Lai chẳng đoái tới. Khanh dầu khuyên ta, nhưng ta xấu hổ sợ sệt không có lòng muốn đi".

Vua A Xà Thế nói vừa dứt, trên không bỗng có tiếng rằng : Phật pháp vô thượng sắp suy mất, dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn, đèn sáng đại pháp sắp tắt, núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp hư, điện pháp sắp đổ, tràng pháp sắp ngã, cây pháp sắp gẫy, bạn lành sắp đi, sự khủng bố sắp đến, chúng sanh sắp đói khát, bịnh dịch phiền não sắp lưu hành, sự tối tăm sắp đến, ma vương vui mừng cởi mở giáp trụ, mặt trời Phật sắp lặn nơi núi Đại Niết Bàn. Phật nếu diệt độ tội nghịch trọng của Đại Vương không còn ai trị được.

- Nay Đại Vương đã tạo tội nghiệp A Tỳ địa ngục, đã có tội nghiệp tất phải thọ báo. Sao gọi là A Tỳ địa ngục ? A là không, Tỳ là xen hở, tức là Vô Gián. Người đọa trong đó luôn bị khổ không

hở, một người tội thân lớn đầy khắp cả ngục tám muôn do tuần, nhiều người tội, thân mỗi người cũng đầy khắp cả ngục không chướng ngại nhau, do đây nên gọi là địa ngục Vô gián.

Trong địa ngục lạnh tạm thời có gió ấm nóng, trong địa ngục ấm nóng tạm thời có gió mát lạnh, địa ngục A Tỳ toàn không có việc này. Ngục A Tỳ bốn phía có cửa, ngoài mỗi cửa đều có ngọn lửa rất mạnh cháy suốt cả bốn phương tám muôn do tuần, vách ngục bằng sắt, nền cũng bằng sắt, lưới phủ trùm ở trên, lửa dưới nền cháy suốt đến nóc ngục, lửa trên nóc cháy suốt đến nền ngục. Người tội trong đó bị đốt cháy đau khổ như cá bị chiên trong chảo. Phạm một tội nghịch bị trọn sự khổ như vậy, nếu tạo hai tội nghịch thời sự khổ gấp hai, nếu tạo đủ ngũ nghịch thời sự khổ gấp năm lần. Tôi biết chắc ác nghiệp của Đại Vương không thể thoát khỏi. Mong Đại Vương mau đến gặp Phật, ngoài Phật ra không ai cứu Đại Vương được. Vì xót thương nên tôi có mấy lời khuyên Đại Vương.

Vua A Xà Thế trong lòng quá sợ, toàn thân run rẩy, ngước mặt lên hỏi rằng : "Ngài là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân ?".

Trên hư không có tiếng đáp : "Tôi là Tần Bà Ta La cha đẻ của Đại Vương đó.

Nay Đại Vương phải nghe lời Kỳ Bà, chớ nghe lời tà kiến của sáu đại thần".

Nghe xong vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất, ghẻ nhọt thêm nhiều càng hôi nhơ hơn trước. Dầu ngự y đem thuốc đến thoa, nhưng ghẻ độc càng thêm nóng nhức.

(*) Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Song Thọ, Phật nhãn thấy vua A Xà Thế ngất xỉu xuống đất, liền bảo đại chúng : "Nay Phật sẽ vì vua này ở lại đời đến vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn".

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Đức Như Lai nên vì vô lượng chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Cớ sao riêng vì vua A Xà Thế ?".

- Này Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật quyết định nhập Niết Bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật quyết định sẽ nhập Niết Bàn hẳn nên ngất xỉu.

Này Thiện nam tử ! Như Phật nói vì A Xà Thế chẳng nhập Niết Bàn ý nghĩa ấy rất sâu kín ông chưa hiểu được. Ta nói : "Vì" là vì tất cả phàm phu, A Xà Thế là khắp đến tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại "Vì" chính là tất cả chúng sanh hữu vi. Ta trọn chẳng vì vô vi chúng sanh mà ở lại đời. Luận về vô vi thời chẳng phải là chúng sanh. A Xà Thế chính là người đầy đủ phiền não. Lại "Vì" chính là chúng sanh chẳng thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thời Phật trọn chẳng vì họ mà ở lâu nơi đời. Vì

(*) Hán bộ quyển thứ 20

người thấy Phật tánh thời chẳng phải là chúng sanh. "A Xà Thế" chính là tất cả người chưa phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Lại "vì" là vì hai chúng Đại Ca Diếp và A Nan. "A Xà Thế" chính là Phi hậu của nhà vua và tất cả phụ nữ trong thành Vương Xá. Lại "Vì" là nói Phật tánh, "A Xà" là chẳng sanh. "Thế" là oan. Bởi chẳng sanh Phật tánh thời sanh phiền não oán thù. Vì sanh phiền não oán thù nên chẳng thấy Phật tánh. Bởi chẳng sanh phiền não thời thấy được Phật tánh. Do thấy Phật tánh thời được an trụ đại Niết Bàn. Đây gọi là bất sanh, đây gọi là "vì A Xà Thế".

Này Thiện nam tử ! "A Xà" là chẳng sanh, chẳng sanh gọi là Niết Bàn. "Thế" là nói thế pháp. "Vì" là nói chẳng nhiễm ô. Bởi tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng nhập Niết Bàn. Do đây nên Phật nói vì A Xà Thế vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lời nói sâu kín Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Bồ Tát Ma Ha Tát đều chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bấy giờ đức Thế Tôn vì vua A Xà Thế mà nhập nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng này mát mẻ chiếu đến thân vua. Ghẻ lở trên thân liền lành, hết nóng hết nhức.

Vua bảo Kỳ Bà : "Ta từng nghe : Lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng đồng hiện lên, do đó những khổ hoạn của chúng sanh đều trừ. Nay chưa đến thời kỳ ấy, do đâu có ánh sáng mát mẻ chiếu đến thân ta làm cho thân ta được an ổn ghẻ lở đều lành ?".

Kỳ Bà tâu : "Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng chẳng phải ánh sáng mặt trời, tinh tú, bảo châu, dược thảo cũng chẳng phải ánh sáng chư Thiên".

Vua lại hỏi như vậy thời là ánh sáng của ai ?

- Tâu Đại Vương ! Đây là ánh sáng của đấng Thiên Trung Thiên. Ánh sáng này chẳng có ngắn mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thường, chẳng diệt, chẳng phải sắc cùng vô sắc, chẳng phải tướng cùng vô tướng, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì độ chúng sanh nên hiện ra có tướng có thể thấy. Dầu thấy được nhưng thiệt ra ánh sáng này vốn không tướng.

Vua nói : "Này Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên do nhơn duyên gì mà phóng ánh sáng này ?".

- Tâu Đại Vương ! Nay tướng lành này chính là vì Đại Vương. Bởi vừa rồi Đại Vương nói trong đời không có lương y trị được thân bịnh, tâm bịnh của Đại Vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng này, trước chữa lành bịnh nơi thân của Đại Vương, rồi sau sẽ trị bịnh nơi tâm.

- Này Kỳ Bà Đức Như Lai cũng nghĩ tưởng đến ta ư ?

- Tâu Đại Vương ! Ví như một người mà có bảy đứa con, một đứa bị bệnh, lòng cha mẹ săn sóc đứa con bệnh tật nhiều hơn. Cũng vậy, đức Như Lai chẳng phải là không bình đẳng đối với chúng sanh, nhưng với người có tội thời lòng Phật thiên trọng. Với kẻ phóng dật lòng Phật thương tưởng, người chẳng phóng dật thời Phật phóng xả. Người chẳng phóng dật là bực đệ lục trụ Bồ Tát. Chư Phật đối với chúng sanh, chẳng nhìn ngó đến giòng họ, già trẻ, giàu nghèo, năm tháng ngày giờ, nghề nghiệp khéo vụng, tôi tớ hèn hạ, chỉ ngó đến chúng sanh có tâm lành. Nếu người có tâm lành thời Phật thương tưởng.

Tâu Đại Vương ! Đây chính là đức Như Lai nhập Nguyệt ái tam muội phóng ra ánh sáng ấy.

Nhà Vua hỏi : Sao gọi là nguyệt ái tam muội ?

Kỳ Bà tâu : "Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa sen xanh nở xòe, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho tâm lành chúng sanh nở xòe".

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm vui mừng, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho người tu tập đạo Niết Bàn vui mừng.

Ví như ánh sáng mặt trăng trừ đêm mùng một đến rằm, hình sắc ánh sáng lần lần thêm đầy đủ, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội làm cho người mới phát tâm những căn lành lần lần thêm lớn đến đầy đủ Đại Niết Bàn.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi hình sắc ánh sáng lần lần giảm bớt, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu diệt.

Ví như đang lúc nắng nóng, tất cả chúng sanh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thời liền hết nóng bức, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức.

Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lộ vị, tất cả chúng sanh đều ưa thích, cũng vậy, Nguyệt ái tam muội là vua trong các pháp lành, là cam lộ vị chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói : "Ta nghe đức Như Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận. Như biển lớn chẳng chứa tử thi. Như chim Oan Ương chẳng đậu nhà xí. Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn chẳng ở chung với quỷ. Chim Cưu Súy La chẳng đậu cây khô. Cũng vậy, ta đâu có thể gần được đức Như Lai. Theo ta xét đức Như Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa hừng, trọn chẳng gần gũi nơi người tạo tội ác quá nặng.

nặng. Vì vậy nên ta không lòng nào dám đến gặp Phật".

Kỳ Bà tâu : "Ví như người khát nước thời gấp đến suối trong, người đói cầu vật thực, người kinh sợ cầu cứu, người bịnh tìm lương y, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại Vương cũng nên cầu Phật như vậy. Đức Như Lai còn vì hạng nhất xiển đề mà thuyết pháp huống là Đại Vương chẳng phải nhất xiển đề".

Vua nói : "Này Kỳ Bà ! Ta từng nghe nhất xiển đề là kẻ chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quán sát, chẳng hiểu đặng nghĩa lý, tại sao đức Như Lai lại thuyết pháp cho họ ?".

Kỳ Bà tâu : "Như có người mang bịnh nặng, đêm ngủ mơ thấy lên trên điện một cột, uống chất tợ dầu mỡ và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro ăn tro, leo lên cây khô, hoặc thấy cùng khỉ vượn làm bạn, chìm dưới nước, lún trong bùn, té rơi xuống điện lầu, hoặc thấy núi cao rừng rậm, voi, ngựa, trâu, dê, thân mặc y phục xanh, vàng, đỏ, đen, vui cười, ca múa, hoặc thấy kên kên, chồn, cáo phẩm rụng răng, rụng tóc, trần truồng, gối đầu trên mình chó, nằm trên phẩn nhơ, hoặc thấy cùng người đã chết đi đứng nằm ngồi dắt tay ăn uống, đi trong đường đầy rắn độc, hoặc mơ thấy ôm ẵm người nữ trùm tóc, y phục bằng lá đa la, ngồi xe lừa hư gẫy qua hướng chánh Nam".

Người này tỉnh dậy lòng buồn rầu bịnh nơi thân càng thêm. Vì bịnh thêm nên thân thuộc sai người mời y sĩ. Người đi mời này lùn thấp tàn tật, đầu đầy bụi bặm, y phục rách nát, ngồi xe hư cũ, đến nói với y sĩ : Xin mau qua thăm bịnh.

Y sĩ tự nghĩ : Người đến mời này tướng mạo chẳng lành bịnh chắc khó trị. Lại coi ngày, thấy nhằm ngày bịnh khó trị, tức là ngày mùng bốn, mùng sáu, mùng tám, mười hai, mười bốn. Lại coi sao cũng nhằm sao khó trị, tức là hỏa tinh, khuê tinh, mão tinh, diêm la tinh, thấp tinh, mãn tinh. Lại coi nhằm mùa thu, mùa đông, giờ mặt trời lặn nửa đêm, giờ mặt trăng lặn, nhằm những giờ này bịnh cũng khó trị. Y sĩ lại nghĩ rằng : Dầu tất cả đều chẳng lành, nhưng xem người bịnh nếu có phước đức thời trị được, bằng không phước đức dầu lành tốt có ích gì !

Y sĩ liền cùng đi với người đến mời, giữa đường nghĩ rằng : Nếu người bịnh có tướng trường thọ thời trị được, nếu là tướng đoản thọ thời chẳng thể trị.

Dọc đường thấy hai đứa trẻ đánh lộn, thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, thấy có người đốn cây ; lại thấy người kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật bỏ rơi, hoặc thấy người xách thùng không, hoặc thấy Sa Môn đi một mình, lại thấy cọp, sói, chồn, kên kên. Y sĩ suy nghĩ từ người mời này đến ngày giờ thời tiết cùng những việc dọc đường

đều là điềm bất tường, người bịnh chắc khó trị, nhưng nếu ta không đến thời chẳng phải y sĩ. Dọc đường lại nghe có tiếng khóc than người chết, tiếng sụp, bể, gãy, tiếng té ngã. Lại nghe phương Nam có tiếng kên kên, có tiếng chim Xá Lợi, tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn, tiếng thỏ, tiếng heo, y sĩ tự nghĩ : Toàn là những điềm bịnh khó trị.

Sau khi đến nhà, thấy người bệnh lúc lạnh lúc nóng, gân xương nhức, mắt đỏ lưu lệ, tiếng lỗ tai nghe đến ngoài, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nức nở, sắc mặt đen tối, cất đầu chẳng nổi, mình khô không mồ hôi, đại tiện tiểu tiện bế tắc, cả thân sưng phù đỏ hồng dị thường, giọng nói chẳng đều, bụng đầy, nói không rõ.

Y sĩ xem xong hỏi người khám bịnh : Từ qua đến nay ý chí người bịnh thế nào ?

Người khán bịnh nói : "Thưa y sĩ ! Người này trước kia vốn kính tin Tam Bảo và chư Thiên, nay bỗng đổi khác không còn tin. Trước kia ưa bố thí nay thời bỏn sẻn, trước kia ăn ít nay thời quá nhiều. Tánh vốn hào tốt nay thời tệ ác. Tánh vốn nhơn từ hiếu thuận, nay thời không cung kính cha mẹ". Y sĩ nghe xong đến ngửi người bịnh và rờ bóp trên thân, biết người bịnh quyết định sẽ chết, nhưng chẳng nói ra, bảo người khán bệnh rằng :"Nay tôi có việc gấp ngày mai tôi sẽ trở lại, người bịnh cần dùng thứ gì cứ tha hồ chớ ngăn cản". Dặn xong y sĩ trở về nhà.

Rạng ngày, người nhà bịnh đến rước, y sĩ bảo rằng : "Việc tôi chưa xong thuốc cũng chế chưa rồi".

Nếu là người trí, thấy cử chỉ của y sĩ thời biết rằng : người bịnh ấy chắc chết.

Tâu Đại Vương ! Đức Thế Tôn cũng như vậy, dầu biết rõ căn tánh hàng nhất xiển đề, nhưng đức Phật cũng vì họ mà thuyết pháp vì nếu không thuyết pháp cho họ, tất cả phàm phu sẽ cho rằng đức Như Lai không tâm đại từ bi, đâu nên gọi là bậc Nhất thiết trí. Vì có tâm đại từ bi mới gọi là bậc Nhất thiết trí, do đây nên đức Như Lai thuyết pháp cho hạng nhất xiển đề.

Đức Như Lai gặp những người bịnh thời liền ban bố pháp dược, người bịnh nếu chẳng chịu uống đó chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Hạng nhất xiển đề chia ra làm hai : Một là hạng đặng căn lành hiện tại, hai là hạng đặng căn lành đời sau.

Đức Như Lai biết rõ hạng nhất xiển đề những kẻ hiện tại có thể đặng thiện căn thời thuyết pháp cho. Những kẻ đời sau đặng thiện căn đức Phật cũng thuyết pháp cho họ, nay dầu vô ích nhưng để làm nhơn cho đời sau. Do đây nên đức Như Lai vì hạng nhất xiển đề mà giảng thuyết pháp yếu.

Lại có hai hạng nhất xiển đề : Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Hạng lợi cằn nơi đời hiện

tại có thể đặng thiện căn, hạng trung căn thời đời sau sẽ đặng.

Chư Phật không bao giờ thuyết pháp mà không lợi ích.

Ví như người sạch sẽ té trong hầm tiêu, có Thiện tri thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Cũng vậy, chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác nên phương tiện cứu tế làm cho đặng thoát khỏi. Do đây nên đức Như Lai vì hạng nhất xiển đề mà thuyết pháp.

Vua bảo Kỳ Bà : "Nếu đức Như Lai thật có những điều như vậy, rạng ngày sẽ chọn ngày lành giờ tốt rồi chúng ta sẽ đến gặp Phật".

Kỳ Bà tâu : "Trong giáo pháp của đức Như Lai không có chọn lựa ngày lành giờ tốt. Tâu Đại Vương như người bịnh nặng đâu nên chọn ngày giờ tốt xấu, chỉ nên gấp cầu lương y. Nay Đại Vương bịnh nặng phải gấp cầu Phật, chẳng nên chờ chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu Đại Vương ! Như lửa chiên đàn cùng lửa y lan, tướng lửa cháy hai thứ không khác nhau. Cũng vậy, ngày tốt ngày xấu, nếu đến chỗ Phật đều được diệt tội. Mong Đại Vương giờ đây nên gấp qua gặp Phật".

Vua A Xà Thế liền bảo cận thần Kiết Tường : "Nay ta muốn đến chỗ đức Phật, Khanh mau sắm sửa đồ cúng dường".

Vua A Xà Thế cùng phu nhơn xa giá một muôn hai ngàn cỗ, voi lớn năm ngàn thớt, trên mỗi thớt voi đều chở ba người mang cầm phan lọng, hoa hương, kỹ nhạc, nhiều thứ đồ cúng dường, dắt theo mười tám muôn kỵ mã. Nhơn dân trong nước Ma Dà Đà năm mươi tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bấy giờ nơi thành Câu Thi Na, đại chúng tựu hội tất cả mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua A Xà Thế cùng quân dân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng : "Nhơn duyên gần với Vô thượng Bồ Đề của tất cả chúng sanh không gì trước hơn bạn lành. Vì vua A Xà Thế, nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà, ngày mùng bảy tháng tới quyết định phải chết đọa ngục A Tỳ".

Vua A Xà Thế lúc đi dọc đường được biết tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ Kheo Cù Ca Ly, đất nứt, thân sống sa vào địa ngục A Tỳ. Còn Tu Na Sát Đa gây tạo những tội ác đến ra mắt Phật các tội đều đặng tiêu trừ. Vua nghe những tin này nói với Tỳ Bà rằng : "Nay ta dầu được nghe những tin ấy nhưng còn chưa chắc. Khanh đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục trông mong Khanh nắm giữ ta chớ để ta bị đọa. Vì ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng vào địa ngục".

Phật bảo đại chúng : "Vua A Xà Thế còn lòng nghi, nay Phật sẽ làm cho vua được tâm quyết định".

Trong Pháp hội có một vị Bồ Tát hiệu là Trì Nhứt Thiết bạch Phật rằng : "Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng nhứt định, sắc không tướng nhứt định, nhẫn đến Niết Bàn cũng không tướng nhất định. Tại sao hôm nay nói rằng vì vua A Xà Thế làm cho được tâm quyết định ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định, vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được, nên biết rằng tâm này là không quyết định. Nếu tâm của vua là quyết định, thời tội nghịch của vua làm sao tiêu tan được. Vì không quyết định nên có thể tiêu trừ tội nghiệp".

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ ngước lên thấy đức Như Lai đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, dường như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng phạm âm chào vua : "Đại Vương !".

Lúc đó vua A Xà Thế nhìn ngó hai bên tự nghĩ rằng : Không rõ ai là Đại Vương trong đại chúng này. Ta là người nhiều tội lại không phước đức, đức Như Lai chẳng lẽ gọi ta là Đại Vương !

Đức Như Lai lại lên tiếng gọi : "Đại Vương A Xà Thế !".

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng : "Nay đức Như Lai chiếu cố đến ta rõ là đức Như Lai có lòng đại bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh ".

Vua bạch Phật rằng : "Thế Tôn nay lòng tôi không còn nghi ngờ quyết định biết rằng đức Như Lai bậc Đại sư Vô thượng của tất cả chúng sanh.

Ca Diếp Bồ Tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ Tát : "Đức Như Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định".

Vua A Xà Thế bạch Phật : Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm Vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như Lai.

Vua liền đem những phan lọng hoa hương kỹ nhạc dâng lên Phật, đảnh lễ chân Phật đi nhiễu bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía. Phật nói : "Này Đại Vương ! Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lóng nghe !".

Hạng phàm phu cần phải chuyên tâm quán sát nơi thân có hai mươi việc : Một là trong thân của ta đây không có công đức vô lậu, hai là không căn lành, ba là chưa đặng điều thuận, bốn là sa rớt hầm sâu không chỗ nào chẳng đáng sợ, năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh, sáu là tu thiền định thế nào để được thấy Phật tánh, bảy là sanh tử khổ luôn không có thường

không ngã không định, tám là khó thoát khỏi tám nạn, chín là thường bị oan gia theo dõi, mười là không có một pháp gì ngăn được những hữu lậu, mười một là chưa thoát khỏi ba đường ác, mười hai là đầy đủ những ác kiến, mười ba là chưa qua khỏi bờ ngũ nghịch, mười bốn là chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ, mười lăm là chẳng tạo nghiệp lành chẳng được quả báo lành, mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả, mười bảy là chẳng gây nhơn vui thời trọn không quả vui, mười tám là nếu đã tạo nghiệp thời quả báo trọn chẳng mất, mười chín là do vô minh mà sanh cũng do vô minh mà chết, hai mươi là quá khứ,vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật. Này Đại Vương ! Người phàm nên quán sát thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát này nên chẳng ưa thích sanh tử. Nếu chẳng ưa thích sanh tử thời được chỉ quán. Theo thứ tự quán tướng sanh, trụ, diệt nơi tâm. Quán định, huệ, tinh tấn, trì giới cũng như vậy. Quán tướng sanh trụ diệt rồi biết rõ tâm tướng nhẫn đến giới tướng thời trọn chẳng làm ác, không có sợ chết cũng không sợ ba ác đạo. Nếu chẳng chuyên tâm quán sát hai mươi điều như vậy thời tâm buông phóng dật không việc ác nào chẳng làm.

Vua thưa : "Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa nơi lời Phật dạy : Từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên gây tạo những tội ác. Do đó nên sợ chết và sợ ba ác đạo .

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa tạo tội ác lớn :

Vua cha vô tội, tôi lại làm hại. Đối với hai mươi điều này tôi dầu có quán sát hay không quán sát quyết định sẽ bị đọa địa ngục A tỳ".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Tất cả pháp, tánh, tướng của nó đều vô thường không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ dọa địa ngục A Tỳ ?".

Vua thưa : "Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng nhất định, thời tội giết cha của tôi cũng sẽ không nhất định. Nếu tội giết hại là nhất định thời tất cả pháp chẳng phải là nhất định".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Lành thay ! Lành thay ! Chư Phật nói tất cả pháp đều không tướng nhất định, nhà vua lại có thể rõ biết tội giết hại cũng chẳng nhất định.

Này Đại Vương ! Như lời nhà vua nói : Vua cha vô tội lại làm hại. Gì là cha ? Chỉ ở nơi danh từ giả, năm ấm chúng sanh mà vọng tưởng là cha. Trong thập nhị nhập cùng thập bát giới, cái gì là cha ? Nếu sắc ấm là cha thời sắc ấm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn ấm là cha thời bốn ấm cũng lẽ ra không phải. Nếu sắc cùng phi sắc hiệp lại làm cha thời không đúng lý, vì tánh của sắc cùng phi sắc vốn không hiệp.

Này Đại Vương ! Chúng sanh phàm phu đối với sắc ấm này vọng tưởng là cha. Sắc ấm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc ấm có mười thứ,

trong mười thứ này riêng sắc là có thể thấy, có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể trói, có thể kéo. Dầu có thể thấy, có thể trói, nhưng tánh của sắc vẫn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy được, cũng không thể nắm cầm cân lường kéo dắt cột trói. Sắc tướng đã như vậy thời thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thời chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ chẳng phải là cha thời lẽ ra không mắc tội.

Này Đại Vương ! Sắc có ba thứ : Quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ và hiện tại thời không thể giết hại. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại lại niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh nên gọi là giết. Một thứ sắc như vậy, hoặc có giết được, hoặc chẳng giết được. Chẳng giết thời sắc chẳng nhất định. Nếu sắc chẳng nhất định thời giết cũng chẳng nhất định. Vì giết chẳng nhất định nên quả báo cũng chẳng nhất định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục ? Này Đại Vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ : Một là tội khinh, hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thời gọi là tội khinh, tâm khẩu và tâm gây tạo thời gọi là tội trọng. Tâm nghĩ miệng nói mà thân chẳng làm thời mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại Vương chẳng bảo giết, chỉ nói chặt chân. Đại Vương nếu truyền lịnh lập tức chém đầu vua cha, thị thần

liền chém, còn chẳng mắc tội, huống là Đại Vương chẳng truyền lịnh. Nếu Đại Vương mắc tội thời chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Vì Tiên Vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật, do đó nên ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thời Tiên Vương chẳng có phước làm vua. Nếu Tiên Vương chẳng làm vua thời Đại Vương đâu có vì nước mà giết hại. Nếu Đại Vương giết cha mà có tội, thời chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội sao Đại Vương lại riêng mắc tội ư ?

Này Đại Vương ! Tiên Vương Tần Bà Ta La ngày trước có tâm ác : đi săn nơi núi Tỳ Phú La, tìm muôn thú khắp nơi không đặng chỉ gặp mộtTiên nhơn chứng ngũ thông, Tiên Vương giận nói bị người này nên hôm nay ta đi săn không gặp muôn thú. Tiên Vương đuổi đi rồi sai quan hầu theo giết. Lúc sắp chết Tiên Nhơn sanh lòng oán giận, mất thần thông, thệ rằng : Ta thật vô tội, ngươi dùng tâm khẩu giết hại ta, đời sau ta cũng dùng tâm khẩu mà hại người.

Tiên Vương nghe lời ấy trong lòng ăn năn, bèn cúng dường chôn cất tử thi.

Ngày trước Tiên Vương như vậy còn được thọ báo nhẹ chẳng đọa địa ngục, huống là Đại Vương chẳng như vậy, Tiên Vương tự làm ra trở lại tự thọ lấy, sao nhà vua lại mắc phải tội giết hại.

Như nhà vua nói : Vua cha không tội. Này Đại Vương sao lại nói rằng không tội ? Luận về người không nghiệp ác thời không tội báo, người có tội thời có tội báo. Tiên Vương kia nếu vô tội thời đâu có thọ báo. Tiên Vương Tần Bà Ta La trong hiện đời cũng đặng quả lành cùng quả ác. Do đây nên Tiên Vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định nên giết hại cũng chẳng nhất định. Giết hại đã chẳng nhất định sao nhà vua lại nói rằng quyết định đọa địa ngục.

Này Đại Vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng : Một là tham vọng mà điên cuồng, hai là bị thuốc mà điên cuồng, ba là bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn chứng điên cuồng này, dầu tạo nhiều tội ác, ta trọn chẳng nhận người này là phạm giới. Người này tạo tội chẳng đọa ba đường ác. Lúc tâm tỉnh trở lại ta cũng chẳng gọi là phạm.

Đại Vương vì tham ngôi quốc vương mà nghịch hại vua cha, do tham cuồng gây tạo sao lại gọi mắc tội. Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc đã tỉnh say sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ này cũng chẳng tội báo.

Đại Vương nay tham say nơi ngôi vua, chẳng phải bổn tâm làm tội nghịch đó, sao lại bảo là mắc tội.

Ví như nhà ảo thuật, nơi ngã tư đường, dùng chú thuật hóa ra những thứ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục. Người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật.

Cũng vậy, sự giết hại, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như có kẻ oán thù giả đến gần gũi, người ngu si nhận là thật thân thuộc, người trí rõ biết là giả trá. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như người soi gương tự thấy bóng mặt, người ngu cho là mặt thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như ánh nắng gợn lúc trời nắng gắt, người ngu đứng xa thấy cho là nước, người trí rõ biết chẳng phải nước. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như thành Càn Thát Bà, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Sát hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như người ngủ mơ, thấy hưởng vui ngũ dục, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Này Đại Vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, người giết, quả giết, nhẫn đến giải thoát, ta đều rõ thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại Vương dầu biết giết hại, nhưng sao lại có tội ?

Ví như có người cai quản hãng rượu người này nếu không uống thời cũng chẳng say. Lại như người biết lửa cũng chẳng bị đốt cháy. Đại Vương cũng như vậy, dầu biết giết hại nhưng sao lại có tội ?

Này Đại Vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời, mặt trăng chẳng mọc thời chẳng làm việc ác, dầu nhân mặt trời mặt trăng khiến người đó làm ác, nhưng mặt trời mặt trăng thật không mắc tội. Sát hại cũng như vậy, dầu nhân nơi Đại Vương nhưng Đại Vương thật không mắc tội.

Như trong cung, vua thường xuyên truyền lệnh làm thịt dê, lòng vua vốn không nghi sợ, tại sao ở nơi vua cha riêng sanh lòng sợ, dầu là người cùng cầm súc có tôn ty sai khác, nhưng quí sanh mạng cũng sợ chết không khác nhau. Cớ sao đối với loài dê lòng khinh không sợ, còn nói vua cha lòng trọng lo khổ.

Người đời là tôi tớ của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thời là tội của tham ái, Đại Vương bị sai sử thời có tội gì.

Như Niết Bàn chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, dầu chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Người tàm quý thời là chẳng phải có, người không tàm quý thời là chẳng phải không, người thọ quả báo thời gọi là có. Người chấp không thời là chẳng phải có, người chấp có thời là chẳng phải không, người có chấp có cũng gọi là có. Vì người có chấp có thời mắc quả báo, người không chấp có thời không mắc quả báo. Người chấp thường thời là chẳng phải có, người không chấp thường thời là chẳng phải không, người có thường kiến thời chẳng đặng gọi là không, vì người có thường kiến thời có nghiệp quả ác. Nên nghĩa này dầu chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có.

Này Đại Vương ! Xét về chúng sanh gọi là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế tục cho nên cũng nói là giết hại !.

Này Đại Vương ! Sắc uẩn là vô thường, nhơn duyên của sắc cũng là vô thường, đã từ nhơn vô thường mà sanh thời sắc uẩn sao lại là thường, nhẫn đến thức ấm cũng như vậy. Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu khổ

thường, khổ, không, vô ngã thời món nào giết hại ? Giết hại vô thường đặng Niết Bàn thường, giết hại khổ đặng lạc, giết hại không đặng chân thật, giết hại vô ngã đặng chân ngã.

Này Đại Vương ! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thời cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã chẳng bị đọa vào địa ngục, Đại Vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó vua A Xà Thế đúng theo lời Phật dạy quán sát sắc ấm nhẫn đến quán sát thức ấm. Vua quán sát như vậy rồi liền bạch Phật : "Thế Tôn ! Nay tôi mới biết sắc là vô thường nhẫn đến thức là vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thời chẳng gây tạo tội nghịch.

Bạch Thế Tôn ! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Dầu nghe như vậy nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới tin quyết định.

Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng từng nghe núi Tu Di do bốn chất báu hiệp thành là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng với màu núi, dầu nghe như vậy tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc, nghĩa là tôi rõ biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hột Y lan mọc lên cây Y lan chẳng thấy hột Y lan mọc lên cây Chiên

đàn. Nay tôi mới được thấy từ hột Y lan mọc lên cây Chiên đàn. Hột Y lan chính là thân tôi, cây Chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như Lai, chẳng tin chánh pháp cùng Tăng chúng, đây gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp đức Như Lai sẽ phải thọ vô lượng khổ nơi đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp. Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức, phá hoại tất cả tâm ác phiền não của chúng sanh".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Đại Vương ! Nay Phật biết nhà vua chắc chắn có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh".

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi thật có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh, thời tôi thường ở A Tỳ địa ngục trong vô lượng kiếp vì chúng sanh chịu mọi sự khổ não tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc đó vô lượng nhân dân nước Ma Dà Đà đều phát tâm Vô thượng Bồ Đề. Nhờ sự phát tâm của nhân dân, tội nặng của vua A Xà Thế liền nhẹ bớt.

Nhà vua cùng phu nhân các thể nữ đồng phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Vua A Xà Thế bảo Kỳ Bà rằng : "Nay ta chưa chết đã đặng thân trời, bỏ mạng ngắn đặng mạng trường thọ, bỏ thân vô thường đặng thân chân thường. Làm cho các chúng sanh phát tâm Vô thượng

Bồ Đề chính là thân trời, mạng trường thọ, thân chân thường, cũng chính là đệ tử của tất cả chư Phật".

Nói xong, nhà vua bèn đem các thứ tràng báu, phan lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc cúng dường đức Phật.

Cúng dường xong nhà vua lại nói kệ tán thán :

Lời chân thật rất vi diệu
Khéo léo nơi câu cùng nghĩa
Tạng pháp rất sâu bí mật
Vì chúng sanh nên hiển bày.
Bao nhiêu lời dạy rộng rãi
Vì chúng sanh nên nói lược
Đầy đủ những lời như vậy
Khéo chữa được bịnh chúng sanh.
Nếu có các hàng chúng sanh
Đặng nghe lời dạy của Phật
Có lòng tin hoặc chẳng tin
Quyết định biết là lời Phật.
Lời chư Phật thường dịu dàng
Vì chúng sanh nên nói thô
Lời thô cùng lời dịu dàng
Đều về đến đệ nhất nghĩa.
Do cớ này nên hôm nay
Tôi quy y đức Thế Tôn.

Như lời bình đẳng nhất vị
Dường như nước trong biển cả
Đây gọi là đệ nhất nghĩa
Nên không có lời vô nghĩa.
Hôm nay đức Như Lai nói
Vô lượng vô số pháp yếu
Nam nữ già trẻ được nghe
Đồng thấy đặng đệ nhất nghĩa.
Không có nhân cũng không quả
Không có sanh và không diệt
Đây gọi là Đại Niết Bàn
Người nghe phá kiết sử.
Đức Như Lai vì tất cả
Thường làm cha cùng mẹ lành
Nên biết các hàng chúng sanh
Đều là con của Như Lai
Đức Thế Tôn đại từ bi
Vì chúng sanh nên khổ hạnh
Như người bị ma quỷ dựa
Cuồng loạn tạo nhiều tội ác.
Nay tôi đặng thấy Như Lai.
Ba nghiệp đều được lành tốt
Nguyện đem những công đức này
Hồi hướng Phật đạo vô thượng.

Hôm nay chỗ tôi cúng dường
Đức Phật, Pháp và chúng Tăng
Nguyện đem những công đức này
Tam Bảo thường ở thế gian.
Ngày nay chỗ tôi sẽ đặng
Tất cả vô lượng công đức
Nguyện dùng đây để phá hoại
Bốn thứ ma của chúng sanh
Ngày trước tôi gặp bạn ác
Gây tạo tội nghiệp ba đời
Nay đối trước Phật sám hối
Nguyện sau này chẳng lại phạm.
Cầu cho tất cả chúng sanh
Đều phát tâm Đại Bồ Đề
Chuyên tâm thường siêng nghĩ nhớ
Tất cả chư Phật mười phương.
Lại nguyện tất cả chúng sanh
Phá hẳn những giặc phiền não
Được thấy Phật tánh rõ ràng
Như Ngài Văn Thù Bồ Tát.

Đức Thế Tôn khen vua A Xà Thế ! "Lành thay ! Lành thay ! Nếu có người phát được tâm Vô thượng Bồ Đề, phải biết người này trang nghiêm chư Phật cùng đại chúng.

Này Đại Vương ! Thuở xưa nhà vua ở nước Tỳ Bà Thi đã phát tâm Vô thượng Bồ Đề, từ đó đến ngày nay chưa từng bị đọa địa ngục, nên biết tâm Bồ Đề có vô lượng quả báo lành như thế.

Này Đại Vương ! Từ nay về sau nhà vua phải thường siêng tu tâm Bồ Đề, vì tu tâm Bồ Đề sẽ tiêu diệt được vô lượng tội ác".

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Dà Đà đi nhiễu Phật ba vòng, lễ từ trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.

XXI

PHẨM ANH NHI HẠNH

Thứ hai mươi mốt

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Thế nào gọi là Anh Nhi Hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Chẳng có thể đứng dậy, đi tới, đi lui, nói chuyện, đây gọi là Anh Nhi. Cũng vậy, đức Như Lai chẳng thể khởi dậy, vì Như Lai trọn chẳng khởi các pháp tướng. Cũng chẳng thể đứng dừng, vì Như Lai chẳng chấp trước tất cả pháp. Chẳng thể đến vì thân hình của Như Lai không có lay động. Cũng chẳng thể đi vì Như Lai đã đến Đại Niết Bàn. Chẳng thể nói, vì Như Lai dầu nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra không chỗ nói. Bởi có chỗ nói thời gọi là pháp hữu vi, do đây nên không chỗ nói. Lại không ngôn ngữ, như Anh Nhi ngôn ngữ chưa rõ, dầu có ngôn ngữ thật ra không ngôn ngữ. Cũng vậy, ngôn ngữ chưa

rõ chính là lời bí mật của chư Phật, dầu có nói, chúng sanh cũng chẳng hiểu nên gọi là không ngôn ngữ. Lại như Anh Nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhất, vì chưa biết rõ tên chánh, dầu gọi tên đồ vật chẳng duy nhất chưa biết rõ tên chánh, nhưng chẳng phải chẳng nhân nơi đây mà đặng biết đồ vật. Cũng vậy, tất cả chúng sanh, giống loại, nơi chỗ, ngôn ngữ chẳng đồng. Như Lai phương tiện thuận theo tiếng của họ mà nói, cũng làm cho tất cả loài, nhân nơi đó đặng hiểu biết.

Lại Anh Nhi có thể nói được chữ cái. Cũng vậy, đức Như Lai nói chữ cái, như nói "Bà" "Hòa". "Hòa là hữu vi, "Bà" là vô vi, đây gọi là Anh Nhi. "Hòa" là vô thượng, "Bà" là thường. Như Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi vì cầu pháp thường mà dứt vô thường, đây gọi là Anh Nhi hạnh. Lại Anh Nhi chẳng biết khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ. Cũng vậy, đại Bồ Tát vì chúng sanh nên chẳng biết khổ vui, không tướng ngày đêm, tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên không có cha mẹ thân sơ sai khác.

Lại Anh Nhi chẳng thể tạo tác những việc lớn việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ Tát chẳng tạo nghiệp sanh tử, đây gọi là chẳng làm việc lớn, việc lớn tức là tội ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Thanh Văn, Duyên Giác. Bồ Tát trọn chẳng thối tâm tâm Bồ Đề mà tu hạnh Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại như Anh Nhi lúc kêu khóc, cha mẹ liền lấy lá dương vàng mà bảo rằng : Nín đi đừng khóc ! Vàng đây ta cho con. Anh Nhi thấy lá dương vàng tưởng là vàng thật bèn thôi không khóc nữa. Nhưng đây là lá dương chẳng phải vàng thật. Trâu gỗ, ngựa gỗ, người gỗ, Anh Nhi cũng tưởng là trâu, ngựa, người thật, liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải thật trâu ngựa v.v.. mà tưởng là thật trâu, ngựa v.v... nên gọi là Anh Nhi.

Đức Như Lai cũng như vậy. Nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác, đức Như Lai vì họ mà nói trời Đao Lợi Thiên là cõi tốt đẹp an vui tự tại. Chúng sanh nghe cõi vui đẹp như vậy, sanh lòng ưa thích bèn thôi chẳng tạo tội ác, mà siêng thật hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đao Lợi là sanh tử chẳng phải thật là an vui tự tại.

Lại như có chúng sanh nhàm khổ sanh tử, đức Như Lai vì họ nói hạnh quả Nhị thừa, nhưng thật ra quả Nhị thừa chẳng phải rốt ráo chân thật, vì hàng Nhị thừa biết lỗi sanh tử, thấy vui Niết Bàn bèn có thể tự biết có dứt cùng chẳng dứt, có chân thật cùng chẳng chân thật, có tu cùng chẳng tu, có chứng đặng cùng chẳng chứng đặng. Như Anh Nhi kia đối với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Đức Như Lai ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh, vì đã chứng được đệ nhất nghĩa đế nên Như Lai không có hư vọng.

Như Anh kia đối với những vật không phải trâu ngựa mà tưởng là trâu ngựa thật. Nếu có chúng sanh ở nơi phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, nơi phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít nhơn duyên sanh ra đạo nên nói phi đạo là đạo.

Như Anh Nhi kia đối với người gỗ mà tưởng là người thật. Cũng vậy, Như Lai biết chẳng phải chúng sanh mà nói tướng chúng sanh, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như Lai nói không chúng sanh thời tất cả chúng sanh sẽ đọa tà kiến. Do đây nên Như Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, thời không thể phá tướng chúng sanh. Nếu ở nơi, chúng sanh phá được tướng chúng sanh, người này có thể đặng Đại Niết Bàn. Do đặng Đại Niết Bàn như vậy nên chẳng còn kêu khóc nữa. Đây gọi là Anh Nhi hạnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì, đọc tụng, thơ tả, giải thuyết năm hạnh này, nên biết rằng người này quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Theo như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời của Phật dạy, thời tôi cũng quyết định sẽ đặng năm hạnh này".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông đặng năm hạnh như vậy, nay trong hội này có chín mươi ba muôn người cũng đồng được năm hạnh như ông".

Hết Tập I



BỔ KHUYẾT TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc ; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng : bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức ; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý ; vô sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp ; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới ; vô vô minh diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo ; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Cố tri Bát nhã Ba la mật, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú. Tức thuyết chú viết :

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha".



VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa diệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đa, tất đam bà tỳ, a di rị đa, tỳ ca lan đế, a di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị già già na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. *(3 lạy).*

Khể thủ Tây phương An Lạc quốc
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư.
Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ.

Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu, cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật, nhứt thừa Vô thượng Bồ Đề đạo cố, chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật, vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh Độ. Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật, ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

A Di Đà Phật thân kim sắc
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Hám mục trừng thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

Nam mô Tây phương Cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.

(niệm 10, 20, 30 câu tùy ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát *(10 tiếng)*

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát *(10 tiếng)*

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát *(10 tiếng)*

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát *(10 tiếng)*

❀

HỒI HƯỚNG

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu tội chướng thâm trọng luân hồi lục đạo, khể bất khả ngôn ; kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh hiệu, bổn nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm cầu

nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ, đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm, Thế Chí, chư Bồ Tát chúng bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng, linh ngã liễu liễu đắc kiến A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà
Tức phát Bồ Đề quảng đại nguyện :
Nguyện ngã định huệ tốc viên minh
Nguyện ngã công đức giai thành tựu
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm
Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo,
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.
Giai do vô thỉ tham sân si
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhứt thiết chư chướng ngại
Diện kiến ngã Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát
Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ
Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện

Nhứt thiết viên mãn tận vô dư
Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh
Ngã thời ư thắng Liên hoa sanh
Thân Như Lai Vô lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký.
Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bá cu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhứt thiết chúng sanh giới.
Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô lượng thệ nguyện thành.
Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ.
Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ

Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhứt báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc,
Tận thử nhứt báo thân
Đồng sanh An Dưỡng quốc.

❀

NGUYỆN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, dữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành chủng trí.

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

Nguyện ngã Tội chướng tất tiêu diệt. *(1 lạy)*
Nguyện ngã Thiện căn nhựt tăng trưởng. *(1 lạy)*
Nguyện ngã Thân tâm hàm thanh tịnh. *(1 lạy)*
Nguyện ngã Nhứt tâm tảo thành tựu. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Tam muội đắc hiện tiền. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Tịnh nhơn tốc viên mãn. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Liên đài tự tiêu danh. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Kiến Phật ma đảnh ký. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Dự tri mạng chung thời. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Vãng sanh Cực Lạc quốc. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Viên mãn Bồ Tát đạo. *(1 lạy)*

Nguyện ngã Quảng độ chư chúng sanh. *(1 lạy)*

Chí tâm qui mạng đảnh lễ: Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô lượng vô biên, từ thệ hoằng thâm, tứ thập bát nguyện độ hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Như Lai biến pháp giới Tam bảo *(1 lạy)*

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. *(1 lạy)*

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. *(1 lạy)*

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. *(1 lạy)*

MỤC LỤC

* NGHI THỨC SÁM HỐI 7

* NGHI THỨC TRÌ TỤNG 15

1. Phẩm TỰ thứ nhứt 17

(Hán bộ trọn quyển thứ nhứt)

2. Phẩm THUẦN ĐÀ thứ hai 41

(Hán bộ phần đầu quyển thứ hai)

3. Phẩm AI THÁN thứ ba 65

(Hán bộ phần sau quyển thứ hai)

4. Phẩm TRƯỜNG THỌ thứ tư 83

(Hán bộ phần đầu quyển thứ ba)

5. Phẩm KIM CANG THÂN thứ năm 105

(Hán bộ phần giữa quyển thứ ba)

6. Phẩm DANH TỰ CÔNG ĐỨC thứ sáu 117

(Hán bộ phần sau quyển thứ ba)

7. Phẩm TỨ TƯỚNG thứ bảy 121

(Hán bộ trọn quyển thứ tư và thứ năm)

8. Phẩm TỨ Y thứ tám 185

(Hán bộ trọn quyển thứ sáu)

9. Phẩm TÀ CHÁNH thứ chín 215

(Hán bộ phần đầu quyển thứ bảy)

10. Phẩm TỨ ĐẾ thứ mười 231

(Hán bộ phần giữa quyển thứ bảy)

11. Phẩm TỨ ĐẢO thứ mười một 235
(Hán bộ phần sau quyển thứ bảy)
12. Phẩm NHƯ LAI TÁNH thứ mười hai 239
(Hán bộ phần đầu quyển thứ tám)
13. Phẩm VĂN TỰ thứ mười ba 273
(Hán bộ phần giữa quyển thứ tám)
14. Phẩm ĐIỂU DỤ thứ mười bốn 283
(Hán bộ phần sau quyển thứ tám)
15. Phẩm NGUYỆT DỤ thứ mười lăm 295
(Hán bộ phần đầu quyển thứ chín)
16. Phẩm BỒ TÁT thứ mười sáu 305
(Hán bộ phần sau quyển thứ chín)
17. Phẩm ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN thứ mười bảy 339
(Hán bộ phần đầu quyển thứ mười)
18. Phẩm HIỆN BỊNH thứ mười tám 369
(Hán bộ phần sau quyển thứ mười)
19. Phẩm THÁNH HẠNH thứ mười chín 389
(Hán bộ trọn quyển 11 - 12 - 13)
20. Phẩm PHẠM HẠNH thứ hai mươi 489
(Hán bộ trọn quyển 14 - 15 - 16 - 17 và phần đầu quyển thứ 18)
21. Phẩm ANH NHI HẠNH thứ hai mươi mốt 671
(Hán bộ phần sau quyển thứ 18)



NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

(Tái bản lần thứ hai)

TẬP 1

Dịch giả : **HT. THÍCH TRÍ TỊNH**

Chịu trách nhiệm xuất bản : **NGUYỄN THANH XUÂN**
Biên tập : **ĐỖ THỊ QUỲNH**
Sửa bản in – Trình bày : **CHÚC THANH–CHÚC TỊNH**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4 – Lô 11 Trần Duy Hưng – Hà Nội
ĐT : 04. 5566701 – FAX : 04. 5566702

In đợt 2: 1.000 quyển, khổ 15,5 x 23 cm.
Tại Xí nghiệp in Người Lao Động, 131 Cống Quỳnh, Q.1 - TP.HCM
ĐT: 8373083 - 8374604.
Số xuất bản: 74-131/XB-QLXB ngày 03/02/2005.
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2005.

佛說大般涅槃經